AgriS

KIẾN TẠO THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI NÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĐTC 2025-2026

Các thuật ngữ viết tắt

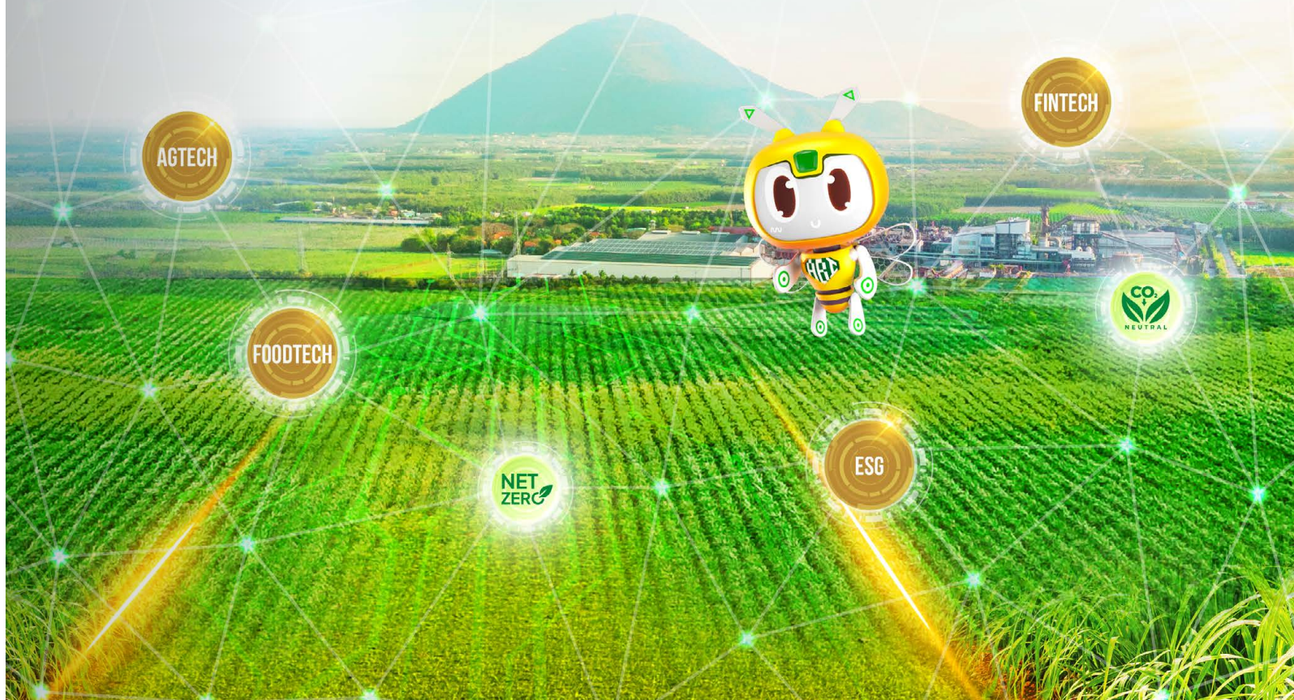
ASEAN	:	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	:	Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN
Agtech	:	Công nghệ nông nghiệp
AgriC	:	Trung tâm Kinh doanh Nông nghiệp Agriculture Center
B2B	:	Khách hàng Doanh nghiệp
B2C	:	Khách hàng Tiêu dùng
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCTN	:	Báo cáo thường niên
CAGR	:	Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
CCS	:	Chữ Đường
CTCP	:	Công ty cổ phần
CSR	:	Corporate Social Responsibility - Trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp
CSV	:	Creating Shared Value - Tạo ra các giá trị chia sẻ
ComC	:	Trung tâm Thương mại tích hợp Commercial Center
DK	:	Dự kiến
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng Cổ đông
Đường RE	:	Đường Tinh luyện
Đường RS	:	Đường Kính trắng
ĐVT	:	Đơn vị tính
EBIT	:	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
EBITDA	:	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao
ESOP	:	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động
F&B	:	Thực phẩm và đồ uống
Foodtech	:	Công nghệ thực phẩm
Fintech	:	Công nghệ tài chính
GRI	:	Sáng kiến báo cáo toàn cầu
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
HORECA	:	Kênh bán hàng thông qua Khách sạn - Nhà Hàng - Đơn vị kinh doanh dịch vụ ăn uống
HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
IFC	:	Công ty Tài chính Quốc tế
KSNB	:	Kiểm soát nội bộ
KTNB	:	Kiểm toán nội bộ
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT		Lợi nhuận trước thuế
LYKCĐ	:	Lấy ý kiến Cổ đông
M&A	:	Sáp nhập và Mua lại
NĐ	:	Niên độ
P/E	:	Hệ số giá trên Lợi nhuận của cổ phiếu
PTBV	:	Phát triển bền vững
ProC	:	Trung tâm Sản xuất Production Center
QCƯX	:	Quy chế ứng xử
QLRR/ QTRR	:	Quản lý rủi ro/ Quản trị rủi ro
QTCT	:	Quản trị Công ty
R&D	:	Nghiên cứu và Phát triển
UBKT	:	Ủy ban Kiểm toán
TGĐ	:	Tổng Giám đốc
TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
AgriS/ Công ty/ SBT	:	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
UBCK	:	Ủy ban Chứng khoán
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
VĐL	:	Vốn điều lệ
VNL	:	Vùng nguyên liệu

KIẾN TẠO THỊ TRƯỜNG, ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI NÔNG NGHIỆP

Niên độ 2025–2026 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hành trình chiến lược đến 2030-2031 của AgriS, khi các định hướng dài hạn bắt đầu chuyển hóa thành kết quả cụ thể và có thể đo lường. Vượt qua vai trò xây dựng nền tảng (Ecosystem Builder), AgriS chính thức bước vào giai đoạn tối ưu hóa hiệu năng và nâng tầm vị thế trở thành đơn vị kiến tạo thị trường (Market Creator).

Trong niên độ 2025–2026, AgriS đã đạt được những thành quả nền tảng bước đầu trong quá trình mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới ngoài ngành đường như chuỗi giá trị lúa gạo, chuối, dịch vụ nông nghiệp (6S) và các dòng sản phẩm F&B giá trị gia tăng cao. Những kết quả này mở đầu cho một chu kỳ kiến tạo giá trị mới, nơi AgriS không chỉ tham gia vào chuỗi giá trị nông nghiệp mà còn góp phần định hình tương lai của nền kinh tế nông nghiệp Việt Nam theo hướng hiện đại, bền vững và dẫn dắt thị trường.

Đây cũng là năm AgriS hoàn thiện các nền tảng cốt lõi cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo thông qua việc kiện toàn bộ máy quản trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, đầu tư mạnh mẽ vào khoa học công nghệ, dữ liệu, cũng như củng cố các trụ cột vận hành theo chuẩn mực quốc tế. Những nền tảng được xây dựng trong giai đoạn này sẽ tạo động lực để AgriS tăng tốc thực thi chiến lược, mở rộng quy mô hoạt động và hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng dài hạn.





NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2025-2026

02 Các thuật ngữ viết tắt
04 Mục lục
06 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
07 Cam kết về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026

01 AGRIS - DẤU ẤN NIÊN ĐỘ

10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
14 Chia sẻ của Tổng Giám đốc
16 Những con số nổi bật niên độ 2025-2026
18 Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026
40 Giải thưởng nổi bật niên độ 2025-2026
48 Điểm nhấn tài chính 2021-2022 đến 2025-2026

02 TỔNG QUAN VỀ AGRIS

54 Hồ sơ doanh nghiệp
56 Quá trình hình thành và phát triển
60 Hệ thống và mạng lưới của AgriS
68 Công ty con - công ty liên kết
70 Chuỗi giá trị cây trồng Mía, Dừa, Gạo
76 Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS
102 Hệ thống kênh phân phối

03 QUẢN TRỊ CÔNG TY

106 Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế
114 Giới thiệu Hội đồng quản trị
120 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
136 Định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị
139 Báo cáo của Các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
- Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
- Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
- Báo cáo của các Uỷ ban khác trực thuộc Hội đồng Quản trị

160 Bộ Quy chế ứng xử
162 Quản trị rủi ro
170 Tuân thủ pháp luật
176 Quan hệ Nhà đầu tư
182 Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty

04 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

222 Triển vọng ngành Đường
230 Triển vọng thị trường Thực phẩm và Đồ uống (F&B)
234 Tận dụng lợi thế cạnh tranh, bứt phá trên phạm vi toàn cầu
240 Giới thiệu Ban điều hành
248 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động trong năm
258 Thông tin cổ phiếu
266 Hoạt động huy động vốn
270 Hoạt động đầu tư
272 Hoạt động số hoá, công nghệ thông tin
276 Hoạt động nghiên cứu và phát triển
280 Quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng
284 Hạ tầng tài chính kết nối hệ sinh thái AgriS (Supply chain financing)
286 Đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm
292 Nhân sự và đào tạo
300 Chia sẻ của Nhân viên

05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Thông điệp Chủ tịch HĐQT về phát triển bền vững
- Dấu ấn phát triển bền vững niên độ 2025-2026
- 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

304 Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 25/26 (VAS)
378 Báo cáo tài chính kiểm toán riêng 25/26 (VAS)

384 Thông tin liên hệ

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



TẦM NHÌN

Trở thành Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp công nghệ cao, tham gia vào chuỗi giá trị thực phẩm và đồ uống toàn cầu.

SỨ MỆNH

Kiến tạo nền Nông nghiệp hiện đại, bền vững và mang lại nguồn năng lượng - dinh dưỡng nguồn gốc tự nhiên.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- HIỆU QUẢ
- TIÊN PHONG
- SÁNG TẠO
- TINH THẦN LÀM CHỦ
- CHÍNH TRỰC



Cam kết tính trung thực và hợp lý của Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026

Dựa trên nguyên tắc độc lập, khách quan, minh bạch và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, Phòng Kiểm toán nội bộ AgriS cam kết rằng: Các thông tin trong Báo cáo thường niên (BCTN) niên độ 2025-2026 của AgriS đã tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố thông tin hiện hành, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tiên tiến như:

- Báo cáo Tích hợp theo chuẩn mực quốc tế IIRC (International Integrated Reporting Council);
- Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN Scorecard 2024;
- Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD 2023;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC cùng các thông lệ quản trị tốt và thông lệ quốc tế phù hợp được áp dụng trên thị trường.

Điều này khẳng định định hướng xuyên suốt và tầm nhìn phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế mà AgriS kiên trì theo đuổi trong những năm qua.

Trên các khía cạnh trọng yếu, BCTN của Công ty đã được trình bày trung thực và hợp lý, cung cấp đầy đủ tình hình quản trị, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, và tình hình tài chính đầu tư trong niên độ 2025-2026. Các thông tin, dữ liệu tài chính và phi tài chính trong BCTN niên độ 2025-2026 của Công ty nhất quán với Báo cáo tài chính cùng kỳ, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo thường niên của AgriS được xây dựng trên tinh thần công khai, minh bạch và đa chiều, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin của Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan trong chuỗi giá trị của AgriS.

Phòng kiểm toán nội bộ
Trưởng phòng

HUỲNH THÀNH NHÂN

01 AGRIS - DẤU ẤN NIÊN ĐỘ

10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
14 Chia sẻ của Tổng Giám đốc
16 Những con số nổi bật niên độ 2025-2026
18 Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026
40 Giải thưởng nổi bật niên độ 2025-2026
48 Điểm nhấn tài chính 2021-2022 đến 2025-2026



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Kỷ luật tạo giá trị

Bà Đặng Huỳnh Ức My
Chủ tịch Hội đồng Quản trị AgriS

"Chúng tôi hướng tới một hệ sinh thái có thể tạo thêm giá trị cho nông sản Việt, nâng cao hiệu quả cho người nông dân, mở cơ hội cho Đối tác và mang lại thành quả xứng đáng cho Cổ đông."

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Đối tác,

Sau năm năm chuyển đổi, AgriS bước vào giai đoạn 2026–2031 với nền tảng rõ hơn và trách nhiệm lớn hơn. Câu hỏi tôi đặt ra cho chặng đường này là: **AgriS sẽ tạo ra giá trị mới ở đâu, bằng năng lực nào, và giá trị ấy sẽ được chuyển thành lợi ích cho Cổ đông như thế nào?**

Đây là câu hỏi dẫn dắt các lựa chọn chiến lược và quyết định phân bổ vốn của chúng tôi.

Niên độ 2025–2026, AgriS ghi nhận doanh thu 26.733 tỷ đồng, hoàn thành hơn 101% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Tổng tài sản đạt gần 37.799 tỷ đồng, tăng 16%; vốn hóa SBT đạt 19.261 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Trong năm năm, doanh thu tăng 46% và tổng tài sản tăng 36%.

Những kết quả này tạo nền tảng cho bước phát triển tiếp theo. Yêu cầu đặt ra là nâng cao chất lượng tăng trưởng: tăng khả năng sinh lời trên nguồn lực đã đầu tư, củng cố dòng tiền và xây dựng những năng lực có thể tiếp tục tạo giá trị qua nhiều chu kỳ.

GIÁ TRỊ MỚI ĐẾN TỪ CHIỀU SÂU CỦA CHUỖI GIÁ TRỊ

Tôi nhìn thấy dư địa lớn của nông nghiệp Việt Nam ở khả năng tạo ra nhiều giá trị hơn từ mỗi nguồn nguyên liệu.

Giá trị ấy hình thành khi nông học nâng cao hiệu quả canh tác; công nghệ mở rộng khả năng chế biến; nghiên cứu tạo ra sản phẩm và công thức mới; thương hiệu cùng mạng lưới thương mại đưa sản phẩm đến đúng thị trường. Khi các năng lực này được kết nối, doanh nghiệp có thể tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và chủ động hơn trong việc giữ lại thành quả kinh tế.

Đây là hướng phát triển mà AgriS đã kiên trì xây dựng. Từ nền tảng ngành đường, chúng tôi mở rộng sang dừa, gạo, chuối, dứa và thực phẩm – đồ uống, dựa trên những năng lực có thể dùng chung và bổ trợ cho nhau.

- Đơn vị thành viên chiến lược Betrimex thể hiện rõ tiềm năng của hướng đi này. Năm 2025, doanh thu thuần mảng dừa đạt 4.902 tỷ đồng, tăng trưởng gần gấp đôi cùng kỳ; kim ngạch xuất khẩu đạt 160 triệu USD. Sản phẩm dừa hiện diện tại 80 quốc gia, với hơn 120 đối tác chiến lược toàn cầu. Trên nền tảng đó, mục tiêu doanh thu 1 tỷ USD vào năm 2030 đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao năng lực phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường và lựa chọn các cơ hội hợp tác, M&A phù hợp.
- Ở ngành hàng cây ăn quả, toàn bộ nông trường chuối đạt tiêu chuẩn Dole và chứng nhận Global G.A.P. Hợp tác với Dole Asia mở ra định hướng phát triển 2.500 ha chuối và 1.000 ha dứa trong giai đoạn 2027–2031. Nguyên tắc của chúng tôi là gắn phát triển vùng nguyên liệu với tiêu chuẩn thị trường, đầu ra và hiệu quả kinh tế dài hạn.

Việc mở rộng hợp tác với University of Technology Sydney (UTS), Farmacist và thành lập AgriS Global Innovation Center tại Singapore tiếp tục bổ sung năng lực kết nối nghiên cứu, công nghệ, nguồn vốn và thị trường. Giá trị của những kết nối này sẽ được thể hiện qua các ứng dụng thương mại và hiệu quả tạo ra cho toàn hệ sinh thái.

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (tiếp theo)





> **Những triết lý đúc kết từ thực tiễn giữ nguyên giá trị và trở thành nguyên lý dẫn dắt cho mọi hành động của AgriS**

THE SHAPE OF GROWTH - ĐỊNH HÌNH MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG TIẾP THEO

The Shape of Growth thể hiện cách AgriS tổ chức các năng lực để tạo ra nguồn thu và lợi thế cạnh tranh cho giai đoạn mới.

Chúng tôi tập trung vào ba chuyển dịch: từ tài nguyên sang giá trị; từ sản xuất sang cung cấp giải pháp; từ năng lực nội địa sang năng lực cạnh tranh quốc tế.



ComC (Trung tâm thương mại) kết nối năng lực của hệ sinh thái với thị trường, phát triển sản phẩm, thương hiệu và kênh phân phối; tiến gần hơn đến người tiêu dùng và mở rộng thương mại quốc tế.

AgriC (Trung tâm nông nghiệp) phát triển năng lực nông học, công nghệ và vùng nguyên liệu; từng bước thương mại hóa các giải pháp giúp nông dân nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả canh tác tại Việt Nam, Lào và Campuchia.

ProC (Trung tâm sản xuất) cùng R&D nâng chiều sâu chế biến, phát triển sản phẩm sinh học, công thức và giải pháp có giá trị gia tăng cao cho nhiều ngành công nghiệp; đồng thời cải thiện hiệu quả sử dụng nguyên liệu và phát triển các giải pháp giảm phát thải.

Ở chức năng Holding, **AgriS chịu trách nhiệm kết nối chiến lược, phân bổ vốn và kiểm soát hiệu quả của toàn hệ sinh thái**. Đối tác đầu tư được lựa chọn trên cơ sở năng lực bổ sung: vốn, công nghệ, quản trị và khả năng mở thị trường.

Hệ thống quản trị và dữ liệu xuyên suốt là nền tảng để mô hình này vận hành hiệu quả. Khi thông tin được kết nối, chúng tôi có thể đưa ra quyết định tốt hơn về nguồn cung, sản xuất, tồn kho, thương mại và sử dụng vốn. Đây cũng là cơ sở để từng bước phát triển nguồn thu từ các nền tảng giải pháp công nghệ, bao gồm SaaS/AgriOS.

KỶ LUẬT TẠO GIÁ TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Một chiến lược có giá trị khi doanh nghiệp có đủ năng lực thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả.

Hội đồng Quản trị tập trung vào chất lượng lựa chọn chiến lược, phân bổ vốn và giám sát. Ban Điều hành chịu trách nhiệm chuyển các lựa chọn đó thành kế hoạch có ưu tiên, người phụ trách, tiến độ và tiêu chí đánh giá cụ thể.

Chúng tôi sẽ đánh giá tăng trưởng qua chất lượng lợi nhuận, dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn và sức cạnh tranh. Mỗi khoản đầu tư cần có cơ sở kinh tế rõ ràng; mỗi bước mở rộng cần củng cố năng lực của doanh nghiệp và tạo lợi ích dài hạn cho cổ đông.

ESG được tích hợp vào quá trình này, từ truy xuất nguồn gốc, sử dụng tài nguyên đến phát triển con người và minh bạch quản trị. Đó là những điều kiện để AgriS đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao chất lượng chuỗi cung ứng và tiếp cận nguồn vốn dài hạn.

Mục tiêu vốn hóa theo tỷ USD đến niên độ 2030–2031 là một cột mốc chúng tôi hướng tới. Nền tảng để đạt được cột mốc ấy là năng lực tạo lợi nhuận và dòng tiền bền vững, cùng sự minh bạch giúp nhà đầu tư nhìn rõ giá trị của AgriS.

FROM FIELD TO FUTURE - TỪ CÁNH ĐỒNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Tròn một năm kể từ ngày ra mắt cuốn sách "Right to Win – Cửa thắng của nông nghiệp Việt", tôi tiếp tục giữ một niềm tin:

"Muốn có vị thế trên thị trường thế giới, doanh nghiệp phải tự xây dựng năng lực xứng đáng với vị thế mình hướng tới."

Với AgriS, hành trình From Field to Future bắt đầu từ những quyết định cụ thể hôm nay: đầu tư vào năng lực nào, hợp tác với ai, tổ chức nguồn lực ra sao và thực thi đến cùng như thế nào.

Chúng tôi hướng tới một hệ sinh thái có thể tạo thêm giá trị cho nông sản Việt, nâng cao hiệu quả cho người nông dân, mở cơ hội cho Đối tác và mang lại thành quả xứng đáng cho Cổ đông.

Tôi trân trọng niềm tin và sự đồng hành của Quý vị. Trách nhiệm của chúng tôi là chuyển niềm tin ấy thành kết quả bằng những lựa chọn sáng suốt, kỷ luật thực thi và sự minh bạch.

Đó là cách AgriS định hình tăng trưởng: đầu tư hôm nay vào những năng lực sẽ tạo giá trị lâu dài.



Bà Đặng Huỳnh Ức My
Chủ tịch Hội đồng Quản trị AgriS

Chia sẻ của Tổng Giám đốc



AgriS sẽ tiếp tục khẳng định vị thế của một hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp, nơi công nghệ, vốn và chuỗi giá trị được kết nối để tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông và các bên liên quan.

Kính gửi Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng, Doanh nông và Đối tác,

Niên độ tài chính 2025-2026 khép lại trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bước vào một giai đoạn tái cấu trúc sâu rộng với nhiều chuyển động trái chiều. Nhu cầu đối với nông sản, thực phẩm và các sản phẩm có giá trị gia tăng tiếp tục mở rộng, đặc biệt tại các nền kinh tế đang phát triển và khu vực châu Á, trong đó, Việt Nam tiếp tục củng cố vị thế trên bản đồ xuất khẩu nông nghiệp thế giới. Thực tế, ngành nông nghiệp đang phải đối mặt với một mặt bằng cạnh tranh mới: giá hàng hóa biến động, chi phí năng lượng và vật tư đầu vào khó dự báo, tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu, sự tái cấu trúc của dòng chảy thương mại và những yêu cầu cao hơn về truy xuất nguồn gốc, phát thải, an toàn thực phẩm và tính minh bạch của chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh đó, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dẫn đầu nằm ở khả năng tích hợp chuỗi giá trị, phân bổ vốn hiệu quả, khai thác dữ liệu để nâng cao chất lượng ra quyết định và chuyển hóa đổi mới sáng tạo thành động lực tăng trưởng dài hạn. Đối với AgriS, niên độ vừa qua là một năm quan trọng để kiểm chứng những lựa chọn chiến lược mà Chúng tôi đã kiên định theo đuổi, đồng thời củng cố các nền tảng tăng trưởng mới và đẩy nhanh quá trình hiện thực hóa Chiến lược đến 2030-2031. Trên định hướng đó, AgriS chủ động đầu tư vào các **nền tảng chiến lược có khả năng tạo ra giá trị bền vững** qua nhiều chu kỳ kinh tế.

Niên độ 2025-2026, AgriS ghi nhận

Doanh thu thuần **26.733** Tỷ đồng

Sản lượng tiêu thụ **1,25** Triệu tấn

hoàn thành **101%** kế hoạch. Những kết quả này cho thấy khả năng duy trì quy mô hoạt động và thích ứng của AgriS trong điều kiện thị trường hàng hóa và chuỗi cung ứng quốc tế liên tục thay đổi.

Trên thị trường vốn

Cổ phiếu SBT tăng **14,37%**

Vốn hoá thị trường đạt gần **20.000** Tỷ đồng

Tại phiên giao dịch ngày 13/10/2025, SBT đạt mức giá 26.900 đồng/ cổ phiếu, thiết lập vùng giá cao nhất trong tám năm.

Song song đó, AgriS đồng thời tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh quốc tế, nổi bật như các chứng nhận Global CSR & ESG Awards, ESG Business Awards, Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất, Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2026 ngành Nông nghiệp Công nghệ cao (ESG10), Top 50 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững 2026 - Corporate Sustainability Awards (CSA) ở hạng mục Quản trị Doanh nghiệp Xuất sắc. Mã cổ phiếu SBT của AgriS cũng duy trì có mặt trong VNSI20 - Top 20 cổ phiếu có điểm Phát triển bền vững tốt nhất thị trường chứng khoán năm thứ 9 liên tiếp, khẳng định năng lực quản trị, cam kết bền bỉ theo đuổi các mục tiêu vì nền nông nghiệp tuần hoàn.

Bên cạnh kết quả kinh doanh, niên độ 2025-2026, Chúng tôi tiếp tục nâng chuẩn quản trị theo các thông lệ quốc tế thông qua lộ trình chuyển đổi sang IFRS, hoàn thiện các khung quản trị và nâng cao năng lực điều hành trên nền tảng dữ liệu. Đây là lựa chọn nhất quán của AgriS nhằm duy trì các chuẩn mực về quản trị, tính minh bạch và kỷ luật điều hành, qua đó củng cố niềm tin của cổ đông, cộng đồng nhà đầu tư tổ chức và các đối tác tài chính quốc tế. Niềm tin của thị trường vốn không được xây dựng từ những tuyên bố, mà từ chất lượng quản trị và kết quả thực thi nhất quán qua từng giai đoạn phát triển.

Niên độ này cũng đánh dấu cột mốc chuyển đổi quan trọng trong hành trình 57 năm phát triển của Công ty. Với mô hình Holdings, kiến trúc 03 Centers - 03 Layers - 01 System cùng nền tảng điều hành thống nhất, trên cơ sở dữ liệu và công nghệ số, AgriS đã chuyển từ quản trị từng đơn vị kinh doanh sang **quản trị một hệ sinh thái trên cơ sở chiến lược, dữ liệu, thị trường và hiệu quả vốn trên quy mô toàn Tập đoàn**. Mô hình này cho phép Chúng tôi kết nối tốt hơn giữa năng lực nông nghiệp, sản xuất và Thương mại; phân bổ nguồn lực theo cơ hội thị trường; tối đa hóa năng lực chuỗi; nâng cao khả năng phản ứng trước những biến động của cung, cầu và giá hàng hóa; đồng thời, củng cố nền tảng để AgriS nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng dư địa tăng trưởng, gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông và các bên liên quan.

Tiếp nối đà phát triển nêu trên, niên độ tài chính 2026-2027, AgriS xác định mục tiêu tối ưu hóa hiệu năng và vị thế của một đơn vị kiến tạo thị trường (Market Creator).

Trong giai đoạn này, ưu tiên của Chúng tôi là gia tăng chất lượng tăng trưởng thông qua đa dạng hóa thị trường, nâng cao giá trị trên mỗi chuỗi sản phẩm và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. AgriS sẽ tiếp tục mở rộng hiện diện tại ASEAN và các thị trường quốc tế, phát triển danh mục **Food, Beverage & Ingredient**, đồng thời tích hợp sâu hơn **Integrated Business Planning** (IBP), **dữ liệu và trí tuệ nhân tạo** (AI) vào hoạt động điều hành nhằm nâng cao năng lực dự báo, tối ưu chuỗi cung ứng, tăng tốc độ ra quyết định và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trên toàn Hệ sinh thái.

Hiệu quả của mọi chuyển đổi phải được phản ánh bằng chất lượng tăng trưởng, khả năng tạo dòng tiền và giá trị gia tăng cho cổ đông. Đó sẽ là thước đo cho mọi quyết định điều hành của Chúng tôi trong niên độ 2026-2027 và các giai đoạn tiếp theo. AgriS sẽ tiếp tục khẳng định vị thế của một hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp, nơi công nghệ, vốn và chuỗi giá trị được kết nối để tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông và các bên liên quan.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành và hợp tác của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng, Doanh nông và Đối tác trong suốt chặng đường vừa qua. Chúng tôi cam kết tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, năng lực thực thi và hiệu quả hoạt động, cùng Quý vị hiện thực hóa Chiến lược đến 2030-2031, góp phần định hình tương lai nền Nông nghiệp Việt Nam theo hướng hiện đại, bền vững.

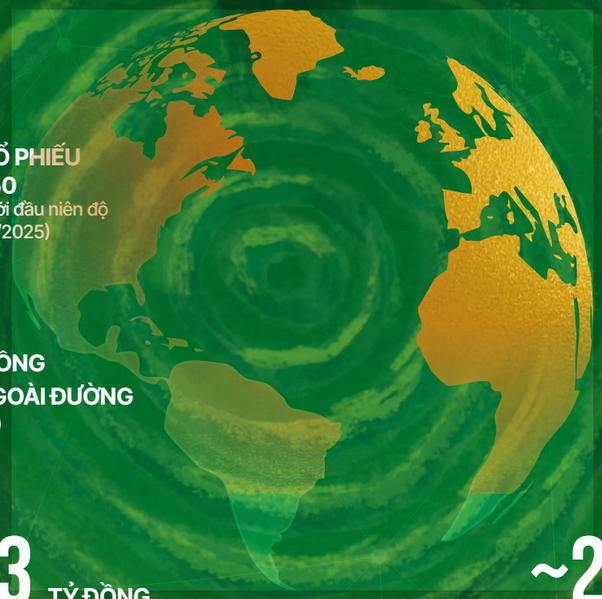
Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Những con số nổi bật niên độ 2025-2026

46% THỊ PHẦN
Dẫn đầu ngành đường Việt Nam

88 Quốc gia
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ ĐƯỜNG
~1.300.000 TẤN



+ 23%
MỨC TĂNG GIÁ CỔ PHIẾU TẠI MỐC GIÁ 24.150
(ngày 24/08/2026) so với đầu niên độ 2025-2026 (ngày 01/07/2025)

78.000 HA
VÙNG NGUYÊN LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI
(Trải dài tại 4 quốc gia Việt Nam, Lào, Campuchia và Úc)

~ 4.865 TỶ ĐỒNG
DOANH THU MẢNG NGOÀI ĐƯỜNG
(chiếm 18,2% tổng doanh thu)

846 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(Tăng 1,4% so với Niên độ 2024-2025)

26.733 TỶ ĐỒNG
DOANH THU THUẦN
(Hoàn thành 101% mục tiêu)

~21.868 TỶ ĐỒNG
DOANH THU MẢNG ĐƯỜNG
(chiếm 81,8% tổng doanh thu)

37.799 TỶ ĐỒNG
QUY MÔ TỔNG TÀI SẢN
(Tăng 16% so với Niên độ 2024-2025)

88
DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG

71
SẢN PHẨM CHUỐI

10
SẢN PHẨM PHÂN BÓN

07
SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG VÀ SAU ĐƯỜNG

39
SẢN PHẨM TỪ DỪA

22
SẢN PHẨM GẠO

02
SẢN PHẨM NƯỚC KHOÁNG

02
SẢN PHẨM KHÁC
(gồm điện năng lượng mặt trời và điện sinh khối)

VNA +
XẾP HẠNG TÍN NHIỆM THƯỜNG NIÊN Ở MỨC VNA+ 5 NĂM LIÊN TIẾP BỞI SAIGON RATINGS

143 TRIỆU KWH
ĐIỆN TÁI TẠO PHÁT LÊN LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA

VNSI20
9 NĂM LIÊN TIẾP THUỘC DOANH MỤC CHỈ SỐ VNSI20 (HOSE) (GỒM TOP 20 CỔ PHIẾU CÓ ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỐT NHẤT THỊ TRƯỜNG)

1.860 HA
DIỆN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU ĐƯỢC CHỨNG NHẬN BONSUCRO - TIÊU CHUẨN BỀN VỮNG TRONG SẢN XUẤT MÍA ĐƯỜNG

>1.900 TỶ ĐỒNG
CHI PHÍ ĐẦU TƯ, VẬT TƯ VÀ KỸ THUẬT CANH TÁC MÍA CHO KHOẢNG 11.000 NÔNG DÂN, TRONG ĐÓ HƠN 90 TỶ ĐỒNG LÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KHÔNG HOÀN LẠI CHO KHOẢNG 4.200 NÔNG DÂN

Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026



Trong niên độ, AgriS tiếp tục khẳng định vai trò "cầu nối chiến lược" trong chuỗi giá trị nông nghiệp thông qua việc tổ chức và tham gia các sự kiện chiến lược trong nước và quốc tế, trải đều theo mô hình 5 Nhà nhất quán: Nhà nước, Nhà nông, Nhà khoa học, Nhà doanh nghiệp và Định chế tài chính.

1 NHÀ NƯỚC - ĐỒNG HÀNH CÙNG CHÍNH PHỦ HIỆN THỰC HÓA CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

AgriS tự hào là đại diện tiêu biểu cho khối doanh nghiệp nông nghiệp tư nhân tham gia sâu vào đối thoại chính sách và hợp tác xúc tiến đầu tư với nhiều địa phương và đối tác quốc tế (Úc, Indonesia, Singapore). AgriS tuân thủ chính sách và chủ động góp tiếng nói, nguồn lực thực tiễn để hiện thực hóa các Nghị quyết trụ cột của Đảng và Nhà nước:

- Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) về thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo
- Nghị quyết 59-NQ/TW (24/1/2025) về chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng
- Nghị quyết 66-NQ/TW (30/4/2025) về đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thi hành pháp luật
- Nghị quyết 68-NQ/TW (04/5/2025) về phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân.

THÁNG 7 - 2025

AgriS ký kết hợp tác cùng Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu (thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an) nhằm thúc đẩy hạ tầng dữ liệu nông nghiệp, hướng đến hình thành Trung tâm dữ liệu trồng trọt quốc gia.





THÁNG 7 - 2025

Chủ tịch HĐQT AgriS, bà Đặng Huỳnh Ức My đã trình bày các đề xuất nhằm xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, lấy dữ liệu làm trung tâm tại Diễn đàn Tăng trưởng Kinh tế Việt Nam 2025 (VEGF) do Ban Chính sách và Chiến lược Trung ương chủ trì.

THÁNG 8 - 2025

AgriS trình bày đề án "Hiện đại hóa - Số hóa Nông nghiệp trên nền tảng ESG" trước Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Lễ ra mắt Trung tâm Dữ liệu quốc gia.



Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

THÁNG 8 - 2025

AgriS cùng Global Mind Australia (GMA) đã đồng hành với UBND tỉnh Tây Ninh tổ chức Hội nghị Xúc tiến Nông nghiệp Công nghệ cao tại bang Queensland, Australia với chủ đề "Thúc đẩy Nông nghiệp Công nghệ cao & Bền vững".





THÁNG 8 - 2025

Chủ tịch HĐQT, bà Đặng Huỳnh Ức My đại diện AgriS phát biểu tại Diễn đàn Kinh doanh Úc - ASEAN 2025, góp tiếng nói của doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam trên diễn đàn khu vực.

THÁNG 8 - 2025

AgriS ký kết hợp tác với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phục vụ kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9.





THÁNG 8 - 2025

AgriS đón tiếp Đoàn công tác Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, giới thiệu mô hình số hóa nông nghiệp tại Tây Ninh.

THÁNG 8 - 2025 & THÁNG 3 - 2026

AgriS mở rộng đầu tư tại Gia Lai bằng việc ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) 6.000 tỷ đồng cho các dự án trọng điểm (2025), và 1.600 tỷ đồng cho Dự án Canh tác cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao (2026).



THÁNG 9 - 2025

AgriS đón tiếp bà Phan Thị Thắng - Thứ trưởng Bộ Công thương tham quan gian hàng tại Sourcing Expo 2025.





THÁNG 9 - 2025

AgriS trình bày tham luận về vai trò chiến lược của Tây Ninh trong hệ sinh thái nông nghiệp tuần hoàn của AgriS tại Hội nghị xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh.

THÁNG 11 - 2025

AgriS gặp mặt và làm việc với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thương mại, Việc làm và Đào tạo bang Queensland - Bà Ros Bates, cùng các đại diện của Chính quyền bang và Văn phòng Thương mại & Đầu tư Queensland (TIQ) nhằm thúc đẩy hợp tác chiến lược trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới thực phẩm, R&D và phát triển nguồn nhân lực thông qua Dự án Coral.





THÁNG 11 - 2025

AgriS tham gia trưng bày gian hàng tại Lễ kỷ niệm 80 năm ngành Nông nghiệp và Môi trường.

THÁNG 11 - 2025

AgriS đón tiếp Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Vietnam-Australia TechFest và Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Diễn đàn Logistics Việt Nam 2025.



Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

THÁNG 12 - 2025

AgriS và UBND tỉnh Tây Ninh chính thức ký kết MOU hợp tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nông nghiệp.





THÁNG 12 - 2025

AgriS chia sẻ tại tọa đàm "Nghị quyết 68": Bàn về cải cách, chiến lược và cơ hội tăng trưởng cùng chuyên gia" do KPMG phối hợp cùng EuroCham và AusCham tổ chức.

THÁNG 3 - 2026

AgriS đón tiếp Đại sứ Singapore, đề xuất cơ chế hợp tác ba bên Việt Nam - Singapore - Australia.





THÁNG 3 - 2026

AgriS chia sẻ thực tiễn triển khai "Hệ điều hành ESG" tại Hội thảo Khoa học Quốc gia 2026 do Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì.

THÁNG 4 - 2026

AgriS tham gia Diễn đàn Chuyển đổi Xanh Việt Nam - Úc 2026 do Tổng lãnh sự quán Australia tại Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Cộng đồng Doanh nghiệp Cựu sinh viên Australia (AABN) tổ chức.



2 NHÀ NÔNG - LAN TỎA MÔ HÌNH CANH TÁC GIÁ TRỊ CAO

AgriS kiên định với chiến lược lấy người nông dân làm trung tâm của chuỗi giá trị tuần hoàn, xem đây là nền tảng để phát triển hệ sinh thái nông nghiệp bền vững. Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục củng cố năng lực nông học và mở rộng hợp tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực sản xuất.

THÁNG 2 - 2026

AgriS ký kết hợp tác chiến lược với Farmacist (Úc) - thiết lập Trung tâm Năng lực Xuất sắc (CoE) về nông học cho toàn hệ sinh thái AgriS.





THÁNG 6 - 2026

AgriS đón tiếp Lãnh đạo tỉnh Tây Ninh thăm mô hình chuỗi công nghệ cao tại Nông trường Thành Long, hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng nông nghiệp 4% của tỉnh..

3 NHÀ KHOA HỌC - KẾT NỐI TRI THỨC, KIẾN TẠO CHUẨN NÔNG HỌC

AgriS đẩy mạnh hợp tác học thuật với các trường đại học và mạng lưới nghiên cứu trong nước lẫn quốc tế, đặt nền móng cho chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, lãnh đạo Công ty cũng tích cực tham gia các hội đồng cố vấn chiến lược quốc gia, đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách và định hướng phát triển của nước nhà.

THÁNG 7 - 2025

AgriS đón tiếp Đoàn Chuyên gia từ Viện Công nghệ tiên tiến (IAT) - đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) thăm quan hệ thống sản xuất - nghiên cứu của AgriS tại Tây Ninh.



Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

THÁNG 7 - 2025

AgriS tham gia vào Hội đồng cố vấn và khởi động Chương trình Tuổi Trẻ Startup Award 2025 với chủ đề "Cùng AI kiến tạo tương lai", phối hợp Báo Tuổi trẻ.





THÁNG 8 - 2025

Tại AgriS Agro Day 2025, AgriS ký kết hợp tác chiến lược với Viện Công nghệ tiên tiến (IAT) nhằm thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cho nông nghiệp thông minh, bền vững và tuần hoàn.

THÁNG 9 - 2025

AgriS đồng tổ chức Hội thảo "Đào tạo và Nghiên cứu khoa học theo định hướng chuyển đổi số - chuyển đổi xanh" cùng Đại học Nông Lâm TP.HCM.





THÁNG 10 - 2025

Ông Nguyễn Đức Hùng Linh - Phó Tổng Giám đốc Khối Đầu tư AgriS trình bày tham luận tại Hội thảo "Đột phá phát triển khoa học, công nghệ thúc đẩy chuyển đổi xanh và phát triển bền vững" được tổ chức tại tỉnh Quảng Trị.

THÁNG 10 - 2025

AgriS tham gia trưng bày giải pháp nông nghiệp công nghệ cao và trình bày tham luận tại Diễn đàn Khoa học - Công nghệ - Đổi mới sáng tạo & Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên.



THÁNG 11 - 2025

AgriS ra mắt Mạng lưới nông nghiệp bền vững Việt Nam - Australia (VASAN) và giữ vai trò cầu nối chiến lược trong quá trình thúc đẩy hợp tác, đồng thời là Đại diện khối doanh nghiệp (Industry Lead) và thành viên Ban điều hành của Mạng lưới.





THÁNG 1 - 2026

AgriS đón tiếp Đoàn sinh viên quốc tế thuộc Dự án HUSS 2025 đến từ 5 trường Đại học Hàn Quốc đến tham quan, học hỏi và trao đổi về các giải pháp và hoạt động phát triển bền vững.

THÁNG 1 - 2026

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS chia sẻ về câu chuyện Bình đẳng giới trong văn hoá doanh nghiệp tại Diễn đàn GEARS@VIETNAM 2026.





THÁNG 2 - 2026

AgriS trao đổi và làm việc với Đại học Công nghệ Sydney (UTS) về ứng dụng dữ liệu và chuyển đổi số nông nghiệp.

THÁNG 2 - 2026

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS tham gia Hội đồng Cố vấn Chiến lược Đổi mới sáng tạo (SACSTI) - Đại học Quốc gia TP.HCM.



Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

THÁNG 2 - 2026

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS chia sẻ về đổi mới sáng tạo bền vững tại Tọa đàm "Thúc đẩy Đổi mới sáng tạo bền vững: Bước tiến mới trong quan hệ hợp tác Việt Nam - Singapore" trong khuôn khổ Gala Dinner UniVentures.





THÁNG 3 - 2026

TS. Trần Tấn Việt, Thành viên HĐQT AgriS chia sẻ tại Chương trình Nhân rộng Tác động Lúa gạo Thế hệ Mới của Nhóm Ngân hàng Thế giới - World Bank Group, đồng tổ chức bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế IRRI.

THÁNG 4 - 2026

AgriS ký kết thỏa thuận hợp tác cùng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM (HCM-UTE).



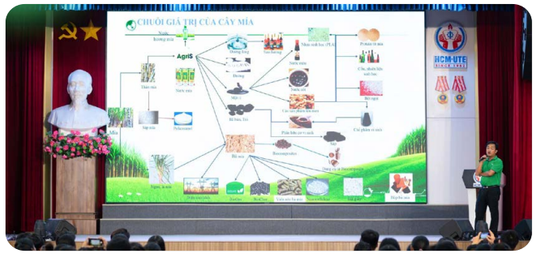


THÁNG 6 - 2026

AgriS chia sẻ sáng kiến nông nghiệp tuần hoàn tại Hội nghị Thường niên PRO Việt Nam lần thứ 7 với chủ đề "Xây dựng hệ thống tuần hoàn bao bì vững mạnh bằng khoa học công nghệ".

THÁNG 6 - 2026

AgriS kết nối hơn 300 sinh viên Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM tại Hội thảo "Ứng dụng Công nghệ kỹ thuật và Cơ hội nghề nghiệp".



4 DOANH NGHIỆP - MỞ RỘNG HỆ SINH THÁI ĐỐI TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

AgriS liên tục ký kết các thỏa thuận hợp tác chiến lược với doanh nghiệp đầu ngành ở nhiều lĩnh vực để chủ động xây dựng "Chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn", giúp chuẩn hóa vận hành, tăng cường năng lực nội bộ và hỗ trợ mở rộng hợp tác, kết nối với các đối tác quốc tế.

THÁNG 7 - 2025

AgriS gặp gỡ đoàn công tác từ Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME), thúc đẩy nông nghiệp số.





THÁNG 8 - 2025

BHC ký kết hợp tác với DAKAI - nhà cung cấp nước khoáng thiên nhiên lâu đời.

THÁNG 8 - 2025

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS, đã tham dự Hội nghị Quốc gia Ủy ban Doanh nghiệp Malaysia, góp tiếng nói chiến lược trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.





THÁNG 8 - 2025

Ông Thái Văn Chuyện - Tổng Giám đốc AgriS chia sẻ về "Hành trình xanh hóa chuỗi giá trị nông nghiệp" tại Hội nghị Đổi mới xanh 2025 - Green Innovation Summit (InnoEx 2025).

Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

THÁNG 9 - 2025

AgriS ký MOU với ITOCHU (Nhật Bản) nhằm tăng cường chuỗi cung ứng đường bền vững và hợp tác phát triển kinh doanh các sản phẩm chất tạo ngọt thay thế, hướng đến nâng cao sức khỏe cho người tiêu dùng Việt.





THÁNG 9 - 2025

AgriS ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với BADP KOREA nhằm chuyển giao công nghệ, phát triển bao bì thân thiện môi trường.

THÁNG 11 - 2025

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS chia sẻ góc nhìn chiến lược tại sự kiện Vietnam Future Economy 2025 do Bloomberg Businessweek Việt Nam tổ chức.





THÁNG 12 - 2025

AgriS ký kết hợp tác với Lộc Trời phát triển chuỗi giá trị lúa gạo Việt Nam gắn kết "5 Nhà".

THÁNG 1 - 2026

AgriS ký kết hợp tác với LOTTE MART và PVCFC, mở rộng hệ sinh thái sang bán lẻ và vật tư nông nghiệp.



THÁNG 1 - 2026

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS trao đổi về những cơ hội mới và vị thế cạnh tranh của Việt Nam tại Vanguard Summit 2025 với chủ đề "$1 Trillion Ambition".





THÁNG 1 - 2026

AgriS ghé thăm Tập đoàn Chip Mong - tập đoàn đa ngành hàng đầu Campuchia, đặt nền móng cho cơ hội hợp tác tương lai trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển bền vững.

THÁNG 4 - 2026

AgriS triển khai dự án ONEHR cùng EY và hợp tác TalentNet, chuẩn hóa quản trị nguồn nhân lực theo thông lệ quốc tế.





THÁNG 5 - 2026

AgriS ký MOU với Harney & Sons (Hoa Kỳ) thông qua Betrimex, mở rộng thị trường nông sản hữu cơ Việt tại Mỹ.

THÁNG 5 - 2026

Ông Huỳnh Văn Pháp, Phó Tổng Giám đốc AgriS tham gia tham luận tại Diễn đàn "Khoa học và Doanh nhân trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc".



Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

THÁNG 5 - 2026

AgriS - Suntory PepsiCo Vietnam Beverages đồng tổ chức Hội thảo Hợp tác chiến lược thường niên với chủ đề Sweet Partnership Workshop 2026 - "Driving Strategic Collaboration & Sustainable Growth".





THÁNG 5 - 2026

AgriS đón tiếp đoàn công tác do ông Shannon Leahy - Cao ủy cấp cao Thương mại và Đầu tư bang Queensland, Khu vực Đông Nam Á nhằm thúc đẩy kết nối hợp tác nhân tài, công nghệ tại Australia cùng TIQ.

THÁNG 6 - 2026

AgriS trao đổi hợp tác AI, Cloud và chuyển đổi số cùng Amazon Web Services (AWS).





THÁNG 6 - 2026

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS chia sẻ góc nhìn về tương lai của thương mại và chuỗi cung ứng tại Diễn đàn Quản trị Nguồn vốn "Treasury Leadership Forum 2026".

THÁNG 6 - 2026

AgriS tham gia Diễn đàn Xuất khẩu 2026: Nâng cao năng lực cạnh tranh chuỗi giá trị nông sản.



AgriS ra mắt Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu tại Singapore - Kết nối nghiên cứu và công nghệ với vốn, thị trường quốc tế



Ngày 16/9/2026, AgriS chính thức khai trương **Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu AgriS Global Innovation Center** tại Singapore, hướng tới thúc đẩy thương mại hóa đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp thông qua kết nối nghiên cứu, công nghệ, sản xuất, nguồn vốn và thị trường quốc tế.

Sự kiện diễn ra trong khuôn khổ **AgriS Global NEXUS 2026 – Converge to Elevate**, với sự tham dự của đại diện các cơ quan chính phủ, ngoại giao, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và doanh nghiệp đến từ Việt Nam, Singapore và khu vực.



Sự kiện AgriS Global NEXUS 2026 - Hội tụ để nâng tầm diễn ra ngày 16/9/2026 tại Singapore, thúc đẩy hợp tác trong đổi mới sáng tạo và thương mại hóa nông nghiệp.

Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

Ông Trần Phước Anh, Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Singapore, chia sẻ:



Đại sứ Việt Nam tại Singapore ông Trần Phước Anh nhấn mạnh ý nghĩa của việc AgriS đặt AgriS Global Innovation Center tại Singapore trong việc kết nối năng lực nông nghiệp Việt Nam với khoa học, công nghệ, nguồn vốn và thị trường quốc tế.

> Việc AgriS lựa chọn Singapore để thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu thể hiện sự tự tin ngày càng lớn và khát vọng vươn ra quốc tế của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam. Thông qua Trung tâm, AgriS hướng tới kết nối nghiên cứu khoa học với ứng dụng thương mại; năng lực nông nghiệp với công nghệ và nguồn vốn quốc tế; thế mạnh sản xuất của Việt Nam với thị trường khu vực và toàn cầu.
>
> Trong định hướng đó, Singapore giữ vai trò là điểm hội tụ chiến lược, kết nối nền tảng nông nghiệp của AgriS tại Việt Nam và khu vực với các trường đại học, viện nghiên cứu, đối tác công nghệ, nhà đầu tư và khách hàng quốc tế.

KẾT NỐI NGHIÊN CỨU VỚI THƯƠNG MẠI HÓA

Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu AgriS là đầu mối thường trực tại Singapore, kết nối khoa học, công nghệ, dữ liệu và thông tin thị trường với năng lực sản xuất và chuỗi giá trị của AgriS, qua đó rút ngắn hành trình từ phát triển ý tưởng, kiểm chứng đến ứng dụng và thương mại hóa.

Trung tâm tập trung vào bốn vai trò chiến lược: thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa trong nông nghiệp; kết nối R&D với doanh nghiệp và thị trường quốc tế; thúc đẩy tích hợp chuỗi cung ứng và gia tăng giá trị; đồng thời tạo nền tảng cho chiến lược mở rộng khu vực và toàn cầu của AgriS.

Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS, nhấn mạnh:

> Đổi mới sáng tạo tạo ra giá trị khi khoa học đi từ nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn, được tích hợp vào chuỗi giá trị và tiếp cận thị trường ở quy mô đủ lớn.Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu AgriS được xây dựng như giao điểm hội tụ – nơi kết nối các đối tác chiến lược, năng lực khoa học và công nghệ, nền tảng nông nghiệp và sản xuất, nguồn vốn cùng thị trường quốc tế. Từ Singapore, chúng tôi hướng tới rút ngắn hành trình từ ý tưởng đến thương mại hóa, đồng thời mở ra những lộ trình mới để đổi mới sáng tạo nông nghiệp từ Việt Nam và khu vực tiếp cận thị trường toàn cầu.



Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS, chia sẻ về vai trò của AgriS Global Innovation Center trong kết nối nghiên cứu, công nghệ, nguồn vốn và thị trường quốc tế.

Tại AgriS Global Innovation Center, AgriS phối hợp với các chuyên gia và đối tác công nghệ trong nước, quốc tế để thử nghiệm và đồng phát triển các giải pháp nông nghiệp công nghệ cao. Các giải pháp được kết nối từ sớm với điều kiện sản xuất, yêu cầu công nghệ, nguồn vốn và nhu cầu thị trường, qua đó nâng cao khả năng ứng dụng, thương mại hóa và mở rộng quy mô.

SINGAPORE – GIAO ĐIỂM HỘI TỤ CHIẾN LƯỢC

AgriS Global Innovation Center được phát triển trên nền tảng mạng lưới nghiên cứu và hợp tác mà AgriS đã xây dựng tại Việt Nam, Australia, Indonesia và Singapore. AgriS hiện quản lý gần 78.000 ha vùng nguyên liệu tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Australia; vận hành 11 Trung tâm AgTech, cùng khoảng 9.000 ha nông trường nghiên cứu tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Australia và Indonesia.

Hệ thống này tạo môi trường thực tế để các công nghệ và giải pháp mới được thử nghiệm, kiểm chứng và hoàn thiện trong điều kiện vận hành nông nghiệp. Từ Singapore, AgriS kết nối các năng lực này với mạng lưới viện nghiên cứu, đối tác công nghệ, nhà đầu tư và khách hàng quốc tế.

Quá trình phát triển Trung tâm nhận được sự hỗ trợ của JTC Corporation, cơ quan thuộc Chính phủ Singapore phụ trách quy hoạch tổng thể, phát triển và quản lý các khu công nghiệp nhằm thúc đẩy đổi mới kinh doanh và tăng trưởng kinh tế.

78.000 ha
Vùng nguyên liệu tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Australia

11
Trung tâm AgTech

9.000 ha
Nông trường nghiên cứu tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Australia và Indonesia.

Ông John Lu, Giám đốc Thương mại tại Enterprise Singapore, chia sẻ:

> Chúng tôi hoan nghênh AgriS lựa chọn Singapore để đặt Trung tâm Đổi mới sáng tạo Toàn cầu đầu tiên. Là một tập đoàn nông nghiệp đa quốc gia, AgriS có thể tận dụng Trung tâm để nâng cao năng lực R&D, đồng thời khai thác hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nông nghiệp - thực phẩm năng động của Singapore nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển và thương mại hóa các giải pháp nông nghiệp có giá trị cao. Với vị thế là trung tâm kinh doanh đáng tin cậy và kết nối sâu rộng với chuỗi cung ứng toàn cầu, Singapore có thể trở thành cửa ngõ chiến lược để đưa các giải pháp mới này đến nhiều thị trường khác.

Ông Joel Ang, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng bộ phận khu vực Đông Nam Á và Châu Đại Dương tại Ban Phát triển Kinh tế Singapore (EDB), chia sẻ:

> Việc ra mắt Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu AgriS là một dấu mốc quan trọng trong hành trình tăng trưởng của doanh nghiệp, đồng thời thể hiện khát vọng của các doanh nghiệp Đông Nam Á trong việc đặt các hoạt động R&D có giá trị cao tại Singapore. Chúng tôi hoan nghênh khoản đầu tư này, qua đó tạo ra các cơ hội việc làm chất lượng, thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp Singapore và hỗ trợ AgriS mở rộng trên toàn cầu.

MỞ RỘNG HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ THƯƠNG MẠI HÓA



Trên nền tảng kết nối giữa nghiên cứu và thực tiễn sản xuất, tại AgriS Global NEXUS 2026, AgriS và Đại học Công nghệ Nanyang Singapore (NTU Singapore), thông qua Global Mind Agriculture (GMA), công bố ý định tiếp tục phát triển Phòng thí nghiệm liên kết AgriS – NTU về Đổi mới Sinh học Thích ứng, dự kiến đặt tại FRESH@NTU.

Phòng thí nghiệm dự kiến kết nối năng lực nghiên cứu khoa học tại Singapore với nền tảng kiểm chứng thực địa, sản xuất và thương mại hóa của AgriS tại các thị trường nông nghiệp ở khu vực nhiệt đới.

AgriS đồng thời ký Biên bản ghi nhớ hợp tác với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) và Hội Marketing Việt Nam (VMA), mở rộng mạng lưới hợp tác từ nghiên cứu, công nghệ đến phát triển thị trường và thương mại hóa. Thông qua Trung tâm tại Singapore, AgriS hướng tới đóng vai trò nền tảng kết nối năng lực đổi mới sáng tạo đa ngành của Việt Nam với mạng lưới nghiên cứu, công nghệ, nguồn vốn và thị trường quốc tế.

Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)



ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN TOÀN CHUỖI GIÁ TRỊ

Các hoạt động nghiên cứu và hợp tác được triển khai trên nền tảng chuỗi giá trị nông nghiệp của AgriS, kết nối R&D với vùng nguyên liệu, sản xuất, dữ liệu, tài chính, logistics và thị trường nhằm phát triển các giải pháp nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu nguồn lực và gia tăng giá trị từ nông nghiệp.

Định hướng này được thể hiện qua chiến lược "Nâng tầm Nông nghiệp – Kiến tạo Giá trị Bền vững" với mục tiêu mở rộng giá trị tạo ra từ nông nghiệp, từ nguyên liệu sang các sản phẩm giá trị gia tăng, công nghệ, tri thức, mô hình kinh doanh và các giải pháp thương mại có khả năng nhân rộng.

Danh mục của AgriS hiện gồm gần 200 sản phẩm thực phẩm và nông nghiệp từ mía, dừa, lúa gạo, chuối và dứa, cùng các giải pháp dinh dưỡng có nguồn gốc tự nhiên. Trên nền tảng này, Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu kết nối nghiên cứu, kiểm chứng thực địa, sản xuất và thị trường, tạo điều kiện để các giải pháp mới được đánh giá về tính khả thi, nhu cầu thị trường và khả năng mở rộng trước khi triển khai thương mại.

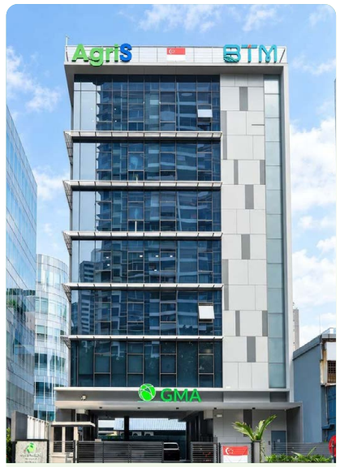
Trung tâm được ra mắt trong khuôn khổ AgriS Global NEXUS 2026 – Converge to Elevate, nơi AgriS cùng các đối tác trao đổi về cách ASEAN có thể chuyển hóa lợi thế nông nghiệp thành các sản phẩm và giải pháp có giá trị cao hơn thông qua kết nối khoa học, chính sách, doanh nghiệp, tài chính và thị trường quốc tế.

Chương trình đồng thời mở rộng các cơ hội hợp tác trong nghiên cứu, công nghệ, phát triển nhân tài, đầu tư xuyên biên giới, tích hợp chuỗi cung ứng và thương mại hóa.





Các chuyên gia và đối tác trao đổi về tiềm năng nông nghiệp Đông Nam Á và những hướng đi giúp chuyển hóa R&D, đổi mới sáng tạo thành giá trị thương mại có khả năng mở rộng.



AgriS Global Innovation Center tại Singapore đóng vai trò nền tảng kết nối R&D, công nghệ, năng lực sản xuất, nguồn vốn và thấu hiểu thị trường, góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển và thương mại hóa các giải pháp nông nghiệp.

Với Singapore là một đầu mối chiến lược trong mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc tế, AgriS hướng tới kết nối năng lực nghiên cứu, vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị tại các thị trường đang hoạt động với công nghệ, nguồn vốn và khách hàng toàn cầu. Thông qua AgriS Global NEXUS, Tập đoàn tiếp tục phát triển hệ sinh thái hợp tác nhằm đưa các giải pháp nông nghiệp từ nghiên cứu và thử nghiệm đến ứng dụng thực tiễn, thương mại hóa và mở rộng trên thị trường quốc tế.

5 ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH - CỦNG CỐ DÒNG VỐN XANH QUỐC TẾ

Niên độ 2025-2026, AgriS tăng cường mở rộng hợp tác với các định chế tài chính hàng đầu khu vực, tạo nền tảng cho các hoạt động huy động vốn phục vụ chiến lược nông nghiệp tuần hoàn, đồng thời khẳng định sức hút với các nhà đầu tư tổ chức quốc tế.

THÁNG 9 - 2025

AgriS huy động khoản vay hợp vốn hơn 200 triệu USD từ FCB và 15 ngân hàng liên kết Đài Loan.





THÁNG 10 - 2025

AgriS ký thỏa thuận tài trợ chiến lược với DEG (KfW), đánh dấu cột mốc 6 năm hợp tác phát triển nông nghiệp bền vững.

THÁNG 10 - 2025

AgriS Stakeholder Meeting 2025 quy tụ hơn 130 nhà đầu tư chuyên nghiệp và các Định chế tài chính hàng đầu, bao gồm Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Ngân hàng, Báo chí tài chính, và các Đối tác trong nước và quốc tế. Được tổ chức trước thềm Đại hội đồng cổ đông niên độ 2024-2025, sự kiện nằm trong chuỗi đối thoại chiến lược thường niên do AgriS tổ chức.





THÁNG 11 - 2025

AgriS đón đoàn công tác của Ngân hàng Quốc gia Úc (NAB) tham quan vùng nguyên liệu và nhà máy tại Tây Ninh.

Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

THÁNG 2 - 2026

AgriS trao đổi và làm việc với Morgan Stanley về cơ hội tăng trưởng và kết nối thị trường vốn quốc tế.





THÁNG 3 - 2026

Ông Thái Văn Chuyện, Tổng Giám đốc AgriS chia sẻ kinh nghiệm thu hút vốn tại "Hội nghị Phát triển thị trường chứng khoán năm 2026".

THÁNG 3 - 2026

AgriS mở rộng hợp tác với E.Sun Financial Holding và First Financial Group, thúc đẩy kết nối thị trường vốn tại Đài Loan.





THÁNG 4 - 2026

AgriS tăng cường quan hệ hợp tác với Hua Nan Commercial Bank, thúc đẩy quan hệ hợp tác chiến lược và mở rộng cơ hội đầu tư dài hạn vào chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững tại Việt Nam.

THÁNG 8 - 2026

AgriS tham dự Thailand Focus 2026, là một trong hai đại diện duy nhất của Việt Nam tại hội nghị đầu tư quốc tế thường niên lớn nhất của Sở Giao dịch Chứng khoán Thái Lan (SET), mở rộng kết nối với các định chế tài chính và nhà đầu tư quốc tế.



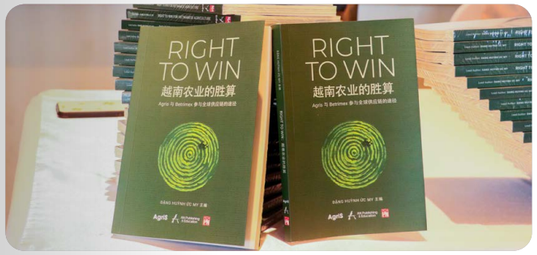
6 DẤU ẤN THƯƠNG HIỆU

Niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục ghi dấu ấn thông qua các hoạt động truyền thông, kết nối cộng đồng, góp phần lan tỏa những giá trị phát triển bền vững và khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

THÁNG 9 - 2025

AgriS tiếp năng lượng cho "Khối nhân dân" xuyên suốt Đại lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9.





THÁNG 9 - 2025

Ra mắt sách "Right to Win - Cửa thắng của nông nghiệp Việt" do Chủ tịch Đặng Huỳnh Ức My chủ biên.

THÁNG 12 - 2025

Đại hội đồng cổ đông thường niên2024-2025, hé lộ chiến lược kinh doanh trong mảng F&B và lộ trình IPO/ M&A 2025-2030.





THÁNG 7 - 2026

Đại hội đồng cổ đông bất thường niên độ 2025-2026, kiện toàn bộ máy quản trị chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng mới.

Sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)



Dấu ấn AgriS đồng hành cùng Chương trình Việt Nam xanh

Chương trình Việt Nam Xanh do báo Tuổi Trẻ và Liên minh Tái chế Bao bì Việt Nam (PRO Việt Nam) khởi xướng, với sự đồng hành, phối hợp của Cục Biến đổi khí hậu (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam TP.HCM, hướng tới lan tỏa lối sống xanh, tiêu dùng bền vững và phát triển kinh tế tuần hoàn. Là một trong những doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao tiên phong tại Việt Nam, AgriS đồng hành cùng chương trình xuyên suốt niên độ 2025-2026, trở thành đại diện tiêu biểu minh chứng cho việc kinh tế tuần hoàn không còn là khẩu hiệu mà đã trở thành mô hình vận hành thực tế. AgriS tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong nông nghiệp công nghệ cao tuần hoàn tại Việt Nam khi đồng hành cùng chương trình xuyên suốt niên độ 2025-2026, trở thành đại diện tiêu biểu minh chứng cho việc kinh tế tuần hoàn không còn là khẩu hiệu mà đã trở thành mô hình vận hành thực tế.

Trong khuôn khổ Chương trình, AgriS đã tham gia nhiều hoạt động trọng điểm, từ lan tỏa mô hình nông nghiệp tuần hoàn, chia sẻ sáng kiến chuyển đổi năng lượng xanh đến khuyến khích đổi mới sáng tạo vì tương lai nông nghiệp Việt Nam. Tiêu biểu như sau:

THÁNG 11 - 2025

NGÀY HỘI VIỆT NAM XANH AGRIS GIÀNH GIẢI "KHÔNG GIAN TRẢI NGHIỆM ẤN TƯỢNG"

Tại Ngày hội Việt Nam Xanh 2025, gian hàng AgriS được Ban tổ chức trao giải "Không gian trải nghiệm ấn tượng". Trong 2 ngày diễn ra sự kiện, gian hàng của AgriS ghi nhận những con số nổi bật.

2.000
Lượt trải nghiệm lái máy cày Sveaverken

6.000
Lượt khách ghé thăm

8.000
Phần sampling đồ uống mát lành gửi tới khách tham dự

AgriS mang đến không gian trải nghiệm các giải pháp nông học và mô hình nông nghiệp tuần hoàn đang được Công ty triển khai trong thực tiễn. Gian hàng trưng bày các giải pháp sinh học tự nhiên như các loài thiên địch giúp giảm sâu bệnh (ong mắt đỏ, bọ xít hoa gai), giống mía - giống dừa chất lượng cao, cùng các dòng phân bón hữu cơ giúp cải thiện đất và giảm phát thải - truyền cảm hứng về một mô hình nông nghiệp trách nhiệm minh bạch thân thiện môi trường.





THÁNG 4 - 2026

HỘI THẢO "CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG XANH, ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG" AGRIS CHIA SẺ SÁNG KIẾN LÀM CHỦ NĂNG LƯỢNG XANH TỪ PHỤ PHẨM NÔNG NGHIỆP

Mở đầu chuỗi hoạt động của chương trình Việt Nam Xanh 2026, tại Hội thảo "Chuyển đổi năng lượng xanh, Động lực tăng trưởng bền vững" ông Trần Đình Cường - Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Sản xuất AgriS (công ty thành viên thuộc AgriS) chia sẻ vai trò cốt lõi của sản xuất xanh trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Thay vì xem bã mía, mật rỉ hay bã bùn là chất thải, AgriS coi đây là nguyên liệu cho một chu trình sản xuất mới, nhằm thực hiện hóa triết lý Zero Waste và minh chứng cho mô hình kinh tế tuần hoàn đã vận hành hiệu quả nhiều năm qua.

Thông qua việc tối ưu phụ phẩm sinh khối (bã mía, mật rỉ), đồng thời ứng dụng công nghệ và số hóa xuyên suốt từ đồng ruộng đến nhà máy qua hệ thống DigiFactory, AgriS đã xây dựng mô hình tự chủ năng lượng, vừa đáp ứng nhu cầu nội bộ cho các nhà máy, vừa đóng góp khoảng 150 triệu kWh điện vào lưới điện quốc gia, tạo thêm giá trị kinh tế, môi trường và xã hội.

Tại Hội thảo, AgriS cũng chia sẻ những thách thức của ngành năng lượng sinh khối. Theo đó, giá mua điện sinh khối hiện chỉ khoảng 1.850 đồng/kWh, chưa đủ hấp dẫn để doanh nghiệp mở rộng sản xuất hoặc thu mua thêm phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, trấu...) để phát điện quy mô lớn. Tính mùa vụ của ngành mía đường khiến hệ thống lò hơi, turbin chỉ hoạt động khoảng 4 tháng/năm, gây lãng phí hạ tầng. AgriS kiến nghị điều chỉnh cơ chế giá điện sinh khối theo hướng hợp lý hơn.





THÁNG 5 - 2026

PHÁT ĐỘNG CUỘC THI VIẾT "KIẾN TẠO NÔNG NGHIỆP TƯƠNG LAI"

AgriS phối hợp cùng báo Tuổi Trẻ và PRO Việt Nam phát động cuộc thi viết "Kiến tạo Nông nghiệp tương lai", sân chơi tri thức nhằm ghi nhận và lan tỏa những câu chuyện, mô hình, ý tưởng và giải pháp có giá trị thực tiễn trong cải tiến nông nghiệp (cây trồng) Việt Nam, cũng như nâng tầm nông sản Việt.



Cuộc thi hướng đến các chủ đề trọng tâm: nông nghiệp thông minh, chuyển đổi số, chuỗi giá trị tuần hoàn, hợp tác đa bên và nâng tầm thương hiệu nông sản Việt trên bản đồ quốc tế. Đối tượng tham gia là công dân Việt Nam và người nước ngoài trên 15 tuổi đang sinh sống, học tập hoặc làm việc tại Việt Nam, đặc biệt khuyến khích học sinh, sinh viên và cá nhân/nhóm tác giả đang trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường và công nghệ.

Giải thưởng nổi bật niên độ 2025-2026

"Niên độ 2025-2026, Sức mạnh của thương hiệu AgriS tiếp tục được khẳng định khi liên tiếp được vinh danh bởi các bảng xếp hạng và giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế như Fortune Southeast Asia 500, Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Forbes Việt Nam, Top 100 Thương hiệu giá trị nhất Brand Finance, đặc biệt là các chứng nhận quốc tế về phát triển bền vững, quản trị doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo. Những ghi nhận này là minh chứng cho hành trình xây dựng thương hiệu bền vững của AgriS - xứng tầm trong nước, vươn xa quốc tế."



1 Khẳng định tầm vóc, vị thế Doanh nghiệp dẫn dắt tại Việt Nam và khu vực

2 Quản trị doanh nghiệp minh bạch, vượt chuẩn mực thị trường

3 Vững vàng trên hành trình theo đuổi các giá trị phát triển bền vững

4 Nâng tầm thương hiệu qua đổi mới sản phẩm và công nghệ

5 Dấu ấn lãnh đạo, kiến tạo tương lai nông nghiệp mới

1 KHẲNG ĐỊNH TẦM VÓC, VỊ THẾ DOANH NGHIỆP DẪN DẮT TẠI VIỆT NAM VÀ KHU VỰC

TOP 500 — THÁNG 9 - 2025

Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2025 - lĩnh vực F&B (Forbes)

Khẳng định hiệu quả vận hành và vị thế đầu ngành F&B trên sàn chứng khoán.



TOP 100 — THÁNG 9 - 2025

Top 100 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (Vietnam Finance)

Ghi nhận sức bền thương hiệu nông nghiệp dẫn đầu qua nhiều năm.



TOP 50 — THÁNG 9 - 2025

Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2025 (Nhịp cầu Đầu tư)

Phản ánh kết quả tối ưu hóa chuỗi giá trị và mô hình nông nghiệp công nghệ cao.



TOP 10 — THÁNG 10 - 2025

Top 10 Công ty uy tín ngành Nông nghiệp Công nghệ cao 2025 (Vietnam Report)

Lần đầu dẫn đầu bảng xếp hạng, khẳng định vai trò đầu tàu định hình nông nghiệp hiện đại.



FCHOICE — THÁNG 12 - 2025

FChoice - Doanh nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao của năm

Lần đầu được vinh danh trên "bản đồ thành tựu" kinh tế Việt Nam.



TOP 2 — THÁNG 1 - 2026

Top 2 Doanh nghiệp Văn hóa và Uy tín năm 2025

Khẳng định văn hóa doanh nghiệp là nền tảng tạo dựng uy tín, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của AgriS.



Giải thưởng nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

TOP 500 — THÁNG 6 - 2026

Fortune Southeast Asia 500 lần thứ 3 liên tiếp

Là 1 trong 40 doanh nghiệp Việt tỷ đô trên bảng xếp hạng Đông Nam Á.



2 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP MINH BẠCH, VƯỢT CHUẨN MỰC THỊ TRƯỜNG

TOP 10 — THÁNG 11 - 2025

Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất & Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất (VLCA 2025)

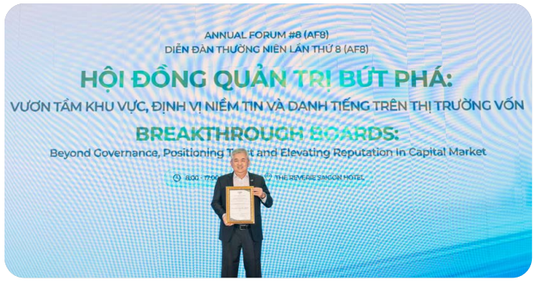
Minh chứng chuẩn mực minh bạch, trách nhiệm quản trị trên thị trường chứng khoán.

ACGS20 VNCG50 — THÁNG 12 - 2025

ACGS20 & VNCG50 - hai bảng xếp hạng quản trị công ty tiêu chuẩn ASEAN và Việt Nam

Khẳng định lộ trình chuẩn hóa theo Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN.





TOP 03 — THÁNG 3 - 2026

Top 03 Báo cáo thường niên tốt nhất thế giới do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ (LACP) bình chọn

Khẳng định uy tín thương hiệu và chất lượng Báo cáo thường niên của AgriS theo tiêu chuẩn quốc tế

TOP 10 — THÁNG 5 - 2026

AGM Awards - Top 10 Đại hội đồng cổ đông thường niên tiêu biểu 2026 (kèm giải Nữ lãnh đạo tiêu biểu ngành NNCNC)

Khẳng định chuẩn mực quản trị cổ đông; đồng thời ghi nhận vai trò lãnh đạo nữ tiên phong của Chủ tịch HĐQT Đặng Huỳnh Ức My.







TOP 50 — THÁNG 6 - 2026

CSA Awards - Top 50 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2026, hạng mục Quản trị doanh nghiệp xuất sắc

Ghi nhận định hướng quản trị theo chuẩn OECD và cam kết Net Zero 2035.

TOP 35 — THÁNG 6 - 2026

Top 35 nhóm các doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn thuộc lĩnh vực phi tài chính đạt Chuẩn Công bố thông tin 2026 (Non-Financial Large Cap) tại Chương trình IR Awards 2026 - do Vietstock, Hiệp hội VAFE và Tạp chí điện tử FiLi đồng tổ chức

Khẳng định cam kết của AgriS trong việc duy trì chuẩn mực công bố thông tin minh bạch, kịp thời và tuân thủ thông lệ quản trị doanh nghiệp





3 VỮNG VÀNG TRÊN HÀNH TRÌNH THEO ĐUỔI CÁC GIÁ TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HR ASIA AWARDS 2025 — THÁNG 8 - 2025

HR Asia Awards 2025 - 4 hạng mục: Nơi làm việc tốt nhất châu Á (VN), DEI, Nơi làm việc bền vững, Trao quyền qua Công nghệ

Khẳng định AgriS là môi trường lao động kiểu mẫu, đáp ứng chuẩn nhân sự khu vực.

ESG BUSINESS AWARDS 2025 — THÁNG 9 - 2025

ESG Business Awards 2025 - Sustainable Agriculture Award & Net-Zero Award (Nông nghiệp)

Ghi nhận cam kết tiên phong trung hòa carbon và phát triển nông nghiệp tuần hoàn.





Giải thưởng nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

VIETNAM ESG AWARDS 2025

THÁNG 12 - 2025

Vietnam ESG Awards 2025 - Top 10 Doanh nghiệp ESG Toàn diện

Danh hiệu hiếm dành cho doanh nghiệp triển khai ESG đồng bộ cả 3 trụ cột E-S-G.

EDGE ADVANCED

THÁNG 5 - 2026

Chứng nhận EDGE Advanced cho Nhà máy TTCS tại Tây Ninh

AgriS là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận EDGE Advanced cho ngành đường và sản phẩm phụ, hệ thống công trình xanh quốc tế được phát triển và vận hành bởi IFC - thành viên Nhóm Ngân hàng Thế giới.





TOP 10

THÁNG 6 - 2026

Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2026 - ngành NNCNC

Ghi nhận nỗ lực xanh hóa toàn diện chuỗi giá trị, từ sản xuất đến thương mại.

TOP 20

THÁNG 7 - 2026

Top 20 cổ phiếu có điểm phát triển bền vững tốt nhất thị trường - VNSI20

SBT tiếp tục có mặt trong VNSI20 - Top 20 cổ phiếu có điểm Phát triển bền vững tốt nhất thị trường chứng khoán năm thứ 9 liên tiếp, khẳng định năng lực quản trị, cam kết bền bỉ theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững.







4 NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU QUA ĐỔI MỚI SẢN PHẨM VÀ CÔNG NGHỆ

THƯƠNG HIỆU VÀNG

THÁNG 10 - 2025

Thương hiệu Vàng Nông nghiệp Việt Nam - Đường Biên Hòa & Phân bón hữu cơ BIOTANI

Khẳng định chất lượng, uy tín hai nhãn hiệu nông nghiệp hàng đầu quốc gia.

VIETNAM MARKETING AWARDS

THÁNG 12 - 2025

Vietnam Marketing Awards - Tiếp thị Kinh doanh Xuất sắc, Bền vững

Ghi nhận chiến lược truyền thông kết nối và cộng hưởng hệ sinh thái nông nghiệp bền vững.





WECHOICE AWARD

THÁNG 1 - 2026

WeChoice Award "Vươn tầm ra biển lớn"

Biểu tượng cho khát vọng đưa nông nghiệp Việt hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu.

30 YEAR

THÁNG 3 - 2026

30 năm liên tiếp danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao

Kỷ lục bền vững hiếm có, minh chứng cam kết chất lượng xuyên suốt ba thập kỷ.





I4 IMPACT AWARDS 2026

THÁNG 4 - 2026

I4 Impact Awards 2026 - Công nghiệp thông minh & Lãnh đạo Sáng tạo, Chuyển đổi số

Năm thứ 5 liên tiếp được ghi nhận về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

TOP 05

THÁNG 6 - 2026

VIE10 - Top 5 Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo & Kinh doanh hiệu quả, ngành NNCNC

Thể hiện năng lực kép: tiên phong đổi mới song song hiệu quả kinh doanh.





Giải thưởng nổi bật niên độ 2025-2026 (tiếp theo)

5 DẤU ẤN LÃNH ĐẠO, KIẾN TẠO TƯƠNG LAI NÔNG NGHIỆP MỚI

TOP 100 — THÁNG 10 - 2025

Top 100 Most Powerful Women in Asia - Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS

Lần đầu vinh danh, ghi nhận dấu ấn nữ lãnh đạo kiến tạo tầm nhìn nông nghiệp công nghệ cao khu vực.



TATLER MOST INFLUENTIAL 2025 — THÁNG 11 - 2025

Tatler Most Influential 2025 - Bà Đặng Huỳnh Ức My, Chủ tịch HĐQT AgriS

Ghi nhận vai trò định hình tương lai cho nông nghiệp xanh Việt Nam ở tầm quốc tế.



VCCI — THÁNG 12 - 2025

VCCI "Doanh nghiệp Văn hóa, Uy tín 2025"

Ghi nhận văn hóa doanh nghiệp lành mạnh và thương hiệu uy tín bền vững.



ASIAN EXCELLENCE MANAGEMENT AWARDS — THÁNG 1 - 2026

Asian Excellence Management Awards - Team of the Board

Vinh danh năng lực lãnh đạo chiến lược của Ban Điều hành, tạo đà cho giai đoạn bứt phá 2026-2030.



VNABC — THÁNG 3 - 2026

VNABC - Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam, mức Dẫn dắt

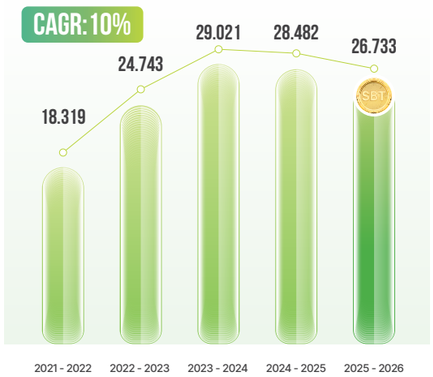
Mức cao nhất trong hệ thống đánh giá, với hệ thống quản trị được IFC tham vấn.



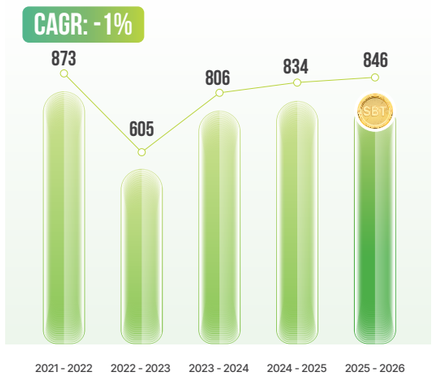


Điểm nhấn tài chính niên độ 2021-2022 đến 2025-2026

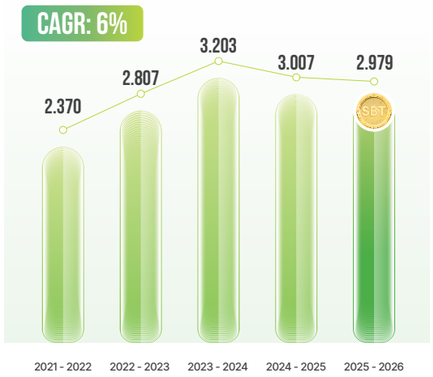
CHỈ SỐ VỀ LỢI NHUẬN



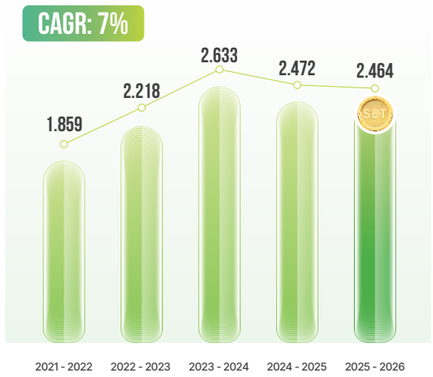
DOANH THU THUẦN
ĐVT: Tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
ĐVT: Tỷ đồng

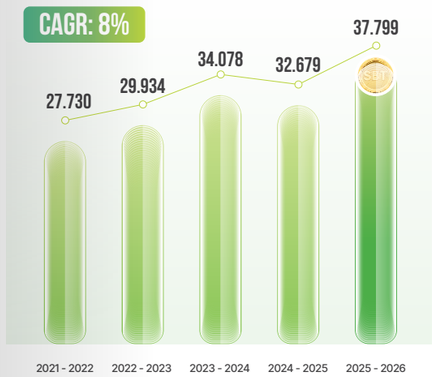


THU NHẬP TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO (EBITDA)
ĐVT: Tỷ đồng

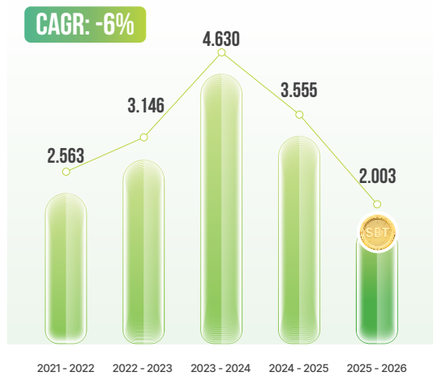


THU NHẬP TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY (EBIT)
ĐVT: Tỷ đồng

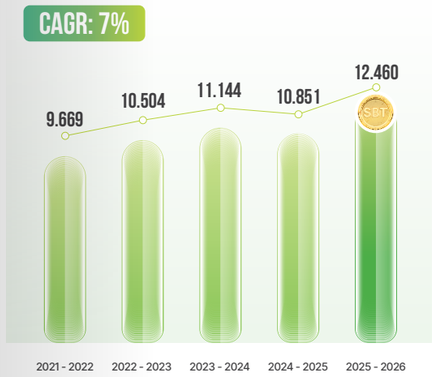
CHỈ SỐ VỀ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN



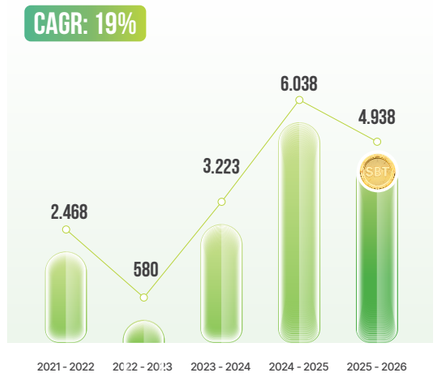
TỔNG TÀI SẢN
ĐVT: Tỷ đồng



TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN
ĐVT: Tỷ đồng



VỐN CHỦ SỞ HỮU
ĐVT: Tỷ đồng



VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN
ĐVT: Tỷ đồng



Điểm nhấn tài chính niên độ 2021-2022 đến 2025-2026 (tiếp theo)

ĐVT: Tỷ đồng

Cân đối kế toán	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026	Tăng/giảm cùng kỳ	CAGR 2021-2022 đến 2025-2026
TỔNG TÀI SẢN	**27.730**	**29.934**	**34.078**	**32.679**	**37.799**	**16%**	**8%**
Tài sản ngắn hạn	**18.027**	**20.047**	**23.752**	**20.054**	**23.686**	**18%**	**7%**
Tiền và tài sản tương đương tiền	2.563	3.146	4.630	3.555	2.003	-44%	-6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.031	2.528	3.803	3.548	7.066	99%	37%
Khoản phải thu ngắn hạn	8.662	9.734	11.240	9.197	10.203	11%	4%
Hàng tồn kho	4.626	4.504	3.953	3.583	4.179	17%	-3%
Tài sản ngắn hạn khác	145	134	125	171	234	37%	13%
Tài sản dài hạn	**9.704**	**9.887**	**10.327**	**12.625**	**14.113**	**12%**	**10%**
Khoản phải thu dài hạn	327	488	683	1.718	2.138	24%	60%
Tài sản cố định	4.522	4.155	4.181	3.720	3.493	-6%	-6%
Bất động sản đầu tư	582	573	807	332	314	-5%	-14%
Tài sản dài hạn dở dang	316	319	225	469	881	88%	29%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.553	2.996	2.997	5.111	6.045	18%	24%
Tài sản dài hạn khác	1.404	1.357	1.434	1.275	1.241	-3%	-3%
TỔNG NGUỒN VỐN	**27.730**	**29.934**	**34.078**	**32.679**	**37.799**	**16%**	**8%**
Nợ phải trả	18.061	19.431	22.934	21.828	25.338	16%	9%
Nợ ngắn hạn	15.295	17.197	19.400	15.550	19.236	24%	6%
Nợ vay ngắn hạn	8.713	11.107	12.778	10.875	11.925	10%	8%
Nợ dài hạn	2.767	2.234	3.535	6.279	6.102	-3%	22%
Nợ vay dài hạn	2.468	580	3.223	6.038	4.938	-18%	19%
Vốn chủ sở hữu	**9.669**	**10.504**	**11.144**	**10.851**	**12.460**	**15%**	**7%**

ĐVT: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026	Tăng/giảm cùng kỳ	CAGR 2021-2022 đến 2025-2026
Doanh thu thuần	18.319	24.743	29.021	28.482	26.733	-6%	10%
Lợi nhuận gộp	2.308	2.721	3.165	2.984	2.674	-10%	4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.170	735	913	1.010	701	-31%	-12%
Lợi nhuận trước thuế	1.046	719	908	950	911	-4%	-3%
Lợi nhuận sau thuế	873	605	806	834	846	1%	-1%
EBIT	1.859	2.218	2.633	2.472	2.464	0%	7%
EBITDA	2.370	2.807	3.203	3.007	2.979	-1%	6%

TÓM TẮT TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2021-2022 ĐẾN 2025-2026

Chỉ số tài chính cơ bản	ĐVT	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Chỉ số Thanh khoản						
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	1,18	1,17	1,22	1,29	1,23
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	0,88	0,90	1,02	1,06	1,01
Chỉ số Cấu trúc vốn						
Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,39	0,47	0,52	0,45
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,16	1,11	1,44	1,56	1,35
Chỉ số Hoạt động						
Hiệu suất sử dụng tài sản	Lần	0,76	0,86	0,91	0,85	0,76
Ngày bình quân vòng quay HTK	Ngày	89	76	60	54	59
Chỉ số Khả năng sinh lời						
Biên EBITDA	%	13	11	11	11	11
Biên EBIT	%	10	9	9	9	9
Biên Lợi nhuận gộp	%	13	11	11	10	10

02 TỔNG QUAN VỀ AGRIS

54 Hồ sơ doanh nghiệp
56 Quá trình hình thành và phát triển
60 Hệ thống và mạng lưới của AgriS
68 Công ty con - công ty liên kết
70 Chuỗi giá trị cây trồng Mía, Dừa, Gạo
76 Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS
102 Hệ thống kênh phân phối



Hồ sơ Doanh nghiệp



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA**
Tên tiếng Anh:	**THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt:	**TTC-BH / AGRIS**
Giấy CNĐKDN:	Số 3900244389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 15/07/1995 và thay đổi lần thứ 21 ngày 11/05/2026
Người đại diện theo pháp luật:	Bà **Đặng Huỳnh Ức My** - Chức danh: Chủ tịch HĐQT Ông **Thái Văn Chuyện** - Chức danh: Tổng Giám đốc
Mã số thuế:	3900244389
Địa chỉ:	Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Điện thoại:	(0276) 375 72 50
Website:	https://ttcagris.com.vn

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

Mã chứng khoán: **SBT**

Sàn niêm yết:	HOSE
Số lượng cổ phiếu niêm yết:	934.634.155 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành:	956.245.488 cổ phiếu
Vốn điều lệ:	9.280.263.750.000 đồng
Vốn chủ sở hữu:	12.460.421.910.427 đồng

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY

Sản xuất Đường
Chi tiết: Sản xuất Đường
Mã Ngành theo VSIC: 1072 (chính)

Trồng cây mía
Mã Ngành theo VSIC: 0114

Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường.
Mã Ngành theo VSIC: 1079

Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo
Chi tiết: Sản xuất điện sinh khối và điện năng lượng mặt trời, không bao gồm hoạt động sản xuất thủy điện, điện gió ngoài khơi và năng lượng hạt nhân.
Mã Ngành theo VSIC: 3512

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Sản xuất chế biến nước ngọt, nước trái cây, sữa đậu nành. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
Mã Ngành theo VSIC: 1105

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
Mã Ngành theo VSIC: 4653

Trồng cây ăn quả
Mã Ngành theo VSIC: 0121

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, công nghệ trong ngành sản xuất mía đường
Mã Ngành theo VSIC: 7499

Quá trình hình thành và phát triển

Khởi nguồn từ thương hiệu Đường Biên Hòa ra đời năm 1969 với sứ mệnh phục vụ từng bữa ăn tròn vị cho người tiêu dùng Việt Nam, AgriS đã trải qua hành trình 57 năm xây dựng và phát triển bền vững. Từ những nền tảng được gây dựng bởi thế hệ sáng lập, AgriS không ngừng đổi mới, mở rộng quy mô và nâng tầm vị thế để từng bước trở thành

DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

tiên phong kiến tạo hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp theo định hướng hiện đại, bền vững trên phạm vi toàn cầu.

1969

Thương hiệu Đường Biên Hòa ra đời với tiền thân là Nhà máy đường 400 tấn, sản phẩm chính lúc bấy giờ là đường ngà, rượu mùi, bao đay

1995

- Chính thức đổi tên thành Công ty Đường Biên Hòa, đầu tư mở rộng công suất sản xuất Đường luyện lên 300 tấn/ ngày
- Khởi công xây dựng thêm Nhà máy Đường Tây Ninh.

Ngày 15/7/1995, Công ty TNHH Mía Đường Bourbon Tây Ninh chính thức được thành lập từ sự liên doanh giữa Tập đoàn Group Bourbon, Liên hiệp Mía Đường II và Liên hiệp Mía Đường Tây Ninh

- Chuyển đổi thành CTCP
- Vốn điều lệ: 1.419 tỷ đồng

2001

- Chuyển đổi thành CTCP vào năm 2001
- Vốn điều lệ: 81 tỷ đồng

2006

- Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán BHS
- Vốn điều lệ: 162 tỷ đồng.

2007

- Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) vào năm 2008 với mã chứng khoán SBT
- Vốn điều lệ: 1.419 tỷ đồng

2008

- Đổi tên thành CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Vốn điều lệ: 1.485 tỷ đồng

2013

- Sáp nhập CTCP Nhiệt điện Gia Lai
- Trở thành doanh nghiệp Mía Đường đứng đầu về quy mô vốn điều lệ niêm yết trên TTCK Việt Nam
- Vốn điều lệ: 1.856 tỷ đồng

2015

- Sáp nhập với CTCP Đường Ninh Hoà
- Vốn điều lệ sau sáp nhập: 1.233 tỷ đồng

2015

Thương vụ M&A lớn nhất ngành Đường Việt Nam

- Hoàn tất thương vụ sáp nhập CTCP Đường Biên Hòa và CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh.
- Đổi tên thành CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- Vốn điều lệ: 2.532 tỷ đồng

2016

- Lần đầu góp mặt trong Rổ Chỉ số VN30
- Vốn điều lệ: 1.947 tỷ đồng

SBT

BHS

2017

Quá trình hình thành và phát triển (tiếp theo)

2018

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên xuất khẩu Đường sang Hoa Kỳ

- Nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 100%
- Lần đầu tiên lọt Top 20 Chỉ số Phát triển bền vững - Vietnam Sustainability Index (HOSE) - VNSI20
- Vốn điều lệ: 5.570 tỷ đồng

2019

Đẩy mạnh tiếp cận thị trường Châu Âu

- Hợp tác với Công ty ED&F Man: Xuất khẩu Đường sang Châu Âu
- Hợp tác chiến lược với DEG - Quỹ đầu tư của Chính phủ Đức
- Phát triển vùng nguyên liệu tại Campuchia
- Vốn điều lệ: 5.867 tỷ đồng

2020

Sản lượng Đường tiêu thụ lần đầu cán và vượt mốc 1 triệu tấn

- Phát hành 21.611.333 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi cho DEG
- Phát hành 172 trái phiếu chuyển đổi tín chấp tương đương 172 tỷ đồng cho Coretrend - Nhà đầu tư chiến lược Hàn Quốc
- Vốn điều lệ: 6.084 tỷ đồng

2022 2023

Doanh thu vượt mốc tỷ USD, chuyển mình mạnh mẽ trong mô hình kinh doanh

- Ngày 1/11/2022, Công ty chính thức thay đổi nhận diện thương hiệu từ TTC Sugar sang TTC AgriS, đánh dấu bước chuyển đổi mô hình kinh doanh và quản trị từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang Mô hình kinh tế nông nghiệp thông minh tích hợp.
- Tổ chức thành công TTC AgriS Innovation Day 2023 "Serving the best natural nutrition for body needs" - dấu ấn quan trọng trong hành trình chuyển đổi mô hình kinh doanh và đánh dấu sự tham gia của AgriS vào cuộc chơi sản xuất, chế biến thực phẩm Plant-based
- Thảo luận chiến lược hợp tác phát triển nông nghiệp 4.0 song phương với chính quyền bang Queensland, Úc
- Mở rộng chuỗi giá trị cây trồng và đa dạng hoá danh mục sản phẩm với cây Dừa
- Doanh thu thuần đạt 24.743 tỷ đồng, lần đầu tiên vượt mốc tỷ USD
- Vốn điều lệ: 7.621 tỷ đồng

2024

Dấu ấn 55 năm Phụng sự - Chuyển giao thế hệ cho đường đua mới

- Đánh dấu cột mốc 55 năm thương hiệu AgriS, chính thức mở ra hành trình tiếp theo cùng với Diện mạo mới - Tiềm lực mới.
- Chính thức go-live 3 trung tâm đánh dấu cột mốc kiện toàn chiến lược về xây dựng và vận hành mô hình kinh doanh theo Chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn (Circular Commercial Value Chain):
  - » Trung tâm Kinh doanh Nông nghiệp (AgriC)
  - » Trung tâm sản xuất (ProC)
  - » Trung tâm Thương mại tích hợp (ComC)
- Vốn điều lệ: 7.621 tỷ đồng

2025

Tối ưu hoá chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn, tích hợp 3 trụ cột Agtech - Foodtech - Fintech trên nền tảng ESG

- AgriS tiên phong đồng hành cùng Chính phủ trong việc thực hiện hóa bốn đột phá: Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 59-NQ/TW, Nghị quyết 66-NQ/TW, Nghị quyết 68-NQ/TW. Qua đó khẳng định được năng lực và vai trò trọng yếu của công ty trong quá trình hiện đại hóa nền nông nghiệp Việt Nam.
- Đổi mới, tối ưu hóa chuỗi giá trị thương mại theo mô hình AgriS Circular Commercial Value Chain tích hợp ba trụ cột công nghệ gồm: Công nghệ Nông nghiệp (AgTech) – Công nghệ Thực phẩm (Foodtech) – Công nghệ Tài chính (Fintech) trên nền tảng ESG.
- Khánh thành tòa nhà AgriS Building - Biểu tượng công trình xanh, đạt chứng nhận LEED Gold tuân thủ quy trình và chỉ tiêu nghiêm ngặt về năng lượng, môi trường.
- Vốn điều lệ: 8.361 tỷ đồng

2026

AgriS bước vào giai đoạn tối ưu hóa hiệu năng và nâng tầm vị thế trở thành đơn vị kiến tạo thị trường (Market Creator)

- Mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới ngoài ngành đường như gạo, chuối, dịch vụ nông nghiệp và các dòng sản phẩm F&B giá trị gia tăng cao.
- Đầu tư hoàn thiện các nền tảng cốt lõi cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo thông qua việc kiện toàn bộ máy quản trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, đầu tư mạnh mẽ vào khoa học công nghệ, dữ liệu.

Thị trường xuất khẩu
88
QUỐC GIA

Doanh thu thuần
26.733
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế
846
TỶ ĐỒNG

Vốn điều lệ
9.280
TỶ ĐỒNG

Hệ thống và mạng lưới của AgriS

1 HỆ THỐNG VÙNG NGUYÊN LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

Hệ thống vùng nguyên liệu của AgriS được tổ chức trên quy mô xuyên quốc gia, bao gồm:



VIỆT NAM

Khu vực tiêu biểu
Tây Ninh, Gia Lai,
Khánh Hòa, Ninh Thuận

Tổng diện tích

49.445
HA

ÚC

Khu vực tiêu biểu
Nhà máy Tully

Tổng diện tích

1.173
HA

LÀO (*)

Khu vực tiêu biểu
Nhà máy Attapeu

Tổng diện tích

12.084
HA

CAMPUCHIA (*)

Khu vực tiêu biểu
Kratie và các khu vực
liên quan

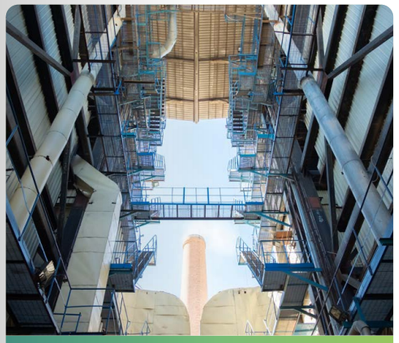
Tổng diện tích

15.298
HA

(*) Đối với vùng nguyên liệu tại Lào và Campuchia, AgriS có quyền quản lý và khai thác theo phạm vi hợp tác và đầu tư.

2 HỆ THỐNG NHÀ MÁY

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐƯỜNG



Tổng công suất sản xuất

4.740
TẤN ĐƯỜNG/NGÀY

	STT	NHÀ MÁY	ĐỊA ĐIỂM
VIỆT NAM	1	**TTCS**	Tây Ninh
	2	**AgriS Tây Ninh**	Tây Ninh
	3	**AgriS Ninh Hòa**	Khánh Hòa
	4	**Biên Hòa - Phan Rang**	Khánh Hòa
	5	**AgriS Gia Lai**	Gia Lai
	6	**Biên Hòa - Trị An**	Đồng Nai
	7	**Biên Hòa - Tây Ninh**	Tây Ninh
	8	**Nước Trong - Tây Ninh**	Tây Ninh
CAMPUCHIA	9	**Kasekam**	Campuchia
LÀO	10	**TTC Attapeu**	Lào

NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC



Cane Fresh **1.200** (THÙNG/ NGÀY)

VIỆT NAM

Nhà máy Miaqua

Vị trí: Tây Ninh

Nguồn nguyên liệu chính:

- 100% nước ngưng tụ từ quá trình sản xuất mía đường, qua công nghệ lọc RO FilmTec của Mỹ.

Sản phẩm chính:

- Nước hương Mía tự nhiên Cane Fresh.
- Quy cách đóng gói:
  - » 355 ml/chai; 24 chai/ thùng carton.
  - » 500 ml/chai; 24 chai/ thùng carton.

Thời gian hoạt động trong năm:

- Cane Fresh: Thời vụ

Hệ thống và mạng lưới của AgriS (tiếp theo)

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐIỆN SINH KHỐI



Tổng công suất phát điện

174,7 MW

	STT	NHÀ MÁY	ĐỊA ĐIỂM	CÔNG SUẤT PHÁT ĐIỆN (MW)
VIỆT NAM	1.	**TTCS**	Tây Ninh	37
	2.	**AgriS Tây Ninh**	Tây Ninh	6
	3.	**AgriS Ninh Hòa**	Khánh Hòa	36
	4.	**Biên Hòa - Phan Rang**	Khánh Hòa	3
	5.	**AgriS Gia Lai**	Gia Lai	34,6
	6.	**Biên Hòa - Tây Ninh**	Tây Ninh	4
	7.	**Nước Trong - Tây Ninh**	Tây Ninh	1,5
LÀO	8.	**TTC Attapeu**	Lào	30
CAMPUCHIA	9.	**Kasekam**	Campuchia	22,6

NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN VI SINH



Tổng công suất sản xuất 32 TẤN/H

	STT	NHÀ MÁY	VỊ TRÍ
VIỆT NAM	1.	**Nhà máy phân hữu cơ AgriS**	Tây Ninh
	2.	**Nhà máy phân hữu cơ AgriS - Chi nhánh Gia Lai**	Gia Lai
LÀO	3.	**Nhà máy Phân hữu cơ AgriS - Attapeu**	Lào

NHÀ MÁY GẠO



Công suất sản xuất 10 TẤN/H

VIỆT NAM

Nhà máy Gạo Bến Cầu

Vị trí: Tây Ninh

Nguồn nguyên liệu chính: Lúa tươi, lúa khô.

Sản phẩm chính: Lúa khô, gạo

Thời gian hoạt động trong năm: Quanh năm

Sản phẩm phụ: Gạo Tấm 1, Gạo Tấm 2, Gạo Tấm ẩm vàng, Cám, Trấu

TRẠM ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ



Số lượng trạm 21

Tổng công suất lắp đặt 15,46 MWP

	STT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG TRẠM	CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT (MWp)
VIỆT NAM	1.	**Tây Ninh**	6	4,17
	2.	**Đồng Nai**	2	0,49
	3.	**Khánh Hòa**	8	7,01
	4.	**Gia Lai**	2	2,10
LÀO	5.	**Lào**	3	1,69

Hệ thống điện NLMT tại nhà máy TTC Attapeu: Đã tiến hành lắp đặt thêm 01 trạm với công suất lắp đặt 1.24MWp; hoàn thiện và hòa vào lưới điện ngày 06/05/2026.



Hệ thống và mạng lưới của AgriS (tiếp theo)

3 HỆ THỐNG KHO BÃI

28 kho

Tổng sức chứa của hệ thống kho bãi **247.460** tấn

Tổng diện tích của hệ thống kho bãi **93.570** m^2



KHO THÀNH PHẨM VÀ HÀNG HÓA

Tổng diện tích kho thành phẩm và hàng hóa **81.400** m^2

Tổng sức chứa của hệ thống kho bãi **179.460** tấn

Khu vực	Vị trí	Diện tích (m^2)	Sức chứa (tấn)	Kênh
Miền Bắc	Hà Nội	850	1.360	B2C
	Hải Phòng	500	1.000	SME, Trader
Miền Trung	Đà Nẵng	750	1.200	B2C
	Gia Lai	12.380	35.000	MNC, SME
	Ninh Hòa	12.300	28.000	MNC, SME
	Phan Rang	1.600	3.000	MNC, SME
Miền Nam	Tây Ninh	10.000	22.000	MNC, SME
	Biên Hòa - Thành Long	3.000	6.600	MNC, SME
	Đồng Nai	14.000	30.800	B2C, Trader, MNC, SME
	Bình Dương	1.000	2.500	B2C
Lào	Attapeu	16.380	32.000	MNC, SME, Export
Capuchia	Kratie	8.640	16.000	Export

KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng diện tích kho nguyên vật liệu **12.170** m^2

Tổng sức chứa của kho nguyên vật liệu **68.000** tấn

Khu vực	Vị trí	Diện tích (m^2)	Sức chứa (tấn)
Miền Trung	Ninh Hòa	3.220	16.000
Miền Nam	Tây Ninh	3.750	24.000
	Đồng Nai	5.200	28.000

Hệ thống và mạng lưới của AgriS (tiếp theo)

4 HỆ THỐNG TRUNG TÂM 3S, TRUNG TÂM KINH DOANH THIẾT BỊ CƠ GIỚI



TRUNG TÂM 3S - SALES - SERVICE - SPARE PART
(Bán hàng - Bảo hành, Sửa chữa - Phụ tùng chính hãng)

Trung tâm 3S Miền Bắc
Quốc lộ 1A, Xóm Trung Yên, Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1900 633 421

Trung tâm 3S Miền Trung - Tây Nguyên
Bôn Phu Ama Nher 2, xã Ia Sao, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
1900 633 421

Trung tâm 3S Miền Đông
Số 561A, Đường Trần Phú, Ấp Tân Phước, Phường Bình Minh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
1900 633 421

Trung tâm 3S Miền Tây
Khu vực Thới An 3, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
1900 633 421

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM MÁY MÓC CƠ GIỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP CỦA THƯƠNG HIỆU JOHN DEER

Đại lý cấp 1	Địa chỉ	Điện thoại
Đại lý Phương Nam	688 Quốc Lộ 1A, Phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	0908 152 455
Đại lý Nguyễn Tấn Chương	Đường Tỉnh 831, Khu Phố Rạch Bùi, Xã Vĩnh Hưng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	0918 430 126
Đại lý Minh Hiển	Số nhà 03, Ấp Long Phú, Xã Phú Thọ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	0968 950 987
Đại lý Thành Đạt	49, Đường Võ Văn Kiệt, Khóm 2, Phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	0918 453 476
Đại lý Gia Bình	192 Võ Văn Kiệt, Phường Thành Nhất, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	0917 400 169
Đại lý FFC	Số 59 -61- 63 đường Lê Duẩn, Phường Đài Sơn, TP Phan Rang -Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	0779 727 727
Đại lý Hải Sơn	Khối 5, xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	0946 269 922
Đại lý Trường Sơn Ninh Bình	Xóm 3 Đông Sơn - Xã Yên Mạc - Tỉnh Ninh Bình	0978 207 898
Đại lý Cẩn Hoa	14 Văn Tiến Dũng, Phường Nguyệt Viên, Tỉnh Thanh Hoá	0373 953 999

5 VIỆN NGHIÊN CỨU NÔNG NGHIỆP

Viện nghiên cứu Nông nghiệp Thành Thành Công
Số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
(0276) 371 29 7



6 CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

CHI NHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Chi nhánh Hà Nội
144 Minh Khai, Phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
(0247) 301 88 82

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Chi nhánh Đà Nẵng
117 Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
(0236) 372 65 68

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Chi nhánh Tây Ninh
561A Trần Phú, Ấp Tân Phước, Phường Bình Minh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
(0276) 375 72 50 - Hotline: 1900 633 421

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Chi nhánh Cần Thơ
177B Nguyễn Văn Cừ, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
(0292) 364 44 99

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Văn phòng Đại diện - Văn phòng Hồ Chí Minh
63 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
(0283) 999 88 11

Văn phòng Đại diện số 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh
62 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
(0283) 999 88 11

Văn phòng Đại diện - tại Cần Thơ
Khu vực Thới An 3, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
(0296) 730 2668 - Hotline: 1900 633 421

Văn phòng Đại diện - tại Nghệ An
Xóm Trung Yên, Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
(0276) 375 73 33 - Hotline: 1900 633 421

Công ty con - Công ty liên kết



CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Vốn điều lệ thực góp (tỷ đồng)
1	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp AgriS	Tây Ninh	100,00	100,00	1.550
2	Công ty CP Nông nghiệp AgriS Gia Lai	Gia Lai	100,00	100,00	551,20
3	AgriS Globe Pte., Ltd	Singapore	100,00	100,00	747,67
4	Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa	Đồng Nai	100,00	100,00	3.577,80
5	Công ty Cổ Phần Phát Triển Sản Xuất AgriS	Tây Ninh	99,98	99,98	2.485,50
6	TSU Australia Pty Ltd	Úc	100,00	100,00	729,20
7	Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Gia Lai	100,00	100,00	2.165,00

CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Vốn điều lệ thực góp (tỷ đồng)
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu AgriS Ninh Hòa	Khánh Hòa	99,98	100,00	2.100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Khánh Hòa	99,98	100,00	300,00
3	Công ty Cổ phần Điện AgriS Gia Lai	Gia Lai	100,00	100,00	132,80
4	Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Khánh Hoà	95,77	95,79	53,96
5	Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	Tây Ninh	98,00	98,00	20,00
6	Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Lào	100,00	100,00	1.440,75
7	Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	Khánh Hòa	92,04	92,04	23,40
8	Công ty TNHH Hải Vi	Tây Ninh	100,00	100,00	4,50
9	Công ty TNHH Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Tây Ninh	100,00	100,00	30,00
10	Công ty Cổ Phần Mía đường Tây Ninh	Tây Ninh	95,10	99,89	294,04
11	Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC	Lâm Đồng	51,00	51,00	12,00
12	Công ty TNHH MTV Ý tưởng xanh Thành Công	Tây Ninh	100,00	100,00	5,00
13	Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Xanh Thành Công	Tây Ninh	100,00	100,00	4,00
14	Công ty TNHH MTV Thành Công Xanh	Tây Ninh	100,00	100,00	4,00
15	Công ty TNHH MTV Đầu tư Nông nghiệp Thành Công	Tây Ninh	100,00	100,00	4,00
16	Công ty TNHH MTV Năng lượng Sạch Ninh Hòa	Khánh Hòa	100,00	100,00	5,00
17	Công ty TNHH MTV Năng lượng Xanh Ninh Hòa	Khánh Hoà	100,00	100,00	5,00
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Growfin	TP. HCM	77,37	77,38	2.879,01
19	Công ty TNHH MTV Nấm Trang Sinh	TP. HCM	100,00	100,00	18,00
20	Viện Nghiên Cứu Nông Nghiệp Thành Thành Công	Tây Ninh	100,00	100,00	3,00
21	Công ty Cổ phần Global Mind Business	Tây Ninh	99,80	99,80	38,08

CÔNG TY LIÊN KẾT

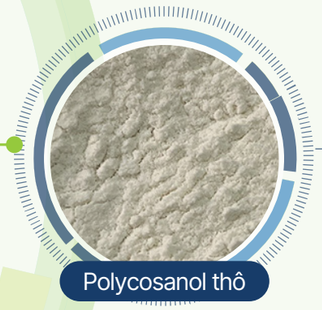
STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)
1	Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	An Giang	30,87	39,88	2.562,44
2	Công ty Cổ phần Khoai Mì Tây Ninh	Tây Ninh	23,62	30,00	136,86
3	Công ty TNHH Tapioca Việt Nam	Tây Ninh	23,62	30,00	0
4	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Vĩnh Long	25,99	25,99	1.614,80
5	Công ty Cổ Phần AgriMind	Tây Ninh	34,93	34,93	90,76
6	Coco Investment Pte., Ltd	Singapore	20,06	20,06	1.336,80

Chuỗi giá trị cây trồng Mía, Dừa, Gạo





Thân mía



Polycosanol thô



Ngọn – lá mía

Với sứ mệnh tiên phong dẫn dắt các xu hướng nông nghiệp xanh, AgriS tiếp tục hoàn thiện chuỗi giá trị các cây trồng chủ lực theo định hướng kinh tế tuần hoàn, hướng đến khai thác hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu phát thải và gia tăng giá trị từ phụ phẩm trong toàn bộ vòng đời sản phẩm.

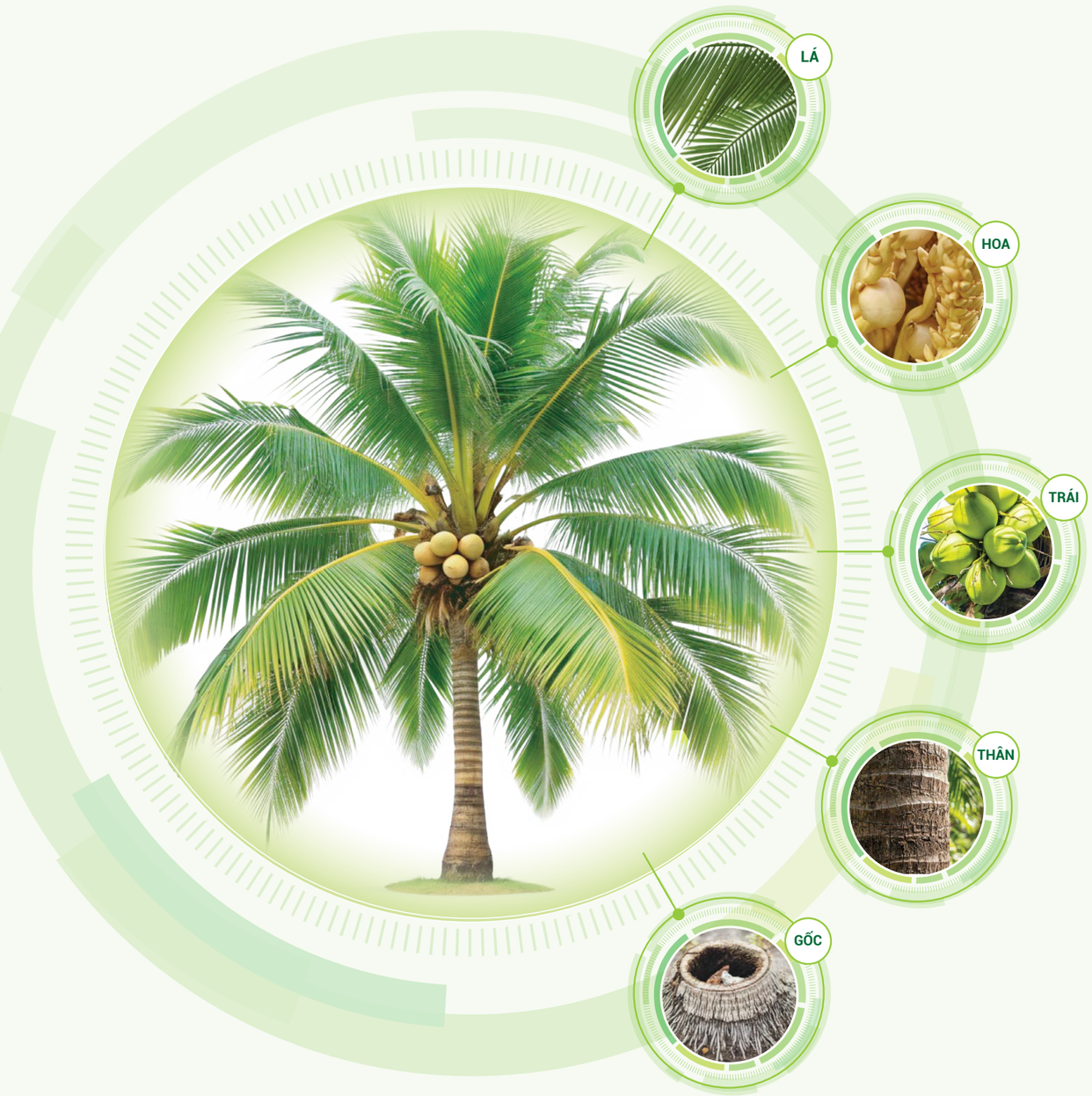
CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY MÍA

Cây mía được AgriS xác định là cây trồng chiến lược, có khả năng khai thác toàn diện từ thân đến ngọn, tạo nền tảng cho mô hình nông nghiệp tuần hoàn mà công ty đang theo đuổi.

Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục đẩy mạnh thương mại hóa chuỗi giá trị cây mía, phát triển thành công nhiều dòng sản phẩm tiêu dùng phù hợp với thị hiếu đa dạng của người tiêu dùng. Song song đó, công ty tiếp tục khai thác hiệu quả các phụ phẩm từ cây mía, phát triển các sản phẩm sinh học có tính ứng dụng cao và thân thiện với môi trường, điển hình như: pallet bã mía, thùng giấy bã mía, vật liệu phân hủy sinh học,...



Chuỗi giá trị cây trồng Mía, Dừa, Gạo (tiếp theo)



CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY DỪA

Dừa là cây ăn quả có vòng đời dài, cần từ 3 - 6 năm để cho trái và mỗi quả mất đến 12 tháng để phát triển. Việc khai thác tối đa giá trị từ mỗi bộ phận của cây dừa là yếu tố then chốt để tối ưu lợi nhuận và mở rộng cơ hội phát triển cho ngành dừa Việt Nam.

Niên độ 2025-2026 chuỗi giá trị cây dừa của AgriS tiếp tục được hoàn thiện theo hướng toàn diện và bền vững, tập trung phát triển các dòng sản phẩm tiêu dùng như: nước dừa đóng chai, sữa dừa, cơm dừa sấy,... Đồng thời, AgriS đẩy mạnh khai thác phụ phẩm từ gáo, xơ, mụn dừa để sản xuất các sản phẩm có giá trị sử dụng cao như: bao bì ép khối, pallet xơ dừa, khay trồng cây từ xơ dừa,...

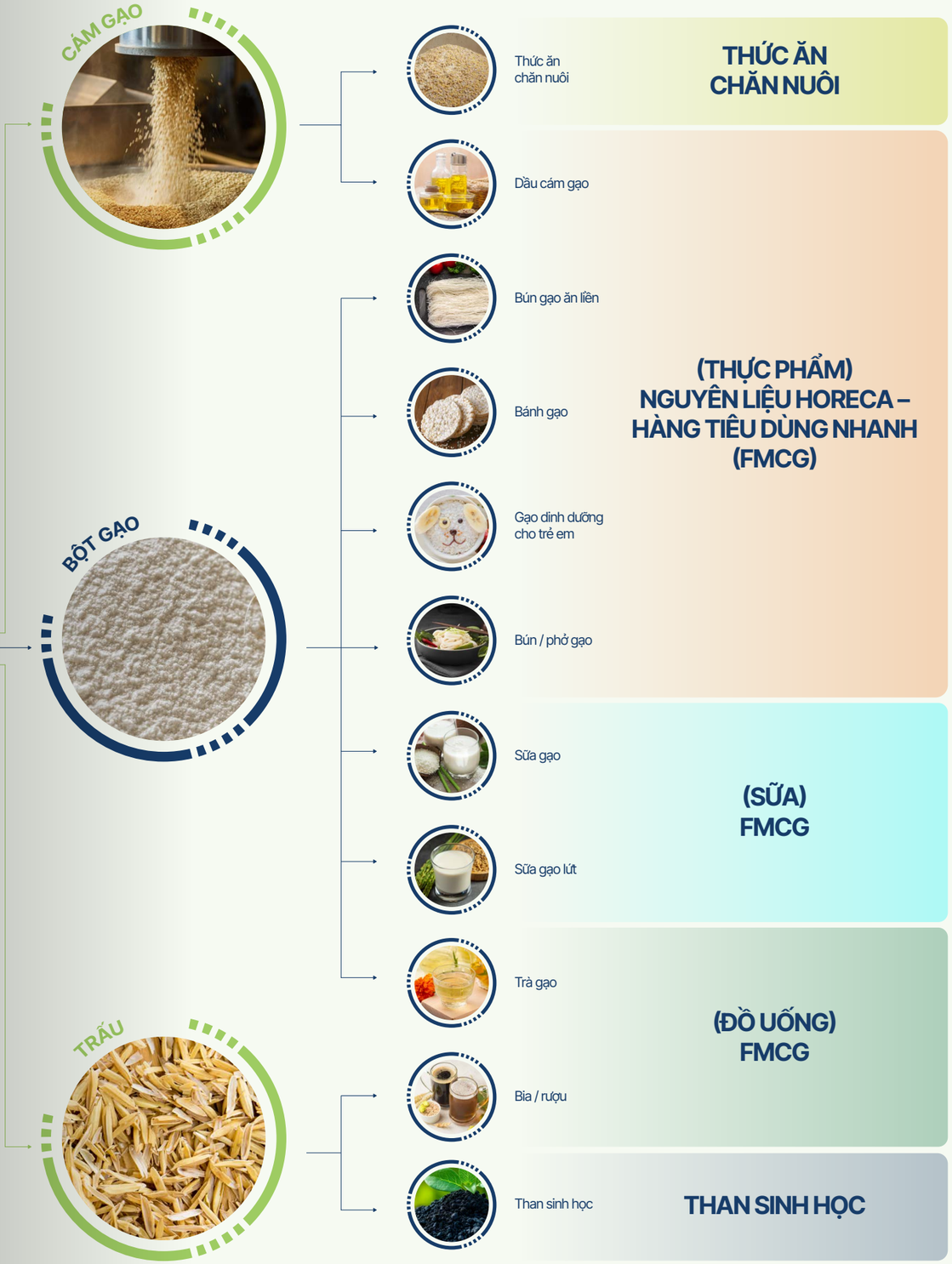


Chuỗi giá trị cây trồng Mía, Dừa, Gạo (tiếp theo)



CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY LÚA (GẠO)

Lúa (gạo) là một trong những loại cây trồng và sản phẩm chủ lực của AgriS trong giai đoạn phát triển 2025-2030. Niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục mở rộng và khai thác chuỗi giá trị cây lúa (gạo). Tận dụng kinh nghiệm phát triển mô hình nông nghiệp tuần hoàn từ các loại cây trồng trước đó, AgriS đặt mục tiêu sẽ khai thác toàn diện giá trị từ hạt gạo, phát triển danh mục sản phẩm tiêu dùng đa dạng như gạo các loại, bún gạo ăn liền, bánh gạo, sữa gạo,... và các loại sản phẩm phụ phẩm khác.



Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS

AgriS hiện sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng được phát triển trên nền tảng chuỗi giá trị cây mía, bao gồm các dòng sản phẩm đường chủ lực, cạnh đường và sau đường. Trên nền tảng đó, AgriS tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm từ chuỗi giá trị các cây trồng khác bao gồm dừa, lúa (gạo) và cây ăn quả, từng bước đa dạng hóa hệ sinh thái sản phẩm và đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường.

Niên độ 2025-2026 cũng là niên độ AgriS đẩy mạnh mở rộng sang mảng dịch vụ nông nghiệp, hướng đến cung cấp các giải pháp toàn diện cho hoạt động canh tác, qua đó góp phần hoàn thiện hệ sinh thái và gia tăng giá trị chuỗi nông nghiệp của Công ty.

DANH MỤC SẢN PHẨM

MÍA

88 SẢN PHẨM ĐƯỜNG

7 SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG VÀ SAU ĐƯỜNG

2 SẢN PHẨM NƯỚC KHOÁNG



DỪA

39 SẢN PHẨM DỪA



CHUỐI

71 SẢN PHẨM CHUỐI



DANH MỤC DỊCH VỤ



DỊCH VỤ GIẢI PHÁP NÔNG NGHIỆP TÍCH HỢP (6S)

S1 - Giải pháp dinh dưỡng cây trồng

S2 - Giải pháp cơ giới hóa và canh tác thông minh

S3 - Giải pháp bảo vệ thực vật

S4 - Giải pháp tưới thông minh

S5 - Giải pháp giống cây trồng

S6 - Giải pháp số hóa

GẠO

22 SẢN PHẨM GẠO



PHÂN BÓN

10 SẢN PHẨM PHÂN BÓN

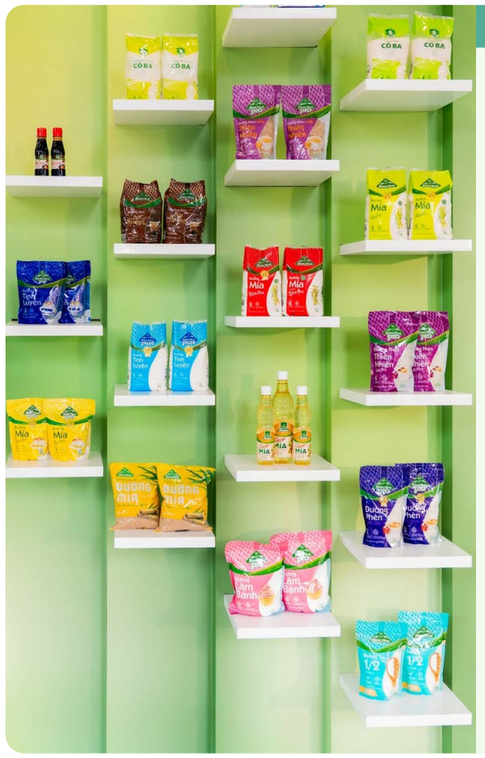


ĐIỆN

2 SẢN PHẨM ĐIỆN



Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)



MÍA

88 sản phẩm Đường

- **6** sản phẩm Đường Organic
- **12** sản phẩm Đường phèn
- **8** sản phẩm Đường vàng
- **7** sản phẩm Đường chức năng
- **14** sản phẩm Đường lỏng
- **25** sản phẩm Đường RE
- **14** sản phẩm Đường RS
- **2** sản phẩm Đường Mix

7 sản phẩm Cạnh Đường và Sau Đường

- **2** sản phẩm Nước uống hương mía tự nhiên CANE FRESH
- Bã mía
- Mật rỉ
- **3** sản phẩm Nước màu

2 sản phẩm nước khoáng

- **2** sản phẩm Nước khoáng kiềm thiên nhiên DAKAI



DỪA

39 sản phẩm từ dừa

- **10** sản phẩm nước uống từ dừa
- **12** sản phẩm sữa dừa và sữa Barista
- **17** sản phẩm nước cốt dừa



CHUỐI

71 sản phẩm Chuối

- **15** sản phẩm Chuối già Nam Mỹ Smiley
- **56** sản phẩm Chuối Dole xuất khẩu



GẠO

22 sản phẩm gạo

- **1** sản phẩm Gạo E-Clean thơm hảo hạng
- **3** sản phẩm Gạo Cô Ba dẻo thơm
- **4** sản phẩm gạo Cô Ba nở xốp
- **9** sản phẩm gạo trắng
- **1** sản phẩm gạo thơm lài sữa
- **2** sản phẩm gạo Nàng Thơm
- **1** sản phẩm gạo Tài Nguyên
- **1** sản phẩm gạo Móng Chim



PHÂN BÓN

10 sản phẩm phân bón

- **7** sản phẩm phân hữu cơ
- **1** sản phẩm phân hữu cơ vi sinh
- **2** sản phẩm phân bón lá



SẢN PHẨM KHÁC

2 sản phẩm điện

- Điện năng lượng mặt trời
- Điện sinh khối



DỊCH VỤ GIẢI PHÁP NÔNG NGHIỆP TÍCH HỢP (6S)

- **S1** - Giải pháp dinh dưỡng cây trồng
- **S2** - Giải pháp cơ giới hóa và canh tác thông minh
- **S3** - Giải pháp bảo vệ thực vật
- **S4** - Giải pháp tưới thông minh
- **S5** - Giải pháp giống cây trồng
- **S6** - Giải pháp số hóa

Danh mục sản phẩm từ mía

SẢN PHẨM ĐƯỜNG

1. Đường Organic TTC Attapeu/TTC Biên Hòa











Quy cách đóng gói:

- Bao 1 tấn
- Bao 25kg
- Túi giấy 400g
- Hũ 800g

Phân loại sản phẩm:

- Đường vàng
- Đường nâu

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm Đường hữu cơ đáp ứng tiêu chuẩn USDA và Châu Âu;
- Dòng sản phẩm sạch, quy trình sản xuất từ trồng mía đến sản xuất và kinh doanh đáp ứng theo quy trình hữu cơ nghiêm ngặt của quốc tế.

2. Đường phèn

Đường phèn nguyên chất Biên Hòa Pro/TSU Diamond









Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg
- Bao 25kg
- Túi nhỏ 500g
- Hũ 450g

Phân loại sản phẩm:

- Đường trắng

Ưu điểm sản phẩm:

- Đường kích cỡ hạt nhỏ theo thị hiếu Người tiêu dùng;
- Vị ngọt thanh mát, sử dụng chế biến các sản phẩm: nước yến, nước thanh nhiệt, hầm thuốc bắc, nấu chè,...

2. Đường phèn

Đường phèn thiên nhiên Biên Hòa Pro









Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg
- Túi nhỏ 500g
- Túi 1Kg

Phân loại sản phẩm:

- Đường trắng
- Đường vàng

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm thủ công, Đường kích cỡ hạt to theo thị hiếu Người tiêu dùng;
- Vị ngọt thanh mát, sử dụng chế biến các sản phẩm: nước yến, nước thanh nhiệt, hầm thuốc bắc, nấu chè,...

Đường phèn Monorock Cô Ba/Mimosa













Quy cách đóng gói:

- Bao 10kg
- Bao 25kg
- Túi nhỏ 1kg (bao 20 túi)

Phân loại sản phẩm:

- Đường trắng
- Đường vàng

Ưu điểm sản phẩm:

- Đường kích cỡ hạt to, theo thị hiếu Người tiêu dùng;
- Vị ngọt, thanh mát được áp dụng rộng rãi trong các sản phẩm: nước yến, nước thanh nhiệt, hầm thuốc bắc, nấu chè,...

I Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

3. Đường vàng

Đường vàng thiên nhiên Biên Hòa Gold/Mimosa/Cô Ba/Đường mía thiên nhiên















Quy cách đóng gói:

- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao giấy 25kg
- Túi nhỏ 1kg (bao 20 túi)
- Túi nhỏ 500g (bao 40 túi)
- Que 6g (túi 300g, thùng)

Ưu điểm sản phẩm:

- Dòng sản phẩm truyền thống, giữ hương vị tự nhiên của mía;
- Sản phẩm chất lượng cao, quá trình kiểm soát sản xuất nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn FFSC 22000.

Đường Thanh Thiên Nhiên





Quy cách đóng gói:

- Hộp 500g (thùng 24 hộp)

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm dạng thỏi, hương caramel đặc trưng, mùi thơm ngọt ngào, vị ngọt thanh dịu
- Phù hợp với các món: chè trôi nước, bánh bông lan, bánh flan, tàu hũ, mứt, kẹo đậu phộng, bánh tổ, bánh cam, nước sốt, nước mắm cơm tấm, các món kho, nướng,..

4. Đường chức năng

Đường đen Nữ Hoàng







Quy cách đóng gói:

- Túi nhỏ 1kg (bao 20 túi)
- Bao 50kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Sử dụng lượng mật mía 200%, giúp tăng độ ngọt, đậm vị mật mía;
- Có nguồn gốc tự nhiên, không chất tạo màu, tạo mùi, an toàn cho sức khỏe;
- Được sản xuất từ 100% mía đường không biến đổi gen;
- Phù hợp để làm nguyên liệu chế biến cho sốt BBQ, ướp thịt, các món hầm, bánh chocolate, xiro bánh kép, trà sữa,...

Đường chức năng - Đường làm bánh Biên Hòa Pro







Quy cách đóng gói:

- Túi nhỏ 1kg (thùng 24 túi)
- Bao giấy 25kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Đường bột tinh luyện trắng siêu mịn, chống vón cục, chuyên dụng cho làm bánh;
- Tạo độ mềm, mịn cho kết cấu của bánh, phù hợp và tiện dụng trong chế biến, trang trí các loại bánh.

Đường chức năng - Đường mía khoáng chất





Quy cách đóng gói:

- Túi nhỏ 1kg (bao 20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:

- Thực phẩm bổ sung các nguyên tố vi lượng: Kali, Canxi, Magie, Sắt;
- Bổ sung các nguyên tố vi lượng cho khẩu phần ăn hàng ngày.

Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

4. Đường chức năng

Đường ½





Quy cách đóng gói:

- Túi nhỏ 500g (thùng 24 túi)

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm là hỗn hợp đồng nhất giữa 99,5% Đường tinh khiết và 0,5% Đường từ cỏ ngọt;
- Giúp giảm ½ lượng Đường sử dụng nhưng vẫn giữ nguyên độ ngọt cần thiết.

Đường ăn kiêng Biên Hòa Light





Quy cách đóng gói:

- Túi nhỏ 5g (Hộp 250g, thùng 12 hộp)

Ưu điểm sản phẩm:

- Chiết xuất hoàn toàn từ củ cải đường, không làm ảnh hưởng đến đường huyết, thích hợp cho người ăn kiêng, bị bệnh tiểu đường, bệnh béo phì và giúp kiểm soát cân nặng;
- Thành phần tốt cho sức khỏe, hạn chế tăng đường huyết.

5. Đường lỏng

Syrup Mía









Quy cách đóng gói:

- Chai 4,8 lít (thùng 4 chai)
- Chai 700ml (thùng 12 chai)
- Chai 400ml (thùng 24 chai)
- Túi 1L (thùng 10 túi)
- Que 6ml (Túi 300ml, thùng 30 túi)

Ưu điểm sản phẩm:

- Dễ tan ngay cả trong nước lạnh, giảm tính kết tinh cho các sản phẩm được sản xuất khi dùng;
- Đường mía lỏng mang vị ngọt đặc trưng của mía đường và có độ ngọt cao hơn so với đường tinh luyện thông thường nhờ có sự hiện diện của Đường fructose tự nhiên.

5. Đường lỏng

Đường lỏng xuất khẩu



Quy cách đóng gói:

- Flexibag 18m³ ~ 24 tấn

Ưu điểm sản phẩm:

- Hàm lượng Đường ổn định, dễ pha chế và sử dụng;
- Tiện lợi và tiết giảm các chi phí nhân công, lưu kho, chi phí sản xuất,... cho Khách hàng doanh nghiệp;
- Đáp ứng các yêu cầu tiên tiến của sản xuất xanh và tự động hóa.

Đường lỏng nội địa Mimosa





Quy cách đóng gói:

- Flexibag 24m³ ~ 32 tấn
- Flexibag 18m³ ~ 24 tấn
- IBC tank 1m³ ~ 1,3 tấn

Ưu điểm sản phẩm:

- Hàm lượng Đường ổn định, dễ pha chế và sử dụng;
- Nhiều độ màu: 100 IU, 70 IU, 45 IU và quy cách đóng gói, đáp ứng đa dạng hóa nhu cầu của Khách hàng;
- Tiện lợi và tiết giảm các chi phí nhân công, lưu kho, chi phí sản xuất,\cho Khách hàng doanh nghiệp;
- Đáp ứng các yêu cầu tiên tiến của sản xuất xanh và tự động hóa;
- Có các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn sử dụng từ AgriS.
- Đáp ứng các yêu cầu tiên tiến của sản xuất xanh và tự động hóa.

Syro mía



Quy cách đóng gói:

- Flexibag 18m³ ~ 24 tấn

Ưu điểm sản phẩm:

- Hàm lượng Đường ổn định, dễ sử dụng;
- Chứa hàm lượng dinh dưỡng cao và có mùi thơm đặc trưng của Mía;
- Sử dụng làm nguồn nguyên liệu thô của quá trình lên men sản xuất rượu, đồ uống.

Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

6. Đường RE

Đường tinh luyện thượng hạng Biên Hòa Pure/Mimosa



Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Dòng sản phẩm cao cấp nhất của Đường tinh luyện, độ màu thấp, chất lượng cao;
- Đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt của Dược phẩm, Nước giải khát theo tiêu chuẩn quốc tế.

Đường RE - Đường tinh luyện đặc biệt Biên Hòa Pure / Mimosa/Sticksu / Biên Hòa Joy / Đường mía thượng hạng



Quy cách đóng gói:

- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao 25kg
- Túi 500g/1kg (bao 40 túi/20 túi)
- Hũ 800g
- Que 6g/8g (túi 50 que)

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm tiện lợi theo nhu cầu sử dụng của khách hàng;
- Dòng sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt về nguyên liệu đường của các doanhnghiệp quốc tế.

6. Đường RE

Đường tinh luyện cao cấp Biên Hòa Pure/Mimosa



Quy cách đóng gói:

- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao 25kg
- Bao 12kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Chất lượng RE cao cấp, phù hợp các nhóm Khách hàng yêu cầu cao về chất lượng, độ màu ở mức trung bình;
- Đa dạng quy cách đóng gói.

Đường tinh luyện xuất khẩu Biên Hòa Pure



Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg
- Bao 12kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu quốc tế;
- Phù hợp nhiều lĩnh vực sản xuất.

Đường tinh luyện tiêu chuẩn Biên Hòa Pure/Mimosa/Đường mía cao cấp



Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg
- Túi 0,5kg/1kg (bao 40 túi/20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:

- Chất lượng Đường tinh luyện RE tiêu chuẩn;
- Giá thành cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của các Khách hàng cần tiêu chuẩn kiểm soát cao, không yêu cầu về độ màu.

Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

6. Đường RE

Đường tinh luyện hạt nhuyễn Biên Hòa/Mimosa





Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Chất lượng Đường tinh luyện RE tiêu chuẩn;
- Giá thành cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng cần tiêu chuẩn kiểm soát cao, không yêu cầu về độ màu.

7. Đường RS

Đường trắng thượng hạng Biên Hòa/Mimosa







Quy cách đóng gói:

- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao 12kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Đáp ứng nhu cầu Khách hàng về chất lượng (gần tương đương RE) và độ màu phù hợp;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.

Đường trắng cao cấp Mimosa/TSU/Cô Ba













Quy cách đóng gói:

- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao 25kg
- Bao 12kg
- Túi 1kg (bao 20 túi)
- Túi 500g (bao 40 túi)

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm RS với yêu cầu chất lượng cao;
- Có nhiều kích cỡ hạt thường và hạt to đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.

7. Đường RS

Đường trắng tiêu chuẩn TTC Ninh Hoà/TTC Phan Rang/TTC Gia Lai/SEC/ Biên Hòa Saving/Biên Hoà Sugar











Quy cách đóng gói:

- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao 12kg
- Túi 1kg (Bao 20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm RS với yêu cầu chất lượng cao;
- Có nhiều kích cỡ hạt thường và hạt to đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.

Đường kính trắng TTC Phan Rang/TTC Gia Lai





Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg
- Bao 12kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm RS với yêu cầu chất lượng cao;
- Kích cỡ hạt thường và hạt to đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.hàng cần tiêu chuẩn kiểm soát cao, không yêu cầu về độ màu.

Đường RS - Đường Mix





Quy cách đóng gói:

- Bao 50kg

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm RS với yêu cầu chất lượng cao;
- Kích cỡ hạt thường và hạt to đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng xuất khẩu.

Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG - SAU ĐƯỜNG

1. Nước uống hương mía tự nhiên Cane Fresh



Quy cách đóng gói:

- Chai 500ml (24 chai/thùng)
- Chai 355ml (24 chai/thùng)

Ưu điểm sản phẩm:

- Quy trình sản xuất hiện đại, khép kín;
- Không chất bảo quản, hoàn toàn tự nhiên, tinh khiết;
- Giữ được mùi hương của cây mía, được trích xuất hoàn toàn tự nhiên không thêm bất kỳ loại phụ gia nào;
- Hỗ trợ khả năng tiêu hoá, trao đổi chất; Đồng thời giúp kiềm hoá cơ thể, gia tăng các tế bào khoẻ mạnh trong khi đó các tế bào xấu đều mang tính axit với độ pH 8,3.

2. Bã mía



Thông tin sản phẩm:

- Nguồn phụ phẩm thu được sau khi ép lấy nước mía;
- Là nguồn chất đốt cung cấp nhiệt cho các lò hơi nhà máy sản xuất Mía Đường;
- Nguồn nguyên liệu sản xuất nấm, bột giấy, ván ép, thức ăn gia súc,...;
- Nguồn nguyên liệu để sản xuất các chế phẩm than hoạt tính, phân vi sinh,...

Mục đích sử dụng:

- Nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm Cạnh Đường và Sau Đường của Công ty.

3. Mật rỉ



Thông tin sản phẩm:

- Nguồn phụ phẩm thu được của quá trình sản xuất Đường;
- Thành phần chính là Đường saccharose, gluco, fructose, và các protein, khoáng chất;
- Là nguồn dinh dưỡng để thực hiện các quá trình lên men trong sản xuất cồn, bột ngọt, thức ăn gia súc, nấm men dinh dưỡng,...;
- AgriS đã nghiên cứu và triển khai nhiều dự án để nâng cao giá trị của mật rỉ như sử dụng cho công nghiệp chế biến, làm bánh, nấu ăn,...

4. Nước màu

Nước màu Bếp Xưa



Quy cách đóng gói:

- Chai 210g (48 chai/thùng)
- Can 28 lít

Ưu điểm sản phẩm:

- Mật mía tự nhiên được sản xuất chế biến đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Hương vị đặc trưng của Mật mía tự nhiên, hoàn toàn không bổ sung các thành phần tạo màu độc hại;
- Sử dụng để tẩm ướp thực phẩm tạo màu sắc đậm đà cho các món ăn.

Nước màu nguyên chất



Quy cách đóng gói:

- Can 28 lít

Ưu điểm sản phẩm:

- Mật mía tự nhiên được sản xuất chế biến đảm bảo yêu cầu vệ sinh ATTP;
- Hương vị đặc trưng của Mật mía tự nhiên, hoàn toàn không bổ sung các thành phần tạo màu độc hại;
- Sản phẩm không sử dụng chất bảo quản, hạn sử dụng 6 tháng, phù hợp với các công ty chế biến, sử dụng thay thế các chất tạo màu hóa học và tạo hương vị tự nhiên cho sản phẩm cũng như tăng thêm giá trị dinh dưỡng của mật mía.

SẢN PHẨM NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN

Nước khoáng kiềm thiên nhiên Dakai



Quy cách đóng gói:

- Chai 500ml (24 chai/thùng)
- Chai 355ml (24 chai/thùng)

Ưu điểm sản phẩm:

- Nguồn nước khoáng bổ sung I-ot tự nhiên được Viện Pasteur phân tích 1956
- Nguồn nước khoáng đầu tiên tại VN được Tổ chức Y tế Thế giới WHO công nhận
- Top 3 mỏ khoáng lâu đời (70 năm).
- Bổ sung các ION KIM LOẠI KIỀM như bicarbonat, canxi, magie, kali; hỗ trợ khả năng tiêu hóa, trao đổi chất; giúp kiềm hóa cơ thể (pH), gia tăng các tế bào khỏe mạnh.

Danh mục sản phẩm từ dừa



NƯỚC DỪA ĐÓNG HỘP



Quy cách đóng gói:

- Hộp 330ml và 1.000ml

Phân loại sản phẩm:

- Nước dừa nguyên chất (Nước dừa xiêm xanh, Nước dừa Organic);
- Nước dừa trái cây (Nước dừa dứa non, Nước dừa xiêm tắc, Nước dừa xiêm sen).

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm được sản xuất hoàn toàn từ nước dừa tươi nguyên chất Bến Tre;
- Sản xuất bằng công nghệ UHT trực tiếp từ Tetra Pak đảm bảo giữ trọn vẹn hương vị và giá trị dinh dưỡng của trái dừa;
- Đạt chứng nhận Halal, Kosher, Organic, Non-GMO,...



NƯỚC DỪA ĐÓNG CHAI



Quy cách đóng gói:

- Chai 350ml (24 chai / thùng)

Phân loại sản phẩm:

- Nước dừa nguyên bản
- Nước dừa thạch dừa tươi

Ưu điểm sản phẩm:

- Thạch dừa tươi giòn dai nhai thật đã.
- Nguyên liệu nước dừa từ Bến Tre;
- Bù nước bù khoáng, cung cấp chất điện giải Natri, Katri
- Không chất tạo màu nhân tạo



SỮA DỪA/ SỮA DỪA BARISTA

Quy cách đóng gói:

- Đối với sữa dừa: Hộp 330ml và 1.000ml
- Đối với sữa dừa barista: Hộp 200ml và 1.000ml

Ưu điểm sản phẩm:

- Là sự kết hợp tinh tế của nước dừa nguyên chất cùng sữa dừa ép lạnh từ cơm dừa tươi, tạo nên thức uống dinh dưỡng, thanh mát.
- 100% từ sữa thực vật, phù hợp cho người ăn chay
- Đa dạng sản phẩm: sữa dừa nguyên chất, sữa dừa không đường, sữa dừa cà phê, sữa dừa chocolate, sữa Barista...
- Đạt chứng nhận Halal, Kosher, Organic, Non-GMO,...





NƯỚC CỐT DỪA

Quy cách đóng gói:

- Theo các dung tích 200ml, 400ml, 1 lít

Ưu điểm sản phẩm:

- Không chất bảo quản - Không chất tạo màu - Không chất tạo béo;
- Công nghệ ép lạnh hàng đầu giúp sản phẩm ít bị biến đổi bởi nhiệt độ;
- Sản xuất ngay trong vòng 24 giờ, giữ nguyên vị tinh túy của trái dừa Bến Tre.



I Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

Danh mục sản phẩm chuối

1. Chuối già Nam Mỹ Smiley

Quy cách đóng gói: Chuối nải/nhánh, 1 trái lẻ

Thị trường phân phối: nội địa

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản xuất theo quy trình chuối Dole;
- Quả dài, cong, mập đều;
- Tươi, sạch, không sâu bệnh, đạt chuẩn an toàn thực phẩm, không vượt mức tối đa tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm;
- Không cấn dập, dính bùn đất;
- Độ chín theo yêu cầu của khách hàng;
- Đóng gói theo nhiều quy cách: Hộp 1kg, thùng 5kg, thùng 8kg, thùng 13kg;

Thời gian bảo quản: 5 ngày



2. Chuối Dole xuất khẩu

Quy cách đóng gói:

- Thùng 13kg, 14kg, 15kg

Phân loại sản phẩm:

- Chuối tươi loại A: 41 sản phẩm
- Chuối tươi loại B: 15 sản phẩm

Thị trường phân phối: Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Singapore

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản xuất theo quy trình chuối Dole;
- Quả dài, cong, thon đều, đúng kích thước thị trường yêu cầu;
- Tươi, sạch, không sâu bệnh, đạt chuẩn an toàn thực phẩm, không vượt mức tối đa tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm;
- Không cấn dập, dính bùn đất;
- Chuối xanh, bảo quản và vận chuyển ở nhiệt độ 14 - 16oC;

Thời gian bảo quản: 30-40 ngày.





Danh mục sản phẩm gạo

1. Gạo E-Clean thơm hảo hạng

Quy cách đóng gói: 5Kg

Chiều dài: 7,0 - 7,3 mm

Đặc tính: Dẻo thơm

Công dụng: Dùng làm lương thực

Đặc điểm:

- Hạt gạo đẹp, cơm dẻo mềm.
- Hương thơm tự nhiên.



2. Gạo Cô Ba dẻo thơm

Quy cách đóng gói:

- 10kg, 25kg, 50kg

Chiều dài: 6,7 - 7,1 mm

Đặc tính: Dẻo thơm

Công dụng: Dùng làm lương thực

Đặc điểm:

- Mặt gạo đẹp, cơm chín dẻo thơm, không vón cục.



3. Gạo Cô Ba nở xốp

Quy cách đóng gói:

- 5Kg, 10kg, 25kg, 50kg

Chiều dài: 6,2 - 6,5 mm

Đặc tính: Nở, xốp

Công dụng: Dùng làm lương thực, thực phẩm, sản xuất công nghiệp.

Đặc điểm:

- Hạt cơm chín tơi, không dính, dễ nấu, lợi cơm.



4. Gạo trắng

Quy cách đóng gói:

- 5Kg, 10kg, 25kg, 50kg

Chiều dài:

- 6,2 - 6,5 mm
- 6,2 - 6,8 mm
- 6,7 - 7,1 mm

Đặc tính: Nở, xốp

Công dụng: Dùng làm lương thực, thực phẩm, sản xuất công nghiệp.

Đặc điểm:

- Cơm nở xốp và khô;
- Khi nấu cơm không bị dính vào nhau.



Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

Danh mục sản phẩm phân bón

Các dòng sản phẩm phân bón của AgriS được nghiên cứu và sản xuất với tầm nhìn "Cung cấp các giải pháp nông nghiệp bền vững cho đất, cải thiện năng suất cây trồng, tăng hiệu quả cho Người nông dân". Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển thành các dòng chuyên dùng cho từng loại cây trồng, nhằm mang đến hiệu quả tối ưu, hỗ trợ nhà nông có vụ mùa bội thu, và thúc đẩy mô hình canh tác tuần hoàn, bền vững. Sản phẩm hiện không chỉ được sử dụng trên chính các vùng canh tác của AgriS, mà còn được phân phối rộng rãi ra thị trường, được nhiều nhà nông tin dùng và đồng hành hướng tới một nền nông nghiệp bền vững.

CÁC SẢN PHẨM PHÂN BÓN HIỆN TẠI CỦA AGRIS



Nguồn: AgriS

NHÓM PHÂN HỮU CƠ TRUYỀN THỐNG

1. Mixa – hữu cơ 22%

Phân hữu cơ nền chuyên dùng cho mía và cây công nghiệp

Phân hữu cơ có nguồn gốc từ mùn bã mía ủ vi sinh; cung cấp nguồn hữu cơ nền, hỗ trợ cải thiện môi trường đất và nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng cho mía và cây công nghiệp.



2. Mito – hữu cơ 25% + Biochar

Hữu cơ tăng cường Biochar và vi sinh, ưu tiên cho đất cần cải thiện khả năng giữ ẩm – giữ dinh dưỡng

Phân hữu cơ từ mùn bã mía, kết hợp Biochar và 3 nhóm vi sinh vật có ích. Công thức hỗ trợ cải thiện cấu trúc đất, khả năng giữ ẩm – giữ dinh dưỡng và tạo môi trường thuận lợi cho bộ rễ phát triển.



3. Bela – hữu cơ 30%

Phân hữu cơ chuyên dùng làm nền dinh dưỡng; phù hợp bón lót và bón thúc nhằm bổ sung hữu cơ, cải thiện môi trường đất và hỗ trợ hiệu quả sử dụng dinh dưỡng cho cây trồng

Sản phẩm có nguồn gốc từ phụ phẩm mía đường, qua quá trình phân hủy tự nhiên, xử lý mầm bệnh, cỏ dại và bổ sung hệ vi sinh vật có ích nên đảm bảo an toàn cho đất, tốt cho cây



4. Cago – hữu cơ 32%

Phân hữu cơ nền đa dụng cho cây lương thực, cây công nghiệp và rau màu

Phân hữu cơ có hàm lượng chất hữu cơ 32%, phù hợp sử dụng làm nguồn dinh dưỡng nền cho nhiều nhóm cây trồng, hỗ trợ cải thiện đất và nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón.



Danh mục sản phẩm đa dạng của AgriS (tiếp theo)

NHÓM PHÂN HỮU CƠ TRUYỀN THỐNG

5. Dato – hữu cơ 45%

Phân hữu cơ hàm lượng cao, dùng để tăng cường nền hữu cơ cho nhiều nhóm cây trồng.

Phân hữu cơ hàm lượng cao, cung cấp nguồn hữu cơ tập trung nhằm hỗ trợ cải thiện độ phì, cấu trúc và khả năng giữ ẩm của đất. Phù hợp sử dụng làm nền cho cây lương thực, cây công nghiệp và rau màu



6. Biola – hữu cơ 50%

Hữu cơ hàm lượng cao dành cho cây lâu năm và cây ăn trái.

Phân hữu cơ có hàm lượng chất hữu cơ 50%, phù hợp bổ sung hữu cơ định kỳ cho cây công nghiệp lâu năm và cây ăn trái, đặc biệt tại những vườn cần duy trì độ phì và cải thiện môi trường vùng rễ



7. Cahuco – hữu cơ + Ca 40%

Hữu cơ chuyên biệt cho đất chua, đất có pH thấp và cần bổ sung canxi.

Phân hữu cơ chuyên biệt kết hợp hàm lượng canxi cao, hỗ trợ cải thiện môi trường đất chua, bổ sung canxi và tạo điều kiện thuận lợi cho bộ rễ hấp thu dinh dưỡng.



NHÓM PHÂN HỮU CƠ VI SINH

Biotani

Hữu cơ vi sinh – vi lượng đạt tiêu chuẩn đầu vào cho sản xuất hữu cơ.

Phân hữu cơ vi sinh – vi lượng kết hợp 3 nhóm vi sinh vật có ích với đồng và kẽm, chuyên dùng làm nền cho mía. Nguồn nguyên liệu được chứng nhận phù hợp sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn USDA NOP và EU



NHÓM PHÂN BÓN LÁ

1. Root Booster

Ra rễ – hồi phục – đẻ nhánh, phù hợp mốc 30–45 ngày.

Phân bón lá NPK – hữu cơ chuyên dùng cho mía ở giai đoạn phát triển bộ rễ và đẻ nhánh, hỗ trợ cây hình thành nền sinh trưởng khỏe ngay từ đầu vụ.

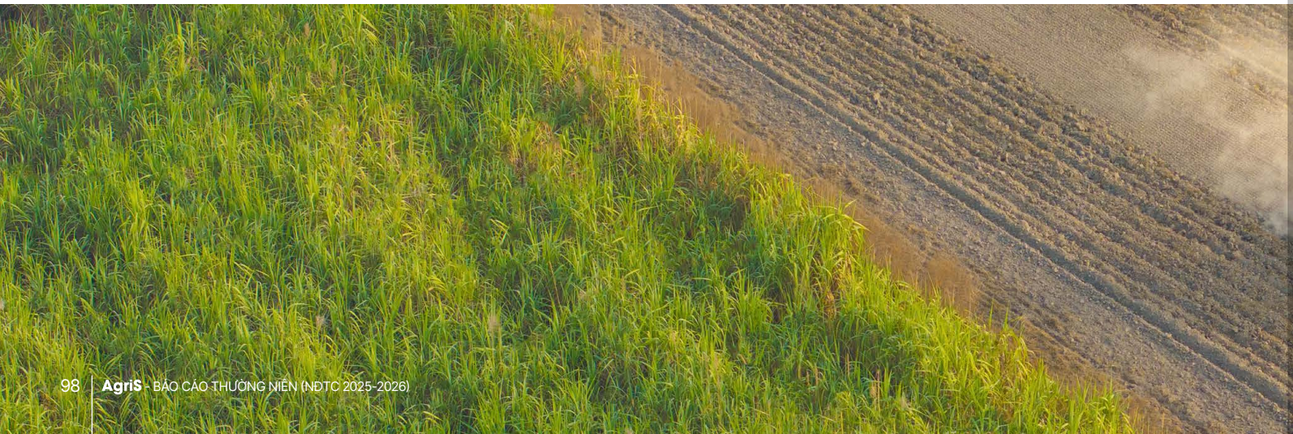


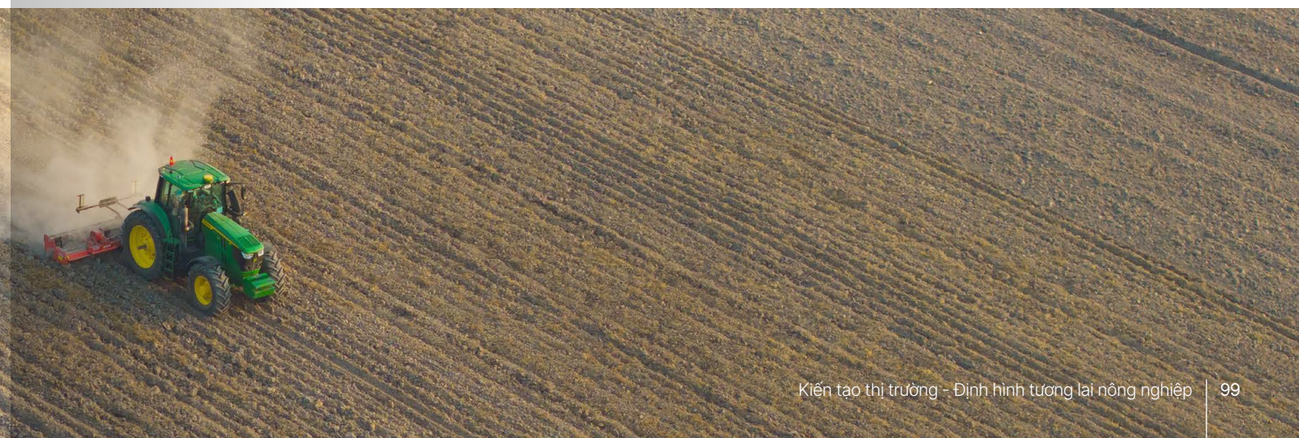
2. Grow Booster

Sinh trưởng mạnh – vươn lóng, phù hợp mốc 60–120 ngày.

Phân bón lá NPK – hữu cơ có công thức dinh dưỡng cân đối, chuyên dùng cho mía trong giai đoạn sinh trưởng mạnh và vươn lóng, hỗ trợ phát triển thân và duy trì đà tăng trưởng.







Danh mục sản phẩm khác

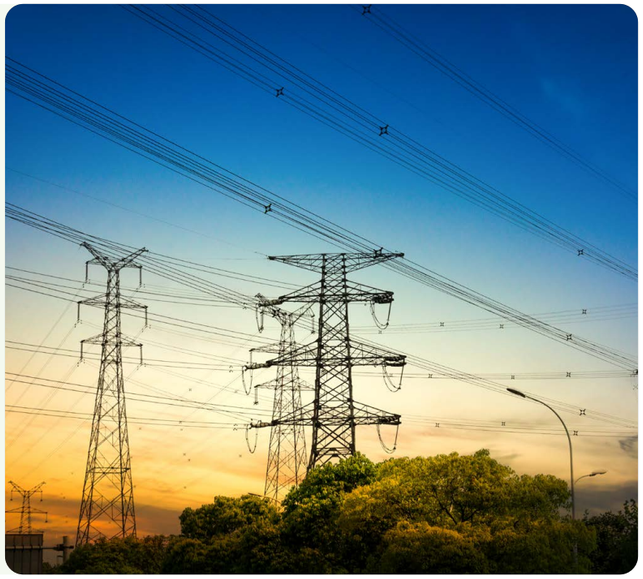
ĐIỆN SINH KHỐI

Thông tin sản phẩm

- Nguồn điện được phát ra từ turbine lò hơi sau khi đốt bã mía.
- Một phần được sử dụng cho sản xuất và các hoạt động của Công ty, phần còn lại được hòa vào lưới điện quốc gia.
- Đây là nguồn năng lượng tái tạo từ nhiên liệu sinh khối, góp phần hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch, giúp bảo vệ môi trường.
- Góp phần giải quyết tình trạng thiếu điện vào mùa khô của Việt Nam vào mùa khô khi nguồn năng lượng thủy điện bị thiếu hụt.

Mục đích sử dụng

- Tiêu thụ nội bộ
- Bán lên lưới điện quốc gia



ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Thông tin sản phẩm

- Nguồn điện được phát ra từ hệ thống tấm pin hấp thụ nhiệt năng của mặt trời, được lắp trên các mái kho hoặc nhà xưởng để tận dụng diện tích.
- Đây là nguồn năng lượng tái tạo từ năng lượng mặt trời, góp phần giảm phát thải, hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch, giúp bảo vệ môi trường.

Mục đích sử dụng

- Bán lên lưới điện quốc gia



DỊCH VỤ GIẢI PHÁP NÔNG NGHIỆP TÍCH HỢP (6S)

S1 Giải pháp dinh dưỡng cây trồng	Giải pháp được phát triển theo mô hình Nutrient-as-a-Service, được xây dựng xuyên suốt từ phân tích đất, xây dựng khuyến cáo dinh dưỡng, lựa chọn công thức và phương pháp bón phù hợp đến quản lý chương trình dinh dưỡng trên nền tảng số AgriOS, hướng tới sử dụng phân bón hiệu quả, cải thiện sức khỏe đất và nâng cao năng suất cây trồng.
S2 Giải pháp cơ giới hóa và canh tác thông minh	Giải pháp tích hợp thiết bị, dịch vụ kỹ thuật, đào tạo vận hành, bảo trì, phụ tùng, tài chính và dữ liệu số thay vì cung cấp máy móc đơn lẻ. Các giải pháp được thiết kế phù hợp với từng cây trồng, vùng canh tác và nhóm khách hàng, đồng thời từng bước kết nối dữ liệu vận hành thiết bị với nền tảng AgriOS nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị và tối ưu hoạt động sản xuất.
S3 Giải pháp bảo vệ thực vật	Giải pháp được phát triển theo hướng kết hợp giữa biện pháp hóa học và phi hóa học, phù hợp với điều kiện cây trồng và thực tế sản xuất. Trong đó, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) là một trong những định hướng nhằm hỗ trợ kiểm soát sinh vật gây hại theo cách tiếp cận tổng hợp và nâng cao hiệu quả canh tác.
S4 Giải pháp tưới thông minh	Giải pháp ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt làm trọng tâm, giúp đưa nước trực tiếp đến vùng rễ, giảm thất thoát và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước. Giải pháp góp phần duy trì độ ẩm phù hợp cho cây trồng, hỗ trợ tối ưu công tác tưới và nâng cao hiệu quả canh tác trong từng điều kiện sản xuất.
S5 Giải pháp giống cây trồng	Giải pháp kết hợp nghiên cứu, tuyển chọn và cung ứng cây giống, tập trung vào các cây trồng chủ lực gồm mía, chuối, dứa và dừa. Công nghệ nuôi cấy mô được ứng dụng nhằm nhân nhanh các giống cây, hỗ trợ quá trình phục tráng hoặc khảo nghiệm giống. Riêng đối với cây mía, nhiều năm qua AgriC đã triển khai chương trình giống 3 cấp, sản xuất mía một mắt mầm, cung cấp cho bà con nông dân nguồn giống sạch bệnh, thuần chủng.
S6 Giải pháp số hóa	AgriOS được định hướng là nền tảng số kết nối dữ liệu và các nhóm giải pháp trong hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp của AgriC. Thông qua việc tích hợp dữ liệu từ hoạt động canh tác, dinh dưỡng, thiết bị và các giải pháp kỹ thuật, AgriOS hỗ trợ theo dõi, quản lý và nâng cao khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu.



Kênh phân phối chính

Doanh nghiệp - B2B

>2.000 KHÁCH HÀNG

MNC - Nhóm khách hàng doanh nghiệp đa quốc gia và công nghiệp lớn, với các đối tác tiêu biểu:

SME - Nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ với các đối tác tiêu biểu:

Thương mại

>680 ĐỐI TÁC

Đại lý cấp 1,2,3,4 trên toàn quốc

Tiêu dùng - B2C

>63.000 ĐIỂM BÁN KÊNH TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

>140 ĐỐI TÁC NHÀ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ

Xuất khẩu

88 QUỐC GIA

Châu Mỹ:	**15** quốc gia
Châu Âu:	**32** quốc gia
Châu Á:	**29** quốc gia
Châu Phi:	**10** quốc gia
Châu Úc và Châu Đại Dương:	**2** quốc gia

Kênh E-Selling

Kênh bán hàng thương mại điện tử (ECOM) ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc, với tổng cộng **136.590** khách hàng mới từ Lazada, Shopee, Tiktok và website.

- Hệ thống Affiliate vượt mốc **20.000** nhà sáng tạo
- Tổng số lượng khách hàng hơn **160.000**, với số lượng đơn hàng vượt mốc **262.000** đơn.
- TOP 1 ngành hàng Đường & chất tạo ngọt trên tất cả sàn TMĐT lớn tại VN: Shopee, Tiktok & Lazada; TOP 3 ngành hàng Đồ uống sàn Shopee (sau Nestle & Vinamilk)



03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

106 Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế
114 Giới thiệu Hội đồng quản trị
120 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
136 Định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị
139 Báo cáo của Các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
- Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
- Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
- Báo cáo của các Uỷ ban khác trực thuộc Hội đồng Quản trị

160 Bộ Quy chế ứng xử
162 Quản trị rủi ro
170 Tuân thủ pháp luật
176 Quan hệ Nhà đầu tư
182 Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty

Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế

Trong niên độ 2025 - 2026, AgriS tiếp tục củng cố và hoàn thiện nền tảng quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiệu quả và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Đây là nền tảng để Công ty hiện thực hóa mục tiêu **"Kiến tạo thị trường - Định hình nông nghiệp tương lai"**, thông qua việc nâng cao năng lực quản trị, mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

AgriS áp dụng một hệ thống quản trị doanh nghiệp xuyên suốt, nhất quán, hiệu lực và hiệu quả trên phạm vi toàn Công ty. Hệ thống được thiết kế và vận hành dựa trên 04 nền tảng giá trị: Công bằng - Minh bạch - Trách nhiệm - Trách nhiệm giải trình và 06 trụ cột cốt lõi: Quản trị - Con người - Quy trình - Công nghệ - Quản trị chuỗi giá trị liên kết - Quản trị rủi ro doanh nghiệp toàn diện.

Với mục tiêu hướng đến mô hình phát triển nông nghiệp bền vững, bảo đảm hiệu quả kinh tế song hành với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Các yếu tố ESG được tích hợp vào chiến lược phát triển của toàn Công ty và hoạt động vận hành, sản xuất - kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong hệ sinh thái AgriS, đảm bảo các cam kết, mục tiêu về phát triển bền vững được đưa vào KPI cá nhân, đơn vị và giám sát thực thi hiệu quả.



CÁC CHUẨN MỰC VÀ THÔNG LỆ QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT AGRIS ĐANG THAM CHIẾU ĐỂ ÁP DỤNG

Ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản trị công ty như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/ NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP), Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ, Thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn Công bố trên thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC, Thông tư 18/2025/TT-BTC), AgriS còn tiên phong áp dụng và thực hành theo các thông lệ và chuẩn mực QTCT quốc tế cao hơn. Các thông lệ này là cơ sở để AgriS phát triển các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng quản trị theo hướng minh bạch, hiệu quả và tiệm cận các thông lệ quốc tế.

Chuẩn mực/ thông lệ áp dụng	Nội dung tham chiếu
Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2023)	• Đảm bảo cơ sở cho khuôn khổ Quản trị Công ty hiệu quả • Quyền của Cổ đông, đối xử công bằng với Cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản • Các Nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các trung gian khác • Công bố thông tin và tính minh bạch • Trách nhiệm của Hội đồng quản trị • Bền vững và năng lực chống chịu
Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (ACGS 2024)	• Quyền và đối xử công bằng với Cổ đông • Bền vững và năng lực chống chịu • Công bố thông tin và minh bạch • Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị
Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam (VNCG Code 2026)	• Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị • Môi trường kiểm soát • Công bố thông tin và minh bạch • Quyền của Cổ đông • Phát triển bền vững và vai trò tham gia của các bên có quyền lợi liên quan
GRI Standards và ESRS	• Báo cáo phát triển bền vững; • Tích hợp ESG vào chiến lược, quản trị và công bố thông tin.

TRÊN CƠ SỞ ĐÓ, AGRIS XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ PHÙ HỢP VÀO THIẾT KẾ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỚI CÁC NGUYÊN TẮC

Phương diện	Nguyên tắc quản trị theo thông lệ tốt
Phát triển bền vững	**Nguyên tắc 1:** Tích hợp ESG vào chiến lược phát triển. **Nguyên tắc 2:** Trách nhiệm giải trình & quản trị ESG dựa trên tính trọng yếu và mức độ rủi ro. **Nguyên tắc 3:** Thiết lập và đánh giá thực hiện mục tiêu dựa trên các yếu tố "Đo lường - Minh bạch - Kiểm chứng".
Cơ cấu và chức năng hoạt động của HĐQT	**Nguyên tắc 4:** Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp. **Nguyên tắc 5:** Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT. **Nguyên tắc 6:** Thành lập các Ủy ban, Ban trực thuộc HĐQT. **Nguyên tắc 7**: Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT. **Nguyên tắc 8**: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty.
Môi trường kiểm soát	**Nguyên tắc 9:** Thiết lập khung quản trị rủi ro doanh nghiệp và môi trường kiểm soát vững mạnh.
Công bố và minh bạch thông tin	**Nguyên tắc 10:** Tăng cường hoạt động Công bố thông tin.
Đối xử công bằng với cổ đông	**Nguyên tắc 11:** Thiết lập khuôn khổ đảm bảo thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông, thành viên góp vốn tại TCT và ĐVTV. **Nguyên tắc 12:** Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả cổ đông, thành viên góp vốn (bao gồm cả cổ đông, thành viên góp vốn thiểu số).
Quản trị mối quan hệ với các bên liên quan	**Nguyên tắc 13:** Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan. **Nguyên tắc 14:** Tăng cường thúc đẩy mô hình chia sẻ giá trị.

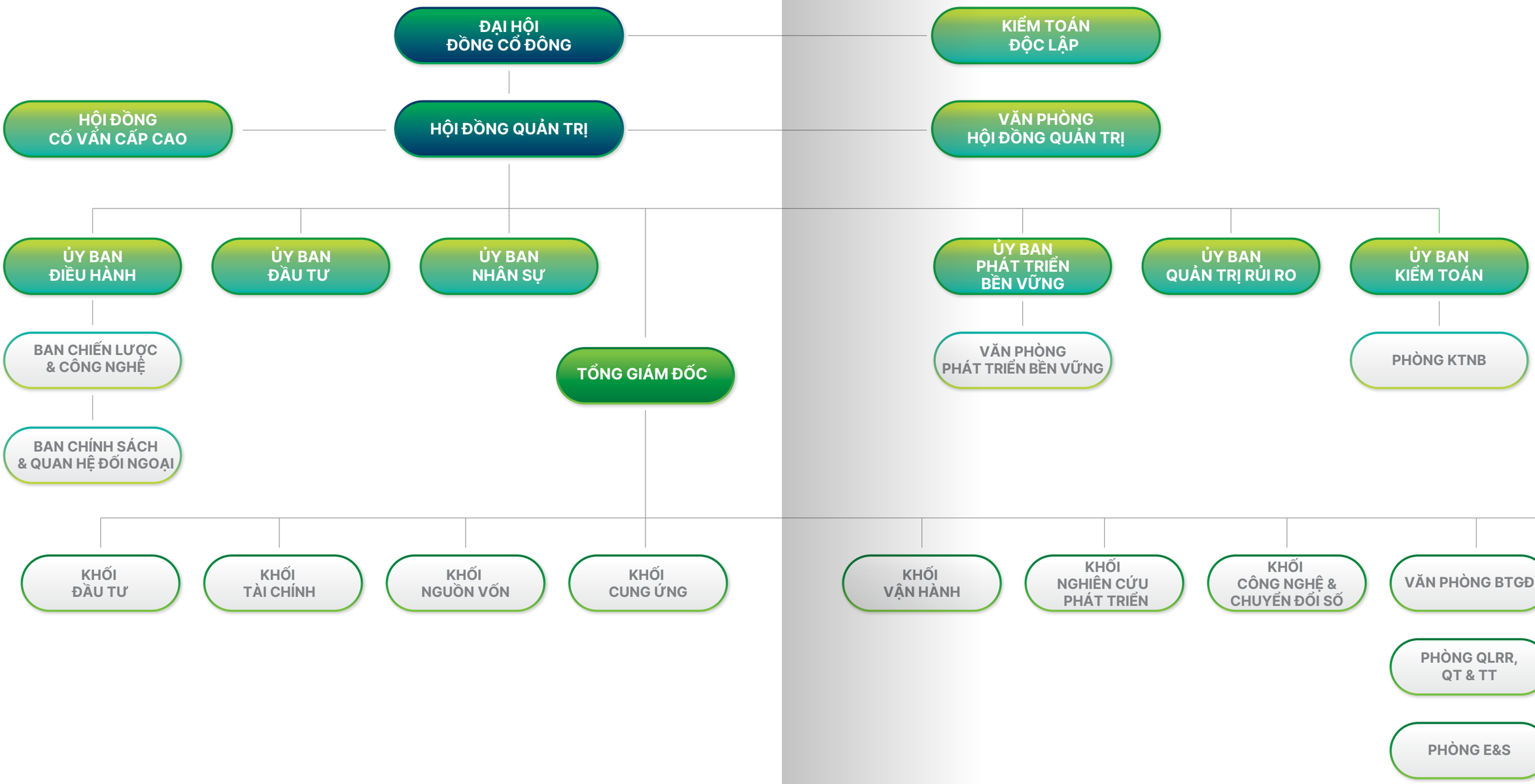
Trên cơ sở các chuẩn mực và thông lệ quản trị công ty được tham chiếu, AgriS định kỳ rà soát mức độ đáp ứng nhằm nhận diện các thực hành đã được áp dụng, các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện và xây dựng lộ trình cải thiện phù hợp với mô hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty. Đặc biệt, đối với VNCG Code 2026, Công ty thực hiện rà soát theo phương thức "Tuân thủ hoặc Giải trình"; theo đó, đối với các nội dung chưa đáp ứng đầy đủ, AgriS trình bày hiện trạng, xác định định hướng và lộ trình tiếp tục hoàn thiện phù hợp.

Kết quả rà soát và phân tích mức độ đáp ứng đối với Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2023), Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (ACGS 2024) và VNCG Code 2026 được trình bày chi tiết tại **Báo cáo và phân tích quản trị công ty - trang 182.**

Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế (tiếp theo)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC THEO MÔ HÌNH QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI AGRIS ĐANG ÁP DỤNG

AgriS tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, gồm Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Tổng Giám đốc; trong đó Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT thực hiện các chức năng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty. Trên nền tảng đó, AgriS thiết lập các Ủy ban chuyên môn trực thuộc HĐQT nhằm hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng định hướng, giám sát và quản trị các lĩnh vực trọng yếu.



I Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế (tiếp theo)

SỰ ĐA DẠNG TRONG CƠ CẤU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA AGRIS



*Theo Grant Thornton International, tỷ lệ nữ lãnh đạo cấp cao trên toàn cầu tăng từ 33,0% năm 2024 lên 34,0% năm 2025. Với tỷ lệ nữ lãnh đạo đạt 40%, AgriS tiếp tục duy trì mức cao hơn trung bình của thế giới, khẳng định định hướng xây dựng đội ngũ lãnh đạo dựa trên năng lực, thành tích và giá trị đóng góp.

CƠ CHẾ RA QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

AgriS thực hiện cơ chế ra quyết định của HĐQT theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình, đúng thẩm quyền và phù hợp với khẩu vị quản trị rủi ro của Công ty. Các quyết định của HĐQT được xem xét trên cơ sở đầy đủ thông tin, hồ sơ trình và ý kiến tham mưu chuyên môn, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ. Trong các cuộc họp, HĐQT luôn thảo luận đa chiều trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Các vấn đề quan trọng được biểu quyết theo nguyên tắc mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp có xung đột lợi ích theo quy định.

CAM KẾT VỀ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY BỀN VỮNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

AgriS luôn tiên phong trong việc nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp trên nền tảng phát triển bền vững, áp dụng tiêu chuẩn ESG vào toàn bộ các hoạt động quản trị - sản xuất - kinh doanh. HĐQT cam kết:

- Định hướng và giám sát việc xây dựng các mục tiêu chiến lược gắn với tạo ra giá trị, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp; tích hợp các yếu tố ESG vào mô hình quản trị, chiến lược và hoạt động của Công ty theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.
- HĐQT là chịu trách nhiệm định hướng và giám sát các vấn đề phát triển bền vững và các tác động trọng yếu về kinh tế, môi trường và xã hội. Ủy ban Phát triển bền vững (Ủy ban ESG) trực thuộc HĐQT thực hiện vai trò tham mưu, giám sát chuyên trách và báo cáo trực tiếp HĐQT về các vấn đề phát triển bền vững.
- Chỉ đạo và giám sát việc triển khai các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu trung hòa carbon đến 2030 và hướng đến Net Zero vào năm 2035 của Công ty; đồng thời đánh giá các tác động về kinh tế, môi trường và xã hội trong quá trình thực hiện.
- Nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng công bố thông tin về phát triển bền vững, góp phần tạo giá trị bền vững cho cổ đông và các bên liên quan.

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ THÍCH ỨNG VỚI CÁC CHUẨN MỰC MỚI

Năm 2025 đánh dấu nhiều thay đổi quan trọng trong khuôn khổ pháp lý và các thông lệ quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam. Việc ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam (VNCG Code) 2026 với mức độ tiệm cận cao hơn các nguyên tắc OECD và ACGS, cùng các quy định mới về công bố thông tin đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng lực quản trị, tính minh bạch và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Nhận thức rõ những thay đổi đó, HĐQT, Ban Điều hành, Người phụ trách QTCT và Thư ký Công ty tiếp tục chủ động cập nhật các quy định mới, nâng cao năng lực chuyên môn và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng tiệm cận các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. AgriS xác định quản trị công ty không chỉ dừng ở việc tuân thủ quy định pháp luật mà còn là nền tảng tạo dựng giá trị bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Trong niên độ, AgriS tích cực tham gia các chương trình đào tạo, hội nghị và hội thảo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, tiêu biểu như:

Chương trình	Thành viên tham dự
Alibaba Study Tour: Cơ hội - Chiến lược - Năng lực lãnh đạo trong Kỷ nguyên AI (Hàng Châu, Trung Quốc), tháng 7, 8/2026	Bà Đặng Huỳnh Ức My - Chủ tịch HĐQT Ông Trần Tấn Việt - Thành viên HĐQT Ông Lê Quang Phúc - Thành viên độc lập HĐQT Ông Trần Trọng Gia Vinh - Thành viên độc lập HĐQT Ông Đinh Vũ Quốc Huy - Người phụ trách QTCT kiêm Thư ký Công ty Cùng các thành viên trong Ban điều hành
Hội thảo "HĐQT kiến tạo tương lai: Góc nhìn từ Quản trị số và Phát triển bền vững" do VIOD tổ chức, tháng 7/2025	Ông Trần Tấn Việt - Thành viên HĐQT Ông Trần Trọng Gia Vinh - Thành viên độc lập HĐQT Ông Đinh Vũ Quốc Huy - Người phụ trách QTCT kiêm Thư ký Công ty
Khóa học Quản trị Công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán tổ chức, tháng 4/2025	Ông Đinh Vũ Quốc Huy - Người phụ trách QTCT kiêm Thư ký Công ty

I Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế (tiếp theo)

Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Người phụ trách QTCT và Thư ký Công ty tham dự nhiều hội nghị, hội thảo chuyên đề do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) và các tổ chức nghề nghiệp tổ chức nhằm cập nhật kịp thời các quy định mới, xu hướng quản trị và các thông lệ quốc tế tiên tiến, như:

- Diễn đàn "Mùa Đại hội cổ đông 2026: Tuân thủ hay bứt phá - hiệu quả hay bền vững" do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) phối hợp cùng VIOD tổ chức,
- Hội nghị "Phổ biến quy định của pháp luật về công ty đại chúng, huy động vốn, thoái vốn đối với các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán" do UBCKNN tổ chức.
- Hội nghị "Tập huấn các tổ chức đăng ký chứng khoán tại VSDC năm 2026" do VSDC tổ chức.

Những nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp tiếp tục được ghi nhận thông qua các giải thưởng và bảng xếp hạng uy tín về quản trị công ty, công bố thông tin và phát triển bền vững. Niên độ 2025 - 2026 đánh dấu năm thứ 9 liên tiếp AgriS tiếp tục duy trì vị trí cao trong VNSI20 - Top 20 cổ phiếu phát triển bền vững trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với điểm ESG đạt 95%, cao hơn 26% so với mức trung bình ngành.

CÁC GIẢI THƯỞNG VỀ QTCT AGRIS ĐẠT ĐƯỢC TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

TOP 500

Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2025 - lĩnh vực F&B (Forbes)

THÁNG 9 - 2025



TOP 10

Top 10 Doanh nghiệp Quản trị Công ty tốt nhất Việt Nam

THÁNG 12 - 2025



TOP 20

Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất Việt Nam

THÁNG 12 - 2025



TOP 50

Top 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao Quản trị Công ty Việt Nam

THÁNG 12 - 2025



TOP 35

Top 20 Doanh nghiệp cam kết và tiên phong hướng tới đạt chuẩn xếp hạng Tài sản ASEAN

THÁNG 12 - 2026



TOP 35

Top 35 nhóm các doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn thuộc lĩnh vực phi tài chính đạt Chuẩn Công bố thông tin 2026 (Non-Financial Large Cap) IR Award 2026

2026



ĐỊNH HƯỚNG XUYÊN SUỐT TỔNG THỂ TRONG NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

AgriS hướng tới xây dựng một Doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao và tuần hoàn, có năng lực quản trị theo chuẩn mực quốc tế, đồng thời tiên phong thúc đẩy tăng trưởng xanh bền vững, đóng góp vào an ninh lương thực toàn cầu. Bước sang niên độ 2026 - 2027, năm thứ hai triển khai Chiến lược phát triển đến 2030 - 2031, HĐQT tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả, tạo nền tảng cho việc thực thi thành công chiến lược phát triển của Công ty. Theo đó, HĐQT định hướng tập trung vào các nội dung sau:

ĐỊNH HƯỚNG XUYÊN SUỐT NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình vận hành 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia.
- Nâng cao chất lượng quản trị công ty, đẩy mạnh áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quản trị quốc tế, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả giám sát.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị, nâng cao hiệu quả quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro và hỗ trợ ra quyết định.
- Tiếp tục hoàn thiện Chiến lược ESG và từng bước tích hợp các yếu tố ESG vào hệ thống quản trị doanh nghiệp, góp phần thực hiện lộ trình trung hòa carbon đến năm 2030 và hướng đến Net Zero vào năm 2035.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc, Văn phòng HĐQT, Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị và Người phụ trách QTCT



BÀ ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

CHỦ TỊCH HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Năm sinh: 1981

Thời điểm được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT: 13/07/2024
(Thời điểm được bổ nhiệm đầu tiên: ngày 29/07/2021).

Tỷ lệ sở hữu cổ phần trên vốn điều lệ: 129.242.995 cổ phần (Đã bao gồm cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết), chiếm 13,93%

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
107.631.662 cổ phần, chiếm 11,87%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - New Zealand
- Chứng nhận CEO Chuyên nghiệp - PACE
- Chứng nhận từ chương trình đào tạo chuyên biệt về QTDN - OPM Harvard Business School

GIẢI THƯỞNG

- Doanh nhân tiêu biểu ASEAN - ASEAN BIS
- 3 lần được công nhận Doanh nhân xuất sắc Châu Á - APEA 2021, 2022 và 2024
- Top 100 Phụ nữ ảnh hưởng nhất châu Á 2025 (Most Powerful Women in Asia) - Fortune
- Nữ Lãnh đạo tiêu biểu ngành nông nghiệp công nghệ cao - AGM AWARDS 2026
- Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- T7/2024 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
- T7/2025 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp AgriS.
- T8/2022 - Nay: Giám đốc Công ty TSU Australia Pty. Ltd.
- T01/2019 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre.
- 2021 - T5/2025: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Biên Hòa.
- 2019 - T7/2024: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
- 2017 - 2019: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
- 2015 - 2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh.
- 2012 - 2015: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh.
- 2009 - 2012: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.
- 2007 - 2009: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần SX-TM Thành Thành Công.
- 2006 - 2007: Phó Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần SX-TM Thành Thành Công.

DẤU ẤN NỔI BẬT

Với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Nông nghiệp, bà Đặng Huỳnh Ức My đã phát huy thế mạnh và tư duy đổi mới để dẫn dắt AgriS từng bước chuyển mình, từ doanh nghiệp có nền tảng cốt lõi là ngành đường trở thành hệ sinh thái nông nghiệp đa ngành, đa giá trị. Dưới định hướng của bà, AgriS đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng hợp tác và kết nối với các đối tác trong nước và quốc tế, từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị nông nghiệp khu vực và hướng đến tăng trưởng bền vững.

MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

- Dẫn dắt AgriS hoàn thiện và khởi động Chiến lược đến niên độ 2030-2031 với định hướng trở thành Tập đoàn Nông nghiệp Công nghệ cao hàng đầu Việt Nam, tiên phong tích hợp nền tảng AgTech - FinTech - FoodTech trên nền tảng ESG, nhằm thúc đẩy nền kinh tế xanh bền vững, đóng góp vào an ninh lương thực toàn cầu và hiện thực hóa mục tiêu hướng đến Net Zero năm 2035.
- Dẫn dắt AgriS từng bước chuyển dịch từ doanh nghiệp có nền tảng cốt lõi là ngành đường sang hệ sinh thái nông nghiệp đa ngành hàng, đa giá trị, mở rộng chuỗi giá trị sang gạo, dừa, chuối, dứa và lĩnh vực thực phẩm - đồ uống. Đồng thời, mở rộng và hiện đại hóa vùng nguyên liệu xuyên biên giới với quy mô 78.000 ha tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Úc; thúc đẩy tiếp nhận và ứng dụng công nghệ nông nghiệp tiên tiến từ Úc, triển khai mô hình Nông trường kiểu mẫu (Demo Farm) tại Campuchia và Việt Nam, thúc đẩy và nhân rộng mô hình canh tác công nghệ cao.
- Thúc đẩy mở rộng mạng lưới hợp tác chiến lược trong nước và quốc tế, tiêu biểu với PVCFC, Farmacist (Úc), Harney & Sons (Hoa Kỳ),..., nhằm tăng cường kết nối về công nghệ, tri thức nông nghiệp, chuỗi giá trị và thị trường; qua đó mở rộng hệ sinh thái đối tác và nâng cao vị thế của AgriS trong chuỗi giá trị nông nghiệp khu vực và quốc tế.
- Định hướng AgriS tăng cường hợp tác với các ngân hàng và định chế tài chính quốc tế, tiêu biểu như First Commercial Bank (FCB), IFC thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới, DEG thuộc KfW của Đức, responsAbility và ING, qua đó đa dạng hóa nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận dòng vốn xanh, bền vững và dài hạn, tạo nền tảng nguồn lực phục vụ Chiến lược phát triển đến niên độ 2030-2031.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp AgriS.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre (Betrimex).
- Giám đốc Công ty TSU Australia Pty. Ltd



BÀ HUỲNH BÍCH NGỌC

THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Năm sinh: 1962

Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT: 24/10/2024
(Thời điểm được bổ nhiệm đầu tiên: ngày 12/07/2019).

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
67.889.957 cổ phần, chiếm 7,32%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Quản trị Kinh doanh; Bằng Tiến sĩ danh dự do Hiệu trưởng trường Đại học Kyung Nam, Hàn Quốc trao tặng.

GIẢI THƯỞNG

Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước Việt Nam trao tặng.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Tháng 10/2024 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2012 - Nay: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 2019 - Tháng 7/2024: Chủ tịch HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2022 - 2024: Chủ tịch HĐQT CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
- 2015 - 19/08/2024: Chủ tịch HĐQT CTCP Toàn Hải Vân
- Tháng 4/2012 - Tháng 8/2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Biên Hoà
- 2010 - 2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Bourbon Tây Ninh
- 2007 - 2019: Phó Chủ tịch Thường trực CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
- 1981 - 2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Sản Xuất Thương Mại Thành Thành Công

DẤU ẤN NỔI BẬT

Với hơn 40 năm gắn bó với ngành nông nghiệp, Bà Huỳnh Bích Ngọc là một trong những người có công lớn đưa AgriS trở thành Công ty Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và có vị thế nhất định trên thị trường quốc tế. Trong hành trình phát triển của AgriS, Bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng và để lại những dấu ấn đáng kể trong hoạt động quản trị, điều hành và phát triển Công ty. Dưới sự dẫn dắt của Bà, AgriS đã hoàn thành mục tiêu chuyển đổi mô hình kinh doanh từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang Mô hình kinh tế nông nghiệp thông minh tích hợp.

MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

- Tham vấn HĐQT về các quyết định liên quan đến đầu tư, đặc biệt trong ngành mía đường.
- Đánh giá và đề xuất các dự án đầu tư mới, đảm bảo tính hiệu quả và bền vững.
- Đánh giá, tham vấn về chiến lược cho HĐQT nhằm đưa ra các quyết định kịp thời.
- Đại diện AgriS duy trì, mở rộng quan hệ với đối tác chiến lược và nhà đầu tư.
- Tăng cường kết nối với cơ quan quản lý Nhà nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.
- Góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, minh bạch, thân thiện với cộng đồng đầu tư.
- Đồng hành cùng định hướng phát triển bền vững.
- Đề xuất giải pháp cân bằng lợi ích doanh nghiệp - cộng đồng - môi trường.
- Hỗ trợ lan tỏa hình ảnh AgriS là doanh nghiệp tiên phong phát triển xanh và bền vững.
- Hỗ trợ củng cố hiệu quả quản trị doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích lâu dài cho cổ đông.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

- Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Thành Thành Công

Giới thiệu Hội đồng Quản trị và Người phụ trách QTCT (tiếp theo)



ÔNG TRẦN TẤN VIỆT

THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Năm sinh: 1961

Thời điểm được bổ nhiệm đầu tiên là Thành viên HĐQT: 28/10/2022

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 733.381 cổ phần, chiếm 0,08%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư nông nghiệp, Tiến sĩ chuyên ngành côn trùng học.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2022 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- Tháng 07/2025 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp AgriS
- Tháng 05/2025 - Nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Nấm Trang Sinh
- 2020 - Nay: Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Thành Thành Công
- 2020 - Nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công
- 2023 - Tháng 7/2025: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp AgriS
- 2018 - 2020: Giám đốc Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công
- 2017 - 2018: Cố vấn Công ty TNHH Đà Lạt Hasfarm (Lâm Đồng)
- 2014 - 2016: Giám đốc Bộ phận Công nghệ Sinh học, Công ty Cổ phần Đầu tư Hợp Trí (TP.HCM)
- 2011 - 2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nhiệt Đới (TP.HCM)
- 2008 - 2010: Trưởng Khoa Nông học, Đại học Nông Lâm (TP.HCM)
- 2003 - 2007: Phó Khoa Nông học Đại học Nông Lâm (TP.HCM)/ Chuyên gia FAO tại Campuchia, Lào, Maldives, Thái Lan
- 2000 - 2002: Phó Bộ môn Bảo vệ thực vật, Khoa Nông học, Đại học Nông Lâm (TP.HCM).

DẤU ẤN NỔI BẬT

Ông Trần Tấn Việt đã tham gia nghiên cứu và phát triển các giải pháp cải tạo đất trong nông nghiệp, giúp tăng cường chất lượng, năng suất, đồng thời hướng đến mục tiêu giảm phát thải và bảo đảm sự đa dạng sinh học, bao gồm giải pháp: Luân canh, xen canh cây họ đậu; cải tiến, phát triển bộ chế phẩm phân bón lá chuyên dùng cho cây mía; xây dựng quy trình canh tác mía thâm canh; nâng cao tỷ lệ sống cây mía nuôi cấy mô thuần hóa 90%

Phát triển giải pháp xử lý, cải tạo đất laterit tại các khu vực Lào và Campuchia;

Đưa ra quy trình sản xuất thiên địch quy mô công nghiệp, nhằm ứng dụng trong nhà lưới, đồng ruộng diện rộng nhằm giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học, nhằm tránh tác động đến môi trường và sự đa dạng sinh học.

Thúc đẩy chương trình giống mía sạch bệnh, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô, cung cấp mía giống stump bầu cho nhiều nông dân.

MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

- Tham gia định hướng và thúc đẩy ứng dụng các giải pháp nông nghiệp carbon thấp trong chuỗi giá trị mới của AgriS, nổi bật là mô hình lúa phát thải thấp, ứng dụng các giải pháp sinh học và công nghệ nhằm giảm sử dụng vật tư nông nghiệp, phục hồi hệ thiên địch, giảm chi phí sản xuất và từng bước phát triển vùng trồng đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục tham vấn chuyên môn trong phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao của AgriS, thúc đẩy số hóa dữ liệu nông học, canh tác chính xác và ứng dụng mô hình Demo Farm nhằm thử nghiệm, chuẩn hóa và từng bước nhân rộng các giải pháp canh tác trong thực tiễn.
- Với vai trò Thành viên Ủy ban Phát triển bền vững, tham gia tham vấn chuyên môn trong quá trình xây dựng Chiến lược ESG và lộ trình phát triển bền vững của AgriS, đặc biệt đối với các sáng kiến về nông nghiệp bền vững, canh tác, giảm phát thải và nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị nông nghiệp.
- Phát huy vai trò chuyên gia và cầu nối tri thức trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, tham gia chia sẻ tại nhiều diễn đàn, hội nghị chuyên ngành về AgTech, ESG, chuyển đổi số và nông nghiệp carbon thấp; qua đó góp phần lan tỏa các mô hình, giải pháp nông nghiệp xanh của AgriS và tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp với giới khoa học, chuyên gia và các tổ chức trong và ngoài nước.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp AgriS
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Nấm Trang Sinh
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Thành Thành Công
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công



ÔNG LÊ QUANG PHÚC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm sinh:1966

Thời điểm được bổ nhiệm đầu tiên là Thành viên độc lập HĐQT: Ngày 24/10/2024

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 517.900 cổ phần, chiếm 0,06%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (WSU-USA);
- Kỹ sư xây dựng (ĐHBK ĐN).

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Tháng 10/2024 - Nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- Tháng 07/2026 - Nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn KLC
- Tháng 06/2026 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giải pháp Tài sản An Tín
- Tháng 09/2021 - Nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Cường
- Tháng 04/2008 - Nay: Thành viên HĐQT không điều hành Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Phát Đạt
- Tháng 05/2007 - Nay: Giám đốc Công ty Cổ Phần Tư vấn Quản lý BDSC
- Tháng 06/2020 - Tháng 05/2026: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Searefico
- Tháng 04/2020 - 07/2025: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Filmore
- Tháng 04/2016 - Tháng 04/2026: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận
- Tháng 04/2010 - 16/10/2024: Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ
- Tháng 02/2020 - tháng 12/2023: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn - KL
- Tháng 02/2014 - tháng 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5
- Tháng 04/2010 - tháng 04/2013: Thành viên HĐQT không điều hành Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (HOSE: SII)
- Tháng 02/2005 - tháng 02/2007: Thành viên HĐTV kiêm Giám đốc Điều hành Trường Doanh nhân PACE

DẤU ẤN NỔI BẬT

Ông Lê Quang Phúc đã có trên 25 năm kinh nghiệm làm việc ở các vị trí quản lý cấp cao trong các doanh nghiệp vừa và lớn tại Việt Nam. Trong hơn quá trình công tác, ông Lê Quang Phúc đã dẫn dắt và tổ chức thực hiện nhiều dự án tư vấn/tái cấu trúc doanh nghiệp cho nhiều tập đoàn/ công ty lớn tại Việt Nam và thúc đẩy sự phát triển đáng kể của một số doanh nghiệp.

Phát huy vai trò Thành viên độc lập HĐQT tại nhiều doanh nghiệp niêm yết, ông Lê Quang Phúc đã tham gia thúc đẩy các chương trình kiện toàn cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT và các Ủy ban chuyên môn; đồng thời tham gia hoàn thiện cơ chế quản trị nguồn nhân lực, đánh giá, đãi ngộ và kế nhiệm đội ngũ quản lý chủ chốt.

MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

- Với vai trò Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, ông đã đóng góp quan trọng vào việc định hướng xây dựng Chiến lược phát triển Kiểm toán nội bộ giai đoạn 2025 - 2030 và kiện toàn hệ thống tài liệu nền tảng của Ủy ban Kiểm toán/Kiểm toán nội bộ theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế. Đồng thời, tiếp tục dẫn dắt nâng cao năng lực Kiểm toán nội bộ AgriS, thúc đẩy truyền thông, triển khai Mô hình 03 tuyến và xây dựng cơ chế phối hợp giữa 03 tuyến, qua đó tăng cường sự phối hợp trong nhận diện, giám sát và kiểm soát các rủi ro trọng yếu trên toàn hệ thống.
- Với vai trò Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững, ông giữ vai trò chủ chốt trong định hướng xây dựng Mô hình quản trị AgriS áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn theo mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia. Đồng thời, ông dẫn dắt, định hướng quá trình xây dựng Chiến lược ESG hướng đến Net Zero vào năm 2035, đặc biệt là trụ cột Quản trị (G); tham mưu nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các thông lệ tốt và tiêu chí VNSI20, ACGS; thúc đẩy số hóa hoạt động quản trị, góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả hoạt động của HĐQT.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

- Thành viên HĐQT không điều hành Công ty Cổ Phần Phát triển bất động sản Phát Đạt;
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giải pháp Tài sản An Tín;
- Thành viên độc lập HĐQT CTCP Đầu tư Tập đoàn KLC;
- Giám đốc Công ty Cổ Phần Tư vấn Quản lý BDSC;
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Cường.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị và Người phụ trách QTCT (tiếp theo)



ÔNG TRẦN TRỌNG GIA VINH

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm sinh: 1974

Thời điểm được bổ nhiệm đầu tiên là Thành viên độc lập HĐQT: Ngày 28/10/2022

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 521.448 cổ phần, chiếm 0,06%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử Nhân - Quản trị Kinh doanh (University of Winnipeg - Canada)
- Thạc sĩ - Kinh tế (University of Waterloo - Canada)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2022 - Nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2024 - Nay: Sáng lập viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thời Trang Pandemos
- 2018 - Nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt
- 2013 - Nay: Sáng lập viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư Vấn Giải Pháp Bền Vững
- 2008 - 2012: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phương Phát
- 2001 - 2008: Giám đốc Nhân sự Công ty Pepsico tại Việt Nam

DẤU ẤN NỔI BẬT

Ông có trên 20 năm kinh nghiệm Quản trị Nhân sự và xây dựng hệ thống Nhân sự tại cả Doanh nghiệp nước ngoài lẫn các Doanh nghiệp trong nước. Ông Vinh cũng từng tham gia hàng loạt các dự án tái cấu trúc Doanh nghiệp, quản trị đổi mới, Quản trị Công ty, xây dựng văn hóa công ty và xây dựng hệ thống quản lý cho nhiều Doanh nghiệp lớn.

Với chuyên môn và kinh nghiệm, Ông Vinh đã đóng góp quan trọng vào việc xây dựng văn hóa Công ty, đảm bảo chính sách đánh giá thi đua khen thưởng và đãi ngộ phù hợp, công bằng, góp phần xây dựng môi trường làm việc tích cực để thúc đẩy sự phát triển và thành công của Doanh nghiệp.

MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

- Với vai trò Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, ông Trần Trọng Gia Vinh tham gia định hướng và trực tiếp phối hợp cùng đơn vị tư vấn triển khai mô hình AgriNext tại AgriC theo định hướng đến năm 2030; định hướng kiện toàn cơ cấu tổ chức vận hành tại ProC. Đồng thời, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị nguồn nhân lực thông qua triển khai HRMS, chuẩn hóa dữ liệu CoreHR và hoàn thiện các chính sách, quy trình nhân sự trọng yếu của AgriS.
- Tham mưu HĐQT về định hướng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp theo tinh thần đa dạng, hội nhập và toàn cầu hóa, thúc đẩy tích hợp DNA đa dạng, hội nhập vào văn hóa AgriS, gắn phát triển đội ngũ và văn hóa tổ chức với yêu cầu chuyển đổi của Tập đoàn trong giai đoạn mới.
- Với vai trò Thành viên Ủy ban Phát triển bền vững, ông tham gia tham vấn trong quá trình xây dựng Chiến lược ESG, tập trung đóng góp chuyên môn đối với trụ cột Xã hội (S), gắn các vấn đề về con người, nguồn nhân lực và phát triển tổ chức với định hướng phát triển bền vững của AgriS.
- Với vai trò Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban Quản trị rủi ro, ông phát huy vai trò phản biện độc lập, tham gia tham vấn các vấn đề về quản trị, kiểm soát, rủi ro và tuân thủ, góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và thực hành quản trị công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt.
- Thúc đẩy hoàn thiện nền tảng quản trị nguồn nhân lực, bao gồm chương trình Đánh giá vị trí (Job Evaluation), quản trị hiệu suất và các chính sách nhân sự trọng yếu, góp phần chuẩn hóa hệ thống nhân sự phù hợp với mô hình tổ chức và định hướng phát triển mới của AgriS..

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư Vấn Giải Pháp Bền Vững
- Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thời Trang Pandemos



ÔNG ĐINH VŨ QUỐC HUY

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QTCT KIÊM THƯ KÝ CÔNG TY

Năm sinh: 1981

Thời điểm được bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty: Ngày 15/07/2025 (Thời điểm được bổ nhiệm đầu tiên làm Người phụ trách QTCT: ngày 01/09/2024)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 739.613 cổ phần, chiếm 0,08%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Luật sư - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh
- Cử Nhân Luật - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- T7/2025 - Nay: Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty, Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- T9/2019 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Nhựa Phú Thọ
- T7/2024 - T6/2026: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần In Thanh Niên
- T9/2024 - T7/2025: Người phụ trách Quản trị Công ty, Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- T5/2023 - T8/2024: Phó Giám đốc thường trực, Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa
- T7/2022 - T4/2023: Giám đốc Vận hành, Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- T7/2020 - T6/2022: Giám đốc Chính sách Pháp chế, Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- T01/2018 - T6/2020: Trưởng phòng Chính sách Pháp chế, Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- 10/2012 - 12/2017: Phụ trách công tác pháp lý, Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công
- 08/2006 - 08/2012: Hành nghề luật sư tại Công ty Luật TNHH Thăng & Các đồng nghiệp

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- Với vai trò Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty, ông Đinh Vũ Quốc Huy hỗ trợ HĐQT trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động quản trị công ty, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ; đồng thời là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa HĐQT, Ban Điều hành, cổ đông và các bên liên quan.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026:

- Thực hiện vai trò tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong công tác quản trị công ty; tổ chức và điều phối các phiên họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Tham gia xây dựng Mô hình quản trị AgriS và các văn bản quản trị trọng yếu; tham mưu HĐQT cập nhật các quy định pháp luật và thông lệ quản trị tốt, góp phần chuẩn hóa nền tảng quản trị trên toàn Tập đoàn.
- Tham gia rà soát và triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng quản trị công ty, trọng tâm đối với Thẻ điểm ACGS, các tiêu chí quản trị thuộc VNSI20 và các thông lệ quản trị tốt; đồng thời thúc đẩy số hóa hoạt động quản trị HĐQT, góp phần nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và khả năng truy xuất thông tin trong hoạt động quản trị.
- Thực hiện vai trò đầu mối hỗ trợ kết nối giữa HĐQT, Ban Điều hành, cổ đông và các bên liên quan; hỗ trợ HĐQT trong việc cung cấp thông tin, thực hiện quyền của cổ đông và nâng cao chất lượng công bố thông tin, trách nhiệm giải trình của Công ty.
- Chủ động cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn thông qua các chương trình đào tạo, hội nghị và hội thảo chuyên sâu về pháp luật, quản trị công ty và thông lệ quản trị tốt trong niên độ.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nhựa Phú Thọ

Báo cáo của Hội đồng Quản trị



Niên độ 2025 - 2026 đóng vai trò quan trọng vì là giai đoạn chuẩn bị và củng cố nền tảng nhằm thực thi Chiến lược phát triển đến niên độ 2030 - 2031 của AgriS. Với tầm nhìn "Kiến tạo thị trường - Định hình nông nghiệp tương lai", Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo triển khai các định hướng chiến lược, hoàn thiện nền tảng quản trị và tạo động lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy hiệu quả cơ chế phân công trách nhiệm giữa các thành viên, tăng cường sự phối hợp với các Ủy ban trực thuộc nhằm nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả giám sát và quá trình ra quyết định. Các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy vai trò phản biện, đóng góp các ý kiến khách quan, độc lập, góp phần bảo đảm các quyết định của Hội đồng quản trị hướng tới lợi ích lâu dài của Công ty và các cổ đông.

Bà ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

Chủ tịch HĐQT không điều hành

Thời gian làm việc trong niên độ:
01/7/2025 - 30/6/2026

Cổ phần sở hữu tại thời điểm 30/6/2026: 129.242.995 cổ phần

(Trong đó có 21.611.333 cổ phần là cổ phiếu ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết)

Trách nhiệm:

- Người Đại diện Pháp luật;
- Người phát ngôn thứ nhất (kể từ ngày 13/07/2024), người công bố thông tin;
- Chủ tịch Ủy ban Điều hành, Chủ tịch Ủy ban Đầu tư; Thành viên Ủy ban Nhân sự

Những công việc đã thực hiện trong niên độ:

- Thực hiện vai trò người phát ngôn, quyết định công bố thông tin đại chúng đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chỉ đạo triển khai Chiến lược phát triển AgriS giai đoạn đến niên độ 2030-2031 cho toàn AgriS, hướng đến mục tiêu trở thành Tập đoàn Nông nghiệp Công nghệ cao hàng đầu Việt Nam;
- Định hướng mở rộng hệ sinh thái nông nghiệp đa ngành hàng, vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị của AgriS.
- Thúc đẩy hợp tác chiến lược trong nước và quốc tế về nông nghiệp, công nghệ, thị trường và tài chính.
- Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban Điều hành, Chủ tịch Ủy ban Đầu tư và Thành viên Ủy ban Nhân sự.

Thù lao trong niên độ: 4.620.000.000 đồng

Bà HUỲNH BÍCH NGỌC

Thành viên HĐQT không điều hành

Thời gian làm việc trong niên độ:
01/7/2025 - 30/6/2026

Cổ phần sở hữu tại thời điểm 30/6/2026: 67.889.957 cổ phần phổ thông

Trách nhiệm:

- Tham mưu chiến lược, tư vấn phát triển kinh doanh
- Tham gia, mở rộng ngoại giao

Những công việc đã thực hiện trong niên độ:

- Tham mưu HĐQT về chiến lược, phát triển kinh doanh và các cơ hội đầu tư của AgriS.
- Tham gia các hoạt động đối ngoại, kết nối với đối tác và các bên liên quan.
- Tham vấn các định hướng phát triển ngành hàng, vùng nguyên liệu và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- Góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, minh bạch và lan tỏa định hướng phát triển bền vững

Thù lao trong niên độ: 1.800.000.000 đồng

Ông TRẦN TẤN VIỆT

Thành viên HĐQT không điều hành

Thời gian làm việc trong niên độ:
01/7/2025 -30/6/2026

Cổ phần sở hữu tại thời điểm 30/6/2026: 733.381 cổ phần phổ thông

Trách nhiệm:

- Thành viên Ủy ban Phát triển bền vững;
- Tham mưu chiến lược về nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao;
- Tham mưu các tiêu chí ESG

Những công việc đã thực hiện trong niên độ:

- Tham mưu HĐQT về chiến lược nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và các giải pháp canh tác bền vững.
- Tham mưu chiến lược về nông nghiệp carbon thấp, canh tác chính xác, Demo Farm và ứng dụng công nghệ trong vùng nguyên liệu.
- Tham vấn xây dựng Chiến lược ESG về nông nghiệp bền vững, giảm phát thải và các vấn đề ESG thuộc chuyên môn.
- Tham gia các hoạt động kết nối, chia sẻ tri thức và thúc đẩy hợp tác trong hệ sinh thái nông nghiệp.

Thù lao trong niên độ: 2.160.000.000 đồng

Ông LÊ QUANG PHÚC

Thành viên độc lập HĐQT

Thời gian làm việc trong niên độ:
01/07/2025 - 30/06/2026

Cổ phần sở hữu tại thời điểm 30/6/2026: 517.900 cổ phần phổ thông

Trách nhiệm:

- Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Phát triển bền vững;
- Tổ chức công tác Kiểm toán nội bộ, đánh giá hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát rủi ro;
- Phụ trách công tác ESG

Những công việc đã thực hiện trong niên độ:

- Định hướng xây dựng Mô hình quản trị AgriS, hoàn thiện hệ thống quản trị và cải thiện các chỉ số quản trị công ty.
- Định hướng xây dựng Chiến lược ESG, trọng tâm đối với trụ cột Quản trị (G), và thúc đẩy số hóa hoạt động quản trị HĐQT.
- Định hướng và giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo hoàn thiện và tổ chức truyền thông Mô hình 03 tuyến và cơ chế phối hợp giữa 03 tuyến.
- Triển khai, giám sát triển khai các cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên, giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính, và đề xuất công ty kiểm toán độc lập phù hợp.

Thù lao trong niên độ: 3.000.000.000 đồng

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Ông TRẦN TRỌNG GIA VINH

Thành viên độc lập HĐQT

Thời gian làm việc trong niên độ:
01/07/2025 - 30/06/2026

Cổ phần sở hữu tại thời điểm 30/6/2026: 521.448 cổ phần phổ thông

Trách nhiệm:

- Chủ tịch Ủy ban Nhân sự; Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Phát triển bền vững, Ủy ban Quản trị rủi ro;
- Phụ trách xây dựng chính sách đánh giá thi đua khen thưởng và đãi ngộ, chiến lược phát triển nguồn nhân lực
- Tham mưu công tác ESG

Những công việc đã thực hiện trong niên độ:

- Tham gia định hướng triển khai mô hình AgriNext tại AgriC và kiện toàn cơ cấu tổ chức vận hành tại ProC.
- Định hướng, giám sát triển khai HRMS, hoàn thiện các chính sách nhân sự trọng yếu và phát triển văn hóa doanh nghiệp.
- Với vai trò Thành viên Ủy ban ESG, tham vấn các nội dung thuộc trụ cột Xã hội (S), gắn nguồn nhân lực với định hướng phát triển bền vững.
- Với vai trò Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban Quản trị rủi ro, tham gia phản biện, tham vấn về quản trị, kiểm soát, rủi ro và tuân thủ.

Thù lao trong niên độ: 2.940.000.000 đồng

Ông ĐINH VŨ QUỐC HUY

Người phụ trách QTCT
kiêm Thư ký Công ty

Thời gian làm việc trong niên độ:
01/07/2025 - 30/6/2026

Cổ phần sở hữu tại thời điểm 30/6/2026: 739.613 cổ phần phổ thông

Trách nhiệm:

- Hỗ trợ HĐQT trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty
- Tham mưu HĐQT về quản trị công ty, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ và áp dụng các thông lệ quản trị tốt.
- Thực hiện chức năng Người phụ trách Quản trị Công ty và Thư ký Công ty; hỗ trợ hoạt động của ĐHĐCĐ, HĐQT và các Ủy ban trực thuộc HĐQT.
- Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- Là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa HĐQT, Ban Điều hành, cổ đông và các bên liên quan.

Những công việc đã thực hiện trong niên độ:

- Tham mưu, hỗ trợ HĐQT và các Ủy ban trực thuộc trong công tác quản trị công ty, tổ chức các phiên họp và thực hiện các thủ tục quản trị theo quy định.
- Tham gia xây dựng Mô hình quản trị AgriS, hoàn thiện các văn bản quản trị trọng yếu và triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng quản trị công ty.
- Thúc đẩy số hóa hoạt động quản trị HĐQT; thực hiện vai trò đầu mối kết nối giữa HĐQT, Ban Điều hành, cổ đông và các bên liên quan.



CHI TIẾT VỀ CÁC NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

Trong niên độ 2025 - 2026, AgriS tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2024 - 2025 vào tháng 12/2025 với hình thức trực tiếp và biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (E-Voting), tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết. Biên bản họp ghi nhận đầy đủ sự tham dự của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành; đồng thời, Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đã được công bố thông tin kịp thời, đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông thường niên khép lại với sự đồng thuận cao từ Cổ đông, khẳng định niềm tin vào chiến lược đến niên độ 2030-2031 của Công ty hướng tới một hệ sinh thái nông nghiệp công nghệ cao tuần hoàn, đa giá trị và bền vững, mục tiêu đạt doanh thu 60.000 tỷ đồng vào năm 2030 và hiện thức hóa mục tiêu hướng đến Net Zero vào năm 2035.

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2024 - 2025 - THÁNG 12/2025

Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2024 - 2025 và kế hoạch niên độ 2025 - 2026 của Ban Điều hành

Số Nghị quyết: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 99,9964%

Trích yếu nội dung thông qua

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2024 - 2025:

- Tổng sản lượng Đường tiêu thụ trên 1 triệu tấn, dẫn đầu về thị phần trong ngành mía đường Việt Nam, khẳng định vai trò dẫn dắt ngành nông nghiệp quốc gia.
- Doanh thu thuần đạt 28,482 tỷ đồng, vượt 9% so với kế hoạch niên độ;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 950 tỷ đồng, vượt mục tiêu kế hoạch 6% và tăng 5% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu kế hoạch niên độ 2025 - 2026:

- Doanh thu thuần kế hoạch dự kiến đạt 26.500 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty dự kiến đạt 951 tỷ đồng - tương đương mức tăng trưởng ổn định so với thực hiện năm trước, trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động thách thức.

Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ niên độ 2024 - 2025 và định hướng hoạt động cho niên độ 2025 - 2026 củaHĐQT

Số Nghị quyết: 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 99,9987%

Trích yếu nội dung thông qua

- Hoàn thành các mục tiêu công tác quản trị, định hướng trọng tâm, mục tiêu chủ chốt về doanh thu, lợi nhuận trong niên độ 2024 - 2025;
- Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm cho niên độ 2025 -2026.

Thông qua Báo cáo hoạt động niên độ 2024 - 2025 và kế hoạch niên độ 2025 - 2026 của Ủy ban Kiểm toán

Số Nghị quyết: 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 99,9977%

Trích yếu nội dung thông qua

- Trong niên độ 2024 - 2025, Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm được quy định theo Điều lệ Công ty;
- Định hướng hoạt động cho niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục tổ chức công tác giám sát KTNB, hệ thống QTRR hiệu quả và đảm bảo tính trung thực hợp lý của các báo cáo. Đồng thời, tập trung vào nhiệm vụ xây dựng nền tảng kiểm toán vững chắc, thực hiện kế hoạch kiểm toán và tăng cường năng lực chuyên môn.

I Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ 2024 - 2025 (01/07/2024 - 30/06/2025) đã được kiểm toán

Số Nghị quyết: 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết:** 99,9940%

Trích yếu nội dung thông qua

- BCTC riêng niên độ 2024 - 2025 đã được kiểm toán;
- BCTC hợp nhất niên độ 2024 - 2025 đã được kiểm toán.

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2024 - 2025 (01/07/2024 - 30/06/2025)

Số Nghị quyết: 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết:** 99,9971%

Trích yếu nội dung thông qua

- Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2024 - 2025 (đã trích cổ tức cổ phiếu ưu đãi) : 1.046.883.789.037 đồng
- Trích quỹ công tác xã hội, quỹ khen thưởng phúc lợi: 58,4 tỷ đồng;
- Trích kinh phí hoạt động Hội đồng quản trị niên độ 2024 - 2025 để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao : 25 tỷ đồng;
- Chia cổ tức niên độ 2024 - 2025: tỷ lệ 6% bằng cổ phiếu (theo số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành)

Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tỷ lệ phân phối lợi nhuận niên độ 2025 - 2026

Số Nghị quyết: 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 99,9964%

Trích yếu nội dung thông qua

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu hợp nhất: 26.500 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 951 tỷ đồng;

Tỷ lệ phân phối lợi nhuận niên độ 2025 - 2026 dự kiến:

- Trích lập quỹ công tác xã hội và quỹ khen thưởng phúc lợi: 7% lợi nhuận giữ lại;
- Kinh phí hoạt động HĐQT niên độ 2025 - 2026: 25 tỷ đồng từ lợi nhuận giữ lại;
- Chia cổ tức niên độ 2025 - 2026: dự kiến 5% - 7% mệnh giá cổ phiếu;
- Chia cổ tức cổ phiếu ưu đãi: mức cổ tức cố định là 5,5%/năm trong 1,5 năm đầu tiên và các năm tiếp theo theo thỏa thuận giữa Công ty và cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi, nhưng không vượt quá 12%/năm (đã bao gồm cổ tức đã trả trước đó).
- Trường hợp lợi nhuận trước thuế vượt hơn so với kế hoạch được nêu tại mục 1, đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trích thưởng 5% (Năm phần trăm) của phần lợi nhuận trước thuế vượt so với kế hoạch cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty.

Thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính niên độ 2025 - 2026

Số Nghị quyết: 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 99,9964%

Trích yếu nội dung thông qua

- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ 2025 - 2026, bao gồm các công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các chi nhánh của các Công ty này) sau:
  - » Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
  - » Công ty TNHH KPMG;
  - » Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; và
  - » Công ty TNHH PwC (Việt Nam).
  - » Giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn và ký kết Hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty kiểm toán thuộc danh sách được phê duyệt nêu trên là công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ 2025 - 2026 (từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 30/06/2026) của Công ty.

Thông qua thù lao của HĐQT niên độ 2025 - 2026

Số Nghị quyết: 08/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết:** 99,9966%

Trích yếu nội dung thông qua

- Thù lao của HĐQT, Người phụ trách QTCT và Thư ký Công ty niên độ 2025 - 2026: 20 tỷ đồng.

Thông qua việc Đăng Ký, Lưu ký và Đăng ký niêm yết Trái Phiếu

Số Nghị quyết: 09/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết:** 99,9970%

Trích yếu nội dung thông qua

- Thông qua việc Công ty Đăng ký và Lưu ký các Trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Thông qua việc Đăng ký niêm yết Trái Phiếu;
- Thông qua việc triển khai thực hiện Đăng ký Trái phiếu và Niêm yết Trái phiếu.

Thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi

Số Nghị quyết: 10/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 99,9977%

Trích yếu nội dung thông qua

- Tổng giá trị phát hành dự kiến: 999.999.500.000 đồng;
- Loại hình Trái Phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền;
- Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến: 9.999.995 Trái Phiếu;
- Số lượng đợt chào bán dự kiến: 01 đợt;
- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
- Giá chào bán: Bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu;
- Phương thức chào bán: Trái Phiếu được chào bán ra công chúng cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tỷ lệ thực hiện: 855.113/10.000
- Mục đích phát hành: Cơ cấu nợ của Tổ chức phát hành;
- Thời gian phát hành: Dự kiến phát hành trong năm 2026;
- Kỳ hạn Trái Phiếu: 02 năm;
- Lãi suất Trái Phiếu: lãi suất cố định là 9,5%/năm;

Thông qua Chủ trương về định hướng chiến lược phát triển của công ty giai đoạn đến 2030-2031

Số Nghị quyết: 11/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 99,9970%

Trích yếu nội dung thông qua

- Định hướng chung về chiến lược phát triển giai đoạn đến 2030-2031:
  - » Mô hình tổ chức: Mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia;
  - » Thương mại và Hợp tác quốc tế: Phát triển chuỗi thương mại quốc tế đa chiều và tăng cường hợp tác quốc tế trong thương mại và đầu tư;
  - » Chiến lược phát triển bền vững: Đẩy mạnh quản trị và thực hiện cam kết ESG;
  - » Đội ngũ nhân sự: Xây dựng đội ngũ năng lực cao đáp ứng mô hình thương mại và thị trường quốc tế;
  - » Thị giá: Vốn hóa thị trường đạt mức 2,7 tỷ USD vào năm 2030.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2024 - 2025

Số Nghị quyết: 12/2025/NQ-ĐHĐCĐ **Ngày:** 06/12/2025 **Tỷ lệ biểu quyết tán thành:** 98,9457%

Trích yếu nội dung thông qua

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 51.306.755 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 513.067.550.000 đồng;
- Tỷ lệ phát hành: 6%;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 6%;
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ vào Báo cáo tài chính niên độ 2024 - 2025 đã được kiểm toán của Công ty;
- Thời gian dự kiến phát hành: Trước tháng 06/2026.

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THAM GIA CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC

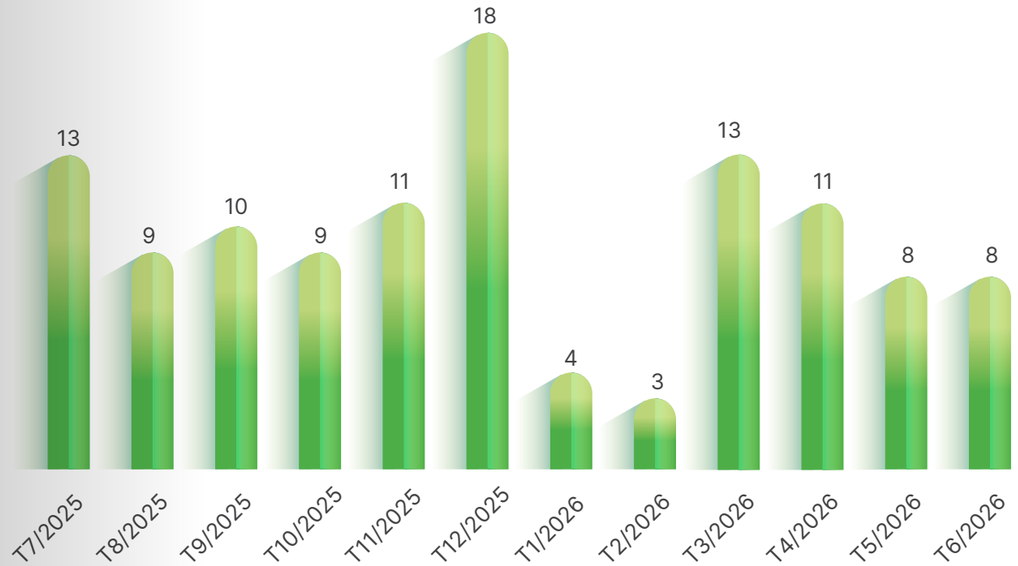
Trong niên độ 2025 - 2026, HĐQT đã chủ trì và tổ chức 61 cuộc họp, bao gồm 04 cuộc họp định kỳ theo quý và 57 cuộc họp đột xuất theo hình thức trực tiếp và trực tuyến; đồng thời tổ chức 30 phiên lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Thông qua đó, HĐQT đã thực hiện chức năng định hướng, kiểm tra và giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, cũng như kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Đồng thời, các thành viên HĐQT là Chủ tịch/Thành viên của các Ủy ban cũng tích cực tham gia cuộc họp các Ủy ban để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban được HĐQT giao phạm vi theo chức năng, nhiệm vụ.

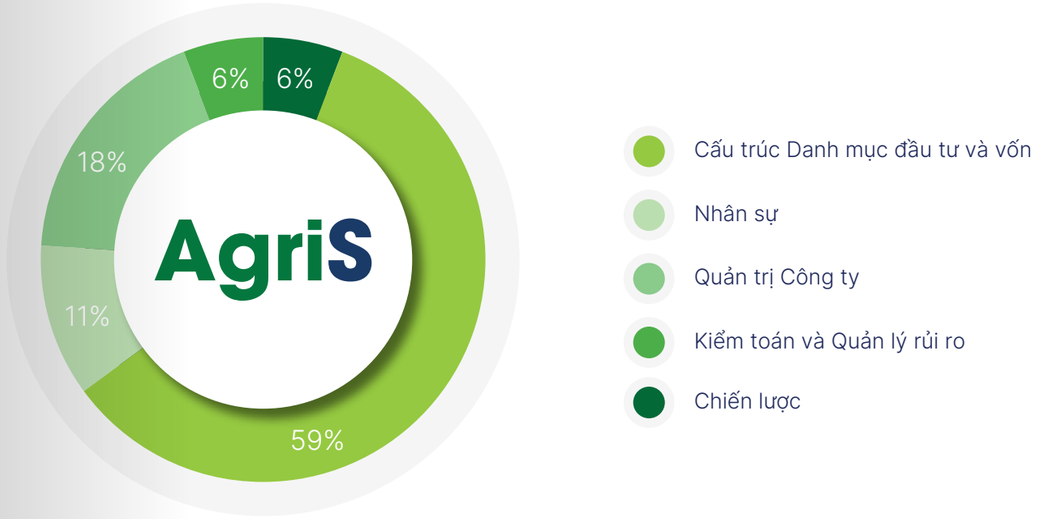
Họ tên và Chức vụ	Số lượng cuộc họp trong niên độ 2025 - 2026							
	HĐQT	Ủy ban Kiểm toán	Ủy ban Điều hành	Ủy ban Đầu tư	Ủy ban Nhân sự	Ủy ban Phát triển bền vững	Ủy ban Quản trị rủi ro	Lý do vắng mặt
Bà Đặng Huỳnh Ức My • Chủ tịch HĐQT (Kể từ ngày 13/7/2024) • Chủ tịch Ủy ban Điều hành • Chủ tịch Ủy ban Đầu tư • Thành viên Ủy ban Nhân sự	61/61	-	4/4	5/5	5/5	-	-	
Bà Huỳnh Bích Ngọc • Thành viên HĐQT	60/61	-	-	-	-	-	-	Bận công tác khác
Ông Trần Tấn Việt • Thành viên HĐQT • Thành viên Ủy ban Điều hành • Thành viên Ủy ban Phát triển bền vững	61/61	-	4/4	-	-	12/12	-	
Ông Trần Trọng Gia Vinh • Thành viên độc lập HĐQT • Chủ tịch Ủy ban Nhân sự • Thành viên Ủy ban Kiểm toán • Thành viên Ủy ban Quản trị rủi ro • Thành viên Ủy ban Phát triển bền vững	61/61	7/7	-	-	5/5	12/12	4/4	-
Ông Lê Quang Phúc • Thành viên độc lập HĐQT • Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán • Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững	61/61	7/7	-	-	-	12/12	-	

Trên cơ sở đó, HĐQT đã ban hành 117 Nghị quyết/Quyết định thông qua các nội dung nhằm chuẩn bị nền tảng và triển khai các định hướng chiến lược, tái cấu trúc danh mục đầu tư và vốn, quản trị công ty, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bổ nhiệm nhân sự cấp cao và các vấn đề khác liên quan đến thẩm quyền của HĐQT. Mọi quyết định của HĐQT đều được cân nhắc một cách cẩn trọng, tuân thủ pháp luật hiện hành, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng Thành viên đã được quy định trong Quy chế hoạt động cũng như tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan.

Số lượng Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT trong niên độ 2025 - 2026 *Nguồn: AgriS*



Cơ cấu Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT trong niên độ 2025 - 2026 theo nội dung *Nguồn: AgriS*



Thông tin chi tiết về các cuộc họp, nội dung được xem xét và các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong niên độ 2025 - 2026 được trình bày tại *Báo cáo tình hình quản trị Công ty niên độ 2025 - 2026*.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước vào niên độ 2025 - 2026, HĐQT của AgriS đã hoạt động với tinh thần quyết liệt và chuyên nghiệp, khẳng định vai trò là hạt nhân lãnh đạo chiến lược. HĐQT đã chủ động hoạch định và chỉ đạo các chính sách quan trọng, đảm bảo mọi hoạt động đều hướng đến mục tiêu chung. Đồng thời, HĐQT đã làm việc hiệu quả thông qua việc phân công cụ thể trách nhiệm cho từng thành viên và tăng cường sự phối hợp với các Ủy ban chuyên trách, giúp quá trình ra quyết định trở nên nhanh chóng và chính xác. Các Thành viên độc lập HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp các ý kiến khách quan và độc lập, luôn hướng tới mục tiêu phát triển chung và bền vững của Công ty.



HĐQT thực hiện vai trò giám sát việc thực thi Chiến lược phát triển đến niên độ 2030-2031 trên 05 định hướng trọng tâm: Mô hình tổ chức; Thương mại và Hợp tác quốc tế; Phát triển bền vững; Đội ngũ nhân sự; và Thị giá đã được ĐHĐCĐ thông qua. Các mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa thành các Key Initiatives (KIs) và hệ thống chỉ tiêu quản trị, làm cơ sở theo dõi, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện. Cuối niên độ, HĐQT thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT và tham gia Hội nghị tổng kết cùng Ban Điều hành AgriS, các Trung tâm và đơn vị thành viên để rà soát kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược, từ đó xác định định hướng và kế hoạch hành động cho niên độ 2026 - 2027.

Công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện một cách chặt chẽ và thường xuyên, đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT:

- Hoạt động giám sát được tiến hành thông qua nhiều hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì (bao gồm cả các cuộc họp của Ủy ban trực thuộc HĐQT), tham dự các phiên họp, phiên thảo luận do Tổng Giám đốc tổ chức và nhận các báo cáo định kỳ quý hoặc đột xuất của từ Ban điều hành. HĐQT đã thường xuyên rà soát tình hình triển khai các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị và việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT định kỳ rà soát kết quả điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch (AOP), đồng thời theo dõi các chỉ tiêu quản trị tài chính và phi tài chính trọng yếu, bao gồm tiến độ thực hiện các KIs, dự án trọng điểm, hoạt động đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, ESG và các nội dung trọng yếu khác. Trên cơ sở đó, HĐQT chất vấn/yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành giải trình, đề xuất giải pháp và điều chỉnh đối với các nội dung chưa phù hợp hoặc chưa đạt kế hoạch.
- Bên cạnh đó, HĐQT định kỳ xem xét, đánh giá cơ cấu vốn, cơ cấu nợ và các chỉ tiêu tài chính trọng yếu nhằm bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển, khẩu vị rủi ro của Công ty đã được xác định. Tại ngày 30/6/2026, hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu (D/E) ở mức 0,94 lần. HĐQT đánh giá cơ cấu vốn của Công ty được duy trì ở mức hợp lý và an toàn, với quy mô nợ vay thấp hơn vốn chủ sở hữu; các khoản vay ngắn hạn chủ yếu là hạn mức phục vụ nhu cầu vốn lưu động và được tái cấp định kỳ, phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty. Trên nền tảng đó, HĐQT tiếp tục định hướng đa dạng hóa nguồn vốn, gia tăng tỷ trọng nguồn vốn dài hạn và chủ động cân đối kỳ hạn nợ nhằm nâng cao tính ổn định, bền vững của cơ cấu vốn, duy trì khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính và bảo đảm hài hòa lợi ích của Công ty, cổ đông, chủ nợ và các bên liên quan. Công ty đồng thời công bố trên website các chính sách về cơ cấu vốn và quản lý nợ phải trả, được trích dẫn từ các quy định có liên quan tại Quy chế Quản trị tài chính của Công ty.
- Ngoài ra, HĐQT cũng đã giám sát việc lập, hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn các Báo cáo tài chính định kỳ, Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển bền vững niên độ 2024 - 2025 theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty; Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2024 - 2025 theo hình thức họp trực tiếp, biểu quyết điện tử (E-Voting); đồng thời chỉ đạo công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường niên độ 2025 - 2026; giám sát và chỉ đạo hoàn tất các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2024 - 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã chủ động, quyết liệt trong công tác điều hành, bảo đảm triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, đồng thời từng bước xây dựng nền tảng cho chiến lược tăng trưởng và mục tiêu phát triển bền vững đến niên độ 2030-2031 và các giai đoạn tiếp theo. Song song đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng chuyên nghiệp, tăng cường hiệu quả quản trị trên cơ sở các nguyên tắc quản trị hiện đại, linh hoạt áp dụng các thông lệ quản trị tốt và từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN



Trong niên độ 2025-2026, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT nhằm thực hiện vai trò giám sát đối với HĐQT. Đồng thời, UBKT đã phối hợp chặt chẽ với Uỷ ban Quản trị rủi ro để theo dõi và có ý kiến kịp thời với HĐQT, Ban điều hành về các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh.

UBKT đã chủ trì tổ chức các cuộc họp với Ủy ban Quản trị rủi ro và Ban Tổng Giám đốc để thống nhất các nguyên tắc, cơ chế phối hợp trong Mô hình 03 tuyến; đồng thời, xây dựng và truyền thông về Mô hình ba tuyến phòng vệ đến toàn Công ty và các công ty thành viên, qua đó nâng cao nhận thức và hiệu quả phối hợp giữa các tuyến.

UBKT đảm bảo duy trì cơ cấu 2 thành viên, toàn bộ là thành viên độc lập HĐQT và đã tổ chức 07 phiên họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để xử lý các vấn đề thuộc quyền hạn gồm:

- Xây dựng chiến lược và tổ chức triển khai mô hình hoạt động của Kiểm toán nội bộ phù hợp với chiến lược và mô hình tổ chức mới của Công ty; phê duyệt quy chế và kế hoạch kiểm toán nội bộ; giám sát tính độc lập, nguồn lực và hiệu quả của kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát Phòng Kiểm toán nội bộ trong việc rà soát và hoàn thiện các tài liệu nền tảng, xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty, và nâng cao vai trò kiểm toán nội bộ trong hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quản trị công ty.
- Giám sát tính trung thực các báo cáo tài chính của Công ty bao gồm: soát xét báo cáo tài chính định kỳ, rà soát giao dịch với người có liên quan và kiến nghị điều chỉnh trước khi trình HĐQT thông qua và công bố.
- Giám sát việc xây dựng Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững, bảo đảm nội dung công bố đầy đủ, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và phản ánh trung thực tình hình quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các định hướng phát triển bền vững của Công ty.
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập có năng lực chuyên môn với mức phí dịch vụ phù hợp, để trình Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện; đánh giá tính độc lập của kiểm toán độc lập và dịch vụ phi kiểm toán.
- Thông qua các cuộc họp, trao đổi và hoạt động kiểm toán nội bộ, hoàn thành vai trò giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm các hoạt động vận hành và quản trị của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật.

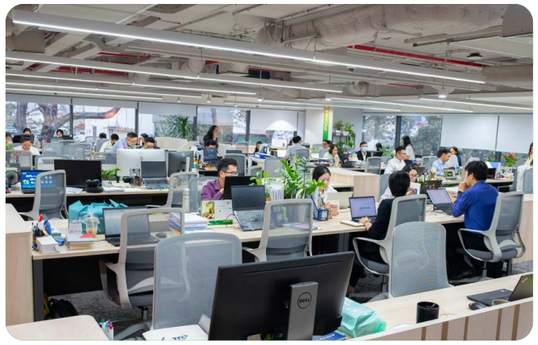
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ĐIỀU HÀNH

Ủy ban Điều hành, với chức năng tổ chức, giám sát việc thực thi các mục tiêu chiến lược, đã thực hiện điều phối đảm bảo kết nối xuyên suốt mô hình kinh doanh chuỗi giá trị tuần hoàn; tham mưu, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh nhằm bảo đảm hoạt động ổn định và lộ trình phát triển bền vững của Công ty.

Hoạt động của Ủy ban Điều hành trong niên độ đã góp phần tăng cường sự kết nối trong công tác quản trị và điều hành, hỗ trợ quá trình chuyển đổi mô hình quản trị và duy trì tính xuyên suốt trong tổ chức thực thi các định hướng chiến lược của Công ty. Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Điều hành tập trung triển khai các hoạt động trọng tâm sau:

- Giữ vai trò kết nối giữa HĐQT và Ban điều hành của Tổng công ty và giữa Tổng công ty với các Trung tâm (Centers), hỗ trợ quá trình chuyển giao mô hình quản trị theo định hướng 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia.
- Định hướng và dẫn dắt quá trình triển khai chiến lược; thúc đẩy triển khai và giám sát các chương trình chuyển đổi trọng điểm, tạo động lực tăng trưởng và hệ thống chỉ tiêu quản trị phục vụ thực thi chiến lược đến niên độ 2030 - 2031.



- Tham mưu xây dựng chiến lược đối ngoại nhằm tăng cường kết nối với Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước; thúc đẩy các chương trình hợp tác chiến lược, mở rộng thị trường trọng điểm, xúc tiến đầu tư và phát triển hệ sinh thái đối tác.
- Định hướng triển khai Tài Chính Chuỗi Cung Ứng (Supply Chain Finance) và các cơ chế phối hợp thương mại, đầu tư và chính sách nhằm nâng cao năng lực tiếp cận thị trường và gia tăng lợi thế cạnh tranh; chỉ đạo số hóa quản trị vùng nguyên liệu, tăng cường truy xuất nguồn gốc và quản trị dữ liệu nông nghiệp.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ĐẦU TƯ

Trong niên độ 2025 - 2026, HĐQT ghi nhận Ủy ban Đầu tư đã có bước tiến trong việc củng cố nền tảng quản trị đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu và cơ sở phục vụ HĐQT xem xét, ra quyết định đầu tư. Hoạt động của Ủy ban đồng thời được định hướng gắn với yêu cầu phân bổ nguồn lực có trọng tâm, phát triển bền vững và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.



- Theo đó, Ủy ban Đầu tư đã triển khai và tổ chức tập huấn Quy chế quản lý đầu tư cùng các văn bản quản trị liên quan, góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện. Đồng thời, Ủy ban đã chuẩn hóa cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc lập, thẩm định, trình và phản biện báo cáo đầu tư, qua đó tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng thẩm định, tham mưu.
- Đồng thời, Ủy ban đã rà soát và đề xuất định hướng phân bổ nguồn lực đầu tư có trọng tâm, ưu tiên các cơ hội đầu tư đổi mới, công nghệ cao phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Công ty, hướng đến mục tiêu trung hòa carbon và Net Zero vào năm 2035; làm việc với một số đối tác tiềm năng để đánh giá các cơ hội hợp tác chiến lược trong một số lĩnh vực hoạt động của Công ty, tạo cơ sở cho việc nghiên cứu và triển khai các chương trình đầu tư trung, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển đến niên độ 2030-2031.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN SỰ

Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Nhân sự đã phát huy vai trò tham mưu về tổ chức và nguồn nhân lực, tập trung vào các nền tảng trọng yếu phục vụ thực thi định hướng chiến lược của Công ty. Các hoạt động của Ủy ban Nhân sự được triển khai theo định hướng xây dựng mô hình quản trị nhân sự hiện đại, nâng cao năng lực tổ chức, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển văn hóa doanh nghiệp, qua đó qua đó từng bước củng cố nền tảng nâng cao hiệu quả quản trị và chuẩn bị nguồn lực nhân sự đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, cụ thể:

- Tham mưu HĐQT rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ cấu quản trị của các đơn vị thành viên theo định hướng chiến lược phát triển đến niên độ 2030-2031; đồng thời triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tổ chức, đáp ứng yêu cầu của mô hình vận hành mới.
- Tham mưu HĐQT về hoạch định nhân sự cấp cao, kế hoạch xây dựng đội ngũ kế thừa và chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân nhân tài.
- Tham mưu và giám sát triển khai dự án chuyển đổi số trong quản trị nhân sự (HRMS) theo định hướng chuẩn hóa dữ liệu nền tảng phục vụ xây dựng hệ thống quản trị nhân sự theo hướng số hóa, tích hợp và hỗ trợ ra quyết định.
- Định hướng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp theo tinh thần đa dạng, hội nhập và toàn cầu hóa.
- Tham mưu cơ chế, chính sách giúp tăng cường phối hợp với các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái nhằm kết nối và chia sẻ nguồn lực nhân sự, phát triển nguồn ứng viên tiềm năng, nâng cao hiệu quả tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa và thống nhất định hướng quản trị nguồn nhân lực trên toàn hệ thống AgriS.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (ESG)



Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Phát triển bền vững tiếp tục phát huy vai trò đầu mối tham mưu, định hướng và giám sát các nội dung về quản trị công ty, môi trường và xã hội. Hoạt động của Ủy ban từng bước tăng cường sự gắn kết giữa quản trị công ty và ESG, tạo nền tảng cho việc tích hợp các yêu cầu phát triển bền vững vào hoạt động quản trị và thực thi định hướng chiến lược của Công ty, cụ thể:

- Về quản trị công ty: Ủy ban đã định hướng và chỉ đạo xây dựng Mô hình quản trị AgriS áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn nhằm kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia; chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các văn bản thuộc khung quản trị của Tổng Công ty và các công ty con. Đồng thời, Ủy ban giám sát việc triển khai kế hoạch cải thiện các chỉ số ESG theo tiêu chí VNSI20 và ACGS, từng bước đạt chuẩn và mục tiêu góp mặt vào danh sách Tài sản đầu tư ASEAN (ASEAN Asset Class), qua đó biến quản trị thành năng lực vận hành thực chất; giám sát việc triển khai các nội dung số hóa hoạt động quản trị, từng bước nâng cao hiệu quả, tính minh bạch, khả năng truy xuất thông tin và ra quyết định dựa trên dữ liệu trong hoạt động của HĐQT.
- Về lĩnh vực môi trường và xã hội: Ủy ban chủ trì xây dựng và tham mưu đến HĐQT về Chiến lược ESG phù hợp với Chiến lược phát triển của Công ty và các tiêu chuẩn phát triển bền vững quốc tế, hướng đến mục tiêu Net Zero vào năm 2035. Đồng thời, Ủy ban chỉ đạo, giám sát việc ban hành Chính sách Phát triển bền vững, xây dựng Khung quản lý Hệ thống Môi trường và Xã hội (ESMS), tạo nền tảng cho việc quản lý và kiểm soát các rủi ro, tác động về môi trường và xã hội theo thông lệ quốc tế.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

Cơ cấu quản trị rủi ro (QTRR) hiện tại của AgriS được xây dựng theo mô hình "Three Lines": Xác lập - Quản lý - Thực thi; minh định vai trò, trách nhiệm của các cấp khác nhau. Đồng thời, hệ thống quản lý rủi ro được xây dựng trên cơ sở tham khảo và vận dụng linh hoạt tiêu chuẩn ISO 31000 và các thực hành tốt về quản lý rủi ro doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc thiết lập, vận hành, tích hợp và cải tiến hệ thống quản lý rủi ro được hiệu quả.

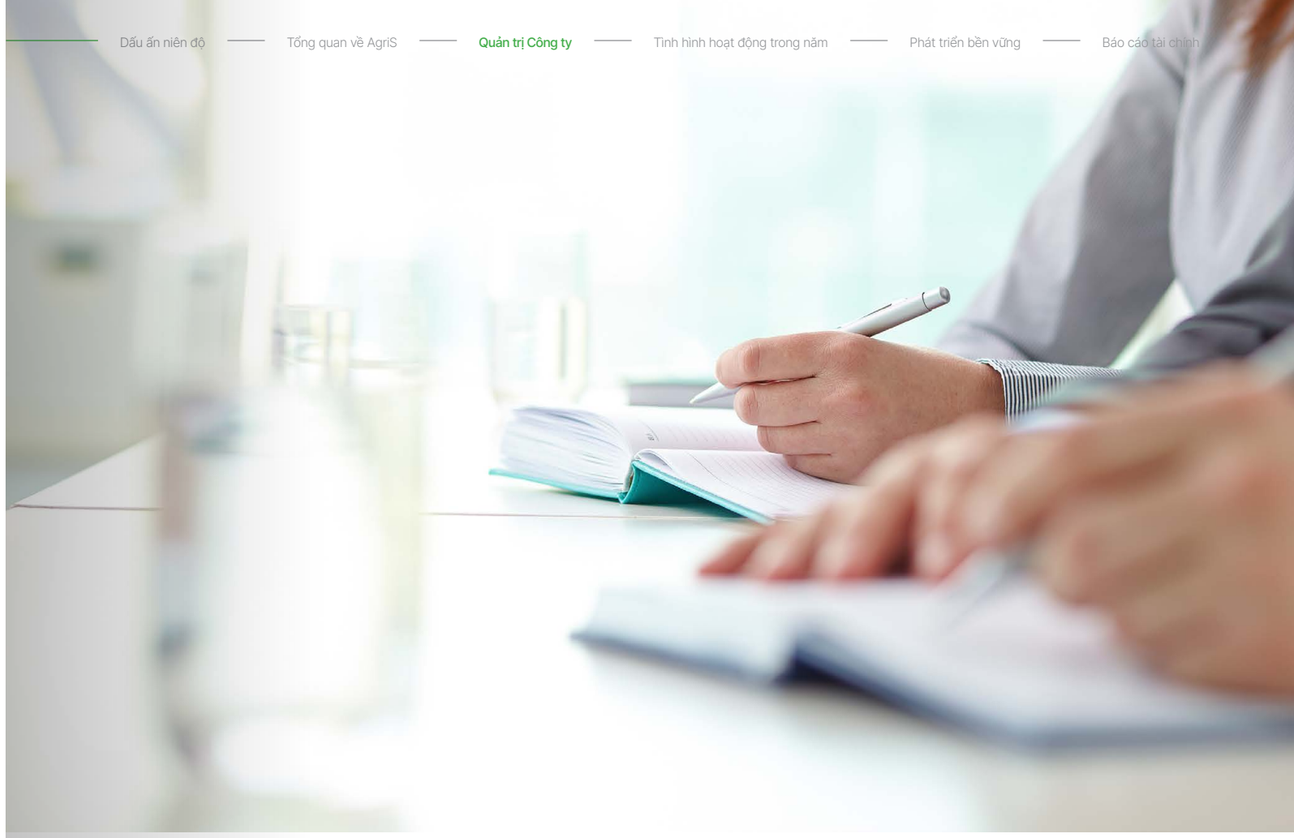
Ủy ban QTRR tiếp tục phát huy vai trò tham mưu, định hướng và giám sát, góp phần củng cố tính chủ động và hệ thống trong công tác quản trị rủi ro của Công ty. Hoạt động của Ủy ban từng bước gắn kết với công tác điều hành và kiểm toán, qua đó hỗ trợ HĐQT giám sát các rủi ro trọng yếu và tăng cường sự chủ động của Công ty trước những biến động của môi trường kinh doanh. Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban QTRR đã thực hiện một số hoạt động tiêu biểu như:

- Tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro, cập nhật Thước đo rủi ro cùng bộ khung chính sách quản lý rủi ro, Risk Bank; ban hành và giám sát triển khai quy trình tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA).
- Tăng cường năng lực quản trị liên tục kinh doanh, hoàn thiện khung Quản lý kinh doanh liên tục và xây dựng Kế hoạch phục hồi sau thảm họa (DRP).
- Giám sát tổ chức đào tạo cho các Đại sứ tuân thủ; hoàn tất tổ chức đồng bộ dữ liệu về tuân thủ, báo cáo quản tri bằng Dashboard; tổ chức truyền thông về các kênh WB và quy trình tiếp nhận, tố cáo vi phạm
- Tham vấn Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và cập nhật Danh mục rủi ro niên độ 2026 - 2027; chủ động đề xuất cơ chế giám sát, xử lý rủi ro trong bối cảnh khủng hoảng địa chính trị.
- Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Ban Điều hành xây dựng cơ chế phối hợp 03 tuyến nhằm tăng cường nhận diện sớm rủi ro trọng yếu và nâng cao hiệu quả quản trị, giám sát rủi ro.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong bối cảnh thị trường tiếp tục diễn biến phức tạp trước những bất ổn về địa chính trị, kinh tế, áp lực gia tăng từ lạm phát, chi phí đầu vào, chi phí vốn và logistics, cùng tình trạng dư cung của ngành đường, HĐQT ghi nhận Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã chủ động nhận diện những biến động của thị trường, đánh giá cơ hội và thách thức để kịp thời điều chỉnh các chính sách, giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động vận hành và kinh doanh của Công ty. Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong niên độ bám sát kế hoạch kinh doanh các định hướng và nhiệm vụ được ĐHĐCĐ, HĐQT giao với những kết quả nổi bật sau:

- Duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường nhiều thách thức, với doanh thu thuần đạt 26.733 tỷ đồng, tương đương 101% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 911 tỷ đồng, tương đương 96% kế hoạch; sản lượng đường tiêu thụ đạt 1,25 triệu tấn, tương đương 101% kế hoạch niên độ.
- Tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh và các định hướng chiến lược được ĐHĐCĐ, HĐQT phê duyệt, bám sát mô hình Chuỗi giá trị Thương mại tuần hoàn - Circular Commercial Value Chain và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp trên ba trụ cột Agtech - Foodtech - Fintech.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản trị, vận hành và nông nghiệp; Go-live hệ thống ERP Oracle Fusion, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác dữ liệu và năng suất.
- Thúc đẩy các sáng kiến kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững, tăng cường tái sử dụng nguyên vật liệu từ chuỗi giá trị cây trồng, phát triển các nền tảng trao đổi công nghệ và truy xuất nguồn gốc, hướng đến mục tiêu Net Zero vào năm 2035.
- Tăng cường quản trị nguồn lực và kiểm soát chi phí, chủ động rà soát hoạt động nhằm hạn chế lãng phí và các chi phí không cần thiết.
- Công tác quan hệ Nhà đầu tư đảm bảo tính tuân thủ và hướng tới chuẩn mực quốc tế; tăng cường kết nối với cổ đông, nhà đầu tư, công ty chứng khoán và quỹ đầu tư. Tại ngày 30/06/2026, giá cổ phiếu SBT đạt 21.250 đồng/cổ phiếu, tăng 14% so với đầu niên độ, đưa vốn hóa thị trường đạt 19.261 tỷ đồng.
- Tổ chức triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, bảo đảm hoạt động điều hành đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ quy định pháp luật và các quy định quản trị nội bộ; đồng thời duy trì sự linh hoạt và thận trọng trong công tác quản lý, điều hành.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và các chế độ, chính sách đối với người lao động.



CƠ CẤU THU NHẬP, THỜI GIAN ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, CÁC KHÓA HỌC THAM GIA CỦA BAN TGĐ VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

STT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập		Bắt đầu đảm nhiệm	Các khóa học
			Lương	Thưởng		
A	Ban Tổng Giám đốc					
1	Thái Văn Chuyện	Tổng Giám đốc	70%	30%	07/2024	• Quản trị Chuỗi cung ứng toàn diện - SC Management; • Quản trị an toàn lao động trong hoạt động vận hành. • Workshop Giải mã Mô hình tương lai - Chuyên gia Talent Net • Workshop Văn hóa Doanh nghiệp - Lợi thế và Bất cập - Chuyên gia Newing
2	Trần Quốc Thảo	Phó TGĐ	70%	30%	07/2024	
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó TGĐ	70%	30%	07/2024	
4	Huỳnh Văn Pháp	Phó TGĐ	70%	30%	05/2025	
5	Nguyễn Thị Lan Phương	Phó TGĐ (Miễn nhiệm T6/2026)	70%	30%	06/2025	
6	Nguyễn Đức Hùng Linh	Phó TGĐ	70%	30%	08/2025	
7	Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó TGĐ	70%	30%	02/2026	
B	CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VỀ TÀI CHÍNH					
1	Đặng Thị Diễm Trinh	Kế toán trưởng	70%	30%	1/2015	• Cập nhật chính sách thuế mới - Deloitte. • Quản trị an toàn lao động trong hoạt động vận hành. • Workshop Giải mã Mô hình tương lai - Chuyên gia Talent Net.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HĐQT VÀ TỪNG TV HĐQT

Trong niên độ 2025 - 2026, AgriS đã bổ sung cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT và từng Thành viên HĐQT tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, tạo cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động trong các niên độ tiếp theo.

Theo đó, việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí khách quan, bao gồm năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ; mức độ tham gia, đóng góp; hiệu quả giám sát; tính độc lập trong xem xét, ra quyết định; tinh thần trách nhiệm, phối hợp; đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ. HĐQT có thể thực hiện đánh giá nội bộ hoặc thuê tổ chức/chuyên gia độc lập hỗ trợ; kết quả đánh giá là cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động, phát triển năng lực Thành viên HĐQT, hoàn thiện cơ cấu và cơ chế quản trị, đồng thời phục vụ công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của Công ty.

Đồng thời, AgriS đang xây dựng Khung KPI HĐQT cho niên độ 2026 - 2027, dự kiến kết hợp KPI tập thể HĐQT và KPI cá nhân Thành viên HĐQT, gắn với kết quả kinh doanh, thực thi chiến lược, hoạt động của các Ủy ban, mức độ tham dự và chất lượng đóng góp của từng Thành viên.

CHÍNH SÁCH THÙ LAO HĐQT

Chính sách thù lao, thưởng và các lợi ích khác của HĐQT được xây dựng nhằm thu hút, duy trì và tạo động lực cho Thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản trị, giám sát và định hướng chiến lược, phù hợp với quy mô hoạt động, chiến lược phát triển dài hạn, mức độ đóng góp, trách nhiệm và vai trò của từng Thành viên.

Mức thù lao được xác định trên cơ sở chức danh, nhiệm vụ được phân công, việc tham gia các Ủy ban trực thuộc HĐQT và các trách nhiệm bổ sung khác. Theo cơ chế hiện hành, thù lao bao gồm mức thù lao Thành viên HĐQT và phụ cấp theo chức danh, trách nhiệm tại HĐQT và các Ủy ban, được xác định căn cứ vào mức độ tham gia thực tế.

Đối với Thành viên HĐQT không điều hành và Thành viên độc lập HĐQT, cơ cấu thù lao bảo đảm tính khách quan, độc lập và không gắn với các chỉ tiêu ngắn hạn hoặc cơ chế khuyến khích có thể làm suy giảm tính độc lập trong xem xét, quyết định. Thành viên HĐQT đồng thời giữ chức vụ điều hành được hưởng tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo chức danh điều hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của HĐQT; đồng thời báo cáo việc thực hiện chi trả cho từng Thành viên và thực hiện công bố theo quy định.

CHÍNH SÁCH KẾ NHIỆM LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT

Trong niên độ 2025 - 2026, AgriS đã thiết lập cơ chế về kế hoạch kế nhiệm đối với Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý chủ chốt khác thuộc thẩm quyền của HĐQT, nhằm bảo đảm tính liên tục trong quản trị, điều hành và hạn chế rủi ro gián đoạn hoạt động của Công ty.

Theo cơ chế này, kế hoạch kế nhiệm sẽ được xây dựng trên cơ sở nhu cầu chiến lược, mô hình tổ chức, yêu cầu năng lực, nguồn nhân sự nội bộ, khả năng phát triển đội ngũ kế cận và phương án xử lý khi phát sinh thay đổi nhân sự đột xuất. HĐQT chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt và giám sát; đồng thời có thể giao Ủy ban Nhân sự hoặc các Ủy ban giúp việc rà soát, cập nhật và báo cáo theo yêu cầu.

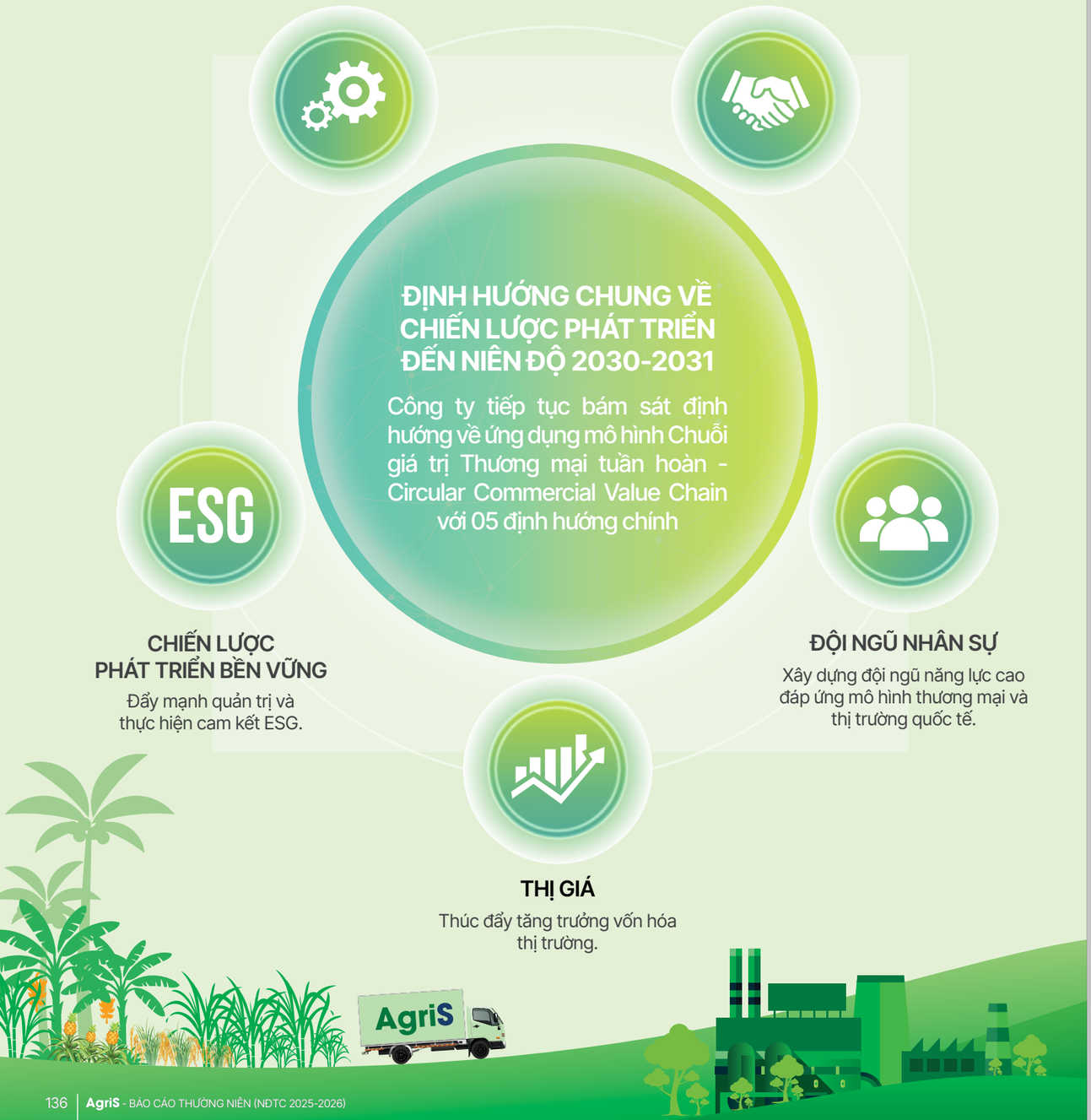
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ LỊCH HỌP HĐQT NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

Nhằm bảo đảm tính chủ động, liên tục và hiệu quả trong hoạt động quản trị, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động và lịch họp định kỳ cho niên độ 2026 - 2027, trong đó xác định thời gian dự kiến và các nội dung trọng tâm cần xem xét tại từng kỳ họp. Lịch họp được xây dựng phù hợp với chu kỳ lập và đánh giá kế hoạch kinh doanh, báo cáo tài chính, công tác quản trị rủi ro, kiểm toán, phát triển bền vững và các vấn đề trọng yếu thuộc thẩm quyền của HĐQT.

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 7/2026	Phiên họp HĐQT định kỳ Quý IV Niên độ 2025 - 2026
2	Tháng 9/2026	Phiên họp HĐQT thông qua nội dung và tài liệu họp trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2025 - 2026
3	Tháng 10/2026	Phiên họp HĐQT định kỳ Quý I Niên độ 2026 - 2027
4	Tháng 11/2026	Phiên họp HĐQT triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên độ niên độ 2025 - 2026
5	Tháng 04/2026	Phiên họp HĐQT định kỳ Quý III Niên độ 2026 - 2027
6	Tháng 07/2026	Phiên họp xem xét, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược công ty hàng năm



Định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị



NHIỆM VỤ THỰC THI CHO 05 ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

AgriS định hướng phát triển hệ sinh thái nông nghiệp thông minh theo hướng đa dạng hóa và gia tăng giá trị trên toàn chuỗi, qua đó từng bước nâng cao vai trò dẫn dắt tại Việt Nam và mở rộng năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Theo đó, AgriS tập trung phát huy các nền tảng đã được kiến tạo, chuyển hóa thành năng lực cạnh tranh và động lực tăng trưởng mới, từng bước hiện thực hóa Chiến lược phát triển đến niên độ 2030-2031.

ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

Nhiệm vụ 01: Nâng cao và phát huy hiệu quả vận hành mô hình tổ chức 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia

Đẩy mạnh áp dụng và nâng cao hiệu quả vận hành mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia; tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị và phương thức vận hành, tăng cường kết nối, phối hợp và phát huy tối đa tính hiệp lực trong toàn hệ thống AgriS.

Tăng cường truyền thông về mô hình quản trị, tạo sự thống nhất trong nhận thức và cách thức vận hành trên toàn hệ thống.

03 TRUNG TÂM | **03** DỊCH VỤ | **01** HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu HĐQT và các Ủy ban trực thuộc theo hướng tăng cường tính độc lập, đa dạng chuyên môn và nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng yêu cầu thực thi Chiến lược 05 năm và từng bước tiệm cận các thông lệ quản trị tốt

Nhiệm vụ 02: Thúc đẩy các động lực tăng trưởng và tăng cường hợp tác quốc tế

Với ngành đường, tiếp tục giữ vai trò nền tảng, đồng thời đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa sang các ngành hàng có tính cộng hưởng cao như gạo, dừa, chuối và dứa; phát triển hệ sinh thái dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao với các giải pháp về giống, dinh dưỡng, tưới tiêu, cơ giới hóa, bảo vệ thực vật và canh tác chính xác, qua đó gia tăng giá trị trên toàn chuỗi cung ứng.

Đẩy mạnh mở rộng thị trường và hiện diện quốc tế; ưu tiên các mô hình hợp tác cộng hưởng, đầu tư chiến lược và M&A phù hợp nhằm mở rộng hệ sinh thái, năng lực thị trường và công nghệ, tạo động lực tăng trưởng mới.

Tăng cường nghiên cứu và phát triển (R&D) các sản phẩm, giải pháp cho ngành nông nghiệp; thúc đẩy ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) và đổi mới sáng tạo, tạo thêm giá trị cho hệ sinh thái AgriS. Từng bước phát triển mạng lưới R&D khu vực, kết nối nghiên cứu, công nghệ và thị trường, thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm, giải pháp có giá trị gia tăng.

Theo định hướng nền tảng mở (open platform), tăng cường đầu tư, hợp tác và kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước nhằm cộng hưởng nguồn lực, công nghệ và năng lực, mở rộng hệ sinh thái và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững.

Nhiệm vụ 03: Thúc đẩy phát triển bền vững và thực thi ESG

Tập trung hiện thực hóa chiến lược ESG phù hợp với Chiến lược phát triển của Công ty đến niên độ 2030 - 2031; tăng cường củng cố hệ thống quản trị ESG đảm bảo năng lực thực thi, quản lý rủi ro và từng bước tích hợp các mục tiêu, sáng kiến ESG vào hoạt động quản trị, vận hành và sản xuất - kinh doanh.

Tiếp tục thúc đẩy các sáng kiến tạo lập giá trị chung thông qua tăng cường hợp tác với các bên liên quan; đồng thời đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

Từng bước phát triển ESG theo hướng tạo lập giá trị, khai thác các cơ hội từ tín chỉ carbon, nông nghiệp tái tạo và chuỗi cung ứng bền vững.

Tăng cường cải thiện các chỉ tiêu quản trị theo thông lệ tốt nhằm từng bước tiệm cận và đưa SBT vào danh sách Tài sản ASEAN (ASEAN Asset) về quản trị công ty; biến quản trị thành năng lực vận hành thực chất và năng lực cạnh tranh cốt lõi của AgriS.

Nhiệm vụ 04: Kiện toàn tổ chức và phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu thực thi Chiến lược phát triển đến niên độ: 2030-2031; chú trọng nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo tại các vị trí trọng yếu, xây dựng đội ngũ kế thừa và bổ sung các năng lực chiến lược cần thiết.

Hoàn thiện nền tảng quản trị nhân sự theo hướng đồng bộ, hiện đại và dựa trên dữ liệu; từng bước chuẩn hóa quản trị hiệu quả công việc, cơ chế phân quyền nhân sự và khung vị trí, năng lực trên toàn hệ thống.

Xây dựng môi trường và văn hóa doanh nghiệp phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mệnh Giá trị cốt lõi và định hướng phát triển của AgriS; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đa dạng và hòa nhập.

Nhiệm vụ 05: Tăng cường khả năng tiếp cận dòng vốn bền vững và tối ưu nguồn lực

Xây dựng chiến lược thu hút dòng vốn xanh, bền vững và dài hạn cho AgriS, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn và nhà đầu tư quốc tế, phục vụ các định hướng phát triển nông nghiệp bền vững, đầu tư công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh. Tăng cường hiệu quả phân bổ và sử dụng vốn theo định hướng tinh gọn tài sản (Light-Asset); chủ động rà soát danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực vào các hoạt động cốt lõi và lĩnh vực có tiềm năng tạo giá trị dài hạn.

Tiếp tục duy trì và tăng cường tính minh bạch, khả năng kiểm chứng các cam kết và hiệu quả phân bổ, sử dụng vốn, qua đó củng cố nền tảng tài chính, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn bền vững và gia tăng giá trị doanh nghiệp.

NHIỆM VỤ THỰC THI XUYÊN SUỐT TẦM NHÌN NIÊN ĐỘ 2030-2031

Về định hướng chiến lược thương mại và hợp tác quốc tế

Chuyển đổi thành công và đi vào vận hành hiệu quả mô hình kinh doanh Chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn - Circular Commercial Value Chain trên nền tảng số hóa toàn bộ chuỗi giá trị và tích hợp ESG.

Giữ vững thị phần đường, dừa trong nước; đồng thời mở rộng chuỗi giá trị Gạo, phát triển vùng nguyên liệu chuối, dứa, cây ăn quả và đầu tư năng lực sản xuất Thực phẩm – Đồ uống, hướng tới chuyển dịch sang mô hình Food – Beverage – Ingredient Solutions (FBI).

Về định hướng chiến lược phát triển bền vững

Đẩy mạnh hoàn thiện bộ máy quản trị công ty theo thông lệ quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị; Chuyển đổi và áp dụng chuẩn mực kế toán theo IFRS theo lộ trình linh hoạt; Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực quốc tế IIRC; Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN; Quy tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế OECD; Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo phát triển bền vững toàn cầu GRI nhằm tạo đà tăng trưởng xanh hướng đến đạt được chiến lược phát triển bền vững và hội tụ đầy đủ các điều kiện cần thiết để huy động nguồn Tài chính xanh cũng như thu hút Dòng vốn quốc tế, sẵn sàng đón đầu các cơ hội khi thị trường chứng khoán Việt Nam nâng hạng.

Triển khai hiện thực hóa mục tiêu hướng đến Net Zero vào năm 2035.



Về định hướng chiến lược phát triển đội ngũ nhân sự

Xây dựng đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, có năng lực và tư duy toàn cầu, phù hợp với bản sắc văn hóa AgriS và định hướng thương mại quốc tế:

Phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ về kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động trong nước và quốc tế, đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược.

Kế thừa, củng cố và phát huy văn hóa doanh nghiệp xoay quanh các giá trị cốt lõi của AgriS, hướng đến thúc đẩy sự hiệu quả, sáng tạo và chuyên nghiệp. Từ đó tạo ra một môi trường làm việc lý tưởng cho đội ngũ nhân sự, tạo ra các sản phẩm chất lượng, tạo sự hài lòng cho khách hàng giúp nâng cao danh tiếng thương hiệu AgriS trên thị trường, đảm bảo tăng trưởng vượt bậc về doanh thu cho công ty theo lộ trình chiến lược đến 2030.

Về định hướng thương mại hóa dữ liệu

AgriS xác định duy trì phát triển và sở hữu tài sản cơ sở dữ liệu nông nghiệp là một lợi thế cạnh tranh quan trọng. Theo đó, AgriS tiếp tục thúc đẩy hoạt động xây dựng và phát triển "Data hub" nhằm tạo nền tảng quản trị vững chắc cho hoạt động chuyển đổi số toàn diện, tối đa giá trị từ dữ liệu, tăng tốc đổi mới, sáng tạo, nâng cao lợi thế cạnh tranh và hiện thực hóa chiến lược thương mại hóa dữ liệu.

Về định hướng thúc đẩy tăng trưởng vốn hóa thị trường

Tăng cường quản trị tài chính và phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm củng cố nền tảng tài chính và nâng cao khả năng huy động vốn, đặc biệt là thu hút dòng vốn xanh quốc tế vào các lĩnh vực nông nghiệp, tiêu dùng và ngành phụ trợ.

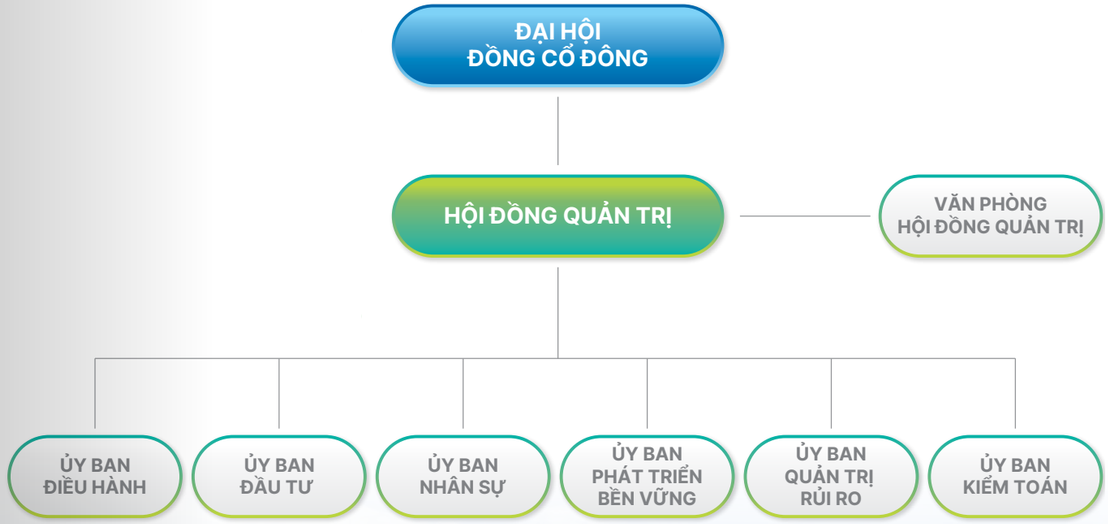
Thúc đẩy M&A các doanh nghiệp thực phẩm có cam kết ESG để mở rộng quy mô, gia tăng thị phần và tạo giá trị cộng hưởng.

Triển khai linh hoạt các chính sách tài chính như: chia cổ tức, tối ưu danh mục đầu tư, huy động vốn qua IPO,... theo từng giai đoạn, nhằm tăng tính hấp dẫn và thanh khoản của cổ phiếu SBT.

Định vị và nâng cao giá trị thương hiệu AgriS/SBT thông qua phát triển hệ sinh thái sản phẩm bền vững, mở rộng hiện diện quốc tế và củng cố năng lực cạnh tranh cốt lõi.

Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Nhằm hiện thực hóa mục tiêu kiện toàn hệ thống quản trị doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị tốt, đáp ứng chiến lược tăng trưởng đến niên độ 2030-2031 và chiến lược phát triển bền vững đến 2035, HĐQT đã thành lập các Ủy ban trực thuộc nhằm chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị theo "Mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia". Đồng thời, HĐQT đã xây dựng và ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của các Ủy ban, quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động, tạo khuôn khổ thống nhất cho hoạt động của các Ủy ban. Qua đó, các Ủy ban đóng vai trò là công cụ hỗ trợ HĐQT tập trung vào các định hướng chiến lược dài hạn, đồng thời tăng cường hiệu quả quản trị, giám sát đối với các lĩnh vực trọng yếu. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm:





BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên độc lập của HĐQT AgriS đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch và khách quan trong hoạt động QTCT. Sự hiện diện của các thành viên độc lập HĐQT không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị mà còn củng cố uy tín và niềm tin của Công ty với các Nhà đầu tư và Cổ đông, tạo nên giá trị cộng hưởng bền vững với các Bên liên quan.

Trong niên độ 2025 - 2026, AgriS duy trì số lượng 2/5 thành viên HĐQT là thành viên độc lập, đáp ứng quy định về số lượng thành viên độc lập trong HĐQT theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



Ông LÊ QUANG PHÚC

Thành viên độc lập HĐQT

Bổ nhiệm: Tháng 10/2024

Kiêm nhiệm:

Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán

Bổ nhiệm: Tháng 11/2024

Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững - Bổ nhiệm: Tháng 11/2024



Ông TRẦN TRỌNG GIA VINH

Thành viên độc lập HĐQT

Bổ nhiệm: Tháng 10/2022

Kiêm nhiệm:

Chủ tịch Ủy ban Nhân sự (Đổi tên từ Ủy ban Đề cử và Đãi ngộ)
Bổ nhiệm: Tháng 10/2022

Thành viên Ủy ban Kiểm toán - Bổ nhiệm: Tháng 10/2023

Thành viên Ủy ban Quản trị rủi ro - Bổ nhiệm: Tháng 11/2024

Thành viên Ủy ban Phát triển bền vững - Bổ nhiệm: Tháng 11/2024

Các thành viên độc lập HĐQT của AgriS đều có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, hoạt động tài chính, bán lẻ, kế toán kiểm toán và ngành hàng tiêu dùng nhanh. Ngoài những kiến thức chuyên môn sâu rộng, các thành viên còn được trang bị các kiến thức về Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty (ESG), Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (CSR) cùng các kỹ năng cần thiết để thực hiện hiệu quả vai trò của thành viên độc lập trong HĐQT. Đồng thời, các thành viên độc lập HĐQT cũng không ngừng cải thiện hiệu quả làm việc và hoàn thành tốt vai trò trách nhiệm của mình trong các hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Phát triển bền vững và Ủy ban Quản trị rủi ro.



CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

Trong niên độ 2025 - 2026, các thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện một cách nghiêm túc và cẩn trọng các trách nhiệm của thành viên HĐQT của công ty niêm yết theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; tham gia đầy đủ các cuộc họp, tích cực tham gia ý kiến và thảo luận về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; đảm bảo vì lợi ích Công ty và các cổ đông, và không có bất kỳ xung đột lợi ích hay lạm dụng vị thế nào đối với hoạt động của Công ty

Các thành viên độc lập HĐQT đóng vai trò quan trọng trong việc cố vấn chuyên môn và giúp HĐQT Công ty có góc nhìn đa ngành, đa chiều. Trong các tình huống có xung đột lợi ích, các thành viên độc lập HĐQT đảm nhận vai trò của người giám sát khách quan đối với các hoạt động của Ban Điều hành, bao gồm việc cân bằng và ngăn ngừa những xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của Cổ đông, đặc biệt là Cổ đông thiểu số.

Niên độ vừa qua, các thành viên độc lập HĐQT đã có những hoạt động điển hình trong công tác Quản trị, Giám sát, Kiểm soát, Kiểm toán, Nhân sự và Phát triển bền vững như sau:

Ông Lê Quang Phúc

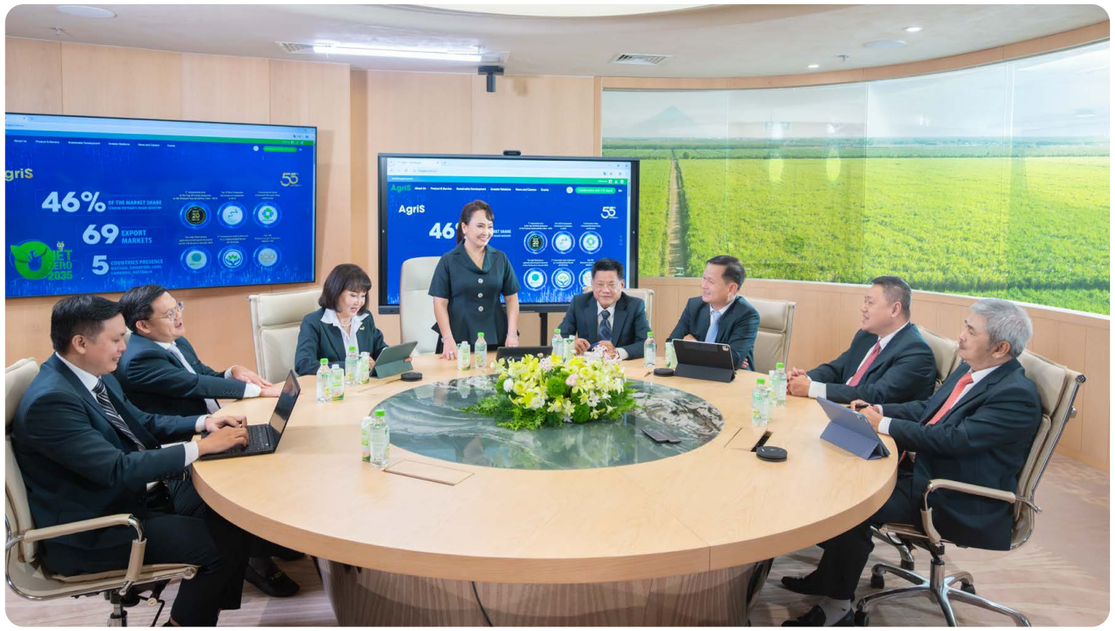
- Với vai trò Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, ông tập trung định hướng xây dựng Chiến lược phát triển Kiểm toán nội bộ đến năm 2030, hoàn thiện nền tảng hoạt động của Ủy ban Kiểm toán/Kiểm toán nội bộ và thúc đẩy xây dựng cơ chế phối hợp theo Mô hình 03 tuyến, qua đó tăng cường sự gắn kết giữa quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.
- Với vai trò Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững, ông tập trung định hướng xây dựng Mô hình quản trị AgriS áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn theo mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia, định hướng xây dựng Chiến lược ESG hướng đến Net Zero vào năm 2035; đồng thời chỉ đạo, giám sát hoạt động nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các thông lệ tốt, cải thiện các tiêu chí VNSI20, ACGS và thúc đẩy số hóa hoạt động quản trị.

Ông Trần Trọng Gia Vinh

- Với vai trò Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, ông tập trung tham mưu, định hướng kiện toàn cơ cấu tổ chức và nền tảng quản trị nguồn nhân lực; trong đó có triển khai mô hình AgriNext tại AgriC, kiện toàn cơ cấu vận hành tại ProC, chuyển đổi số quản trị nhân sự và hoàn thiện các chính sách nhân sự trọng yếu.
- Với vai trò thành viên Ủy ban Phát triển bền vững, ông tham gia tham vấn trong quá trình xây dựng Chiến lược ESG, tập trung đóng góp chuyên môn đối với trụ cột Xã hội (S), gắn các vấn đề về con người, nguồn nhân lực và phát triển tổ chức với định hướng phát triển bền vững của AgriS.
- Với vai trò thành viên Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban Quản trị rủi ro, ông tham gia phản biện và tham vấn các vấn đề về quản trị, kiểm soát, rủi ro và tuân thủ, thực hiện vai trò giám sát độc lập trong các lĩnh vực được phân công.

I Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 2025 - 2026



Trong niên độ 2025-2026, HĐQT với tinh thần làm việc trách nhiệm, đã định kỳ và thường xuyên tổ chức các phiên họp để thảo luận và đưa ra nhiều quyết định thuộc thẩm quyền như: chiến lược, chính sách, quy định về quản trị, quản lý rủi ro, huy động nguồn vốn, quản lý hệ thống,... đáp ứng tình hình hoạt động thực tế của AgriS; đồng thời hướng đến các chuẩn mực quản trị tốt nhất theo thông lệ quốc tế nhằm tăng cường tính minh bạch đối với Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan. Cụ thể:

- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT
  - » Tổ chức 61 cuộc họp (bao gồm 04 cuộc họp định kỳ theo quý và 57 cuộc họp bất thường theo phương thức trực tiếp, trực tuyến) và thực hiện 30 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Công tác triệu tập họp, gửi tài liệu, phương thức tham dự và biểu quyết, cũng như việc lập và ban hành biên bản/nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quy chế quản lý nội bộ và thông lệ quản trị tốt; đảm bảo các thành viên HĐQT có đủ thời gian nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị ý kiến. Trên cơ sở đó, phát hành tổng số 117 Nghị quyết/Quyết định mang tính chất định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh theo sát chiến lược phát triển của Công ty.
  - » Bên cạnh đó, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã được vận hành theo các chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hành động đã được HĐQT thông qua; đã tổ chức nhiều cuộc họp hàng tháng, quý để chỉ đạo và giám sát các công việc theo kế hoạch hành động đã được HĐQT phê duyệt. Cơ chế cung cấp thông tin giữa các Ủy ban và HĐQT cũng đã được thực hiện qua báo cáo định kỳ, biên bản họp và tài liệu kèm theo.
- HĐQT đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức triển khai các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ.
- Các thành viên HĐQT nghiêm túc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công; tham gia đầy đủ hoạt động của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc; đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh chung của AgriS.
- Thực hiện kiểm tra và giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành. Mặt khác, HĐQT luôn lắng nghe, đồng hành sâu sát, thường xuyên chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời cho các hoạt động của Ban Điều hành vì mục tiêu, lợi ích chung của Công ty.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

- Thông qua các cuộc họp định kỳ và bất thường, hệ thống báo cáo nội bộ và hoạt động giám sát của các Ủy ban trực thuộc, HĐQT đã giám sát và chỉ đạo BĐH thường xuyên và nghiêm túc trong việc điều hành doanh nghiệp, đặc biệt trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thể hiện sự chủ động, linh hoạt trong điều hành, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản theo kế hoạch, đồng thời tiếp tục triển khai các nền tảng về tổ chức, quản trị và nguồn lực phục vụ định hướng phát triển của Công ty.
- Yêu cầu chuyển đổi và phát triển trong giai đoạn tiếp theo đòi hỏi Ban Điều hành tiếp tục nâng cao năng lực tổ chức thực thi, đặc biệt là năng lực của đội ngũ quản lý; đồng thời chú trọng chuẩn bị nguồn lực và năng lực kế thừa để đáp ứng yêu cầu triển khai chiến lược của Công ty.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỀ GIAO DỊCH LIÊN QUAN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Trong niên độ 2025 - 2026, HĐQT thông qua UBKT, đã giám sát việc nhận diện và rà soát các giao dịch với bên liên quan. Các giao dịch được thực hiện theo đúng thẩm quyền phê duyệt và công bố thông tin; không ghi nhận giao dịch bất thường, có dấu hiệu xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Công ty và Cổ đông.
- UBKT/KTNB, Ủy ban Quản trị rủi ro và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp trong công tác quản trị rủi ro, thống nhất nguyên tắc phối hợp theo Mô hình 03 tuyến.
- HĐQT đã chỉ đạo UBKT và KTNB thực hiện rà soát Báo cáo tài chính hằng quý trước khi Công ty công bố. UBKT đã thực hiện thẩm định và có ý kiến về Báo cáo tài chính định kỳ trước khi được công bố.
- HĐQT đã tổ chức thực hiện việc công bố thông tin của Công ty, trên các phương tiện thích hợp, tuân thủ theo các quy định pháp luật và quy định nội bộ, chưa phát hiện trường hợp vi phạm.
- Đồng thời, trong niên độ, HĐQT đã ban hành Quy chế thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT, qua đó thiết lập cơ chế thực hiện chức năng giám sát của HĐQT, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự phối hợp trong giám sát các lĩnh vực trọng yếu.



I Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

Các thành viên độc lập HĐQT tiếp tục phát huy vai trò tham vấn, phản biện và giám sát độc lập, đồng hành cùng HĐQT trong việc triển khai các định hướng chiến lược và phát triển mô hình quản trị phù hợp với yêu cầu của AgriS; đồng thời góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc, bảo đảm hài hòa lợi ích của Công ty, Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan khác.

Trọng tâm hoạt động trong niên độ 2026 - 2027 gồm:

- Tiếp tục thực hiện vai trò phản biện và giám sát độc lập, hỗ trợ HĐQT trong quá trình xem xét, ra quyết định, bảo đảm tính minh bạch, khách quan và hài hòa lợi ích giữa các Cổ đông và Bên liên quan
- Giám sát việc triển khai Mô hình quản trị AgriS, hệ thống văn bản quản trị và cơ chế phối hợp, phân quyền giữa Công ty và các Trung tâm; đồng thời thúc đẩy số hóa hoạt động quản trị và nâng cao chất lượng thực hành quản trị công ty
- Định hướng xây dựng Chiến lược ESG của AgriS đến niên độ 2030-2031, triển khai Khung ESMS, nâng cao chất lượng dữ liệu và báo cáo ESG; đồng thời tiếp tục thúc đẩy và giám sát việc cải thiện thực hành quản trị công ty theo các tiêu chí ACGS, VNSI20
- Giám sát hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát và kiểm toán nội bộ, thúc đẩy cơ chế phối hợp theo Mô hình 03 tuyến và tăng cường khả năng nhận diện, cảnh báo sớm các rủi ro trọng yếu
- Tham gia định hướng phát triển cơ cấu tổ chức và nền tảng quản trị nguồn nhân lực, chú trọng phát triển năng lực lãnh đạo, đội ngũ kế thừa, quản trị hiệu suất, chuyển đổi số nhân sự và văn hóa doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển của AgriS



BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN



Ủy ban Kiểm toán (UBKT) tiếp tục khẳng định vai trò là cơ chế giám sát độc lập, đồng hành cùng Hội đồng Quản trị (HĐQT) trong việc tăng cường nền tảng quản trị minh bạch, hiệu quả và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Thông qua hoạt động giám sát, tư vấn và cảnh báo sớm, UBKT đã đưa ra các ý kiến, khuyến nghị độc lập góp phần hỗ trợ AgriS thực thi chiến lược phát triển bền vững trên nền tảng ba trụ cột AgTech - FoodTech - FinTech.

Trong niên độ 2025-2026, khi AgriS mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới như chuỗi giá trị lúa gạo, chuối, dịch vụ nông nghiệp 6S và các dòng sản phẩm F&B giá trị gia tăng cao, UBKT tập trung giám sát nền tảng quản trị, kiểm soát và tuân thủ, nhằm bảo đảm quá trình mở rộng được triển khai thận trọng, minh bạch và phù hợp với định hướng tăng trưởng bền vững, kiến tạo giá trị dài hạn.

THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN, CƠ CẤU NHÂN SỰ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT tiếp tục được duy trì 02 thành viên để đảm bảo các quy định tại Điều lệ Công ty và đáp ứng thông lệ quốc tế về Quản trị Công ty.

Ông LÊ QUANG PHÚC

Thành viên độc lập HĐQT
Chủ tịch UBKT

Thời gian bổ nhiệm vào UBKT và bổ nhiệm Chủ tịch UBKT: 21/11/2024

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- Trên 25 năm làm việc tại các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, bất động sản, bán lẻ;
- Hơn 17 năm tư vấn quản lý cho các doanh nghiệp Việt Nam;
- Gần 20 năm là thành viên HĐQT không điều hành/độc lập tại nhiều công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Am hiểu sâu rộng về chiến lược, quản trị công ty, tái cấu trúc doanh nghiệp, quản lý điều hành, hệ thống/chính sách quản lý, quản lý nhân sự và tài chính/đầu tư.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 517.900 cổ phần, chiếm 0,06%

Ông TRẦN TRỌNG GIA VINH

Thành viên độc lập HĐQT
Thành viên UBKT

Thời gian bổ nhiệm vào UBKT: 27/10/2023

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh và Thạc sĩ Kinh tế.

Kinh nghiệm chuyên môn: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị nhân sự, tái cấu trúc doanh nghiệp, quản trị và chuyển đổi hoạt động doanh nghiệp, và từng vận hành doanh nghiệp.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 521.448 cổ phần, chiếm 0,06%

Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ, TÍNH ĐỘC LẬP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ TRÁCH NHIỆM QUYỀN HẠN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN

Chức năng và nhiệm vụ của UBKT	Thực hiện chức năng giám sát và tư vấn độc lập đối với HĐQT trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ. Trên cơ sở chuyên môn và kinh nghiệm của từng thành viên, UBKT xem xét, đánh giá các vấn đề trọng yếu, từ đó đưa ra các ý kiến và khuyến nghị nhằm hỗ trợ HĐQT trong việc ra quyết định và nâng cao hiệu quả quản trị.
Sự độc lập	UBKT duy trì nguyên tắc độc lập, khách quan và không tham gia trực tiếp vào hoạt động điều hành của Công ty, bảo đảm các đánh giá, nhận định và khuyến nghị được đưa ra một cách khách quan không chịu ảnh hưởng bởi bất kỳ lợi ích hoặc tác động không phù hợp nào trong quá trình ra quyết định.
Quyền hạn	UBKT được quyền tiếp cận kịp thời các thông tin, hồ sơ, tài liệu và làm việc với các đơn vị, bộ phận liên quan nhằm thu thập các dữ liệu cần thiết phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá và giám sát.
Trách nhiệm	Các thành viên UBKT chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của UBKT, đồng thời chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ về các kết quả thực hiện chức năng giám sát, đánh giá cũng như các ý kiến, kết luận và khuyến nghị được đưa ra theo đúng thẩm quyền.

Bên cạnh đó, UBKT thực hiện chức năng giám sát và phối hợp kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính; xem xét tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin tài chính được công bố; Theo dõi việc khắc phục các vấn đề trọng yếu được kiểm toán độc lập khuyến nghị, nhằm góp phần bảo đảm Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với quy định của Pháp luật, Chuẩn mực kế toán và các quy định công bố thông tin hiện hành.

HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

Các phiên họp của Ủy ban Kiểm toán

Trong niên độ 2025 - 2026, UBKT đã tổ chức 7 phiên họp, cụ thể thông tin các phiên họp:

STT	Ngày họp	Nội dung thảo luận	Tỷ lệ biểu quyết
1	04/07/2025	• Thảo luận định hướng hoạt động niên độ 2025-2026, tập trung nâng cao chất lượng giám sát, tăng cường theo dõi khắc phục sau kiểm toán và hoàn thiện cơ chế kiểm soát rủi ro. • Định hướng chiến lược phát triển KTNB giai đoạn 2026 - 2030.	100%
2	29/08/2025	• Thảo luận kế hoạch triển khai mô hình UBKT và KTNB tại ComC, chuẩn bị cho lộ trình IPO. • Thống nhất bổ sung việc tham gia tư vấn Quy chế hoạt động giám sát của HĐQT do Ủy ban Phát triển bền vững chủ trì.	100%
3	08/01/2026	• Đánh giá tình hình hoạt động KTNB 6 tháng đầu niên độ và thống nhất kế hoạch KTNB 6 tháng cuối niên độ 2025-2026. • Tham vấn xây dựng cơ chế phối hợp trong Mô hình 03 tuyến. • Thảo luận về các vấn đề tiềm ẩn rủi ro về tính tuân thủ Luật Bảo hiểm xã hội và các cam kết ESG.	100%
4	17/04/2026	• Tình hình thực hiện hoạt động KTNB trong Quý III niên độ 2025-2026. • Thảo luận và thống nhất một số nguyên tắc trong hoạt động về tài liệu chuyên môn KTNB thuộc thẩm quyền ban hành của UBKT. • Thống nhất cách thức đo lường KPI và ngân sách hoạt động của UBKT (bao gồm KTNB) thuộc HĐQT. • Triển khai xây dựng Kế hoạch hoạt động KTNB cho niên độ 2026 - 2027.	100%
5	07/05/2026	• Thảo luận về Kế hoạch hành động và Kế hoạch ngân sách cho niên độ 2026 - 2027. • Rà soát, thảo luận các nội dung trong dự thảo Sổ tay KTNB. • Thống nhất hoàn thiện toàn bộ tài liệu nền tảng theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP quy định về KTNB. • Thống nhất các nội dung trong Quy định về cơ chế phối hợp trong Mô hình 03 tuyến.	100%
6	04/06/2026	• Cập nhật Kế hoạch hành động của UBKT cho niên độ 2025-2026 theo hướng bám sát chức năng, nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức hoạt động UBKT. • KTNB phối hợp Tài chính Kế toán và Ban thư ký Công ty rà soát hoàn thiện quy trình duyệt Báo cáo tài chính.	100%
7	09/07/2026	• Tổng kết hoạt động KTNB niên độ 2025 - 2026. • Đưa ra những thuận lợi và khó khăn và một số đề xuất hỗ trợ từ HĐQT, UBKT và Ban TGĐ. • Định hướng hoạt động KTNB trong niên độ 2026 - 2027.	100%

Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA UBKT

Trong niên độ 2025-2026, UBKT đánh giá đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức hoạt động của UBKT và bám sát kế hoạch hành động đã được HĐQT phê duyệt. UBKT đã tổ chức các phiên họp, buổi làm việc và hoạt động giám sát theo đúng thẩm quyền, bảo đảm tính độc lập, khách quan và kịp thời trong quá trình xem xét, đánh giá các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm. Đồng thời, UBKT đã chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ KTNB triển khai kế hoạch kiểm toán, theo dõi việc thực hiện khuyến nghị sau kiểm toán và xử lý đúng hạn các nội dung thuộc trách nhiệm của UBKT, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát, quản trị rủi ro và tuân thủ trong toàn Công ty.

Giám sát hoạt động của Công ty, HĐQT, Ban TGĐ

- Tham gia các phiên họp của HĐQT, trao đổi với HĐQT, Ban TGĐ để nắm bắt các vấn đề trọng yếu, nhận diện rủi ro, đánh giá tác động đến hoạt động tài chính, kinh doanh và mục tiêu phát triển của Công ty.
- Giám sát độc lập đối với công tác quản lý, điều hành, Báo cáo tài chính, hợp đồng/giao dịch với các bên liên quan của Công ty nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quy chế nội bộ, kịp thời cung cấp thông tin cho HĐQT về các rủi ro tiềm ẩn, đồng thời đưa ra kiến nghị phù hợp.
- Duy trì cơ chế phối hợp thường xuyên với HĐQT, Ban TGĐ, KTNB, Kiểm toán độc lập và các đơn vị chức năng thông qua các cuộc họp, báo cáo nhằm bảo đảm việc trao đổi thông tin kịp thời, đầy đủ và khách quan.

Thẩm định Báo cáo tài chính và giám sát Công bố thông tin

- Thẩm định Báo cáo tài chính các quý, bán niên và cả niên độ nhằm đảm bảo độ tin cậy trước khi công bố.
- Dựa trên cơ sở kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập và công tác giám sát của UBKT, UBKT đánh giá Báo cáo tài chính niên độ 2025-2026 được lập trung thực, hợp lý, tuân thủ các chuẩn mực và quy định kế toán hiện hành; và không ghi nhận vấn đề trọng yếu nào cần lưu ý.
- Giám sát việc công bố thông tin và đánh giá Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về công bố thông tin và duy trì nhất quán các chính sách, nguyên tắc kế toán trong niên độ.

Đánh giá về giao dịch với các bên liên quan

- Giám sát việc nhận diện, rà soát các giao dịch với bên liên quan, đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ. Ngoài các khoản thù lao, tiền lương, phúc lợi đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền, UBKT ghi nhận trong niên độ 2025 - 2026, Công ty và các công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ không phát sinh giao dịch trọng yếu đặc biệt nào khác với thành viên HĐQT, Ban TGĐ và người có liên quan.
- Các giao dịch với bên liên quan đều nằm trong danh mục đã được HĐQT thông qua chủ trương (giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất), phục vụ hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, được thực hiện theo nguyên tắc độc lập, giá thị trường, đúng thẩm quyền phê duyệt và công bố thông tin theo quy định.
- Không phát hiện giao dịch bất thường, có dấu hiệu xung đột lợi ích hay gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Công ty và cổ đông, đồng thời tiếp tục khuyến nghị tăng cường nhận diện, công bố thông tin và giám sát giao dịch với bên liên quan nhằm nâng cao tính minh bạch, phù hợp với thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt.

Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ

- Đã tổ chức các phiên họp và chỉ đạo KTNB xây dựng kế hoạch hành động, bao gồm ngân sách hoạt động và kế hoạch KTNB trên cơ sở định hướng các rủi ro trọng yếu. Kế hoạch KTNB được tham vấn bởi Ban TGĐ và Ủy ban Quản trị rủi ro trước khi trình HĐQT phê duyệt, bảo đảm phù hợp với mô hình hoạt động của AgriS.
- UBKT đánh giá hoạt động KTNB được triển khai phù hợp với định hướng và kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt, phương pháp tiếp cận và thủ tục kiểm toán được thực hiện theo các thông lệ quốc tế và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.
- UBKT ghi nhận KTNB, với vai trò là tuyến thứ ba theo Mô hình 03 tuyến trong hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của AgriS, đã phát huy hiệu quả chức năng giám sát và đánh giá độc lập. Trong niên độ, KTNB đã hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán được phê duyệt, bao gồm các nội dung kiểm toán về quản lý môi trường, an toàn lao động tại nhà máy/dự án, quản lý và triển khai các gói thầu thuộc dự án đầu tư trọng điểm; thực hiện soát xét Báo cáo tài chính định kỳ; đồng thời hoàn thiện/cập nhật 05 văn bản nền tảng phục vụ hoạt động KTNB. Các khuyến nghị sau kiểm toán được các đơn vị liên quan chủ động tiếp nhận, triển khai biện pháp khắc phục, đồng thời, Ban TGĐ đã chỉ đạo xử lý và giám sát thực hiện, góp phần nâng cao tính minh bạch và hỗ trợ AgriS phát triển bền vững.



Giám sát hoạt động Kiểm toán độc lập

- Công ty đã thiết lập Quy trình lựa chọn và giám sát đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, được xây dựng trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, nhằm bảo đảm hoạt động kiểm toán được thực hiện đúng phạm vi, chuẩn mực và các yêu cầu theo hợp đồng kiểm toán:
  - » Theo đó, UBKT xem xét, kiến nghị danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập để HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua. ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách đã được phê duyệt. Trên cơ sở kết quả xem xét, đánh giá, UBKT tham mưu để HĐQT quyết định đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.
  - » Hoạt động giám sát được thực hiện xuyên suốt quá trình kiểm toán, từ trao đổi, thống nhất kế hoạch kiểm toán; giám sát việc thực hiện theo phạm vi, tiến độ và lịch trình đã thống nhất; ghi nhận các thay đổi và vấn đề phát sinh; đến soát xét dự thảo Báo cáo kiểm toán, các phát hiện, kết luận, kiến nghị và bút toán điều chỉnh của Kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính. Kết quả giám sát được báo cáo UBKT và trình HĐQT cùng Báo cáo tài chính để xem xét, phê duyệt.
- Trong niên độ 2025 - 2026, UBKT đã tư vấn cho HĐQT về 4 đơn vị Kiểm toán độc lập để trình ĐHĐCĐ thông qua. E&Y đã hoàn thành cuộc kiểm toán đúng phạm vi và thời hạn theo hợp đồng, tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, phối hợp hiệu quả với AgriS và góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực và độ tin cậy của Báo cáo tài chính.
- Danh sách Công ty Kiểm toán trong 5 năm gần nhất:
  - » Niên độ 2021-2022: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
  - » Niên độ 2022-2023: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
  - » Niên độ 2023-2024: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
  - » Niên độ 2024-2025: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
  - » Niên độ 2025-2026: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Ý kiến của Kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất là: "Trung thực và hợp lý". UBKT đồng ý với đánh giá của Kiểm toán độc lập về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.

Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán

- Trong niên độ 2025 - 2026, UBKT đã chủ trì xây dựng và giám sát triển khai Chiến lược phát triển KTNB trên toàn hệ thống giai đoạn đến 2030-2031 theo mô hình kết hợp quản lý tập trung và phân quyền linh hoạt, phù hợp với lộ trình IPO.
- Nguyên tắc phối hợp theo Mô hình 03 tuyến nhằm hoàn thiện khuôn khổ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ.

I Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

Hoàn thiện nền tảng hoạt động kiểm toán thông qua việc chỉ đạo KTNB xây dựng và ban hành các quy trình trọng yếu, gồm Quy trình soát xét giao dịch với bên liên quan và Quy trình quản lý dịch vụ KTNB thuê ngoài/chuyên gia, nhằm chuẩn hóa phương thức triển khai và nâng cao hiệu quả kiểm toán.

Nâng cao vai trò tư vấn và cảnh báo sớm của KTNB thông qua việc đẩy mạnh truyền thông về các quy định mới và Mô hình 03 tuyến; tham gia tư vấn, nhận diện rủi ro trong quá trình thực thi chiến lược cùng Ủy ban Quản trị rủi ro.

Tăng cường công tác giám sát và thẩm định Báo cáo tài chính, bao gồm báo cáo quý, bán niên và cả niên độ; đánh giá các giao dịch với bên liên quan; tham mưu cho HĐQT trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho niên độ 2026-2027; đồng thời triển khai các cuộc kiểm toán chuyên đề tại các lĩnh vực, dự án trọng yếu.

Phát triển năng lực đội ngũ KTNB; khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu theo chuẩn mực quốc tế về KTNB, ESG và các lĩnh vực chuyên môn liên quan.



BÁO CÁO CÁC ỦY BAN KHÁC TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ỦY BAN ĐIỀU HÀNH

THÀNH VIÊN CỦA ỦY BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban	Thời điểm bổ nhiệm
1	Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban	17/07/2024
2	Ông Trần Tấn Việt	Thành viên HĐQT	Thành viên	17/07/2024

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN ĐIỀU HÀNH

Được thành lập ngày 17/07/2024 với chức năng tổ chức, giám sát việc thực thi các mục tiêu chiến lược và điều phối, bảo đảm kết nối xuyên suốt mô hình kinh doanh chuỗi giá trị tuần hoàn, Ủy ban Điều hành là cơ chế được hình thành trong giai đoạn chuyển đổi, đóng vai trò kết nối giữa HĐQT và Ban Điều hành Công ty, giữa Công ty với các Trung tâm (Centers), qua đó hỗ trợ quá trình chuyển giao và vận hành mô hình quản trị.

Với thành phần gồm các lãnh đạo cấp cao của Công ty, Ủy ban hỗ trợ HĐQT trong việc xem xét, tham mưu và ra các quyết định mang tính chiến lược kịp thời và hiệu quả. Đồng thời, Ủy ban còn đóng vai trò là cơ quan kết nối vận hành toàn chuỗi, đảm bảo sự thống nhất trên toàn Công ty. Cụ thể:

- Tổ chức điều phối, giám sát và đảm bảo triển khai các mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh, và các sáng kiến trọng điểm của Công ty.
- Tham mưu và cập nhật kịp thời các thay đổi và/hoặc các yếu tố nội tại và bên ngoài nhằm đảm bảo loại bỏ các yếu tố ảnh hưởng đến lộ trình thực thi chiến lược.
- Đảm bảo tính kết nối, vận hành hiệu quả, xuyên suốt mô hình hoạt động kinh doanh chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn (3 Trung tâm - 3 Dịch vụ - 1 Hệ thống).
- Tham mưu xử lý những vấn đề mang tính cấp bách, khủng hoảng, xung đột nội bộ giữa Trung tâm và/hoặc Đơn vị thành viên với Công ty, Đơn vị thành viên với Trung tâm, giữa các Trung tâm với nhau.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Điều hành tập trung chỉ đạo và giám sát việc triển khai Bộ Kế hoạch Thực thi Chiến lược, bao gồm các KPI được phân rã từ mục tiêu chiến lược và các kế hoạch hành động cụ thể; đồng thời điều phối các đơn vị chuyên môn nhằm hỗ trợ công tác tham mưu cho HĐQT đối với các vấn đề trọng yếu trong quá trình thực thi chiến lược. Các hoạt động trọng tâm trong niên độ bao gồm:

- **Về vận hành mô hình quản trị:** Chỉ đạo triển khai, phối hợp vận hành mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia, tăng cường kết nối, phối hợp trong toàn hệ thống.
- **Về chuyển đổi số và quản trị hiệu quả:** Chỉ đạo triển khai các nền tảng số, chuẩn hóa dữ liệu và Dashboard quản trị; giám sát các Key Initiatives (KIs), chương trình chuyển đổi trọng điểm và chỉ tiêu AOP.
- **Về thương mại, đầu tư và hợp tác quốc tế:** Tham mưu chiến lược đối ngoại, thúc đẩy hợp tác, mở rộng thị trường, xúc tiến đầu tư và định hướng triển khai Tài chính Chuỗi Cung ứng (Supply Chain Finance).
- **Về phát triển bền vững và năng lực tổ chức:** Phối hợp hoàn thiện Chiến lược ESG và Kế hoạch hành động; chỉ đạo số hóa quản trị vùng nguyên liệu, tăng cường truy xuất nguồn gốc, quản trị dữ liệu nông nghiệp và kiện toàn năng lực tổ chức.

Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Niên độ 2025-2026, Ủy ban Điều hành đã tổ chức họp 04 cuộc họp định kỳ và đột xuất trong niên độ để thảo luận và thông qua các nội dung sau:

STT	Ngày họp	Nội dung
1	20/10/2025	Chỉ đạo triển khai chuyển đổi toàn bộ 14KI trọng yếu thành hệ thống văn bản hóa bao gồm quy chế - quy định - quy định, ban hành và áp dụng toàn hệ thống. Định hướng triển khai vận hành tài chính chuỗi cung ứng Supply Chain Finance (SCF). Báo cáo tiến độ triển khai các kế hoạch theo định hướng của Ủy ban Điều hành: quản trị dữ liệu, chính sách và đối ngoại.
2	12/06/2026	Định hướng của Ủy ban Điều hành đối với việc rà soát, hoàn thiện mô hình kinh doanh, mô hình tổ chức và các nền tảng vận hành trọng yếu của các Trung tâm cho giai đoạn 2026 - 2027, định hướng đến niên độ 2030-2031.
3	17/06/2026	Bức tranh tổng quan về hoạt động kinh doanh B2C. Định hướng của Ủy ban Điều hành bao gồm mục tiêu, các vấn đề trọng yếu cần giải quyết, cũng như các giải pháp và chiến thuật triển khai nhằm hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đề ra.
4	20/06/2026	Định hướng các trụ cột doanh thu trình bày trong Kế hoạch hoạt động niên độ 2026 - 2027 bảo đảm liên kết với định hướng chiến lược đến niên độ 2030-2031. Xác định các điểm nghẽn trọng yếu tại từng trụ cột doanh thu. Chỉ đạo Ban Điều hành Công ty phối hợp với các Trung tâm rà soát, làm rõ các nội dung cần hoàn thiện, tăng cường tính kết nối và bảo đảm vận hành xuyên suốt mô hình Chuỗi giá trị Thương mại tuần hoàn.

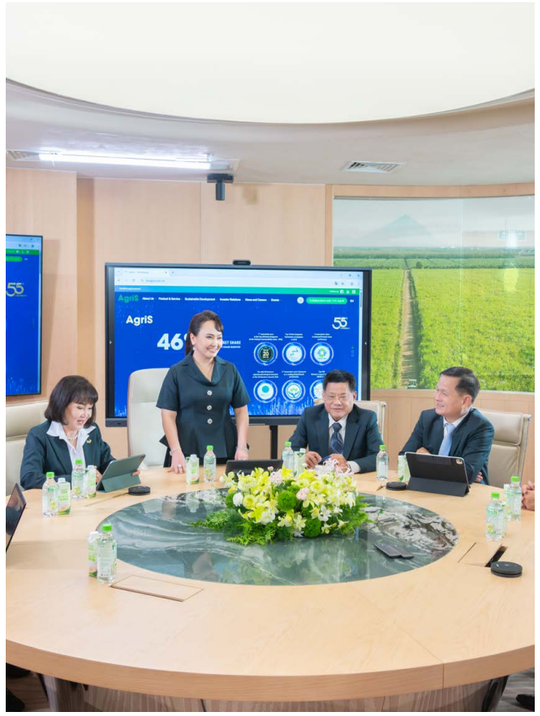
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2026-2027

Triển khai và giám sát chiến lược: Tập trung triển khai và giám sát việc thực thi lộ trình chiến lược trên toàn hệ thống đến niên độ 2030-2031. Cụ thể, theo dõi và giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu chiến lược trọng yếu. Đồng thời, giám sát bộ chỉ tiêu tài chính, đưa ra chỉ đạo kịp thời để đảm bảo bám sát mục tiêu;

Giám sát việc triển khai và hoàn thiện toàn bộ hệ sinh thái quản trị nội bộ:

- Phối hợp triển khai lộ trình thực hiện cam kết ESG hướng đến mục tiêu Net Zero vào năm 2035;
- Xây dựng quan hệ chiến lược với các cơ quan chính phủ và hiệp hội;
- Mở rộng thị trường, triển khai hợp tác với các đối tác chiến lược và phát triển chuỗi phân phối;
- Nâng cao vị thế và hình ảnh của AgriS trên thị trường;

Từng bước kiện toàn và chuyển dịch mô hình hoạt động của Ủy ban Điều hành phù hợp với yêu cầu quản trị trong giai đoạn phát triển mới, theo hướng chuyển đổi Ủy ban Điều hành từ mô hình Ủy ban trực thuộc HĐQT sang cơ chế tư vấn linh hoạt, với sự tham gia của các chuyên gia và nhân sự có kinh nghiệm thị trường theo từng dự án, chuyên đề, nhằm hỗ trợ HĐQT và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.



ỦY BAN ĐẦU TƯ

THÀNH VIÊN CỦA ỦY BAN ĐẦU TƯ

STT	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban	Thời điểm bổ nhiệm
1	Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban	17/07/2024
2	Hoàng Mạnh Tiến	Không có	Thành viên	06/08/2024

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Ủy ban Đầu tư đóng vai trò là cơ quan tham mưu và giám sát về hoạt động đầu tư, thoái vốn, M&A, hoặc phân bổ vốn trong Công ty nhằm giúp HĐQT ra quyết định đầu tư có cơ sở, minh bạch, và gắn với chiến lược dài hạn, cụ thể:

- Đề xuất chiến lược đầu tư tổng thể của Công ty.
- Thẩm định các dự án, thương vụ M&A, hợp tác chiến lược, đầu tư tài chính, hoặc mở rộng sản xuất nhằm đánh giá, đưa ra các khuyến nghị về tính khả thi, lợi ích, rủi ro và sự phù hợp giữa dự án đầu tư và chiến lược của Công ty.
- Theo dõi hiệu quả, lợi nhuận, rủi ro của các khoản đầu tư đã triển khai nhằm đưa ra các tham mưu, đề xuất phương án thoái vốn, bán tài sản, tái cấu trúc danh mục đầu tư hoặc phân bổ lại nguồn vốn đầu tư sang lĩnh vực hiệu quả hơn.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026

Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Đầu tư tập trung triển khai các hoạt động trọng tâm sau:

- Triển khai, tổ chức tập huấn Quy chế quản lý đầu tư và các văn bản quản trị liên quan; chuẩn hóa cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong công tác lập, thẩm định, trình và phản biện báo cáo đầu tư.
- Rà soát, đề xuất định hướng phân bổ nguồn lực có trọng tâm, ưu tiên các cơ hội đầu tư đổi mới, công nghệ cao phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Công ty và định hướng Net Zero vào năm 2035.
- Làm việc với các đối tác tiềm năng, đánh giá các cơ hội hợp tác trong một số lĩnh vực hoạt động của Công ty, phục vụ nghiên cứu các chương trình đầu tư trung, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển đến niên độ 2030-2031.

Niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Đầu tư đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ và đột xuất để thảo luận và thông qua các nội dung chính sau:

STT	Thời gian họp	Nội dung
1	21/10/2025	Báo cáo kết quả hoạt động niên độ 2024 - 2025 và triển khai kế hoạch hành động niên độ 2025 - 2026 của Ủy ban
2	09/11/2025	Định hướng và kế hoạch triển khai dự án tổ hợp chế biến nông sản
3	20/01/2026	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu niên độ 2025 - 2026, triển khai kế hoạch hành động 6 tháng cuối niên độ 2025 - 2026
4	12/02/2026	Thẩm định các dự án phục vụ cho năng lực sản xuất của Trung tâm ProC từ niên độ 2026 - 2027 theo lộ trình SEAP.
5	22/04/2026	Giám sát tiến độ triển khai các dự án đầu tư trọng điểm và đề xuất các định hướng đầu tư mới trung và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển đến niên độ 2030-2031.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

Trong niên độ 2026 - 2027, Ủy ban Đầu tư tập trung vào các hoạt động trọng tâm sau

Hoàn thiện nền tảng quản trị đầu tư: Kiện toàn nguồn lực; hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá, thẩm định dự án, cẩm nang hướng dẫn, quy trình quản lý sau đầu tư và triển khai nền tảng quản trị hoạt động đầu tư.

Xây dựng và triển khai danh mục đầu tư chiến lược: Nghiên cứu mô hình Holding đầu tư, đánh giá thị trường và xây dựng danh mục đầu tư chiến lược; tìm kiếm, thẩm định và triển khai các cơ hội đầu tư, M&A phù hợp.

Triển khai chiến lược huy động vốn: Đánh giá nhu cầu và khả năng huy động vốn; xác định hình thức, thị trường và đối tượng nhà đầu tư phù hợp; tăng cường kết nối với các nhà đầu tư, định chế tài chính và quỹ đầu tư trong và ngoài nước.

Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ỦY BAN NHÂN SỰ

CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN SỰ

Ủy ban Nhân sự được đổi tên từ Ủy ban Đề cử và đãi ngộ từ ngày 21/11/2024, bao gồm các thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban	Thời điểm bổ nhiệm
1	Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch Ủy ban	17/07/2024
2	Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT	Thành viên Ủy ban	17/07/2024

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Ủy ban Nhân sự đóng vai trò tham mưu cho HĐQT về chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo chính sách nhân sự cấp cao, lương thưởng và kế hoạch kế nhiệm được thiết kế minh bạch, công bằng, khuyến khích hiệu quả và phù hợp thông lệ tốt trên thị trường, cụ thể.

- Tham mưu xây dựng, tổ chức và giám sát thực thi chính sách, chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng các tiêu chí đo lường hiệu suất và tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGĐ và các quản lý cấp cao.
- Xem xét và đề xuất khung thù lao, lương thưởng, chế độ phúc lợi cho thành viên HĐQT, Ban TGĐ và các quản lý cấp cao; đề xuất và tham mưu xây dựng chương trình ESOP, cổ phiếu thưởng.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Quản lý Người đại diện chỉ định.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026

Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Nhân sự tập trung thực hiện vai trò tham mưu, định hướng và giám sát đối với các hoạt động trọng tâm về tổ chức và quản trị nguồn nhân lực, cụ thể:

- Định hướng, giám sát việc kiện toàn cơ cấu tổ chức vận hành tại ProC và phối hợp triển khai mô hình AgriNext tại AgriC theo định hướng đến niên độ 2030-2031.
- Định hướng, giám sát việc lựa chọn và triển khai giải pháp HRMS, bao gồm giai đoạn Global Design và chuẩn hóa dữ liệu nền tảng CoreHR.
- Chỉ đạo, giám sát việc rà soát, hoàn thiện các chính sách, quy trình nhân sự trọng yếu và triển khai chương trình Đánh giá vị trí (Job Evaluation).
- Định hướng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp theo tinh thần đa dạng, hội nhập và toàn cầu hóa.

Niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Nhân sự đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ và đột xuất để thảo luận và thông qua các nội dung sau:

STT	Thời gian họp	Nội dung
1	01/07/2025	Tổng kết hoạt động niên độ 2024 - 2025 và Kế hoạch hoạt động niên độ 2025 - 2026 của Ủy ban. Cập nhật hoạt động liên quan tới nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu ESG. Hội nhập và chuẩn bị hội nhập nhân sự mới. Đề xuất và tham mưu xây dựng chương trình ESOP.
2	19/11/2025	Báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ của Ủy ban Nhân sự trong Quý I, kế hoạch hành động Quý II niên độ 2025 - 2026 của Ủy ban.
3	11/12/2025	Kế hoạch và các hành động chi tiết triển khai hệ thống HRM. Giám sát tiến độ triển khai KPI, rà soát KPI giữa niên độ.
4	27/01/2026	Cập nhật tiến độ triển khai hệ thống HRM, cập nhật KPI, bổ sung DNA đa dạng, hội nhập vào văn hóa doanh nghiệp
5	22/05/2026	Cập nhật tình hình nhân sự, cơ cấu, các hoạt động quản trị nhân sự trọng tâm Quý IV niên độ 2025 - 2026.

Định hướng hoạt động niên độ 2026 - 2027

Trong niên độ 2026 - 2027, Ủy ban Nhân sự tập trung vào 04 Mục tiêu Trọng tâm sau:

- **Kiện toàn cơ cấu tổ chức:** Định hướng xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nguyên tắc quản trị tại các Trung tâm; triển khai mô hình AgriNext tại ComC và tái cấu trúc tổ chức tại AgriS phù hợp với nhu cầu niên độ.
- **Phát triển năng lực chiến lược:** Định hướng xây dựng năng lực quản lý tổng thể (GM Structure) cho các vị trí đứng đầu Trung tâm; bổ sung năng lực tại các vị trí lãnh đạo trọng yếu và xây dựng lực lượng kế thừa cho từng vị trí.
- **Hoàn thiện nền tảng quản trị nhân sự:** Giám sát việc hoàn thiện dữ liệu và hệ thống nhân sự; chuẩn hóa quản trị hiệu quả công việc (KPI), mô hình quản trị nhân sự, cơ chế phân quyền và khung vị trí công việc trên toàn hệ thống.
- **Phát triển môi trường và văn hóa doanh nghiệp:** Định hướng xây dựng giá trị cốt lõi phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mệnh AgriS đến niên độ 2030-2031; thúc đẩy các giải pháp về đa dạng, hòa nhập và chính sách nhân sự hỗ trợ đổi mới sáng tạo.



Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ỦY BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN SỰ

Ủy ban Quản trị rủi ro được HĐQT thành lập theo Nghị quyết HĐQT số 34/2024/NQ-HĐQT ngày 06/08/2024. HĐQT bổ nhiệm ông Hoàng Mạnh Tiến làm Chủ tịch Ủy ban và ông Trần Trọng Gia Vinh (thành viên HĐQT) là thành viên Ủy ban.

STT	Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban	Thời điểm bổ nhiệm
1	Ông Hoàng Mạnh Tiến	Không có	Chủ tịch Ủy ban	06/08/2024
2	Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên Ủy ban	21/11/2024

Chức năng nhiệm vụ

Ủy ban Quản trị rủi ro đóng vai trò là cơ quan tư vấn, giám sát và đảm bảo hiệu quả vận hành hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM).

- Đảm bảo khung quản trị rủi ro của Công ty được thiết kế đầy đủ, cập nhật, phù hợp thông lệ quốc tế.
- Đề xuất cho HĐQT xây dựng khung khẩu vị rủi ro (Risk Appetite).
- Giám sát các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến qua trình thực thi chiến lược hoặc danh tiếng của Công ty.
- Định kỳ đánh giá hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro và đề xuất cải tiến các chính sách, và đào tạo về nhận thức rủi ro toàn Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Kiểm toán nhằm đảm bảo công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ được gắn kết, không chồng chéo.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.
- Tiếp nhận và tham mưu xử lý các ý kiến khiếu nại, tố cáo các trường hợp không tuân thủ quy định pháp luật, Quy định nội bộ (không bao gồm các trường hợp thuộc phạm vi của chức năng kiểm toán nội bộ).

Hoạt động chính trong niên độ 2025-2026

Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Quản trị rủi ro tập trung thực hiện vai trò định hướng, tham mưu và giám sát nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro của Công ty, với các hoạt động trọng tâm sau:

- Cập nhật, hiệu chỉnh Thước đo rủi ro, khung chính sách quản lý rủi ro và Risk Bank; ban hành và giám sát việc triển khai quy trình tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA).
- Hoàn thiện khung Quản lý kinh doanh liên tục và Kế hoạch phục hồi sau thảm họa (DRP), bao gồm cấu phần phục hồi sau thảm họa công nghệ thông tin (IT DRP).
- Giám sát việc đồng bộ dữ liệu quản trị rủi ro, dữ liệu tuân thủ và báo cáo quản trị qua Dashboard; đào tạo Đại sứ tuân thủ và truyền thông về kênh tố cáo, quy trình tiếp nhận, tố cáo vi phạm.
- Tham vấn Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và cập nhật Danh mục rủi ro niên độ 2026 - 2027; đề xuất HĐQT cơ chế giám sát rủi ro liên quan đến vận hành trong bối cảnh khủng hoảng địa chính trị.
- Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Ban Điều hành xây dựng Quy định phối hợp 03 tuyến, hỗ trợ nhận diện sớm các rủi ro trọng yếu và nâng cao hiệu quả phối hợp, giám sát rủi ro.

Niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Quản trị Rủi ro đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và thông qua các nội dung chính sau:

STT	Thời gian họp	Nội dung
1	09/12/2025	Thảo luận về việc triển khai Chương trình Quản trị sự thay đổi do HĐQT giao.
2	13/01/2026	Báo cáo về tình hình hoạt động quản trị rủi ro tại AgriS trong 06 tháng đầu niên độ 2025 - 2026. Kế hoạch triển khai hoạt động quản trị rủi ro, quy trình & tuân thủ trong 06 tháng cuối niên độ 2025 - 2026.
3	23/04/2026	Báo cáo về tình hình hoạt động quản trị rủi ro tại AgriS Quý III niên độ 2025 - 2026. Kế hoạch triển khai hoạt động quản trị rủi ro, quy trình & tuân thủ trong Quý IV niên độ 2025 - 2026.
4	22/07/2026	Tổng kết hoạt động của Ủy ban Quản trị rủi ro trong niên độ 2025 - 2026. Định hướng hoạt động của Ủy ban trong niên dô 2026 - 2027.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Quản trị rủi ro định hướng hoạt động với mục tiêu chuyển đổi vai trò quản trị rủi ro từ Lớp phòng vệ thụ động sang Phòng vệ chủ động - Ổn định vận hành: chuyển từ Quản lý rủi ro phản ứng sang Quản trị rủi ro chủ động - định lượng - có thể dự báo.

Dựa trên bối cảnh kinh tế hiện tại, ngoài các khoản mục công việc theo chức năng, Ủy ban Quản trị rủi ro tập trung vào 3 nhóm rủi ro trọng yếu:

Rủi ro Chiến lược: Kiểm soát chặt chẽ hiệu quả các dự án, các hoạt động kinh doanh; đảm bảo các mục tiêu được được hoàn thành.

Rủi ro Chuỗi cung ứng (Địa chính trị): Xem xét giải pháp thiết lập "Kho dự trữ chiến lược" đối với vật tư thiết yếu đối với biến động giá dầu/phân bón, giảm thiểu tác động từ xung đột Trung Đông.

Rủi ro Chuyển đổi & Con người: Thúc đẩy triển khai các chương trình tái đào tạo gắn liền với chỉ số năng lực nội bộ; đặt mục tiêu cụ thể để tránh rủi ro "kháng cự ngầm" và đứt gãy vận hành; nâng cao văn hoá tuân thủ bằng giải pháp gắn chỉ số tuân thủ vào KPI cá nhân và hệ thống thi đua khen thưởng.

Cơ chế giám sát: Ngoài hệ thống Risk Dashboards và Báo cáo rủi ro thường kỳ của RPC (Risk Policy Committee), sử dụng Cơ chế phối hợp 3 tuyến (thiết lập Ngưỡng kích hoạt, theo đó các biến động > tỷ lệ % theo từng thời kỳ so với KRI (Key Risk Indicators) sẽ tự động kích hoạt Cơ chế hành động phối hợp 3 tuyến).



I Báo cáo của các Uỷ ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



ỦY BAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (ỦY BAN ESG)

THÀNH VIÊN CỦA ỦY BAN ESG

Được thành lập từ ngày 21/11/2024 theo Nghị quyết HĐQT số 74/2024/NQ-HĐQT, Ủy ban ESG bao gồm 02 Thành viên độc lập HĐQT và 01 Thành viên HĐQT.

STT	Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban	Thời điểm bổ nhiệm
1	Ông Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch Ủy ban	21/11/2024
2	Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên Ủy ban	21/11/2024
3	Ông Trần Tấn Việt	Thành viên HĐQT	Thành viên Ủy ban	21/11/2024

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Ủy ban ESG đóng vai trò là cơ quan tham mưu cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược, thúc đẩy và giám sát thực thi các cam kết, mục tiêu chiến lược phát triển bền vững của AgriS, cụ thể:

- Đề xuất các chiến lược, kế hoạch và mục tiêu phát triển bền vững, tích hợp các yếu tố ESG vào toàn bộ hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo việc triển khai các hoạt động nhằm đạt được được mục tiêu trung hòa carbon đến 2030 và hướng đến Net Zero vào năm 2035 của Công ty.
- Thực hiện theo dõi, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững đã được phê duyệt;
- Phân tích và quản lý các rủi ro tác động đến lộ trình phát triển bền vững;
- Chủ trì xây dựng và quản trị cơ sở dữ liệu tập trung về ESG;
- Định hướng và dẫn dắt truyền thông ESG giúp nâng cao hình ảnh và uy tín của AgriS và thúc đẩy các sáng kiến phát triển bền vững trên toàn Công ty.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

Trong niên độ 2025 - 2026, Ủy ban Phát triển bền vững tập trung thực hiện các nhiệm vụ về quản trị công ty và môi trường - xã hội, góp phần hoàn thiện nền tảng quản trị và thúc đẩy thực hiện các cam kết ESG theo Chiến lược phát triển đến niên độ 2030-2031, cụ thể:

Về quản trị công ty: Định hướng, tham mưu xây dựng và trình HĐQT thông qua Mô hình quản trị AgriS áp dụng thống nhất trên toàn hệ sinh thái; hỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các văn bản thuộc khung quản trị của Tổng Công ty và các công ty con. Đồng thời, giám sát việc triển khai kế hoạch cải thiện các chỉ số ESG theo tiêu chí VNSI20, ACGS, từng bước đạt chuẩn và mục tiêu góp mặt vào danh sách Tài sản đầu tư ASEAN (ASEAN Asset Class), qua đó biến quản trị thành năng lực vận hành thực chất; giám sát triển khai hoạt động số hóa hoạt động quản trị, từng bước nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và khả năng truy xuất thông tin và ra quyết định dựa trên dữ liệu trong hoạt động của HĐQT.

Về môi trường và xã hội: Chủ trì xây dựng và tham mưu HĐQT về Chiến lược ESG phù hợp với Chiến lược phát triển đến niên độ 2030-2031 và mục tiêu hướng đến Net Zero vào năm 2035; chỉ đạo, giám sát việc ban hành Chính sách Phát triển bền vững, xây dựng Khung quản lý Hệ thống Môi trường và Xã hội (ESMS) và hệ thống tài liệu E&S. Đồng thời, giám sát triển khai các chương trình, sáng kiến ESG, bao gồm mở rộng chứng nhận Bonsucro, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp bền vững, tài chính chuỗi cung ứng và các chương trình chia sẻ kiến thức, phát triển năng lực cho nông dân và các bên liên quan.

Niên độ 2025 - 2026, Ủy ban ESG đã tổ chức 12 cuộc họp định kỳ và đột xuất để thảo luận và thông qua nhiều nội dung chuyên môn, cụ thể:

STT	Thời gian họp	Nội dung
1	04/07/2025	Tổng kết hoạt động niên độ 2024 - 2025, định hướng hoạt động niên độ 2025 - 2026 của Ủy ban ESG
2	28/08/2025	Thống nhất Kế hoạch hành động niên độ 2025-2026 của Ủy ban ESG
3	16/10/2025	Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động Ủy ban ESG Quý I, định hướng hoạt động Quý II Niên độ 2025-2026
4	06/11/2025	Trao đổi về cơ cấu Ủy ban ESG, Mô hình quản trị AgriS Group và Chiến lược ESG
5	27/11/2025	Thống nhất Tờ trình về Chiến lược ESG, Lộ trình Net Zero trình HĐQT
6	08/01/2026	Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động Ủy ban ESG Quý II, định hướng hoạt động Quý III Niên độ 2025-2026
7	04/02/2026	Thảo luận về Chiến lược ESG và Mô hình quản trị ESG
8	05/03/2026	Thảo luận các nội dung đã triển khai theo phiên họp Ủy ban ESG ngày 04/02/2026: • Tiếp tục hoàn thiện về Chiến lược ESG; • Tờ trình đề xuất thành lập Văn phòng ESG trực thuộc Ủy ban ESG.
9	17/04/2026	Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động Ủy ban ESG Quý III, định hướng hoạt động Quý IV Niên độ 2025-2026
10	06/05/2026	Lập kế hoạch dự án Nâng cao hiệu quả hoạt động Hội đồng quản trị các Centers
11	28/05/2026	Triển khai dự án Nâng cao hiệu quả hoạt động HĐQT các Centers
12	09/07/2026	Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động Ủy ban ESG niên độ 2025 - 2026, định hướng hoạt động Niên độ 2026 - 2027

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2026 - 2027

Trong niên độ 2026 - 2027, Ủy ban Phát triển bền vững tập trung thực hiện các định hướng trọng tâm sau:

Về chiến lược và giám sát ESG: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Chiến lược ESG và Lộ trình Net Zero của Công ty; nâng cao chất lượng lập, công bố thông tin và báo cáo ESG; tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về ESG và giám sát việc triển khai các hoạt động ESG, chất lượng dữ liệu và báo cáo ESG trên toàn hệ thống.

Về quản trị công ty: Tiếp tục định hướng kiện toàn Mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị tại cấp Holdings (Tập đoàn) và các Trung tâm; nâng cao hiệu quả hoạt động HĐQT tại các Trung tâm và công tác quản lý Người đại diện chỉ định. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng công nghệ, số hóa hoạt động quản trị; tiếp tục cải thiện các chỉ số ACGS và VNSI20; hoàn thiện mô hình quản trị ESG xuyên suốt toàn hệ sinh thái và nâng cao nhận thức về quản trị công ty.

Về môi trường và xã hội: Giám sát việc hoàn thiện, ban hành và triển khai các văn bản thuộc khung Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS); giám sát tiến độ triển khai các sáng kiến môi trường, xã hội và việc tuân thủ các yêu cầu E&S tại các Trung tâm.

Bộ quy chế ứng xử

AgriS hoạt động với mô hình quản trị đầu tư với 03 Trung tâm, nhiều quốc gia và nhiều nhóm lao động có điều kiện làm việc khác nhau. Trong cấu trúc đó, một chuẩn mực hành vi thống nhất là điều kiện để AgriS giữ được sự nhất quán trong cách làm việc và cách đối xử với các Bên liên quan ở mọi vị trí công việc. Bộ Quy chế ứng xử (sau đây gọi tắt là "Quy chế") tiếp tục giữ vai trò trụ cột của văn hoá doanh nghiệp AgriS, đồng thời được quản trị như một cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ, được công bố công khai tại *https://agris.com.vn/Quy-che-ung-xu* và được triển khai áp dụng cho toàn thể CBNV, thành viên HĐQT và lãnh đạo của Công ty.

Quy chế được Hội đồng quản trị ban hành từ niên độ 2018-2019, với sự hỗ trợ và tham vấn của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên Nhóm Ngân hàng Thế giới. Niên độ 2025-2026, Công ty đã soát xét lại phần lớn nội dung Quy chế và ban hành phiên bản mới nhằm củng cố nền tảng chuẩn mực đã xây dựng qua các niên độ trước, cập nhật theo yêu cầu quản trị và pháp lý hiện hành, đồng thời mở rộng chuẩn mực theo thông lệ quản trị tốt.

Phiên bản mới được ban hành với các nội dung cập nhật trọng yếu gồm:

Cam kết của Công ty	AgriS cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền con người của người lao động, xây dựng môi trường làm việc an toàn, không quấy rối và không phân biệt đối xử, bảo đảm cơ hội bình đẳng trong tuyển dụng, bố trí công việc, đánh giá và đãi ngộ. Công ty tuân thủ pháp luật trên các lĩnh vực trọng yếu của hoạt động kinh doanh, từ lao động, cạnh tranh, môi trường và sở hữu trí tuệ đến chứng khoán, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền lợi người tiêu dùng, thương mại quốc tế và an toàn thực phẩm.
Cam kết về đạo đức nghề nghiệp	Người lao động ra quyết định trên cơ sở lợi ích của Công ty và kiểm soát xung đột lợi ích thông qua ngưỡng giá trị quà tặng, quy định về giao dịch với người thân và nghĩa vụ kê khai định kỳ. Quy chế cũng đặt yêu cầu bảo mật thông tin nội bộ và dữ liệu cá nhân, kỷ luật trong công bố thông tin và phát ngôn, tính chính xác của sổ sách và kỷ luật tài chính, phòng chống rửa tiền, sử dụng tài sản và hệ thống thông tin đúng mục đích, cùng trách nhiệm báo cáo khi phát hiện dấu hiệu vi phạm.
Quy tắc giao tiếp, ứng xử	Quy chế xác lập chuẩn mực hành vi tại nơi làm việc và trong giao tiếp với cán bộ quản lý, đồng nghiệp, khách hàng, đối tác và nhà cung cấp.

Việc theo dõi, giám sát thực thi Quy chế do Phòng Quản lý Rủi ro, Quy trình và Tuân thủ đảm nhiệm. Người lao động và các Bên liên quan có thể phản ánh hành vi có dấu hiệu vi phạm Quy chế theo nguyên tắc bảo mật danh tính và không trả đũa đối với người phản ánh thiện chí được thực hiện nghiêm ngặt theo Quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm hiện hành của Công ty (*https://agris.com.vn/Quy-che-giai-quyet-gop-y*).

Trọng tâm của niên độ 2026-2027, AgriS sẽ tiếp tục xây dựng văn hóa tuân thủ chủ động nhằm hướng tới môi trường làm việc nơi mỗi cá nhân tự giác thực hiện và khuyến khích đồng nghiệp cùng tuân thủ, đi đôi với việc áp dụng và từng bước nâng cao khả năng đo lường mức độ tuân thủ:

- **Duy trì và lan toả văn hoá tuân thủ chủ động:** Đưa chuẩn mực ứng xử vào công việc hằng ngày qua truyền thông nội bộ và phổ biến định kỳ, để mỗi cán bộ nhân viên chủ động vận dụng Quy chế và sẵn sàng lên tiếng vì môi trường làm việc minh bạch.
- **Chuẩn hoá cơ chế cam kết tuân thủ:** Vận hành cơ chế cam kết tuân thủ hàng năm đối với toàn bộ cán bộ nhân viên và cơ chế chủ động kê khai rủi ro xung đột lợi ích định kỳ đối với các chức danh thuộc diện phải kê khai.

Trải qua tám niên độ đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, Bộ Quy chế ứng xử đã trở thành chuẩn mực chung định hình cách AgriS làm việc và hợp tác với các Bên liên quan. Trong các niên độ tiếp theo, AgriS tiếp tục nâng cao hiệu quả thực thi Bộ Quy chế, đưa các chuẩn mực về đạo đức, trách nhiệm và minh bạch trở thành nền tảng trong quản trị và hợp tác với các Bên liên quan. Đây cũng là một phần trong lộ trình quản trị bền vững mà AgriS theo đuổi và là cơ sở để cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác đồng hành cùng Công ty trong dài hạn.



BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP

Bộ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp (sau đây gọi tắt là "Bộ Quy tắc") được áp dụng đối với toàn bộ nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng AgriS và là phụ lục không tách rời của hợp đồng. Bộ Quy tắc được công bố công khai tại: *https://agris.com.vn/Van-ban-cong-ty*. Việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho AgriS đồng nghĩa với việc nhà cung cấp đã đọc, hiểu và cam kết tuân thủ các quy định của Bộ Quy tắc. Các nhóm yêu cầu chính của Bộ Quy tắc bao gồm:

Tuân thủ pháp luật và liêm chính

Nhà cung cấp phải tuân thủ pháp luật, thực hiện các nguyên tắc chống tham nhũng và hối lộ, trong đó có quy định về ngưỡng quà tặng 500.000 đồng; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; khai báo xung đột lợi ích; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; bảo mật thông tin trong 03 năm sau khi kết thúc hợp đồng; đồng thời kiểm soát các rủi ro liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Thực thi và chế tài

AgriS có quyền kiểm tra, đánh giá tại chỗ đối với nhà cung cấp. Tùy theo mức độ vi phạm, biện pháp xử lý có thể bao gồm yêu cầu khắc phục, bồi thường thiệt hại hoặc chấm dứt hợp đồng trong trường hợp nghiêm trọng. Các thông báo vi phạm được tiếp nhận thông qua hotline 1900 1750, email info.rm@ttcagris.com.vn hoặc biểu mẫu Microsoft Form được bảo mật và gửi trực tiếp đến AgriS.

Nguồn cung có trách nhiệm

Nhà cung cấp không được sử dụng lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em, đồng thời có trách nhiệm thẩm định chuỗi cung ứng của mình và xây dựng hệ thống quản lý các vấn đề môi trường - xã hội.

Lao động và môi trường

Các yêu cầu bao gồm bảo đảm điều kiện lao động an toàn, không quấy rối hoặc phân biệt đối xử, xây dựng cơ chế khiếu nại ẩn danh và không trả đũa người khiếu nại. Nhà cung cấp đồng thời phải kiểm soát hoạt động xả thải và hướng tới mục tiêu Net Zero.

Niên độ 2025-2026 ghi nhận tỷ lệ tuân thủ ở mức 100% đối với các yêu cầu trọng yếu và không phát sinh trường hợp vi phạm trọng yếu.

Tình hình thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp, niên độ 2025-2026:

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Hợp đồng có điều khoản tuân thủ Bộ Quy tắc	100%	Được rà soát bởi bộ phận Pháp chế, Chính sách và Rủi ro trước khi trình ký
Nhà cung cấp ký cam kết tuân thủ	100%	Thông qua điều khoản tuân thủ trong hợp đồng ký kết
Vi phạm ghi nhận qua các kênh thông báo	0 trường hợp	Không phát sinh khiếu nại hoặc vi phạm trọng yếu

Kết quả trên cho thấy các yêu cầu về tuân thủ đã được tích hợp vào quy trình hợp đồng và quản lý nhà cung cấp, tạo nền tảng cho việc nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm trong chuỗi cung ứng.

Trong niên độ 2026-2027, AgriS cam kết tiếp tục triển khai và tuân thủ Bộ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp trong toàn bộ chuỗi cung ứng, bảo đảm 100% nhà cung cấp ký cam kết tuân thủ, các hợp đồng ký mới hoặc gia hạn duy trì điều khoản tuân thủ, đồng thời tích hợp nội dung này vào quy trình định danh nhà cung cấp mới. AgriS hướng tới duy trì môi trường hợp tác minh bạch, có trách nhiệm, không có vi phạm trọng yếu và bảo đảm mọi thông báo vi phạm phát sinh, nếu có, được tiếp nhận và xử lý đầy đủ trong thời hạn quy định.

Quản trị rủi ro



Quản trị rủi ro tại AgriS được tổ chức gắn với mục tiêu kinh doanh, chuỗi hoạt động và trách nhiệm của từng cấp quản trị, nhằm bảo vệ nguồn lực và duy trì khả năng vận hành trước các biến động lớn của môi trường kinh doanh.

1 QUẢN TRỊ RỦI RO GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA AGRIS

Trong niên độ 2025-2026, môi trường kinh doanh tiếp tục biến động mạnh. Xung đột địa chính trị, chính sách thuế quan và chính sách thương mại, biến động giá hàng hóa và năng lượng, thời tiết cực đoan, rủi ro an ninh mạng và tốc độ lan truyền của thông tin sai lệch đã tạo thêm áp lực lên hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với AgriS, tác động của các yếu tố này không dừng ở một lĩnh vực riêng lẻ. Biến động giá dầu có thể làm tăng chi phí canh tác, thu hoạch, sản xuất và logistics. Thời tiết bất thường có thể ảnh hưởng đồng thời đến năng suất vùng nguyên liệu, tiến độ thu hoạch, chất lượng nguyên liệu và hoạt động nhà máy. Thay đổi thuế quan và chính sách thương mại có thể tác động đến thị trường, giá bán, nguồn cung và dòng tiền.

Trong bối cảnh đó, AgriS tiếp tục duy trì hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp nhằm:

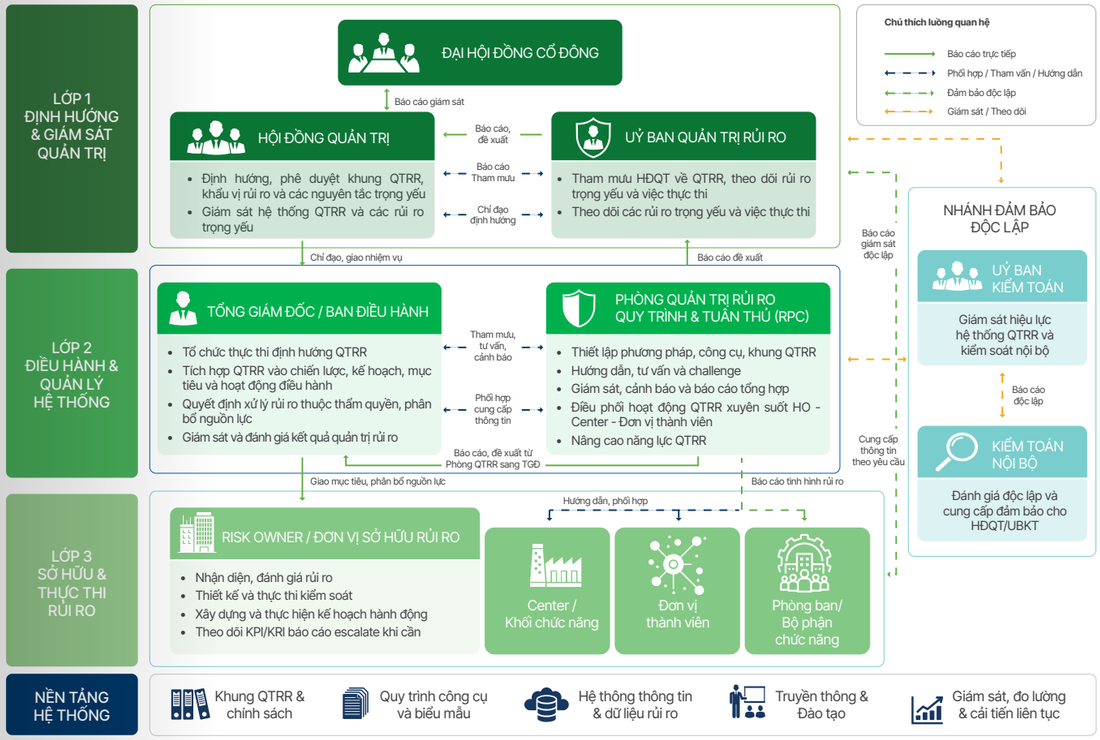
- Hỗ trợ thực hiện mục tiêu kinh doanh và định hướng phát triển dài hạn
- Phát hiện sớm các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động
- Xác định rõ trách nhiệm quản lý rủi ro tại từng đơn vị.
- Ưu tiên nguồn lực cho các vấn đề có mức độ ảnh hưởng cao
- Tăng khả năng ứng phó trước các sự kiện bất thường
- Bảo vệ con người, tài sản, nguồn nguyên liệu, dữ liệu và uy tín doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro được thực hiện tại nơi phát sinh rủi ro và gắn với trách nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý mục tiêu, quy trình hoặc nguồn lực liên quan. Đơn vị Quản lý rủi ro, Quy trình và Tuân thủ (RPC) đóng vai trò tham mưu, hướng dẫn, điều phối, giám sát và tổng hợp báo cáo; không thay thế trách nhiệm của Ban Điều hành và các chủ sở hữu rủi ro.

2 CƠ CẤU VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN TRỊ RỦI RO

Hệ thống quản trị rủi ro của AgriS được tổ chức từ Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đến các đơn vị trực tiếp vận hành.

CẤU TRÚC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO AGRIS



Lớp	Thành phần chính	Vai trò
ĐỊNH HƯỚNG & GIÁM SÁT QUẢN TRỊ	Hội đồng quản trị; Ủy ban Quản trị rủi ro	HĐQT định hướng và giám sát cao nhất đối với hệ thống quản trị rủi ro, phê duyệt chính sách và khẩu vị rủi ro. Ủy ban Quản trị rủi ro hỗ trợ HĐQT tham mưu, xem xét chuyên sâu và giám sát các rủi ro trọng yếu.
ĐIỀU HÀNH & QUẢN LÝ HỆ THỐNG ERM	Tổng Giám đốc/ Ban Điều hành; Phòng RPC	Tổng Giám đốc/Ban Điều hành tổ chức thực thi quản trị rủi ro trong hoạt động điều hành và quyết định biện pháp xử lý thuộc thẩm quyền. RPC là đầu mối chuyên môn, xây dựng phương pháp, hướng dẫn, điều phối, phản biện, giám sát, cảnh báo và tổng hợp báo cáo; không sở hữu rủi ro thay cho đơn vị.
SỞ HỮU & THỰC THI RỦI RO	Chủ sở hữu rủi ro; Center/đơn vị thành viên/đơn vị chức năng	Trực tiếp nhận diện, đánh giá, kiểm soát, xử lý và theo dõi rủi ro trong phạm vi phụ trách; thực hiện kế hoạch hành động, theo dõi chỉ số và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền.
ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP	Ủy ban Kiểm toán; Kiểm toán nội bộ	Đánh giá độc lập về tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ; không tham gia sở hữu hoặc vận hành rủi ro.

Đơn vị Quản lý rủi ro, Quy trình và Tuân thủ báo cáo trực tiếp Tổng Giám đốc, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban Quản trị rủi ro, Hội đồng quản trị và các Uỷ ban trực thuộc theo cơ chế quản trị của Công ty.

Cơ cấu này giúp phân định rõ trách nhiệm giữa đơn vị trực tiếp vận hành, đơn vị giám sát và đơn vị đánh giá độc lập; đồng thời bảo đảm các vấn đề vượt thẩm quyền được báo cáo đúng cấp.



3 CHÍNH SÁCH VÀ NỀN TẢNG QUẢN TRỊ RỦI RO

AgriS đã xây dựng hệ thống văn bản làm căn cứ tổ chức và vận hành quản trị rủi ro, gồm:

1. Quy chế Quản trị rủi ro
2. Tuyên bố khẩu vị rủi ro
3. Quy trình xây dựng Hồ sơ rủi ro niên độ
4. Quy trình quản lý rủi ro đột xuất
5. Quy trình giám sát hoạt động quản lý rủi ro
6. Hướng dẫn nhận diện và đánh giá rủi ro
7. Hướng dẫn xây dựng Chỉ số cảnh báo rủi ro
8. Các biểu mẫu hồ sơ, báo cáo và kế hoạch hành động

Quy chế Quản trị rủi ro quy định phạm vi, mô hình tổ chức, vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia. Ban Điều hành và các đơn vị có trách nhiệm đưa quản trị rủi ro vào hoạt động thuộc phạm vi phụ trách; đơn vị chuyên trách thực hiện hướng dẫn, điều phối và giám sát.

Tuyên bố khẩu vị rủi ro xác định quan điểm và mức độ chấp nhận rủi ro của AgriS đối với các lĩnh vực hoạt động trọng yếu. Đây là căn cứ để xem xét giới hạn chấp nhận, thiết lập chỉ số cảnh báo, lựa chọn biện pháp xử lý và báo cáo các trường hợp vượt ngưỡng.

Việc nhận diện và đánh giá được thực hiện từ mục tiêu bị ảnh hưởng, bối cảnh phát sinh, kiểm soát hiện hành, nguyên nhân và hậu quả đến kế hoạch hành động.

4 QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ CỦA AGRIS

Các yếu tố bên ngoài

Niên độ 2025-2026 ghi nhận nhiều biến động có khả năng ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến chuỗi hoạt động của AgriS.

Xung đột địa chính trị: Xung đột tại nhiều khu vực trên thế giới, trong đó đặc biệt chiến sự liên quan đến Mỹ - Iran đã làm gia tăng hàng loạt rủi ro gồm: Giá nhiên liệu, phân bón, vật tư và logistics tăng; Nguồn cung hoặc tuyến vận chuyển bị gián đoạn; Nhà cung cấp thay đổi thời hạn giao hàng và điều kiện thanh toán; Nhu cầu duy trì tồn kho an toàn cao hơn; Áp lực lên dòng tiền và vốn lưu động; Biến động đồng thời của giá hàng hóa, tỷ giá và lãi suất. Các thông tin địa chính trị được xem xét theo khả năng ảnh hưởng đến từng hoạt động cụ thể thay vì chỉ được ghi nhận như một biến động vĩ mô.

Thuế quan và chính sách thương mại: Thay đổi về thuế quan, phòng vệ thương mại và quy định xuất nhập khẩu Mỹ đã ảnh hưởng đến giá bán, nguồn cung, thị trường tiêu thụ và hiệu quả của các hợp đồng thương mại. Các yếu tố được đánh giá bao gồm: Sản phẩm và thị trường bị ảnh hưởng; Thời điểm chính sách có hiệu lực; Hợp đồng và cam kết đang thực hiện; Khả năng điều chỉnh cơ cấu thị trường hoặc sản phẩm; Tác động đến sản lượng, giá bán, biên lợi nhuận và dòng tiền.

Thời tiết cực đoan và thiên tai: Năm 2025 cũng là năm ảnh hưởng mạnh bởi thời tiết. Bão số 9 cùng các đợt mưa lớn, hạn, ngập và thời tiết bất thường trong niên độ làm gia tăng rủi ro đối với vùng nguyên liệu, tiến độ thu hoạch, vận chuyển và sản xuất.

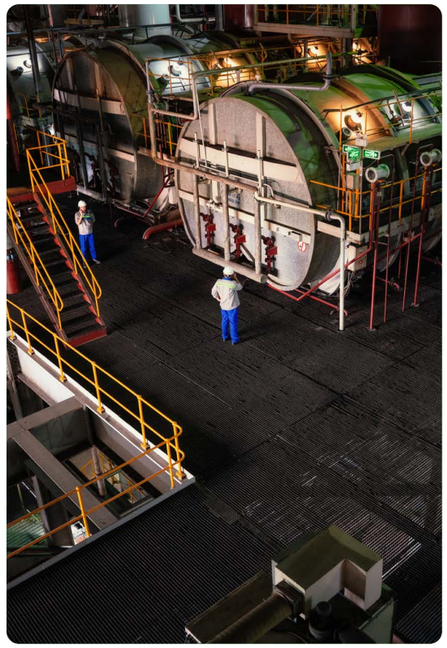


Các yếu tố bên trong

Quá trình thay đổi mô hình tổ chức, mở rộng hoạt động và triển khai các chương trình đầu tư, chuyển đổi đặt ra yêu cầu cao hơn đối với quản trị vận hành. Theo đó, các yếu tố được đánh giá bao gồm:

- Phân công trách nhiệm giữa Tập đoàn, các Center và đơn vị thành viên;
- Thẩm quyền quyết định và tuyến báo cáo;
- Sự phối hợp giữa kinh doanh, vùng nguyên liệu, sản xuất, cung ứng, tài chính và công nghệ;
- Tiến độ và hiệu quả của các dự án đầu tư;
- Chất lượng và tính thống nhất của dữ liệu;
- Tồn kho, công nợ và vốn lưu động;
- Năng lực nhân sự đáp ứng yêu cầu thay đổi;
- Mức độ đầy đủ và hiệu quả của quy trình, kiểm soát.

Nhiều rủi ro vận hành phát sinh tại điểm giao giữa các đơn vị. Sai lệch giữa dự báo nhu cầu, kế hoạch cung ứng, sản xuất và bán hàng có thể dẫn đến thiếu hoặc dư tồn kho, tăng chi phí và ảnh hưởng khả năng giao hàng.



Quản trị rủi ro (tiếp theo)

5 CÁC RỦI RO ĐƯỢC ƯU TIÊN QUẢN LÝ TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026

Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục duy trì Hồ sơ rủi ro tại cấp Công ty và các đơn vị. Công tác giám sát tập trung vào các rủi ro có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên liệu, sản xuất, thị trường, tài chính, công nghệ và uy tín doanh nghiệp.

Rủi ro ưu tiên	Khả năng ảnh hưởng đến AgriS	Trọng tâm quản lý
Biến động thời tiết, bão, hạn và nguồn nước	Ảnh hưởng năng suất cây trồng, chất lượng nguyên liệu, tiến độ thu hoạch, vận chuyển và hoạt động nhà máy.	Theo dõi theo vùng và mùa vụ; phối hợp điều chỉnh kế hoạch thu hoạch, cung ứng và sản xuất.
Suy giảm năng suất, thoái hóa giống và thiếu nguyên liệu	Không bảo đảm nguồn cung cho sản xuất; tăng chi phí thu mua; giảm hiệu quả vùng nguyên liệu.	Rà soát giống, năng suất, diện tích, chất lượng và khả năng đáp ứng nguyên liệu.
Biến động thuế quan và chính sách thương mại	Ảnh hưởng thị trường tiêu thụ, giá bán, nguồn cung, hợp đồng và biên lợi nhuận.	Đánh giá tác động theo từng sản phẩm, thị trường và thời điểm áp dụng.
Xung đột địa chính trị và chiến tranh	Làm gián đoạn vận tải, tăng giá dầu, nguyên liệu, bảo hiểm và chi phí logistics.	Theo dõi nguồn cung, thời gian giao hàng, giá đầu vào và phương án thay thế.
Khủng hoảng xăng dầu và năng lượng	Tác động đến canh tác, thu hoạch, vận chuyển, sản xuất và giao hàng.	Kiểm soát nguồn cung nhiên liệu, mức dự trữ và phương án duy trì hoạt động.
Biến động giá đường và sức ép cạnh tranh	Ảnh hưởng giá bán, thị phần, tồn kho, biên lợi nhuận và dòng tiền.	Theo dõi thị trường, điều chỉnh kế hoạch thương mại, sản xuất và tồn kho.
Phát triển sản phẩm mới không đạt kế hoạch	Chậm thương mại hóa, tăng chi phí, không đạt doanh thu hoặc không đáp ứng nhu cầu thị trường.	Kiểm soát tiến độ, chất lượng, khả năng tiêu thụ và trách nhiệm của các đơn vị tham gia.
Tồn kho, công nợ và vốn lưu động	Tăng chi phí tài chính, chiếm dụng vốn, ảnh hưởng thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn.	Rà soát dự báo nhu cầu, kế hoạch sản xuất, tốc độ bán hàng và thu hồi công nợ.
Gián đoạn chuỗi cung ứng	Thiếu nguyên liệu, chậm sản xuất, chậm giao hàng hoặc tăng chi phí.	Đa dạng hóa nguồn cung, giám sát nhà cung cấp, tồn kho và năng lực logistics.
Chậm tiến độ hoặc không đạt hiệu quả đầu tư	Tăng chi phí, chậm đưa tài sản vào khai thác và không đạt hiệu quả dự kiến.	Rà soát điều kiện đầu tư, pháp lý, tiến độ, nhà thầu và các mốc quyết định.
Chất lượng sản phẩm và khiếu nại khách hàng	Ảnh hưởng doanh thu, uy tín và quan hệ khách hàng.	Kiểm soát chất lượng, truy nguyên nguyên nhân và phối hợp xử lý khiếu nại.
Dữ liệu không đầy đủ hoặc không thống nhất	Gây sai lệch trong lập kế hoạch, báo cáo và quyết định quản trị.	Làm rõ nguồn dữ liệu, trách nhiệm cập nhật và cơ chế kiểm tra.
Tấn công mạng và gián đoạn hệ thống	Làm gián đoạn hoạt động, mất dữ liệu hoặc lộ thông tin.	Tăng cường phân quyền, giám sát, sao lưu và khả năng phục hồi.
Tin giả và thông tin sai lệch	Ảnh hưởng thương hiệu, quan hệ với cổ đông, khách hàng, đối tác và người lao động.	Theo dõi thông tin, xác minh nguồn, đánh giá mức độ ảnh hưởng và thống nhất đầu mối phản hồi.
Khủng hoảng truyền thông và danh tiếng	Sự việc tại một đơn vị hoặc liên quan đến sản phẩm, đối tác, nhân sự có thể lan rộng trên toàn hệ thống.	Xác định đầu mối, cơ chế phối hợp, thẩm quyền phản hồi và phương án xử lý theo từng tình huống.

Bên cạnh các rủi ro đã có trong Hồ sơ rủi ro niên độ, AgriS tăng cường theo dõi các sự kiện phát sinh nhanh từ môi trường bên ngoài. Các thông tin về thời tiết, chính sách, chiến tranh, năng lượng, thị trường và truyền thông được đánh giá theo khả năng ảnh hưởng thực tế đến từng đơn vị và chuỗi hoạt động.

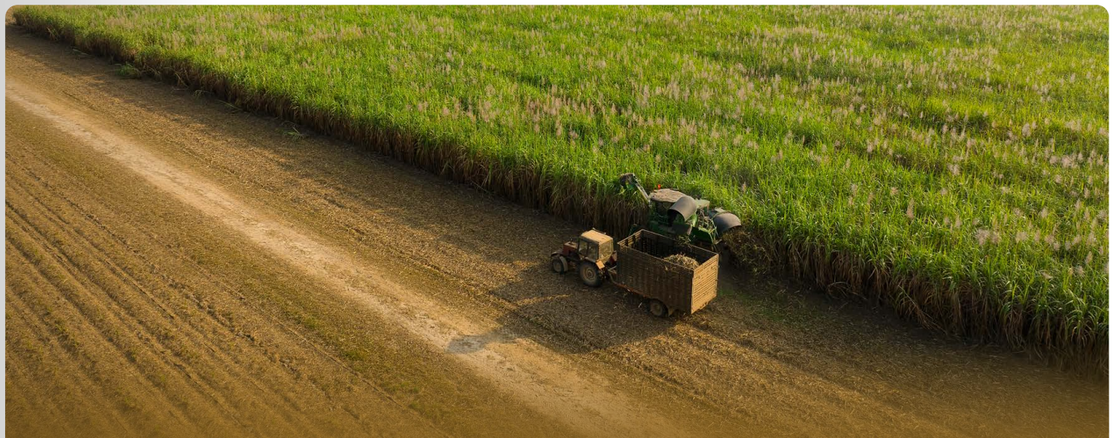
Trong niên độ, công tác quản lý tập trung vào

- Theo dõi vùng nguyên liệu, năng suất, giống và khả năng bảo đảm nguồn cung;
- Giám sát giá nguyên liệu, năng lượng, logistics, tỷ giá và lãi suất;
- Rà soát tồn kho, công nợ và nhu cầu vốn lưu động;
- Kiểm soát tiến độ phát triển sản phẩm và các dự án đầu tư;
- Củng cố quản trị dữ liệu và an ninh hệ thống;
- Theo dõi thông tin bất lợi và nguy cơ khủng hoảng danh tiếng;
- Tham vấn rủi ro đối với các giao dịch, dự án và quyết định trọng yếu;
- Rà soát phương án ứng phó với thiên tai, gián đoạn nguồn cung, năng lượng và hệ thống công nghệ.

Khi phát sinh sự kiện bất thường, chủ sở hữu rủi ro chịu trách nhiệm tổ chức xử lý; đơn vị Quản lý rủi ro, Quy trình và Tuân thủ thực hiện tham vấn, phản biện, giám sát và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền.

Các số liệu về số lượng rủi ro, kế hoạch hành động và mức độ hoàn thành sẽ được cập nhật sau khi đối chiếu với Hồ sơ rủi ro và báo cáo giám sát đã khóa của niên độ.

6 ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ RỦI RO NIÊN ĐỘ 2026-2027



Trong niên độ 2026-2027, AgriS tập trung nâng chất lượng giám sát các rủi ro trọng yếu, đưa khẩu vị rủi ro vào hoạt động và tăng khả năng cảnh báo trước các biến động có thể ảnh hưởng đến Công ty.

Tập trung giám sát các rủi ro trọng yếu

Danh mục rủi ro trọng yếu cấp Công ty được sử dụng làm cơ sở thống nhất cho hoạt động giám sát và báo cáo. Mỗi rủi ro phải làm rõ mục tiêu và hoạt động bị ảnh hưởng, chủ sở hữu, đơn vị phối hợp, kiểm soát hiện hành, kế hoạch xử lý, chỉ số cảnh báo và trường hợp phải báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Khí hậu, nguồn nước, giống, năng suất và vùng nguyên liệu;
- Thị trường, giá hàng hóa và phát triển sản phẩm;
- Nguồn cung, năng lượng, logistics và tồn kho;
- Tỷ giá, lãi suất, dòng tiền và nguồn vốn;
- Tiến độ đầu tư và hiệu quả dự án;
- Tổ chức, nhân sự và khả năng phối hợp;
- Dữ liệu, an ninh mạng và công nghệ mới;
- Uy tín doanh nghiệp, tin giả và khủng hoảng truyền thông.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Đưa khẩu vị rủi ro vào hoạt động

AgriS tiếp tục rà soát Tuyên bố khẩu vị rủi ro phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện hoạt động. Trọng tâm là đưa khẩu vị rủi ro vào các quyết định và hoạt động thực tế.

- Liên kết với danh mục rủi ro trọng yếu;
- Xác định ngưỡng theo dõi đối với các chỉ số quan trọng;
- Quy định trách nhiệm khi rủi ro tiến gần hoặc vượt ngưỡng;
- Thiết lập cơ chế báo cáo và xử lý ngoại lệ;
- Sử dụng khẩu vị rủi ro khi xem xét dự án, giao dịch và quyết định trọng yếu.

Tăng cường cảnh báo rủi ro

AgriS tiếp tục theo dõi thường xuyên các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động. Thông tin theo dõi phải được chuyển thành đánh giá cụ thể về hoạt động và đơn vị chịu ảnh hưởng, thời điểm tác động, mức độ cần lưu ý, hành động cần thực hiện và trường hợp cần báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Thời tiết, khí hậu và nguồn nước;
- Giá đường, dầu, phân bón và nguyên liệu;
- Thuế quan và thay đổi chính sách;
- Xung đột địa chính trị;
- Nguồn cung và logistics;
- An ninh mạng và dữ liệu;
- Thông tin sai lệch và danh tiếng.

Nâng chất lượng Hồ sơ rủi ro và kế hoạch hành động

Hồ sơ rủi ro tại các đơn vị được rà soát theo hướng gọn hơn nhưng sát hoạt động hơn. Kế hoạch hành động được giám sát theo kết quả thực tế, không chỉ theo tiến độ ghi nhận trên hồ sơ.

- Mục tiêu bị ảnh hưởng;
- Nguyên nhân chính;
- Kiểm soát đang thực hiện;
- Điểm còn yếu;
- Chủ sở hữu rủi ro;
- Hành động và thời hạn;
- Dữ liệu dùng để theo dõi.

Phát triển Chỉ số cảnh báo rủi ro

Chỉ số cảnh báo được lựa chọn từ những dữ liệu có khả năng phản ánh sớm sự thay đổi của rủi ro. Các chỉ số được ưu tiên tại những khu vực có dữ liệu sẵn có và có khả năng ảnh hưởng lớn đến hoạt động, như vùng nguyên liệu, tồn kho, công nợ, dòng tiền, năng lượng, sản xuất, chất lượng, khách hàng và công nghệ.

- Rủi ro cần cảnh báo;
- Công thức hoặc cách ghi nhận;
- Nguồn dữ liệu;
- Tần suất cập nhật;
- Ngưỡng cảnh báo;
- Đơn vị chịu trách nhiệm;
- Hành động khi vượt ngưỡng.

Tăng khả năng ứng phó với khủng hoảng

AgriS tiếp tục rà soát các kịch bản có khả năng gây gián đoạn lớn. Đối với từng kịch bản, Công ty làm rõ đầu mối điều phối, thẩm quyền quyết định, nguồn lực cần duy trì, phương án thông tin và trình tự phục hồi hoạt động.

- Bão, lũ, hạn và gián đoạn vùng nguyên liệu;
- Thiếu nhiên liệu hoặc gián đoạn năng lượng;
- Đứt gãy nguồn cung và logistics;
- Sự cố nhà máy;
- Tấn công mạng và gián đoạn hệ thống;
- Sự cố chất lượng sản phẩm;
- Tin giả và khủng hoảng truyền thông.

Quản lý rủi ro theo chuỗi hoạt động

Quản trị rủi ro được gắn chặt hơn với các chuỗi hoạt động quan trọng. Việc xem xét theo chuỗi giúp xác định rõ điểm giao giữa các đơn vị, dữ liệu cần bàn giao, điểm kiểm soát và trách nhiệm xử lý khi phát sinh sai lệch.

- Phát triển sản phẩm đến thương mại hóa;
- Hoạch định nhu cầu, cung ứng và sản xuất;
- Mua hàng, tồn kho và thanh toán;
- Vùng nguyên liệu, thu hoạch và giao nhà máy;
- Sản xuất, thành phẩm và lưu kho;
- Đơn hàng, giao hàng và xử lý khiếu nại;
- Đầu tư, triển khai và đưa tài sản vào vận hành.

Từng bước hoàn thiện dữ liệu và công cụ theo dõi

AgriS tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu quản trị rủi ro. Việc số hóa được triển khai theo khả năng sẵn sàng của dữ liệu và hệ thống, ưu tiên những nội dung đang được quản lý thủ công, có tần suất cập nhật cao hoặc cần phối hợp giữa nhiều đơn vị.

- Quản lý tập trung Hồ sơ rủi ro;
- Theo dõi kế hoạch hành động;
- Cập nhật chỉ số cảnh báo;



KẾT LUẬN

Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục duy trì hệ thống quản trị rủi ro và tăng cường giám sát các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên liệu, sản xuất, thị trường, tài chính, công nghệ và uy tín doanh nghiệp.

Trước các biến động về khí hậu, thuế quan, xung đột địa chính trị, năng lượng và thông tin trên môi trường số, Công ty chú trọng phát hiện sớm, đánh giá đúng phạm vi ảnh hưởng và phân công rõ trách nhiệm xử lý.

Trong niên độ tiếp theo, trọng tâm là nâng chất lượng giám sát rủi ro trọng yếu, đưa khẩu vị rủi ro vào hoạt động, phát triển chỉ số cảnh báo và tăng khả năng ứng phó với các tình huống có thể gây gián đoạn. Qua đó, quản trị rủi ro tiếp tục hỗ trợ AgriS bảo vệ nguồn lực, duy trì hoạt động ổn định và thực hiện mục tiêu phát triển dài hạn.

Tuân thủ pháp luật

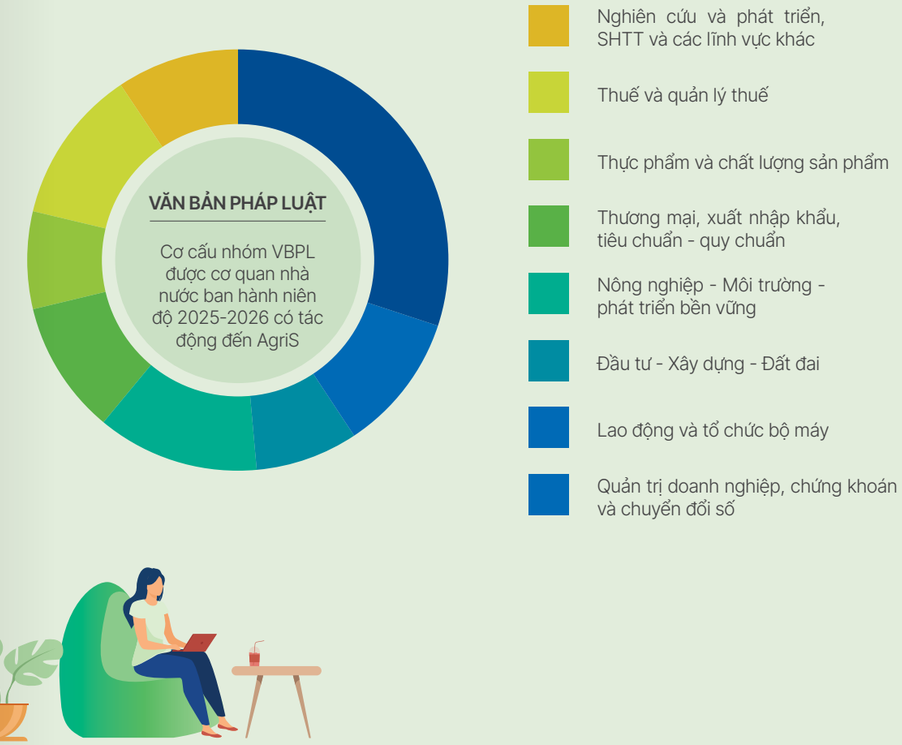
1 HÀNH LANG PHÁP LÝ MỚI VÀ THỰC HÀNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT TẠI AGRIS TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026



Trong niên độ 2025-2026, Việt Nam bước vào giai đoạn đẩy mạnh cải cách thể chế mạnh mẽ để hiện thực hóa các chủ trương lớn đã được Bộ Chính trị xác định tại 04 Nghị quyết chiến lược ban hành trước đó, gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; và Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Theo đó, Quốc hội và Chính phủ đã triển khai đồng bộ nhiều cải cách mang tính nền tảng như vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; đồng thời thông qua nhiều luật, nghị quyết quan trọng tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV nhằm tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trên cơ sở đó, hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện với nhiều quy định mới trong các lĩnh vực thuế, đầu tư, xây dựng, đất đai, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, nông nghiệp, môi trường, chứng khoán và quản trị doanh nghiệp. Những thay đổi này không chỉ nâng cao yêu cầu tuân thủ pháp luật mà còn tạo động lực để doanh nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chuỗi giá trị bền vững và mở rộng thị trường trong nước cũng như quốc tế.

Với định hướng **"Kiến Tạo Thị Trường - Định Hình Nông nghiệp tương lai"**, AgriS xác định tuân thủ pháp luật không chỉ là yêu cầu quản trị rủi ro mà còn là nền tảng để kiến tạo thị trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo lập lợi thế cạnh tranh bền vững. Theo đó, AgriS từng bước thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác quản trị pháp lý thông qua việc chuẩn hóa hệ thống văn bản quản trị nội bộ, mẫu hợp đồng và quy trình nghiệp vụ; xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật và dữ liệu pháp lý doanh nghiệp theo hướng tập trung, thống nhất; đồng thời từng bước phát triển nền tảng Legal Tech nhằm số hóa hoạt động quản trị hợp đồng, quản lý thông tin pháp lý, theo dõi thay đổi chính sách và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ pháp lý nội bộ. Đây là nền tảng quan trọng để AgriS ứng dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động quản trị, nâng cao chất lượng hỗ trợ ra quyết định và kiểm soát rủi ro trong toàn hệ sinh thái.



Theo định hướng đó, trong niên độ 2025-2026, AgriS đã tập trung triển khai các hoạt động:

Chủ động theo dõi, đánh giá tác động và triển khai áp dụng kịp thời các văn bản pháp luật mới trên toàn hệ thống;	Phát hành định kỳ các bản tin pháp lý, cảnh báo rủi ro và khuyến nghị thực thi đối với các văn bản pháp luật quan trọng;	Tổ chức đào tạo, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao năng lực tuân thủ của các đơn vị;	Chuẩn hóa hệ thống hợp đồng, quy trình và cơ sở dữ liệu pháp lý, từng bước thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản trị pháp lý;	Tăng cường quản trị tuân thủ đối với chuỗi cung ứng, ESG, bảo vệ dữ liệu cá nhân, truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn quốc tế.

Đồng thời, qua công tác rà soát, theo dõi và đánh giá tác động của chính sách pháp luật, trong niên độ 2025-2026, AgriS đã ghi nhận 66 văn bản quy phạm pháp luật mới có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị của Công ty. Các văn bản được phân thành 08 nhóm lĩnh vực trọng yếu, tập trung chủ yếu vào thuế và quản lý thuế; nông nghiệp, môi trường và phát triển bền vững; thương mại, xuất nhập khẩu; quản trị doanh nghiệp, lao động, chuyển đổi số; đầu tư, xây dựng và đất đai.

Tuân thủ pháp luật (tiếp theo)

Lĩnh vực	Số lượng	Tóm tắt tác động và văn bản tiêu biểu
Thuế và quản lý thuế	20	Là nhóm văn bản có số lượng được ban hành mà tác động đến AgriS trong niên độ lớn nhất, tập trung hoàn thiện chính sách thuế và cơ chế quản lý thuế theo hướng hiện đại, số hóa và tăng cường minh bạch. Nổi bật gồm: Luật Quản lý thuế 2025, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 cùng hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết như Nghị định 320/2025/NĐ-CP (Thuế thu nhập doanh nghiệp), Nghị định 252/2026/NĐ-CP (Quản lý thuế), Nghị định 253/2026/NĐ-CP (Thuế thu nhập cá nhân), Nghị định 255/2026/NĐ-CP (Giao dịch liên kết) và các Thông tư 90/2026/TT-BTC về đăng ký thuế, Thông tư 95/2026/TT-BTC hướng dẫn các hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Các quy định này tác động toàn diện và trực tiếp đến hoạt động kê khai, quyết toán, quản trị thuế, giao dịch liên kết và tổ chức hệ thống kế toán - tài chính của AgriS.
Lao động và tổ chức bộ máy	7	Hoàn thiện các quy định về tiền lương, hợp đồng lao động điện tử, phân cấp quản lý lao động và tổ chức bộ máy nhà nước. Tiêu biểu gồm Nghị định 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, Nghị định 337/2025/NĐ-CP về hợp đồng lao động điện tử, Thông tư 08/2026/TT-BNV hướng dẫn Nghị định 337/2025/NĐ-CP quy định về hợp đồng lao động điện tử. Các quy định giúp AgriS chuẩn hóa quản trị nhân sự, tiền lương và hồ sơ lao động trên nền tảng số. Ngoài ra, cùng với sự thắt chặt quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động thông qua việc xử lý vi phạm trên môi trường điện tử theo Nghị định 283/2026/NĐ-CP, yêu cầu AgriS phải kiện toàn hệ thống quản trị nhân sự để trích xuất dữ liệu thanh tra đồng bộ, từ đó tối ưu hóa chi phí vận hành.
Đầu tư - Xây dựng - Đất đai	5	Hoàn thiện hành lang pháp lý đối với hoạt động đầu tư, xây dựng và sử dụng đất, đồng thời tháo gỡ nhiều vướng mắc trong triển khai dự án. Tiêu biểu gồm Luật Đầu tư 2025, Luật Xây dựng 2025, Nghị quyết 254/2025/QH15 cùng Nghị định 49/2026/NĐ-CP và 50/2026/NĐ-CP hướng dẫn xử lý các vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Đây là nhóm văn bản có tác động trực tiếp đến các dự án đầu tư, vùng nguyên liệu và hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng của AgriS.
Nông nghiệp - Môi trường - Phát triển bền vững	8	Tập trung vào giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường carbon, quản lý tài nguyên, trồng trọt, bảo vệ thực vật và mã số vùng trồng. Tiêu biểu gồm Quyết định 232/QĐ-TTg về Đề án phát triển thị trường Carbon, Nghị định 83/2026/NĐ-CP, Nghị định 33/2026/NĐ-CP, Nghị định 38/2026/NĐ-CP và Nghị định 112/2026/NĐ-CP. Các quy định này hỗ trợ AgriS phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững, đáp ứng yêu cầu ESG và mở rộng thị trường xuất khẩu.
Thương mại, xuất nhập khẩu và tiêu chuẩn - quy chuẩn	7	Hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, quản lý ngoại thương, hải quan, tiêu chuẩn - quy chuẩn và chất lượng hàng hóa. Tiêu biểu gồm Luật Thương mại điện tử 2025, Nghị định 292/2026/NĐ-CP, Nghị định 169/2026/NĐ-CP, Nghị định 22/2026/NĐ-CP. Đây là cơ sở để AgriS nâng cao năng lực thương mại, xuất khẩu và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường trong nước và quốc tế.
Thực phẩm và chất lượng sản phẩm	5	Tập trung hoàn thiện quy định về quản lý chất lượng thực phẩm, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm. Tiêu biểu gồm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15, Nghị định 37/2026/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cùng các thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với đồ uống có cồn, dầu thực vật tinh chế và đường. Các quy định mới chuyển mạnh sang phương thức quản lý theo mức độ rủi ro, tăng cường yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin sản phẩm, công bố tiêu chuẩn áp dụng, ghi nhãn hàng hóa và ứng dụng các công nghệ số trong quản lý chất lượng; đồng thời bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp trong kiểm soát chất lượng, tiếp nhận và xử lý khiếu nại của người tiêu dùng. Đây là cơ sở để AgriS tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời củng cố năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu.
Quản trị doanh nghiệp, chứng khoán và chuyển đổi số	8	Bao gồm các quy định về công bố thông tin, đăng ký doanh nghiệp, chào bán trái phiếu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tiêu biểu gồm Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, Nghị định 356/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, Nghị định 245/2025/NĐ-CP, Nghị định 200/2026/NĐ-CP, Nghị định 296/2026/NĐ-CP và Nghị định 88/2025/NĐ-CP. Đáng chú ý, các quy định mới về đăng ký doanh nghiệp đã lần đầu tiên hoàn thiện cơ chế quản lý chủ sở hữu hưởng lợi, quy định trách nhiệm kê khai và cập nhật thông tin nhằm tăng cường minh bạch về cơ cấu sở hữu, đồng thời đẩy mạnh số hóa thủ tục đăng ký doanh nghiệp, xác thực điện tử và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Những thay đổi này góp phần nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp, tăng cường minh bạch thông tin, quản trị dữ liệu và năng lực tuân thủ của AgriS theo các thông lệ quản trị hiện đại.
Nghiên cứu và phát triển, sở hữu trí tuệ (SHTT) và các lĩnh vực khác	6	AgriS tận dụng tối đa các ưu đãi tài chính cho hoạt động Nghiên cứu và Phát triển (R&D). Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP, chi phí R&D thực tế được khấu trừ tối đa lên đến 200% khi xác định thu nhập chịu thuế (nếu đủ điều kiện được khấu trừ). Đồng thời, AgriS có thể nâng mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ lên đến 20% thu nhập tính thuế hàng năm để tái đầu tư vào công nghệ nông nghiệp. Với việc Luật Sở hữu trí tuệ 2025 rút ngắn đáng kể thời hạn thẩm định các đối tượng sở hữu công nghiệp (chỉ còn 12 tháng với sáng chế và 05 tháng với nhãn hiệu), AgriS có cơ hội nhanh chóng bảo hộ và thương mại hóa các tài sản vô hình như nhãn hiệu, sáng chế đối với các máy móc thiết bị chuyên dùng. Đặc biệt, Luật SHTT sửa đổi 2025 lần đầu ghi nhận về nguyên tắc chủ sở hữu quyền SHTT có quyền sử dụng các quyền này để thực hiện các hoạt động dân sự, thương mại, đầu tư và các hoạt động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích việc khai thác quyền SHTT nhằm góp vốn và làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay. Các văn bản điều chỉnh các lĩnh vực khác, bao gồm các quy định về tố tụng, khiếu nại, tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính, kế toán - kiểm toán, tiền tệ - ngân hàng... nhằm hoàn thiện khung quản trị pháp lý và kiểm soát rủi ro trong hoạt động doanh nghiệp.

I Tuân thủ pháp luật (tiếp theo)



2 KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2026-2027

Bước sang niên độ 2026-2027, trong bối cảnh Nhà nước tiếp tục hoàn thiện thể chế theo hướng kiến tạo phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, AgriS sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị pháp lý theo hướng chủ động đồng hành cùng hoạt động kinh doanh và kiến tạo thị trường, góp phần hiện thực hóa định hướng "Kiến Tạo Thị Trường - Định Hình Nông nghiệp tương lai" với trọng tâm triển khai bao gồm:

Tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản trị pháp lý

- Rà soát, cập nhật và triển khai các quy định pháp luật mới có hiệu lực trong niên độ, đặc biệt các văn bản liên quan đến nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, xuất nhập khẩu, môi trường, thuế, chứng khoán, quản trị doanh nghiệp và bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu pháp lý, hệ thống quản trị hợp đồng và cảnh báo rủi ro pháp lý trên nền tảng số;
- Tiếp tục đầu tư xây dựng nền tảng Legal Tech, từng bước số hóa các hoạt động quản trị pháp lý thông qua việc phát triển cơ sở dữ liệu pháp luật, dữ liệu pháp lý doanh nghiệp và hệ thống quản lý hợp đồng điện tử;
- Triển khai các giải pháp số hỗ trợ quản trị tuân thủ, theo dõi thay đổi chính sách pháp luật, quản lý hồ sơ pháp lý và cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý nội bộ trên nền tảng số; đồng thời chuẩn hóa dữ liệu pháp lý nhằm tạo nền tảng cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa quy trình và nâng cao chất lượng hỗ trợ ra quyết định trong công tác quản trị.
- Nâng cao năng lực quản trị tuân thủ tại các đơn vị thành viên.

Đồng hành cùng chiến lược phát triển thị trường

- Chủ động tham mưu triển khai các quy định mới về đầu tư, thuế, đất đai, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, nông nghiệp và môi trường nhằm hỗ trợ phát triển các mô hình kinh doanh mới;
- Hoàn thiện khung pháp lý cho các hoạt động chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và chuỗi cung ứng tích hợp, tạo nền tảng mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục triển khai các quy định về ESG, phát triển xanh, giảm phát thải khí nhà kính, thị trường carbon và truy xuất nguồn gốc;
- Nâng cao tính minh bạch, quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế;
- Xây dựng môi trường pháp lý nội bộ linh hoạt, tạo điều kiện để AgriS phát triển các sáng kiến mới, mở rộng hợp tác quốc tế và tiếp tục kiến tạo những giá trị mới cho thị trường nông nghiệp trong tương lai.



Quan hệ Nhà đầu tư



Niên độ 2025-2026, trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường đối với tính minh bạch, chất lượng quản trị và yếu tố phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh, AgriS tiếp tục nâng cao hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (Investor Relations - IR), không chỉ dừng ở việc đáp ứng các quy định về công bố thông tin mà còn hướng đến nâng cao tính minh bạch, chất lượng đối thoại và hiệu quả kết nối thông tin giữa Công ty với thị trường và nhà đầu tư.

Trên nền tảng các giá trị cốt lõi **"Hiệu quả - Sáng tạo - Chính trực - Tinh thần làm chủ - Tiên phong"**, hoạt động IR được thực hiện theo nguyên tắc **"Trung thực - Kịp thời - Minh bạch"** với mục tiêu cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư, tạo cơ sở để đánh giá toàn diện về hoạt động, chiến lược và triển vọng phát triển của AgriS, từ đó xây dựng niềm tin và tạo nền tảng thu hút dòng vốn đầu tư dài hạn.

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH, CHỦ ĐỘNG MINH BẠCH THÔNG TIN

AgriS cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về Quản trị công ty và Công bố thông tin đối với công ty đại chúng, bao gồm:

- Điều lệ Công ty;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
- Thực hiện công bố thông tin theo các quy định hiện hành, bao gồm Thông tư số 96/2020/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC và Thông tư 18/2025/TT-BTC), Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Thông tư số 118/2020/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 115/2025/TT-BTC) và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC;
- Tuân thủ các quy định, quy chế công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Bên cạnh yêu cầu tuân thủ, AgriS chủ động nâng cao chất lượng quản trị và minh bạch thông tin theo các chuẩn mực và thông lệ tiên tiến trên thế giới. Công ty tham chiếu và áp dụng các nguyên tắc, thông lệ tiên tiến trong nước và quốc tế, bao gồm:

- Bộ nguyên tắc Quản trị công ty G20/OECD (G20/OECD Principles of Corporate Governance);
- 17 Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (United Nations Sustainable Development Goals - UN SDGs);
- Bộ Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecard);
- Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng;
- Bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI);
- Cẩm nang Quản trị Công ty 2026;
- Bộ Thẻ điểm Quản trị Công ty Việt Nam (VNCG50) - Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD).

HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM VÀ DẤU ẤN NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026

DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN SONG NGỮ CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN MỘT CÁCH TRUNG THỰC, KỊP THỜI, MINH BẠCH, ĐANG DẠNG HOÁ KÊNH TIẾP CẬN

	CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	KÊNH CUNG CẤP THÔNG TIN ĐA DẠNG
Chủ động cung cấp thông tin đến Nhà đầu tư/Cổ đông hiện tại và tiềm năng		
1	CBTT theo các quy định hiện hành và hướng đến các chuẩn mực quốc tế cao hơn.	• Website Công ty • Cổng CBTT điện tử của UBCKNN, HOSE, HNX
2	Chủ động công bố những thông tin trọng yếu, được đánh giá là có ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà đầu tư/Cổ đông.	• Website Công ty • Email Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác
3	Đảm bảo thông tin cung cấp Nhà đầu tư/Cổ đông phản ánh đúng bản chất thông tin và hoạt động của doanh nghiệp.	• Website Công ty • Cổng CBTT điện tử của UBCKNN, HOSE • Email Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác
Nâng cao giá trị thị trường, nhận diện và thanh khoản của cổ phiếu		
4	Cung cấp và diễn giải các thông tin tài chính của Công ty định kỳ hằng Quý.	
5	Thực hiện BCTN theo quy định của luật, chuẩn mực quốc tế IIRC và các tiêu chuẩn/thông lệ tiên tiến khác. BCTN được giám sát và đánh giá độc lập bởi Phòng KTNB Công ty.	• Website Công ty • Cổng CBTT điện tử của UBCKNN, HOSE • Email Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác
6	Báo cáo Phát triển bền vững được lập theo Chuẩn mực GRI và tiếp tục được thực hiện bảo đảm giới hạn (Limited Assurance) bởi đơn vị kiểm toán Big4 cho một số chỉ tiêu trọng yếu.	
7	Chủ động cập nhật các tiêu chí, phối hợp cùng Ban lãnh đạo và các phòng ban đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn để cổ phiếu SBT tiếp tục có mặt trong các bộ chỉ số quan trọng của HOSE và VNSI, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận của nhà đầu tư tổ chức.	• Các kênh thông tin đại chúng • Báo chí
8	Trao đổi, cung cấp thông tin cho các Chuyên gia phân tích của các CTCK, các quỹ đầu tư và tổ chức tài chính để thực hiện các báo cáo phân tích, định giá cổ phiếu SBT.	• Các hội nghị đầu tư do CTCK tổ chức trực tuyến • Email, meeting với các Chuyên gia tài chính • Agris tổ chức
Tích cực kết nối, giao tiếp với Nhà đầu tư/Cổ đông		
9	Cập nhật diễn biến và hoạt động của Công ty định kỳ qua email cho Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính và Đối tác	• Website Công ty • Email Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính và Đối tác
10	Tổ chức các sự kiện hội nghị trực tiếp và trực tuyến (Conference Call) với các Nhà đầu tư/Cổ đông và Chuyên gia tài chính	• Tổ chức trực tiếp hoặc qua các kênh trực tuyến
11	Tích cực tham gia các sự kiện thị trường vốn trong và ngoài nước được tổ chức bởi các định chế tài chính	• Các hội nghị đầu tư và thị trường vốn trong và ngoài nước, trực tiếp hoặc thông qua các kênh trực tuyến
12	Cập nhật hoạt động của Công ty thông qua Bản tin Nhà đầu tư định kỳ, website và email cho Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính, Đối tác.	• Website Công ty • Email Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính và Đối tác.

Quan hệ Nhà đầu tư (tiếp theo)



CHỦ ĐỘNG KẾT NỐI, TĂNG CƯỜNG ĐỐI THOẠI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐẦU TƯ

Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục tăng cường kết nối, đối thoại với cộng đồng đầu tư thông qua các chương trình dành cho nhà đầu tư tổ chức, định chế tài chính và đối tác trong và ngoài nước. Qua đó, Công ty chủ động chia sẻ thông tin về chiến lược phát triển và kết quả kinh doanh, giúp nhà đầu tư có thêm cơ sở đánh giá hoạt động và triển vọng của AgriS, đồng thời gia tăng nhận diện thương hiệu của Công ty trên thị trường.

Một số hoạt động nổi bật trong niên độ gồm:

10/10/2025

AgriS Stakeholders Meeting 2025: Chương trình quy tụ hơn 130 đại diện từ các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, ngân hàng, cơ quan báo chí tài chính và các đối tác trong nước, quốc tế. Đây là sự kiện đối thoại chiến lược thường niên của AgriS, góp phần tăng cường kết nối giữa AgriS với thị trường, thúc đẩy minh bạch thông tin và mở rộng nền tảng hợp tác với cộng đồng đầu tư.





06/12/2025

Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2024-2025: Đại hội đã thông qua toàn bộ các tờ trình với tỷ lệ đồng thuận cao, trong đó nổi bật là chiến lược tăng trưởng giai đoạn 2025-2030. Về định hướng thị trường vốn, AgriS đặt mục tiêu đẩy mạnh IPO các đơn vị thành viên, mở rộng cơ hội hợp tác với các nhà đầu tư chiến lược.

29/01/2026

SSI Earnings Call: AgriS cập nhật kết quả kinh doanh tới hơn 20 đại diện từ các quỹ đầu tư và công ty chứng khoán trong và ngoài nước, tạo điều kiện để Công ty trao đổi trực tiếp với cộng đồng đầu tư về kết quả hoạt động, triển vọng kinh doanh và các động lực tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.





19/03/2026

Chương trình làm việc với các định chế tài chính Đài Loan: AgriS kết nối và làm việc với các định chế tài chính hàng đầu như First Commercial Bank, E.Sun Commercial Bank, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư thuộc hệ sinh thái E.Sun Financial Holding và First Financial Group cùng nhiều đối tác tài chính khác, qua đó mở rộng mạng lưới nhà đầu tư quốc tế và thúc đẩy cơ hội hợp tác trên thị trường vốn.

20/03/2026

Hội nghị Phát triển thị trường chứng khoán năm 2026: Lãnh đạo AgriS tham dự với vai trò diễn giả (Panelist), chia sẻ về thực tiễn quản trị doanh nghiệp và triển khai ESG tại AgriS. Sự kiện có sự tham dự của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý, doanh nghiệp niêm yết và các định chế tài chính, qua đó góp phần nâng cao vị thế của AgriS trên thị trường.





24/07/2026

Đại hội đồng cổ đông bất thường niên độ 2025-2026: Đại hội đã thông qua các nội dung liên quan đến hoàn thiện Điều lệ, các quy chế quản trị, tăng số lượng thành viên và bầu bổ sung Hội đồng Quản trị. Đây là bước kiện toàn quan trọng tạo tiền đề để AgriS tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị theo các thông lệ tiên tiến và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

14/08/2026

VNDIRECT Earnings Call: Chương trình có sự tham dự của 15 đại diện đến từ các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và tổ chức tài chính, tạo cơ hội để AgriS cập nhật kết quả kinh doanh Quý IV và niên độ 2025-2026, tiến độ các kế hoạch, dự án và định hướng chiến lược đến năm 2030, đồng thời trao đổi trực tiếp về các vấn đề nhà đầu tư quan tâm.





26-27/08/2026

Thailand Focus 2026: AgriS là một trong hai đại diện duy nhất của Việt Nam tham dự Thailand Focus 2026 - hội nghị đầu tư quốc tế thường niên lớn nhất của Sở Giao dịch Chứng khoán Thái Lan (SET). Chương trình tạo cơ hội để AgriS cập nhật xu hướng thị trường tại khu vực và toàn cầu, đồng thời có cơ hội gặp gỡ và kết nối với các định chế tài chính và nhà đầu tư quốc tế, giúp mở rộng nhận diện thương hiệu AgriS và thúc đẩy các cơ hội hợp tác trong tương lai.

Quan hệ Nhà đầu tư (tiếp theo)

DUY TRÌ SỰ CÓ MẶT TRONG CÁC RỔ CHỈ SỐ, GIẢI THƯỞNG/XẾP HẠNG UY TÍN

Những nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng quản trị, minh bạch thông tin và thực hành phát triển bền vững tiếp tục được ghi nhận thông qua các chỉ số, giải thưởng và xếp hạng uy tín trong niên độ 2025-2026:

VN50 GROWTH — THÁNG 10 - 2025

Cổ phiếu SBT lần đầu tiên được đưa vào bộ chỉ số VN50 Growth của HOSE, nâng cao khả năng tiếp cận của cổ phiếu đối với dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước.

HOSE VINH DANH — THÁNG 12 - 2025

Được HOSE vinh danh là Doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho hoạt động của HOSE và thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2000-2025





TOP 10 — THÁNG 12 - 2025

Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất năm 2025 - Nhóm vốn hóa vừa.

TOP 20 — THÁNG 12 - 2025

Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất Việt Nam - Nhóm Phi tài chính.





TOP 50 — THÁNG 12 - 2025

Top 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam (VNCG50) và Top 20 Doanh nghiệp cam kết, tiên phong hướng tới đạt chuẩn xếp hạng Tài sản ASEAN.

TOP 03 — THÁNG 2 - 2026

Báo cáo thường niên AgriS đạt Top 3 Báo cáo thường niên tốt nhất thế giới tại LACP Vision Awards 2024/25, đồng thời đạt Giải Platinum ngành Agribusiness, Giải Vàng ngành Consumer và Best Agency Report Worldwide.





TOP 20 — THÁNG 7 - 2025

Năm thứ 9 liên tiếp thuộc Danh mục chỉ số VNSI (Vietnam Sustainability Index) - Top 20 doanh nghiệp có điểm phát triển bền vững cao nhất trong rổ VN100.

IR AWARDS 2025 — THÁNG 7 - 2026

IR Awards 2025 - Doanh nghiệp đạt Chuẩn Công bố thông tin năm 2025 do Vietstock tổ chức.





LỊCH SỰ KIỆN DỰ KIẾN NIÊN ĐỘ 2026-2027

T7/2026
- ĐHĐCĐ bất thường NĐ 2025-2026
- BCTC riêng và hợp nhất Quý IV NĐ 2025-2026
- Diễn giải BCTC Quý IV NĐ 2025-2026
- Báo cáo QTCT 6 tháng đầu năm 2026
- Bản tin NĐT tháng 7

T8/2026
- Bản tin NĐT tháng 8

T9/2026
- BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán NĐ 2025-2026

T10/2026
- Báo cáo thường niên NĐ 2025-2026
- Báo cáo Phát triển bền vững NĐ 2025-2026
- BCTC riêng và hợp nhất Quý I NĐ 2026-2027
- Diễn giải BCTC Quý I NĐ 2026-2027
- Bản tin NĐT tháng 9-10

T11/2026
- ĐHĐCĐ thường niên NĐ 2025-2026
- Bản tin NĐT tháng 11
- Hội nghị dành cho CTCK, Quỹ, Định chế tài chính.

T12/2026
- Hội nghị Nhà đầu tư - Investor Day
- Bản tin NĐT tháng 12

T1/2027
- BCTC riêng và hợp nhất Quý II NĐ 2026-2027
- Diễn giải BCTC Quý II NĐ 2026-2027
- Báo cáo QTCT năm 2026
- Bản tin NĐT tháng 1

T2/2027
- BCTC riêng và hợp nhất soát xét Bán niên NĐ 2026-2027

T3/2027
- Bản tin NĐT tháng 2-3

T4/2027
- BCTC riêng và hợp nhất Quý III NĐ 2026-2027
- Diễn giải BCTC Quý III NĐ 2026-2027
- Bản tin NĐT tháng 4

T5/2027
- Bản tin NĐT tháng 5

T6/2027
- Bản tin NĐT tháng 6
- Site visit

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty

BÁO CÁO VÀ PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD 2023 VÀ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN 2024 (ASEAN SCORECARD)

Quản trị công ty là một trong những nền tảng quan trọng để AgriS hiện thực hóa chiến lược đến 2030-2031 và nâng cao chất lượng phát triển trong dài hạn.

AgriS liên tục hoàn thiện cơ chế quản trị theo hướng bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời hướng đến các các chuẩn mực và thông lệ quốc tế cao hơn. Việc liên tục nâng cao chất lượng quản trị giúp Công ty vận hành linh hoạt trước những thay đổi của môi trường kinh doanh và đồng thời góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, chất lượng tương tác với cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan. Đây là cơ sở để AgriS củng cố nền tảng phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới tạo dựng giá trị dài hạn.

Niên độ 2025-2026, AgriS tiến hành đánh giá công tác quản trị công ty dựa trên 2 tiêu chuẩn tiên tiến nhất quốc tế: (1) Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD 2023, (2) Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN 2024 (ASEAN Scorecard).



THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD (2023)

Bộ nguyên tắc QTCT G20/OECD được phê chuẩn lần đầu vào năm 1999 và được liên tục sửa đổi để bao quát các diễn biến và vấn đề QTCT mới. Đây là chuẩn mực quốc tế về QTCT nhận được sự tín nhiệm của các nhà hoạch định chính sách, các nhà đầu tư, công ty và các bên liên quan khác trên toàn thế giới. Năm 2023, bộ nguyên tắc này được cập nhật phiên bản mới nhất, tập trung vào các yếu tố liên quan đến phát triển bền vững, bao gồm sự minh bạch về thông tin Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), quản lý rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và thúc đẩy trách nhiệm của ban lãnh đạo trong việc đảm bảo tính công bằng và trách nhiệm.

Niên độ 2025-2026, **AgriS tiếp tục thực hiện và đánh giá các hoạt động QTCT theo các tiêu chuẩn trong Bộ nguyên tắc QTCT G20/OECD**, được phân chia thành 6 nguyên tắc chính như sau:

A. Bảo đảm cơ sở cho khuôn khổ Quản trị Công ty hiệu quả

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động là cơ sở cho việc Quản trị Công ty hiệu quả của AgriS;
- Luôn đề cao và thúc đẩy tính minh bạch trong hoạt động quản trị giúp tăng cường niềm tin của Nhà đầu tư và các Bên liên quan;
- Cơ chế thực thi: Thiết lập các cơ chế giám sát và thực thi hiệu quả để đảm bảo rằng các quy định về quản trị công ty được tuân thủ nghiêm ngặt.

B. Quyền của Cổ đông, đối xử công bằng với Cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản

- Đảm bảo đầy đủ những quyền lợi của Cổ đông theo quy định pháp luật và tiếp nhận thông tin quan trọng của Công ty;
- Công bố mọi thỏa ước Cổ đông, bao gồm thỏa ước về thông tin của thành viên HĐQT; minh bạch và công khai thông tin;
- Đối xử công bằng với tất cả Cổ đông, tạo điều kiện cho các Cổ đông thiểu số tham gia họp ĐHĐCĐ.

C. Nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các trung gian khác

- Liên tục thu hút nguồn vốn "xanh" từ các nhà đầu tư nước ngoài, trở thành điểm đến ưa thích của các tổ chức tài chính hàng đầu khu vực;
- Cung cấp thông tin tài chính và phi tài chính một cách minh bạch, rõ ràng và kịp thời và luôn đáp ứng yêu cầu của các cơ quan quản lý thị trường, các quy định của thị trường chứng khoán nhằm duy trì niềm tin của các Nhà đầu tư tổ chức.

D. Công bố thông tin và minh bạch

- Minh bạch tài chính: Công ty CBTT tài chính một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời, bao gồm BCTC hàng năm, báo cáo giữa kỳ và các thông tin tài chính quan trọng khác;
- Thông tin phi tài chính: Công ty cũng cần công bố các thông tin phi tài chính như các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị (ESG), giúp các nhà đầu tư và các Bên liên quan;
- Công khai thông tin về quản trị công ty: Các công ty cần công khai thông tin về cấu trúc quản trị, bao gồm thành phần và hoạt động của HĐQT, các ủy ban và các chính sách QTCT;
- Cơ chế giám sát và kiểm tra: Thiết lập các cơ chế giám sát và kiểm tra để đảm bảo rằng các thông tin được công bố là chính xác và đáng tin cậy.

E. Trách nhiệm của HĐQT

- Thành viên HĐQT được phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, hành động vì lợi ích tốt nhất của Công ty;
- Đảm bảo đủ số lượng thành viên độc lập HĐQT, niên độ 2025-2026, AgriS có 2/6 thành viên độc lập HĐQT;
- Chủ tịch HĐQT hoàn thành trách nhiệm của mình đối với hiệu quả hoạt động HĐQT và hoàn toàn tách biệt với TGĐ;
- Xây dựng quy trình KTNB hiệu quả, thiết lập chức năng KTNB dưới sự giám sát của HĐQT và UBKT.

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

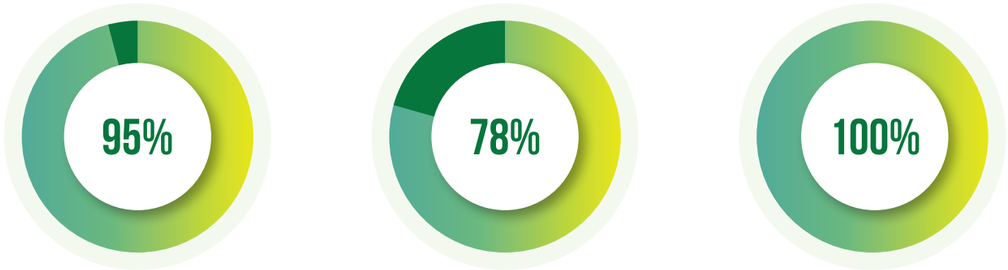
F. Bền vững và năng lực chống chịu

- Quản lý rủi ro: Công ty thiết lập các hệ thống QLRR hiệu quả để nhận diện, đánh giá và giảm thiểu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và khả năng chống chịu của công ty;
- Phát triển bền vững: Công ty tích hợp các yếu tố bền vững vào chiến lược kinh doanh, bao gồm các vấn đề về ESG, nhằm đảm bảo sự phát triển dài hạn và bền vững. AgriS thực thi chiến lược PTBV thông qua các hoạt động về trung hòa carbon, tập trung phát triển vùng nguyên liệu organic, đa dạng hóa chuỗi giá trị sản phẩm từ cây trồng tiến tới đạt Net Zero vào năm 2035.
- Minh bạch và công khai thông tin: Đảm bảo rằng Công ty CBTT liên quan đến các hoạt động bền vững và năng lực chống chịu một cách minh bạch và kịp thời, giúp các nhà đầu tư và các Bên liên quan khác có thể đưa ra các quyết định sáng suốt;
- Đổi mới và thích ứng: AgriS chủ động xây dựng các kế hoạch đổi mới và thích ứng với các thay đổi của thị trường và môi trường kinh doanh, nhằm duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Trách nhiệm xã hội: AgriS thực hiện trách nhiệm xã hội, bao gồm việc đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương song song bảo vệ môi trường.

THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN 2024 (ASEAN SCORECARD)

Năm 2024, Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN đã được cập nhật và công bố phiên bản mới nhất, nhấn mạnh hơn vào tính bền vững, tính minh bạch trong quản trị và việc tích hợp các yếu tố Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vào thực tiễn của Công ty. Đồng thời, Thẻ điểm ASEAN Scorecard 2024 cũng cải tiến các tiêu chí đánh giá để phù hợp với Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD 2023 với 149 câu hỏi của Thẻ điểm Tiêu chuẩn, 18 câu hỏi của Thẻ điểm Thưởng và 26 câu hỏi của Thẻ điểm Phạt.

Niên độ 2025-2026, AgiS tiếp tục hoàn thành tốt 181/193 câu hỏi, tương ứng đạt mức 94%, trong đó tổng số thẻ điểm Tiêu chuẩn được hoàn thành tốt là 141/149, đạt 95%. Thẻ điểm Thưởng hoàn thành Tốt 14/18 tiêu chuẩn, đạt 78%, Thẻ điểm phạt cũng tiếp tục duy trì hoàn thành Tốt 26/26 tiêu chuẩn, đạt 100%.



Nguồn: AgriS

ASEAN SCORECARD NIÊN ĐỘ 2025 - 2026

CẤP ĐỘ 1	CẤP ĐỘ 2	
149 Tiêu chuẩn cơ bản Hoàn thành tốt: 141/149	**18 Tiêu chuẩn thưởng** Hoàn thành tốt: 14/18	**26 Tiêu chuẩn phạt** Hoàn thành tốt: 26/26

Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động Quản trị Công ty theo Thẻ điểm ASEAN Scorecard của AgriS trong niên độ 2025-2026:

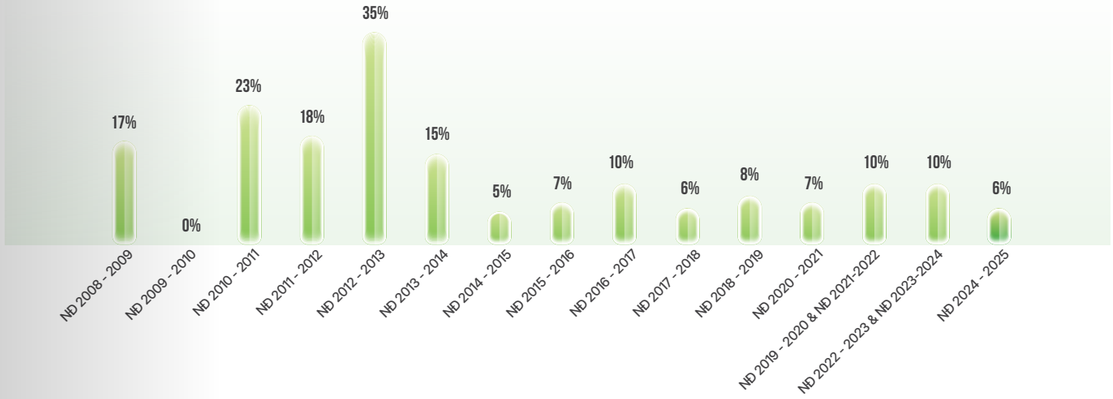
A. QUYỀN VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG

A.1 Quyền cổ đông cơ bản

A.1.1 Chính sách cổ tức

Kể từ khi chính thức niêm yết vào năm 2008, Công ty luôn duy trì chính sách cổ tức nhất quán, xem đó là một trong những cam kết quan trọng đối với Cổ đông. Chính sách này được thực hiện linh hoạt dưới cả hai hình thức chi trả bằng tiền mặt và cổ phiếu.

Tại ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025 tổ chức vào ngày 06/12/2025, *Nghị quyết số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ* của ĐHĐCĐ đã thông qua phê duyệt phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 6% cho niên độ 2024–2025. Sau đó, Công ty đã *báo cáo kết quả phát hành*,, hoàn tất việc chi trả theo nghị quyết này chỉ trong vòng 04 tháng (theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 29/04/2026, được công bố trên website Công ty), sớm hơn so với quy định của luật là 6 tháng, qua đó thể hiện sự chủ động và hướng tới thông lệ quản trị tốt.



A.2 Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết

A.2.1 Cổ đông hoàn toàn có quyền thể hiện ý kiến của mình với nội dung trên chương trình nghị sự, trong đó có thông qua thù lao của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông.

Điểm a, Khoản 2, Điều 11 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 11. Quyền của cổ đông

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;"

Theo đó, Cổ đông được quyền biểu quyết tất cả các nội dung biểu quyết thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, bao gồm việc biểu quyết hàng năm cho nội dung về thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với HĐQT.

Tại ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025, Nghị quyết số 08/2025/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ đã thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty và thư ký công ty niên độ 2025-2026 với số tiền là 20 tỷ đồng.

A.2.2 Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

AgriS luôn đề cao nguyên tắc minh bạch, công bằng và tôn trọng tuyệt đối quyền bầu cử, ứng cử của cổ đông. Không chỉ cổ đông kiểm soát mà mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên đều có quyền đề cử ứng viên vào Hội đồng Quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật.

Khoản 2, Điều 24 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ngày gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa năm (05) ứng viên; sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử đủ số ứng viên."

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

A.2.3 Quyền bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị

Công ty hoàn toàn cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên HĐQT thông qua cơ chế bầu dồn phiếu, bảo đảm sự minh bạch, công bằng và quyền tham gia trực tiếp của cổ đông trong quản trị doanh nghiệp.

Khoản 5, Điều 20 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng quản trị xác lập tại Thể lệ bầu cử.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị) quy định tại Điều lệ Công ty. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này, các ứng viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại)."

A.2.4 Công bố thủ tục biểu quyết trước ngày diễn ra ĐHĐCĐ

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử của mình, hằng năm, trước ngày diễn ra ĐHĐCĐ, Công ty có công bố các thủ tục biểu quyết tại Quy chế làm việc quy định các nội dung liên quan:

Điều 5: Điều kiện, cách thức tham dự ĐHĐCĐ và bỏ phiếu điện tử của Đại biểu

Điều 6: Cách thức ghi nhận Đại biểu biểu quyết

Điều 7: Thời gian bỏ phiếu điện tử

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu tham dự Đại hội

Điều 15: Biểu quyết tại Đại hội

Điều 16: Thông qua nghị quyết tại Đại hội

A.2.5 Thảo luận tại ĐHĐCĐ thường niên gần nhất

Cam kết đối thoại minh bạch và tôn trọng quyền cổ đông

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên gần nhất, Công ty tiếp tục khẳng định cam kết tạo điều kiện để cổ đông thực hiện đầy đủ quyền của mình, đặc biệt là quyền được cung cấp thông tin, quyền chất vấn và tham gia đóng góp ý kiến.

Trong khuôn khổ đại hội, Công ty luôn dành thời lượng phù hợp để lắng nghe các ý kiến, câu hỏi từ cổ đông, không giới hạn về phạm vi nội dung. Mọi câu hỏi đều được Hội đồng Quản trị và Ban điều hành tiếp nhận, phản hồi trực tiếp tại đại hội, đồng thời được ghi nhận trong biên bản họp và công bố công khai theo đúng quy định, trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc sự kiện.

Xem thêm Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông.

A.2.6 Công bố kiểm phiếu kết quả biểu quyết và bầu cử của ĐHĐCĐ thường niên gần nhất

Trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, căn cứ biên bản kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội và kết quả bầu cử (nếu có). Kết quả kiểm phiếu và bầu cử sẽ được đại diện Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp và được thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ.

A.2.7/A.2.8 Danh sách Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc tham dự ĐHĐCĐ thường niên gần nhất

Tại ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2024-2025, tất cả các thành viên HĐQT (5/5 thành viên) và Tổng Giám đốc của Công ty đều đến tham dự họp. Thông tin này cũng được thể hiện tại Biên bản họp, Mục II.3 Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự. Biên bản họp được công bố trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội.

Xem thêm Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2024-2025 tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông.

A. 2.9/2.10 Cách thức biểu quyết

Công ty luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất đến cổ đông nhằm giúp cổ đông thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bao gồm cho phép biểu quyết vắng mặt và sử dụng phiếu biểu quyết (không biểu quyết bằng cách giơ tay) tại ĐHĐCĐ.

Khoản 2, Điều 12 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty."

và Khoản a, Mục VI.2.6 của Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định:

"VI.2.6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ

a) Cách thức biểu quyết

i) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết 01 (một) thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

ii) Để tạo thuận lợi cho cổ đông, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin trong việc biểu quyết. Việc thực hiện sẽ được Công ty hướng dẫn cụ thể khi áp dụng các hình thức này.

iii) Trường hợp Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và trực tuyến, cổ đông thực hiện biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo Quy chế tổ chức họp và biểu quyết do HĐQT ban hành."

A. 2.11 Bên độc lập tham gia kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên

Công ty luôn đề cao tính minh bạch, khách quan và công bằng trong việc kiểm phiếu tại các cuộc họp ĐHĐCĐ.

Khoản 6, Điều 21 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;"

Tại ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025, ĐHĐCĐ đã thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu, trong đó có cổ đông độc lập là Bà Nguyễn Thị Loan tham gia công tác kiểm phiếu nhằm bảo đảm tính minh bạch và khách quan. Nội dung này được thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên NĐ 2024-2025, mục 3.e.

A.2.12 Công bố thông tin về kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Kết quả biểu quyết đối với tất cả các Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố trong Biên bản họp, được công bố công khai và kịp thời trong vòng 24 giờ kể từ khi thông qua.

Điều 22 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

[...]

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

[...]

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

[...]

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua."

ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025 tổ chức ngày 06/12/2025, Biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố vào 07/12/2025. Tại ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2025-2026 tổ chức ngày 24/07/2026, Biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố vào 25/07/2026.

A.2.13/A.2.14 Công bố thông tin trước họp ĐHĐCĐ

Công ty luôn đảm bảo thông báo ĐHĐCĐ thường niên và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày, đồng thời công bố thông tin các nội dung cần ĐHĐCĐ thông qua.

Khoản 3, Điều 17 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi tám (28) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và tại thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cụ thể bao gồm:

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp."

ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025, tổ chức ngày 06/12/2025. Công ty đã thực hiện CBTT về chương trình họp và tài liệu vào ngày 13/11/2025 (trước 23 ngày, tốt hơn thời gian quy định).

ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2025-2026, tổ chức ngày 24/07/2026, Công ty đã thực hiện CBTT về chương trình họp và tài liệu vào ngày 01/07/2026 (trước 23 ngày, tốt hơn thời gian quy định).

A.2.15 Quyền của Cổ đông về kiến nghị bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ và triệu tập ĐHĐCĐ

Cổ đông của Công ty có quyền đóng góp các vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của Cổ đông và có quyền triệu tập ĐHĐCĐ, thể hiện tại

Điểm a và Điểm d, Khoản 3, Điều 11 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 11. Quyền của cổ đông

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp sau đây. Việc triệu tập được thực hiện theo Điều 17 Điều lệ này, khi:

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội."

A.3 Thị trường giao dịch thâu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch

A.3.1 Thẩm quyền phê duyệt các dự án mua bán và sáp nhập:

Điểm d, Khoản 1 và Điểm h, Khoản 3 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông của Điều lệ Công ty quy định ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ: "Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;"

Điểm h, khoản 2 Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị của Điều lệ Công ty quy định: *"Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;"*

A.4 Tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức

A.4.1 Chương trình, hoạt động nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ

Định kỳ hằng năm, Công ty luôn tổ chức các sự kiện bên lề nhằm khuyến khích sự tham gia của các cổ đông với Đại hội đồng Cổ đông.

Chương trình Gặp gỡ, đối thoại Nhà đầu tư và các Bên liên quan thường niên:

- **Chương trình "AgriS Stakeholder Meeting 2025"** vào ngày 10/10/2025 cũng được tổ chức trước thềm Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2024-2025 với sự tham gia của hơn 130 Nhà đầu tư chuyên nghiệp và các Định chế tài chính hàng đầu, bao gồm Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Ngân hàng, Báo chí tài chính, và các Đối tác trong nước và quốc tế. Sự kiện nằm trong chuỗi đối thoại chiến lược thường niên do AgriS tổ chức, hướng đến mục tiêu tăng cường kết nối với thị trường vốn, thúc đẩy minh bạch thông tin và xây dựng nền tảng hợp tác lâu dài giữa Doanh nghiệp và Cộng đồng đầu tư.
- **SSI Earnings Call (29/01/2026):** AgriS cập nhật kết quả kinh doanh tới hơn 20 đại diện từ các quỹ đầu tư và công ty chứng khoán trong và ngoài nước, tạo điều kiện để Công ty trao đổi trực tiếp với cộng đồng đầu tư về kết quả hoạt động, triển vọng kinh doanh và các động lực tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.
- **Chương trình làm việc với các định chế tài chính Đài Loan (19/03/2026):** AgriS kết nối và làm việc với các định chế tài chính hàng đầu như First Commercial Bank, E.Sun Commercial Bank, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư thuộc hệ sinh thái E.Sun Financial Holding và First Financial Group cùng nhiều đối tác tài chính khác, qua đó mở rộng mạng lưới nhà đầu tư quốc tế và thúc đẩy cơ hội hợp tác trên thị trường vốn.
- **VNDIRECT Earnings Call (14/08/2026):** Chương trình có sự tham dự của 15 đại diện đến từ các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và tổ chức tài chính, tạo cơ hội để AgriS cập nhật kết quả kinh doanh Quý IV và niên độ 2025–2026, tiến độ các kế hoạch, dự án và định hướng chiến lược đến năm 2030, đồng thời trao đổi trực tiếp về các vấn đề nhà đầu tư quan tâm.

Ngoài ra, Phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IR) cũng duy trì hoạt động Công bố thông tin, cung cấp thông tin song ngữ cho các Bên liên quan một cách trung thực, kịp thời, minh bạch:

	CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	KÊNH CUNG CẤP THÔNG TIN ĐA DẠNG
Chủ động cung cấp thông tin đến Nhà đầu tư/Cổ đông hiện tại và tiềm năng		
1	CBTT theo các quy định hiện hành và hướng đến các chuẩn mực quốc tế cao hơn.	• Website Công ty • Cổng CBTT điện tử của UBCKNN, HOSE, HNX
2	Chủ động công bố những thông tin trọng yếu, được đánh giá là có ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà đầu tư/Cổ đông.	• Website Công ty • Email Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác
3	Đảm bảo thông tin cung cấp Nhà đầu tư/Cổ đông phản ánh đúng bản chất thông tin và hoạt động của doanh nghiệp.	• Website Công ty • Cổng CBTT điện tử của UBCKNN, HOSE • Email Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác
Nâng cao giá trị thị trường, nhận diện và thanh khoản của cổ phiếu		
4	Cung cấp và diễn giải các thông tin tài chính của Công ty định kỳ hằng Quý.	• Website Công ty • Cổng CBTT điện tử của UBCKNN, HOSE • Email Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác
5	Thực hiện BCTN theo quy định của luật, chuẩn mực quốc tế IIRC và các tiêu chuẩn/thông lệ tiên tiến khác. BCTN được giám sát và đánh giá độc lập bởi Phòng KTNB Công ty.	
6	Báo cáo Phát triển bền vững được lập theo Chuẩn mực GRI và tiếp tục được thực hiện bảo đảm giới hạn (Limited Assurance) bởi đơn vị kiểm toán Big4 cho một số chỉ tiêu trọng yếu.	
7	Chủ động cập nhật các tiêu chí, phối hợp cùng Ban lãnh đạo và các phòng ban đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn để cổ phiếu SBT tiếp tục có mặt trong các bộ chỉ số quan trọng của HOSE và VNSI, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận của nhà đầu tư tổ chức.	• Các kênh thông tin đại chúng • Báo chí
8	Trao đổi, cung cấp thông tin cho các Chuyên gia phân tích của các CTCK, các quỹ đầu tư và tổ chức tài chính để thực hiện các báo cáo phân tích, định giá cổ phiếu SBT.	• Các hội nghị đầu tư do CTCK tổ chức trực tuyến • Email, meeting với các Chuyên gia tài chính • Agris tổ chức
Tích cực kết nối, giao tiếp với Nhà đầu tư/Cổ đông		
9	Cập nhật diễn biến và hoạt động của Công ty định kỳ qua email cho Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính và Đối tác	• Website Công ty • Email Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính và Đối tác
10	Tổ chức các sự kiện hội nghị trực tiếp và trực tuyến (Conference Call) với các Nhà đầu tư/Cổ đông và Chuyên gia tài chính	• Tổ chức trực tiếp hoặc qua các kênh trực tuyến
11	Tích cực tham gia các sự kiện thị trường vốn trong và ngoài nước được tổ chức bởi các định chế tài chính	• Các hội nghị đầu tư và thị trường vốn trong và ngoài nước, trực tiếp hoặc thông qua các kênh trực tuyến
12	Cập nhật hoạt động của Công ty thông qua Bản tin Nhà đầu tư định kỳ, website và email cho Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính, Đối tác.	• Website Công ty • Email Nhà đầu tư, Cổ đông, Chuyên gia tài chính và Đối tác.

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

A.5 Cổ phiếu và quyền biểu quyết

A.5.1 Công ty hiện đang có 2 loại cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi. Công ty luôn công bố công khai số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu tại Điều lệ Công ty, trang thông tin điện tử và các báo cáo định kỳ gửi Sở GDCK.

Khoản 1 và Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 9.280.263.750.000 VNĐ (Bằng chữ: Chín nghìn hai trăm tám mươi tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 928.026.375 (Chín trăm hai mươi tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm) cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

a. Số lượng cổ phần phổ thông: 906.415.042 (Chín trăm lẻ sáu triệu bốn trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi hai) cổ phần."

b. Số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi: 21.611.333 (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm mười một nghìn, ba trăm ba mươi ba) cổ phần.

Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này."

Điểm a, Khoản 2, Điều 11 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 11. Quyền của cổ đông

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;"

A.6 Thông báo ĐHĐCĐ

A.6.1 Từng nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ được thể hiện cụ thể thành từng vấn đề riêng biệt, không gộp từ 2 hay nhiều vấn đề độc lập với nhau vào 1 vấn đề để trình ĐHĐCĐ phê duyệt. Mỗi nghị quyết được thông qua đều được công bố trong vòng 24 giờ.

Tỷ lệ tán thành, không tán thành của từng Nghị quyết được nêu cụ thể tại Biên bản họp ĐHĐCĐ và được công bố trong vòng 24 giờ sau khi được thông qua.

Tại ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025, mỗi Nghị quyết ĐHĐCĐ chỉ liên quan đến một nội dung. Cụ thể:

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2024-2025 và kế hoạch niên độ 2025-2026 của Ban Điều hành;
- Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ niên độ 2024-2025 và định hướng hoạt động cho niên độ 2025-2026 của Hội đồng quản trị;
- Nghị quyết số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Báo cáo hoạt động niên độ 2024-2025 và kế hoạch niên độ 2025-2026 của Ủy ban Kiểm toán;
- Nghị quyết số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ 2024-2025 (01/07/2024 - 30/06/2025) đã được kiểm toán;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2024-2025 (01/07/2024 - 30/06/2025);
- Nghị quyết số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tỷ lệ phân phối lợi nhuận niên độ 2025-2026;
- Nghị quyết số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính niên độ 2025-2026;
- Nghị quyết số 08/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua thù lao của Hội đồng quản trị niên độ 2025-2026;
- Nghị quyết số 09/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua việc Đăng Ký, Lưu ký và Đăng ký niêm yết Trái Phiếu;
- Nghị quyết số 10/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Nghị quyết số 11/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Chủ trương về định hướng chiến lược phát triển của công ty giai đoạn 2025-2030;
- Nghị quyết số 12/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2024-2025.

Xem thêm Biên bản họp, từng Nghị quyết được thông qua tại ĐHĐCĐ 2024-2025 tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông

A.6.2 Ngôn ngữ của thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ

Các công bố thông tin về thông báo và tài liệu và biên bản họp ĐHĐCĐ, Công ty đều sử dụng 2 ngôn ngữ là Tiếng Việt và Tiếng Anh, được công bố cùng một thời điểm.

Xem thêm các tài liệu công bố của họp ĐHĐCĐ tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông

A.6.3 Công bố thông tin ứng viên bầu cử thành viên HĐQT

Trong trường hợp Công ty có bầu cử thành viên HĐQT, trước ĐHĐCĐ, tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/ bầu chọn lại được công bố thông tin trên website Công ty.

Tại ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2025-2026, Công ty đã công bố thông tin sơ yếu lý lịch ứng viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT là Bà Đặng Huỳnh Ức My và Ông Thái Văn Chuyện.

Xem thêm các công bố tin sơ yếu lý lịch các ứng viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông

A.6.4 Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập là một vấn đề trình ĐHĐCĐ và được trình bày trong tài liệu họp ĐHĐCĐ và được Công ty công bố tối thiểu mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc đại hội.

Tại ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025, Công ty đã công bố thông tin Tờ trình số 04 về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính niên độ 2025-2026.

Kết quả, Nghị quyết số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ đã thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính niên độ 2025-2026. Qua đó, giao HĐQT quyết định lựa chọn 1 trong 4 Công ty kiểm toán thuộc danh sách nói trên.

Xem thêm công bố thông tin về Tờ trình số 04 và Nghị quyết số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông.

A.6.5 Giấy ủy quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện thuận lợi nhất để cổ đông có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp các cổ đông không tham dự được ĐHĐCĐ, Công ty đã gửi Thư mời và đính kèm mẫu Giấy ủy quyền tham dự và biểu quyết đến tất cả Cổ đông. Giấy ủy quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ cũng là một phần của bộ tài liệu ĐHĐCĐ và được Công ty công bố chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc đại hội. Cổ đông cũng có thể tự lập giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

Xem thêm công bố thông tin mẫu Giấy ủy quyền tham dự và biểu quyết tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông.

A.7 Giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân

A.7.1 Báo cáo các giao dịch liên quan đến cổ phiếu của thành viên HĐQT

Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật và chủ động giám sát thông tin giao dịch của Người nội bộ. Trường hợp phát sinh giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ (Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và người nội bộ khác theo quy định pháp luật) và người có liên quan của người nội bộ, Công ty đảm bảo thực hiện CBTT tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến giao dịch trên website Công ty và gửi đến các đơn vị liên quan như Sở GDCK, UBCK.

Niên độ 2025-2026, Công ty không có các vi phạm liên quan đến công bố thông giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Xem thêm các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Thông tin cổ phiếu trang 258.

A.8 Giao dịch với các bên liên quan của thành viên HĐQT và BĐH

A.8.1 Một tiểu ban bao gồm thành viên độc lập HĐQT thực hiện rà soát giao dịch với các Bên liên quan

Nhằm tăng cường tính minh bạch và kiểm soát rủi ro trong quản trị doanh nghiệp, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, HĐQT Công ty đã ban hành Chính sách giao dịch với bên liên quan theo Nghị quyết số 51i/2024/QĐ-HĐQT ngày 17/09/2024.

Khoản 6.3 Điều 6 của Chính sách giao dịch với các bên liên quan quy định:

"Điều 6. Rà soát và chấp thuận

6.3 GDBLQ trên Ngưỡng trọng yếu phải được báo cáo cho Ủy ban Kiểm toán (*) trực thuộc HĐQT để rà soát và có kiến nghị rõ ràng lên HĐQT để chấp thuận như sau:

a. Tất cả các GDBLQ có giá trị trên Ngưỡng trọng yếu và dưới 10% doanh thu hợp nhất hàng năm của Công ty theo theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất sẵn có sẽ do HĐQT chấp thuận (từ chối), nhưng phải phù hợp với Điều lệ công ty, Pháp luật và các quy định của Việt Nam, nếu được yêu cầu.

b. Tất cả các GDBLQ có giá trị trên 10% doanh thu hợp nhất hàng năm của Công ty theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất sẵn có sẽ do Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận (từ chối), nhưng phải phù hợp với Điều lệ công ty, Pháp luật và các quy định của Việt Nam, nếu được yêu cầu."

(*) Ủy ban Kiểm toán của Công ty gồm tất cả các thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

A.8.2 Thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích

Tại Điều lệ Công ty và Chính sách giao dịch với các bên liên quan, Công ty quy định rõ Thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.

Khoản 4, Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Điều lệ Công ty và Điểm iv, Khoản 5.2, Điều 5. Tuân thủ các yêu cầu của luật pháp và cơ quan quản lý của Chính sách giao dịch với các bên liên quan quy định: *"Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty."*

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

A.8.3 Chính sách về cấp khoản vay cho thành viên HĐQT

Tại Điều lệ Công ty và Chính sách giao dịch với các bên liên quan, Công ty quy định rõ về cấp các khoản vay cho thành viên HĐQT.

Khoản 8, Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Điều lệ Công ty và Điểm 3, Khoản 5.4, Điều 5. Tuân thủ các yêu cầu của luật pháp và cơ quan quản lý của Chính sách giao dịch với các bên liên quan quy định:

"Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Riêng trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, thuộc thẩm quyền thông qua bởi Hội đồng quản trị.

b. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó."

A.9 Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng trong các giao dịch với các Bên liên quan

A.9.1/A.9.2

AgriS đã ban hành Chính sách giao dịch với các bên liên quan theo Nghị quyết số 51i/2024/QĐ-HĐQT ngày 17/09/2024, nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích và bảo vệ quyền lợi của Cổ đông thiểu số. Chính sách này thiết lập các nguyên tắc bắt buộc về nhận diện, rà soát, phê duyệt và công bố thông tin đối với tất cả các giao dịch có khả năng tạo ra lợi ích đặc thù cho các cổ đông lớn, lãnh đạo Công ty, hoặc Bên liên quan. Cụ thể:

"4.10 Dưới đây là các mục đích chung và mục đích cụ thể gắn với GDBLQ:

a. Tất cả các GDBLQ phải tuân thủ các điều khoản và điều kiện khách quan của thị trường, bao gồm nhưng không giới hạn giá trị và thời điểm của giao dịch tương ứng. Tất cả các GDBLQ phải được rà soát chặt chẽ và tuân thủ quy trình chấp thuận (hoặc bác bỏ) và được công bố công khai.

b. Bất kỳ GDBLQ của Công ty phải là giao dịch khách quan, và nên tránh cả trường hợp có khả năng xảy ra xung đột lợi ích. Nếu GDBLQ dẫn tới việc phân loại hoặc phát sinh tổn thất, Công ty phải đánh giá các yếu tố kiểm soát, rà soát vị trí của Bên liên quan tương ứng trong Công ty và vị thế của Công ty đối với giao dịch.

c. Phải có hồ sơ tài liệu cụ thể hoặc thỏa thuận chi tiết về GDBLQ, cả đối với trường hợp giao dịch định kỳ/ một lần.

Điều 5 Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và cơ quan quản lý

5.1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty,

5.2 Điều 291, 292, 293 và 294 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty

5.3 Điều 292. Giao dịch với người có liên quan và Điều khoản tương ứng tại Điều lệ Công ty

5.4 Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này và Điều khoản tương ứng tại Điều lệ Công ty

5.5 Các quy định khác có liên quan theo quy định của Pháp luật Việt Nam và IFRS.

6.1 HĐQT sẽ phân biệt giữa những GDBLQ không trọng yếu và có tác động tương đối không đáng kể đối với Công ty và những GDBLQ trọng yếu và có tầm quan trọng và tác động lớn hơn. Ngưỡng trọng yếu đối với Công ty là 5% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất ("Ngưỡng trọng yếu"). Để làm rõ, Ngưỡng trọng yếu không áp dụng với các giao dịch với Bên liên quan được xác định theo quy định pháp luật. Các GDBLQ theo quy định pháp luật được rà soát và chấp thuận bởi HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm.

6.2 GDBLQ dưới Ngưỡng trọng yếu phải được chấp thuận (không chấp thuận) trong quá trình hoạt động bình thường của Ban điều hành (BĐH), tuân thủ chính sách này và phân cấp thẩm quyền của Công ty, báo cáo với HĐQT số liệu tổng hợp hàng quý và hàng năm báo cáo cho cổ đông trong báo cáo tài chính.

a. BĐH phải nhận thức được về các loại rủi ro khác nhau có thể phát sinh từ những hoạt động này, như rủi ro tuân thủ và rủi ro danh tiếng.

b. Việc không lập kế hoạch và quản lý GDBLQ một cách đầy đủ có thể dẫn tới các trường hợp vi phạm quy định của cơ quan quản lý nhà nước, và do đó có thể ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng và cạnh tranh của Công ty cả trong ngắn và dài hạn.

6.3 GDBLQ trên Ngưỡng trọng yếu phải được báo cáo cho Uy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT để rà soát và có kiến nghị rõ ràng lên HĐQT để chấp thuận như sau: a. Tất cả các GDBLQ có giá trị trên Ngưỡng trọng yếu và dưới 10% doanh thu hợp nhất hàng năm của Công ty theo theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất sẵn có sẽ do HĐQT chấp thuận (từ chối), nhưng phải phù hợp với Điều lệ công ty, Pháp luật và các quy định của Việt Nam, nếu được yêu cầu."

B. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU

B.1 Việc công bố thông tin liên quan đến tính bền vững phải nhất quán, có thể so sánh và đáng tin cậy, đồng thời bao gồm thông tin quan trọng mang tính nhìn lại và hướng tới tương lai mà một nhà đầu tư hợp lý sẽ coi là quan trọng khi đưa ra quyết định đầu tư hoặc bỏ phiếu

B.1.1 Với định hướng tiên phong trong phát triển bền vững, Công ty xem ESG là kim chỉ nam xuyên suốt trong chiến lược và hoạt động sản xuất – kinh doanh. AgriS không chỉ tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, mà còn chủ động đánh giá, xác định và công bố các chủ đề ESG trọng yếu dựa trên Bộ tiêu chuẩn quốc tế bao gồm GRI, IFC, SDGs trong Báo cáo phát triển bền vững niên độ 2025–2026. Từ đó đưa ra những vấn đề có ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả hoạt động, uy tín doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các bên liên quan. Các chủ đề trọng yếu được Công ty xác định cụ thể theo ba khía cạnh: Kinh tế, Môi trường, Xã hội.

B.1.2 Công ty xác định biến đổi khí hậu không chỉ là một rủi ro toàn cầu mà còn là yếu tố trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến chuỗi giá trị nông nghiệp và chiến lược phát triển dài hạn của công ty. Vấn đề biến đổi khí hậu được chúng tôi lồng ghép trong nhiều chủ đề trọng yếu mà Công ty đã xác định và báo cáo, như: Phát thải khí nhà kính, Quản lý nguồn năng lượng, Quản lý nước bền vững, Quản lý đa dạng sinh học, Quản lý chất thải,...

Xem chi tiết tại Báo cáo Phát triển Bền vững niên độ 2025–2026

B.1.3 Công ty áp dụng các khuôn khổ báo cáo phát triển bền vững được quốc tế công nhận, trong đó trọng tâm báo cáo dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế như GRI, IFC, SDGs. Các chủ đề trọng yếu về Kinh tế, Môi trường và Xã hội được xác định thông qua quá trình đánh giá mức độ tác động và kỳ vọng của các bên liên quan, bảo đảm tính minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Xem chi tiết tại Báo cáo phát triển bền vững niên độ 2025–2026

B.1.4 Công ty không chỉ đặt ra định hướng phát triển bền vững cho công ty mà còn công bố lộ trình rõ ràng với các mục tiêu định lượng cụ thể, thể hiện cam kết mạnh mẽ của HĐQT trong Báo cáo phát triển bền vững niên độ 2025–2026. Các chỉ tiêu nổi bật bao gồm:

- Net Zero 2035
- 95% nước thải được tái sử dụng
- 100% sử dụng năng lượng tái tạo
- 100% diện tích VNL mía chuyển đổi áp dụng IPM
- 100% đạt chứng nhận "Zero waste to landfill"
- Mở rộng thêm 60% diện tích VNL organic
- Mở rộng thêm 70% diện tích vùng nguyên liệu đạt chứng nhận Bonsucro

B.1.5 Các kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các mục tiêu đã được đề xuất sẽ được đo lường đánh giá và công bố trong Báo cáo phát triển bền vững niên độ 2025–2026 của Công ty.

B.1.6 Trong Báo cáo Phát triển Bền vững niên độ 2025–2026, tất cả nội dung được trình bày trung thực, hợp lý, tuân thủ nghiêm túc quy định hiện hành, đồng thời tham chiếu và đáp ứng các chuẩn mực quản trị tiên tiến quốc tế. Báo cáo phát triển bền vững niên độ 2025-2026 được xem xét và phê duyệt bởi Ủy ban ESG trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu chính trong Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được đảm bảo có giới hạn bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

B.2 Khuôn khổ quản trị doanh nghiệp phải cho phép đối thoại giữa công ty, cổ đông và các bên liên quan để trao đổi quan điểm về các vấn đề bền vững

B.2.1/B.2.2 Công ty xác định gắn kết với các Bên liên quan là nền tảng then chốt trong quản trị doanh nghiệp bền vững. Công ty đã thiết lập một quy trình bài bản nhằm nhận diện các nhóm liên quan trọng yếu như cán bộ nhân viên, cổ đông/nhà đầu tư và người nông dân/doanh nông – những đối tượng có tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển dài hạn của Công ty.

Quy trình này bao gồm: (i) xác định đối tượng liên quan trực tiếp và gián tiếp, (ii) đánh giá mức độ ảnh hưởng và sự phụ thuộc lẫn nhau, (iii) tham vấn, đối thoại và tiếp nhận phản hồi qua khảo sát, hội thảo chuyên đề, báo cáo định kỳ, hoạt động quan hệ nhà đầu tư và các kênh trao đổi trực tiếp, (iv) tích hợp các phản hồi này vào kế hoạch hành động và chiến lược phát triển.

Nhờ vậy, quá trình tham vấn các Bên liên quan nội bộ trở thành một cơ chế phản hồi hai chiều, giúp Công ty củng cố niềm tin, tăng cường tính minh bạch, đồng thời đảm bảo rằng mọi quyết sách phát triển bền vững đều hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan.



Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

B.3 Khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo rằng hội đồng quản trị xem xét đầy đủ các rủi ro và cơ hội bền vững trọng yếu khi thực hiện các chức năng chính của mình trong việc xem xét, giám sát và hướng dẫn các thông lệ quản trị, công bố thông tin, chiến lược, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các vấn đề liên quan đến khí hậu, rủi ro về thể chất và chuyển tiếp

B.3.1 HĐQT soát xét để đảm bảo cơ cấu vốn và nợ được an toàn và phù hợp với mục tiêu chiến lược của Công ty

Hội đồng quản trị định kỳ xem xét, đánh giá cơ cấu vốn, cơ cấu nợ và các chỉ tiêu tài chính trọng yếu nhằm bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển, khẩu vị rủi ro của Công ty đã được xác định. Tại ngày 30/6/2026, hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu (D/E) ở mức 1,35 lần. HĐQT đánh giá cơ cấu vốn của Công ty được duy trì ở mức hợp lý và an toàn, với quy mô nợ vay thấp hơn vốn chủ sở hữu; các khoản vay ngắn hạn chủ yếu là hạn mức phục vụ nhu cầu vốn lưu động và được tái cấp định kỳ, phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty. Trên nền tảng đó, HĐQT tiếp tục định hướng đa dạng hóa nguồn vốn, gia tăng tỷ trọng nguồn vốn dài hạn và chủ động cân đối kỳ hạn nợ nhằm nâng cao tính ổn định, bền vững của cơ cấu vốn, duy trì khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính và bảo đảm hài hòa lợi ích của Công ty, cổ đông, chủ nợ và các bên liên quan. Công ty đồng thời công bố trên website các chính sách về cơ cấu vốn và quản lý nợ phải trả, được trích dẫn từ các quy định có liên quan tại Quy chế Quản trị tài chính của Công ty.

Xem thêm thông tin đánh giá cơ cấu vốn và cơ cấu nợ của HĐQT tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT, Đánh giá hoạt động của HĐQT trang 120

Xem thêm Chính sách về cơ cấu vốn và quản lý nợ phải trả, được trích dẫn từ các quy định có liên quan tại Quy chế Quản trị tài chính tại Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Văn bản Công ty.

B.4 Khuôn khổ quản trị doanh nghiệp cần công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan được quy định theo pháp luật hoặc thông qua các thỏa thuận chung và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, việc làm và sự bền vững về mặt tài chính của doanh nghiệp.

B.4.1 Các chính sách bảo vệ quyền lợi khách hàng

Công ty luôn nỗ lực bảo vệ và gìn giữ quyền lợi chính đáng của khách hàng thông qua việc cung cấp sản phẩm – dịch vụ chất lượng, an toàn và minh bạch. AgriS luôn cam kết không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời duy trì các kênh tiếp nhận và phản hồi thông tin một cách kịp thời, công bằng và tôn trọng. Ngoài ra, AgriS luôn duy trì đường dây nóng (hotline) để ghi nhận phản hồi về sản phẩm. Quy trình tiếp nhận & xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm cũng được xây dựng và đăng tải trên website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho người tiêu dùng.

B.4.2 Lựa chọn nhà cung cấp

Công ty xây dựng và áp dụng quy trình lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu thống nhất trên toàn hệ thống, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật.

Việc đánh giá và lựa chọn được thực hiện dựa trên các tiêu chí bao gồm:

- Năng lực tài chính và kỹ thuật;
- Chất lượng sản phẩm/dịch vụ;
- Giá cả cạnh tranh và hiệu quả chi phí;
- Tuân thủ tiêu chuẩn pháp lý, đạo đức kinh doanh và yêu cầu ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị).

Bên cạnh đó, Công ty đã ban hành và áp dụng Bộ Quy tắc Ứng xử dành cho Nhà cung cấp (Supplier Code of Conduct), quy định rõ các nguyên tắc về tuân thủ pháp luật, đạo đức kinh doanh, lao động – nhân quyền, an toàn – sức khỏe nghề nghiệp, và bảo vệ môi trường. Tất cả các nhà cung cấp đều được yêu cầu cam kết tuân thủ Bộ Quy tắc này như một điều kiện tiên quyết trong quá trình hợp tác.

Xem thêm nội dung tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Bộ quy chế ứng xử – Bộ Quy tắc Ứng xử dành cho Nhà cung cấp trang 160 và Bộ Quy tắc Ứng xử dành cho Nhà cung cấp tại Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Văn bản Công ty.

B.4.3/B.4.4 Các nỗ lực của Công ty trong việc xây dựng chuỗi giá trị thân thiện với môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững và đóng góp tích cực cho cộng đồng địa phương được thể hiện chi tiết trong Báo cáo Phát triển Bền vững niên độ 2025-2026 của Công ty và Chính sách phát triển bền vững tại Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Văn bản Công ty.

B.4.5 Công ty thực hiện các quy trình và biện pháp kiểm soát chặt chẽ nhằm phòng ngừa hành vi tham nhũng, gian lận và xung đột lợi ích trong toàn bộ hoạt động thông qua các quy trình kiểm soát nội bộ, cơ chế phê duyệt giao dịch và quy định về quà tặng, xung đột lợi ích. Quy chế phòng chống gian lận, tham nhũng được công bố trên Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Văn bản Công ty.

B.4.6 Quyền lợi của các chủ nợ luôn được Công ty bảo đảm thông qua việc duy trì cấu trúc tài chính an toàn, minh bạch và tuân thủ đầy đủ các cam kết tài chính. Công ty thực hiện báo cáo tài chính định kỳ, công bố thông tin kịp thời và đảm bảo thanh toán đúng hạn các nghĩa vụ nợ vay.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tài chính được thiết lập nhằm giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu đòn bẩy, khả năng thanh toán và khả năng trả nợ. Ngoài ra, Công ty duy trì xếp hạng tín nhiệm "vnA+", triển vọng "Ổn định" do tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập SaigonRatings đánh giá, phản ánh năng lực tài chính vững mạnh và mức độ tin cậy cao đối với các chủ nợ.

Xem thêm Chính sách về cơ cấu vốn và quản lý nợ phải trả, được trích dẫn từ các quy định có liên quan tại Quy chế Quản trị tài chính tại Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Văn bản Công ty.

B.4.7 Trong Báo cáo Báo cáo Phát triển Bền vững niên độ 2025–2026, Công ty đã công bố chi tiết, minh bạch các chủ đề trọng yếu về Kinh tế, Môi trường và Xã hội, được xác định dựa trên các bộ tiêu chuẩn quốc tế như GRI, IFC và SDGs. Mỗi chủ đề được trình bày rõ ràng về bối cảnh, phương pháp quản lý, kết quả thực hiện và các thành tựu nổi bật, phản ánh cách Công ty tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược phát triển tổng thể.

B.5 Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm

B.5.1 Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan có thể lên tiếng về những quan ngại hoặc khiếu kiện liên quan đến quyền lợi của mình. Thông tin liên hệ được công khai minh bạch trên Website tại mục Liên hệ hoặc mục Quan hệ Nhà đầu tư cũng như trong Báo cáo thường niên.

Bên cạnh đó, Công ty còn thiết lập "Kênh tố giác hành vi vi phạm" trực tuyến. Phòng Quản lý Rủi ro & Tuân thủ tiếp nhận, xử lý, phản hồi theo quy trình, bảo đảm thông tin được ghi nhận đầy đủ, xử lý kịp thời và minh bạch.

Thông tin liên lạc chính với AgriS:
- Trụ sở chính: Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam - SĐT: (0276) 375 72 50
- Văn phòng thương mại: 63 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, Hồ Chí Minh - SĐT: (028) 39 99 88 11
- Email: info@ttcagris.com.vn

Kênh tố giác hành vi vi phạm:
- Hotline: 19001750
- Email: info.rm@ttcagris.com.vn

B.6 Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng

B.6.1/B.6.2/B.6.3 Các chính sách về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi; các chương trình đào tạo và phát triển; khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động cho nhân viên

AgriS cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn, công bằng và phát triển bền vững cho toàn thể người lao động. Trong niên độ 2025–2026, Công ty tiếp tục duy trì và công bố rõ ràng các chính sách về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi, đồng thời tích cực triển khai các chương trình đào tạo, phát triển và khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động.

Chính sách sức khỏe, an toàn và phúc lợi

100% Người lao động tại AgriS tham gia thỏa ước lao động tập thể và công đoàn cơ sở. Phúc lợi cho Người lao động luôn được đảm bảo gồm lương, thưởng, bảo hiểm, khám sức khoẻ định kỳ, hỗ trợ nhà ở,... và các chương trình phúc lợi khác. Các chính sách luôn được công bố công khai nhằm đảm bảo mọi người lao động đều có quyền tiếp cận thông tin đầy đủ, minh bạch.

Đào tạo và phát triển nhân sự

AgriS triển khai nhiều khoá đào tạo, tập trung vào: nhằm phát triển năng lực chuyên môn, quản trị và kỹ năng mềm. Các chương trình được xây dựng theo khung năng lực chuẩn hóa và có đánh giá sau đào tạo để đảm bảo hiệu quả.

Khen thưởng và ghi nhận hiệu quả

Chính sách khen thưởng tại AgriS được thiết kế theo định hướng hiệu suất (KPI), gắn với các mục tiêu chiến lược dài hạn như: Doanh thu 60.000 tỷ đồng đến năm 2030, Cam kết Net Zero đến năm 2035. Hình thức ghi nhận đa dạng thưởng quý/năm, thưởng sáng kiến, vinh danh tại sự kiện nội bộ, gắn kết qua các hoạt động thi đua, khuyến khích cải tiến.

Xem thêm thông tin chi tiết về các chính sách cho Người lao động được thể hiện tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Nhân sự đào tạo trang 292 và Báo cáo Phát triển Bền vững niên độ 2025-2026 của Công ty.

B.7 Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.

B.7.1/B.7.2 Chính sách tố giác hành vi vi phạm

Công ty luôn đề cao nguyên tắc minh bạch và liêm chính trong quản trị, vì vậy đã thiết lập đầy đủ chính sách và quy trình tiếp nhận khiếu nại, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật, không phù hợp đạo đức, kể cả tham nhũng dành cho nhân viên.

Các kênh tố giác và thông tin liên hệ được công khai minh bạch trên website và trong Báo cáo Thường niên nhằm đảm bảo mọi cán bộ nhân viên đều có thể tiếp cận dễ dàng. Đồng thời, Công ty áp dụng cơ chế bảo vệ người tố giác khỏi mọi hình thức trả đũa hay phân biệt đối xử, qua đó khuyến khích tinh thần dám nói, dám bảo vệ giá trị đạo đức và lợi ích chung, góp phần xây dựng môi trường làm việc công bằng, an toàn và bền vững.

Mục 6.2.9 của Quy chế ứng xử quy định:

"6.2.9. Trách nhiệm báo cáo

1. CBNV phải có trách nhiệm báo cáo trung thực, đầy đủ, rõ ràng, chính xác và đúng thời gian cho các cấp thẩm quyền. Trong trường hợp để giải quyết công việc khẩn cấp ảnh hưởng ngay lập tức đến uy tín của Công ty, thì CBNV được quyền báo cáo vượt cấp, nhưng sau đó phải báo cáo lại với cán bộ quản lý trực tiếp.

2. CBNV phải có trách nhiệm báo cáo các hành vi vi phạm và các hành vi nghi ngờ có thể gây vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc tổn hại đến uy tín, công việc kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp nếu thấy không thuận tiện trong việc báo cáo trực tiếp thì CBNV có thể thực hiện việc báo cáo bằng cách điện thoại hoặc gửi email cho quản lý trực tiếp hoặc ĐVPT TTTT.

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

3. Trong bất kỳ trường hợp nào, Công ty đều nghiêm cấm mọi hành vi trả thù và/hoặc trừng phạt, trù dập hoặc phân biệt đối xử với bất kỳ dưới hình thức nào đối với người tố giác, trình báo trung thực về các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm quy định nội bộ của Công ty, quy định của pháp luật. Cơ chế bảo vệ người báo cáo vi phạm (bao gồm bảo mật danh tính, hỗ trợ pháp lý, kênh tiếp nhận độc lập và quy trình báo cáo công khai) được cam kết thực hiện nghiêm ngặt theo Quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm hiện hành của Công ty. Những người trình báo thông tin sai sự thật được xem là vu cáo và sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định của Công ty.

Khi Công ty tiến hành kiểm tra, xác minh vụ việc theo Quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm, CBNV có nghĩa vụ hợp tác trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan và không được che giấu, tiêu hủy chứng cứ.

Ngoài ra, công ty cũng xây dựng quy trình về tiếp nhận và tố giác hành vi vi phạm một cách bài bản và cam kết bảo mật thông tin & người tố giác.

Tại điểm i, j Khoản c Điều 4 của Quy trình tiếp nhận & xác định thông tin tố giác hành vi vi phạm, được công bố trên website quy định:

"Điều 4. Quy định chung

c. Ban tiếp nhận và xác minh

i. Bảo mật thông tin:

Công ty sẽ bảo mật thông tin và danh tính của người tố giác/tố cáo hành vi vi phạm. Danh tính của người tố giác/tố cáo sẽ không được tiết lộ đến bất kỳ ai ngoại trừ: nhân sự thuộc Ban tiếp nhận và xác minh; chuyên gia, điều tra viên được chỉ định bởi Ban tiếp nhận và xác minh; khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật.

Khi cung cấp danh tính người tố giác/tố cáo theo các trường hợp nêu trên, Ban tiếp nhận và xác minh sẽ thông báo trước đến người tố giác/tố cáo.

Các cá nhân gây rò rỉ hoặc tiết lộ thông tin Kênh tố giác sẽ bị xem xét xử lý theo quy định nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

j. Bảo vệ người tố giác/tố cáo:

Người tố giác/tố cáo sẽ được bảo vệ khỏi các hành động trả thù, phân biệt đối xử, quấy rối, đe dọa hay ngược đãi. Trong trường hợp người tố giác/tố cáo bị ảnh hưởng, người tố giác/tố cáo có thể liên hệ trực tiếp với Ban tiếp nhận và xác minh thông qua Kênh tố giác để được hỗ trợ kịp thời.

Các cá nhân/tổ chức có hành động nhằm hòng gây tổn hại đến sức khỏe/tinh thần của người tố giác sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật."

Email liên hệ để cung cấp thông tin phản hồi tố giác được công bố công khai: info.rm@ttcagris.com.vn

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

C.1 Cấu trúc sở hữu minh bạch

C.1.1/C.1.2 Công bố thông tin sở hữu cổ phần của cổ đông lớn

Thông tin về cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần đều được công bố công khai tại website công ty và báo cáo thường niên. Cụ thể, sở hữu của cổ đông lớn tại ngày 30/06/2026:

- CTCP Đầu tư Thành Thành Công: 14,84%
- Legendary Venture Fund 1: 15,79%
- Bà Đặng Huỳnh Ức My: 13,93%
- Bà Huỳnh Bích Ngọc: 7,32%

C.1.3 Công bố thông tin sở hữu cổ phần của HĐQT

Xem thêm thông tin chi tiết về sở hữu cổ phần của HĐQT được thể hiện tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Giới thiệu HĐQT trang 114.

C.1.4 Công bố thông tin sở hữu cổ phần của Ban Điều hành

Xem thêm thông tin chi tiết về sở hữu cổ phần của Ban Điều hành được thể hiện Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Giới thiệu Ban Điều hành trang 240.

C.1.5 Công bố thông tin về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh

Xem thêm thông tin chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh được thể hiện tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Hoạt đông công ty con, công ty liên kết trang 68 và Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố trên website.

C.2 Chất lượng của Báo cáo thường niên

C.2.1/C.2.2/C.2.3/C.2.4/C.2.5/C.2.6

Công ty thực hiện công bố Báo cáo thường niên gửi đến HOSE, UBCKNN và đăng tải công khai trên website của Công ty trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán năm. Báo cáo thường niên AgriS được trình bày trung thực, hợp lý và đáp ứng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tiên tiến cũng như phù hợp với các khuyến nghị từ Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN. Thiết kế và bố cục báo cáo được đầu tư kỹ lưỡng nhằm đảm bảo thông tin được trình bày một cách đầy đủ, minh bạch, dễ tiếp cận và dễ hiểu cho Cổ đông, Nhà đầu tư cũng như các bên quan tâm đến hoạt động của AgriS. Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026 được trình bày theo cấu trúc sau:

STT	Mục lục	Nội dung chính
1	Các thuật ngữ viết tắt	Các từ viết tắt được sử dụng trong báo cáo.
2	Mục lục	Mục lục báo cáo thường niên.
3	Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi của AgriS.
4	Cam kết về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026	Khẳng định trách nhiệm và cam kết về tính trung thực, đầy đủ và hợp lý của các thông tin được trình bày trong báo cáo.
A	**AGRIS - DẤU ẤN NIÊN ĐỘ**	
1	Thông điệp Chủ tịch HĐQT	Tóm tắt kết quả kinh doanh niên độ 2025-2026 và đề ra kế hoạch, định hướng hoạt động cho niên độ 2025-2026 và các niên độ tiếp theo.
2	Chia sẻ của Tổng Giám đốc	
3	Những con số nổi bật niên độ 2025-2026	Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính, sản xuất và vận hành nổi bật của AgriS trong niên độ 2025-2026.
4	Những sự kiện nổi bật niên độ 2025-2026	Các sự kiện quan trọng, dấu mốc đáng chú ý trong hoạt động của AgriS trong niên độ 2025-2026.
5	Giải thưởng nổi bật niên độ 2025-2026	Các danh hiệu, giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế mà AgriS đạt được trong niên độ 2025–2026.
6	Điểm nhấn tài chính 2021-2022 đến 2025-2026	Các thông tin về doanh thu, lợi nhuận, tài sản, và nguồn vốn giai đoạn 5 năm của Công ty
B	**TỔNG QUAN VỀ AGRIS**	
1	Hồ sơ doanh nghiệp	Giới thiệu tổng quan về Công ty, thông tin pháp lý, ngành nghề kinh doanh của AgriS
2	Quá trình hình thành và phát triển	Các cột mốc phát triển quan trọng trong hành trình hình thành và mở rộng của AgriS.
3	Hệ thống và mạng lưới của AgriS	Trình bày các hệ thống và mạng lưới hoạt động trong và ngoài nước, bao gồm: • Hệ thống vùng nguyên liệu xuyên biên giới • Hệ thống nhà máy • Hệ thống kho bãi • Hệ thống trung tâm 3S, trung tâm kinh doanh thiết bị cơ giới • Viện nghiên cứu nông nghiệp • Chi nhánh và văn phòng đại diện
4	Công ty con - công ty liên kết	Giới thiệu các đơn vị thành viên, công ty con và công ty liên kết đóng góp vào chuỗi giá trị chung của AgriS.
5	Chuỗi giá trị của cây trồng	Mô tả chuỗi giá trị cây trồng của AgriS, bao gồm: • Chuỗi giá trị cây mía • Chuỗi giá trị cây dừa • Chuỗi giá trị cây lúa (gạo)
6	Danh mục sản phẩm và dịch vụ đa dạng của AgriS	Giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ chủ lực của AgriS, bao gồm đường, thực phẩm và đồ uống, các sản phẩm gạo, chuối, điện, phân bón và dịch vụ giải pháp nông nghiệp tích hợp.
7	Kênh phân phối chính	Hệ thống kênh phân phối trong nước và quốc tế, các đối tác chiến lược.

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

STT	Mục lục	Nội dung chính
C	**QUẢN TRỊ CÔNG TY**	
1	Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế	Khung quản trị Công ty theo các chuẩn mực trong nước và quốc tế, đảm bảo minh bạch và công bằng.
2	Giới thiệu Hội đồng quản trị	Danh sách, tiểu sử tóm tắt, cơ cấu và vai trò của các thành viên Hội đồng quản trị.
3	Báo cáo của HĐQT	Trình bày kết quả hoạt động giám sát, định hướng và những quyết sách trọng yếu của HĐQT trong niên độ.
4	Định hướng chiến lược của HĐQT	Các định hướng chiến lược, kế hoạch hành động và ưu tiên phát triển của HĐQT trong giai đoạn tới.
5	Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT	Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động quản trị, điều hành và sự tuân thủ các quy định của Công ty trong niên độ.
6	Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán	Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán, kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và công tác kiểm toán trong năm.
7	Báo cáo của các Ủy ban khác trực thuộc HĐQT	Các hoạt động của các Ủy ban chuyên trách khác trực thuộc HĐQT, gồm: Ủy ban Điều hành, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Nhân sự, Ủy bản Quản trị rủi ro, Ủy ban Phát triển bền vững
8	Bộ Quy chế ứng xử	Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, chuẩn mực ứng xử và giá trị văn hóa doanh nghiệp mà AgriS cam kết duy trì trong toàn hệ thống.
9	Quản trị rủi ro	Đánh giá và quản lý rủi ro trong các hoạt động sản của AgriS.
10	Tuân thủ pháp luật	Tuân thủ pháp luật, quy định quản trị doanh nghiệp, và các cam kết minh bạch, trách nhiệm của AgriS với cơ quan quản lý.
11	Quan hệ Nhà đầu tư	Các hoạt động kết nối, đối thoại, cung cấp thông tin và tạo giá trị bền vững cho Cổ đông và Nhà đầu tư.
12	Báo cáo và phân tích quản trị công ty	Đánh giá chi tiết tình hình thực thi quản trị doanh nghiệp, mức độ tuân thủ Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN.
D	**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**	
1	Triển vọng ngành đường	Tổng quan và triển vọng phát triển của ngành đường Việt Nam và thế giới.
2	Triển vọng thị trường Thực phẩm và Đồ uống (F&B)	Đánh giá tiềm năng tăng trưởng của ngành F&B, xu hướng tiêu dùng mới.
3	Tận dụng lợi thế cạnh tranh, bứt phá trên phạm vi toàn cầu	Những lợi thế cạnh tranh của AgriS tạo nền tảng bứt phá trên thị trường quốc tế.
4	Giới thiệu Ban Điều hành	Danh sách, tiểu sử tóm tắt và vai trò của các thành viên Ban Điều hành.
5	Báo cáo của Ban tổng giám đốc về hoạt động trong năm	Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ 2025-2026 và những trọng tâm phát triển của niên độ tiếp theo.
6	Thông tin cổ phiếu	Thông tin và diễn biến giá và thanh khoản cổ phiếu trong niên độ 2025-2026 và thông tin về chính sách cổ tức của AgriS Xem chi tiết chính sách cổ tức tại Chính sách về cơ cấu vốn, quản lý nợ phải trả và cổ tức (Trích yếu từ Quy chế Quản trị Tài chính) được công bố trên Website Công ty
7	Hoạt động huy động vốn	Các hoạt động huy động vốn của AgriS trong niên độ 2025-2026
8	Hoạt động đầu tư	Các hoạt động đầu tư của AgriS trong niên độ 2025-2026
9	Hoạt động số hóa, công nghệ thông tin	Các hoạt động liên quan đến các công nghệ số hoá và quản lý hệ thống của AgriS
7	Hoạt động nghiên cứu và phát triển	Các hoạt động liên quan đến nghiên cứu và phát triển của AgriS
8	Quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng	Chuỗi cung ứng của AgriS và chiến lược cải thiện và phát triển chuỗi cung ứng, nâng cao năng lực cạnh tranh
9	Tài chính chuỗi cung ứng	Các chủ thể trong tài chính chuỗi cung ứng của AgriS và quy mô tiềm năng, kế hoạch mở rộng và phát triển trong tương lai
10	Đảm bảo chất lượng sản phẩm	Hoạt động đảm bảo chất lượng của AgriS niên độ 2025-2026, bao gồm các chứng nhận quốc tế về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và phản hồi tích cực từ khách hàng.
11	Nhân sự và đào tạo	Tình hình nhân sự của AgriS niên độ 2025-2026 và các hoạt động đào tạo, cải thiện phúc lợi và môi trường làm việc.
12	Chia sẻ của Nhân viên	Chia sẻ từ các nhân viên của Công ty thể hiện sự gắn kết, tự hào đồng hành cùng AgriS.
E	**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**	
1	Tổng quan các hoạt động phát triển bền vững của AgriS trong niên độ 2025–2026	Tóm tắt các hoạt động thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc giảm thiểu tác động môi trường, thúc đẩy các hoạt động cho cộng đồng và nâng cao hiệu quả quản trị, hướng đến mục tiêu Net Zero năm 2035.
F	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**	
1	Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 25/26 (VAS)	Cung cấp ý kiến của kiểm toán độc lập và các thông tin tài chính trong Báo cáo tài chính niên độ 2025-2026
2	Báo cáo tài chính kiểm toán riêng 25/26 (VAS)	
3	Thông tin liên hệ	Cung cấp thông tin liên lạc của Công ty



Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

C.3 Thù lao của thành viên HĐQT và Ban Điều hành

C.3.1/C.3.2 Thù lao của thành viên HĐQT

Công ty công bố đầy đủ và minh bạch thù lao dành cho các Thành viên HĐQT. Mức thù lao được xác định trên cơ sở chức danh, nhiệm vụ được phân công, việc tham gia các Ủy ban trực thuộc HĐQT và các trách nhiệm bổ sung khác. Theo cơ chế hiện hành, thù lao bao gồm mức thù lao Thành viên HĐQT và phụ cấp theo chức danh, trách nhiệm tại HĐQT và các Ủy ban, được xác định căn cứ vào mức độ tham gia thực tế.

Đối với Thành viên HĐQT không điều hành và Thành viên độc lập HĐQT, cơ cấu thù lao bảo đảm tính khách quan, độc lập và không gắn với các chỉ tiêu ngắn hạn hoặc cơ chế khuyến khích có thể làm suy giảm tính độc lập trong xem xét, quyết định. Thành viên HĐQT đồng thời giữ chức vụ điều hành được hưởng tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo chức danh điều hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Xem thêm Chính sách thù lao HĐQT tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT, Chính sách thù lao HĐQT trang 120.

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao niên độ 2025-2026	Thời gian làm việc trong niên độ
1	Bà Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT	4.620.000.000 đồng	01/07/2025 - 30/06/2026
2	Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	1.800.000.000 đồng	01/07/2025 - 30/06/2026
3	Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	2.940.000.000 đồng	01/07/2025 - 30/06/2026
4	Ông Trần Tấn Việt	Thành viên HĐQT	2.160.000.000 đồng	01/07/2025 - 30/06/2026
5	Ông Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập HĐQT	3.000.000.000 đồng	01/07/2025 - 30/06/2026

C.3.3/C.3.4 Thù lao của thành viên Ban Điều hành

Ban Điều hành được xem là đội ngũ nhân sự chủ chốt, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai chiến lược và thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty. Chính sách thù lao và thưởng của Ban Điều hành được thiết kế để gắn kết lợi ích giữa cá nhân và Công ty, đảm bảo thu hút, giữ chân và khuyến khích các lãnh đạo thực thi chiến lược bền vững. Cơ cấu thu nhập của Ban Điều hành bao gồm lương, thưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh và các phúc lợi khác theo chính sách chung của Công ty.

Xem thêm thù lao của thành viên Ban điều hành tại *Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026*, Báo cáo của HĐQT, Cơ cấu thu nhập, thời gian đảm nhiệm chức vụ, các khóa học tham gia của Ban TGĐ và Cán bộ quản lý tài chính trong niên độ 2025-2026 trang 133.

STT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập		Bắt đầu đảm nhiệm
			Lương	Thưởng	
1	Thái Văn Chuyện	Tổng Giám đốc	70%	30%	07/2024
2	Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	70%	30%	07/2024
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	70%	30%	07/2024
4	Huỳnh Văn Pháp	Phó Tổng Giám đốc	70%	30%	05/2025
5	Nguyễn Thị Lan Phương	Phó TGĐ Khối Cung ứng (miễn nhiệm 06/2026)	70%	30%	06/2025
6	Nguyễn Đức Hùng Linh	Phó Tổng Giám đốc	70%	30%	08/2025
7	Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc	70%	30%	02/2026

C.4 Công bố Giao dịch bên liên quan

C.4.1/C.4.2

Vui lòng xem nội dung đã trình bày tại mục A.8 Giao dịch với các bên liên quan của thành viên HĐQT và Ban Điều hành.

C.5 Giao dịch cổ phiếu của Thành viên HĐQT

C.5.1 Giao dịch cổ phiếu Công ty của người nội bộ

Vui lòng xem nội dung đã trình bày tại mục A.7.1 Báo cáo các giao dịch liên quan đến cổ phiếu của thành viên HĐQT.

C.6 Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán

C.6.1/C.6.2 Hằng năm, Công ty đều trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán. Trong niên độ 2025-2026, Công ty đã công bố thông tin về việc ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và niên độ 2025-2026 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY).

Niên độ 2025-2026, phí kiểm toán chủ yếu bao gồm dịch vụ tư vấn, hỗ trợ tuân thủ xác định giá trị giao dịch và thẩm định giá trị doanh nghiệp.

C.7 Phương tiện truyền thông

C.7.1 Báo cáo quý

Hàng quý, sau khi công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý, Công ty đều có các thông cáo báo chí về tình hình tài chính của Công ty. Ngoài ra hàng tháng, Công ty có thêm bản tin Nhà đầu tư thể hiện tất cả các hoạt động nổi bật của AgriS trong tháng vừa qua. Tất cả đều được gửi đến các Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác và được đăng công khai trên website công ty.

Xem thêm thông tin chi tiết thông cáo báo chí về tình hình tài chính về của Công ty tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Diễn giải Báo cáo tài chính.

Xem thêm thông tin chi tiết về các Bản tin nhà đầu tư tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Bản tin Nhà đầu tư.

C.7.2 Trang thông tin điện tử

Công ty luôn duy trì một trang thông tin điện tử chính thống, đưa trang thông tin này trở thành phương tiện kết nối với các Bên liên quan của Công ty (Cổ đông/Nhà đầu tư, Khách hàng, Người nông dân/Doanh nông, Nhà cung cấp, Chính quyền/Cơ quan Nhà nước, Cộng đồng địa phương, Cán bộ nhân viên). Tại website, AgriS đăng tải đầy đủ các thông tin liên quan đến công ty, tất cả đều được đăng tải dưới dạng song ngữ Anh - Việt công bố cùng thời điểm trên đại chỉ https://ttcagris.com.vn.

C.7.3 Đánh giá của chuyên gia phân tích

Trong niên độ 2025-2026, Cổ phiếu SBT tiếp tục nhận được nhiều đánh giá tích cực từ các đơn vị độc lập uy tín hàng đầu thị trường như CTCP Chứng khoán FPT, Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam, CTCP Chứng khoán Vietinbank,... thông qua các báo cáo được phát hành.

Bên cạnh đó, thông tin về Công ty và Cổ phiếu SBT cũng liên tục được cập nhật trên các trang báo tài chính, uy tín hàng đầu như Cafef, Vietstock, Tinnhanhchungkhoan, Báo đầu tư,...

C.7.4 Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo

AgriS luôn duy trì chính sách minh bạch, chủ động công bố thông tin và sự kiện quan trọng của Công ty thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau, bao gồm báo chí, phương tiện truyền thông đại chúng. Tất cả các sự kiện, hoạt động nổi bật của AgriS đều được đăng trên các phương tiện xã hội như Facebook, Linkedin,... các sự kiện lớn đều được các đầu báo hàng đầu tại Việt Nam đưa tin như VnExpress, Báo Lao động, Vietstock, CafeF,...

Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên gửi bản tin điện tử và email cập nhật đến cổ đông, nhà đầu tư và các chuyên gia tài chính, qua đó củng cố niềm tin của thị trường đối với hoạt động quản trị minh bạch và chuyên nghiệp của Công ty.

C.8 Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn

C.8.1/C.8.2/C.8.3

Căn cứ theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và tại Mục I Phụ lục 01 của Quy chế CBTT của AgriS ban hành theo Quyết định số 111/2024/QĐ-HĐQT ngày 06/02/2024 của HĐQT AgriS quy định về việc CBTT báo cáo tài chính và báo cáo thường niên như sau:

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	YÊU CẦU
1	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Điều 14 Thông tư 96)**		
1.1	BCTC Quý (khoản 3 Điều 14 Thông tư 96)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý;	• BCTC Quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ". • Nội dung Báo cáo: báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán Việt Nam. • Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC riêng và BCTC hợp nhất.
1.2	BCTC Bán niên được soát xét (khoản 2 Điều 14 Thông tư 96)	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	• BCTC Bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty. • Nội dung Báo cáo: báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán Việt Nam. • Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC riêng và BCTC hợp nhất. • BCTC Bán niên được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN. • Trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần, Công ty gửi BCTC kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty.
1.3	BCTC Năm đã được kiểm toán (khoản 1 Điều 10 Thông tư 96)	Trong 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	• BCTC năm: BCTC riêng, BCTC hợp nhất • Nội dung Báo cáo: báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán. • Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên (Điều 298 Nghị định 155). • BCTC Năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN. • Nếu kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC, Công ty phải công bố BCTC năm, BC kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.
Lưu ý	Khi công bố thông tin về các BCTC tại các tiểu mục 1.1, 1.2 và 1.3 nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.		
2	Báo cáo thường niên (khoản 2 Điều 10 Thông tư 96)	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	• Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số IV Thông tư 96; • Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.

C.9 Trang thông tin điện tử của công ty

C.9.1/C.9.2/C.9.3/C.9.4/C.9.5/C.9.6

Công ty luôn đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch theo đúng quy định pháp luật và thông lệ quốc tế về quản trị công ty.

Báo cáo tài chính qua các niên độ, Công ty đã công bố tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Báo cáo tài chính (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-tai-chinh?year=2026&cate=1).

Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông/báo chí, Công ty đăng tải tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Báo cáo phân tích (https://ttcagris.com.vn/bao-cao-phan-tich); Thông cáo báo chí (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/thong-cao-bao-chi-bctc?year=2026) và tích hợp trong các Bản tin Nhà đầu tư (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu?year=2026).

Đối với Báo cáo thường niên, Công ty công bố toàn bộ Báo cáo thường niên các niên độ chính thức trên Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Báo cáo thường niên (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-thuong-nien?year=2026).

Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường cũng được đăng tải công khai trên website để cổ đông có thể tiếp cận toàn bộ tài liệu trước thềm Đại hội. Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường được công bố ngay sau khi Đại hội kết thúc, giúp cổ đông nắm rõ các nội dung đã được thông qua cũng như kết quả biểu quyết. Tất cả đều được công bố công khai tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng cổ đông (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/dai-hoi-dong-co-dong?year=2025&cate=1).

Các tài liệu về hệ thống quản trị cũng được Công ty đăng tải trên website để cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm tải về nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin một cách minh bạch, công bằng và đầy đủ:

- Điều lệ công ty tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Hồ sơ doanh nghiệp, Điều lệ (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/ho-so-doanh-nghiep/dieu-le?year=2026).
- Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT,
- Quy chế tổ chức và hoạt động Ủy ban Kiểm toán tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Quản trị Công ty, Quy chế Quản trị (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/quan-tri-cong-ty/quy-che-quan-tri/quy-che-quan-tri-0?year=2026)
- Quy chế CBTT tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Công bố thông tin, Quy chế CBTT (https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin?year=2024&cate=1)
- Bộ quy chế ứng xử tại Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Quy chế ứng xử (https://ttcagris.com.vn/Quy-che-ung-xu)

Quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm tại Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Quy chế giải quyết góp ý, khiếu nại, tố cáo (https://ttcagris.com.vn/Quy-che-giai-quyet-gop-y)

C.10 Quan hệ Nhà đầu tư

C.10.1 Công ty luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để cổ đông/nhà đầu tư có thể dễ dàng liên hệ. Vì vậy các thông tin liên hệ với bộ phận quan hệ nhà đầu tư đều được công khai trên website của công ty. Cụ thể:

Phòng Quan hệ Nhà đầu tư

Địa chỉ: 63 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, Hồ Chí Minh

SĐT: (028) 39 99 88 11

Email: ir.info@ttcagris.com.vn

Xem thêm các thông tin về hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Quan hệ Nhà Đầu tư trang 176.

D. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

D.1 Vai trò và trách nhiệm của HĐQT

D.1.1/D.1.2/D.1.3

Quy chế quản trị công ty đều được công khai trên website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Quy chế quản trị.

Các văn bản, quyết định của công ty cần phải có sự phê duyệt của thành viên HĐQT đều được công bố công khai tại website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Công bố thông tin và bám sát các quy định pháp luật về CBTT.

Theo quy định tại Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT của Điều lệ Công ty, Mục VI.3.1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ HĐQT của Quy chế nội bộ về QTCT và Mục VI.2.1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị của Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT quy định rõ về vai trò và trách nhiệm của HĐQT một cách rõ ràng và có hệ thống.

D.1.4/D.1.5/D.1.6 Tầm nhìn, Sứ mệnh và Chiến lược kinh doanh của Công ty

HĐQT AgriS thực hiện rà soát, phê duyệt Tầm nhìn và Sứ mệnh của Công ty theo từng nhiệm kỳ của HĐQT. Tầm nhìn và Sứ mệnh của Công ty được công bố trên Website Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi.

Về chiến lược kinh doanh, Công ty có Ủy ban Điều hành gồm các thành viên HĐQT tổ chức và giám sát thực thi các mục tiêu chiến lược, bao gồm chiến lược phát triển bền vững theo tiêu chí ESG đã được phê duyệt. Định kỳ, Ủy ban Điều hành họp để trao đổi và quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược của Công ty một cách kịp thời và hiệu quả nhất. Đồng thời, những kết quả hoạt động và định hướng chiến lược kinh doanh cũng được HĐQT báo cáo và trình cho ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Xem thêm thông tin chi tiết về các chiến lược của HĐQT được thể hiện tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Định hướng chiến lược của HĐQT trang 136, và các Nghị quyết về định hướng chiến lược được thông qua tại ĐHĐCĐ, công bố trên website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

D.2 Cơ cấu HĐQT

Bộ Quy chế ứng xử

D.2.1 Ban hành và công bố Bộ Quy chế ứng xử

Công ty ban hành Bộ Quy chế ứng xử mới nhất vào tháng 07/2026 và đã công bố tài liệu trên website của Công ty, mục Thông tin doanh nghiệp, Quy chế ứng xử.

D.2.2 Phạm vi và đối tượng áp dụng

Bộ Quy chế ứng xử được áp dụng cho các cố vấn, CBNV của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa, thành viên HĐQT, Trung tâm và các Đơn vị thành viên nhằm đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy tắc ứng xử, cam kết về đạo đức nghề nghiệp trong quá trình tác nghiệp.

D.2.3 Giám sát tính tuân thủ Bộ Quy chế ứng xử

Đồng thời, AgriS cũng đã thiết lập rõ cơ chế triển khai và giám sát việc thực thi Bộ Quy chế ứng xử, được quy định tại các nội dung sau:

"6.3.8. Ứng xử khi có vi phạm

1. Đối với những hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm, Công ty khuyến khích việc thông báo ngay lập tức cũng như cam kết tạo điều kiện thuận lợi trong việc thông báo cho ĐVPT TTTT tiếp nhận thông báo 24/7.

2. Hành vi vi phạm là những hành vi không tuân thủ các quy định của pháp luật, Quy định trong quy chế này và các quy định nội bộ khác của Công ty hoặc xúi giục người khác làm như vậy vì một lý do nào đó. Hành vi vi phạm được xem là thực sự nghiêm trọng khi nó là hành vi trả thù. Công ty sẽ quyết định áp dụng các hình thức kỷ luật đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Nội quy lao động.

3. Khi đối mặt với vấn đề vi phạm hoặc khi có lý do chính đáng để nghi ngờ là hành vi vi phạm, mỗi CBNV cần phản ứng bằng cách thông báo ngay về vấn đề này, đặc biệt là các hành vi trả thù. Đặc biệt, Công ty luôn khuyến khích mỗi CBNV tự giác thú nhận khi có hành vi vi phạm. Công ty luôn dành sự khoan dung đúng mực đối với những trường hợp này.

7.2. Trách nhiệm của Đơn vị phụ trách Nhân sự (ĐVPT NS)

1. Phòng Nhân sự chịu trách nhiệm phổ biến các nội dung thuộc quy chế ứng xử này đến toàn thể CBNV cũng như tích cực tuyên truyền để tạo nên nhận thức thường xuyên của mỗi CBNV. ĐVPT NS đưa nội dung Quy chế ứng xử vào chương trình hội nhập bắt buộc đối với CBNV mới và tổ chức đào tạo, cập nhật định kỳ cho toàn thể CBNV.

2. Tiếp nhận những thắc mắc hay ý kiến góp ý về quy định này nói riêng và những vấn đề liên quan đến đạo đức nghề nghiệp, cung cách ứng xử nói chung để ngày càng hoàn thiện quy chế và các nội dung trong quy chế ứng xử trở thành chuẩn mực tốt nhất.

7.3 Trách nhiệm của Đơn vị phụ trách Thanh tra tuân thủ (ĐVPT TTTT)

1. Giữ vai trò là đơn vị kiểm tra và kiểm soát tính tuân thủ của mọi hoạt động trong công ty, ĐVPT TTTT chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả các thông tin liên quan đến việc không tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của Công ty, theo những xem xét của CBNV, là có thể gây ra những rủi ro không tốt cho Công ty.

2. Qua việc xem xét một cách bảo mật nhưng kịp thời và công bằng, ĐVPT TTTT nhanh chóng phản hồi thông tin cho CBNV, đồng thời phải xem xét và đề xuất các biện pháp xử lý để ngăn chặn rủi ro, thiệt hại cho Công ty.

7.4 Trách nhiệm của Cán bộ quản lý

Với vị trí là cán bộ quản lý, được kỳ vọng là không những hiểu và tuân thủ Quy chế ứng xử mà còn thể hiện với tư cách của một người định hướng, mẫu mực.

1. Đẩy mạnh sự tuân thủ:

a. Phải có biện pháp để đảm bảo CBNV cấp dưới của mình hiểu và nhận thức được rằng công việc và trách nhiệm của mỗi người đều chịu sự chi phối của Quy chế ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định, quy trình khác của Công ty. Luôn tạo ra những cơ hội để thảo luận về Quy chế ứng xử, cũng như tạo ra và duy trì một môi trường thoải mái để mỗi CBNV có thể đưa ra những thắc mắc hay mối quan tâm của mình.

b. Không khuyến khích, có hàm ý hoặc trực tiếp, chỉ đạo CBNV đánh đổi giá trị đạo đức để đạt được một mục tiêu công việc/kinh doanh nào đó.

c. Thực hiện những hành động hợp lý để ngăn chặn những hành vi vi phạm Quy chế ứng xử như là hành động giám sát đối với CBNV.

2. Quan tâm, lắng nghe, phản hồi và giải đáp các thắc mắc, ý kiến của các CBNV. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết sự việc thì cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo lên cấp trên trực tiếp hoặc ĐVPT TTTT để được hỗ trợ giải quyết.

7.5 Khiếu nại, xử lý vi phạm

1. Mọi CBNV phát hiện sai phạm, đều có nghĩa vụ báo cáo lên cán bộ quản lý trực tiếp hoặc ĐVPT TTTT/ĐVPT NS của Công ty.

2. CBNV vi phạm các quy định trên đây sẽ chịu các hình thức kỷ luật theo quy định của Công ty, pháp luật, đồng thời có trách nhiệm đền bù thiệt hại do vi phạm đó gây ra (nếu có). Việc phân loại mức độ vi phạm và hình thức xử lý tương ứng được áp dụng thống nhất theo bảng phân loại tại Quy chế phòng chống gian lận, tham nhũng và Quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm của công ty.

3. Kênh thông báo, tiếp nhận thông tin:

- *Đơn vị phụ trách: Đơn vị phụ trách Thanh tra tuân thủ*
- *Đường dây nóng số: 19001750*
- *Email: info.rm@ttcagris.com.vn*

Thành phần và cơ cấu HĐQT

D.2.4 Cơ cấu thành viên độc lập HĐQT

Hiện tại, HĐQT của AgriS có 2/6 thành viên là thành viên độc lập HĐQT, chiếm 40% và đảm bảo yêu cầu về số lượng thành viên độc lập theo quy định hiện hành. Các thành viên độc lập gồm có: Ông Trần Trọng Gia Vinh và Ông Lê Quang Phúc.

Công ty có kế hoạch tăng số lượng thành viên độc lập HĐQT lên mức ít nhất 50% số lượng thành viên HĐQT theo thông lệ tốt từ Thẻ điểm QTCT ASEAN.

D.2.5 Giới hạn nhiệm kỳ đối với thành viên HĐQT

Công ty có đặt ra giới hạn về nhiệm kỳ đối với thành viên HĐQT, cụ thể tại Khoản 1, Điều 24 của Điều lệ Công ty quy định:

"Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, nhưng phải bảo đảm số lượng thành viên độc lập tối thiểu theo khoản 4 Điều 276 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, và có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc."

D.2.6 Giới hạn vị trí thành viên HĐQT tại các công ty khác

Điểm ix, Khoản a, Mục VI.3.3 của Quy chế nội bộ về QTCT quy định:

"VI.3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT

1. Tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên HĐQT:

i. Không được đồng thời làm thành viên HĐQT hoặc hội đồng thành viên tại quá 05 công ty khác;"

Theo thông tin từ phần "Giới thiệu HĐQT" trang 114, tất cả thành viên HĐQT hiện tại của AgriS không có đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa năm (05) công ty khác.

D.2.7 Thành viên HĐQT điều hành đồng thời là thành viên HĐQT tại các công ty khác ngoài tập đoàn

100% Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đều là Thành viên không điều hành. Điều này khẳng định tính độc lập, minh bạch của HĐQT đối với hoạt động quản trị và định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Ủy ban Nhân sự

D.2.8 /D.2.13 Thành lập Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự được đổi tên từ Ủy ban Đề cử và đãi ngộ từ ngày 21/11/2024. HĐQT ủy quyền và giao cho Chủ tịch Ủy ban xây dựng bộ máy vận hành, nhân sự của Ủy ban trên cơ sở nội dung trình của Chủ tịch Ủy ban và báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất.

Ủy ban Nhân sự thực hiện chức năng nhiệm vụ sau:

- Tham mưu xây dựng, tổ chức và giám sát thực thi chính sách, chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng các tiêu chí đo lường hiệu suất và tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các quản lý cấp cao.
- Xem xét và đề xuất khung thù lao, lương thưởng, chế độ phúc lợi cho thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các quản lý cấp cao.
- Đề xuất và tham mưu xây dựng chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), cổ phiếu thưởng.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Quản lý người đại diện vốn của Công ty.

D.2.9/D.2.14 Cơ cấu Ủy ban Nhân sự

Ngày 06/08/2024, HĐQT phân công ông Trần Trọng Gia Vinh làm Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, bà Đặng Huỳnh Ức My làm Thành viên Ủy ban.

STT	Họ và Tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban
1	Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT	Thành viên Ủy ban

D.2.10/D.2.15 Chủ tịch Ủy ban Nhân sự

Chủ tịch Ủy ban Nhân sự là Ông Trần Trọng Gia Vinh – Thành viên độc lập HĐQT

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

D.2.11/D.2.16 Quy chế hoạt động của Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự trước khi được đổi tên chính là Ủy ban Đề cử và Đãi ngộ. Ngày 17/09/2024, HĐQT ban hành Quyết định số 52h/2024/QĐ-HĐQT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Đề cử và Đãi ngộ. Quy chế này được công bố trên Website Công ty, mục Quản trị Công ty, Quy chế quản trị.

D.2.12/D.2.17 Tham gia họp của các thành viên trong Ủy ban

Xem thêm thông tin chi tiết về các chiến lược của HĐQT được thể hiện tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT, Chi tiết tình hình tham gia các cuộc họp của hội đồng quản trị và các ủy ban trực thuộc trang 126.

STT	Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban	Số lượng cuộc họp tham dự
1	Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch Ủy ban	5/5
2	Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT	Thành viên Ủy ban	5/5

Ủy ban Kiểm toán

D.2.18 Thành lập Ủy ban Kiểm toán

HĐQT thành lập Ủy ban Kiểm toán và xác định năng lực của các thành viên, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban trong Quy chế hoạt động của UBKT. UBKT bao gồm 02 thành viên độc lập HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán thực hiện chức năng nhiệm vụ sau:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính, giao dịch với bên liên quan theo đúng chuẩn mực và quy định pháp luật; bao gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Rà soát hệ thống KSNB và QLRR.
- Tham mưu và kiến nghị HĐQT về công ty kiểm toán độc lập trước khi trình ĐHCĐ; theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán.
- Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ và tham mưu các vấn đề liên quan đến kiểm toán nội bộ.
- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

D.2.19 Cơ cấu Ủy ban Kiểm toán

Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT tiếp tục được duy trì 02 thành viên để đảm bảo các quy định tại Điều lệ Công ty và đáp ứng thông lệ quốc tế về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban
1	Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập	Chủ tịch Ủy ban
2	Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập	Thành viên Ủy ban

D.2.20 Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán là Ông Lê Quang Phúc – Thành viên độc lập HĐQT.

D.2.21 Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Ngày 06/08/2025, HĐQT ban hành Quyết định số 12c/2025/QĐ-HĐQT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Quy chế này được công bố trên Website Công ty, mục Quản trị Công ty, Quy chế quản trị.

D.2.22. Chủ tịch UBKT có trên 25 năm kinh nghiệm làm việc ở các vị trí quản lý cấp cao trong các doanh nghiệp vừa và lớn tại Việt Nam, cùng với chuyên môn sâu trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán

D.2.23 Tham gia họp của các thành viên trong Ủy ban

Xem thêm thông tin chi tiết về cuộc họp của thành viên trong Ủy ban tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT, Chi tiết tình hình tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Ủy ban trực thuộc trang 120.

STT	Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ trong Ủy ban	Số lượng cuộc họp tham dự
1	Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập	Chủ tịch Ủy ban	7/7
2	Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập	Thành viên Ủy ban	7/7

D.3 Quy trình của HĐQT

D.3.1/D.3.2/D.3.3/D.3.4/D.3.5

Căn cứ Mục VI.4.1, Mục VI.4.2 của Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT được công bố trên website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Quy chế quản trị có một số quy định liên quan đến cuộc họp HĐQT như sau:

- HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần, tối thiểu là 06 lần trong 1 năm và có thể họp bất thường. HĐQT phải lập kế hoạch họp định kỳ hàng năm.

Xem thêm kế hoạch họp HĐQT tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT, Kế hoạch hoạt động và lịch họp HĐQT niên độ 2026-2027 trang 135.

- Nội dung phiên họp thường kỳ bao gồm:
  i. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động kỳ trước, thông qua và bàn biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động kỳ này.
  ii. Thảo luận và quyết định những vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
  iii. Thông qua các quy chế, quy định được xây dựng mới hoặc được bổ sung sửa đổi thuộc thẩm quyền quyết định ban hành của HĐQT.
  iv. Thảo luận và quyết định các vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường HĐQT trong thời hạn 07 Ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị trong các trường hợp sau đây:
  ii. Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;
  iii. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  iv. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
  v. Có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty để bàn về báo cáo tài chính kiểm toán;
  vi. Khi HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- Các thành viên HĐQT không điều hành cần họp tối thiểu 1 lần mà không có sự hiện diện của các thành viên HĐQT điều hành để xem xét, thảo luận các vấn đề điều hành.
- Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT:
  i. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp.
  ii. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

Tất cả thành viên HĐQT của Công ty đều là thành viên không điều hành và trong niên độ 2025-2026, Công ty đã tổ chức 61 cuộc họp HĐQT. Xem thêm thông tin về cuộc họp của thành viên HĐQT tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT, Chi tiết tình hình tham gia các cuộc họp của hội đồng quản trị và các ủy ban trực thuộc trang 120.

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

Thông tin về cuộc họp HĐQT trong như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cuộc họp tham dự	Lý do vắng mặt
1	Bà Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT	61/61	
2	Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	60/61	Bận công tác khác
3	Ông Trần Tấn Việt	Thành viên HĐQT	61/61	
4	Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	61/61	
5	Ông Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập HĐQT	61/61	

D.3.6 Tài liệu họp HĐQT và quyền được cung cấp thông tin

Căn cứ Khoản 8, Điều 28 của Điều lệ Công ty quy định về thời gian gửi thông báo mời họp HĐQT như sau:

"Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty."

D.3.7/D.3.8 Người phụ trách QTCT và Thư ký Công ty

HĐQT quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thù lao đối với Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị của Công ty.

Niên độ 2025-2026, HĐQT Công ty đã bổ nhiệm Thư ký Công ty và Người phụ trách QTCT như sau:

- Ngày 15/07/2025, HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức vụ Thư ký Công ty đối với Bà Võ Thị Tuyết Oanh.
- Ngày 15/07/2025, HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm Ông Đinh Vũ Quốc Huy giữ chức vụ Người phụ trách QTCT kiêm Thư ký Công ty.

Ông Đinh Vũ Quốc Huy - Người phụ trách QTCT kiêm Thư ký Công ty là người có am hiểu sâu sắc và kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp chế. Ngoài ra, ông luôn tích cực tham gia các diễn đàn, hội thảo, tập huấn của VIOD, HOSE và UBCKNN để luôn cập nhật thông tin mới nhất về luật và thông lệ quản trị tốt. Xem thêm thông tin chi tiết về Ông Đinh Vũ Quốc Huy, nội dung chương trình đào tạo tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế, Nâng cao năng lực quản trị và thích ứng với các chuẩn mực mới trang 106.

Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty được thực hiện theo Khoản 5, Điều 156 của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách QTCT được quy định tại Khoản 3, Điều 281 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Đồng thời, Điều 33 của Điều lệ Công ty quy định về Thư ký Công ty và Người phụ trách QTCT như sau:

Điều 33. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. *Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;*

b. *Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;*

c. *Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;*

d. *Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;*

e. *Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.*

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. *Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;*

b. *Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;*

c. *Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;*

d. *Tham dự các cuộc họp;*

e. *Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;*

f. *Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán;*

g. *Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;*

h. *Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;*

i. *Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;*

j. *Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật."*

D.3.9 Tiêu chí lựa chọn HĐQT

Công ty công bố rõ ràng các tiêu chí để lựa chọn thành viên HĐQT cụ thể tại Mục VI.3.3 của Quy chế nội bộ về QTCT quy định:

"VI.3.3 Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT

a. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

i. *Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.*

ii. *Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.*

iii. *Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT hoặc thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác.*

iv. *Không tư vấn, làm việc, đầu tư, góp vốn hoặc là người quản lý hoặc người điều hành tại doanh nghiệp có hoạt động cạnh tranh trực tiếp hoặc có khả năng phát sinh xung đột lợi ích đáng kể với Công ty;*

v. *Không được làm thành viên HĐQT, hội đồng thành viên hoặc nắm giữ chức danh quản lý hoặc điều hành tại doanh nghiệp có hoạt động cạnh tranh trực tiếp hoặc có khả năng phát sinh xung đột lợi ích đáng kể với Công ty;*

vi. *Không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp có hoạt động cạnh tranh trực tiếp hoặc có khả năng phát sinh xung đột lợi ích đáng kể với Công ty;*

vii. *Thành viên HĐQT và người có liên quan không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp có hoạt động cạnh tranh trực tiếp hoặc có khả năng phát sinh xung đột lợi ích đáng kể với Công ty;*

viii. *Người có liên quan của thành viên HĐQT không phải là người quản lý hoặc người điều hành tại doanh nghiệp có hoạt động cạnh tranh trực tiếp hoặc có khả năng phát sinh xung đột lợi ích đáng kể với Công ty;*

ix. *Không được đồng thời làm thành viên hội đồng quản trị tại quá 5 công ty khác; và*

x. *Không có bất kỳ tranh chấp nào với Công ty, hoặc với Người quản lý hoặc Người điều hành của Công ty, bao gồm tranh chấp hiện hữu hoặc tranh chấp trong 3 năm gần nhất.*

Để làm rõ, trừ mục (iii) và (ix) điểm này, thuật ngữ "công ty khác" tại điều khoản này không bao gồm công ty con và công ty liên kết của Công ty.

b.Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a khoản này, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

i. *Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;*

ii. *Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;*

iii. *Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;*

iv. *Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;*

v. *Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.*

c. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm b khoản này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

D.3.10 Cách thức bầu cử thành viên HĐQT

Công ty công bố rõ ràng cách thức bầu cử thành viên HĐQT cụ thể tại Khoản b, Mục VI.3.4 của Quy chế nội bộ về QTCT quy định:

"VI.3.4. Cách thức ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT

b. Cách thức bầu thành viên HĐQT

i. *Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ.*

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phương thức bầu dồn phiếu do HĐQT xác lập tại Thể lệ bầu cử.

ii. *Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thành viên độc lập HĐQT) theo quy định tại Điều lệ. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT, các ứng viên thành viên độc lập HĐQT theo khoản 1 Điều 24 của Điều lệ, các ứng viên độc lập HĐQT sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập HĐQT). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập HĐQT, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại).*

iii. *Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong Thể lệ bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng."*

iv. *Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGĐ.*

v. *Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức, không còn tư cách Thành viên HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức, ngày Chủ tịch HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.*

D.3.11 Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

Công ty công bố rõ ràng về nhiệm kỳ của thành viên HĐQT cụ thể tại Khoản b, Mục VI.3.2 của Quy chế nội bộ về QTCT quy định:

"VI.3.2 Số lượng và nhiệm kỳ thành viên HĐQT

b. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục."

D.3.12/D.3.13 Công bố thù lao thành viên HĐQT và Ban Điều hành

Xem thêm nội dung chi tiết về thù lao thành viên HĐQT và Ban Điều hành tại mục C.3 Thù lao của thành viên HĐQT và thu nhập của Ban Điều hành.

Chính sách thưởng cho Ban Điều hành và nhân sự chủ chốt hiện nay chỉ thực hiện theo mục tiêu và kết quả công việc hàng năm, chưa thực hiện chính sách thưởng theo mục tiêu và kết quả công việc dài hạn. Công ty sẽ xem xét và có lộ trình thực hiện trong thời gian tới phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.

D.3.14/D.3.15/D.3.16 Kiểm toán nội bộ

Công ty thành lập Phòng KTNB làm đơn vị độc lập để hỗ trợ HĐQT thông qua UBKT bằng cách đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị. Trưởng phòng kiểm toán nội bộ hiện nay của Công ty là ông Huỳnh Thành Nhân.

Ủy ban Kiểm toán chỉ đạo, giám sát hoạt động của Phòng KTNB của Công ty; tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng và phát triển Phòng KTNB, bao gồm bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Trưởng KTNB, phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Phòng KTNB, theo dõi và báo cáo HĐQT về hoạt động và mức độ trưởng thành của Phòng KTNB. Xem thêm Quy chế tổ chức và hoạt động Ủy ban Kiểm toán tại Website Công ty, mục Quan hệ Nhà đầu tư, Quy chế quản trị.

D.3.17/D.3.18/D.3.19/D.3.20 Quản lý rủi ro

AgriS đã xây dựng và công bố hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro (QTRR) như một thành tố trọng yếu trong chiến lược phát triển bền vững. Hệ thống này được thiết kế dựa trên chuẩn mực quốc tế ISO 31000:2018, COSO ERM 2017, tham chiếu thông lệ IFC, OECD và triển khai dưới sự tư vấn của Ernst & Young Việt Nam. Mô hình vận hành được tổ chức theo 4 lớp chức năng: (i) HĐQT, UB QTRR - Định hướng và giám sát quản trị, (ii) Tổng Giám đốc/ Ban điều hành, phòng RPC - Điều hành và quản lý hệ thống, (iii) Chủ sở hữu rủi ro - Trực tiếp nhận diện, đánh giá, kiểm soát, xử lý, theo dõi rủi ro, (iv) UB Kiểm toán, kiểm toán nội bộ - Đánh giá độc lập về tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống QTRR và kiểm soát nội bộ.

AgriS đã định kỳ rà soát hiệu quả của hệ thống QTRR và kiểm soát nội bộ thông qua các công cụ như Hồ sơ rủi ro doanh nghiệp, RCSA – Risk and Control Self-Assessment, Business Process Mapping, hệ thống Chỉ số cảnh báo sớm KRI, cũng như khung Quản lý kinh doanh liên tục (BCM) và quy trình quản lý khủng hoảng. Kết quả rà soát, đánh giá được báo cáo định kỳ lên Ủy ban Kiểm toán và HĐQT, qua đó đảm bảo hệ thống luôn thích ứng, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn.

Trong Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị công ty, có trình bày về chức năng, nhiệm vụ của Uỷ ban Quản trị rủi ro. Ủy ban Quản trị rủi ro được HĐQT thành lập theo Nghị quyết HĐQT số 34/2024/NQ-HĐQT ngày 06/08/2024 với chức năng, nhiệm vụ:

Soát xét và tham mưu cho HĐQT xây dựng hệ thống quản trị rủi ro và tuân thủ (bao gồm cấu trúc quản trị rủi ro, chiến lược quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro,...);

- Tổ chức và giám sát thực thi các lớp quản trị rủi ro hiệu quả thuộc cấu trúc hệ thống quản trị rủi ro;
- Định hướng, chỉ đạo và giám sát việc triển khai công tác quản trị rủi ro và tuân thủ;
- Đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực về quản trị rủi ro;
- Tham mưu về việc ban hành các chính sách, quy trình về bảo vệ người tố giác, đảm bảo môi trường làm việc minh bạch, trong sạch và an toàn cho CBNV;
- Rà soát việc ban hành các văn bản lập quy cho toàn bộ hoạt động của Công ty, ngoại trừ các văn bản về quản trị công ty;
- Thẩm định các chốt kiểm soát rủi ro đối với các quy trình của Công ty.

Công ty cũng công bố cách rủi ro ưu tiên trong từng niên độ và thức quản lý các rủi ro quan trọng:

1. Rủi ro tài chính/chiến lược: Đánh giá tác động theo từng sản phẩm, thị trường và thời điểm áp dụng; Theo dõi thị trường, điều chỉnh kế hoạch tương mại, sản xuất và tồn kho; Rà soát dự báo nhu cầu, kế hoạch sản xuất.
2. Rủi ro vận hành & CNTT: Tăng cường phân quyền, giám sát, sao lưu và khả năng phục hồi; Làm rõ nguồn dữ liệu, trách nhiệm cập nhật và cơ chế kiểm tra.
3. Rủi ro môi trường & xã hội: Theo dõi mùa vụ theo vùng, phối hợp điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh; Rà soát giống, năng suất, diện tích, chất lượng; Triển khai chương trình giảm phát thải, tối ưu sử dụng tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học, duy trì an toàn lao động và phát triển cộng đồng.
4. Rủi ro kinh tế/thị trường: Đa dạng hoá nguồn cung, giám sát nhà cung cấp, tồn kho và năng lực logistics; Theo dõi thị trường, điều chỉnh kế hoạch tương mại, sản xuất và tồn kho; Theo dõi nguồn cung, thời gian giao hàng, giá đầu.

Xem thêm nội dung về Quản trị rủi ro tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Quản trị rủi ro trang 162.



D.4 Nhân sự trong HĐQT

D.4.1/D.4.3/D.4.4 Chủ tịch HĐQT

Căn cứ Điều 26 của Điều lệ Công ty nêu các quy định liên quan đến Chủ tịch HĐQT:

"Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. *Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.*

   Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời kỳ.

2. *Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:*

a. *Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;*

b. *Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;*

c. *Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;*

d. *Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;*

e. *Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;*

f. *Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ này, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty."*

Chủ tịch HĐQT là Bà Đặng Huỳnh Ức My, không phải là thành viên điều hành.

Ngoài ra, Công ty không có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm gần nhất.

D.4.2/D.4.5 Trưởng thành viên độc lập HĐQT

Chủ tịch HĐQT hiện không phải là thành viên độc lập HĐQT. Để phù hợp với định hướng chiến lược, Công ty chưa xem xét bổ nhiệm trưởng thành viên độc lập HĐQT

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

D.4.6 Tính đa dạng cao trong HĐQT

HĐQT Công ty luôn coi tính đa dạng là yếu tố then chốt nhằm bảo đảm hiệu quả quản trị và chất lượng ra quyết định.

- HĐQT gồm các thành viên có nền tảng chuyên môn, kinh nghiệm, giới tính, độ tuổi và góc nhìn đa dạng, phù hợp với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.
- HĐQT cần phải bao gồm tối thiểu hai phần ba (2/3) thành viên không điều hành, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách có hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và đảm bảo có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp;
- Các thành viên HĐQT được lựa chọn dựa trên sự cân bằng giữa năng lực quản trị, hiểu biết chuyên sâu về ngành, tư duy chiến lược và đạo đức nghề nghiệp, nhằm đảm bảo vai trò định hướng, giám sát và dẫn dắt AgriS phát triển bền vững. Xem thêm thông tin chi tiết về từng thành viên HĐQT được trình tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Giới thiệu HĐQT trang 114.

Theo đánh giá của Công ty, HĐQT đã hội đủ các điều kiện về năng lực và chuyên nghiệp như sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm quản trị, điều hành tại doanh nghiệp và phù hợp với yêu cầu của Công ty.

HĐQT của AgriS hiện tại có 02 thành viên là nữ, chiếm 40% tổng số thành viên HĐQT đương nhiệm. Điều này thể hiện sự đa dạng về giới trong HĐQT.

D.5 Hiệu quả hoạt động của HĐQT

D.5.1 Chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới sau khi được bổ nhiệm

Thành viên HĐQT mới sau khi được ĐHĐCĐ bầu chọn và tiếp nhận công việc tại Công ty thì sẽ được HĐQT xem xét phân công tham gia vào các Ủy ban thuộc HĐQT phù hợp với năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của thành viên mới. HĐQT và Ban Thư ký sẽ có chương trình giới thiệu cho thành viên mới tóm tắt các nội dung quan trọng từ các văn bản nội bộ như Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ủy ban mà thành viên mới tham gia. Ngoài ra, Công ty cũng giới thiệu về tình hình hoạt động của Công ty để thành viên mới có thể hiểu biết về Công ty một cách đầy đủ và nhanh nhất.

D.5.2 Đào tạo và phát triển cho thành viên HĐQT

AgriS luôn xem phát triển năng lực lãnh đạo là yếu tố trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực bền vững. Hằng năm, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo toàn diện dành cho toàn thể thành viên HĐQT, nhằm không ngừng nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động và chất lượng ra quyết định.

Công ty tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về quản trị công ty (QTCT) và lĩnh vực chuyên môn, được tổ chức bởi các đơn vị uy tín trong và ngoài nước. Bên cạnh các khóa học chính thức, AgriS còn khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình thực tế như tham quan, giao lưu, kết hợp với các kỳ họp HĐQT để mở rộng góc nhìn, cập nhật xu hướng quản trị tiên tiến. Xem thêm nội dung chương trình đào tạo và phát triển cho thành viên HĐQT tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Quy chế Quản trị Công ty thông lệ quốc tế, Nâng cao năng lực quản trị và thích ứng với các chuẩn mực mới trang 106.

Thông qua hoạt động đào tạo và phát triển liên tục, AgriS mong muốn xây dựng đội ngũ HĐQT có tầm nhìn chiến lược, tư duy hiện đại và năng lực lãnh đạo xuất sắc, góp phần đưa Công ty phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng trong khu vực.

D.5.3 Chương trình nhân sự kế thừa

AgriS đã thiết lập cơ chế về kế hoạch kế nhiệm đối với Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý chủ chốt khác thuộc thẩm quyền của HĐQT, nhằm bảo đảm tính liên tục trong quản trị, điều hành và hạn chế rủi ro gián đoạn hoạt động của Công ty.

Căn cứ Mục VI.3.7 của Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT quy định như sau:

"VI.3.7. Kế hoạch kế nhiệm đối với chức danh quản trị và điều hành chủ chốt

a. *HĐQT xem xét, phê duyệt và giám sát việc xây dựng kế hoạch kế nhiệm đối với Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý chủ chốt khác thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm bảo đảm tính liên tục trong quản trị, điều hành và hạn chế rủi ro gián đoạn hoạt động của Công ty.*

b. *Kế hoạch kế nhiệm phải được xây dựng trên cơ sở nhu cầu chiến lược, mô hình tổ chức, yêu cầu năng lực, tình hình nguồn nhân sự nội bộ, khả năng phát triển đội ngũ kế cận và các phương án xử lý trong trường hợp phát sinh thay đổi nhân sự đột xuất.*

c. *HĐQT có thể giao Ủy ban Nhân sự hoặc các Ủy ban giúp việc rà soát, cập nhật và báo cáo về kế hoạch kế nhiệm định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT."*

Như vậy, theo cơ chế này, kế hoạch kế nhiệm sẽ được xây dựng trên cơ sở nhu cầu chiến lược, mô hình tổ chức, yêu cầu năng lực, nguồn nhân sự nội bộ, khả năng phát triển đội ngũ kế cận và phương án xử lý khi phát sinh thay đổi nhân sự đột xuất. HĐQT chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt và giám sát; đồng thời có thể giao Ủy ban Nhân sự hoặc các Ủy ban giúp việc rà soát, cập nhật và báo cáo theo yêu cầu.

D.5.4/D.5.5/D.5.6/D.5.7 Đánh giá hoạt động của TGĐ, Ban Điều hành, HĐQT và các Ủy ban

Căn cứ Chương VI.6 của Quy chế nội bộ về QTCT quy định Đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Ban Điều hành, HĐQT xây dựng và đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn đã được quy định và xác lập trong quy chế. Kết quả đánh giá được trình bày trong báo cáo của HĐQT cho ĐHĐCĐ hàng năm.

Xem thêm chi tiết tại nội dung tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT trang 120 và Báo cáo Ban điều hành trang 248.

Phụ lục 1: Công ty tự đánh giá danh mục điểm thưởng theo thẻ điểm QTCT ASEAN

Ký hiệu	Điểm thưởng theo Thẻ điểm QTCT ASEAN	Thực hành tại AgriS niên độ 2025-2026
(B).A	**Quyền và đối xử công bằng với Cổ đông**	
(B).A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	Có. Tại Điểm d, Khoản 2, Điều 12 Điều lệ công ty quy định về nghĩa vụ của cổ đông nêu rõ *"Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình thông qua các hình thức sau* *d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử"*
(B).A.2.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	Đại ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2024-2025 diễn ra vào ngày 06/12/2025. Thư mời đã được gửi đi vào ngày 13/11/2025, 23 ngày trước khi ĐHĐCĐ diễn ra. Đảm bảo đáp ứng Điều lệ Công ty và quy định của luật.
(B).B	**Bền vững và khả năng chống chịu**	
(B).B.1.1	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu?	Có. Từ tháng 9/2024, AgriS chính thức thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro theo dõi và quản lý các rủi ro, cơ hội liên quan đến khí hậu và báo cáo cho Tổng giám đốc. Các cách thức quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu đều được trình bày chi tiết trong Báo cáo PTBV
(B).B.1.2	Công ty có công bố rằng Báo cáo Phát triển Bền vững được đảm bảo từ bên ngoài?	Có. Báo cáo phát triển bền vững được trình bày dưới sự hướng dẫn và đào tạo của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu - GRI Việt Nam. Ngoài ra, BCPTBV niên độ 2025-2026 được đảm bảo có giới hạn bởi Công ty TNHH kiểm toán Delloite Việt Nam.
(B).B.1.3	Công ty có công bố kênh tương tác với các bên liên quan và cách công ty phản hồi những quan tâm của các bên liên quan về ESG?	Có, Vui lòng xem nội dung công bố tại mục B.2.1/ B.2.2
(B).B.1.4	Công ty có đơn vị/bộ phận/ban chịu trách nhiệm cụ thể quản lý các vấn đề bền vững không?	Có, AgriS có thành lập Uỷ ban Phát triển bền vững trực thuộc Hội đồng quản trị với các chức năng chính như sau: 1. Tham mưu và tư vấn cho HĐQT các vấn đề về ESG và chiến lược phát triển bền vững 2. Giám sát việc triển khai và tính tuân thủ về ESG trong phạm vi hoạt động của AgriS, bao gồm các công ty thành viên 3. Quản trị cơ sở dữ liệu về ESG 4. Định hướng chiến lược truyền thông về ESG Ủy ban đóng vai trò tham mưu và tư vấn cho HĐQT, HĐQT sẽ chỉ đạo và định hướng hoạt động của ủy ban, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ nguồn lực và tạo điều kiện cho Ủy ban PTBV thực hiện vai trò, chức năng và nhiệm vụ một cách độc lập, minh bạch và hiệu quả.
(B).B.1.5	Công ty có công bố hoạt động giám sát của HĐQT/ủy viên HĐQT đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến tính bền vững?	HĐQT thành lập Ủy ban Quản trị rủi ro với chức năng, nhiệm vụ: • Soát xét và tham mưu cho HĐQT xây dựng hệ thống quản trị rủi ro và tuân thủ (bao gồm cấu trúc quản trị rủi ro, chiến lược quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro,...): • Tổ chức và giám sát thực thi các lớp quản trị rủi ro hiệu quả thuộc cấu trúc hệ thống quản trị rủi ro; • Định hướng, chỉ đạo và giám sát việc triển khai công tác quản trị rủi ro và tuân thủ; • Đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực về quản trị rủi ro; • Tham mưu về việc ban hành các chính sách, quy trình về bảo vệ người tố giác, đảm bảo môi trường làm việc minh bạch, trong sạch và an toàn cho CBNV; • Rà soát việc ban hành các văn bản lập quy cho toàn bộ hoạt động của Công ty, ngoại trừ các văn bản về quản trị công ty; • Thẩm định các chốt kiểm soát rủi ro đối với các quy trình của Công ty.

Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

Ký hiệu	Điểm thưởng theo Thẻ điểm QTCT ASEAN	Thực hành tại AgriS niên độ 2025-2026
(B).B.1.6	Công ty có công bố mối liên hệ giữa thù lao của giám đốc điều hành với quản lý cấp cao và hiệu quả hoạt động bền vững trong năm trước?	AgriS có xây dựng chính sách thu nhập cho Tổng giám đốc và các nhà điều hành cấp cao dựa trên việc đạt được các kế hoạch đề ra, trong đó bao gồm mục tiêu phát triển bền vững của công ty (bao gồm hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội). HĐQT đã đưa ra các mục tiêu và thực hiện đánh giá các hoạt động liên quan đến PTBV của Ban Tổng giám đốc hướng đến Net Zero 2035. Chi tiết xem tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của HĐQT trang 120. Ban Tổng giám đốc cũng đã báo cáo, đánh giá các hoạt động liên quan đến PTBV gồm các vấn đề về: môi trường, người lao động, trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương. Chi tiết xem tại Báo cáo thường niên niên độ 2025-2026, Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động trong năm trang 248. Thông tin về lương, thưởng, thu nhập của Tổng Giám đốc/ các thành viên điều hành khác, được xác định dựa trên khối lượng công việc và các mục tiêu cần đạt được, bao gồm cả mục tiêu PTBV. Thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc/ các thành viên điều hành được công bố tại BCTC hợp nhất kiểm toán niên độ 2025-2026, kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
(B).B.1.7	Hệ thống tố cáo của công ty có được quản lý bởi các bên/tổ chức độc lập không?	Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục triển khai và duy trì Quy trình tiếp nhận & Xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm đến với Đối tác, khách hàng, CBNV. *"Người tố giác/tố cáo có thể cung cấp thông tin thông qua các kênh sau:* • *Hotline: 1900 1750* • *Email: info.rm@ttcagris.com.vn (theo Mẫu "Thông tin tố giác/tố cáo – TT/QT-02/M01")* • *Microsoft Form: điền thông tin trực tuyến tại đường dẫn "Thông tin tiếp nhận"* *Cơ cấu Ban Tiếp nhận và xác minh:* *Được lựa chọn từ các phòng ban liên quan hoặc chuyên gia bên ngoài, có đủ năng lực và kinh nghiệm xử lý các vấn đề cần kiểm tra. Đảm bảo bao gồm:* • *Giám đốc QLRR, QT & TT hoặc thành viên được TGĐ quyết định Trưởng ban (Thành viên cố định)* • *Thành viên nhóm Thanh tra tuân thủ – Phó ban (Thành viên cố định)* • *Thành viên phụ trách hoạt động chuyên môn – Thành viên (Tùy theo bản chất sự vụ)* • *Thành viên phụ trách Pháp lý – Thành viên* • *Thành viên phụ trách Nhân sự – Thành viên"* • *Chuyên gia (Bên ngoài) – Thành viên*
(B).C	**Công bố thông tin và Minh bạch**	
(B).C.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	BCTC kiểm toán NĐ 2025-2026 được công bố trong 90 ngày theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

Ký hiệu	Điểm thưởng theo Thẻ điểm QTCT ASEAN	Thực hành tại AgriS niên độ 2025-2026
(B).D	**Trách nhiệm của HĐQT**	
(B).D.1.1	Công ty có ít nhất một thành viên độc lập HĐQT là nữ không?	Hiện tại công ty không có thành viên độc lập là nữ.
(B).D.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?	Có, Công ty đã công bố tại BCTN hằng năm về định hướng xây dựng HĐQT cân bằng, phù hợp với Nguyên tắc "Thiếp lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp theo Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất". Sự đa dạng trong cơ cấu thành viên HĐQT của AgriS: • 100% th*ành viên không điều hành* • *100% thành viên HĐQT có kinh nghiệm từ 15 năm trở lên trong ngành* • *100% thành viên HĐQT không đồng thời là thành viên HĐQT của quá 5 công ty khác* • *100% thành viên HĐQT có trình độ Tiến sỹ, Thạc sỹ và Cử nhân trở lên* • *40% thành viên HĐQT là nữ giới* • *40% thàn*h viên là thành viên độc lập HĐQT
(B).D.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT độc lập?	Có, Tại điều 5, chương II của Quy chế tổ chức và hoạt động Ủy ban đề cử và Đãi ngộ (nay là Ủy ban Nhân sự) quy định rõ về nhiệm kỳ, số lượng thành viên của Ủy ban. Cụ thể: *"Điều 5. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên của Ủy ban* 1. *Ủy ban có tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó phải có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập HĐQT, các thành viên còn lại không nhất thiết là TV HĐQT.* 2. *Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ủy ban do HĐQT quyết định từng thời kỳ.* 3. *Chủ tịch Ủy ban sẽ do HĐQT bổ nhiệm. Phụ thuộc nhu cầu quản trị của HĐQT từng thời điểm mà HĐQT có thể bổ nhiệm 01 (một) hoặc nhiều thành viên làm Phó Chủ tịch Ủy ban."* Ngày 06/08/2024, HĐQT phân công Ông Trần Trọng Gia Vinh – Thành viên độc lập HĐQT làm Chủ tịch Ủy ban Nhân sự; Bà Đặng Huỳnh Ức My – Chủ tịch HĐQT làm Thành viên Ủy ban Nhân sự.
(B).D.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	Có, Ủy ban Nhân sự thường xuyên xem xét, cập nhật và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng thành viên HĐQT nhằm bảo đảm năng lực, kinh nghiệm và tư duy chiến lược của các thành viên phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của AgriS. Xem nội dung trình bày tại mục D.2.8 đến D.2.12: Ủy ban Nhân sự
(B).D.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT?	Có, AgriS tìm nguồn ứng viên HĐQT từ các Bên thứ 3 như Viện thành viên HĐQT (VIOD).

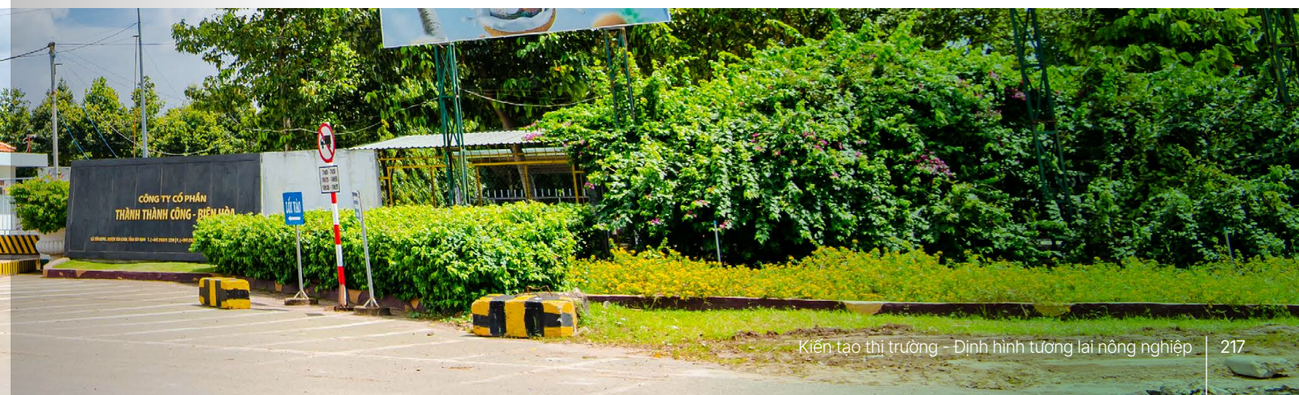
Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

Ký hiệu	Điểm thưởng theo Thẻ điểm QTCT ASEAN	Thực hành tại AgriS niên độ 2025-2026
(B).D.4.1	Công ty có số thành viên độc lập HĐQT không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT với chủ tịch là thành viên độc lập?	Hiện nay theo cơ cấu HĐQT của AgriS, cả 5 thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành công ty, trong đó có 2 TV HĐQT là thành viên độc lập. Cụ thể: • Bà Đặng Huỳnh Ức My - Chủ tịch HĐQT • Bà Huỳnh Bích Ngọc - Thành viên HĐQT • Ông Trần Tấn Việt - Thành viên HĐQT • Ông Trần Trọng Gia Vinh - Thành viên độc lập HĐQT • Ông Lê Quang Phúc - Thành viên độc lập HĐQT Tất cả TV HĐQT đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực chính mà Công ty đang hoạt động
(B).D.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm hoạ, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho hội đồng quản trị?	HĐQT thành lập Ủy ban Quản trị rủi ro với chức năng, nhiệm vụ: • Soát xét và tham mưu cho HĐQT xây dựng hệ thống quản trị rủi ro và tuân thủ (bao gồm cấu trúc quản trị rủi ro, chiến lược quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro,...); • Tổ chức và giám sát thực thi các lớp quản trị rủi ro hiệu quả thuộc cấu trúc hệ thống quản trị rủi ro; • Định hướng, chỉ đạo và giám sát việc triển khai công tác quản trị rủi ro và tuân thủ; • Đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực về quản trị rủi ro; • Tham mưu về việc ban hành các chính sách, quy trình về bảo vệ người tố giác, đảm bảo môi trường làm việc minh bạch, trong sạch và an toàn cho CBNV; • Rà soát việc ban hành các văn bản lập quy cho toàn bộ hoạt động của Công ty, ngoại trừ các văn bản về quản trị công ty; • Thẩm định các chốt kiểm soát rủi ro đối với các quy trình của Công ty.
(B).D.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	Có, AgriS có Ủy ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT với chức năng, nhiệm vụ: • Soát xét và tham mưu cho HĐQT xây dựng hệ thống quản trị rủi ro và tuân thủ (bao gồm cấu trúc quản trị rủi ro, chiến lược quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro,...); • Tổ chức và giám sát thực thi các lớp quản trị rủi ro hiệu quả thuộc cấu trúc hệ thống quản trị rủi ro; • Định hướng, chỉ đạo và giám sát việc triển khai công tác quản trị rủi ro và tuân thủ; • Đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực về quản trị rủi ro; • Tham mưu về việc ban hành các chính sách, quy trình về bảo vệ người tố giác, đảm bảo môi trường làm việc minh bạch, trong sạch và an toàn cho CBNV; • Rà soát việc ban hành các văn bản lập quy cho toàn bộ hoạt động của Công ty, ngoại trừ các văn bản về quản trị công ty; • Thẩm định các chốt kiểm soát rủi ro đối với các quy trình của Công ty.

Phụ lục 2: Công ty tự đánh giá danh mục điểm phạt theo thẻ điểm QTCT ASEAN

Ký hiệu	Điểm phạt theo Thẻ điểm QTCT ASEAN	Thực hành tại AgriS niên độ 2025-2026
(P).A	**Quyền và đối xử công bằng với Cổ đông**	
(P).A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	Không, AgriS luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty trong mọi giao dịch liên quan đến mua lại cổ phần. Công ty tuyệt đối không có hành vi nào dẫn đến việc đối xử thiếu công bằng giữa các cổ đông. Mọi quyết định và hoạt động mua lại cổ phần đều được công bố thông tin minh bạch, công khai
(P).A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	Không, Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các cổ đông được tự do trao đổi, chia sẻ thông tin với nhau trong mọi trường hợp. Công ty tuyệt đối không có bất kỳ hành vi ngăn cản hay có quy định nào nào làm hạn chế quyền trao đổi thông tin của cổ đông
(P).A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	Không, Tất cả mọi thông tin và tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ đều được AgriS đăng tải công khai trên website của công ty, mục Đại hội đồng Cổ đông. Công ty luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để cổ đông có thể nắm bắt được các thông tin cần thiết về đại hội nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình
(P).A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch các Ủy ban HĐQT và Tổng Giám đốc có vắng mặt trong kỳ ĐHĐCĐ mới nhất?	Không, Tại biên bản ĐHĐCĐ niên độ 2024-2025 ghi nhận sự hiện diện và có mặt của toàn bộ nhân sự chủ chốt trong công ty, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, chủ tịch các Ủy ban HĐQT và tổng giám đốc.
(P).A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	Không, Công ty hiện không có bất kỳ thỏa thuận cổ đông nào ngoài những quy định đã được ghi nhận trong Điều lệ và các văn bản pháp lý hiện hành. Mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông đều được thực thi minh bạch, công bằng và thống nhất theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm không tồn tại bất kỳ thỏa thuận riêng lẻ nào có thể ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các cổ đông khác
(P).A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	Không, Tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định rõ Điều lệ - Điều 11.2.a: "Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết" Quy chế nội bộ về QTCT - Điều VI.2.6: "Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết 01 (một) thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông."
(P).A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	Không, Mỗi cổ phiếu tại công ty là 1 quyền biểu quyết duy nhất. Không tồn tại cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết tại công ty.





Báo cáo và phân tích Quản trị Công ty (tiếp theo)

Ký hiệu	Điểm phạt theo Thẻ điểm QTCT ASEAN	Thực hành tại AgriS niên độ 2025-2026
(P).A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không?	Không, Công ty không tồn tại cấu trúc sở hữu chéo.
(P).A.6.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?	Không, Công ty không bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty trong nhiều năm qua. Công ty cấm hoàn toàn mọi hoạt động nội gián và có chế tài xử lý nội bộ nghiêm khắc đối với hành vi này
(P).A.7.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	Không, Công ty không ghi nhận bất kỳ trường hợp nào vi phạm hoặc không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến các giao dịch với bên liên quan ở mức độ đáng kể hoặc trọng yếu. Tất cả các giao dịch phát sinh đều được thực hiện minh bạch, tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, đồng thời được rà soát và phê duyệt theo đúng thẩm quyền
(P).A.7.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	Không, Công ty không phát sinh bất kỳ giao dịch nào với bên liên quan có thể được phân loại là hình thức hỗ trợ tài chính cho các đơn vị không phải là công ty con. Tất cả các giao dịch với bên liên quan đều được thực hiện minh bạch, công bố thông tin công khai, tuân thủ quy định pháp luật và quy trình nội bộ
(P).B.1.1	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường?	Không, AgriS luôn tiến hành mọi biện pháp nhằm ngăn chặn các vi phạm về pháp luật
(P).B.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	Không, AgriS luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về công bố thông tin, bảo đảm việc công bố được thực hiện đầy đủ, kịp thời và minh bạch nhằm bảo vệ quyền lợi cổ đông và các bên liên quan. Bằng chứng là trong niên độ vừa qua, chúng tôi đã đạt chứng nhận đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR Awards 2026
(P).B.2.2	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đang tham gia hoạt động "tẩy xanh" (cố gắng tạo ra vẻ ngoài bền vững trong khi trên thực tế không có sự cam kết và hành động tương ứng) không?	Không, không có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy AgriS tham gia vào hoạt động 'tẩy xanh'. Trái lại, các cam kết về phát triển bền vững của Công ty luôn gắn liền với những chương trình hành động cụ thể. Chúng tôi công khai minh bạch kết quả thực hiện trong các báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, qua đó khẳng định sự cam kết nhất quán, dài hạn đối với mục tiêu Net Zero 2035 và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp tuần hoàn
(P).C	**Công bố thông tin và Minh bạch**	
(P).C.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	Không, trong BCTC kiểm toán NĐ 2025-2026: ý kiến kiểm toán độc lập cho BCTC là "Chấp nhận toàn phần"
(P).C.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	
(P).C.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	
(P).C.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	Không, công ty không sửa đổi Báo cáo tài chính trong năm qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán
(P).D	**Trách nhiệm của HĐQT**	
(P).D.1.1	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?	Không, Công ty hoàn toàn không có bằng chứng nào cho thấy đã vi phạm hoặc không tuân thủ các quy tắc và quy định về niêm yết chứng khoán ngoài những nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán cũng như các chuẩn mực quản trị công ty niêm yết, bảo đảm tính minh bạch, công bằng và quyền lợi của tất cả cổ đông.
(P).D.1.2	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	Không, Công ty không ghi nhận trường hợp thành viên HĐQT không điều hành từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị
(P).D.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? 1 Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	Theo Mục VI.3.2 của Quy chế nội bộ về QTCT quy định về nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị: *"Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục."* Tuy nhiên, AgriS chưa ghi nhận trường hợp thành viên HĐQT độc lập phục vụ hơn 9 năm hay 2 nhiệm kỳ 5 năm với cùng một chức trách.
(P).D.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập, không điều hành và điều hành?	Không, TV HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành đều được Công ty xác định rõ ràng. Hiện nay, số lượng thành viên Hội đồng quản trị của AgriS là 5, bao gồm: • Bà Đặng Huỳnh Ức My - Chủ tịch HĐQT • Bà Huỳnh Bích Ngọc - Thành viên HĐQT • Ông Trần Tấn Việt - Thành viên HĐQT • Ông Trần Trọng Gia Vinh - Thành viên Độc lập HĐQT • Ông Lê Quang Phúc - Thành viên Độc lập HĐQT
(P).D.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT/không điều hành/ủy viên độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	Tất cả các thành viên HĐQT độc lập/không độc lập đều có quyền là thành viên HĐQT tại công ty khác, tuy nhiên, toàn bộ thành viên HĐQT của AgriS không giữ vai trò quản trị ở hơn 5 công ty đại chúng.
(P).D.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	Trong niên độ 2025-2026, Công ty kiểm toán độc lập cho Báo cáo PTBV là Deloitte Việt Nam và cho BCTC là Ernst & Young Việt Nam. Các thành viên HĐQT và các lãnh đạo cấp cao chưa từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh tại Deloitte Việt Nam và Ernst & Young Việt Nam.
(P).D.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGĐ của công ty trong 3 năm qua không?	Không, Chủ tịch HĐQT hiện nay là bà Đặng Huỳnh Ức My. Bà là thành viên HĐQT không điều hành và không phải là tổng giám đốc trong vòng 3 năm qua.
(P).D.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	Trong năm 2026, Công ty không phát hành quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng



04 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

222 Triển vọng ngành Đường
230 Triển vọng thị trường Thực phẩm và Đồ uống (F&B)
234 Tận dụng lợi thế cạnh tranh, bứt phá trên phạm vi toàn cầu
240 Giới thiệu Ban điều hành
248 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động trong năm
258 Thông tin cổ phiếu
266 Hoạt động huy động vốn
270 Hoạt động đầu tư
272 Hoạt động số hoá, công nghệ thông tin
276 Hoạt động nghiên cứu và phát triển
280 Quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng
284 Hạ tầng tài chính kết nối hệ sinh thái AgriS (Supply chain financing)
286 Đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm
292 Nhân sự và đào tạo
300 Chia sẻ của Nhân viên

Triển vọng ngành Đường

TRIỂN VỌNG NGÀNH ĐƯỜNG THẾ GIỚI

Nguồn: Trading Economics





Niên vụ 2025-2026, thị trường đường thế giới ghi nhận trạng thái dư cung khoảng 4,6-7,2 triệu tấn theo các dự báo của các tổ chức nghiên cứu. Áp lực thặng dư lớn đã khiến giá đường giảm mạnh trong phần lớn niên độ, dao động trong vùng giá khoảng 13-14 US cent/lb. Bước sang đầu năm 2026, giá có xu hướng dao động trong vùng giá 14-16 US cent/lb, với kỳ vọng thị trường dần tái cân bằng khi mức dư cung thu hẹp.

Niên vụ 2025-2026 dao động trong vùng giá khoảng

13-14

US cent/lb

Đầu năm 2026 xu hướng dao động trong vùng giá

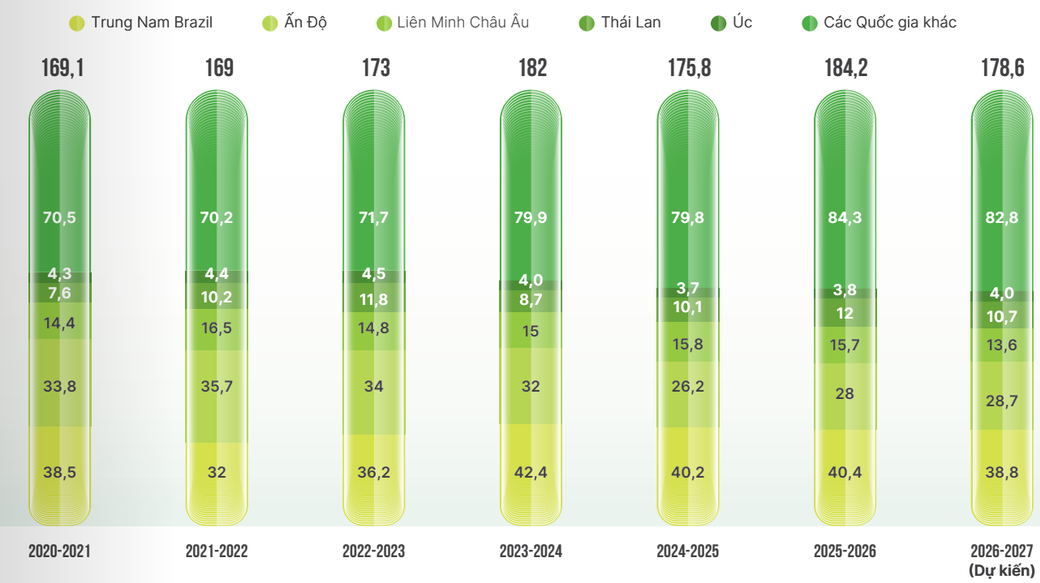
14-16

US cent/lb

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT ĐƯỜNG MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Sản lượng đường thế giới 2020-2025

Nguồn: Green Pool, AgriS tổng hợp



Tình hình sản lượng đường ước tính tại một số quốc gia sản xuất đường lớn nhất thế giới như sau:

BRAZIL	ẤN ĐỘ	LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)	THÁI LAN	ÚC
40,4	**28,0**	**12,0**	**15,7**	**4,0**
Triệu tấn	Triệu tấn	Triệu tấn	Triệu tấn	Triệu tấn

Triển vọng ngành Đường (tiếp theo)

TRUNG NAM BRAZIL

Niên vụ 2025-2026, Trung Nam Brazil tiếp tục giữ vai trò là nơi sản xuất và xuất khẩu đường lớn nhất thế giới, đóng góp khoảng 40,4 triệu tấn đường vào nguồn cung toàn cầu.

Niên vụ 2026-2027, nguồn cung đường của Trung Nam Brazil được dự báo giảm xuống 38,8 triệu tấn chịu ảnh hưởng lớn từ mối tương quan giữa giá đường và giá ethanol. Trong bối cảnh giá đường duy trì ở vùng thấp, các nhà máy tại khu vực Trung - Nam Brazil có xu hướng linh hoạt điều chỉnh cơ cấu sản xuất giữa hai sản phẩm nhằm tối ưu hiệu quả kinh tế. Mặc dù giá ethanol cũng suy yếu do nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu chững lại, khả năng chuyển đổi linh hoạt giữa đường và ethanol vẫn là yếu tố quyết định nguồn cung đường. Bên cạnh đó, rủi ro từ hiện tượng El Nino có thể ảnh hưởng đến năng suất mía, làm giảm sản lượng và hỗ trợ giá đường trong các quý tiếp theo.

ẤN ĐỘ

Ấn Độ, quốc gia sản xuất đường lớn thứ hai thế giới ghi nhận sản lượng niên vụ 2025-2026 ước đạt khoảng 28 triệu tấn. Trong niên vụ, sản lượng của Ấn Độ chịu ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết bất lợi, nguồn cung nội địa thu hẹp và giá đường tăng cao. Trước bối cảnh đó, Chính phủ Ấn Độ liên tục triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh nguồn cung trong nước, bao gồm áp dụng lệnh cấm xuất khẩu đường đường từ tháng 5 đến hết tháng 9/2026; giới hạn tồn kho trong giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 11 để ngăn chặn đầu cơ và cho phép nhập khẩu miễn thuế tối đa 1 triệu tấn đường thô nhằm bình ổn thị trường.

Niên vụ 2026-2027, sản lượng đường được kỳ vọng phục hồi và dự báo đạt mức 28,7 triệu tấn nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, tương tự Brazil, việc phân bổ mía giữa sản xuất đường và ethanol tiếp tục là công cụ điều tiết nguồn cung quan trọng của Ấn Độ.

THÁI LAN

Sản xuất đường tại Thái Lan niên vụ 2025-2026 đạt khoảng 12,0 triệu tấn. Niên vụ 2026-2027, sản lượng được dự báo giảm còn khoảng 10,7 triệu tấn, trong bối cảnh giá đường duy trì ở mức thấp, chi phí sản xuất gia tăng và hiệu quả kinh tế của cây mía suy giảm so với một số cây trồng thay thế. Nguồn cung giảm được dự báo kéo xuất khẩu đường của Thái Lan từ khoảng 7,0 triệu tấn trong niên vụ 2025-2026 xuống còn khoảng 6,0 triệu tấn trong niên vụ 2026-2027.

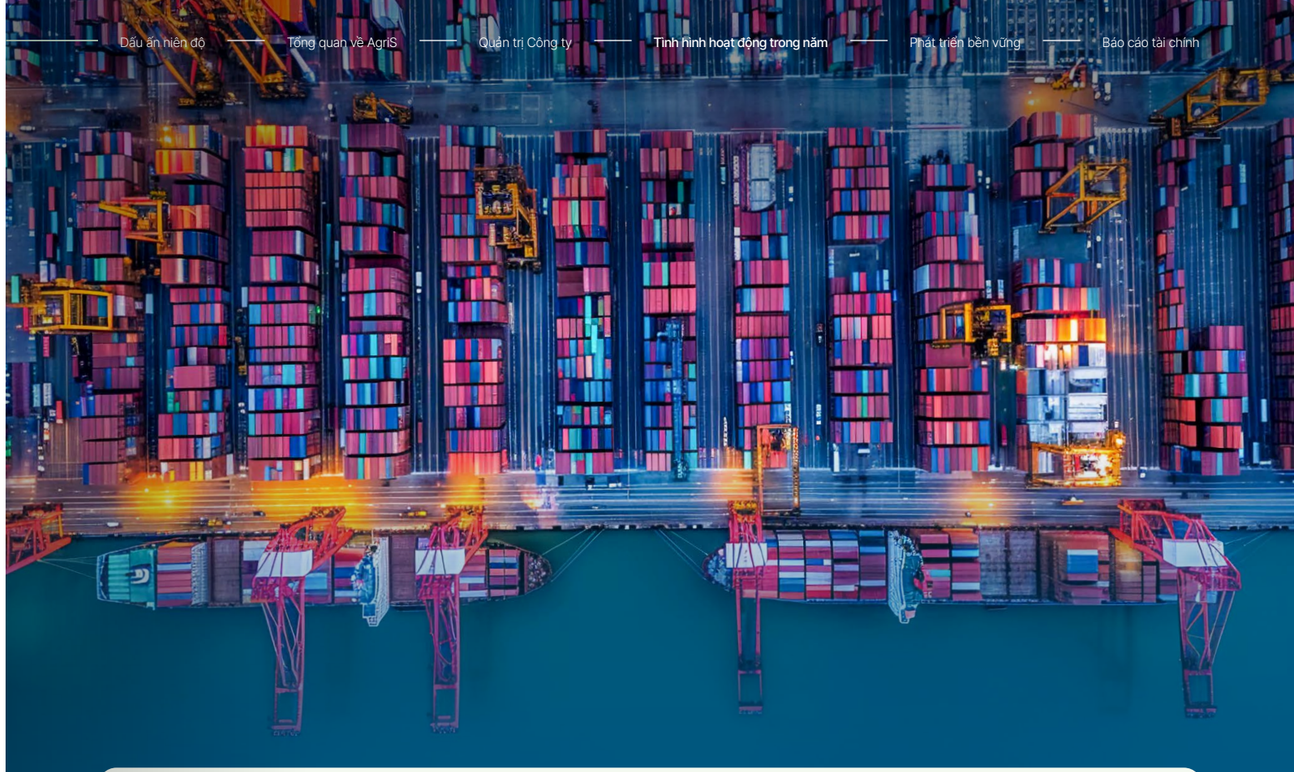
Mặc dù xu hướng chuyển đổi sang các cây trồng khác đã xuất hiện, các đánh giá thị trường cho thấy quy mô chuyển đổi trong niên vụ 2026-2027 nhiều khả năng vẫn còn hạn chế và chưa tạo ra sự thay đổi đáng kể về diện tích mía. Đồng thời, rủi ro từ hiện tượng El Nino có thể làm giảm năng suất mía và tiếp tục gây áp lực lên nguồn cung đường của Thái Lan.

LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

Sản xuất đường tại EU chủ yếu dựa trên nguyên liệu củ cải đường. Trong niên vụ 2025-2026 sản lượng đường của EU ước đạt khoảng 15,7 triệu tấn. Sang niên vụ 2026-2027, sản lượng được dự báo giảm xuống còn 13,6 triệu tấn, chủ yếu do diện tích trồng củ cải đường thu hẹp trong bối cảnh giá đường thấp và chi phí đầu vào gia tăng. Nguồn cung giảm cũng được dự báo khiến xuất khẩu đường của EU giảm từ khoảng 1,6 triệu tấn xuống 0,8 triệu tấn.

ÚC

Sản lượng sản xuất đường được giữ ổn định ở khoảng 4 triệu tấn trong 10 năm qua do chính sách quy hoạch diện tích trồng mía của Chính phủ.



TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ NHẬP KHẨU ĐƯỜNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

TRUNG QUỐC

Trung Quốc là quốc gia tiêu thụ và nhập khẩu đường lớn nhất thế giới với nhu cầu tiêu thụ trong niên độ 2025-2026 khoảng 16 triệu tấn, trong đó sản lượng nhập khẩu khoảng 5,32 triệu tấn. Niên vụ 2026-2027, nhu cầu tiêu thụ đường khoảng 16,34 triệu tấn. Nhu cầu nhập khẩu đường thô được dự báo sẽ ở mức thấp, khoảng 4,56 triệu tấn nhờ nguồn cung trong nước dồi dào. Đồng thời, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục siết chặt quản lý nhập khẩu khi cắt giảm hạn ngạch cấp phép nhập khẩu tự động (AIL) từ 2,6 triệu tấn (năm 2025) xuống còn 1 triệu tấn (năm 2026).

INDONESIA

Nhu cầu tiêu thụ đường niên vụ 2025-2026 của Indonesia đạt khoảng 7,5 triệu tấn. Niên vụ 2026-2027, nhu cầu tiêu thụ đường được dự báo tăng nhẹ khoảng 7,6 triệu tấn và nhập khẩu cũng tăng lên mức khoảng 5 triệu tấn để đáp ứng nhu cầu trong nước. Tuy nhiên, tiến độ nhập khẩu nhiều khả năng tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi chính sách quản lý của Chính phủ trong hoạt động thu mua tập trung và việc chậm cấp giấy phép nhập khẩu gây ảnh hưởng tiêu cực trong ngắn hạn, dù nhu cầu tiêu thụ nội địa vẫn duy trì ổn định.

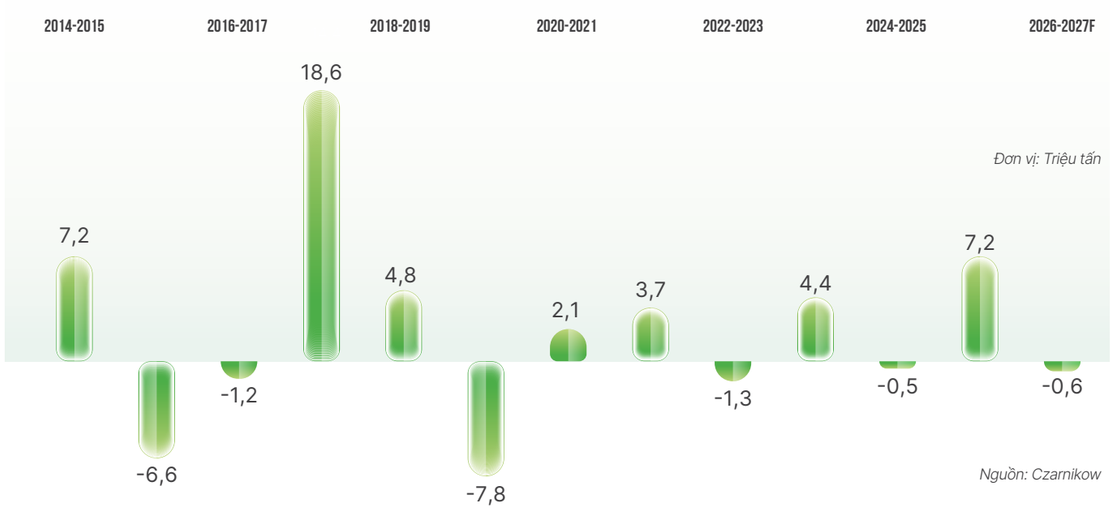
PHILIPPINES

Nhu cầu tiêu thụ đường của Philippines niên vụ 2025-2026 đạt khoảng 2,3 triệu tấn. Trong niên vụ, nguồn cung đường trong nước chịu áp lực khi dịch cào cào bùng phát tại đảo Negros - khu vực chiếm khoảng 60% sản lượng đường của cả nước. Trong khi đó, Chính phủ tiếp tục duy trì các biện pháp kiểm soát nhập khẩu, bao gồm lệnh cấm nhập khẩu đường đến hết tháng 12/2026 và lệnh cấm nhập khẩu nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất bioethanol như mật rỉ (molasses), đường, mía và siro đường. Các biện pháp này được kỳ vọng sẽ ưu tiên tiêu thụ nguồn cung nội địa, song cũng làm giảm tính linh hoạt trong hoạt động cân đối cung - cầu của thị trường đường Philippines.

Triển vọng ngành Đường (tiếp theo)

DỰ BÁO CUNG CẦU THẾ GIỚI NIÊN VỤ 2026-2027

Sau trạng thái dư cung trong niên vụ 2025-2026, thị trường đường thế giới được dự báo sẽ tiệm cận trạng thái cân bằng trong niên vụ 2026-2027. Theo Czarnikow, sản lượng đường toàn cầu dự kiến đạt khoảng 178,5 triệu tấn, trong khi nhu cầu tiêu thụ dự báo đạt khoảng 179 triệu tấn, tương ứng thâm hụt khoảng 0,6 triệu tấn.



Về nguồn cung, triển vọng sản xuất đường trong niên vụ 2026-2027 được đánh giá tương đối thận trọng khi nguồn cung tại một số khu vực sản xuất lớn có khả năng chịu áp lực, khiến tốc độ tăng nguồn cung toàn cầu bị hạn chế.

- Tại Brazil, việc các nhà máy duy trì mức độ phòng ngừa rủi ro thấp giúp doanh nghiệp giữ được sự linh hoạt trong việc phân bổ mía giữa sản xuất đường và ethanol, qua đó có thể điều chỉnh cơ cấu sản xuất theo diễn biến giá và nhu cầu thị trường.
- EU&UK dự kiến thu hẹp diện tích trồng củ cải đường do giá đường giảm và một số nhà máy đóng cửa hoặc ngừng hoạt động, làm giảm tiềm năng sản xuất.
- Thái Lan đối mặt với lợi nhuận cây mía suy giảm, điều kiện khô hạn và dịch bệnh, gây áp lực lên sản lượng.

Về nhu cầu tiêu thụ, tốc độ tăng trưởng tiêu thụ đường toàn cầu được dự báo ở mức tương đối, song một số động lực mới được kỳ vọng sẽ hỗ trợ nhu cầu phục hồi và tạo thêm động lực tăng trưởng trong thời gian tới:

- Xu hướng ưu tiên các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên trong ngành thực phẩm và đồ uống vì lý do sức khỏe đang thúc đẩy sự dịch chuyển từ HFCS sang đường mía, qua đó tạo thêm động lực cho nhu cầu tiêu thụ đường mía.
- Nhu cầu đảm bảo an ninh năng lượng thúc đẩy các quốc gia như Brazil, Ấn Độ, Indonesia, Nam Phi và Kenya gia tăng sản xuất ethanol, qua đó gián tiếp thúc đẩy nhu cầu sử dụng đường và mía cho mục đích nhiên liệu. Đồng thời, đường ngày càng được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm có giá trị gia tăng như bioplastics, các phân tử chuyên dụng và sợi spandex, với các khoản đầu tư đáng chú ý tại Ấn Độ, Guatemala và Việt Nam.

DỰ BÁO XU HƯỚNG GIÁ



Trong ngắn hạn, giá đường được kỳ vọng tiếp tục dao động trong biên độ hẹp, với động lực tăng chủ yếu đến từ hoạt động đầu cơ và diễn biến giá dầu thô/ethanol. Tuy nhiên, tín hiệu từ thị trường vật chất (physical market) vẫn tương đối yếu, cho thấy nhu cầu thực vẫn chưa đủ mạnh để hình thành một xu hướng tăng bền vững.

Về dài hạn, giá đường được kỳ vọng phục hồi thận trọng khi thị trường chuyển từ dư cung sang cân bằng hoặc thiếu hụt nhẹ trong niên vụ 2026-2027, nhưng đà tăng có thể bị hạn chế do nhu cầu tiêu thụ yếu và khả năng linh hoạt giữa sản xuất đường - ethanol tại các nhà máy đường. Dự báo, giá đường sẽ biến động quanh mức 17 - 20 US cent/lbs.

TRIỂN VỌNG ĐƯỜNG VIỆT NAM

TỔNG QUAN NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM

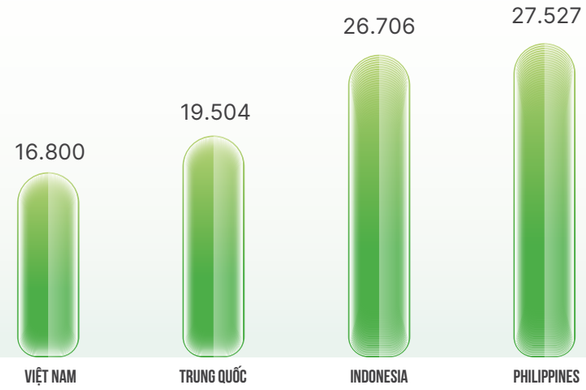
Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), niên vụ 2025-2026, ngành mía đường Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi. Lũy kế đến hết tháng 7/2026, các nhà máy đã ép 13,586 triệu tấn mía và sản xuất 1,3258 triệu tấn đường các loại, phản ánh năng lực sản xuất của ngành vẫn được duy trì. Tuy nhiên, thị trường tiêu thụ chịu áp lực lớn khi giá đường trong nước giảm xuống mức thấp nhất trong khoảng ba năm, trong khi hàng tồn kho cao, đường nhập lậu và đường lỏng HFCS tiếp tục gây sức ép lên thị trường. Tình trạng này khiến sản lượng sản xuất chưa được chuyển hóa tương ứng sang khâu tiêu thụ, tạo áp lực lên hiệu quả của chuỗi mía đường trong nước.

Giá đường trong nước vẫn ở mức thấp so với khu vực

Dù sản lượng sản xuất được duy trì ổn định, mặt bằng giá đường tại Việt Nam đang thấp hơn so với mặt bằng các nước trong khu vực. Theo quy đổi của Hiệp hội Mía đường Việt Nam, giá đường bình quân tháng 7/2026 trong nước lần lượt chỉ bằng khoảng 61% giá tại Philippines, 63% tại Indonesia và 86% tại Trung Quốc thấp hơn khoảng 16%, 40% và 41% so với Indonesia, Philippines và Trung Quốc.

So sánh giá đường Việt Nam với các Quốc gia lân cận
Tháng 7/2026

Nguồn: Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) *Đơn vị: đồng/kg (quy đổi)*



Một số nguyên nhân tác động đến giá như sau

- Nguồn cung trong nước dồi dào trong khi nhu cầu tiêu thụ đầu ra còn yếu khiến hàng tồn kho tăng, gây áp lực giảm trực tiếp lên giá đường nội địa.
- Đường nhập khẩu không rõ nguồn gốc với mức giá cạnh tranh đồng thời đường lỏng HFCS được nhập khẩu với giá thấp và không chịu hạn ngạch, đang được sử dụng trong một số ngành thực phẩm - đồ uống làm giảm một phần nhu cầu đối với đường mía.



Chính phủ tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ cho ngành đường nội địa phát triển

Ngày 02/06/2026, Bộ Công thương ban hành quyết định số 1309/QĐ-BCT và quyết định số 1310/QĐ-BCT, tiếp tục gia hạn áp thuế phòng vệ thương mại và chống lẫn tránh đối với đường có nguồn gốc từ Thái Lan, hiệu lực thực hiện từ ngày 16/06/2026 đến ngày 15/06/2031. Việc gia hạn các biện pháp phòng vệ thương mại đã tạo ra nhiều tác động tích cực trong việc ổn định môi trường cạnh tranh cho ngành đường trong nước.

Kết quả rà soát của Bộ Công Thương cho thấy, sau 5 năm áp dụng biện pháp, lượng đường nhập khẩu từ Thái Lan đã giảm đáng kể, trong khi sản xuất trong nước phục hồi rõ rệt. Tác động của chính sách không chỉ dừng ở việc bảo vệ giá bán của đường sản xuất trong nước, mà còn góp phần duy trì tính bền vững của vùng nguyên liệu. Bộ Công Thương ghi nhận năng suất mía bình quân đã tăng từ 60,7 tấn/ha lên 73,3 tấn/ha, trong khi chất lượng mía duy trì quanh mức 10 CCS. Việc gia hạn các biện pháp phòng vệ thương mại đến năm 2031 góp phần bảo vệ sản xuất trong nước và tạo dư địa để các doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh trong dài hạn.

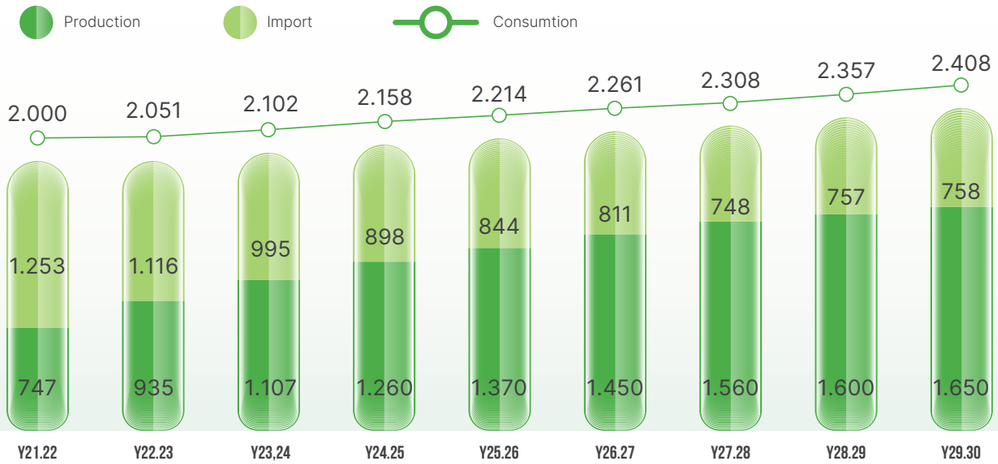
Triển vọng ngành Đường (tiếp theo)

TRIỂN VỌNG NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM

Nhu cầu tiêu thụ đường tiếp tục vượt sản lượng sản xuất trong nước

Theo số liệu ước tính của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), nhu cầu tiêu thụ đường của Việt Nam niên vụ 2025-2026 ước khoảng 2,3 triệu tấn, trong khi sản lượng đường sản xuất trong nước đạt khoảng 1,3 triệu tấn tương đương khoảng 60% nhu cầu, khiến Việt Nam tiếp tục phải nhập khẩu một lượng đường đáng kể hàng năm. Khoảng cách giữa nguồn cung trong nước và nhu cầu tiêu thụ tạo dư địa để ngành đường trong nước gia tăng năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu nội địa và giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài.

Nguồn: AgriS tổng hợp



Nhu cầu tiêu thụ đường tại Việt Nam được hỗ trợ bởi một số yếu tố nền tảng:

- Quy mô dân số lớn: Dân số Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 102,3 triệu người, tạo nền tảng tiêu dùng ổn định cho các nhóm thực phẩm, đồ uống và sản phẩm chế biến.
- Nhu cầu tiêu thụ đường duy trì ở mức ổn định: Nhu cầu đường nội địa của Việt Nam những năm gần đây duy trì quanh 2-2,3 triệu tấn/năm.
- Ngành thực phẩm và đồ uống tiếp tục mở rộng: Sự phát triển của ngành F&B, thực phẩm chế biến, đồ uống và bán lẻ hiện đại tiếp tục hỗ trợ nhu cầu đối với đường và các nguyên liệu có nguồn gốc từ mía.
- Đô thị hóa và thu nhập cải thiện: Thu nhập bình quân đầu người tăng cùng quá trình đô thị hóa thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm chế biến, đồ uống tiện lợi và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.
- Xu hướng tiêu dùng ngày càng đa dạng: Bên cạnh đường truyền thống, nhu cầu đang mở rộng sang các dòng đường chất lượng cao, đường hữu cơ, đường ít tinh luyện và các sản phẩm có khả năng truy xuất nguồn gốc.

Hiệp hội Mía đường Việt Nam dự báo nguồn cung đường trong ngắn hạn tiếp tục dồi dào, khi đường sản xuất trong nước, đường nhập khẩu từ ASEAN và đường nhập lậu cùng hiện diện trên thị trường và dự báo giá đường trong nước có thể tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp so với giá đường tại các quốc gia trồng mía trong khu vực như Indonesia, Philippines và Trung Quốc.

Ngành đường bước vào giai đoạn tập trung hóa

Xu hướng tập trung hóa của ngành đường đã diễn ra trong nhiều năm và hiện vẫn tiếp tục .Sau nhiều năm cạnh tranh khốc liệt, số lượng doanh nghiệp đường đang dần thu hẹp và thị phần có xu hướng tập trung vào các doanh nghiệp lớn. Các lợi thế cạnh tranh quan trọng ngày càng tập trung vào:

- Quy mô và khả năng kiểm soát vùng nguyên liệu
- Năng lực chế biến và tối ưu hóa sản xuất
- Hệ thống logistics và năng lực phân phối
- Khả năng tiếp cận vốn trung và dài hạn
- Năng lực thương mại, xuất nhập khẩu và kết nối thị trường quốc tế



Mở rộng chuỗi giá trị từ cây mía

Bên cạnh sản phẩm đường truyền thống, triển vọng ngành mía đường Việt Nam đang dần được mở rộng theo hướng khai thác đa giá trị từ cây mía và các phụ phẩm trong quá trình sản xuất. Các lĩnh vực như ethanol và nhiên liệu sinh học, điện sinh khối từ bã mía, phân bón hữu cơ và các sản phẩm sinh học có giá trị gia tăng đang mở ra dư địa phát triển mới cho chuỗi giá trị ngành.

Đặc biệt, việc Việt Nam triển khai lộ trình sử dụng xăng sinh học E10 trên phạm vi toàn quốc từ tháng 6/2026 được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu ethanol nhiên liệu. Theo Bộ Công Thương, nhu cầu ethanol phục vụ phối trộn xăng sinh học E5 và E10 ước khoảng 92.000-100.000 m^3 mỗi tháng, trong khi nguồn cung trong nước hiện vẫn còn hạn chế. Đây là yếu tố thuận lợi cho sự phát triển của ngành nhiên liệu sinh học và mở ra cơ hội gia tăng giá trị từ nguồn nguyên liệu nông nghiệp trong nước.

Song song đó, xu hướng tận dụng phụ phẩm, phát triển năng lượng tái tạo và giảm phát thải cũng tạo điều kiện để các doanh nghiệp mía đường từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, đa dạng hóa nguồn doanh thu và phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, qua đó củng cố tính bền vững của ngành trong dài hạn.

Nhìn chung, triển vọng ngành đường Việt Nam trong niên vụ 2026-2027 được đánh giá theo hướng ổn định nhưng vẫn còn nhiều yếu tố cần theo dõi. Nhu cầu tiêu thụ nội địa và các biện pháp phòng vệ thương mại tiếp tục tạo nền tảng cho hoạt động sản xuất trong nước, trong khi áp lực từ nguồn cung, mặt bằng giá thấp, đường nhập lậu và các sản phẩm thay thế vẫn có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của toàn ngành. Trong trung và dài hạn, khả năng nâng cao năng suất vùng nguyên liệu, kiểm soát chi phí và mở rộng giá trị khai thác từ cây mía sẽ là những yếu tố quan trọng đối với năng lực cạnh tranh và tính bền vững của ngành.

Triển vọng thị trường thực phẩm và đồ uống toàn cầu và Việt Nam

BỨC TRANH NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG NHANH (FMCG) TOÀN CẦU



Năm 2025, FMCG toàn cầu ghi nhận tăng trưởng giá trị 3,5% nhưng sản lượng chỉ tăng 0,9%. Tại khu vực châu Á, tăng trưởng về mặt giá trị đạt 1,5%, và về mặt sản lượng đạt 1,7%. Đây là khu vực hiếm hoi mà sản lượng tăng nhanh hơn giá trị, phản ánh dư địa tiêu dùng thực còn lớn và vai trò dẫn dắt tăng trưởng của khu vực trong chu kỳ tới.

Nguồn: NIQ - Consumer Outlook 2026

Theo IMF, lạm phát toàn cầu được dự báo giảm từ 4,2% năm 2025 xuống 3,6% năm 2026, trong khi GDP toàn cầu duy trì quanh mức 3,0–3,1%. Tuy nhiên, áp lực chi tiêu tích lũy từ giai đoạn lạm phát cao vẫn hiện hữu: người tiêu dùng chưa quay lại trạng thái chi tiêu thoải mái. Điểm đáng chú ý là họ không cắt giảm mà tái phân bổ chi tiêu, đòi hỏi mỗi khoản chi phải chứng minh được giá trị.

BA TIÊU CHUẨN MỚI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TOÀN CẦU

- **Giá trị rõ ràng:** Người tiêu dùng đòi hỏi minh bạch về chi phí trên mỗi lần sử dụng (cost per use) và lý do thuyết phục cho mọi mức giá cao hơn.
- **Sức khỏe:** Yếu tố sức khỏe không còn là lựa chọn cao cấp mà đã trở thành tiêu chuẩn cơ bản của sản phẩm.
- **Niềm tin:** Niềm tin được xây dựng từ tính minh bạch và chất lượng thực của sản phẩm, không còn đến từ quảng cáo.



Nguồn tăng trưởng dịch chuyển từ mở rộng doanh số sang tối ưu cơ cấu danh mục và tạo giá trị. Sản phẩm cốt lõi phải tối ưu tương quan giá trị – giá (value for money); động lực tăng trưởng thuộc về nhóm sản phẩm sức khỏe và chức năng. Thương hiệu cần chuyển từ mô hình dẫn dắt bằng truyền thông (communication-led) sang dẫn dắt bằng giá trị thực của sản phẩm (product truth-led).

THỊ TRƯỜNG THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (F&B) TOÀN CẦU

Thị trường Thực phẩm và Đồ uống toàn cầu duy trì quy mô lớn và được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng trong trung và dài hạn. Theo The Business Research Company, thị trường F&B toàn cầu đạt khoảng 7,0 nghìn tỷ USD năm 2025, dự kiến tăng lên 7,2 nghìn tỷ USD năm 2026 và đạt khoảng 9,3 nghìn tỷ USD vào năm 2030, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khoảng 5,9% trong giai đoạn 2026-2030. Động lực tăng trưởng chính được kỳ vọng đến từ nhu cầu tiêu dùng thực phẩm ngày càng đa dạng, đô thị hóa, đổi mới sản phẩm, dinh dưỡng cá nhân hóa và sự phát triển của các sản phẩm thực phẩm – đồ uống chức năng.

Quy mô thị trường đồ uống không cồn toàn cầu đạt khoảng 1,4 nghìn tỷ USD năm 2025 và dự kiến tăng lên 1,5 nghìn tỷ USD năm 2026, và dự kiến đạt gần 2,6 nghìn tỷ USD vào năm 2033, tương ứng CAGR 8,0% giai đoạn 2026–2033. Châu Á – Thái Bình Dương chiếm 33,9% doanh thu toàn cầu năm 2025, tiếp tục là khu vực có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng ngành.

Cơ cấu thị trường đang cho thấy sự dịch chuyển rõ nét về các sản phẩm đáp ứng nhu cầu sức khỏe và chức năng. Nước ngọt có ga vẫn là phân khúc lớn nhất, chiếm 27,4% doanh thu toàn cầu năm 2025, trong khi đồ uống chức năng được dự báo là phân khúc tăng trưởng nhanh nhất với CAGR 9,2% giai đoạn 2026-2033.

MỘT SỐ XU HƯỚNG TIÊU DÙNG NỔI BẬT, ĐỊNH HÌNH THỊ TRƯỜNG F&B

Sức khỏe trở thành tiêu chuẩn phổ biến trong lựa chọn thực phẩm và đồ uống

Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến thành phần, giá trị dinh dưỡng, nguồn gốc và mức độ an toàn của sản phẩm. Xu hướng này thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm tự nhiên, ít đường, tiện lợi và có giá trị dinh dưỡng cao hơn, đồng thời tạo động lực cho doanh nghiệp cải tiến công thức và phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu sức khỏe.

Nhu cầu tiện lợi và dễ sử dụng ngày càng gia tăng

Nhịp sống bận rộn và sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng đang thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm thực phẩm và đồ uống tiện lợi, dễ sử dụng và tiết kiệm thời gian. Theo Khảo sát Người tiêu dùng toàn cầu 2025 của PwC, 38% người tiêu dùng mua thực phẩm chế biến sẵn ít nhất mỗi tuần, trong khi 34% đặt món giao tận nhà. Xu hướng này đặc biệt rõ nét tại các khu vực đô thị và ở nhóm người tiêu dùng trẻ, qua đó thúc đẩy doanh nghiệp F&B phát triển các sản phẩm sẵn sàng sử dụng, dễ chế biến và phù hợp với nhịp sống hiện đại.

Nguồn gốc và tính minh bạch ngày càng quan trọng trong lựa chọn sản phẩm

Người tiêu dùng ngày càng quan đến nguồn gốc nguyên liệu, chất lượng và mức độ an toàn của thực phẩm, đồ uống. Theo NielsenIQ, 85% người tiêu dùng Việt Nam ủng hộ xu hướng "Vocal for Local", phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn đối với các sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, tính xác thực và gắn kết với địa phương. Xu hướng này thúc đẩy doanh nghiệp tăng cường truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và minh bạch thông tin xuyên suốt chuỗi cung ứng, đồng thời tạo cơ hội cho các sản phẩm khai thác lợi thế nguyên liệu và câu chuyện nguồn gốc bản địa.

Hành vi mua sắm chuyển dịch sang mô hình đa kênh

Người tiêu dùng ngày càng kết hợp kênh trực tiếp và nền tảng số trong quá trình tìm kiếm, đánh giá và mua sắm, từ siêu thị, cửa hàng tiện lợi đến thương mại điện tử và mạng xã hội. Năm 2025, tổng giá trị giao dịch trên bốn sàn thương mại điện tử lớn tại Việt Nam đạt khoảng 429,7 nghìn tỷ đồng, tăng 34,75% so với năm 2024. Sự phát triển của thương mại điện tử và social commerce mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, đồng thời rút ngắn hành trình từ nhận diện, khám phá đến quyết định mua hàng, đặc biệt ở nhóm người tiêu dùng trẻ.

Triển vọng thị trường Thực phẩm và Đồ uống (F&B) (tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG VIỆT NAM

THỊ TRƯỜNG F&B VIỆT NAM: QUY MÔ, ĐỘNG LỰC VÀ XU HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG

Ngành thực phẩm và đồ uống (F&B) Việt Nam đang trải qua giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ, khẳng định vị thế là một trong những thị trường đầy tiềm năng nhất Đông Nam Á. Với dân số hơn 101 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa tăng nhanh và tầng lớp trung lưu mở rộng, Việt Nam đang thu hút sự quan tâm đặc biệt từ cả nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

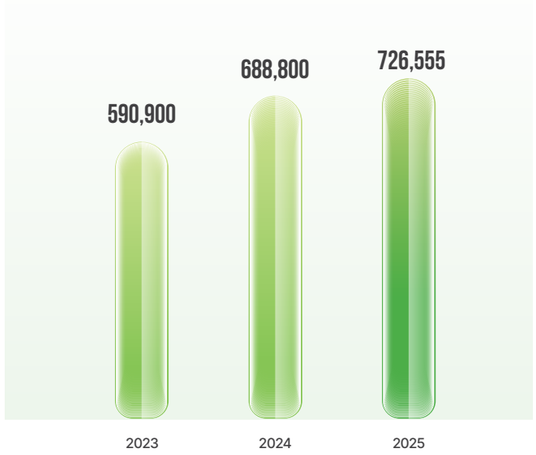
Theo báo cáo của SSI research, quy mô thị trường F&B Việt Nam đạt 79,3 tỷ USD năm 2025, tăng 7% so với năm trước và tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) giai đoạn 2015 - 2025 đạt 5%. Chi tiêu vẫn tập trung vào các sản phẩm lương thực và thực phẩm thiết yếu, chiếm hơn 2/3 tổng chi tiêu thực phẩm và đồ uống.

Theo báo cáo của iPOS.vn và Nestlé Việt Nam, năm 2025 đánh dấu một bước chuyển quan trọng của ngành, thị trường F&B tại Việt Nam bước vào một giai đoạn trưởng thành hơn, khi tăng trưởng không còn đến từ việc mở rộng ồ ạt, mà chuyển dần sang chiều sâu, với trọng tâm là năng lực vận hành, khả năng thích ứng và sức bền của từng mô hình kinh doanh".

Quy mô doanh thu thị trường dịch vụ ăn uống tại Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 726.500 tỷ đồng, tăng 5,5%. So với giai đoạn tăng trưởng thần tốc của nhiều năm trước, đây là mức tăng khiêm tốn hơn, song vẫn phản ánh một thực tế quan trọng là nhu cầu chi tiêu cho ăn uống của thực khách Việt chưa suy yếu.

Doanh thu tổng thị trường F&B Việt Nam, 2023 - 2025

ĐVT: Nghìn tỷ đồng



Năm 2026, thị trường F&B Việt Nam dự báo sẽ đạt tổng doanh thu kỳ vọng chạm ngưỡng 760 nghìn tỷ đồng, duy trì đà tăng trưởng ổn định khoảng 4,6%. Đây được xem là giai đoạn ngành chuyển mình từ tăng trưởng nóng sang phát triển thực chất, nhường chỗ cho những mô hình vận hành bài bản, kiểm soát tốt chi phí và có tư duy kinh doanh rõ ràng.

năm 2026 sẽ tiếp tục là năm phân hóa rõ nét giữa các doanh nghiệp. Những thương hiệu có nền tảng vận hành tốt, kiểm soát được mặt bằng, nhân sự, nguyên vật liệu và xây dựng được tệp khách hàng ổn định vẫn có cơ hội tăng trưởng tích cực hơn mặt bằng chung.

Đặc biệt, việc tuân thủ pháp lý sẽ không còn là rào cản, mà trở thành "tấm vé vàng" giúp các doanh nghiệp bứt phá và xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững trong một môi trường kinh doanh ngày càng minh bạch.



THỊ TRƯỜNG ĐỒ UỐNG VIỆT NAM: CÁC PHÂN KHÚC VÀ XU HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG

Tăng trưởng của ngành đồ uống đang dịch chuyển từ các phân khúc giải khát truyền thống sang những danh mục mang lại giá trị cao hơn qua ba trục: sức khỏe, chức năng và tính tự nhiên.

Năm phân khúc chính của thị trường đồ uống



Trà uống liền đạt 44.850 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng kép 11%. Trà uống liền giữ vai trò cầu nối giữa giải khát và chăm sóc sức khỏe. Xu hướng tiêu dùng hướng đến giải khát lành mạnh, các dòng thảo mộc, detox và cao cấp hóa với trà Oolong.



Nước ngọt có ga đạt 39.652 tỷ đồng, tăng trưởng 6%. Người tiêu dùng ưu tiên các phiên bản ít hoặc không đường và hương trái cây; động lực mua chính vẫn là vị ngon và cảm giác sảng khoái. Nước ép có ga (Juice CSD) nổi lên như xu hướng tiềm năng.



Nước tăng lực đạt 29.729 tỷ đồng, tăng trưởng 4% — chậm nhất nhóm. Nhu cầu dịch chuyển từ "tăng lực tức thì" sang năng lượng đa chức năng và tự nhiên, với khái niệm năng lượng tự nhiên (natural energy) trở thành xu hướng chính và định dạng có ga (sparkling energy) gia tăng tính sảng khoái.



Nước ép trái cây - hưởng lợi từ xu hướng ưu tiên nguyên liệu tự nhiên. Đạt 19.908 tỷ đồng, tăng trưởng 8%. Người tiêu dùng ngày càng cân bằng giữa yếu tố hương vị, sức khỏe và dinh dưỡng, qua đó thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm sử dụng nguyên liệu tự nhiên, hương vị trái cây bản địa và định dạng bao bì tiện lợi.



Đồ uống từ gạo - phân khúc mới nổi. Đạt 3.069 tỷ đồng, nhóm sản phẩm này khai thác xu hướng nguyên liệu quen thuộc ở châu Á như gạo lứt, hạnh nhân, táo đỏ, nhãn sạch đồng thời đáp ứng nhu cầu về sản phẩm thanh nhẹ, có nguồn gốc tự nhiên và phù hợp với xu hướng đồ uống từ thực vật.

Nguồn: Euromonitor; Mordor Intelligence

Tận dụng lợi thế cạnh tranh, bứt phá trên phạm vi toàn cầu

Niên độ 2025–2026 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hành trình thực thi chiến lược tăng trưởng giai đoạn 2025-2030 của AgriS, khi các định hướng dài hạn từng bước được chuyển hóa thành kết quả cụ thể và có thể đo lường.

Trong giai đoạn này, AgriS tiếp tục hoàn thiện mô hình 03 Trung tâm - 03 Dịch vụ - 01 Hệ thống quản trị, kết nối xuyên suốt từ vùng nguyên liệu, sản xuất - chế biến đến thương mại và phân phối; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu và hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D). Song song đó, Công ty tăng cường kết nối các nguồn lực trong hệ sinh thái, mở rộng hợp tác với đối tác, khách hàng và các định chế tài chính trong và ngoài nước, tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn, tuần hoàn và bền vững. Qua đó, AgriS tiếp tục gia tăng năng lực nội tại, nâng cao lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường phát triển trên phạm vi toàn cầu.



NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH MÔ HÌNH 03 TRUNG TÂM – 03 DỊCH VỤ – 01 HỆ THỐNG QUẢN TRỊ XUYÊN SUỐT VÀ ĐA QUỐC GIA

CHUỖI GIÁ TRỊ THƯƠNG MẠI TUẦN HOÀN LIÊN KẾT CHẶT CHẼ 3 TRUNG TÂM (AGRIC, PROC, COMC)



AgriS tiếp tục tối ưu hóa mô hình Chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn thông qua việc tăng cường liên kết và phối hợp giữa ba trung tâm AgriC, ProC và ComC. Mỗi trung tâm đảm nhiệm một chức năng chuyên biệt trong chuỗi giá trị, từ phát triển vùng nguyên liệu và cung cấp giải pháp nông nghiệp, đến chế biến - sản xuất và thương mại hóa sản phẩm. Cách thức vận hành này tạo điều kiện để AgriS đồng bộ hơn giữa năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường, nâng cao tính chủ động trong quản trị đầu vào, tối ưu hóa hoạt động sản xuất - kinh doanh và mở rộng khả năng thương mại hóa các sản phẩm có giá trị gia tăng. Qua đó, từng mắt xích trong chuỗi được phát huy hiệu quả, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và năng lực cạnh tranh của AgriS.

Trung tâm Kinh doanh Nông nghiệp - AgriC

AgriC phát huy vai trò kết nối vùng nguyên liệu và các giải pháp nông nghiệp, hướng đến mô hình cung cấp dịch vụ toàn diện cho hoạt động canh tác. Thông qua các dịch vụ giải pháp nông nghiệp tích hợp, AgriC thiết lập và cung cấp các nền tảng hạ tầng cốt lõi cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững; đồng thời ứng dụng công nghệ cao, giúp kết nối các công đoạn, đối tác trong chuỗi giá trị nông nghiệp, tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả của các bên.

Trung tâm Sản xuất – ProC

ProC với vai trò trung tâm chế biến và sản xuất trong chuỗi giá trị, áp dụng nghiên cứu sản phẩm để sản xuất, nghiên cứu và phát triển quy trình và đóng gói; kiểm soát chất lượng sản phẩm bao gồm cả sản phẩm của AgriS và của Khách hàng OEM; đồng thời phát triển dịch vụ lập kế hoạch sản xuất và tối ưu hoá kênh phân phối cho Khách hàng.

Trung tâm Thương mại tích hợp – ComC

ComC đảm nhiệm vai trò kết nối sản phẩm từ hệ sinh thái AgriS với thị trường thông qua hoạt động thương mại, phân phối và phát triển khách hàng. Qua đó, ComC nhanh chóng cung cấp các giải pháp về sản phẩm và dịch vụ trên cơ sở kết nối khách hàng đa kênh tự động dựa trên nền tảng chuẩn hoá dữ liệu và tích hợp công nghệ.

Tận dụng lợi thế cạnh tranh, bứt phá trên phạm vi toàn cầu (tiếp theo)

BA DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐỒNG HÀNH XUYÊN SUỐT CHUỖI GIÁ TRỊ (AGTECH, FOODTECH, FINTECH)

AgriS xác định công nghệ và dữ liệu là nền tảng thúc đẩy đổi mới và nâng cao hiệu quả trên toàn chuỗi giá trị. Ba dịch vụ AgTech, FoodTech và FinTech được triển khai tương ứng với các hoạt động trọng yếu từ canh tác, sản xuất – chế biến đến kết nối tài chính, tạo thành các năng lực bổ trợ xuyên suốt mô hình vận hành. Qua đó, AgriS tăng cường khả năng quản trị dựa trên dữ liệu, tối ưu nguồn lực, nâng cao giá trị sản phẩm và mở rộng khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường, từng bước xây dựng nền tảng công nghệ cho hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp và bền vững.

AGTECH

Công nghệ nông nghiệp – Agtech

AgriS đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và dữ liệu trong toàn bộ hoạt động nông nghiệp, từ thiết kế vùng nguyên liệu đến quản trị và vận hành nông trường. Các giải pháp nông nghiệp tích hợp giúp nâng cao năng lực phân tích, ra quyết định và kiểm soát hoạt động sản xuất theo hướng chính xác, minh bạch và hiệu quả hơn. Việc tích hợp dữ liệu về đất đai, khí hậu, mùa vụ và sản xuất tạo nền tảng cho quản trị nông nghiệp theo thời gian thực. Đồng thời, công nghệ được ứng dụng để tối ưu sử dụng tài nguyên, nâng cao năng suất và chất lượng vùng nguyên liệu, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất. Qua đó, AgriS từng bước hình thành mô hình nông nghiệp thông minh, nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng thích ứng với biến động môi trường.

FOODTECH

Công nghệ thực phẩm – FoodTech

FoodTech là động lực để AgriS nâng cao giá trị gia tăng của nông sản, mở rộng danh mục sản phẩm và tăng khả năng đáp ứng các xu hướng tiêu dùng mới. Thông qua Production Innovation – Đổi mới sản xuất, Production Excellence – Tối ưu hóa sản xuất và Production Digitalization – Số hóa sản xuất, AgriS từng bước nâng cao năng lực chế biến, chuẩn hóa quy trình và ứng dụng công nghệ vào vận hành, hướng tới gia tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Sự kết hợp giữa đổi mới sản phẩm, năng lực sản xuất và số hóa giúp AgriS chuyển dịch từ cung cấp nguyên liệu sang phát triển các sản phẩm thực phẩm – đồ uống có giá trị gia tăng cao, qua đó mở rộng dư địa tăng trưởng trong chuỗi giá trị F&B.

FINTECH

Công nghệ tài chính - FinTech

FinTech đóng vai trò kết nối dòng vốn và các nguồn lực tài chính với hệ sinh thái nông nghiệp, hỗ trợ AgriS mở rộng khả năng tiếp cận vốn và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính trong chuỗi giá trị. Thông qua mô hình Supply Chain Financing, AgriS kết nối các dòng vốn ưu đãi từ ngân hàng, định chế tài chính trong và ngoài nước với nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng. Công ty đồng thời phát triển các nền tảng số và khai thác dữ liệu nhằm rút ngắn thời gian xét duyệt, minh bạch hóa dòng tiền và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính. Trên nền tảng đó, FinTech góp phần hình thành cầu nối tài chính cho hệ sinh thái nông nghiệp tuần hoàn, tạo điều kiện huy động nguồn lực cho tăng trưởng, đổi mới công nghệ và phát triển bền vững.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP XUYÊN SUỐT VÀ NHẤT QUÁN

Hệ thống quản trị doanh nghiệp thống nhất là nền tảng giúp AgriS điều phối hiệu quả mô hình hoạt động xuyên suốt, đa quốc gia và thúc đẩy sự liên kết giữa các đơn vị trong toàn hệ thống. AgriS vận hành hệ thống quản trị dựa trên 04 nền tảng giá trị gồm Công bằng, Minh bạch, Trách nhiệm và Trách nhiệm giải trình, định hướng cách thức ra quyết định và hành động thống nhất trong toàn Công ty và 06 trụ cột gồm Quản trị, Con người, Quy trình, Công nghệ, Quản trị chuỗi giá trị và Quản trị rủi ro doanh nghiệp toàn diện được triển khai đồng bộ, tạo khuôn khổ quản trị và vận hành nhất quán. Việc kết hợp một hệ thống quản trị thống nhất với con người, quy trình, công nghệ và quản trị chuỗi giá trị tạo nền tảng để AgriS nâng cao hiệu lực vận hành, tăng tính linh hoạt và củng cố năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tăng trưởng mới.

TẬN DỤNG LỢI THẾ, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH



PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU RỘNG LỚN

Trong niên độ 2025–2026, AgriS tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu, qua đó tăng tính chủ động về nguồn cung, cải thiện khả năng kiểm soát chất lượng và đáp ứng tốt hơn yêu cầu truy xuất nguồn gốc. Tính đến ngày 30/06/2026, tổng diện tích vùng nguyên liệu của AgriS đạt 78.000 ha, trải dài tại 4 quốc gia gồm Việt Nam, Lào, Campuchia và Úc.

Song song với mở rộng diện tích và liên kết vùng trồng, AgriS đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu và các tiêu chuẩn canh tác bền vững nhằm nâng cao năng suất, kiểm soát chất lượng và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Nhờ đó, trong niên độ 2025 - 2026, sản lượng mía thu hoạch tăng 21%, năng suất bình quân tăng 5% và chỉ số chữ đường CCS tăng 3% so với cùng kỳ.

AgriS tiếp tục mở rộng mô hình phát triển vùng nguyên liệu thông qua chương trình "Doanh nông làm giàu cùng AgriS", tạo điều kiện để các đối tác và khách hàng tham gia khai thác các nông trường thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của AgriS. Qua đó, chương trình góp phần gắn kết lợi ích dài hạn giữa AgriS và các đối tác trong chuỗi giá trị, đồng thời thúc đẩy xây dựng vùng nguyên liệu ổn định và bền vững.

Vùng nguyên liệu đã trở thành một lợi thế cạnh tranh cốt lõi, hỗ trợ AgriS nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng, phát triển sản phẩm khác biệt và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.

NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT THÔNG QUA HỆ THỐNG NHÀ MÁY



AgriS tiếp tục đầu tư nâng cấp và tối ưu hóa vận hành hệ thống nhà máy sản xuất, qua đó gia tăng hiệu suất chế biến, đảm bảo chất lượng thành phẩm đồng nhất và tối đa hóa giá trị chuỗi nông nghiệp tuần hoàn. Tính đến hiện tại, AgriS sở hữu hạ tầng sản xuất quy mô và đa dạng với 10 nhà máy sản xuất đường (tổng công suất 4.740 tấn đường/ngày), 4 nhà máy sản xuất phân vi sinh, 1 nhà máy sản xuất nước, 1 nhà máy gạo, các nhà máy sản xuất điện sinh khối và các trạm điện mặt trời mái nhà.

Song song với việc duy trì và nâng cao công suất thiết kế, AgriS đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa quy trình và áp dụng các tiêu chuẩn quản trị sản xuất nghiêm ngặt nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành và giảm thiểu tác động đến môi trường. Mạng lưới nhà máy đa dạng từ chế biến đường, sản xuất phân bón vi sinh cho đến thực phẩm và đồ uống không chỉ giúp khép kín chuỗi giá trị nông nghiệp, tái sử dụng hiệu quả các phụ phẩm sản xuất mà còn tạo sự linh hoạt cao trong ứng biến thị trường. Hệ thống nhà máy đóng vai trò là mắt xích chế biến trung tâm, giúp AgriS hiện thực hóa tiềm năng từ vùng nguyên liệu và trở thành một lợi thế cạnh tranh cốt lõi.

Tận dụng lợi thế cạnh tranh, bứt phá trên phạm vi toàn cầu (tiếp theo)

ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC VÀ NÂNG CAO GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Niên độ 2025–2026, AgriS tiếp tục mở rộng danh mục trên nền tảng các ngành hàng đã được hình thành, từ sản phẩm Đường cốt lõi sang các sản phẩm thực phẩm và đồ uống từ dừa, gạo và dịch vụ nông nghiệp.



Trên nền tảng đó, AgriS tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến và chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm. Năng lực R&D được kết nối với hệ thống sản xuất và mạng lưới thương mại, giúp Công ty phát triển các dòng sản phẩm phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, rút ngắn quá trình thương mại hóa và nâng cao khả năng đáp ứng các phân khúc khách hàng khác nhau.

Việc đa dạng hóa danh mục không chỉ mở rộng nguồn thu mà còn giúp AgriS khai thác hiệu quả hơn chuỗi giá trị nông nghiệp, gia tăng giá trị trên mỗi đơn vị nguyên liệu và từng bước hình thành cơ cấu sản phẩm cân bằng hơn giữa ngành hàng truyền thống và các nhóm sản phẩm giá trị gia tăng.

MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI THƯƠNG MẠI VÀ HẠ TẦNG PHÂN PHỐI

Niên độ 2025–2026, AgriS tiếp tục củng cố mạng lưới thương mại trên cơ sở hệ thống phân phối đã được xây dựng tại thị trường trong nước và quốc tế, gồm:

- Kênh Doanh nghiệp (B2B) với hơn 2.000 khách hàng;
- Kênh Tiêu dùng (B2C) với hơn 63.000 Điểm bán Kênh Truyền thống và Hiện đại và hơn 140 Đối tác Nhà phân phối và Đại lý;
- Kênh thương mại với hơn 680 đối tác hiện đại;
- Kênh thương mại điện tử với hơn 160.000 khách hàng;
- Kênh xuất khẩu với 88 quốc gia.

Mạng lưới phân phối đa kênh tích hợp từ kênh truyền thống, hiện đại, thương mại điện tử cho đến các thị trường xuất khẩu không chỉ đóng vai trò hỗ trợ mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, đồng thời tạo đầu ra ổn định hơn cho danh mục sản phẩm ngày càng đa dạng mà còn trở thành một mắt xích quan trọng trong việc mở rộng quy mô thị trường, nâng cao hiệu quả khai thác chuỗi giá trị và củng cố hiện diện của AgriS tại các thị trường mục tiêu.





TỐI ƯU HÓA HỆ THỐNG KHO BÃI

AgriS tiếp tục hoàn thiện hạ tầng logistics và năng lực điều phối hàng hóa thông qua mạng lưới kho bãi quy mô lớn gồm 28 kho với tổng diện tích 93.570 m² và tổng sức chứa đạt 247.460 tấn. Việc duy trì quy mô kho bãi phù hợp với nhu cầu vận hành giúp AgriS chủ động hơn trong công tác dự trữ và luân chuyển hàng hóa, đồng thời hỗ trợ kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả phân phối. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tăng cường khả năng đáp ứng thị trường và hỗ trợ mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Quy mô hạ tầng kho bãi hiện hữu tiếp tục đáp ứng yêu cầu vận hành ngày càng đa dạng của AgriS khi Công ty mở rộng danh mục sản phẩm và thị trường kinh doanh. Việc tối ưu năng lực kho vận theo quy mô hoạt động góp phần nâng cao khả năng thích ứng của hệ thống, bảo đảm nền tảng vận hành ổn định và hỗ trợ Công ty triển khai các định hướng tăng trưởng trong dài hạn.

Giới thiệu
Ban điều hành



ÔNG THÁI VĂN CHUYỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1978

Thời điểm được bổ nhiệm Tổng Giám đốc: Tháng 7/2024

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
709.268 cổ phần, chiếm 0,08%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Montreal (Quebec, Canada)
- Cử nhân Luật - Đại Học Luật Hà Nội
- Cử nhân Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Hoàn thành chương trình:
  - » Đào tạo quản lý của Chính phủ Thuỵ Điển (SIMP 2019 - Swedish Institute Management Program)
  - » CEO chuyên nghiệp - Tập đoàn Giáo dục PACE
  - » Đào tạo Quản lý dự án - Đại Học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh

GIẢI THƯỞNG

- Giải thưởng Best CEO - Nhà điều hành xuất sắc nhất - Platinum nằm trong nhóm các hạng mục mà AgriS được vinh danh tại Global CSR & ESG Summit and Awards 2025 thường niên lần thứ 17.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 07/2024 - đến nay: Tổng Giám đốc, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 10/2018 - 2024: Phó Chủ tịch HĐQT, CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre
- 02/2020 - 11/2021: Giám đốc Điều hành, Gulf Energy Development Thái Lan / Tổng giám đốc điều hành, Gulf Việt Nam
- 2018 - 2020: Chủ tịch HĐQT, Công ty Chứng khoán Hoàng Gia
- 2013 - 01/2019: Tổng Giám đốc, Tập đoàn TTC
- 2012 - 2015, 2017 - 2018: Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Điện Gia Lai (GEC)
- 2011 - 2014: Chủ tịch Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS) và Công ty CP Đường Ninh Hòa (NHS), PCT HDQT Cty Đường Thành Thành Công Tây Ninh (SBT), PCT HDQT Cty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC)
- 2010 - 2012: Chủ tịch/Phó Chủ tịch Công ty Sacomreal Tân Thắng (dự án Celadon City 82 ha)
- 2009 - 2011: Tổng Giám đốc, CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương tín (TTC Land, tiền thân là Sacomreal)
- 2007 - 2009: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, Công ty CP Du lịch Ngọc Lan
- 2004 - 2007: Giám đốc, Công ty TNHH Hy Thành
- 2002 - 2004: Trưởng phòng Đầu tư, Công ty TNHH SX-TM Thành Thành Công (Chuyên về logistics, đường, mật rỉ, kinh doanh nông sản).

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Với hơn 24 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong các lĩnh vực Nông nghiệp, Năng lượng tái tạo, Du lịch và Bất động sản, ông Thái Văn Chuyện sở hữu nền tảng quản trị đa ngành cùng kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt ở Mía Đường và Dừa. Ông từng tham gia dẫn dắt nhiều thương vụ M&A quy mô lớn trong ngành nông nghiệp, đồng thời tích lũy nền tảng về quản trị, pháp luật và thương mại quốc tế, tạo nên góc nhìn toàn diện về phát triển doanh nghiệp và hội nhập.
- Trong niên độ 2025-2026, ông tiếp tục ghi dấu vai trò điều hành trong việc chuyển hóa Chiến lược phát triển 2025-2030 thành các ưu tiên kinh doanh, mô hình vận hành và chương trình hành động cụ thể. Dưới sự dẫn dắt của ông và Ban Điều hành, AgriS đạt 26,7 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần, 1,25 triệu tấn sản lượng tiêu thụ, hoàn thành 101% kế hoạch trong một niên độ nhiều biến động. Cổ phiếu SBT tăng 14,37%, đưa vốn hóa thị trường lên gần 20.000 tỷ đồng, góp phần củng cố vị thế của AgriS trên thị trường vốn.
- Một dấu ấn nổi bật trong niên độ là việc ông thúc đẩy mô hình Holdings và kiến trúc 03 Centers - 03 Layers - 01 System bước sang giai đoạn vận hành thực chất hơn, tăng sức mạnh hợp lực giữa Nông nghiệp - Sản xuất - Thương mại và từng bước hình thành logic điều hành xuyên suốt từ kinh doanh, vận hành đến phân bổ nguồn lực. Song hành với đó, AgriS tiếp tục nâng cấp các năng lực trọng yếu về chuỗi cung ứng, quản trị đầu tư và vốn, dữ liệu - công nghệ, chính sách - đối ngoại và tổ chức, tạo nền tảng cho hiệu quả vận hành và các động lực tăng trưởng mới.
- Trên nền tảng Chuỗi giá trị Thương mại tuần hoàn - Circular Commercial Value Chain, ông cùng Ban Điều hành tiếp tục thúc đẩy mở rộng hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Xuyên suốt quá trình này là dấu ấn của ông trong việc kết nối năng lực chuyên môn của Ban Điều hành thành sức mạnh thực thi chung của Tập đoàn, qua đó củng cố năng lực quản trị, sức mạnh hệ sinh thái và nền tảng tăng trưởng dài hạn để AgriS hiện thực hóa các mục tiêu Chiến lược đến 2030-2031 và từng bước khẳng định vị thế tập đoàn nông nghiệp công nghệ cao mang tầm khu vực.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không



ÔNG TRẦN QUỐC THẢO

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1979

Thời điểm được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc: Tháng 7/2024

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
791.748 cổ phần, chiếm 0,09%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp - Đại học Kinh tế Tp.HCM
- Chứng chỉ sau Đại học (Post-graduate Diploma) ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế
- Chứng chỉ sau Đại học (Post-graduate Diploma) ngành Kế toán và Tài chính ứng dụng

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 7/2024 - Nay: Phó TGĐ CTCP Thành Thành Công - Biên Hoà
- 6/2025 - Nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP AgriS Xuất Nhập khẩu Ninh Hoà
- 7/2023 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Hàng Tiêu dùng Biên Hòa
- 7/2023 - 7/2024: Phó TGĐ Thường trực CTCP Thành Thành Công - Biên Hoà
- 1/2023 - 7/2023: Phó TGĐ CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2017 - 2019: Phó TGĐ Khối Tài chính CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai
- 2015 - 2017: Phó TGĐ Tài chính CTCP Đường Biên Hòa[]2012 - 2015: Phó TGĐ Thường trực CTCP Đường Ninh Hòa
- 2011 - 2012: Phó TGĐ Đầu tư CTCP Đặng Huỳnh
- 2009 - 2011: Trưởng phòng Đầu tư CTCP Xây dựng Và Kinh doanh Nhà Đại Phúc
- 2007 - 2008: Chuyên viên Phát triển Sản phẩm, Ngân hàng TMCP Á Châu
- 2003 - 2007: Kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, Ông Trần Quốc Thảo đã quản lý và điều hành nhiều dự án quan trọng, bao gồm triển khai hệ thống ERP trên nền tảng Microsoft Dynamics AX, áp dụng IFRS cho AgriS, và thương vụ M&A giữa SBT và BHS năm 2017.
- Ông xây dựng và triển khai thành công Mô hình vận hành tối ưu Operation Exellency (OPEE), xây dựng và phát huy vận hành tối ưu tập trung vào 3 yếu tố chính: Con người - Quy trình - Hệ thống. Định hình mô hình vận hành mới, tạo ra hệ thống linh hoạt, tối ưu hóa quy trình và nâng cao hiệu quả toàn diện;
- Ông đã đặt nền móng cho việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn kế toán IFRS cho AgriS, hướng đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn tốt nhất về quản lý tài chính hiệu quả và minh bạch tài chính với các Bên liên quan;
- Ông thành công huy động hàng trăm triệu USD từ các Tổ chức Tài chính lớn trong và ngoài nước, đóng góp quan trọng vào việc phát triển và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, vươn tầm quốc tế của AgriS;
- Ông góp phần xây dựng và củng cố đội ngũ Khối Tài chính chuyên môn cao, đảm bảo sự liên tục trong hoạt động vận hành và sẵn sàng đáp ứng kế hoạch phát triển của Công ty.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không

Giới thiệu Ban điều hành (tiếp theo)



BÀ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1987

Thời điểm được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc: Tháng 07/2024

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 1.377.030 cổ phần, chiếm 0,15%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Đại học Mở TP.HCM
- Cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Đại học Đà Lạt
- Chứng chỉ Phân tích Tài chính Doanh nghiệp, Viện Nghiên cứu Châu Á

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 07/2024 - Nay: Phó Tổng Giám đốc, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 05/2023-07/2024: Giám đốc Vận hành, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 01/ 2020-07/2024: Giám đốc Tài chính, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 10/2019 - 01/ 2020: Phó Giám đốc Tài chính, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 08/2019 - 10/ 2019: Trưởng phòng Tài chính, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2018 - 08/ 2019: Phó phòng Tài chính, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2017 - 2018: Phó phòng Tài chính Kế hoạch, CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín
- 2015 - 2017: Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, CTCP Đầu tư Kiến Trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Trong niên độ 2025-2026, bà Phương Thảo ghi dấu ấn với vai trò điều hành đa chức năng, kết hợp nền tảng chuyên sâu về tài chính - nguồn vốn với kinh nghiệm thực tiễn trong quản trị vận hành và chuỗi cung ứng, qua đó đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi và kết nối nguồn lực trên toàn hệ thống AgriS.
- Trên cương vị Phó Tổng Giám đốc Khối Vận hành, bà tập trung củng cố kỷ luật vận hành, hiệu quả phối hợp liên chức năng và tính xuyên suốt trong tổ chức thực thi. Trọng tâm không chỉ ở việc hoàn thiện các cơ chế quản trị, mà còn ở khả năng đưa các yêu cầu vận hành vào thực tiễn, kết nối các chức năng và nguồn lực để xử lý những bài toán xuyên đơn vị, góp phần nâng cao tính nhất quán và hiệu quả trong hoạt động của hệ thống.
- Ở giai đoạn tiếp theo, bà được giao tham gia phụ trách Chuỗi cung ứng, mở rộng phạm vi điều hành sang một trong những dòng vận động trọng yếu của chuỗi giá trị AgriS. Sự kết hợp giữa kinh nghiệm vận hành và tư duy tài chính giúp bà tiếp cận chuỗi cung ứng từ góc nhìn tổng thể hơn về dòng hàng, dòng tiền và hiệu quả sử dụng nguồn lực, góp phần tăng cường sự kết nối giữa nhu cầu kinh doanh với các hoạt động cung ứng và vận hành.
- Xuyên suốt niên độ, dấu ấn của bà được thể hiện ở khả năng kết nối quản trị với thực thi, kết nối vận hành với nguồn lực, đồng thời mở rộng chiều sâu điều hành từ tài chính sang các mắt xích trọng yếu của chuỗi giá trị. Nền tảng trải nghiệm đa chiều này tiếp tục củng cố năng lực của bà trong quản trị và phân bổ nguồn lực, đóng góp cho yêu cầu tăng trưởng và phát triển dài hạn của AgriS.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không



ÔNG HUỲNH VĂN PHÁP

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1979

Thời điểm được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc: 5/2025

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 1.281.097 cổ phần, chiếm 0,14%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Quản trị Kinh doanh Trường ĐH Kinh tế TpHCM
- Global Mini MBA trường Kinh doanh và Công nghệ FPT

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 05/2025 - nay: Phó Tổng Giám đốc, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 06/2026 - nay: Tổng giám đốc công ty CP đầu tư Betrimex (BTMI)
- 03/2025 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT, CTCP Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa - Trung tâm Thương mại tích hợp (Commercial Center), thành viên của AgriS
- 2022 - 03/2025: Tổng Giám đốc, CTCP Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa - Trung tâm Thương mại tích hợp (Commercial Center), thành viên của AgriS
- 2021 - 2024: Phó Tổng Giám đốc Khối Kinh doanh, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2015 - 05/2021: Giám đốc Khối Kinh doanh, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2018 - 2020: Phó Chủ tịch và Chủ tịch HĐQT, CTCP Thương mại XNK Biên Hòa & Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai
- 2010 - 2011: Thành viên HĐQT, CTCP Mía đường Gia Lai và CTCP Mía đường Ninh Hòa
- 2010 - 2014: Phó Giám đốc Kinh doanh, Công ty TNHH Đặng Thành và CTCP Bao bì Thành Thành Công.

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Ông tham mưu HĐQT và Ban Điều hành gắn chiến lược AgriS đến năm 2030 với định hướng chính sách và các ưu tiên phát triển của Trung ương, địa phương, nhằm chủ động khai thác cơ chế hỗ trợ và tiếp cận nguồn lực phục vụ tăng trưởng. Trong lĩnh vực chính sách, ông tham gia phối hợp, tham vấn và kiến nghị Bộ công thương duy trì các biện pháp bảo vệ ngành sản xuất trong nước.
- Ông chú trọng xây dựng nền tảng quan hệ chính phủ, hiệp hội và gắn kết các bên liên quan thông qua thiết lập, củng cố các kênh đối thoại với cơ quan, lãnh đạo Bộ, ngành, các địa phương trọng điểm và Các hiệp hội ngành nghề góp phần nâng cao tiếng nói của AgriS trong các vấn đề phát triển ngành, tăng cường sự tín nhiệm và vai trò đồng hành của doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng đối tác.
- Ông định hướng phát triển hoạt động quan hệ đối ngoại (CA) trở thành cầu nối chiến lược giữa hợp tác thể chế, xúc tiến đầu tư và phát triển dự án. Thông qua triển khai các MOU với các bộ, địa phương và đối tác, thúc đẩy kết nối chính sách, lợi thế địa bàn và nguồn lực đầu tư, công nghệ, tạo nền tảng triển khai các cơ hội hợp tác.
- Ông định hướng quản trị danh tiếng như một tài sản chiến lược, chú trọng phát triển các kênh truyền thông, đối thoại phù hợp từng nhóm đối tượng, bảo đảm thông tin minh bạch, thông điệp nhất quán và phản ánh năng lực, đóng góp thực tiễn. Qua đó, ông góp phần củng cố định vị AgriS là doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, có trách nhiệm và đáng tin cậy; phát huy giá trị của uy tín và quan hệ đối ngoại trong mở rộng hợp tác và thực thi chiến lược tăng trưởng dài hạn.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không

Giới thiệu Ban điều hành (tiếp theo)



BÀ NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KHỐI CUNG ỨNG

Năm sinh: 1976

Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Khối Cung ứng:
Tháng 06/2025 - Tháng 05/2026

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
0 cổ phần, chiếm 0,00%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Ngôn ngữ Anh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 06/2025 - 05/2026: Phó Tổng Giám đốc Khối Cung ứng, Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
- 2023 - 2025: Giám đốc cung ứng cấp cao Công ty Highlands Coffee VN.
- 2016 - 2023: Giám đốc Cung ứng, L'Oréal Indonesia.
- 2013 - 2016: Giám đốc Cung ứng, L'Oréal Việt Nam.
- 02/2012 - 06/2013: Phó Giám đốc Phát triển Kinh doanh Khu vực Đông Nam Á Công ty IKEA - SEA TRADING
- 02/2009 - 02/2012: Phó giám đốc quản lý danh mục đầu tư Công ty Bankinvest.

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Bà Nguyễn Thị Lan Phương thúc đẩy chuyển dịch Chuỗi Cung ứng AgriS từ điều phối vận hành sang quản trị tích hợp, kết nối thị trường - sản xuất - nguồn cung - tồn kho - logistics với mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả tài chính của Tập đoàn.
- Trước biến động địa chính trị, giá năng lượng, nguyên vật liệu và rủi ro gián đoạn thương mại toàn cầu, AgriS duy trì OTIF B2B đạt 98,3%, khẳng định năng lực bảo đảm nguồn cung và sức chống chịu của chuỗi trong môi trường kinh doanh nhiều biến động.
- Số hóa tiếp tục trở thành nền tảng nâng chất lượng quyết định. Các cấu phần S&OP hướng tới IBP, Demand Planning, MPS/MRP, TMS và dashboard quản trị được tăng cường kết nối trên một nền dữ liệu thống nhất, từng bước chuyển từ theo dõi vận hành sang dự báo và điều hành chủ động, nâng cao khả năng phản ứng trước biến động và tối ưu nguồn lực toàn chuỗi.
- Chương trình Supply Chain Finance (SCF) được mở rộng từ giải pháp tài chính thành đòn bẩy tối ưu vốn lưu động của hệ sinh thái, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho đối tác, tối ưu điều khoản thanh toán và hiệu quả dòng tiền. Sự kết hợp giữa quản trị tích hợp, dữ liệu và tài chính chuỗi cung ứng đang từng bước đưa Chuỗi Cung ứng trở thành năng lực tạo giá trị, nâng hiệu quả vốn và hỗ trợ tăng trưởng của AgriS ở quy mô Tập đoàn.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không



ÔNG NGUYỄN ĐỨC HÙNG LINH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KHỐI ĐẦU TƯ

Năm sinh: 1977

Thời điểm được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Khối Đầu tư:
Tháng 08/2025

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
0 cổ phần, chiếm 0,00%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội
- Tốt nghiệp chương trình MBA tại Đại học Kỹ thuật Nanyang (Singapore) - thuộc Top 25 chương trình MBA toàn cầu theo xếp hạng của Financial Times.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 07/2025 - nay: Phó Tổng Giám đốc Khối Đầu tư, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 01/2025 - 06/2025: Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam
- 01/2023 - 12/2024: Đồng sáng lập và Cố vấn trưởng, THINK FUTURE Consultancy & Investment
- 01/2021 - 01/2023: Giám đốc Đầu tư cấp cao và Phát triển kinh doanh, SK Group Việt Nam
- 05/2020 - 12/2020: Phó Tổng Giám Đốc Kiêm Giám Đốc Đầu Tư Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI
- 09/2019 - 05/2020: Kinh tế trưởng kiêm Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu và Phát triển, CTCP Chứng khoán SSI
- 2011 - 2019: Trưởng phòng Nghiên cứu và Tư vấn Đầu tư CTCP Chứng khoán SSI.

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Ông Nguyễn Đức Hùng Linh đã cùng AgriS định hình chiến lược đầu tư và kiến tạo các động lực tăng trưởng mới, với Investment Theme được cấu trúc trên ba trụ cột Organic Growth - Strategic Investment - M&A. Định hướng ưu tiên các lĩnh vực có giá trị gia tăng, hàm lượng công nghệ và tiềm năng tăng trưởng cao đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch danh mục của AgriS từ nền tảng commodity truyền thống sang Food, Beverage & Ingredients, mở rộng không gian tăng trưởng dài hạn và từng bước hiện thực hóa định vị Market Creator.
- Ông tham gia góp phần mở rộng năng lực tiếp cận vốn và hệ sinh thái đầu tư chiến lược của AgriS, phát triển kết nối với các nhà đầu tư, định chế tài chính và đối tác chiến lược trong nước, quốc tế. Qua đó, AgriS gia tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn chiến lược, cơ hội đầu tư và M&A xuyên biên giới, bổ sung nguồn lực cho mở rộng ngành hàng, thị trường và quy mô hoạt động.
- Ông đã cùng AgriS củng cố năng lực đầu tư chuyên sâu và có hệ thống ở cấp Tập đoàn, bao phủ Corporate Investment, Strategic Investment và M&A. Nền tảng này góp phần nâng cao kỷ luật phân bổ vốn, chất lượng quyết định đầu tư và năng lực thực thi các giao dịch chiến lược, từng bước đưa đầu tư trở thành một năng lực cốt lõi của AgriS, tạo nền tảng cho quá trình mở rộng danh mục, quy mô và hiện diện của Tập đoàn trên thị trường khu vực và quốc tế.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không

I Giới thiệu Ban điều hành (tiếp theo)



BÀ NGUYỄN BẠCH KIM VY

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1977

Thời điểm được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc: Tháng 02/2026

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0 cổ phần, chiếm 0%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Thạc sĩ Quản trị nhân sự
- Cử nhân Ngôn Ngữ Anh
- Cử nhân Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 11/2025 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 08/2024 - 10/2025: Phó Tổng Giám đốc Công ty Sơn Kim
- 12/2019 - 04/2024: Phó Tổng Giám đốc Vận hành CTCP Tập đoàn NovaGroup
- 07/2021 - 11/2022: Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán CTCP Tập đoàn Nova Consumer
- 12/2012 - 06/2019: Phó Tổng Giám đốc Nhân sự Công ty CP Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa..

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Bà Nguyễn Bạch Kim Vy tham gia dẫn dắt chương trình chuyển đổi cấp Tập đoàn, tập trung chuyển hóa định hướng chiến lược thành năng lực thực thi thông qua đồng bộ mô hình tổ chức, năng lực lãnh đạo, phương thức vận hành và nền tảng quản trị theo định hướng "3 Centers - 3 Layers - 1 System".
- Một trong những trọng tâm là thúc đẩy kiện toàn tổ chức và đội ngũ lãnh đạo phù hợp với mô hình tăng trưởng mới của AgriS. Công tác nhân sự cấp cao được triển khai theo định hướng xuyên suốt Holdings - Centers - đơn vị thành viên, chú trọng sự phù hợp giữa năng lực và vai trò tại từng tầng quản trị, qua đó tăng cường trách nhiệm giải trình, tính liên kết và hiệu quả phối hợp trong toàn hệ thống.
- Song hành với chuyển đổi tổ chức, AgriS từng bước củng cố nền tảng quản trị nguồn nhân lực ở quy mô Tập đoàn. Trong niên độ, AgriS khởi động xây dựng nền tảng HRM theo định hướng tích hợp dữ liệu nhân sự, năng lực và hiệu suất; đồng thời thúc đẩy các chương trình phát triển năng lực về văn hóa, quản trị và Supply Chain trên toàn hệ thống, hướng tới đồng bộ tư duy, chuẩn quản trị và năng lực thực thi.
- Trên nền tảng People - Process - System, chương trình chuyển đổi từng bước thúc đẩy sự kết nối giữa con người, quy trình, dữ liệu và hệ thống với các mục tiêu chiến lược. Đây là cơ sở để AgriS tiếp tục hoàn thiện kiến trúc vận hành thống nhất, nâng cao năng lực thực thi ở quy mô Tập đoàn và chuẩn bị nền tảng tổ chức cho mục tiêu tăng trưởng, mở rộng hệ sinh thái trong giai đoạn tiếp theo.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không



BÀ ĐẶNG THỊ DIỄM TRINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1989

Thời điểm được bổ nhiệm Kế toán trưởng: Tháng 10/2023

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 269.133 cổ phần, chiếm 0,03%

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Tài chính kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 10/2023 - Nay: Kế toán trưởng CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 07/2023 - 09/2023: Trưởng phòng Kế toán CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 8/2022 - 7/2023: Phó phòng Kế toán CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 5/2019 - 7/2022: Kế toán trưởng Nhà máy TTCS, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 5/2016 - 5/2019: Kế toán tổng hợp Nhà máy TTCS, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 09/2011 - 05/2016: Chuyên viên Kế toán quản trị Nhà máy TTCS, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa.

THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ DẤU ẤN NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Gia nhập AgriS từ những ngày đầu tiên sau khi tốt nghiệp, Bà Trinh đã có 15 năm gắn bó với ngành Kế toán, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng khác nhau tại AgriS và các Công ty thành viên, có sự hiểu biết sâu sắc về hoạt động tài chính của Doanh nghiệp.
- Bà Trinh đã tham gia tích cực vào quá trình chuẩn hóa quy trình kế toán, đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động kế toán từ cấp độ Nhà máy đến Tổng Công ty, đóng góp vào sự phát triển bền vững và minh bạch tài chính của AgriS.
- Vận hành ứng dụng hệ thống ERP đóng góp quan trọng vào việc cải thiện công tác quản lý hệ thống kế toán và quản trị;
- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn kế toán quốc tế IFRS cho toàn bộ hệ thống của AgriS. Việc này giúp Công ty chuẩn hóa các quy trình báo cáo tài chính hướng đến việc tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, cải thiện tính minh bạch và nâng cao khả năng tiếp cận với các Nhà đầu tư nước ngoài;
- Dưới sự quản lý của Bà Trinh, đội ngũ kế toán được tổ chức theo hướng tinh nhuệ, chuyên môn hoá cao, đảm bảo hoạt động vận hành liên tục, tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực tài chính và sẵn sàng đáp ứng kế hoạch phát triển của Công ty.
- Kết hợp với đơn vị kiểm toán ban hành chuẩn chỉnh các quy trình liên quan đến thuế nhằm quản lý tối ưu thuế và hạn chế rủi ro.

CÁC CHỨC VỤ HIỆN ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC: Không

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động trong năm

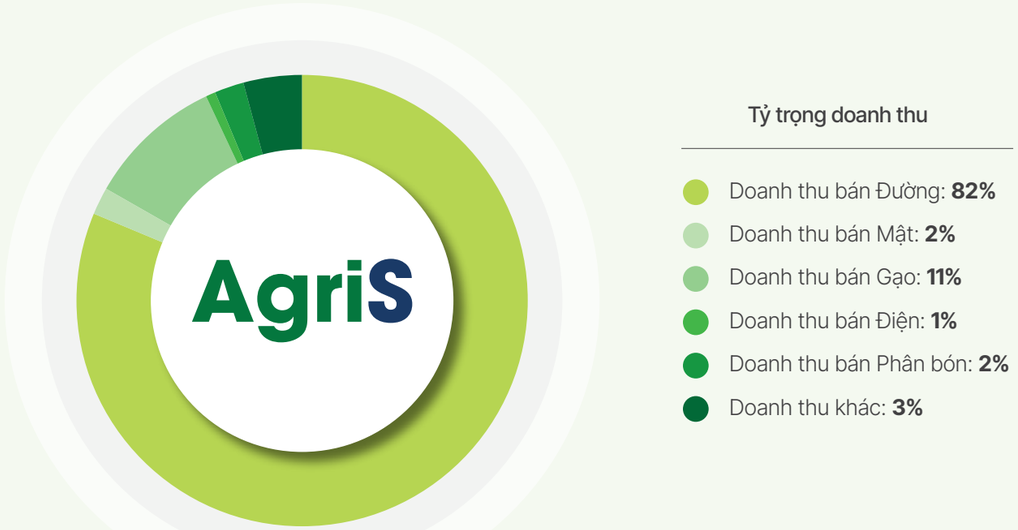
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Niên độ 2025-2026 đánh dấu năm đầu tiên AgriS triển khai chiến lược tăng trưởng giai đoạn đến 2030-2031, tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình sản xuất nông nghiệp thuần túy sang Tập đoàn Nông nghiệp Công nghệ cao, mở rộng chuỗi giá trị thực phẩm - đồ uống (F&B). Vượt qua những biến động của thị trường và kinh tế vĩ mô, Công ty duy trì nền tảng hoạt động ổn định, đồng thời tăng tốc triển khai các chương trình đầu tư chiến lược, mở rộng hệ sinh thái và từng bước đa dạng hóa các động lực tăng trưởng.

Doanh thu thuần hợp nhất niên độ 2025-2026 đạt 26.733 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 911 tỷ đồng, tương đương 96% kế hoạch và duy trì ở mức cao trong bối cảnh chu kỳ ngành điều chỉnh. Lợi nhuận sau thuế đạt 846 tỷ đồng, tăng 1,4% so với cùng kỳ. Việc doanh thu vượt kế hoạch và lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng trưởng phản ánh năng lực thích ứng linh hoạt, hiệu quả điều hành và khả năng duy trì hiệu quả sinh lời của AgriS trong giai đoạn chuyển đổi.

Về cơ cấu doanh thu, ngành Đường tiếp tục giữ vai trò trụ cột trong hoạt động kinh doanh của AgriS, đóng góp khoảng 82% tổng doanh thu với sản lượng tiêu thụ hơn 1,25 triệu tấn. Các sản phẩm cạnh đường - sau đường cốt lõi gồm Mật rỉ và Điện thương phẩm duy trì mức đóng góp ổn định, lần lượt đạt gần 518 tỷ đồng (chiếm khoảng 2% tổng doanh thu) và đạt gần 185 tỷ đồng (chiếm gần 1% tổng doanh thu). Đồng thời, tỷ trọng doanh thu từ các ngành hàng mới tiếp tục gia tăng. Trong đó, mảng Gạo ghi nhận doanh thu hơn 2.800 tỷ đồng, đóng góp khoảng 10% tổng doanh thu. Các mảng giá trị gia tăng khác như dịch vụ nông nghiệp, cây ăn quả, thực phẩm và đồ uống đạt hơn 1.000 tỷ đồng, tương đương 4% tổng doanh thu. Sự dịch chuyển này cho thấy chiến lược mở rộng hệ sinh thái nông nghiệp - thực phẩm đang từng bước được hiện thực hóa, hình thành thêm các động lực tăng trưởng mới cho AgriS.

Cơ cấu Doanh thu theo loại hình Sản phẩm Niên độ 2025-2026



Nguồn: BCTC hợp nhất Kiểm toán niên độ 2025-2026

Kết thúc niên độ, quy mô tổng tài sản của Công ty đạt 37.799 tỷ đồng, tăng hơn 16% so với thời điểm 30/06/2025, tạo nền tảng để Công ty duy trì ổn định hoạt động sản xuất, thương mại và đầu tư cho các dự án chiến lược giai đoạn tới.

Về hiệu quả hoạt động, trong bối cảnh chu kỳ ngành điều chỉnh, AgriS tiếp tục duy trì biên lợi nhuận gộp ở mức khoảng 10%. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm khoảng 3 tỷ đồng so với cùng kỳ, cho thấy nỗ lực kiểm soát chi phí tiếp tục phát huy hiệu quả. Đáng chú ý, dù tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu thuần đạt 3,5%, tăng 1 % so với cùng kỳ, biên lợi nhuận trước thuế vẫn đạt 3,4%, cải thiện nhẹ khoảng 0,1%, cho thấy Công ty duy trì hiệu quả sinh lời trong quá trình mở rộng hoạt động thương mại và danh mục sản phẩm.



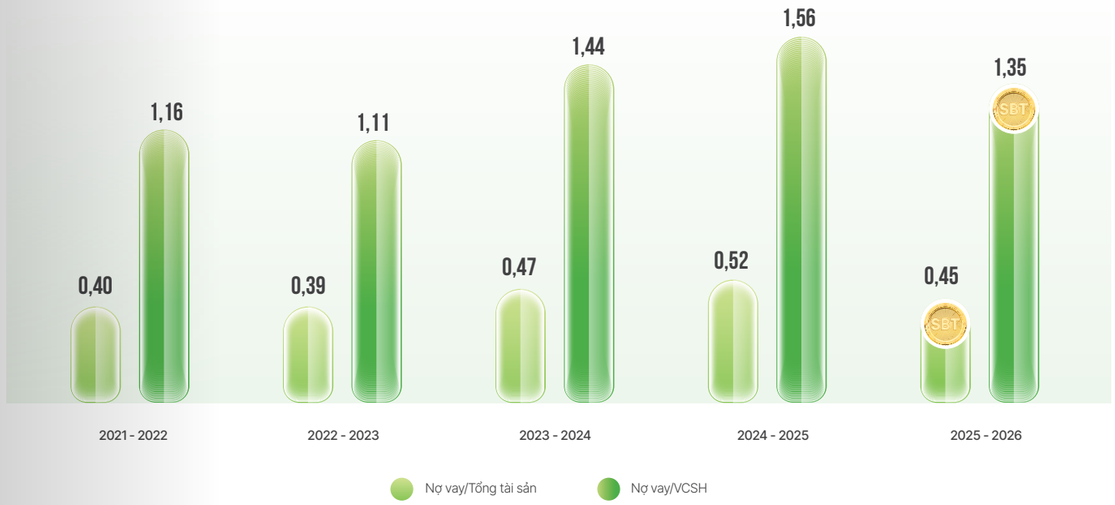
Các chỉ số sinh lời trong niên độ tiếp tục được duy trì với ROA và ROE lần lượt đạt khoảng 2,4% và 7,3%, phản ánh khả năng tạo lợi nhuận và hiệu quả sử dụng nguồn lực của AgriS trong bối cảnh quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu mở rộng, qua đó củng cố nền tảng tài chính cho việc triển khai chiến lược đến 2030-2031.

AgriS tiếp tục chú trọng tái cấu trúc nguồn vốn và duy trì thanh khoản ở mức an toàn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và các định hướng đầu tư chiến lược. Tại ngày 30/06/2026, hệ số thanh toán hiện hành đạt 1,23 và hệ số thanh toán nhanh đạt 1,01; dù giảm nhẹ so với mức 1,29 và 1,06 tại cuối niên độ trước, cả hai chỉ số vẫn duy trì trên 1, thể hiện khả năng đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn được đảm bảo.

Chỉ tiêu	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Hệ số thanh toán hiện hành	1,47	1,18	1,17	1,22	1,29	1,23
Hệ số thanh toán nhanh	1,10	0,88	0,90	1,02	1,06	1,01

Cơ cấu nguồn vốn tiếp tục được quản trị theo hướng cân đối giữa nhu cầu vốn, kỳ hạn và khả năng thanh khoản. Các chỉ số đòn bẩy tài chính cải thiện rõ rệt so với cuối niên độ trước: hệ số Nợ vay/Tổng tài sản giảm từ 0,52 lần xuống 0,45 lần, trong khi hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu giảm từ 1,56 lần xuống 1,35 lần. Diễn biến này phản ánh hiệu quả của các giải pháp củng cố vốn chủ sở hữu và điều chỉnh cơ cấu nợ trong niên độ.

Chỉ số cơ cấu vốn



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động trong năm (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH

Trong những năm qua, AgriS từng bước chuyển dịch từ mô hình doanh nghiệp đường truyền thống sang mô hình kinh doanh nông nghiệp tích hợp, với định hướng mở rộng hệ sinh thái, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng trên toàn chuỗi. Những bước tiến trong tái cấu trúc mô hình kinh doanh, phát triển thị trường và ứng dụng công nghệ đã góp phần củng cố vị thế của AgriS trong ngành nông nghiệp - thực phẩm, đồng thời tạo nền tảng cho chiến lược tăng trưởng dài hạn theo hướng bền vững.

Vị thế nổi bật về quy mô và thị trường

AgriS duy trì vị thế hàng đầu trong ngành đường Việt Nam, với khoảng 46% thị phần nội địa và sản lượng đường tiêu thụ trên 1 triệu tấn mỗi năm. Niên độ 2025-2026, doanh thu thuần hợp nhất đạt 26.733 tỷ đồng, trong đó các ngành hàng ngoài đường tiếp tục đóng góp đáng kể vào cơ cấu doanh thu. Lợi nhuận trước thuế đạt 911 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 846 tỷ đồng, duy trì tăng trưởng bền vững trước những biến động của thị trường.

Lợi thế từ chuỗi giá trị tích hợp

AgriS xây dựng mô hình chuỗi giá trị tích hợp, kết nối xuyên suốt từ phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất - chế biến đến lưu trữ, phân phối và thương mại quốc tế. Công ty hiện sở hữu 78.000 ha vùng nguyên liệu tại 4 quốc gia gồm Việt Nam, Lào, Campuchia và Úc, hệ thống 28 kho với tổng sức chứa khoảng 247.460 tấn, diện tích 93.570 m^2, cùng mạng lưới phân phối hơn 2.000 khách hàng B2B, hơn 63.000 điểm bán B2C, hơn 680 đối tác kênh Thương mại và 88 quốc gia xuất khẩu. sản phẩm của AgriS cũng được mở rộng và đa dạng hóa hơn 200 sản phẩm như các sản phẩm Đường, Cạnh Đường và Sau Đường; các sản phẩm Nước uống từ dừa, Sữa dừa, Nước cốt Dừa; các sản phẩm Gạo; Cây ăn quả; Phân bón. Chuỗi giá trị này tạo nền tảng vững chắc để AgriS nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng thích ứng và hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn.

So sánh về vốn hoá, hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So với các doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết, AgriS hiện tại là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất về mặt vốn hoá, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, doanh thu và lợi nhuận.

ĐVT: Tỷ đồng

Tên doanh nghiệp	Vốn hoá tại ngày 30/06/2026	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa (SBT)	19.261	37.799	12.460	26.733	846
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (SLS)	1.477	2.099	1.762	1.080	191
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	745	3.247	1.820	2.319	55
Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (KTS)	103	609	257	580	6

Không chỉ tập trung vào ngành đường chủ lực, AgriS chủ động mở rộng hệ sinh thái nông nghiệp - thực phẩm đối với các ngành hàng có tiềm năng tăng trưởng, từng bước đa dạng hóa danh mục sản phẩm và khai thác sâu hơn giá trị từ các cây trồng như Dừa, Chuối, Gạo,... Nổi bật trong niên độ 2025-2026, AgriS đã đầu tư mở rộng năng lực chế biến nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường xuất khẩu đối với ngành hàng gạo, đưa sản lượng tiêu thụ trong niên độ vượt 210 nghìn tấn, qua đó trở thành một trong những ngành hàng đóng góp quan trọng vào tăng trưởng doanh thu của Công ty.

Với hơn 57 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, cùng năng lực công nghệ, sản xuất và quản trị chuỗi giá trị được tích lũy qua nhiều năm, AgriS đang từng bước củng cố vị thế trong hệ sinh thái nông nghiệp - thực phẩm, tạo nền tảng vững chắc để mở rộng quy mô, nâng cao giá trị nông sản và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGĐ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Về phát thải khí nhà kính (GHG emissions), AgriS cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng không (Net Zero) vào năm 2035. Trong niên độ 2025-2026, AgriS ghi nhận:

- Chỉ số phát thải khí nhà kính Scope 1 và Scope 2 từ hoạt động sản xuất đường đạt 32,5 $kgCO_2e$/TTP (tấn thành phẩm), giảm 18% so với niên độ trước, vượt mục tiêu giảm phát thải bình quân 5%/ năm. Kết quả phát thải niên độ 2023-2024 và 2024-2025 đã được xác nhận độc lập bởi Tổ chức Tiêu chuẩn Anh (BSI). Dựa trên phương pháp luận đã được chuẩn hóa này, công ty đã tự thực hiện tính toán và nội suy cho chỉ số phát thải năm 2025, góp phần nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của dữ liệu công bố. Kết quả này đạt được nhờ việc đẩy mạnh các giải pháp giảm phát thải trong toàn bộ hoạt động sản xuất.
- AgriS tiếp tục ưu tiên sử dụng nhiên liệu sinh khối từ bã mía, với hơn 92% điện năng phục vụ sản xuất được tạo ra từ nguồn năng lượng tái tạo này.
- Công ty áp dụng công nghệ cacbonat hóa, cho phép thu hồi và tái sử dụng khoảng 9-12% lượng CO_2 phát sinh từ hệ thống lò hơi trong quy trình sản xuất đường.

Ban Lãnh đạo đánh giá kết quả giảm phát thải trong niên độ 2025-2026 cho thấy các chương trình chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn và đổi mới công nghệ đang phát huy hiệu quả tích cực. Đây là nền tảng quan trọng để AgriS tiếp tục thực hiện lộ trình Net Zero 2035, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo ra giá trị bền vững cho các bên liên quan.

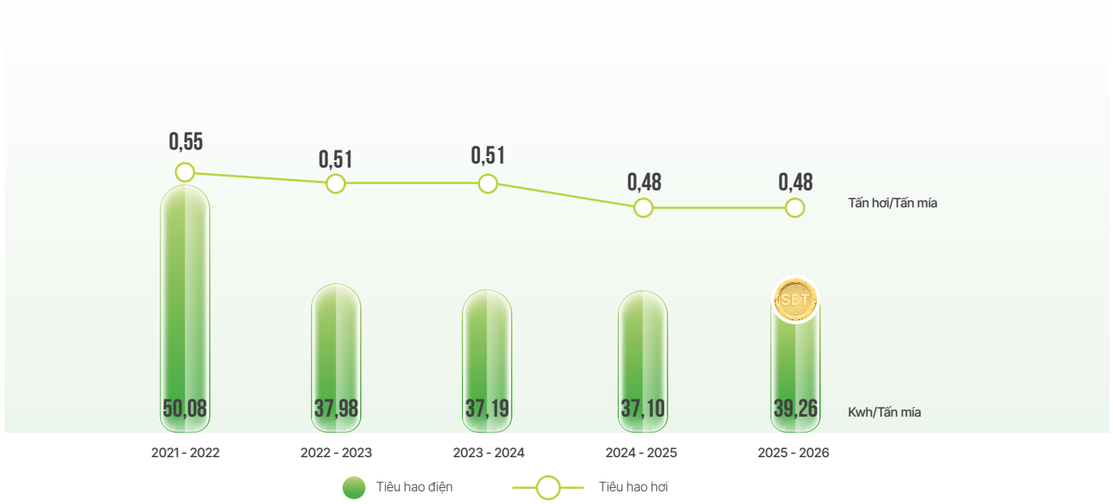
Về mức tiêu thụ năng lượng, AgriS tiếp tục đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất thông qua việc tận dụng bã mía làm nhiên liệu sinh khối. Trong niên độ 2025-2026 ghi nhận:

- Hơn 92% điện năng sử dụng được tự sản xuất từ nguồn biomass là bã mía, phần còn lại được bổ sung từ lưới điện quốc gia. Việc sử dụng hiệu quả phụ phẩm sản xuất không chỉ giúp tối ưu chi phí năng lượng, giảm phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch mà còn góp phần giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn.
- Chỉ tiêu tiêu hao hơi đã giảm từ 0,67 tấn hơi/tấn mía trong niên độ 2020-2021 xuống còn 0,48 tấn hơi/tấn mía trong niên độ 2025-2026, tương đương mức cải thiện hơn 28%. Kết quả này phản ánh hiệu quả của các chương trình tối ưu hóa công nghệ và vận hành sản xuất nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng.
- Trong niên độ 2025-2026, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất, các dự án nâng công suất tại Gia Lai và Tây Ninh đi vào hoạt động làm gia tăng cường độ tiêu thụ điện trên đơn vị sản phẩm trong ngắn hạn. Ban Lãnh đạo đánh giá đây là ảnh hưởng mang tính tạm thời và kỳ vọng hiệu quả sử dụng năng lượng sẽ tiếp tục được cải thiện khi hệ thống vận hành ổn định. Công ty sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao hiệu suất năng lượng nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng bền vững và giảm phát thải trong dài hạn.



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động trong năm (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGĐ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)



Về tiêu thụ, tái sử dụng nước, AgriS cam kết tiết kiệm lượng nước sử dụng, thực hiện kế hoạch bảo tồn và quản lý nguồn nước nhằm đảm bảo canh tác bền vững, hướng tới mục tiêu tái sử dụng 95% nước thải vào năm 2035. Trong niên độ 2025-2026 ghi nhận tỷ lệ tái sử dụng nước đạt 48%, hoàn thành khoảng 51% lộ trình hướng tới mục tiêu tái sử dụng 95% nước thải vào năm 2035. Việc duy trì tỷ lệ sử dụng nước mặt trên 90% giúp giảm đáng kể áp lực lên các tầng chứa nước ngầm địa phương, góp phần hạn chế nguy cơ sụt lún đất và giảm xung đột trong khai thác nguồn nước với cộng đồng.

Về tuân thủ quy định môi trường, trong niên độ 2025-2026, Công ty không ghi nhận trường hợp vi phạm hoặc xử phạt hành chính nào liên quan đến lĩnh vực môi trường. Công tác tuân thủ pháp luật về môi trường tiếp tục được duy trì hiệu quả thông qua việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu pháp lý, vận hành các hệ thống quản lý môi trường và tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra định kỳ tại các đơn vị sản xuất.

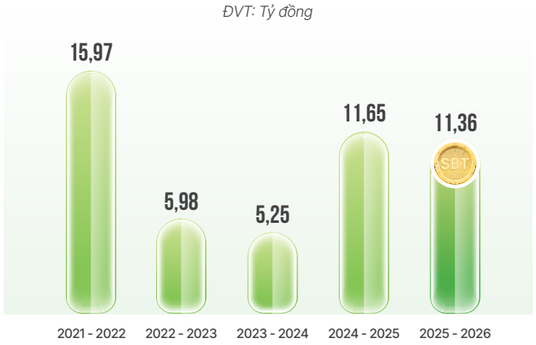
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGĐ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

AgriS luôn xác định phát triển cộng đồng là một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty chủ động đầu tư vào các chương trình tạo giá trị chung (CSV), góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và xây dựng mối quan hệ gắn kết lâu dài với các bên liên quan.

Giai đoạn 2021-2026, AgriS đã dành hơn 50 tỷ đồng cho các chương trình trách nhiệm xã hội hướng đến giáo dục, hỗ trợ cộng đồng yếu thế, khắc phục thiên tai và nâng cao chất lượng sống tại các địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. Riêng trong niên độ 2025-2026, tổng chi phí đóng góp xã hội đạt hơn 11 tỷ đồng, tập trung vào các sáng kiến có tác động thiết thực và bền vững.

Biểu đồ chi phí đóng góp trách nhiệm xã hội của AgriS từ 2020 - 2025

ĐVT: Tỷ đồng



Các chương trình nổi bật trong năm được triển khai theo hướng đa dạng và gắn với nhu cầu thực tiễn của cộng đồng:



Chương trình "AgriS cùng Việt Nam vươn lên" hỗ trợ người dân tại các khu vực chịu ảnh hưởng bởi bão Buloi, Matmo và Kalmagi với tổng kinh phí hơn 700 triệu đồng, góp phần giúp cộng đồng sớm khắc phục thiệt hại và ổn định cuộc sống.



Chương trình chăm lo Tết cho nông dân AgriS tại Việt Nam, Lào và Campuchia tiếp tục thể hiện tinh thần đồng hành và sẻ chia với các hộ nông dân trong vùng nguyên liệu.



Chương trình "Trạm sạc năng lượng" nhằm nâng cao phúc lợi và tăng cường gắn kết cho người lao động trong mùa thu hoạch, thu hút sự tham gia của 3.437 nhân viên và lao động thời vụ.



Công ty đồng thời đầu tư cho giáo dục và phát triển thế hệ tương lai thông qua các chương trình học bổng và dự án cải thiện điều kiện học tập cho học sinh tại các địa phương còn nhiều khó khăn.

Đặc biệt, trong giai đoạn 2024-2026, AgriS tiếp tục triển khai dự án "Xây dựng nhà vệ sinh trường học" theo hướng tiếp cận toàn diện, kết hợp giữa nâng cấp cơ sở hạ tầng và phát triển năng lực con người. Bên cạnh việc xây dựng các công trình đạt chuẩn, Công ty phối hợp cùng các tổ chức chuyên môn triển khai các chương trình đào tạo về sơ cấp cứu, vệ sinh học đường và bảo vệ môi trường cho đội ngũ giáo viên và nhân viên trường học. Kết quả, dự án đã hoàn thành 28 công trình nhà vệ sinh tại 5 trường tiểu học, đào tạo 100 giáo viên và nhân viên y tế học đường, mang lại lợi ích trực tiếp cho hơn 4.500 học sinh, đồng thời trang bị kiến thức và kỹ năng thiết thực cho hơn 4.000 học sinh thông qua các chương trình giáo dục chuyên đề.



Biểu đồ chi phí chương trình cho nông dân của AgriS từ 2021 - 2026

ĐVT: Tỷ đồng



	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	2025 - 2026
Tổng chi phí đầu tư	1.126,23	1.802,27	1.727,15	1.825,00	1.290,60
Số ND hưởng lợi (Trên tổng đầu tư)	4.945	6,007	7,646	10,984	10.304
Tổng chi phí đầu tư không hoàn lại	8,47	30,08	65,19	86,00	61,85
Số ND hưởng lợi (Trên tổng đầu tư không hoàn lại	1.187	3.729	5.121	5.714	5.331

Bên cạnh các hoạt động đóng góp xã hội, AgriS còn triển khai Chương trình Đầu tư cho Nông dân như một sáng kiến trọng tâm trong chiến lược tạo giá trị chung (CSV).

Niên độ 2025-2026, AgiS đã dành gần 1.300 tỷ đồng để hỗ trợ vốn đầu tư, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật canh tác và các chính sách thu mua ổn định cho nông dân trong vùng nguyên liệu. Đồng thời, Công ty đã triển khai các khoản hỗ trợ không hoàn lại với tổng giá trị gần 62 tỷ đồng, giúp giảm áp lực tài chính, cải thiện năng suất sản xuất và nâng cao thu nhập cho hàng nghìn hộ nông dân. Thông qua chính sách hỗ trợ toàn diện và dài hạn, AgriS không chỉ góp phần củng cố sinh kế cho người nông dân mà còn thúc đẩy sự phát triển của chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành và tạo ra những giá trị kinh tế, xã hội lâu dài cho cộng đồng.

Trong giai đoạn 2025-2030, AgriS sẽ tiếp tục mở rộng các chương trình trách nhiệm xã hội theo định hướng tạo giá trị chung, tập trung vào ba trụ cột chiến lược gồm chia sẻ tri thức, lan tỏa các mô hình sản xuất và nông nghiệp bền vững; đồng hành cùng sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương theo hướng tạo giá trị chung; và kiến tạo môi trường sống xanh và bền vững cho các thế hệ tương lai.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGĐ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong niên độ 2025-2026, AgriS trân trọng ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp bền bỉ, trách nhiệm và đầy khát vọng của toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống. Đối với AgriS, người lao động không chỉ là nguồn lực vận hành, mà là nền tảng cốt lõi tạo nên năng lực cạnh tranh, văn hóa hiệu suất và khả năng chuyển đổi của AgriS. Những thành quả đạt được trong niên độ vừa qua cho thấy rõ sức mạnh của một đội ngũ biết phối hợp, biết thích ứng, dám nhận trách nhiệm và cùng hướng về mục tiêu dài hạn của tổ chức.



Đội ngũ nhân sự - Nền tảng cho tăng trưởng và chuyển đổi

Niên độ 2025-2026 quy mô nhân sự AgriS tăng từ hơn 2.600 lên gần 3.500 người nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng toàn AgriS, đồng thời Công ty thực hiện điều chỉnh thu nhập nhằm cải thiện đời sống, tạo động lực làm việc và gắn kết nhân tài. Quá trình mở rộng nhân sự diễn ra song hành với tăng trưởng quy mô hoạt động, các cột mốc vận hành mới và việc duy trì kết quả lợi nhuận ở mức cao, cho thấy nguồn lực được tăng cường để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn chuyển đổi.

Chính sách nhân sự - Gắn kết thành tích, phát triển và ghi nhận

AgriS đánh giá cao vai trò của các chính sách nhân sự trong việc tạo động lực, ghi nhận thành tích và giữ chân nhân tài. Chính sách phát hành cổ phiếu người lao động gắn với kết quả thực hiện KPIs là một trong những cơ chế quan trọng nhằm bảo đảm sự công bằng, minh bạch và chia sẻ giá trị tăng trưởng với những cá nhân, tập thể có đóng góp nổi bật.



AgriS tiếp tục tạo dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng, ghi nhận nhiều trường hợp nhân viên được thăng tiến và phát triển lên các vị trí cao hơn. Điều này cho thấy cam kết của tổ chức trong việc nuôi dưỡng năng lực nội tại, phát triển đội ngũ kế thừa và xây dựng môi trường làm việc nơi người lao động có cơ hội phát triển cùng sự lớn mạnh của doanh nghiệp.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực

Trên nền tảng các kết quả đã đạt được, Công ty sẽ tiếp tục ưu tiên phát triển con người như một trụ cột chiến lược của AgriS. Trọng tâm trong các niên độ tiếp theo là củng cố năng lực quản trị và thực thi, nâng cao năng lực phối hợp xuyên chuỗi giá trị, phát triển đội ngũ kế thừa, tăng cường văn hóa dữ liệu, kỷ luật vận hành và tư duy đổi mới trong toàn hệ thống.



Công ty tiếp tục hoàn thiện các cơ chế ghi nhận, đánh giá và phát triển dựa trên kết quả thực hiện, bảo đảm người lao động có đóng góp xứng đáng được ghi nhận công bằng, minh bạch và có cơ hội phát triển phù hợp. Việc gắn kết giữa thành tích cá nhân, thành tích tập thể và giá trị tăng trưởng của AgriS sẽ là cơ sở quan trọng để tạo động lực dài hạn, nâng cao năng suất và giữ chân đội ngũ nhân sự có năng lực.

Với nền tảng năng lực đã được củng cố, văn hóa hiệu suất đang được lan tỏa và tinh thần tiên phong của đội ngũ, AgriS sẽ tiếp tục chinh phục các mục tiêu cao hơn trong những niên độ tiếp theo, đồng thời kiến tạo nhiều giá trị bền vững hơn cho người lao động, đối tác, cổ đông và cộng đồng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong niên độ 2025-2026, AgriS bước vào giai đoạn chuyển dịch quan trọng trong hành trình thực hiện hóa chiến lược đến 2030-2031, từ trọng tâm xây dựng nền tảng sang tối ưu hóa hiệu năng và từng bước nâng tầm vai trò kiến tạo thị trường. Trên cơ sở mô hình tổ chức và hệ thống quản trị đã được định hình, AgriS tiếp tục kiện toàn cơ cấu, chuẩn hóa hệ thống chính sách, tăng cường quản trị theo quy trình đầu cuối, đẩy mạnh số hóa và nâng cao tính minh bạch, nhất quán trong vận hành. Các cải tiến được thực hiện theo hướng gắn chặt hơn giữa Chiến lược - Cơ cấu tổ chức - Chính sách - Quy trình, qua đó tạo nền tảng quản trị đồng bộ để hỗ trợ các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu và các động lực tăng trưởng mới của AgriS.

Cải tiến về cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị

Về cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị, AgriS tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị 1 Holding - 3 Center - 3 Services, hướng tới phân định rõ vai trò, chức năng và trách nhiệm giữa các cấp quản trị, đơn vị kinh doanh và đơn vị cung cấp dịch vụ dùng chung, nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả trong vận hành. Đồng thời, Công ty tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện để các đơn vị chủ động trong phạm vi được giao, đồng thời bảo đảm sự thống nhất về nguyên tắc quản trị, kiểm soát và điều hành trên toàn AgriS.

Cải tiến hệ thống chính sách và quản trị hoạt động

Về hệ thống chính sách và quản trị hoạt động, AgriS tiếp tục hoàn thiện Khung Văn bản quản trị theo mô hình quản trị của AgriS, trong đó phân định rõ phạm vi áp dụng giữa Holding, Center và BUs. Trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện Khung Văn bản quản trị của AgriS theo mô hình quản trị hiện hành, làm rõ phạm vi áp dụng, nguyên tắc phân cấp, thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị; qua đó tạo cơ sở chuẩn hóa công tác quản trị, điều hành và kiểm soát trong toàn AgriS. Song song đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện Khung Chính sách chung (Process Landscape) tham chiếu theo Khung Phân loại Quy trình APQC (APQC Process Classification Framework - PCF), chuẩn hóa các cấp quy trình L1-L2-L3 và liên kết với hệ thống VBLQ. Đồng thời, AgriS từng bước tích hợp các yêu cầu của các hệ thống quản lý quốc tế, việc triển khai theo hướng này giúp nâng cao khả năng nhận diện, quản lý và đánh giá mức độ bao phủ của hệ thống chính sách đối với các hoạt động vận hành; đồng thời hỗ trợ rà soát, nhận diện các khoảng trống, chồng lấn và nội dung cần cập nhật, góp phần nâng cao tính nhất quán, hiệu quả và khả năng ứng dụng của hệ thống VBLQ trong toàn AgriS.

Trên cơ sở Process Landscape, AgriS tăng cường tiếp cận quản trị theo Quy trình đầu cuối (End-to-End Process), trong đó hệ thống quy trình được nhìn nhận theo các chuỗi hoạt động xuyên suốt thay vì chỉ theo phạm vi của từng phòng ban, qua đó tăng tính liên kết giữa các đơn vị và nhận diện các điểm giao tiếp, điểm kiểm soát và khoảng trống trong hệ thống chính sách. Công ty đồng thời tăng cường quản trị dữ liệu nền về VBLQ thông qua MasterData VBLQ hiệu lực, thực hiện rà soát, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu, tạo cơ sở tin cậy cho công tác tra cứu, báo cáo và quản trị Kế hoạch lập quy. Bên cạnh đó, vai trò quản trị và chuẩn hóa của Holding trên toàn AgriS tiếp tục được tăng cường, tập trung xây dựng khung quản trị, nguyên tắc và phương pháp chung; đồng thời phân định rõ trách nhiệm của Holding, Center, Services, đơn vị chuyên môn và Chủ quy trình trong việc xây dựng, rà soát và bảo đảm tính phù hợp của quy trình, VBLQ thuộc phạm vi phụ trách.

Cải tiến theo các chuẩn mực quản trị quốc tế

Về các chuẩn mực quản trị quốc tế, AgriS từng bước tích hợp các chuẩn mực và thông lệ quản trị quốc tế vào hệ thống quản lý và vận hành, trong đó tham chiếu ISO 9001 về quản lý chất lượng, ISO 31000 về quản lý rủi ro và ISO 37301 về quản lý tuân thủ, góp phần nâng cao tính nhất quán, minh bạch và hiệu quả của hệ thống quản trị. Đồng thời, Công ty tăng cường tiếp cận quản trị theo hướng gắn chất lượng - rủi ro - tuân thủ ngay trong quá trình thiết kế và vận hành, thay vì chỉ kiểm soát sau khi hoạt động phát sinh; qua đó hỗ trợ nâng cao khả năng kiểm soát và tính bền vững trong thực thi chiến lược.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động trong năm (tiếp theo)

Cải tiến về số hóa, dữ liệu và minh bạch thông tin

Về số hóa, dữ liệu và minh bạch thông tin, AgriS đẩy mạnh số hóa công tác quản lý VBLQ và dữ liệu quy trình, từng bước giảm các thao tác thủ công, nâng cao khả năng tra cứu, theo dõi và kiểm soát vòng đời văn bản. Công ty đồng thời tăng cường khai thác MasterData và Dashboard quản trị để theo dõi tình trạng VBLQ, tiến độ Kế hoạch lập quy, mức độ hoàn thành và các điểm tồn đọng, hỗ trợ công tác điều hành và ra quyết định dựa trên dữ liệu; đồng thời chuẩn hóa dữ liệu và cơ chế báo cáo, hướng tới một nguồn dữ liệu thống nhất, minh bạch và có khả năng truy xuất, phục vụ hiệu quả công tác quản trị, giám sát và đánh giá hoạt động trong toàn AgriS.

Các chính sách và nội dung quản trị trọng tâm trong niên độ 2025-2026

Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách và quy định quản trị theo hướng chuẩn hóa, phân cấp rõ trách nhiệm, tăng cường kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả vận hành.

- Đối với quản trị Công ty và Đơn vị thành viên, AgriS tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy định trọng yếu nhằm tăng cường hiệu quả quản trị, giám sát và phối hợp giữa các cấp quản trị. Trọng tâm gồm Quy chế quản lý Đơn vị thành viên, Quy chế thực hiện hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý Người đại diện chỉ định.
- Đối với quản trị rủi ro, kiểm soát và tuân thủ, AgriS tiếp tục củng cố cơ chế kiểm soát theo định hướng Ba tuyến kiểm soát, tăng cường nhận diện và quản lý rủi ro ngay trong quá trình vận hành. Các nội dung được thể chế hóa thông qua Quy chế quản lý tuân thủ, Quy chế Kiểm soát Xung đột lợi ích và Tuyên bố khẩu vị rủi ro, qua đó nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trong phòng ngừa, kiểm soát và giám sát rủi ro, tuân thủ.
- Đối với quản trị tài chính và đầu tư, AgriS tăng cường khung quản trị thông qua Quy chế quản trị tài chính và Quy chế đầu tư, theo hướng làm rõ nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế kiểm soát trong quá trình ra quyết định và thực hiện. Qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả sử dụng nguồn lực và kiểm soát rủi ro trong hoạt động tài chính, đầu tư của AgriS.
- Đối với quản trị hoạt động mua sắm và Nhà cung cấp, AgriS tăng cường kiểm soát thông qua Quy chế và Quy trình mua sắm, Quy định xác minh danh tính Nhà cung cấp (KYC), từng bước chuẩn hóa nguyên tắc, trình tự thực hiện, trách nhiệm của các bên và các điểm kiểm soát trong hoạt động mua hàng. Việc bổ sung yêu cầu xác minh và quản trị Nhà cung cấp góp phần tăng cường tính minh bạch, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả quản trị trong toàn bộ chuỗi mua sắm.
- Đối với quản trị con người và văn hóa, AgriS hoàn thiện các quy định liên quan đến Quy chế ứng xử trong Công ty, Quy chế dân chủ và Quy chế đào tạo, góp phần chuẩn hóa nguyên tắc ứng xử, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người lao động, đồng thời hỗ trợ xây dựng môi trường làm việc minh bạch, chuyên nghiệp và thúc đẩy phát triển năng lực trong toàn AgriS.
- Đối với quản trị tài sản, thương hiệu và sở hữu trí tuệ, AgriS tăng cường cơ chế quản lý và bảo vệ các tài sản có giá trị thông qua Quy chế quản trị tài sản sở hữu trí tuệ và Quy chế truyền thông và quản lý thương hiệu. Các quy định góp phần chuẩn hóa việc quản lý, khai thác, bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ và hình ảnh thương hiệu, nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ giá trị của AgriS.
- Đối với quản trị phát triển bền vững, AgriS tiếp tục củng cố nền tảng thông qua Chính sách phát triển bền vững và Khung hệ thống quản lý môi trường và xã hội, từng bước tích hợp các yếu tố ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) vào hoạt động quản trị và vận hành, hướng tới nâng cao năng lực quản trị bền vững và tạo dựng giá trị dài hạn cho AgriS.
- Đối với quản trị công nghệ, dữ liệu và vận hành liên tục, AgriS tăng cường quản trị công nghệ và tính liên tục kinh doanh thông qua Quy chế quản lý kế hoạch Phục hồi sau thảm họa Công nghệ thông tin (IT DRP), từng bước kiện toàn năng lực khung Quản lý khủng hoảng và kinh doanh liên tục (BCM), bảo đảm khả năng duy trì và phục hồi các hoạt động kinh doanh trọng yếu. Đồng thời, Công ty tăng cường quản trị và bảo vệ dữ liệu cá nhân thông qua Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân, từng bước chuẩn hóa cơ chế quản lý dữ liệu và đáp ứng yêu cầu pháp luật, góp phần nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro và bảo vệ dữ liệu trong toàn AgriS.

Những cải tiến này góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và năng lực kiểm soát, đồng thời tạo nền tảng quản trị để AgriS mở rộng các lĩnh vực kinh doanh mới, tăng cường ứng dụng công nghệ và dữ liệu, qua đó nâng cao năng lực kiến tạo giá trị trong giai đoạn 2025-2030.

NHỮNG MỤC TIÊU CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ 2026-2027



Bước vào niên độ 2026- 2027, AgriS tiếp tục tăng tốc thực thi chiến lược 2025 - 2030 theo định hướng tăng trưởng chọn lọc, lấy thị trường làm dẫn dắt và dữ liệu làm nền tảng vận hành. Trọng tâm là nâng cao chất lượng tăng trưởng, theo dõi đồng thời doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn. Cụ thể:

- **Củng cố ngành hàng cốt lõi và mở rộng thị trường:** tiếp tục củng cố các ngành hàng chủ lực, đồng thời đẩy mạnh chuyển dịch sang Food - Beverage - Ingredient và các mô hình kinh doanh giải pháp (Solution Business), tập trung vào Đường & Chất tạo ngọt, Gạo, F&B và các sản phẩm giá trị gia tăng; mở rộng thị trường ASEAN, quốc tế và các giải pháp B2B.
- **Phát triển vùng nguyên liệu và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp:** mở rộng vùng mía, tối ưu vùng nguyên liệu tại Lào và Campuchia, nhân rộng DemoFarm; đồng thời phát triển mô hình kinh doanh phù hợp cho chuối, dứa và các cây trồng chiến lược.
- **Tái cấu trúc danh mục sản phẩm gắn với đổi mới sáng tạo:** lựa chọn, phát triển và thương mại hóa sản phẩm mới dựa trên sức hấp dẫn thị trường, nhu cầu khách hàng mục tiêu và hiệu quả đầu tư, ưu tiên các sản phẩm có tiềm năng gia tăng giá trị trong chuỗi.
- **Nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển kinh tế tuần hoàn:** tối ưu công suất, chi phí, năng lượng và phụ phẩm; từng bước phát triển các sản phẩm chế biến sâu như premix, ethanol, biomass, biochar và các nguyên liệu thực phẩm giá trị gia tăng.
- **Tích hợp chuỗi giá trị và tối ưu vận hành:** AgriC - ProC - ComC được định hướng theo mô hình tích hợp, chuyển từ việc 3 trung tâm phối hợp sang một chuỗi giá trị, áp dụng quy trình hoạch định kinh doanh tích hợp (IBP), đồng bộ kế hoạch cung - cầu, sản xuất, thương mại và nguồn lực nhằm tối ưu tồn kho, rút ngắn thời gian cung ứng (lead time), dòng tiền và chi phí toàn chuỗi.
- **Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số:** tăng cường ứng dụng dữ liệu và AI vào hoạt động kinh doanh, tập trung vào dự báo nhu cầu, commercial intelligence, tối ưu tồn kho, chi phí vận chuyển, mua hàng và dự báo dòng tiền.
- **Tăng cường quản trị tài chính và hiệu quả sử dụng vốn:** tối ưu vốn lưu động, quản trị tỷ giá - lãi suất và cơ cấu kỳ hạn nợ; đồng thời chuẩn hóa IFRS, tái cấu trúc tài chính, chú trọng đầu tư vào tài chính xanh, các dự án hướng đến ESG và triển khai lộ trình Pre-IPO/IPO phục vụ chiến lược tăng trưởng dài hạn.
- **Hoàn thiện mô hình ESG và quản trị doanh nghiệp:** tích hợp các tiêu chí ESG vào hoạt động đầu tư và chuỗi cung ứng, tăng cường quản lý phát thải, nước, năng lượng, chất thải và truy xuất nguồn gốc, hướng đến các yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế.
- **Phát triển tổ chức và nguồn nhân lực:** xây dựng đội ngũ phù hợp với mô hình tăng trưởng mới, phát triển năng lực kế thừa và nâng cao năng lực về thương mại, dữ liệu, tài chính, quản lý dự án, đổi mới sáng tạo và AI, gắn từng sáng kiến với hiệu quả của toàn chuỗi giá trị.
- **Nâng cao năng lực quản trị rủi ro:** tăng cường nhận diện và cảnh báo sớm các rủi ro về thị trường, nguyên liệu, chuỗi cung ứng, tài chính, tỷ giá, lãi suất, công nghệ và ESG; xây dựng phương án ứng phó nhằm đảm bảo tính liên tục và hiệu quả hoạt động.

Với các trọng tâm trên, AgriS hướng đến nâng cao chất lượng tăng trưởng trên cơ sở tạo giá trị, tối ưu hiệu quả toàn chuỗi thay vì từng đơn vị riêng lẻ, qua đó củng cố nền tảng thực thi và tạo dư địa cho các mục tiêu chiến lược đến năm 2030.

Thông tin cổ phiếu

CỔ PHIẾU SBT - TỪ NỀN TẢNG VỮNG CHẮC ĐẾN CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG MỚI

Thị trường chứng khoán Việt Nam cuối năm 2025, đầu năm 2026 duy trì đà tăng trưởng tích cực, với quy mô tiếp tục được mở rộng. Thị trường cũng ghi nhận dấu mốc quan trọng khi FTSE Russel công bố nâng hạng Việt Nam từ thị trường cận biên lên mới nổi thứ cấp, mở ra kỳ vọng thu hút thêm dòng vốn quốc tế.

Trên thị trường, cổ phiếu SBT tiếp tục duy trì vị thế là một trong những cổ phiếu có quy mô vốn hóa lớn trong nhóm ngành nông nghiệp với diễn biến giá tích cực và thanh khoản duy trì ổn định. Tại ngày 30/6 kết thúc niên độ, cổ phiếu SBT đóng cửa tại mức 21.250 đồng/cổ phiếu, tăng hơn 14% so với đầu niên độ (18.630 đồng/cổ phiếu ngày 30/06/2025). Đáng chú ý, **cổ phiếu SBT ghi nhận mức giá cao nhất trong vòng 8 năm đạt 25.380 đồng/cổ phiếu tại ngày 13/10/2025, tương đương mức vốn hóa khoảng 22.000 tỷ đồng**. Thanh khoản cổ phiếu cũng được duy trì ổn định với khối lượng giao dịch bình quân 1,85 triệu cổ phiếu/phiên, tương ứng giá trị giao dịch bình quân khoảng 42,5 tỷ đồng/phiên.

Giai đoạn đầu niên độ mới (tháng 6 - tháng 9/2026), cổ phiếu SBT tiếp tục nhận được sự quan tâm của dòng tiền trên thị trường và duy trì chuỗi phiên tăng điểm liên tiếp, dao động quanh vùng giá 21.000 - 24.000 đồng/cổ phiếu, vốn hoá trên thị trường dao động 20.000 - 21.000 tỷ đồng. Thanh khoản ghi nhận tăng trưởng tích cực với khối lượng giao dịch bình quân 2,15 triệu cổ phiếu/phiên, tương đương 47,5 tỷ đồng/phiên.

Niên độ 2025-2026

Giai đoạn tích lũy và củng cố vị thế

Khối lượng khớp lệnh	**1,85 triệu cp/phiên**
Giá trị giao dịch	**42,5 tỷ VNĐ/phiên**

SBT TIẾP TỤC GÓP MẶT TRONG NHỮNG RỔ CHỈ SỐ UY TÍN VÀ QUAN TRỌNG TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Niên độ 2025-2026 là quá trình kiện toàn nền tảng quản trị, hướng đến việc chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Đây cũng là năm thứ 9 liên tiếp cổ phiếu SBT được lựa chọn vào rổ chỉ số VNSI20 - rổ chỉ số quy tụ 20 doanh nghiệp có điểm số ESG cao nhất thị trường. Đây là minh chứng cho cam kết phát triển theo hướng bền vững và tạo dựng giá trị dài hạn cho cổ đông.

Đồng thời, trong niên độ 2025-2026, cổ phiếu SBT tiếp tục là thành phần của nhiều bộ chỉ số uy tín bao gồm VN100, VNCG50, MarketVector Vietnam Local Index và MSCI Vietnam Select 25-50 Index... Việc duy trì hiện diện trong các bộ chỉ số uy tín góp phần nâng cao nhận diện cổ phiếu và mở rộng cơ hội thu hút dòng vốn quốc tế trong bối cảnh thị trường Việt Nam được nâng hạng.

Tại thời điểm 30/06/2026, 182 triệu cổ phiếu SBT được nắm giữ bởi các ETFs, quỹ đầu tư, tự doanh (CTCK) trong và ngoài nước, tiếp tục tăng trưởng 4% so với niên độ trước.

CHỈ SỐ QUY TỤ 20 DOANH NGHIỆP CÓ ĐIỂM SỐ ESG CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG

Đây cũng là năm thứ 9 liên tiếp cổ phiếu SBT được lựa chọn vào rổ chỉ số VNSI20

SBT tiếp tục duy trì room ngoại ở mức 100%. Tỷ lệ này tạo điều kiện để SBT chủ động tiếp cận các dòng vốn đầu tư quốc tế mới. Với nền tảng quản trị minh bạch và định hướng phát triển bền vững từ sớm, đây là lợi thế giúp Công ty mở rộng cơ sở nhà đầu tư, tạo nền tảng gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông.

ĐIỂM NHẤN CỔ PHIẾU SBT



Cổ phiếu SBT ghi nhận mức giá cao nhất trong vòng 8 năm,tại ngày 13/10/2025

25.380 VNĐ/CỔ PHIẾU

Tương đương Vốn hóa

22.000 TỶ ĐỒNG

LÃNH ĐẠO GIA TĂNG SỞ HỮU, NỀN TẢNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC MỞ RỘNG



Trong niên độ 2025 - 2026, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bà Đặng Huỳnh Ức My, đã hoàn tất mua 42,76 triệu cổ phiếu SBT tại ngày 15/06/2026, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu lên 13,93% vốn điều lệ.

Cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 2026, các thành viên Ban Lãnh đạo AgriS cũng đã đồng loạt mua vào tổng cộng 27,5 triệu cổ phiếu, tương đương khoảng 3% vốn điều lệ.

Bên cạnh các giao dịch trực tiếp mua vào cổ phiếu, các thành viên Ban lãnh đạo AgriS cũng đã thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu SBT425026 thành cổ phiếu SBT, tiếp tục gia tăng tỷ lệ nắm giữ tại Công ty.

Việc nhiều thành viên Ban lãnh đạo đồng thời gia tăng sở hữu cho thấy sự gắn kết lợi ích của đội ngũ điều hành với định hướng phát triển dài hạn của AgriS. Đáng chú ý, giao dịch của bà Đặng Huỳnh Ức My đánh dấu bước chuyển giao thực chất về sở hữu, tiếp nối câu chuyện kế thừa tại AgriS.

Các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài cũng gia tăng tỷ lệ sở hữu tại AgriS trong giai đoạn này, cho thấy sự quan tâm và đồng hành ngày càng rõ nét của nhóm nhà đầu tư tổ chức. Đây cũng là nền tảng để AgriS mở rộng kết nối với các đối tác chiến lược, tiếp cận nguồn lực trong khu vực và thúc đẩy quá trình mở rộng hoạt động quốc tế.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại AgriS đã tăng hơn gấp đôi trong vòng 2 năm, đạt hơn 23%, tương đương hơn 215 triệu cổ phiếu tại cuối tháng 9/2026.. Sự hiện diện ngày càng rõ nét của các nhóm cổ đông khác nhau, đặc biệt là nhà đầu tư tổ chức và nước ngoài, góp phần mở rộng nền tảng cổ đông và dư địa kết nối với thị trường vốn.

Thông tin cổ phiếu (tiếp theo)

DIỄN BIẾN VÀ THANH KHOẢN CỔ PHIẾU NIÊN ĐỘ 2025-2026

TẠI NGÀY 30/06/2026

GIÁ CỔ PHIẾU
21.250
VNĐ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT
906.415.042
CỔ PHIẾU

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
19.261
TỶ ĐỒNG

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH
928.026.375
CỔ PHIẾU

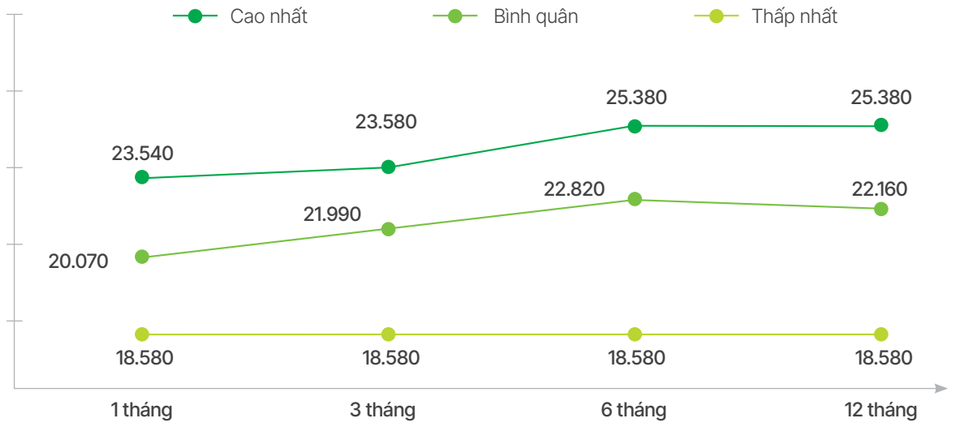
TỶ LỆ FREE-FLOAT
60%

TỶ LỆ SỞ HỮU TỐI ĐA CỦA NĐT NƯỚC NGOÀI **100%**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SBT 1/7/2025 - 30/6/2026

	1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng
KLGD bình quân (cp)	1.639.459	1.699.896	1.672.509	1.806.153
Tổng giá trị giao dịch (tỷ VNĐ)	35,40	39,71	40,43	41,42

Giá cổ phiếu (VNĐ)



TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA SBT

Tại ngày 30/06/2026, số lượng cổ phiếu của Công ty là 928.026.375 cổ phiếu, trong đó có 906.415.042 cổ phiếu phổ thông và 21.611.333 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi. Trong cơ cấu cổ đông của AgriS có 4 Cổ đông lớn sở hữu trên 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, bao gồm:

2 tổ chức là:

- CTCP Đầu tư Thành Thành Công nắm giữ 137.738.968 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 14,84% trên vốn điều lệ và 15,20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Legendary Venture Fund 1 nắm giữ 146.503.698 cổ phiếu, chiếm 15,79% tỷ lệ sở hữu trên Vốn điều lệ và 16,16% tỷ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

2 cá nhân là:

- Bà Đặng Huỳnh Ức My - Chủ tịch HĐQT nắm giữ 129.242.995 cổ phiếu, chiếm 13,93% tỷ lệ sở hữu trên Vốn điều lệ và 11,87% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Bà Huỳnh Bích Ngọc - Thành viên HĐQT nắm giữ 67.889.957 cổ phiếu, chiếm 7,32% tỷ lệ sở hữu trên Vốn điều lệ và 7,49% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

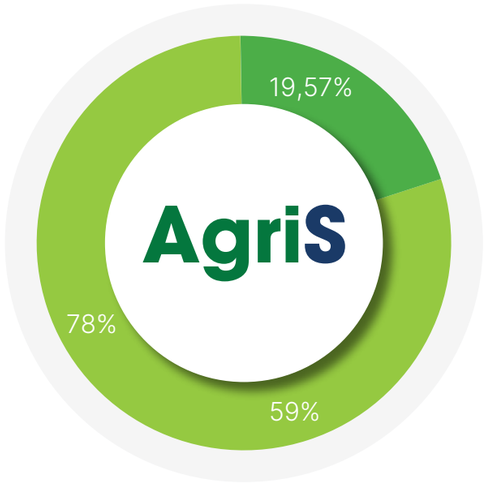
Cơ cấu cổ đông SBT tại ngày 30/06/2026

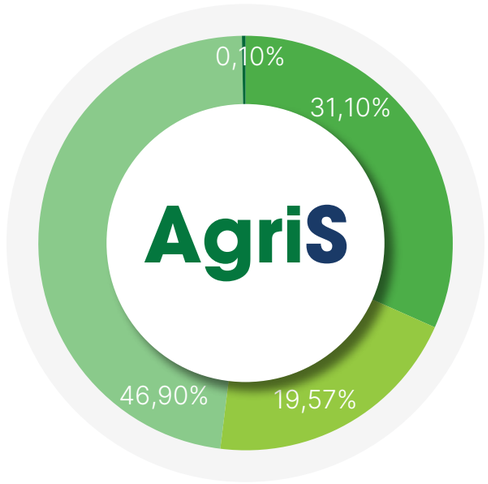
STT	Phân loại	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu trên Vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	11.827	906.415.042	97,67	100,00
1	Cổ đông trong nước	11.524	723.872.325	78,00	79,86
1.1	Tổ chức	62	288.633.346	31,10	31,84
1.2	Cá nhân	11.462	435.238.979	46,90	48,02
2	Cổ đông nước ngoài	303	182.542.717	19,67	20,14
2.1	Cá nhân	267	971.092	0,10	0,11
2.2	Tổ chức	36	181.571.625	19,57	20,03
II	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
III	Cổ phiếu ưu đãi	-	21.611.333	2,33%	-
	TỔNG CỘNG	**11.827**	**928.026.375**	**100,00**	**100,00**

Nguồn: Danh sách cổ đông SBT tại ngày 30/06/2026

I Thông tin cổ phiếu (tiếp theo)

Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ





Giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu SBT từ 1/7/2025 - 30/6/2026

Trong niên độ qua, Công ty cũng ghi nhận sự thay đổi về sở hữu cổ phiếu SBT của Cổ đông lớn, Người nội bộ và Người có liên quan. Thống kê tình hình biến động được nêu chi tiết tại bảng bên dưới.

STT	Người thực hiện giao dịch	Vị trí	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Bà Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện pháp luật	80.309.338	9,60%	129.242.995	13,93%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh mua
2	Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	76.192.273	9,11%	67.889.957	7,32%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán /
3	Ông Trần Tấn Việt	Thành viên HĐQT	154.069	0,02%	733.381	0,08%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức
4	Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	0	0,00%	521.448	0,06%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
5	Ông Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập HĐQT	0	0,00%	517.900	0,06%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
6	Ông Thái Văn Chuyện	Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật/	0	0,00%	709.268	0,08%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
7	Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00%	791.748	0,09%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
8	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	543.285	0,06%	1.377.030	0,15%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức
9	Ông Huỳnh Văn Pháp	Phó Tổng Giám đốc	647.356	0,08%	1.281.097	0,14%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
10	Bà Đặng Thị Diễm Trinh	Kế toán trưởng	107	0,00%	269.133	0,03%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
11	Ông Đinh Vũ Quốc Huy	Người phụ trách Quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty	414.541	0,05%	739.613	0,08%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
12	Ông Tăng Kim Tây	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh Hà Nội	0	0,00%	13.080	0,00%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
13	Ông Trương Văn Toại	Giám đốc chi nhánh Cần Thơ	0	0,00%	13.080	0,00%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức; Phát sinh bán
14	Ông Hoàng Mạnh Tiến	Chủ tịch Uỷ ban Quản trị rủi ro và tuân thủ	2.994.480	0,36%	3.389.834	0,37%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức
15	Ông Nguyễn Hồng Phúc	Người có liên quan của người nội bộ	24	0,00%	234.285	0,03%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức
16	Bà Trần Phương Quỳnh	Người có liên quan của người nội bộ	60	0,00%	7.589	0,00%	Mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); Nhận cổ tức
17	Ông Đặng Huỳnh Thái Sơn	Người có liên quan của người nội bộ	129.470	0,02%	137.238	0,01%	Nhận cổ tức
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Người có liên quan của người nội bộ	183.228.072	21,91%	137.738.968	14,84%	Phát sinh bán; Nhận cổ tức

Thông tin cổ phiếu (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU SBT TỪ 1/7/2025 - 30/6/2026 (tiếp theo)

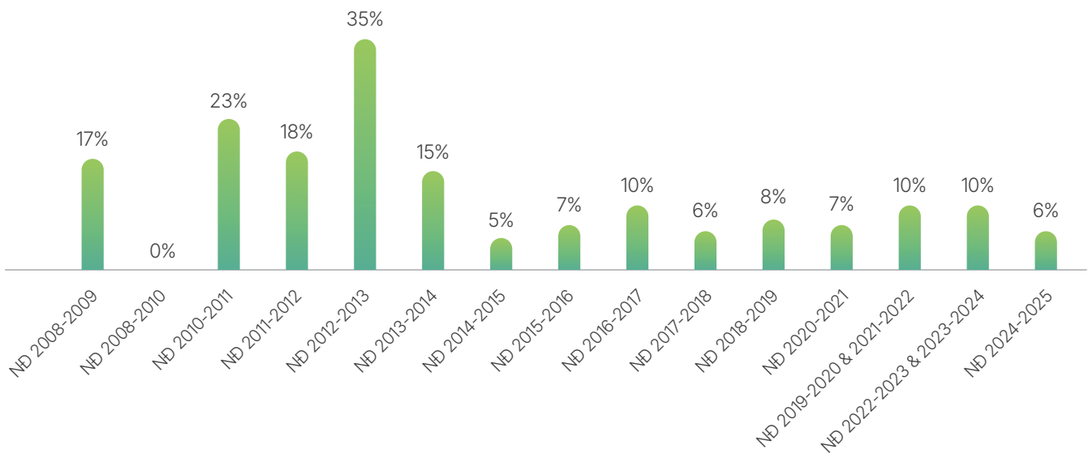
STT	Người thực hiện giao dịch	Vị trí	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
19	Bà Nguyễn Thị Kim Cương	Người có liên quan của người nội bộ	15.900	0,00%	4.900	0,00%	Phát sinh mua; Phát sinh bán; Nhận cổ tức
20	Bà Phạm Thị Xuân Thanh	Người có liên quan của người nội bộ	11.400	0,00%	108	0,00%	Phát sinh bán; Nhận cổ tức
21	Ông Nguyễn Hữu Đạt	Người có liên quan của người nội bộ	77.682	0,01%	82.342	0,01%	Nhận cổ tức

Nguồn: AgriS, Báo cáo tình hình quản trị công ty niên độ 2025-2026

ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Liên tục các năm kể từ khi niêm yết vào 2008, AgriS luôn thực hiện nhất quán chính sách chia sẻ giá trị với cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu, phù hợp với kết quả kinh doanh hằng năm và định hướng phát triển của Công ty. AgriS công bố chính sách cổ tức tại Chính sách về cơ cấu vốn, quản lý nợ phải trả và cổ tức (Trích yếu từ Quy chế Quản trị Tài chính) trên Website Công ty

Trong niên độ 2025-2026, AgriS đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2024-2025 với tỷ lệ 6% vào ngày 17/04/2026, thể hiện cam kết của AgriS trong việc chia sẻ thành quả hoạt động và duy trì mối quan hệ gắn kết, đồng hành lâu dài cùng cổ đông.



Trong niên độ, Công ty đã triển khai phát hành hơn 40 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) cho đội ngũ CBNV trong Công ty, qua đó gắn kết lợi ích của người lao động với sự phát triển dài hạn của AgriS. Chương trình cũng góp phần tạo động lực để CBNV đồng hành cùng Công ty trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các chiến lược tăng trưởng và xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực, gắn bó lâu dài.

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì đà tăng trưởng nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và các cải cách thị trường



Giai đoạn cuối 2025 đầu 2026 thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua một giai đoạn tăng trưởng mạnh cả về điểm số lẫn quy mô vốn hóa. Thị trường phục hồi trong bối cảnh nền kinh tế duy trì các động lực tăng trưởng, lạm phát được kiểm soát trong khoảng mục tiêu, các chính sách tiền tệ tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp và thị trường chứng khoán chính thức được nâng hạng.

Tại ngày 30/06/2026, VN-Index đạt mốc 1.860,01 điểm, tăng khoảng 35,2% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, đà tăng trưởng tích cực trong nửa đầu niên độ đã đưa chỉ số lần đầu tiên trong lịch sử chạm mốc 1.900 điểm vào phiên giao dịch ngày 07/05/2026. Quy mô thị trường tiếp tục được mở rộng khi giá trị vốn hóa cổ phiếu trên HOSE đạt hơn 8,76 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 68,2% GDP năm 2025.

Thanh khoản duy trì tích cực trong phần lớn niên độ dù có xu hướng hạ nhiệt vào giai đoạn cuối kỳ. Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng trong khi đó dòng tiền từ nhà đầu tư trong nước vẫn là động lực chính giúp duy trì và nâng đỡ đà tăng trưởng của thị trường.

Đây cũng là giai đoạn ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực về chính sách và hạ tầng công nghệ thông qua việc triển khai vận hành hệ thống KRX, hoàn thiện các quy định để đáp ứng tiêu chí nâng hạng của FTSE Russell và MSCI như cơ chế non-prefunding đối với nhà đầu tư nước ngoài, tăng cường các quy chế về quản trị công ty và công bố thông tin trên thị trường.

Hoạt động huy động vốn phục hồi và khởi sắc

Hoạt động IPO trong niên độ 2025-2026 ghi nhận những tín hiệu khởi sắc sau giai đoạn trầm lắng 2022-2024. Thị trường tăng điểm, mặt bằng định giá được cải thiện cùng việc nâng hạng thị trường đã tạo điều kiện thuận lợi để nhiều doanh nghiệp khởi động và đẩy nhanh kế hoạch IPO và niêm yết. Mặc dù số lượng thương vụ IPO hoàn tất chưa bùng nổ, quy mô các thương vụ và chất lượng doanh nghiệp niêm yết đã được cải thiện. Thị trường cũng ghi nhận sự gia tăng đáng kể về số lượng doanh nghiệp có kế hoạch chuẩn bị lên sàn, tạo nền tảng cho một chu kỳ IPO sôi động hơn trong các năm tiếp theo. Đây cũng là một trong những động lực tích cực giúp thị trường thu hút được thêm nhiều dòng vốn mới khi rổ hàng hóa được gia tăng về cả số lượng và chất lượng.

Triển vọng thị trường

Trong giai đoạn tới, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì triển vọng tích cực, được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô, triển vọng tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và những bước tiến trong quá trình hội nhập với thị trường vốn quốc tế. Sau giai đoạn tăng trưởng mạnh, thị trường đang bước vào giai đoạn phân hóa rõ nét hơn khi dòng tiền có xu hướng tập trung vào các nhóm ngành và doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, triển vọng lợi nhuận tích cực và khả năng hưởng lợi từ các động lực tăng trưởng mới.

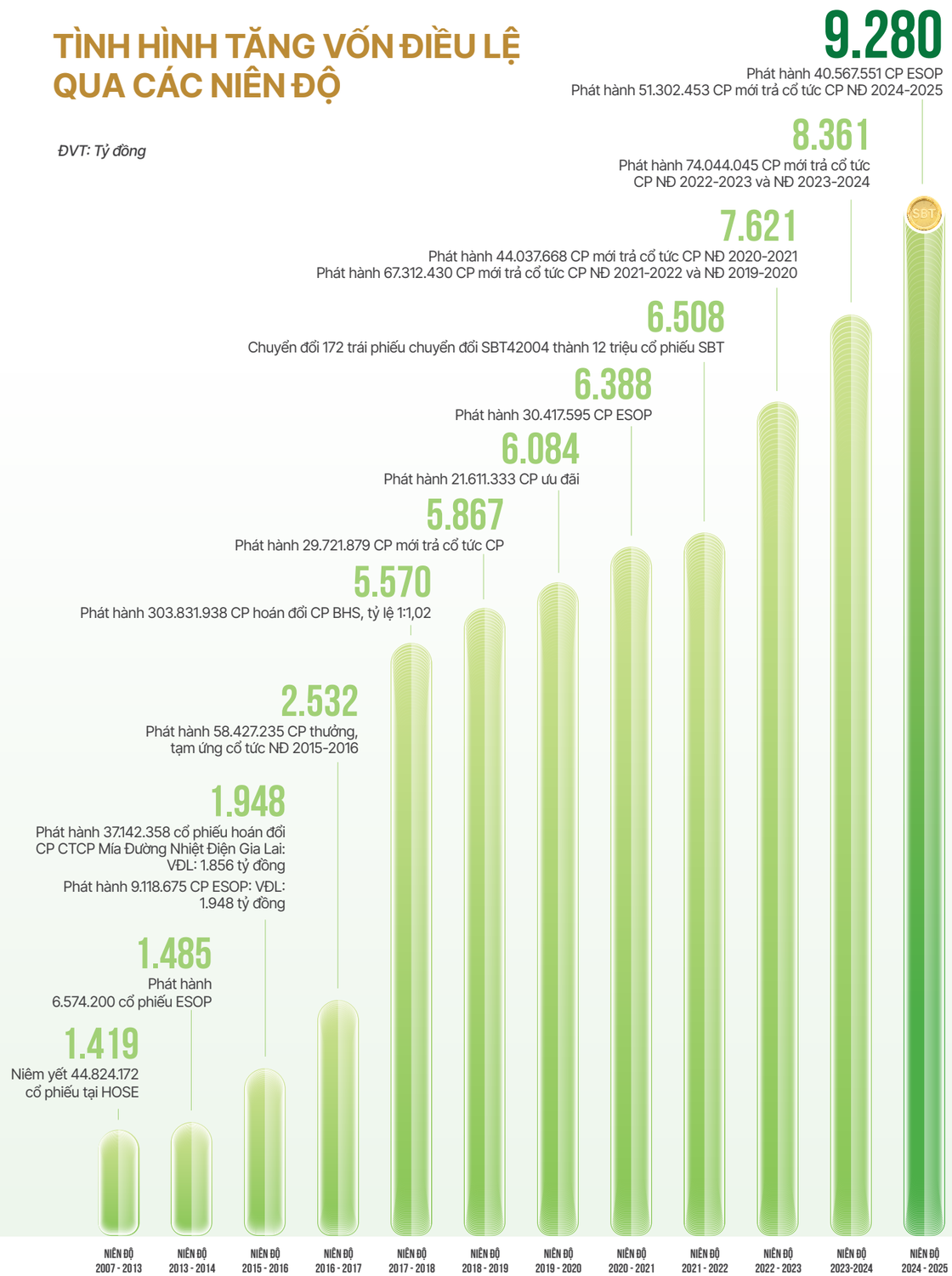
Việc Việt Nam chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên Thị trường Mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging Market) từ ngày 21/09/2026 sẽ mở ra cơ hội thu hút thêm dòng vốn từ các quỹ đầu tư quốc tế. Theo ước tính, khoảng 1,3-1,5 tỷ USD dòng vốn thụ động có thể chảy vào thị trường trong toàn bộ quá trình chuyển đổi, được phân bổ qua nhiều đợt từ tháng 9/2026 đến tháng 9/2027. Bên cạnh dòng vốn này, việc nâng hạng cũng được kỳ vọng giúp mở rộng sự tham gia của các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài và tăng sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong dài hạn.

Nguồn: AgriS tổng hợp

Hoạt động huy động vốn

TÌNH HÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ QUA CÁC NIÊN ĐỘ

ĐVT: Tỷ đồng





BỐI CẢNH KINH TẾ VIỆT NAM DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC

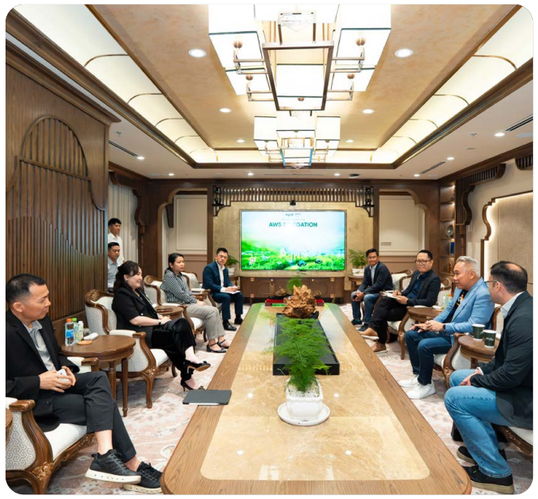
Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì nền tảng tăng trưởng tích cực trong năm 2025. Theo Cục Thống kê, Bộ Tài chính cho biết GDP năm 2025 ước tăng 8,02% so với năm trước; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, tiếp tục đóng vai trò là một trong những trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế. GDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024. Tiếp nối đà tăng trưởng của năm 2025, nền kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực bất chấp những biến động của môi trường quốc tế. GDP quý II/2026 tăng 8,39% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,94% của quý I, đưa tăng trưởng 6 tháng đầu năm lên 8,18% và tạo cơ sở để nâng dự báo tăng trưởng cả năm lên 8,5%. Đà tăng trưởng được ghi nhận ở nhiều khu vực kinh tế, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 10,51%, dịch vụ tăng 7,87% và nông nghiệp tăng 4,06% trong quý II. Cùng với đó, sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm tăng 10,8%, vốn FDI thực hiện đạt 13 tỷ USD, tăng 11,2%, và FDI đăng ký đạt 34,7 tỷ USD, tăng 61%, góp phần củng cố triển vọng đầu tư tại Việt Nam. Trong bối cảnh vẫn còn rủi ro từ biến động giá cả, địa chính trị, chính sách thương mại và áp lực nhập khẩu, AgriS tiếp tục tập trung củng cố năng lực tài chính, mở rộng quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước, bảo đảm nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển vùng nguyên liệu, nâng cao năng lực chế biến và thực thi chiến lược tăng trưởng xanh trong dài hạn.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TÍCH CỰC, CỦNG CỐ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN

Trên nền tảng vĩ mô tích cực, thị trường chứng khoán Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục duy trì diễn biến thuận lợi. Tính đến ngày 30/6/2026, VN-Index đạt 1.860,01 điểm, tăng 4,23% so với cuối năm 2025; vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 10.572,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6%.

Tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán, chưa bao gồm phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, ước đạt 173.753 tỷ đồng, tăng 45,8% so với cùng kỳ năm trước. Quy mô huy động tăng mạnh cho thấy thị trường chứng khoán tiếp tục khẳng định vai trò là kênh dẫn vốn quan trọng cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với các nhu cầu vốn trung và dài hạn phục vụ mở rộng sản xuất, chuyển đổi xanh, đầu tư công nghệ và tối ưu cấu trúc tài chính.

Bên cạnh thanh khoản và quy mô huy động vốn, triển vọng nâng hạng tiếp tục là điểm nhấn quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam trong nửa đầu năm 2026. Tháng 4/2026, FTSE Russell chính thức xác nhận Việt Nam đáp ứng các tiêu chí để được phân loại từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp, với hiệu lực từ ngày 21/09/2026. Cùng với việc hoàn thiện khung pháp lý, cải thiện cơ chế giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài và từng bước tháo gỡ yêu cầu ký quỹ trước giao dịch, triển vọng nâng hạng được kỳ vọng sẽ hỗ trợ thu hút dòng vốn tổ chức quốc tế, cải thiện chất lượng nhà đầu tư và nâng cao tính minh bạch của thị trường trong trung và dài hạn.



Diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục tạo nền tảng thuận lợi để AgriS củng cố vị thế trên thị trường vốn. Thanh khoản duy trì ở mức tích cực, quy mô vốn hóa mở rộng và triển vọng thu hút thêm dòng vốn tổ chức quốc tế sau nâng hạng là các yếu tố hỗ trợ Công ty đa dạng hóa kênh huy động vốn, tối ưu cơ cấu nguồn vốn và gia tăng mức độ hiện diện với nhà đầu tư.

AGRIS TIẾP TỤC DUY TRÌ MỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

AgriS tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm ở mức

vnA+

triển vọng Ổn định bởi Saigon Ratings; đây là lần thứ 5 liên tiếp Công ty được ghi nhận ở mức xếp hạng này.

Việc duy trì xếp hạng tín nhiệm vnA+ với triển vọng Ổn định góp phần củng cố mức độ minh bạch về năng lực tài chính và quản trị rủi ro của AgriS, qua đó hỗ trợ Công ty trong quá trình làm việc với các ngân hàng, nhà đầu tư và định chế tài chính.Trong thời gian tới, kết quả xếp hạng tín nhiệm tiếp tục là một trong những nền tảng hỗ trợ AgriS đa dạng hóa nguồn vốn, tối ưu chi phí vốn, phát triển vùng nguyên liệu và mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp theo định hướng tăng trưởng xanh, bền vững.

CÁC HOẠT ĐỘNG THU HÚT VỐN TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026

Trước những biến động của thị trường vốn, AgriS tiếp tục chủ động đa dạng hóa kênh huy động vốn, gắn với nhu cầu phát triển dài hạn và định hướng tăng trưởng bền vững. Công ty đồng thời chú trọng nâng cao uy tín tín dụng, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, qua đó củng cố nền tảng tài chính và khả năng tiếp cận nguồn vốn trung, dài hạn.

Tháng 9/2025, AgriS huy động thành công 50 triệu USD từ DEG (Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft), tổ chức tài chính phát triển trực thuộc KfW (Kreditanstalt für Wiederaufbau, Ngân hàng Tái thiết Đức). KfW là một trong những ngân hàng phát triển lớn nhất thế giới, với tổng tài sản gần 600 tỷ euro và hoạt động tại hơn 80 quốc gia. Khoản tài trợ này bổ sung nguồn lực quan trọng để Công ty nâng cấp cơ sở hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật, bổ sung vốn lưu động, bảo trì thiết bị và thúc đẩy lộ trình hiện thực hóa cam kết Net Zero vào năm 2035. Thỏa thuận đồng thời thể hiện sự tin tưởng của DEG đối với năng lực quản trị, định hướng phát triển và vai trò tiên phong của AgriS trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, bền vững tại Việt Nam và khu vực.

Trong niên độ, AgriS tiếp tục nhận được sự đồng hành của nhiều định chế tài chính uy tín trong nước và quốc tế, bao gồm BIDV, MB Bank, VietinBank, First Commercial Bank, UOB và các đối tác tài chính khác. Tổng mức tăng của hạn mức huy động vốn đạt 143 triệu USD từ nguồn vốn nước ngoài và 3.100 tỷ đồng từ nguồn vốn trong nước, góp phần củng cố năng lực tài chính và bảo đảm nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả này tiếp tục khẳng định uy tín của AgriS trên thị trường vốn, năng lực kết nối với các tổ chức tài chính hàng đầu và khả năng huy động nguồn lực phục vụ chiến lược phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh.

Đặc biệt, trên nền tảng đáp ứng các tiêu chí ESG theo thông lệ quốc tế, AgriS đã cùng UOB thiết lập hạn mức xanh, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế gắn với phát triển bền vững. Trong bối cảnh ESG ngày càng trở thành yếu tố quan trọng trong quyết định đầu tư, bước tiến này tiếp tục khẳng định định hướng phát triển có trách nhiệm của AgriS, gắn với nông nghiệp bền vững, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải.

Cùng với nguồn vốn từ các tổ chức tài chính, AgriS tiếp tục đa dạng hóa và triển khai hiệu quả các công cụ huy động trên thị trường vốn. Tháng 9/2025, AgriS hoàn tất phát hành hơn 4,99 triệu trái phiếu chuyển đổi, huy động gần 500 tỷ đồng. Tháng 6/2026, Công ty tiếp tục phát hành trái phiếu chuyển đổi với tổng giá trị gần 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 2 năm và ưu tiên phân phối cho cổ đông hiện hữu. Qua đó, AgriS vừa bổ sung nguồn vốn phục vụ các mục tiêu tăng trưởng, vừa mở rộng sự tham gia của cổ đông vào quá trình đồng hành cùng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Bên cạnh đó, AgriS tiếp tục củng cố nguồn vốn chủ sở hữu nhằm nâng cao năng lực tài chính và bổ sung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã hoàn tất phân phối 40.567.551 cổ phiếu ESOP, với mục tiêu tăng cường sự gắn kết giữa người lao động và Công ty. Đồng thời, AgriS đã phát hành 51.302.453 cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2024-2025, tương ứng tỷ lệ 6%, qua đó tiếp tục bổ sung quy mô vốn chủ sở hữu. Các hoạt động này vừa hỗ trợ Công ty gia tăng nguồn lực cho chiến lược phát triển dài hạn, vừa tạo sự đồng hành giữa các bên liên quan trong hệ sinh thái AgriS.



Hoạt động đầu tư

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRONG NIÊN ĐỘ

Trong niên độ, AgriS tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, cải thiện chất lượng danh mục và tập trung nguồn lực vào các dự án chiến lược có tiềm năng tạo giá trị gia tăng cao. Hoạt động quản trị danh mục được triển khai đồng thời thông qua thoái vốn tại một số khoản đầu tư và đẩy mạnh đầu tư vào các dự án trọng điểm, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

AgriS đã thực hiện thoái vốn tại CTCP Cao su Nước Trong, CTCP Mía đường Sơn Dương và CTCP Sorbitol Pháp - Việt, với tổng giá trị các giao dịch đạt khoảng 70 tỷ đồng. Hoạt động thoái vốn giúp AgriS chủ động sàng lọc danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Công ty. Song song với hoạt động tái cơ cấu danh mục, AgriS tiếp tục triển khai các dự án đầu tư trọng điểm, tập trung vào chế biến sâu nông sản và nâng cao năng lực sản xuất, cụ thể:

Dự án Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công Biên Hoà

- **Địa điểm:** Xã Ninh Điền, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- **Quy mô:** 36,9 ha
- **Hạng mục đầu tư:** Nhà máy sản xuất đồ uống từ nông sản, Nhà máy sản xuất bao bì, Đầu tư xây dựng Kho
- **Tổng mức đầu tư:** dự kiến 1.770 tỷ đồng



Mục tiêu đầu tư

Dự án được triển khai nhằm phát triển tổ hợp chế biến sâu nông sản, tận dụng lợi thế về vùng nguyên liệu hiện hữu để gia tăng giá trị sản phẩm. Trong đó, dự án tập trung:

- Phát triển các dòng sản phẩm đồ uống từ nông sản phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, với công suất thiết kế tối đa khoảng 120 triệu lít/năm;
- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đồng thời gia tăng giá trị nông sản Việt Nam thông qua ứng dụng công nghệ chế biến, chiết rót và đóng gói hiện đại.

Tình hình thực hiện

Dự án đã hoàn thành các hạng mục xây dựng chính của Giai đoạn 1, bao gồm nhà xưởng sản xuất đồ uống từ nông sản, hệ thống phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất. Dây chuyền Tetra Recart đã hoàn tất lắp đặt và được đưa vào vận hành từ tháng 3/2026, đáp ứng nhu cầu sản xuất và cung ứng sản phẩm cho khách hàng.

Giai đoạn 2 của dự án đang được tiếp tục triển khai bao gồm khu nhà kho, nhà lưu trú, hệ thống giao thông nội bộ và các hạng mục cảnh quan còn lại. Trong niên độ 2026-2027, dự án dự kiến tiếp tục lắp đặt dây chuyền PET Aseptic và đưa sản phẩm đầu tiên ra thị trường vào tháng 4/2027.

Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền sản xuất đường tại AgriS Gia Lai

- **Địa điểm:** Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- **Quy mô:** Nâng công suất Nhà máy AgriS Gia Lai từ 8.000 tấn mía/ngày lên 10.000 tấn mía/ngày
- **Tổng mức đầu tư:** 560 tỷ đồng



Mục tiêu đầu tư

Dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa hiệu quả vận hành của Nhà máy AgriS Gia Lai, mở rộng khả năng tiêu thụ mía ngày càng tăng tại vùng nguyên liệu. Cụ thể:

- Nâng công suất chế biến từ 8.000 tấn mía/ngày lên 10.000 tấn mía/ngày
- Cải tiến công nghệ, tối ưu năng lực sản xuất và nâng cao khả năng cung ứng.

Tình hình thực hiện

- **Giai đoạn 1:** Nâng công suất từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày, dự kiến vận hành niên độ 2026 - 2027.
- **Giai đoạn 2:** Nâng công suất từ 9.000 tấn mía/ngày lên 10.000 tấn mía/ngày, dự kiến vận hành niên độ 2027 - 2028.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Niên độ 2025 - 2026, bên cạnh việc tiếp tục quản trị và tái cơ cấu danh mục đầu tư hiện hữu, AgriS đã bắt đầu mở rộng hoạt động đầu tư theo hướng đổi mới sáng tạo, hướng đến việc tìm kiếm và phát triển các cơ hội tạo giá trị mới trong hệ sinh thái Nông nghiệp - Thực phẩm. Hoạt động tập trung vào hai trọng tâm là M&A chiến lược và Kinh tế sinh học (Bioeconomy), qua đó đa dạng hóa các động lực tăng trưởng và mở rộng không gian phát triển của Tập đoàn.

M&A CHIẾN LƯỢC: MỞ RỘNG CHUỖI GIÁ TRỊ F&B VÀ INGREDIENTS

Với định hướng phát triển thành Tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực Nông nghiệp - Thực phẩm, AgriS xác định M&A là một trong những công cụ để tăng tốc mở rộng hệ sinh thái, gia tăng mức độ tham gia vào các phân khúc có giá trị gia tăng cao.

AgriS đã chủ động tiếp cận, rà soát và đánh giá chuyên sâu các cơ hội đầu tư tiềm năng trong lĩnh vực Thực phẩm & Đồ uống (Food & Beverage - F&B) và Nguyên liệu (Ingredients). Các mục tiêu được xem xét trên cơ sở mức độ phù hợp với định hướng chiến lược, tiềm năng tăng trưởng, khả năng tạo giá trị cộng hưởng và cơ hội mở rộng thị trường.

Thông qua M&A, AgriS hướng đến việc bổ sung các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng cao, mở rộng thị trường quốc tế và phát huy hiệu quả hệ thống phân phối hiện hữu, đồng thời hoàn thiện hơn hệ sinh thái Nông nghiệp - Thực phẩm của Tập đoàn.



KINH TẾ SINH HỌC (BIOECONOMY): TIÊN PHONG ĐỊNH HÌNH CHUỖI CUNG ỨNG XANH VÀ TUẦN HOÀN

Phát huy lợi thế về vùng nguyên liệu và năng lực công nghệ Agri-Food Tech, AgriS tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi theo mô hình Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy). Trong đó, Kinh tế sinh học (Bioeconomy) được xác định là một hướng phát triển mới, nhằm khai thác hiệu quả hơn các nguồn nguyên liệu và phụ phẩm trong chuỗi sản xuất, đồng thời mở ra các mô hình kinh doanh và dòng sản phẩm mới.

Định hướng này được từng bước hiện thực hóa thông qua các dự án trọng điểm, tập trung vào việc chuyển hóa các nguồn tài nguyên và phụ phẩm hiện hữu thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, cụ thể:

- **Dự án Tín chỉ Carbon (Carbon Credit):** Tận dụng các kết quả giảm phát thải từ hoạt động sản xuất để phát triển và thương mại hóa tín chỉ carbon, qua đó mở ra nguồn giá trị gia tăng mới từ các sáng kiến môi trường, đồng thời đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của AgriS.
- **Dự án Pallet sinh học:** Chuyển hóa phụ phẩm nông nghiệp thành vật liệu phục vụ logistics theo hướng thân thiện với môi trường, góp phần nâng cao giá trị sử dụng của phụ phẩm, thúc đẩy mô hình upcycling và đáp ứng xu hướng phát triển chuỗi cung ứng xanh.
- **Dự án Chiết xuất Nấm men (Yeast):** Ứng dụng công nghệ lên men vi sinh để phát triển nguồn nguyên liệu chất lượng cao cho ngành thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, mở rộng khả năng khai thác giá trị



Hoạt động số hoá, công nghệ thông tin



TỪ SỐ HOÁ TỪNG CHỨC NĂNG ĐẾN VẬN HÀNH TRÊN NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG

Trong niên độ 2025-2026, AgriS tiếp tục đồng hành cùng các đơn vị thành viên chuẩn hoá hệ thống, dữ liệu và phương thức vận hành theo mô hình AgriS Holding - 3 Centers - 3 Layers. Trọng tâm của niên độ này là kết nối các nền tảng đã được xây dựng cho từng lĩnh vực trong niên độ trước để khai thác hiệu quả hơn. Theo đó, các chương trình công nghệ không còn được triển khai theo hướng ứng dụng riêng lẻ mà từng bước kết nối thương mại, tài chính, vận hành, dữ liệu và công nghệ trên một nền tảng. Nền tảng này sẽ không chỉ ghi nhận nghiệp vụ mà từng bước trở thành công cụ giúp rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính minh bạch, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

ĐƯA CÁC NỀN TẢNG SỐ VÀO VẬN HÀNH THỰC TẾ

AgriS tiếp tục đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số hoạt động trên toàn chuỗi giá trị, tập trung đưa các nền tảng công nghệ vào vận hành thực tế và từng bước mở rộng phạm vi ứng dụng. Các giải pháp được triển khai theo hướng kết nối dữ liệu, chuẩn hóa quy trình và tự động hóa nghiệp vụ, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành và trải nghiệm của khách hàng, đối tác và người lao động.

Số hóa và chuyển đổi số hoạt động thương mại

- DigiRetails (hệ thống quản lý phân phối thông minh) được AgriS định hướng là nền tảng thống nhất cho các mô hình B2B, B2C và B2E, kết nối khách hàng, kênh bán hàng, thực hiện đơn hàng, thanh toán, dữ liệu và marketing. Ngày 01/07/2026, giai đoạn 1 của DigiRetails là mô hình B2B Offline chính thức go-live tại 4 đơn vị Thương mại và 1 đơn vị Kinh doanh Gạo. Ngay trong tháng đầu vận hành, toàn bộ đơn hàng tại các đơn vị triển khai đã được thực hiện trên nền tảng DigiRetails, đánh dấu bước đầu trong việc số hóa và chuyển đổi số quy trình phân phối.
- Song song với việc đưa nền tảng mới vào hoạt động, CRM (Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng) và DMS (Hệ thống quản lý phân phối) tiếp tục hỗ trợ số hoá bán hàng giúp AgriS phát triển thêm hàng ngàn khách hàng mới tại các phân khúc trọng điểm. Đây là cơ sở để DigiRetails mở rộng sang B2C Offline trong niên độ 2026-2027 và B2E Online trong niên độ 2027-2028, đồng thời nâng cấp theo hướng tự động hoá và cá nhân hoá trải nghiệm khách hàng.

Số hóa và chuyển đổi số hoạt động tài chính và vận hành

- Tháng 10/2025, giải pháp Host-to-Host (kết nối trực tiếp hệ thống) đã chính thức được go-live nhằm kết nối trực tiếp hệ thống Oracle với bốn ngân hàng để tự động hoá thanh toán, ký số và đối soát.
- Tháng 01/2026, SCF Portal (Cổng tài chính chuỗi cung ứng) được đưa vào vận hành như một nền tảng tài chính, hỗ trợ số hoá toàn bộ hành trình cấp vốn nông nghiệp, từ quản lý hồ sơ nông dân tập trung, đề xuất hạn mức trên dữ liệu chuẩn hoá, phối hợp thẩm định với ngân hàng, ký hợp đồng số, giải ngân linh hoạt qua Farmer App (Ứng dụng dành cho nông dân) đến tự động cấn trừ công nợ. Quy trình này giúp giảm phụ thuộc vào hồ sơ giấy, đồng thời tăng tính minh bạch đối với gốc, lãi và dòng tiền; nông dân có thêm khả năng tiếp cận vốn, còn AgriS nâng cao khả năng kiểm soát rủi ro. Nền tảng hiện được áp dụng tại sáu đơn vị, quản lý tập trung hợp đồng tín dụng của nông dân trong niên độ.
- Trong giai đoạn tiếp theo, nền tảng sẽ được phát triển tích hợp AI (Trí tuệ nhân tạo) chấm điểm tín dụng, mở rộng kết nối đa ngân hàng, tự động hoá thanh toán và cảnh báo rủi ro mùa vụ.
- Hệ thống Quản lý tài sản và Quản lý vận hành đã được đưa vào sử dụng tại 29 đơn vị với 7.677 phiếu vận hành hoàn tất và 97% checklist đạt yêu cầu. Trong tháng 06/2026, AgriS triển khai ERP (Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) để quản trị toàn chuỗi ngành Gạo từ mua hàng, sản xuất đến bán hàng và thanh toán; đồng thời triển khai ERP cho AgriC Khánh Hòa và AgriC Gia Lai. Tính đến cuối niên độ, ERP được vận hành tại 30 đơn vị, tạo nền tảng chung cho các quy trình quản trị trọng yếu của AgriS.

Minh bạch hóa chuỗi giá trị bằng truy xuất nguồn gốc

Tháng 8/2026, nền tảng Truy xuất nguồn gốc AgriS chính thức go-live cho hai sản phẩm Đường Organic 800 và Organic 400. Thông qua mã QR, khách hàng và đối tác có thể tra cứu nhanh nguồn gốc, tiêu chuẩn Organic và hành trình sản phẩm. Giải pháp này giúp liên kết, minh bạch hoá thông tin xuyên suốt từ vùng nguyên liệu, canh tác, thu hoạch, sản xuất đến sản phẩm cuối cùng. Đây là bước đi quan trọng giúp củng cố niềm tin thị trường, khẳng định cam kết của AgriS về chất lượng, minh bạch và phát triển bền vững.

Hoạt động số hoá, công nghệ thông tin (tiếp theo)

CHUẨN HÓA VÀ KẾT NỐI DỮ LIỆU TRÊN TOÀN CHUỖI GIÁ TRỊ

Trong niên độ, AgriS hoàn tất triển khai Data Warehouse (Kho dữ liệu) cho các hệ thống phi tài chính trọng yếu, gồm FRM (Hệ thống quản lý nông nghiệp) của AgriC; CRM và DigiRetails của ComC; DigiFactory của ProC; WMS/TMS (Hệ thống Quản lý kho vận/Vận tải) của khối cung ứng và DigiO của khối vận hành. Qua đó, dữ liệu từ vùng nguyên liệu, sản xuất, thương mại, kho vận và vận hành được tập trung trên cùng một nền tảng, tạo một nguồn dữ liệu thống nhất phục vụ quản trị.

AgriS cũng triển khai thực hiện Linked Data (Kết nối dữ liệu) với Route to Market (chiến lược đưa sản phẩm ra thị trường) và phối hợp chuẩn hoá dữ liệu, đạt độ chính xác đến 98%. Nhờ đó, báo cáo quản trị chuyển từ tổng hợp quá khứ sang phân tích nguyên nhân, dự báo và hỗ trợ ra quyết định kịp thời.

Việc kết nối dữ liệu từ các hoạt động bán hàng, khách hàng, mùa vụ, sản xuất và vận hành trên các nền tảng dùng chung giúp AgriS hình thành nguồn dữ liệu tập trung, phục vụ công tác phân tích và điều hành. Cụ thể:

- Dữ liệu bán hàng và khách hàng trên DigiRetails, CRM và DMS được kết nối xuyên suốt từ báo giá, đơn hàng, giao hàng đến chăm sóc khách hàng, giúp theo dõi đầy đủ quá trình bán hàng và tương tác với khách hàng.
- Dữ liệu mùa vụ trên FRM được liên thông với SCF Portal và ERP, hỗ trợ theo dõi hợp đồng đầu tư, nhu cầu vốn và các giao dịch theo từng đối tượng nông dân.
- Dữ liệu sản xuất, kho vận và vận hành được tập hợp và phân tích để theo dõi kịp thời sản lượng, chất lượng, tồn kho, tình trạng giao nhận và hiệu suất thực hiện.

Việc kết nối và khai thác dữ liệu xuyên suốt giúp thông tin được cập nhật và đối chiếu thống nhất, giảm phụ thuộc vào việc tổng hợp thủ công và hạn chế tình trạng dữ liệu phân tán. Qua đó, dữ liệu từng bước trở thành công cụ phục vụ điều hành, kiểm soát và cải tiến hoạt động, đồng thời nâng cao tính minh bạch và tốc độ ra quyết định trên toàn chuỗi giá trị.

TỐI ƯU HẠ TẦNG VÀ TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ

Trong niên độ 2025-2026, nền tảng Cloud (điện toán đám mây) dùng chung tiếp tục hỗ trợ AgriS triển khai các chương trình số hóa và chuyển đổi số nhanh chóng, đồng bộ và an toàn. Việc chuẩn hóa hạ tầng và quản trị công nghệ trên toàn hệ thống giúp các đơn vị thuận lợi hơn trong triển khai, kết nối và mở rộng các giải pháp số, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Song song, AgriS tiếp tục tăng cường quản trị công nghệ nhằm bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục. Các rủi ro liên quan đến gián đoạn hệ thống, an toàn dữ liệu, kiểm soát giao dịch và chất lượng dữ liệu được quản lý thông qua vận hành tập trung các nền tảng cốt lõi, phân quyền phù hợp và kiểm soát bảo mật trong quá trình phát triển và vận hành. Việc tăng cường tự động hóa trong thanh toán, ký số và đối soát góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, giảm phụ thuộc vào xử lý thủ công và tăng tính minh bạch trong các giao dịch.

ĐƯA AI VÀO QUẢN TRỊ VÀ VẬN HÀNH

Trên nền dữ liệu và hạ tầng đã xây dựng, AgriS bắt đầu đưa AI từ thử nghiệm vào các hoạt động quản trị và vận hành cụ thể:

- AI RiskGuard hỗ trợ giám sát hoạt động kinh doanh, cảnh báo sớm rủi ro và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực.
- AI Trợ lý Sản xuất hỗ trợ theo dõi nguyên liệu, sản lượng, hiệu suất, năng lượng, môi trường và chất lượng nhà máy.
- AI ABI AgriS kết nối dữ liệu và tri thức nội bộ, hỗ trợ tra cứu 24/7 và nâng cao năng suất làm việc.

Các ứng dụng này được phát triển theo định hướng quản trị AI tập trung, với Data Lake (Hồ dữ liệu) cho từng lĩnh vực và Data Lakehouse (Hồ dữ liệu tích hợp) tập trung, từng bước hình thành lớp vận hành thông minh kết nối dữ liệu, phân tích, cảnh báo và hành động.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SỐ HÓA VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NIÊN ĐỘ 2026-2027

Trong niên độ 2026-2027, AgriS sẽ tập trung khai thác sâu và nâng cao hiệu quả các nền tảng đã đưa vào vận hành, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái số trên toàn chuỗi giá trị.

Tiếp tục phát triển DigiRetails theo lộ trình B2C và B2E, hoàn thiện ERP và tích hợp FRM-SCF, đẩy nhanh số hóa và chuyển đổi số quản lý bảo trì máy móc thiết bị, số hoá chuỗi nguyên liệu, cải thiện hiệu quả WMS/TMS và nâng cao năng lực dự báo.

Phát triển AgriOS như nền tảng số phục vụ quản lý và vận hành nông nghiệp tập trung, kết nối dữ liệu từ vùng nguyên liệu đến các hệ thống trong hệ sinh thái AgriS và kế thừa các nghiệp vụ cốt lõi của FRM, đồng thời tích hợp dữ liệu thời tiết và đánh giá năng suất. Qua đó, AgriOS hướng tới hình thành một nền tảng dữ liệu và vận hành thống nhất, giúp người dùng theo dõi, phối hợp và ra quyết định hiệu quả hơn trong hoạt động nông nghiệp.

Tiếp tục phát triển Data Warehouse, Data Lake/Lakehouse, quản trị dữ liệu chủ và công nghệ AI theo nguyên tắc an toàn, có trách nhiệm và có thể đo lường. Qua đó, công nghệ và dữ liệu sẽ trở thành năng lực vận hành thiết thực, giúp AgriS nâng cao chất lượng quyết định, tối ưu nguồn lực và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.



Hoạt động nghiên cứu và phát triển



SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP

Trong niên độ 2025-2026, AgriC tiếp tục xác định nghiên cứu và phát triển (R&D) là một trong những nền tảng quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, tối ưu hóa chi phí sản xuất và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

Hoạt động R&D được triển khai xuyên suốt từ nghiên cứu giống, công nghệ sinh học, quản lý dịch hại, dinh dưỡng cây trồng đến phát triển các giải pháp cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ trong sản xuất. Thông qua sự phối hợp giữa Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Thành Thành Công (TTC ARI), các đơn vị nghiên cứu chuyên môn và Nhà máy Cơ khí AgriC, nhiều kết quả nghiên cứu đã được đưa vào thử nghiệm, ứng dụng và từng bước thương mại hóa tại các vùng nguyên liệu.

Những kết quả đạt được trong niên độ không chỉ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, mà còn góp phần hoàn thiện hệ sinh thái giải pháp nông nghiệp của AgriC, hướng đến mô hình canh tác hiệu quả, tuần hoàn và thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

HỆ SINH THÁI NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Thành Thành Công (TTC ARI)

Được thành lập từ năm 2013, TTC ARI là đơn vị nghiên cứu và phát triển thuộc Hệ sinh thái AgriS, tập trung thúc đẩy nông nghiệp công nghệ cao và phát triển bền vững.

Viện lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm nền tảng, tập trung nghiên cứu các giải pháp phục vụ ngành mía đường, đồng thời từng bước mở rộng sang các loại cây trồng khác phù hợp với định hướng đa dạng hóa chuỗi giá trị nông nghiệp.

Các lĩnh vực nghiên cứu trọng tâm bao gồm:

- Chọn tạo, tuyển chọn và phát triển giống cây trồng;
- Sản xuất giống sạch bệnh bằng công nghệ nuôi cấy mô;
- Nghiên cứu công nghệ sinh học và quản lý dịch hại theo hướng sinh học;
- Phát triển giải pháp dinh dưỡng và cải tạo đất;
- Ứng dụng công nghệ cao trong tưới, bón phân và quản lý sản xuất;
- Chuyển giao kỹ thuật và xây dựng mô hình khuyến nông.

R&D thiết bị cơ giới và năng lực chế tạo nội bộ

Hoạt động R&D thiết bị cơ giới của AgriC được hình thành từ nhu cầu cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở khảo sát thực tế tại các nông trường và vùng nguyên liệu, AgriC xây dựng mô hình Demo Farm theo công nghệ Úc để thử nghiệm thiết bị trong toàn bộ chu trình sản xuất, từ làm đất, trồng, chăm sóc, bón phân, bảo vệ thực vật đến thu hoạch và vận chuyển.

Dữ liệu vận hành và phản hồi từ người sử dụng được thu thập, phân tích để cải tiến thiết kế, vật liệu, hệ thống thủy lực, điện - tự động hóa và cơ cấu công tác. Qua đó, AgriC từng bước hình thành năng lực thiết kế 3D, xây dựng bản vẽ kỹ thuật, danh mục vật tư, tiêu chuẩn chất lượng, chế tạo mẫu và sản xuất các thiết bị phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp.

Việc đầu tư Nhà máy Cơ khí AgriC tiếp tục củng cố năng lực nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất, đồng thời tạo điều kiện chuẩn hóa chu trình phát triển sản phẩm từ xác định nhu cầu, thiết kế, chế tạo mẫu, thử nghiệm tại Demo Farm đến hoàn thiện và chuyển giao sản xuất.

CÁC THÀNH QUẢ NGHIÊN CỨU NÔNG NGHIỆP NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ

Nghiên cứu, tuyển chọn và phát triển giống cây trồng

- TTC ARI tuyển chọn thành công dòng lai tiềm năng TTC17-1-08, hoàn thành chu kỳ đánh giá tám năm kể từ năm 2018. Dòng lai đạt năng suất trên 100 tấn/ha và chữ đường CCS trên 11; riêng tại vụ gốc 1 ở Gia Lai, năng suất đạt 100,4 tấn/ha và CCS đạt 11,6. Dòng lai đang được tiếp tục nhân rộng, đánh giá năng suất và chất lượng trước khi hoàn thiện hồ sơ công bố lưu hành giống, dự kiến vào tháng 2/2027.
- Viện cũng đã tuyển chọn thêm các giống triển vọng như K96-51, CSB08-108 và CSB08-111, tạo nguồn vật liệu giống phục vụ mở rộng diện tích trong thời gian tới.
- Niên độ 2025 - 2026, TTC ARI đã sản xuất và cung cấp 111.120 cây mía nuôi cấy mô; 251.423 cây mía từ một mắt mầm; 262 tấn hom giống đạt tiêu chuẩn.
- Đối với cây dứa, viện đã hoàn thiện quy trình ươm, chăm sóc và cung cấp 2 triệu cây giống nuôi cấy mô, phục vụ nhu cầu mở rộng các dự án cây ăn quả. Viện cũng tuyển chọn được một giống dứa ăn tươi mới và đang được tiếp tục theo dõi, thu thập dữ liệu kỹ thuật để hoàn thiện hồ sơ đăng ký lưu hành, dự kiến trong niên độ 2027-2028.

Quản lý dịch hại theo hướng sinh học

- Các giải pháp quản lý dịch hại bằng thiên địch tiếp tục được mở rộng, góp phần giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và hướng đến phương thức canh tác thân thiện với môi trường.
- Trong niên độ, TTC ARI đã cung cấp ong mắt đỏ để phòng trừ sâu đục thân trên hơn 4.000 ha mía, đồng thời cung cấp hơn 600.000 cá thể thiên địch, chủ yếu là các nhóm bọ xít ăn mồi, phục vụ kiểm soát dịch hại trong nhà lưới.
- Viện cũng nghiên cứu, sản xuất và từng bước thương mại hóa thêm một loài thiên địch mới là bọ xít bông, chủ yếu cung cấp cho các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Lâm Đồng.



Nghiên cứu dinh dưỡng đất

Trong niên độ, TTC ARI đã phân tích 1.362 mẫu đất, làm cơ sở tư vấn chế độ bón phân phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng và điều kiện canh tác tại từng vùng nguyên liệu. Viện đồng thời nghiên cứu các công thức phân hữu cơ mới, tiêu biểu gồm phân hữu cơ 3-2-2 và phân hữu cơ từ bã bùn kết hợp nguyên liệu có nguồn gốc từ quá trình xử lý chất thải chăn nuôi bằng ruồi lính đen.



Phát triển chuỗi giải pháp cơ giới hóa đồng bộ

Phòng R&D Nhà máy Cơ khí AgriC tiếp tục nghiên cứu, chế tạo và cải tiến chuỗi thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các hoạt động nghiên cứu tập trung vào hai định hướng chính: tối ưu hóa logistics nội đồng và tự động hóa các công đoạn trồng, chăm sóc, bón phân, bảo vệ thực vật đối với cây mía, dứa và các cây trồng công nghiệp có giá trị kinh tế cao. Các giải pháp được nghiên cứu nổi bật gồm:

- **Rơ-moóc trung chuyển mía (mô hình Úc):** Vận hành ổn định trên nền đất yếu nhờ hệ thống trục cân bằng và bánh lốp bản rộng; hạn chế nén chặt đất, tăng 35% tốc độ giải phóng tiến độ thu hoạch và tối ưu chi phí nhiên liệu.
- **Dàn trồng mía hom chặt khúc 1 hàng:** Tích hợp 5 chức năng (rạch rãnh, bón phân, rải hom, phun thuốc, lấp đất); tiết kiệm đến 70% nhân công và đảm bảo độ sâu lấp hom chính xác (sai số < 2 cm).
- **Thiết bị phun thuốc tự hành khoảng sáng gầm cao (1,8-2,0 m):** Phun thuốc/xử lý dây leo giai đoạn mía giao tán mà không làm hư hại ngọn cây, nâng cao độ đồng đều và tối ưu lượng thuốc sử dụng.
- **Dàn bón phân hữu cơ dạng bột:** Hệ thống cấp liệu thủy lực giúp đưa phân chính xác vào vùng rễ, chống bết dính/nghẹt và tiết kiệm 25% lượng phân bón.
- **Thiết bị phun thuốc chuyên dụng cho cây dứa:** Giàn phun dài 42 m đạt năng suất 5-10 ha/giờ, chỉ cần 1-2 người vận hành, giúp giảm tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.
- **Dàn cào cỏ và xới đất giữa hàng mía:** Xử lý đến 90% cỏ dại, cải thiện độ tơi xốp của đất, giảm chi phí nông dược và hạn chế tác động môi trường.Nâng cao năng lực thiết kế, chế tạo và chuyển giao sản phẩm

Các giải pháp cơ giới do AgriC phát triển được triển khai thông qua sự phối hợp giữa Phòng R&D và các phân xưởng chuyên môn của Nhà máy Cơ khí. Sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận giúp AgriC rút ngắn quá trình từ nghiên cứu, thiết kế đến thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm. Một số thiết bị đã hoàn thành giai đoạn sản xuất loạt nhỏ và sẵn sàng chuyển giao để tổ chức sản xuất với quy mô lớn hơn, phục vụ nhu cầu cơ giới hóa tại các vùng nguyên liệu.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển (tiếp theo)

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM, ĐỒ UỐNG

Agris tiếp tục đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện danh mục sản phẩm giá trị gia tăng, hướng đến mở rộng năng lực phục vụ cho tất cả phân khúc B2B, B2C và horeca, đồng thời xây dựng nền tảng cho chiến lược thương mại hóa trong các năm tiếp theo với mô hình OEM/ODM linh hoạt.

Phát triển dòng sản phẩm nền syrup

- Giải pháp cho thị trường B2C: Hoàn thiện thử nghiệm dòng syrup mía có độ Brix cao, góp phần giảm nhu cầu sử dụng chất bảo quản trong thành phẩm, đồng thời tạo nền nguyên liệu cho các dòng syrup hương cao cấp.
- Giải pháp cho thị trường B2B: Hoàn tất thử nghiệm sản xuất đường lỏng tinh luyện trên dây chuyền mới; đồng thời phát triển các bộ công thức đường lỏng phối trộn với HFCS và glucose syrup, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu ứng dụng đa dạng của từng khách hàng trong ngành thực phẩm và đồ uống.

Phát triển danh mục syrup hương

- Nghiên cứu và hoàn thiện sẵn sàng 15 công thức syrup hương với đa dạng hương vị khác nhau.
- Hoàn thiện năng lực sẵn sàng cung ứng cho các khách hàng nội bộ như ComC, OEM và kênh HORECA, đáp ứng nhanh các nhu cầu phát triển sản phẩm mới của thị trường.

Phát triển năng lực sản xuất Premix

- Đầu tư hệ thống thiết bị phối trộn đa chức năng, nâng cao năng lực nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển các dòng premix từ công thức cơ bản đến các ứng dụng có độ phức tạp trung bình tại phòng lab.
- Thực hiện thành công các lô sản xuất thử nghiệm premix theo yêu cầu của khách hàng Trung Quốc tại Nhà máy NHS, tạo tiền đề cho hoạt động thương mại hóa.
- Phối hợp trong công tác triển khai dây chuyền sản xuất premix với công suất trộn thiết kế 60.000 tấn/năm, dự kiến đưa vào vận hành từ tháng 01/2027 tại TTCS, góp phần mở rộng năng lực cung ứng các giải pháp nguyên liệu giá trị gia tăng.

Đẩy mạnh dịch vụ OEM/ODM

AgriS tiếp tục mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ OEM/ODM, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế thông qua danh mục sản phẩm đa dạng, quy trình triển khai nhanh chóng và khả năng tùy biến theo yêu cầu. Với việc tối ưu hóa quy trình, AgriS đã rút ngắn thời gian triển khai dự án từ 90 - 120 ngày xuống còn 45 - 60 ngày, nâng cao tính linh hoạt và khả năng đáp ứng nhanh nhu cầu của khách hàng.

Thị trường nội địa

- Cung ứng các sản phẩm đường mang nhãn hiệu riêng (Private Label) cho các hệ thống bán lẻ và chuỗi siêu thị lớn như Coop, Lotte Mart và Mega Market.
- Phát triển và cung ứng các giải pháp đường lỏng cho các chuỗi đồ uống, bao gồm Highlands Coffee và Gong Cha, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tính ổn định và hiệu quả vận hành.

Thị trường xuất khẩu

- Triển khai thành công các dự án OEM cho khách hàng tại nhiều thị trường quốc tế như Singapore, Trung Đông, từng bước mở rộng hiện diện của các giải pháp giá trị gia tăng trên thị trường xuất khẩu.

Niên độ 2026 - 2027, AgriS sẽ tập trung

Thúc đẩy phát triển danh mục sản phẩm chiến lược: phát triển và thương mại hóa các dòng sản phẩm trọng điểm, tập trung vào tối ưu chất lượng syrup nền, phát triển khách hàng syrup hương và premix trung cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

Nâng cao năng lực nghiên cứu và thương mại hóa: Tiếp tục hoàn thiện nền tảng công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật và danh mục công thức, chuẩn hóa quy trình phát triển sản phẩm, tăng tốc thời gian phát triển sản phẩm mới, đáp ứng linh hoạt các yêu cầu của thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Mở rộng năng lực cung ứng giải pháp: Chuyển dịch từ mô hình cung cấp nguyên liệu sang cung cấp giải pháp tổng thể cho ngành thực phẩm và đồ uống, tập trung phát triển các giải pháp dành cho nhóm khách hàng Food Preparation và từng bước mở rộng sang các giải pháp Food Solution có giá trị gia tăng cao.

SẢN PHẨM CÓ NGUỒN GỐC SINH HỌC (BIO-BASED)

Niên độ 2025-2026, AgriS đã phát triển thành công sản phẩm pallet bã mía 1 tầng kích thước 1,1 × 1,1 m, được sản xuất từ hỗn hợp gỗ vụn và bã mía, ép định hình ở nhiệt độ và áp suất cao, phục vụ nhu cầu xếp dỡ và vận chuyển hàng hóa.

Phát triển đa dạng pallet bã mía theo quy cách và nhu cầu sử dụng

Về mặt kỹ thuật: Phát triển các dòng pallet bã mía với đa dạng quy cách (1 tầng, 2 tầng; kích thước 1,05 × 1,03 m; 1,1 × 1,0 m; 1,1 × 1,1 m; 1,2 × 1,0 m...), đáp ứng các yêu cầu sử dụng khác nhau như lưu kho, kệ rack, kho lạnh, container lạnh và vận hành tự động. Đồng thời, thử nghiệm bổ sung phụ phẩm gáo dừa nhằm đa dạng hóa nguồn nguyên liệu sinh khối.

Về mặt kinh doanh: Mở rộng danh mục SKU, tăng khả năng tùy biến theo nhu cầu khách hàng và từng bước mở rộng thị trường pallet bã mía trong các lĩnh vực nông sản, thực phẩm và đồ uống.



Sản xuất keo lignin từ bã mía ứng dụng cho pallet

Tận dụng lignin, một thành phần tự nhiên trong cấu trúc thực vật, được thu hồi từ bã mía để sản xuất keo ứng dụng trong pallet bã mía, hướng đến thay thế các loại keo truyền thống có nguồn gốc từ dầu mỏ, qua đó gia tăng giá trị sử dụng của phụ phẩm từ ngành mía đường.



Sản phẩm tận dụng nguồn phụ phẩm từ sản xuất mía đường, gia tăng giá trị sử dụng của bã mía và góp phần giảm phụ thuộc vào pallet gỗ truyền thống. Chi phí vận hành giảm khoảng 10% so với pallet gỗ, đồng thời góp phần củng cố định hướng phát triển các sản phẩm tuần hoàn và nâng cao hình ảnh đổi mới của AgriS.

Các niên độ tới, AgriS sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động R&D và thương mại hóa các sản phẩm có nguồn gốc sinh học, hướng đến tối ưu hóa chuỗi giá trị và gia tăng giá trị từ các nguồn phụ phẩm nông nghiệp.

Nghiên cứu và sản xuất protein nấm men (Functional Yeast Protein)

Phát triển nguồn protein từ nấm men sử dụng mật rỉ đường làm nguyên liệu, tận dụng phụ phẩm của ngành mía đường để tạo ra nguồn protein từ nấm men, góp phần đa dạng hóa nguồn protein và giảm nhu cầu sử dụng đất canh tác.



Phát triển vật liệu composite sinh học từ bã mía ứng dụng trong bao bì

- **Composite nền nhựa PP/PE:** Phối trộn nhựa truyền thống PP/PE với bột bã mía, qua đó giảm tỷ lệ sử dụng nhựa nguyên sinh và tăng hàm lượng nguyên liệu có nguồn gốc sinh học trong sản phẩm.
- **Composite nền nhựa sinh học:** Phối trộn các loại nhựa sinh học như PLA, PBAT, PBS với bột bã mía, hướng đến phát triển vật liệu có khả năng phân hủy sinh học và đáp ứng các yêu cầu về vật liệu bền vững.
- **Sản phẩm tiềm năng:** Khay bã mía, nắp chai vặn, hộp và nắp đường.



Quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng

Niên độ 2025-2026 đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong hành trình thực hiện chiến lược đến 2030-2031 của AgriS. Những định hướng dài hạn từng bước được chuyển hóa thành các kết quả có thể đo lường, tạo nền tảng để AgriS chuyển dịch từ vai trò kiến tạo hệ sinh thái (Ecosystem Builder) sang giai đoạn tối ưu hóa hiệu năng và hướng tới vị thế dẫn dắt thị trường (Market Creator).

Chuỗi cung ứng tiếp tục được AgriS xác định là một trong những động lực cốt lõi để chuyển hóa chiến lược thành hiệu quả thực tiễn. Từ vùng nguyên liệu, sản xuất, kho vận đến phân phối và phục vụ khách hàng trong nước và quốc tế, AgriS từng bước đồng bộ và tối ưu toàn chuỗi, nâng cao hiệu năng vận hành, gia tăng khả năng đáp ứng thị trường.

Trên nền tảng chuỗi giá trị được kết nối xuyên suốt từ nông trại đến bàn ăn, AgriS tập trung tối ưu các mắt xích trọng yếu nhằm nâng cao hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng kiểm soát toàn chuỗi, bao gồm:

Bảo đảm nguồn cung mía đạt yêu cầu về sản lượng, chất lượng và thời vụ tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Úc; đồng thời kiểm soát hiệu quả chi phí, tồn kho và thời gian từ thu hoạch đến chế biến.

Nâng cao năng lực cạnh tranh về chi phí, tốc độ giao hàng và độ tin cậy nguồn cung, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động sản xuất chịu ảnh hưởng lớn của tính mùa vụ.



Phát triển chuỗi cung ứng tuần hoàn và các giải pháp giảm phát thải, góp phần thực hiện các mục tiêu ESG và Net Zero 2035.

CHUỖI CUNG ỨNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG CẢI THIỆN NĂNG LỰC CẠNH TRANH

AgriS tiếp tục hoàn thiện mô hình Central-Led Procurement (Mua sắm định hướng tập trung) với cấu trúc ba tầng và ba trung tâm gồm AgriC, ProC và ComC. Mô hình hướng đến việc thống nhất chiến lược mua hàng trên toàn Tập đoàn, đồng thời duy trì tính linh hoạt trong thực thi, tối ưu chi phí và tăng cường tuân thủ.

Hệ thống logistics được tổ chức theo mô hình đa tầng, xuyên quốc gia, với các kho trung chuyển tại Tây Ninh, Lào và Campuchia; kết nối với các cảng nội địa và quốc tế; đồng thời kết hợp nhiều phương thức vận tải như đường bộ, đường thủy/đường biển và đường sắt.

Trong công tác hoạch định, AgriS triển khai IBP - Integrated Business Planning (Hoạch định kinh doanh tích hợp) kết nối ba yếu tố Demand (Nhu cầu) - Supply (Nguồn cung) - Finance (Tài chính) thông qua chu trình S&OP/S&OE (Hoạch định bán hàng và vận hành/ Thực thi bán hàng và vận hành) được thực hiện định kỳ hàng tháng. Qua đó, AgriS nâng cao tính chủ động trong hoạch định, kịp thời nhận diện các biến động và đưa ra quyết định điều hành phù hợp, góp phần tối ưu hiệu quả hoạt động trên toàn chuỗi.

Bên cạnh các kết quả đạt được, AgriS đang sở hữu sáu nền tảng thuận lợi cho giai đoạn phát triển tiếp theo, gồm:

- Quy trình vận hành đã được chuẩn hóa thông qua S&OP/IBP
- Lộ trình số hóa toàn diện
- Vùng nguyên liệu 78.000 ha tại bốn quốc gia
- Nền tảng tài chính ổn định
- Danh mục ngành hàng đa dạng
- Mạng lưới vận hành gồm bảy đơn vị kinh doanh

Trong thời gian tới, AgriS định hướng chuẩn hóa quy trình theo khung SCOR (mô hình tham chiếu hoạt động chuỗi cung ứng), mở rộng năng lực vận chuyển xuyên biên giới và từng bước chuyển sang hợp tác với các đối tác logistics theo mô hình 3PL/4PL/5PL, gắn với hệ thống KPI rõ ràng. Đây sẽ là nền tảng để nâng cao năng lực cạnh tranh và sẵn sàng mở rộng hoạt động trên thị trường quốc tế.

Quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng (tiếp theo)

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀO CHUỖI CUNG ỨNG VÀ HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Chuyển đổi số tiếp tục là một trong những động lực quan trọng để AgriS nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng.

Đối với động mua hàng, AgriS triển khai mô hình Source-to-Pay (từ tìm nguồn cung đến thanh toán) với các nền tảng gồm ERP Oracle Cloud (Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp trên điện toán đám mây Oracle), e-Procurement (mua sắm điện tử), e-Sourcing (tìm nguồn cung điện tử), e-Contract (hợp đồng điện tử), cổng thông tin nhà cung cấp và hệ thống quản lý đề nghị mua hàng điện tử.

Đối với logistics và kho vận, các giải pháp công nghệ được triển khai theo từng chức năng:

- TMS (Hệ thống quản lý vận tải) hỗ trợ lập kế hoạch và tối ưu lộ trình vận tải, đồng thời theo dõi phương tiện thông qua GPS.
- WMS (Hệ thống quản lý kho) tự động hóa hoạt động nhập - xuất kho, quản lý tồn kho theo nguyên tắc FIFO/FEFO (Nhập trước - Xuất trước/Hết hạn trước - Xuất trước) bằng QR Code và RFID (Nhận dạng bằng tần số vô tuyến).
- YMS (Hệ thống quản lý bãi) hỗ trợ điều phối phương tiện ra vào, góp phần giảm ùn tắc và thời gian chờ tại kho.

Đối với hoạch định chuỗi cung ứng, IBP được kết hợp với AI (Trí tuệ nhân tạo) và dữ liệu vệ tinh để dự báo năng suất mía theo vùng và mùa vụ. AgriS đồng thời ứng dụng công cụ hoạch định năng lực sơ bộ (RCCP) và hệ thống bảng điều khiển BI (Phân tích kinh doanh) nhằm so sánh kết quả thực tế với kế hoạch, hỗ trợ quá trình S&OP.

Hiệu quả ghi nhận

- Chi phí mua hàng được tiết giảm khoảng 10-15% thông qua e-Procurement.
- Tổng chi phí tiết giảm trong niên độ 2025-2026 đạt 3.163 tỷ đồng.
- Hệ thống DigiRetails với giai đoạn 1 là mô hình B2B Offline được đưa vào vận hành từ ngày 01/07/2026.
- Hiệu suất nhà cung cấp được đánh giá minh bạch hơn thông qua Vendor Scorecard (bảng đánh giá hiệu suất nhà cung cấp).
- Hệ thống theo dõi xu hướng giá đối với các nguyên vật liệu trọng yếu như nhựa, dầu DO, phân bón và đường hỗ trợ AgriS chủ động hơn trong quản trị rủi ro và quyết định mua hàng.

Những kết quả này cho thấy công nghệ đang dần chuyển từ vai trò hỗ trợ sang trở thành một cấu phần cốt lõi trong quản trị chuỗi cung ứng, giúp AgriS nâng cao tính minh bạch, tốc độ phản ứng và khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu.

ĐỊNH HƯỚNG CẢI THIỆN CHUỖI CUNG ỨNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong niên độ 2026-2027, AgriS xác định tám trọng tâm chiến lược nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng:



01. Hoạch định kinh doanh tích hợp (IBP).
02. Xây dựng chiến lược sản phẩm theo nhà máy, khách hàng và kênh bán.
03. Đổi mới quy trình phát triển sản phẩm mới.
04. Quản lý tồn kho theo mức tối thiểu - tối đa.
05. Tối ưu chi phí vận hành kho.
06. Nâng cao tỷ lệ giao hàng đúng hạn, đủ số lượng.
07. Đẩy mạnh số hóa và báo cáo quản trị.
08. Phát triển mô hình quản lý tồn kho theo nhà cung cấp.

Các mục tiêu định lượng trọng tâm gồm:

- Độ chính xác dự báo nhu cầu của COMC cho Đường và sản phẩm F&B đạt từ 80% đối với B2B và 70% đối với B2C trở lên.
- Mức độ thực hiện kế hoạch sản xuất đạt từ 80% trở lên.
- ·Giảm số ngày tồn kho xuống 90 ngày.
- Tỷ lệ hàng chậm luân chuyển dưới 0,18%.
- Tỷ lệ giao hàng đúng hạn, đủ số lượng đạt từ 98,5% trở lên.

AgriS tiếp tục triển khai các công cụ số hóa cho hoạch định nhu cầu phân phối, lập kế hoạch sản xuất và nguyên vật liệu, đồng thời phát triển các bảng điều khiển phục vụ quản trị chuỗi cung ứng.

Trong logistics, định hướng là từng bước chuyển từ mô hình vận hành nội bộ sang hợp tác chiến lược với các đối tác logistics bên thứ ba. Các hợp đồng hợp tác sẽ gắn với những chỉ tiêu cụ thể về thời gian giao hàng, chi phí và tỷ lệ hư hỏng nhằm bảo đảm hiệu quả và trách nhiệm rõ ràng giữa các bên.

Với mục tiêu tối ưu chi phí, AgriS đẩy mạnh logistics xanh thông qua sử dụng xe điện, xe hybrid, tái sử dụng bao bì và dịch chuyển sang pallet bã mía, đồng thời giám sát và giảm phát thải CO_2 trên mỗi tấn hàng hóa vận chuyển.

CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU - LỘ TRÌNH QUỐC TẾ HÓA

Lộ trình chuyển đổi chuỗi cung ứng của AgriS được xây dựng trên bốn trụ cột:

- Mở rộng IBP trên toàn vùng, đồng bộ hoạt động tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Úc.
- Phát triển hệ thống logistics đa tầng, xuyên quốc gia.
- Số hóa toàn trình hoạt động mua hàng.
- Xây dựng chuỗi cung ứng xanh gắn với các tiêu chuẩn ESG.

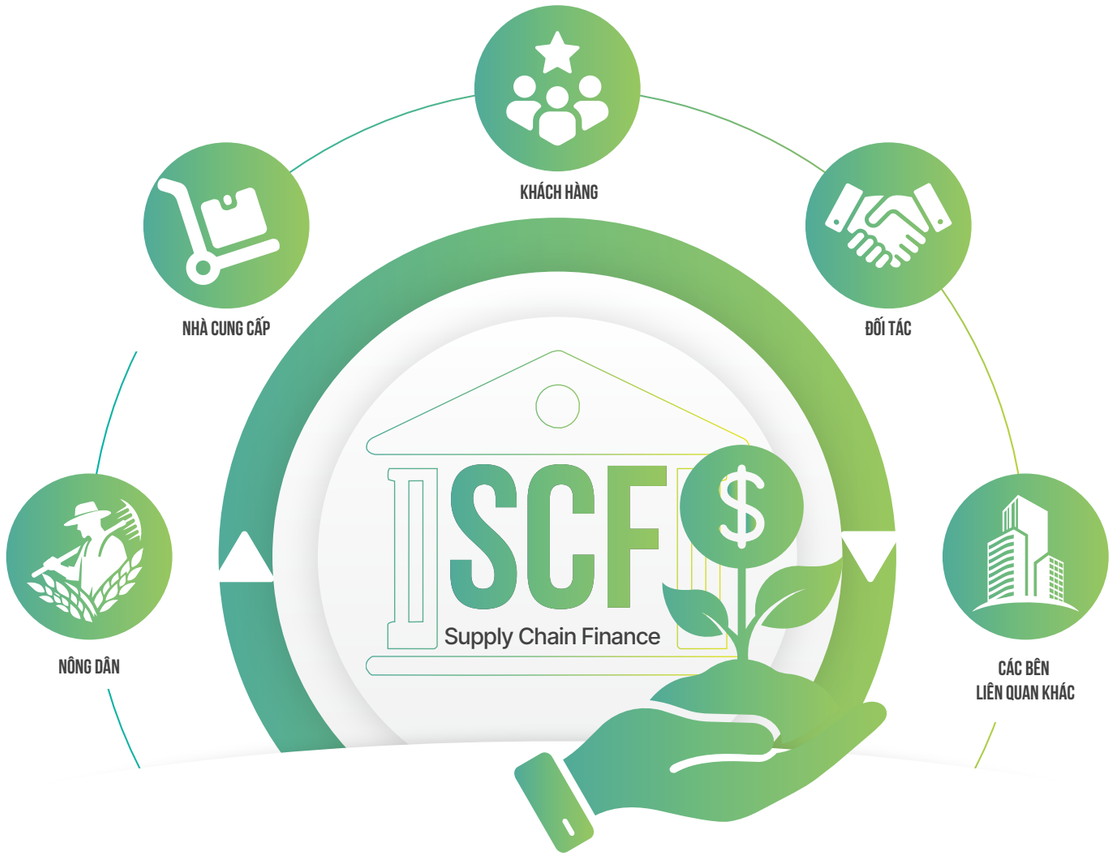
AgriS định hướng mở rộng hợp tác với các đối tác logistics và thương mại toàn cầu như Maersk, MSC và Olam Food Ingredients, qua đó tăng cường năng lực xuất khẩu sang châu Âu, Bắc Mỹ và ASEAN thông qua việc tận dụng các hiệp định thương mại tự do.

Lộ trình quốc tế hóa được triển khai theo bốn giai đoạn:

- **Giai đoạn 1:** Lấy Việt Nam làm mô hình mẫu theo khung SCOR.
- **Giai đoạn 2:** Nhân rộng mô hình sang Lào và Campuchia.
- **Giai đoạn 3:** Mở rộng sang Indonesia và Úc.
- **Giai đoạn 4:** Từng bước toàn cầu hóa toàn mạng lưới.

Đến năm 2030, AgriS hướng tới ứng dụng công nghệ IoT (Internet vạn vật) và dữ liệu lớn theo thời gian thực; triển khai truy xuất nguồn gốc bằng blockchain (công nghệ chuỗi khối); sử dụng AI trong dự báo và tối ưu chuỗi cung ứng; phát triển chuỗi lạnh cho các nhóm hàng có nguồn gốc thực vật; đồng thời xây dựng chuỗi cung ứng tuần hoàn có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Supply chain finance - Hạ tầng tài chính kết nối hệ sinh thái AgriS



Trong hệ sinh thái AgriS, dòng vốn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự liên kết và đảm bảo hoạt động xuyên suốt giữa các bên trong chuỗi giá trị, từ nông dân, nhà cung cấp đến đối tác, khách hàng và các bên liên quan khác.

Với vai trò là trung tâm kết nối hệ sinh thái nông nghiệp, AgriS đã tiên phong xây dựng và triển khai chương trình **Supply Chain Finance (SCF)**, không chỉ như một giải pháp tài trợ vốn mà hướng tới trở thành hạ tầng tài chính hỗ trợ toàn bộ hệ sinh thái vận hành hiệu quả và phát triển bền vững.

Mô hình vận hành

SCF AgriS được xây dựng trên nền tảng dữ liệu giao dịch và dòng tiền giữa AgriS và các bên trong hệ sinh thái. Từ đó, AgriS phát triển mô hình đánh giá và chấm điểm đối tác, đồng thời hình thành một phần cơ sở dữ liệu tín dụng số cho từng thành viên trong chuỗi giá trị.

Trên cơ sở dữ liệu này, AgriS phối hợp với các tổ chức tín dụng uy tín để triển khai các giải pháp tài chính phù hợp. Mô hình giúp các bên rút ngắn thời gian và chi phí thẩm định, giảm nguồn lực vận hành, đồng thời nâng cao khả năng kiểm soát và quản trị rủi ro.

Từ giai đoạn thử nghiệm, SCF AgriS đã được mở rộng và vận hành trên toàn hệ sinh thái trong niên độ 2025-2026, từng bước hình thành mô hình tài chính chuỗi cung ứng hiện đại. Đến nay, chương trình đã cấp tín dụng thành công cho gần 2.000 nông dân và hơn 50 doanh nghiệp đối tác, nhà cung cấp và khách hàng, với sự đồng hành của các tổ chức tín dụng hàng đầu tại Việt Nam.



Về dài hạn, SCF là một bước tiến trong quá trình AgriS chuyển dịch từ doanh nghiệp sử dụng vốn sang doanh nghiệp điều phối dòng vốn trong hệ sinh thái, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của các bên và tạo dựng giá trị bền vững cho toàn chuỗi.

NHỮNG DẤU ẤN NỔI BẬT CỦA SCF AGRIS TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026

Mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho nông dân

SCF AgriS triển khai các gói tín dụng phục vụ hoạt động canh tác mía, giúp nông dân tiếp cận nguồn vốn thuận lợi và kịp thời theo từng mùa vụ.

Không chỉ hỗ trợ về vốn, chương trình còn đồng hành cùng nông dân trong việc hoàn thiện thông tin định danh số, xác thực thuê bao và đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia. Đây là nền tảng để nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính số trong tương lai.

Hỗ trợ nhà cung cấp, tăng tính liên tục của chuỗi cung ứng

SCF AgriS giúp các nhà cung cấp chủ động nguồn vốn và duy trì hoạt động sản xuất - kinh doanh ổn định. Điểm khác biệt của chương trình là khả năng mở rộng tài trợ vượt ra ngoài nhóm nhà cung cấp trực tiếp của AgriS, từng bước tiếp cận các cấp sâu hơn trong chuỗi giá trị.

Các giao dịch được thực hiện trên một nền tảng số thống nhất, ứng dụng công nghệ Blockchain nhằm tăng cường tính minh bạch, an toàn, bảo mật và hỗ trợ quản trị rủi ro hiệu quả hơn.

Đồng hành cùng nhà phân phối, thúc đẩy tăng trưởng

Đối với hệ thống nhà phân phối, SCF AgriS cung cấp giải pháp tài trợ dựa trên các giao dịch thương mại phát sinh với AgriS, giúp tối ưu dòng tiền, kéo dài thời hạn thanh toán và nâng cao năng lực kinh doanh.

Nguồn vốn lưu động được cải thiện tạo điều kiện để các nhà phân phối mở rộng quy mô, tăng khả năng dự trữ hàng hóa và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường. Qua đó, SCF không chỉ hỗ trợ từng doanh nghiệp mà còn góp phần tạo động lực tăng trưởng cho toàn bộ chuỗi giá trị.

Trong thời gian tới, AgriS sẽ tiếp tục mở rộng SCF theo định hướng ESG, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận tài chính chính thức cho nông dân và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Qua đó, chương trình không chỉ góp phần tối ưu vốn lưu động, giảm chi phí tài chính cho các bên tham gia mà còn tạo nền tảng phát triển các dịch vụ tài chính số, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm



AgriS luôn xem chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm là một cam kết trọng yếu, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sức khỏe người tiêu dùng, sự minh bạch của chuỗi cung ứng và sự phát triển bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp. Trên hành trình kết nối chuỗi giá trị toàn cầu "từ Nông trại đến Bàn ăn", AgriS không chỉ tập trung tạo ra sản phẩm an toàn, ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế mà còn hướng đến xây dựng niềm tin dài hạn với khách hàng, đối tác, cộng đồng và các bên liên quan.

Với định hướng phát triển bền vững, công tác quản lý chất lượng tại AgriS được đặt trong mối liên kết chặt chẽ giữa ba trụ cột: bảo vệ người tiêu dùng thông qua an toàn thực phẩm, thúc đẩy trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng và nâng cao năng lực quản trị thông qua hệ thống tiêu chuẩn, dữ liệu và kiểm soát rủi ro.

Các yêu cầu đặc thù của từng thị trường, nhóm khách hàng và dòng sản phẩm được rà soát, cập nhật và tích hợp vào hệ thống quản trị, qua đó bảo đảm sản phẩm đáp ứng đúng mục đích sử dụng, yêu cầu pháp luật, tiêu chuẩn quốc tế và các cam kết về phát triển bền vững.

Các hoạt động trọng tâm được triển khai xuyên suốt trong toàn chuỗi giá trị, góp phần củng cố nền tảng ESG của AgriS:

Chuỗi cung ứng nguyên liệu có trách nhiệm

- Các vùng trồng mía của AgriS được quản lý theo hướng minh bạch, có kiểm soát và từng bước chuẩn hóa theo các yêu cầu về canh tác bền vững. Việc áp dụng chứng nhận Organic, Bonsucro và các phần mềm quản lý canh tác giúp nâng cao khả năng kiểm soát nguồn gốc, điều kiện canh tác, sử dụng nước, thuốc bảo vệ thực vật và phân bón, qua đó góp phần giảm thiểu rủi ro chất lượng từ đầu nguồn.
- Đối với các nhà cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, AgriS duy trì quy trình đánh giá và phê duyệt dựa trên các tiêu chí về chất lượng, an toàn thực phẩm và tuân thủ, nhằm thúc đẩy trách nhiệm của nhà cung cấp trong toàn chuỗi giá trị.
- Mía nguyên liệu, đường thô, hàng hóa và nguyên vật liệu đầu vào khi tiếp nhận tại nhà máy đều được kiểm tra về nguồn gốc, chất lượng và điều kiện an toàn thực phẩm trước khi nhập kho và đưa vào sản xuất, bảo đảm tính nhất quán của kiểm soát chất lượng ngay từ điểm đầu chuỗi.

Sản xuất an toàn, kiểm soát rủi ro và tối ưu nguồn lực

- Các quy trình sản xuất được Ban HACCP đánh giá mối nguy về chất lượng và an toàn thực phẩm ngay từ giai đoạn phát triển sản phẩm và được rà soát định kỳ. Cách tiếp cận dựa trên rủi ro giúp AgriS chủ động phòng ngừa nguy cơ mất an toàn thực phẩm, giảm thiểu sai lệch chất lượng, ổn định sản lượng và tối ưu chi phí vận hành.
- Bộ phận Quản lý Chất lượng hoạt động độc lập với sản xuất, thực hiện kiểm tra và giám sát tại các công đoạn trọng yếu. Sản phẩm chỉ được xuất kho sau khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chất lượng, góp phần củng cố cơ chế quản trị nội bộ và trách nhiệm giải trình trong vận hành.

Lưu kho, vận chuyển và phân phối có kiểm soát

- Các kho lưu trữ hàng hóa được kiểm soát theo yêu cầu về điều kiện bảo quản, vệ sinh và an toàn thực phẩm. Hoạt động lưu kho được giám sát liên tục và đánh giá định kỳ nhằm duy trì chất lượng sản phẩm trong suốt thời gian bảo quản.
- Phương tiện vận tải được kiểm soát từ khâu lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đến kiểm tra trước khi xếp hàng, bảo đảm hàng hóa được vận chuyển trong điều kiện phù hợp, giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm và cam kết giao hàng.

Lấy khách hàng làm trung tâm của quản trị chất lượng

- AgriS thúc đẩy văn hóa lấy khách hàng làm trọng tâm trong toàn hệ thống, bảo đảm mỗi CBNV tham gia vào chuỗi sản xuất, kinh doanh đều thấu hiểu yêu cầu chất lượng, trách nhiệm phục vụ và vai trò của mình trong việc tạo dựng niềm tin với khách hàng.
- Các yêu cầu và phản hồi liên quan đến chất lượng, an toàn thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ được tiếp nhận, phân tích và xử lý theo quy trình thống nhất. Đây là cơ sở để AgriS cải tiến liên tục, nâng cao trải nghiệm khách hàng và củng cố uy tín thương hiệu trên các thị trường.

Đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm (tiếp theo)



ỨNG DỤNG NỀN TẢNG SỐ TRONG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

Bên cạnh các quy trình kiểm soát trực tiếp, AgriS đã tích hợp các phân hệ quản lý chất lượng được tích hợp trên nhiều nền tảng số, hỗ trợ quản trị xuyên suốt quá trình vận hành, nâng cao khả năng kiểm soát, xử lý thông tin:

- **Hệ thống FRM:** Hỗ trợ quản lý dữ liệu chất lượng mía nguyên liệu, tăng cường khả năng kiểm soát và truy xuất từ vùng trồng.
- **Hệ thống DigiFactory:** Quản lý tổng quan hoạt động nghiệm thu, sản xuất và nhập kho, góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát vận hành.
- **Hệ thống WMS:** Quản lý kiểm soát chất lượng hàng hóa khi xuất hàng, bảo đảm chất lượng, số lượng và cam kết giao hàng với khách hàng.
- **Hệ thống CRM:** Quản lý tương tác khách hàng, phản hồi sau bán hàng và dữ liệu dịch vụ, hỗ trợ nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng.
- **Hệ thống E-learning:** Thúc đẩy đào tạo nhận thức về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và tuân thủ đến từng nhân sự trong chuỗi vận hành.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NIÊN ĐỘ 2025-2026

Các hoạt động quản lý chất lượng trong niên độ tiếp tục được duy trì và cải tiến, góp phần nâng cao tính ổn định của sản phẩm và hiệu quả vận hành. Một số kết quả nổi bật gồm:

- 99,92% tỷ lệ sản phẩm đạt chuẩn ngay từ lần kiểm tra đầu tiên (First Time Right), phản ánh mức độ ổn định của quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng.
- Giảm 15% số lượng khiếu nại của khách hàng so với cùng kỳ, cho thấy những cải tiến trong kiểm soát chất lượng và phản hồi khách hàng.
- Giảm 56% chi phí xử lý lỗi chất lượng so với cùng kỳ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.
- 100% hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và các chương trình chứng nhận đang áp dụng được duy trì, đánh giá định kỳ và cải tiến liên tục theo yêu cầu của tiêu chuẩn, khách hàng và thị trường.

CÁC CHỨNG NHẬN, TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Chứng nhận: Organic EU, USDA; FDA

Đơn vị cấp chứng nhận: Control Union

Chứng nhận sản phẩm theo các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ quốc tế (EU, Hoa Kì).

Chứng nhận này xác nhận sản phẩm Organic của AgriS đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Organic của Châu Âu, Hoa Kì..

Chứng nhận: FSSC 22000 ver 6.0

Đơn vị cấp chứng nhận: Bureau Veritas, BSI

Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống Quản lý An toàn Vệ sinh Thực phẩm, được GFSI công nhận.

Chứng nhận này cho thấy tất cả các sản phẩm của AgriS được sản xuất trên dây chuyền sản xuất được kiểm soát An toàn vệ sinh thực phẩm tuân thủ theo tiêu chuẩn Quốc tế.

Chứng nhận: HALAL

Đơn vị cấp chứng nhận: Văn phòng Chứng nhận HALAL tại Việt Nam

Chứng nhận HALAL theo tiêu chuẩn Việt Nam, được công nhận/ chấp nhận bởi JAKIM (Malaysia) và Indonesia, Gulf Cooperation Council (GCC) phù hợp cho các thị trường Hồi Giáo.

Chứng nhận đảm bảo rằng sản phẩm của AgriS tuân thủ các quy định của Hồi giáo phù hợp với các thị trường Hồi giáo.

Chứng nhận: KOSHER

Đơn vị cấp chứng nhận: KOF-K KLBD

Chứng nhận xác nhận sản phẩm và quy trình sản xuất đáp ứng các yêu cầu của luật ăn kiêng của người Do Thái.

Chứng nhận này xác nhận tính phù hợp của sản phẩm với yêu cầu về các thành phần và hội đủ điều kiện về sản xuất và đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn Kosher.

Chứng nhận: ISO/IEC 17025

Đơn vị cấp chứng nhận: Văn phòng công nhận chất lượng

Chứng nhận ISO/IEC 17025 theo tiêu chuẩn quốc tế về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn lĩnh vực Hóa.

Khẳng định rằng phòng thí nghiệm có đủ năng lực kỹ thuật, hệ thống quản lý và nguồn lực để thực hiện các phép thử và hiệu chuẩn một cách chính xác, khách quan, nhất quán, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 lĩnh vực Hóa.

Chứng nhận: SEDEX/ SMETA 7.0

Đơn vị cấp chứng nhận: SGS

Tiêu chuẩn về An sinh xã hội.

Chứng nhận này xác nhận doanh nghiệp về việc thực hành đạo đức và trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng, một chứng nhận về phát triển bền vững.

Chứng nhận: Supplier Guiding Principles (SGP)

Đơn vị cấp chứng nhận: Coca-Cola yêu cầu, thông qua tổ chức SGS đánh giá

Bộ nguyên tắc đảm bảo nhà cung cấp của Coca-Cola có trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững.

Chương trình đánh giá chuỗi cung ứng độc quyền của Coca-Cola về an sinh xã hội, đạo đức và môi trường.

ĐỊNH HƯỚNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NIÊN ĐỘ 2026-2027

Trong niên độ 2026-2027, AgriS tiếp tục định hướng phát triển hoạt động đảm bảo chất lượng theo hướng gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu ESG và chiến lược mở rộng thị trường. Chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và minh bạch thông tin sẽ là những nền tảng quan trọng giúp Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao khả năng tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao, đồng thời thúc đẩy mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại, có trách nhiệm và dựa trên dữ liệu.



Trọng tâm triển khai trong niên độ tập trung vào quản trị chất lượng xuyên suốt chuỗi giá trị, phòng ngừa rủi ro, chuyển đổi số, xây dựng văn hóa chất lượng và nâng cao niềm tin của khách hàng, người tiêu dùng và các bên liên quan.

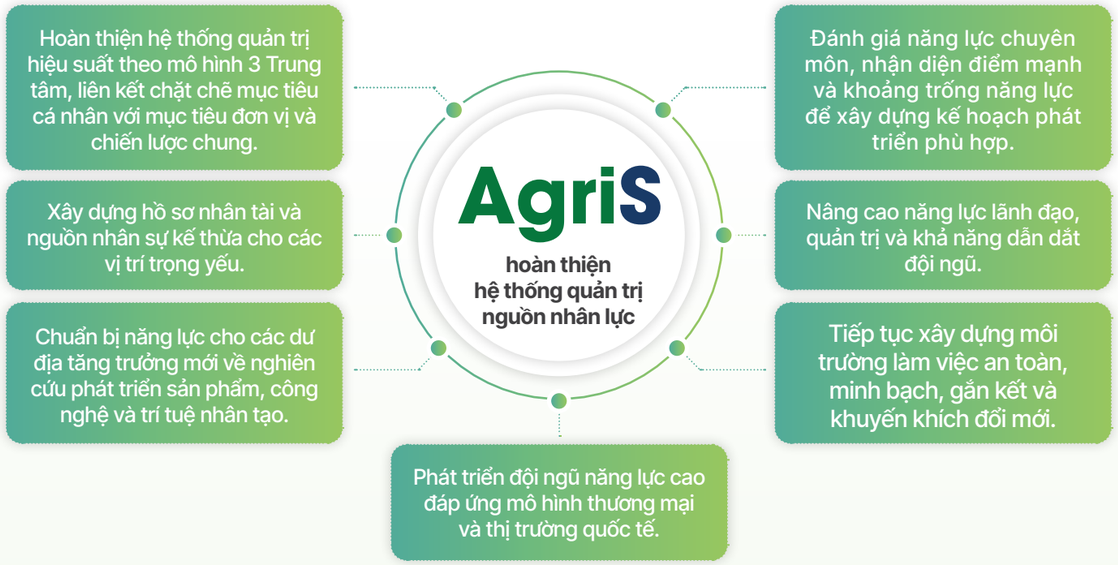
- Tiếp tục củng cố nguyên tắc "Chất lượng ngay từ đầu" như một nền tảng trong quản trị chất lượng, bảo đảm các yêu cầu của khách hàng, thị trường và kỹ thuật được truyền đạt đầy đủ đến các bộ phận tham gia trong chuỗi vận hành.
- Lan tỏa văn hóa chất lượng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi nhân sự trong việc tuân thủ tiêu chuẩn, chủ động phòng ngừa rủi ro và bảo đảm chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường giám sát và phân tích xu hướng chất lượng thông qua dữ liệu từ sản xuất, kho vận và phản hồi khách hàng; từng bước ứng dụng IoT, AI và phân tích dữ liệu để nhận diện sớm các rủi ro chất lượng, hỗ trợ chuyển dịch từ kiểm soát sang quản trị chủ động dựa trên dữ liệu.
- Tiếp tục chuẩn hóa và đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng giữa các nhà máy, bảo đảm tính nhất quán trong quy trình, biểu mẫu, phương pháp kiểm soát và trách nhiệm giải trình.
- Nâng cao hiệu quả quản lý CAPA, tăng cường chia sẻ bài học kinh nghiệm, sự cố chất lượng và các hành động phòng ngừa giữa các đơn vị nhằm hạn chế tái diễn và nâng cao năng lực quản trị rủi ro.
- Phát triển năng lực đội ngũ thông qua đào tạo định kỳ, đào tạo theo rủi ro và đào tạo chuyên sâu về tiêu chuẩn, pháp luật, đánh giá nội bộ, tư duy cải tiến và nhận thức ESG trong quản lý chất lượng.
- Chủ động cập nhật các yêu cầu pháp luật, tiêu chuẩn và quy định của thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, bảo đảm các yêu cầu mới được đánh giá tác động và triển khai kịp thời, qua đó nâng cao năng lực đáp ứng thị trường và khả năng cạnh tranh của AgriS.
- Hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc số, bảo đảm khả năng truy vết nhanh chóng, chính xác và minh bạch từ vùng nguyên liệu, sản xuất, lưu kho đến phân phối; qua đó hỗ trợ kết nối thị trường và củng cố niềm tin của khách hàng.
- Tăng cường minh bạch thông tin về nguồn gốc, chất lượng, an toàn và tính bền vững của sản phẩm, góp phần củng cố niềm tin của khách hàng, người tiêu dùng và các bên liên quan, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao về ESG và trách nhiệm chuỗi cung ứng.
- Thiết lập, theo dõi và cải tiến các KPI chất lượng gắn với ESG, bao gồm sản phẩm không phù hợp, phản hồi khách hàng, hiệu quả CAPA, mức độ tuân thủ kiểm soát quá trình, truy xuất nguồn gốc và chất lượng giao hàng.
- Khai thác hiệu quả các nền tảng DigiFactory, WMS, CRM, FRM và E-learning để quản lý dữ liệu chất lượng, giám sát tuân thủ quy trình, hỗ trợ ra quyết định và nâng cao tốc độ phản hồi với khách hàng, qua đó thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị chất lượng.



Nhân sự đào tạo

Niên độ 2025–2026 đánh dấu giai đoạn AgriS tăng tốc thực thi Chiến lược phát triển 2025–2030 với định hướng "Kiến tạo thị trường – Định hình Nông nghiệp tương lai". Hành trình phát triển hệ sinh thái nông nghiệp tuần hoàn tích hợp AgTech – FoodTech – FinTech trên nền tảng ESG đòi hỏi một cuộc dịch chuyển kép, từ thị trường nội địa sang thị trường toàn cầu và từ phương thức thủ công sang tự động hóa, số hóa, công nghệ cao. Đội ngũ nhân sự chính là lực lượng hiện thực hóa quá trình dịch chuyển đó, tạo nên sức bền cho sự phát triển dài hạn của Công ty.

Tiếp nối triết lý "Con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp", AgriS hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn nhân lực đồng bộ với mô hình tổ chức 3 Trung tâm (AgriC – ProC – ComC), vận hành trên một hệ thống quản trị xuyên suốt và đa quốc gia. Nguyên tắc nhất quán là minh bạch, hiệu quả và dựa trên năng lực, với các trọng tâm trong niên độ:



Quy mô đội ngũ AgriS mở rộng đáng kể trong niên độ, với tổng số cán bộ nhân viên đạt 3.388 người. Đây không đơn thuần là tăng trưởng về số lượng, mà là quá trình xây dựng năng lực để vận hành mô hình 3 Trung tâm trên phạm vi đa quốc gia. Đội ngũ được bổ sung cho các ngành hàng nông nghiệp đang mở rộng và hệ sinh thái dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao về giống, dinh dưỡng, tưới tiêu, cơ giới hóa, bảo vệ thực vật và canh tác chính xác, đồng thời hình thành lực lượng có năng lực cao đáp ứng mô hình thương mại và thị trường quốc tế.

CÁC GIẢI THƯỞNG AGRIS NHẬN ĐƯỢC TRONG NĐ 2025-2026

Ngày 14/08/2025, tại HR ASIA AWARDS 2025, AgriS đã xuất sắc được gọi tên ở liên tiếp 4 hạng mục đặc biệt:



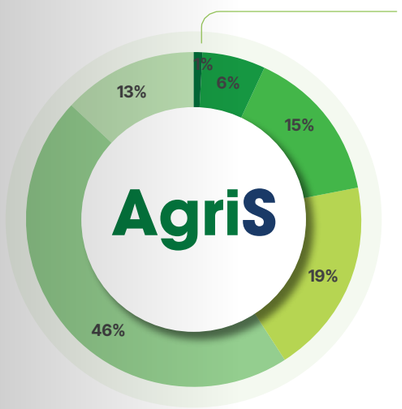
Best Companies to Work for in Asia – Vietnam Chapter 2025: Nơi làm việc tốt nhất Châu Á

DEI Awards: Môi trường làm việc đa dạng, bình đẳng, hòa nhập, nơi mọi cá nhân đều được trao cơ hội công bằng

Sustainable Workplace Awards: Môi trường làm việc bền vững, an toàn và thân thiện cho sức khỏe thể chất lẫn tinh thần

Tech Empowerment Awards: Ứng dụng công nghệ vượt trội trong tuyển dụng, đào tạo và quản trị, giúp nhân viên làm việc hiệu quả và sáng tạo hơn

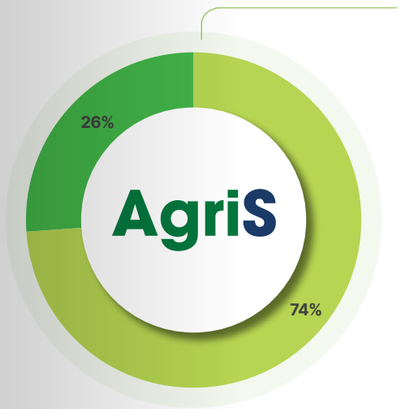
Cơ cấu Nhân sự theo cấp bậc trong niên độ 2025-2026



- Quản lý cấp cao
- Quản lý cấp trung
- Quản lý sơ cấp
- Chuyên viên
- Nhân viên nghiệp vụ/ Công nhân kỹ thuật
- Nhân viên phục vụ/ Công nhân

Cơ cấu theo cấp bậc phản ánh mô hình nông nghiệp – sản xuất – thương mại tích hợp của AgriS, trong đó nhóm nghiệp vụ, kỹ thuật và công nhân giữ vai trò chủ lực với gần 60% tổng nhân sự. Các cấp quản lý chiếm 22%, đủ để bảo đảm phạm vi quản lý phù hợp cho mô hình 3 Trung tâm vận hành xuyên suốt, đồng thời giữ cho bộ máy quản trị tinh gọn ngay cả khi tổ chức mở rộng nhanh và vươn ra thị trường quốc tế.

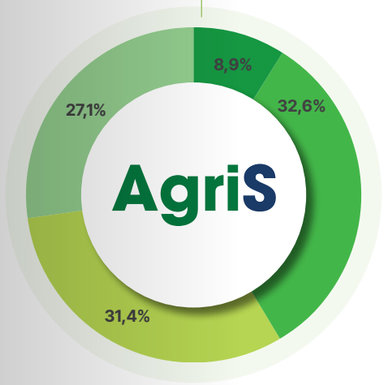
Cơ cấu Nhân sự theo giới tính niên độ 2025-2026



	NAM	NỮ
Niên độ 2023-2024	76%	24%
Niên độ 2024-2025	74%	26%
Niên độ 2025-2026	74%	26%

Tỷ lệ lao động nữ đạt 26%, duy trì mức của niên độ trước và cải thiện so với 24% của niên độ 2023–2024. Cơ cấu này gắn với đặc thù ngành nông nghiệp – mía đường, nơi phần lớn công việc diễn ra tại vùng nguyên liệu, nhà máy và vận hành theo ca. AgriS kiên định nguyên tắc tuyển dụng, đãi ngộ, đánh giá và phát triển dựa trên năng lực và kết quả công việc, không phân biệt giới, đồng thời chủ động mở rộng cơ hội cho lao động nữ tại các vị trí chuyên môn, kỹ thuật và quản lý. Đây là một phần trong cam kết ESG của Công ty.

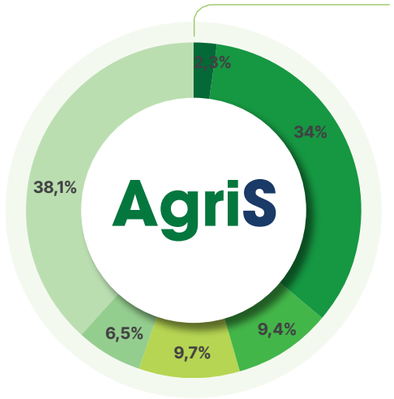
Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi niên độ 2025-2026



- Từ 18 tuổi đến dưới 25 tuổi
- Từ 25 tuổi đến dưới 35 tuổi
- Từ 35 tuổi đến dưới 45 tuổi
- Từ 45 tuổi trở lên

Về độ tuổi, lực lượng từ 25 đến dưới 45 tuổi chiếm gần 2/3 tổng nhân sự, tạo nên đội ngũ nòng cốt hội tụ đủ kinh nghiệm và độ chín nghề nghiệp để đảm nhận các nhiệm vụ vận hành, chuyên môn và quản lý then chốt. Nhóm nhân sự giàu kinh nghiệm tiếp tục là vốn quý trong sản xuất và phát triển vùng nguyên liệu, trong khi lực lượng trẻ mang đến nguồn sinh lực mới cho chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Sự cân bằng giữa các thế hệ là lợi thế để AgriS đẩy mạnh chuyển giao tri thức, xây dựng đội ngũ kế thừa và bổ sung nhân lực cho những dư địa tăng trưởng mới về nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ và trí tuệ nhân tạo.

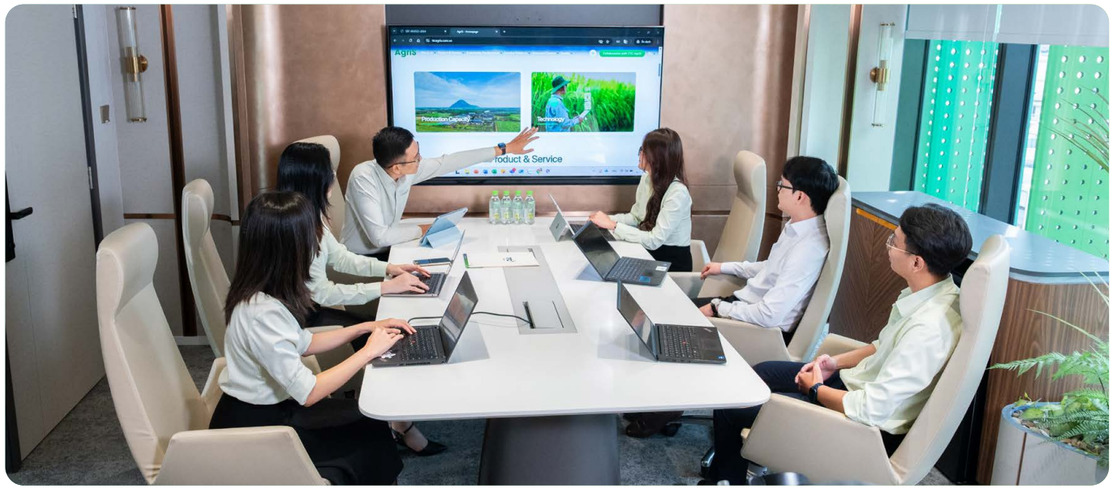
I Nhân sự đào tạo (tiếp theo)



Cơ cấu nhân sự theo trình độ niên độ 2025-2026

STT	Trình độ	Tỷ lệ (%)		
		NĐ 2023-2024	NĐ 2024-2025	NĐ 2025-2026
1	Trên đại học	2%	2,4%	2,3%
2	Đại học	37%	37,0%	34,0%
3	Cao đẳng	12%	11,1%	9,4%
4	Trung cấp	13%	11,4%	9,7%
5	Sơ cấp	9%	9,2%	6,5%
6	Lao động phổ thông	27%	28,9%	38,1%
	Tổng	**100%**	**100%**	**100%**

Cơ cấu theo trình độ chuyển dịch song hành với việc AgriS mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp sang các ngành hàng gạo, dừa, chuối,... và phát triển hệ sinh thái dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao, là những lĩnh vực cần lực lượng trực tiếp tại vùng nguyên liệu, đồng ruộng và nhà máy. Đồng thời, nhân sự có trình độ đại học trở lên vẫn chiếm trên 1/3 tổng số, bảo đảm chiều sâu chuyên môn cho các chức năng quản trị, kỹ thuật, tài chính và thương mại quốc tế. Cấu trúc nguồn nhân lực được hoạch định đồng bộ với kế hoạch đào tạo và nâng bậc kỹ năng, hướng tới một đội ngũ vừa đủ rộng để vận hành quy mô mới, vừa đủ sâu để dẫn dắt các bước mở rộng ra thị trường quốc tế.



Trong niên độ, AgriS tiếp tục hoàn thiện hệ thống hồ sơ nhân tài, cung cấp góc nhìn toàn diện về năng lực, kinh nghiệm, thành tích và định hướng phát triển của đội ngũ nhân sự tiềm năng. Đây là nền tảng để Công ty phát triển nhân tài theo lộ trình, chuẩn bị nguồn kế thừa cho các vị trí trọng yếu và chủ động hoạch định nguồn nhân lực dài hạn. Trọng tâm được đặt vào những năng lực mà giai đoạn phát triển tiếp theo đòi hỏi, từ dẫn dắt chuỗi thương mại quốc tế, dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao, nghiên cứu phát triển sản phẩm đến công nghệ và trí tuệ nhân tạo, cùng năng lực hợp tác và kết nối đối tác theo mô hình nền tảng mở mà AgriS theo đuổi.

Công ty tiếp tục xây dựng môi trường làm việc an toàn, minh bạch và gắn kết, đồng thời tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội và an toàn – vệ sinh lao động. Trên nền tảng đó, AgriS hướng tới trở thành nơi làm việc mà mỗi người được phát triển năng lực theo lộ trình rõ ràng, được ghi nhận công bằng theo đóng góp và cùng tạo giá trị cho nền nông nghiệp Việt Nam, đồng hành cùng các cam kết ESG và lộ trình Net Zero 2035 của Công ty.

Bước vào niên độ 2026–2027, mỗi nhân sự AgriS chính là một mắt xích quan trọng trên hành trình kiến tạo, chủ động kết nối nguồn lực, nâng cao hiệu quả thực thi, ứng dụng công nghệ và dữ liệu, không ngừng đổi mới để cùng tạo nên những giá trị bền vững cho AgriS.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Công tác đào tạo trong niên độ 2025–2026 được triển khai bám sát yêu cầu công việc và định hướng phát triển của AgriS. Các chương trình không chỉ cung cấp kiến thức mà còn chú trọng khả năng vận dụng, giúp cán bộ nhân viên nâng cao chuyên môn, cải thiện hiệu quả thực thi và sẵn sàng đảm nhận những nhiệm vụ mới.

Trong niên độ, AgriS đã đầu tư gần cho đào tạo và phát triển nguồn nhân lực **11,6** Tỷ đồng

22.074 lượt học với tổng cộng 152.173 giờ đào tạo, tương đương 44,92 giờ học bình quân trên mỗi cán bộ nhân viên.

Triển khai khóa đào tạo **787** Khóa học

Các chương trình được triển khai theo hướng đi sâu vào những năng lực có ý nghĩa trực tiếp đối với hoạt động vận hành và chiến lược phát triển của AgriS, với các trọng tâm:

Phát triển năng lực xuyên suốt chuỗi giá trị: Nội dung đào tạo được xây dựng theo đặc thù của từng lĩnh vực, từ nông nghiệp, sản xuất, chuỗi cung ứng đến kinh doanh và các chức năng quản trị; giúp đội ngũ nâng cao chuyên môn, tăng cường phối hợp và cải thiện chất lượng thực thi trên toàn hệ thống.

Chuẩn bị năng lực quản trị cho giai đoạn tăng trưởng mới: Các chương trình lãnh đạo, quản trị dự án và quản trị chuỗi cung ứng tích hợp, quản trị tài chính được triển khai cho toàn bộ cấp quản lý trở lên, nhằm nâng cao năng lực quản trị, tư duy hệ thống, khả năng ra quyết định và năng lực dẫn dắt đội ngũ trong bối cảnh AgriS mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động.

Phát triển đúng khoảng trống năng lực: Hoạt động đánh giá năng lực chuyên môn được triển khai đối với các lực lượng trực tiếp kết nối thị trường và khách hàng, giúp Công ty nhận diện nhu cầu phát triển và xây dựng lộ trình đào tạo sát hơn với yêu cầu kinh doanh.

Đặt an toàn và tuân thủ làm nền tảng vận hành: Các chương trình về an toàn, vệ sinh lao động, quản trị rủi ro và tuân thủ được thiết kế phù hợp với từng nhóm công việc, góp phần hình thành ý thức chủ động phòng ngừa và trách nhiệm của mỗi cán bộ nhân viên trong quá trình vận hành.

Mở rộng cơ hội học tập trong toàn tổ chức: Nền tảng học tập và hệ thống học liệu tiếp tục được khai thác để đưa việc học đến gần hơn với công việc hằng ngày, khuyến khích đội ngũ chủ động cập nhật kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm và ứng dụng những điều đã học vào thực tiễn.

Kết quả đào tạo trong niên độ không chỉ được thể hiện qua số lượng khóa học hay giờ học, mà còn ở tinh thần học hỏi, sự chủ động và quyết tâm trưởng thành của đội ngũ AgriS. Đây là nền tảng để Công ty tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực vững chuyên môn, linh hoạt trước thay đổi và sẵn sàng đồng hành cùng những mục tiêu tăng trưởng mới.

I Nhân sự đào tạo (tiếp theo)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HIỆN TRONG NIÊN ĐỘ 2025-2026

Đào tạo Hội nhập

Mục đích đào tạo: Giúp cán bộ nhân viên hiểu về AgriS, định hướng chiến lược, văn hóa, quy định và các yêu cầu nền tảng trong môi trường làm việc.

Chủ đề đào tạo

- **Hội nhập và tìm hiểu AgriS:** Tìm hiểu Công ty, Báo cáo thường niên, định hướng chiến lược, văn hóa doanh nghiệp và Chương trình Nông dân hiện đại – Cửa thắng của Doanh nghiệp Việt.
- **Quy định và chuẩn mực làm việc:** Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế ứng xử và các yêu cầu tuân thủ tại nơi làm việc.
- **Nhận thức về môi trường và xã hội:** Tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội của Tổ chức Tài chính Quốc tế; bình đẳng giới, đa dạng, hòa nhập và bảo vệ người lao động.
- Năng lực làm việc nền tảng số: Bảo mật, an toàn thông tin; hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lý học tập và E-Office.
- **Hội nhập đội ngũ Tài năng trẻ AgriS:** Tìm hiểu tổ chức, môi trường làm việc và các nội dung nền tảng trước giai đoạn đào tạo chuyên môn.

Đối tượng: CBNV mới gia nhập công ty

Số khóa học: 106

Đào tạo theo luật định và yêu cầu của các tổ chức cấp chứng nhận về tiêu chuẩn, chất lượng

Mục đích đào tạo: Đáp ứng yêu cầu của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, chất lượng và điều kiện hành nghề.

Chủ đề đào tạo

- **An toàn, vệ sinh lao động:** Huấn luyện theo các nhóm đối tượng 1–6; an toàn điện, hóa chất, không gian hạn chế, thiết bị cơ khí, thiết bị nâng hạ, lò hơi, máy nén khí và thiết bị chịu áp lực.
- **Phòng ngừa và ứng phó sự cố:** Biển báo và dấu hiệu an toàn; sơ cứu, cấp cứu ban đầu; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; diễn tập thoát hiểm và Chương trình An toàn Tết.
- **An toàn thực phẩm và quản lý chất lượng:** FSSC 22000, Halal, Kosher, thực phẩm hữu cơ, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát nhiễm bẩn, nhiễm chéo, gian lận và phòng vệ thực phẩm.
- **Tiêu chuẩn quản lý chuyên ngành:** ISO/IEC 17025 về năng lực phòng thử nghiệm; ISO 50001 về quản lý năng lượng; ISO 14001 về môi trường; ISO 45001 về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
- **Môi trường và phát triển bền vững:** Tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội của Tổ chức Tài chính Quốc tế; kiểm kê khí nhà kính theo ISO 14064-1 và Nghị định thư Khí nhà kính; quản lý chống thất thoát, lãng phí thực phẩm.
- **Chứng chỉ nghề nghiệp:** Vận hành xe nâng, xe xúc, cầu trục, thiết bị nâng, nồi hơi, thiết bị chịu áp lực, thiết bị nhiệt, máy phát điện và trạm điện; kỹ thuật hàn, khai báo hải quan, y tế lao động và quản lý năng lượng..

Đối tượng: Cán bộ nhân viên thuộc các nhóm bắt buộc theo quy định pháp luật, yêu cầu công việc và tiêu chuẩn áp dụng

Số khóa học: 86

Đào tạo nâng cao năng lực vận hành hệ thống, chuyển đổi số & quản trị dữ liệu

Mục đích đào tạo: Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ, khai thác dữ liệu và vận hành các hệ thống quản trị doanh nghiệp..

Chủ đề đào tạo

- **Vận hành hệ thống nhà máy số DigiFactory:** Đăng nhập và sử dụng hệ thống; quản lý lệnh sản xuất; kiểm nghiệm hàng mua, hàng tồn kho và sản phẩm; kiểm tra ngoại quan; quản lý sản phẩm không phù hợp, bảo trì thiết bị và báo cáo.
- **Vận hành các hệ thống quản trị:** Hệ thống quản lý vùng nguyên liệu FRM; phân hệ quản lý tài sản và bảo trì trên Oracle; hệ thống quản lý kho; hệ thống quản lý Môi trường và Xã hội.
- **Phân tích và quản trị dữ liệu:** Phân tích, trực quan hóa dữ liệu bằng Power BI; quản lý dữ liệu xuất – nhập – tồn và khai thác dữ liệu phục vụ báo cáo.
- **Ứng dụng công nghệ trong công việc:** Giải pháp chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tiếp thị, bán hàng và vận hành..

Đối tượng: Cán bộ nhân viên theo chức năng chuyên môn và phạm vi sử dụng hệ thống.

Số khóa học: 4

Đào tạo Kỹ năng mềm

Mục đích đào tạo: Phát triển các kỹ năng làm việc, giao tiếp, hợp tác và nâng cao hiệu quả thực thi công việc..

Chủ đề đào tạo

- **Báo cáo và trình bày:** Xây dựng báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, thuyết trình, tổng hợp và trình bày thông tin.
- **Tổ chức công việc:** Quản lý dự án, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý cuộc họp hiệu quả.
- **Phát triển giảng viên nội bộ:** Kỹ năng dẫn giảng và tổ chức hoạt động đào tạo.
- **Tư duy và giải quyết vấn đề:** Tư duy thiết kế, trắc nghiệm phong cách hành vi DISC và cải tiến phương thức làm việc.
- **Nâng cao nhận thức trong công việc:** Sử dụng năng lượng hiệu quả và hình thành thói quen cải tiến..

Đối tượng: Toàn thể CBNV

Số khóa học: 34

Đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo

Mục đích đào tạo: Phát triển năng lực quản trị, điều hành và dẫn dắt đội ngũ cho các cấp quản lý.

Chủ đề đào tạo

- **Quản trị trong bối cảnh mới:** Xu hướng quản trị, phương thức làm việc mới và chiến lược phát triển nguồn nhân lực dành cho lãnh đạo.
- **Ứng dụng công nghệ trong quản trị:** Chiến lược trí tuệ nhân tạo dành cho lãnh đạo doanh nghiệp.
- **Quản lý dự án và vận hành:** Lập kế hoạch, tổ chức thực thi, quản lý sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- **Quản trị chuỗi cung ứng:** Tổng quan chuỗi cung ứng, hoạch định nhu cầu, hoạch định cung ứng, quản trị hàng tồn kho, mua hàng và logistics..

Đối tượng: Ban điều hành/ Quản lý các cấp

Số khóa học: 25

I Nhân sự đào tạo (tiếp theo)

Đào tạo Chuyên môn nghiệp vụ

Mục đích đào tạo:

Phát triển năng lực chuyên môn theo từng lĩnh vực hoạt động và chức năng nghiệp vụ của AgriS.

Chủ đề đào tạo



NÔNG NGHIỆP (AgriC) (52 khoá học)

- **Canh tác và phát triển vùng nguyên liệu:** Kỹ thuật canh tác mía; cơ cấu giống; bệnh hại; đánh giá sinh trưởng; quản lý dinh dưỡng; quy trình đầu tư, trồng, chăm sóc và chuẩn bị đầu vụ.
- **Cơ giới hóa và nông nghiệp chính xác:** Cơ giới hóa cây mía; vận hành, bảo dưỡng máy thu hoạch John Deere CH570; hệ thống lái tự động FJD; công nghệ định vị và quản lý dữ liệu nông nghiệp chính xác.
- **Thu hoạch và quản lý chất lượng nguyên liệu**: Quản lý thất thoát trong thu hoạch; hướng dẫn cân mía, đánh giá tạp chất và nghiệm thu đầu tư nông nghiệp.
- **Phát triển cây trồng và nông nghiệp bền vững:** Quy trình canh tác chuối; quản lý sản xuất chuối; nông nghiệp carbon thấp và đánh giá theo tiêu chuẩn Verra.
- **Dịch vụ kỹ thuật máy nông nghiệp:** Chẩn đoán động cơ, hệ thống điện, thủy lực, công cụ hỗ trợ dịch vụ và hướng dẫn bán hàng theo giá trị sản phẩm dầu nhớt..

SẢN XUẤT & VẬN HÀNH NHÀ MÁY (ProC) (280 khoá học)



- **Công nghệ sản xuất đường**: Quy trình sản xuất đường mía và đường tinh luyện; tiếp nhận, xử lý và ép mía; hóa chế; nấu đường; ly tâm; sấy, sàng, lưu trữ, phối trộn và hoàn tất sản phẩm.
- **Vận hành hệ thống năng lượng:** Lò hơi, tua-bin, máy phát điện, hệ thống điện, điện tự động, trạm bơm và hệ thống tiết kiệm hơi.
- **Bảo trì thiết bị:** Thiết bị cơ khí, bơm, van tự động, vòng bi, động cơ điện, hệ thống truyền động, thủy lực, hộp số, máy ly tâm và kỹ thuật bôi trơn.
- **Quản lý hiệu quả sản xuất:** Sản xuất tinh gọn, 5S, quản lý hiệu suất OEE/OLE/Yield, quy trình khen thưởng sáng kiến cải tiến và quản lý sản xuất hiệu quả.
- **Kiểm soát chất lượng và phòng thí nghiệm:** Kiểm nghiệm hóa lý, vi sinh, cảm quan; chuẩn bị hóa chất; hiệu chuẩn thiết bị đo lường; phân tích bán thành phẩm, thành phẩm và tạp chất ngoại lai.
- **Kho vận và hậu cần nhà máy:** Quản lý kho thành phẩm; cân hàng hóa; xuất – nhập hàng; kiểm soát phương tiện vận chuyển; nghiệp vụ bốc xếp và hậu cần.
- **Môi trường sản xuất:** Vận hành hệ thống xử lý nước thải, giải nhiệt; phân loại chất thải và xử lý tình huống khẩn cấp.

KINH DOANH (ComC) (10 khoá học)



- **Nghiệp vụ bán hàng:** Chính sách bán hàng; đào tạo đội ngũ bán hàng tại kênh hiện đại và hướng dẫn bán hàng theo giá trị.
- **Tiếp thị và truyền thông:** Bán hàng, quan hệ công chúng và tiếp thị thực chiến; xây dựng kế hoạch truyền thông và quan hệ báo chí.
- **Ứng dụng công nghệ:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao năng suất trong tiếp thị, bán hàng và vận hành.
- **Xử lý phản hồi khách hàng:** Quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu và khiếu nại về chất lượng; cập nhật khiếu nại trên DigiFactory tích hợp với CRM.

Đào tạo Chuyên môn nghiệp vụ

Mục đích đào tạo:

Phát triển năng lực chuyên môn theo từng lĩnh vực hoạt động và chức năng nghiệp vụ của AgriS.

Chủ đề đào tạo



CHUỖI CUNG ỨNG (Supply Chain) (92 khoá học)

- **Kiến thức chuỗi cung ứng:** Chương trình Chuỗi cung ứng mía đường AgriS.
- **Hoạch định chuỗi cung ứng:** Tổng quan chuỗi cung ứng, hoạch định nhu cầu và hoạch định cung ứng.
- **Quản trị hoạt động chuỗi cung ứng:** Quản trị hàng tồn kho, mua hàng và logistics.
- **Nghiệp vụ mua sắm và kho vận:** Quy chế mua sắm, quản lý kho, xuất – nhập – tồn và tạo phiếu giao hàng.
- **Tài trợ chuỗi cung ứng:** Quy trình thế chấp tài sản và chương trình tài trợ chuỗi cung ứng.



TÀI CHÍNH - VẬN HÀNH (7 khoá học)

- **Kế toán và báo cáo tài chính:** Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế và bồi dưỡng nghiệp vụ dành cho kế toán trưởng, chuyên viên kế toán.
- **Thuế và tuân thủ:** Nghiệp vụ báo cáo thuế, cập nhật chính sách thuế, hỗ trợ quyết toán và quản lý thuế nâng cao.
- **Chính sách lao động liên quan:** Cập nhật chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội.



QUẢN TRỊ RỦI RO - KIỂM SOÁT - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (49 khoá học)

- **Quản trị rủi ro:** Quản trị rủi ro doanh nghiệp; nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố.
- **Quản lý tính liên tục kinh doanh:** Phân tích tác động kinh doanh và xây dựng kế hoạch phục hồi sau thảm họa đối với các hệ thống FRM, Galaxy, DigiFactory, DMS và CRM.
- **Tuân thủ:** Chương trình Đại sứ tuân thủ AgriS và phổ biến hệ thống văn bản lập quy.
- **Quản lý Môi trường và Xã hội:** Quản lý nhân viên, khách hàng, đối tác, nhà thầu và các sự cố liên quan.
- **Quản trị doanh nghiệp:** Nâng cao năng lực công bố thông tin quản trị công ty theo tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN.



PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG (42 khoá học)

- **Chương trình Tài năng trẻ AgriS:** Hội nhập, đào tạo nền tảng và đào tạo chuyên môn theo lĩnh vực.
- **Đánh giá kết quả chương trình:** Báo cáo thu hoạch theo từng giai đoạn và báo cáo thu hoạch cuối khóa.

Chia sẻ của nhân viên



Anh Nguyễn Tây Khoa
***Chức vụ:** Giám đốc Công ty - SRDC (Agriculture Center - AgriC)*

Tại AgriS, Nghiên cứu & Phát triển (R&D) đóng vai trò nền tảng trong hành trình kiến tạo công nghệ cho nền nông nghiệp tương lai. Hoạt động nghiên cứu được triển khai liên tục trên mọi lĩnh vực, tập trung giải quyết các vấn đề thực tiễn, hoàn thiện quy trình, phát triển công nghệ mới và tạo ra những giải pháp có giá trị thiết thực cho sản xuất nông nghiệp.

Trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển nhanh chóng và nhu cầu thị trường không ngừng thay đổi, R&D chính là động lực giúp AgriS thích ứng linh hoạt, nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng lợi thế khác biệt. Đây là lĩnh vực đòi hỏi sự đầu tư bài bản về trí tuệ, nguồn lực, thời gian và tài chính, cùng tinh thần kiên trì, sáng tạo và không ngừng học hỏi.

Dù thầm lặng, mỗi kết quả nghiên cứu đều góp phần tích lũy tri thức, kiến tạo tài sản công nghệ và đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển lâu dài - hiện thực hóa khát vọng kiến tạo công nghệ phục vụ nền nông nghiệp bền vững của tương lai.



Anh Nguyễn Hoàng Vũ
***Chức vụ:** Giám đốc Mua hàng (AgriS)*

Sau nhiều năm làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia (MNC), quyết định gia nhập một doanh nghiệp Việt Nam từng là bước ngoặt khiến tôi cân nhắc rất nhiều. Nhưng AgriS đã khiến tôi bất ngờ: một công ty Việt vận hành với chuẩn mực quản trị không thua kém bất kỳ MNC nào - quy trình mua hàng cạnh tranh minh bạch, quyết định dựa trên dữ liệu, hệ thống số hóa hiện đại.

Điều giữ chân tôi chính là Ban lãnh đạo - những người có tầm nhìn chiến lược rõ ràng, dám nghĩ lớn nhưng luôn đồng hành sâu sát cùng đội ngũ. Ở AgriS, người làm cung ứng không chỉ được trao trọng trách mà còn được trao niềm tin và không gian để kiến tạo thay đổi thực sự. Đứng ở vị trí kết nối hàng trăm nhà cung cấp với toàn hệ thống, tôi cảm nhận rõ sức mạnh của một chuỗi giá trị được vận hành minh bạch và hiệu quả từ cánh đồng đến thị trường.

Với tôi, được góp phần nâng tầm chuỗi giá trị nông nghiệp do chính người Việt làm chủ là niềm tự hào lớn nhất - và là lý do tôi tin mình đã chọn đúng.



Chị Nguyễn Thị Thanh Quyên
***Chức vụ:** Chuyên viên Hoạch định và Thu hút Nhân tài (AgriS)*

Là một chuyên viên thu hút nhân tài, mỗi hành trình đồng hành cùng ứng viên đều giúp tôi hiểu rõ hơn giá trị của con người trong sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tại AgriS, tuyển dụng không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm những nhân sự phù hợp, mà còn là quá trình kết nối những cá nhân có cùng khát vọng kiến tạo tương lai nông nghiệp.

Điều tôi trân trọng nhất khi làm việc tại AgriS là văn hóa hợp tác và tinh thần sẵn sàng đồng hành giữa các phòng ban. Mỗi vị trí được tuyển thành công không chỉ là kết quả của riêng đội ngũ tuyển dụng, mà còn là sự phối hợp của nhiều tập thể cùng hướng đến một mục tiêu chung. Chính môi trường làm việc cởi mở, cơ hội học hỏi liên tục và sự tin tưởng trao quyền đã giúp tôi không ngừng phát triển chuyên môn, đồng thời cảm nhận rõ ý nghĩa trong từng giá trị mình tạo ra.

Tôi tin rằng, khi doanh nghiệp đặt con người làm trọng tâm, mỗi cá nhân sẽ có cơ hội phát huy năng lực, trưởng thành trong sự nghiệp và cùng AgriS kiến tạo những giá trị bền vững cho cộng đồng và ngành nông nghiệp.



Anh Nguyễn Hữu Nhật Minh
***Chức vụ:** Chuyên viên Cấp trung - Phụ trách Phát triển Giải pháp Canh tác chính xác - DemoFarm (Agriculture Center - AgriC)*

Trong bối cảnh nông nghiệp toàn cầu và Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức từ biến đổi khí hậu, biến động giá vật tư và xu hướng lao động dịch chuyển sang các ngành Công nghiệp - Dịch vụ, AgriS đang tiên phong trong công cuộc chuyển đổi sang mô hình canh tác bằng cơ giới hóa tích hợp cùng công nghệ thông minh, hiện đại. Sau 3 năm khoác trên mình màu áo xanh của AgriS, tôi rất tự hào khi được góp một phần vào sự tiến bộ từng ngày của những nông trường trực tiếp tạo ra giá trị từ những cánh đồng bạt ngàn của Kratie và Tây Ninh.

Từ Campuchia, đến Úc rồi Tây Ninh là những dấu mốc quan trọng trong hành trình đồng hành cùng AgriS của tôi. Trên chặng đường đó, Ban lãnh đạo luôn nhắc nhở rằng mục tiêu của chúng ta không chỉ nâng cao năng suất, mà còn giúp nông dân tiếp cận và ứng dụng công nghệ hiệu quả, thay đổi tư duy để canh tác khoa học hơn, thông minh hơn và bền vững hơn.

Nhìn lại những kết quả mà hai mô hình DemoFarm đạt được, điều khiến tôi tự hào nhất là sự chuyển biến trong cách người nông dân đón nhận công nghệ. Từ những mô hình thí điểm, ngày càng nhiều hộ trồng mía đã chủ động ứng dụng các giải pháp mới vào sản xuất. Đó cũng là động lực để AgriS tiếp tục nhân rộng nông nghiệp thông minh, hướng tới phát triển bền vững và hiện thực hóa mục tiêu Net Zero vào năm 2035.



Anh Nguyễn Công Duy
***Chức vụ:** Phó Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh (Production Center - ProC)*

Tôi may mắn được góp mặt trong hành trình này của AgriS - doanh nghiệp dẫn đầu ngành đường, dừa, gạo với nền tảng am hiểu thị trường sâu sắc và năng lực sản xuất linh hoạt. Tôi đã có cơ hội đồng hành cùng AgriS trong việc phát triển các giải pháp nguyên liệu tùy chỉnh trên hai nền tảng chủ lực là đường và gạo (Sugar-based, Rice-based). Đây là hướng đi giúp doanh nghiệp tái cấu trúc hệ sinh thái giải pháp, đưa thế mạnh cốt lõi thâm nhập sâu hơn vào các dây chuyền sản xuất gia vị, chất tạo ngọt và nguyên liệu thực phẩm, từ đó đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất từ các đối tác B2B và Horeca.

Với tôi, chiến lược này không chỉ dừng lại ở việc tối ưu công suất vận hành hay hoàn thiện mô hình kinh tế tuần hoàn, mà còn là hành trình đưa AgriS chuyển mình từ một nhà cung cấp đơn thuần trở thành một mắt xích công nghệ then chốt trong nhà máy của đối tác - từng bước khẳng định vị thế của một công ty nông nghiệp công nghệ cao hàng đầu Việt Nam, vươn tầm quốc tế.



Anh Trần Thanh Nguyên
***Chức vụ:** Chuyên viên Kinh doanh Phòng Kinh doanh SME (Commercial Center - ComC)*

Là thành viên trẻ trong đội ngũ, tôi luôn nhận được sự đồng hành, hướng dẫn và hỗ trợ tận tình từ các Anh/Chị đi trước. Môi trường làm việc cởi mở và tinh thần sẵn sàng chia sẻ đã giúp tôi từng bước phát triển sự tự tin trong giao tiếp, nâng cao năng lực chuyên môn và chủ động hơn trong quá trình xử lý công việc.

Đối với tôi, AgriS không chỉ mang đến cơ hội học hỏi và phát triển nghề nghiệp mà còn tạo dựng một môi trường làm việc nơi mỗi cá nhân đều được quan tâm thông qua chính sách đãi ngộ, phúc lợi và sự sẻ chia trong cuộc sống hằng ngày. Được đồng hành cùng đội ngũ và đóng góp những giá trị thiết thực cho khách hàng cũng như sự phát triển của doanh nghiệp là động lực để tôi không ngừng hoàn thiện bản thân. Hành trình tại AgriS vì thế không chỉ là một chặng đường nghề nghiệp mà còn là hành trình của những trải nghiệm và dấu ấn đáng nhớ.

05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(*) Vui lòng xem chi tiết nội dung Báo cáo phát triển bền vững tại link:
https://ttcagris.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-thuong-nien?year=2026



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

304 Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 25/26 (VAS)
378 Báo cáo tài chính kiểm toán riêng 25/26 (VAS)



Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất là lần thứ 22 được cấp ngày 23 tháng 9 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 63, Đường Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch	
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Trần Tấn Việt	Thành viên	
Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2026
Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập	
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quang Phúc	Chủ tịch Ủy ban
Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Thái Văn Chuyện	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Pháp	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2026
Ông Nguyễn Đức Hùng Linh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025 miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2026
Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026 miễn nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2026
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2026
Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch
Ông Thái Văn Chuyện	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Thông tin chung (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 11929623/69456544-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 9 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 83, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2023-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**23.685.999.014.075**	**20.054.307.978.992**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***2.003.139.601.237***	***3.555.316.479.347***
111	1. Tiền		1.160.285.886.603	605.284.780.473
112	2. Các khoản tương đương tiền		842.853.714.634	2.950.031.698.874
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***7.066.186.869.114***	***3.547.886.320.303***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	778.179.921.714	778.141.003.340
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(15.095.111.322)	(15.236.361.322)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	6.303.102.058.722	2.784.981.678.285
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***10.203.101.604.021***	***9.196.730.558.854***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8	2.502.895.403.905	2.198.857.265.403
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	9	6.459.001.064.755	5.567.944.913.065
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	11	140.690.000.000	248.160.054.797
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	1.235.372.952.433	1.329.787.122.545
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8, 9, 10	(134.857.817.072)	(148.018.796.956)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***12***	***4.179.360.341.406***	***3.583.201.943.065***
141	1. Hàng tồn kho		4.208.176.081.638	3.614.639.890.388
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(28.815.740.232)	(31.437.947.323)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***234.210.598.297***	***171.172.677.423***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	46.033.615.504	22.603.791.789
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	23	178.047.276.961	137.451.552.697
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23	10.129.705.832	11.117.332.937
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**14.112.595.022.487**	**12.624.789.182.197**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***2.138.386.567.599***	***1.718.428.145.482***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		796.496.058	1.592.992.117
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	9	414.707.774.135	243.383.665.259
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	1.731.882.093.314	1.508.767.829.181
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(8.999.795.908)	(35.316.341.075)
220	***II. Tài sản cố định***		***3.493.387.420.393***	***3.719.838.740.764***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	2.595.062.308.471	2.561.912.634.350
222	Nguyên giá		9.121.664.673.495	8.949.333.975.321
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.526.602.365.024)	(6.387.421.340.971)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	15	333.531.073.902	371.492.655.603
225	Nguyên giá		390.161.530.038	444.608.711.595
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(56.630.456.136)	(73.116.055.992)
227	3. Tài sản cố định vô hình	16	564.794.038.020	786.433.450.811
228	Nguyên giá		957.233.476.911	1.162.546.585.225
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(392.439.438.891)	(376.113.134.414)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***17***	***313.937.157.797***	***332.059.308.491***
231	1. Nguyên giá		370.492.121.879	394.916.859.713
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(56.554.964.082)	(62.857.551.222)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***880.735.321.085***	***468.536.267.762***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18	880.735.321.085	468.536.267.762
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***19***	***6.044.991.985.602***	***5.110.824.023.463***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	19.1	5.741.650.130.772	4.651.352.356.089
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.2	81.076.271.275	336.613.897.241
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	19.2	(734.416.445)	(55.142.229.867)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19	223.000.000.000	178.000.000.000
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***1.241.156.570.011***	***1.275.102.696.235***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.189.935.073.082	1.208.483.969.554
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	24.106.896.585	27.140.873.292
269	3. Lợi thế thương mại	20	27.114.600.344	39.477.853.389
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**37.798.594.036.562**	**32.679.097.161.189**
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**25.338.172.126.135**	**21.828.307.600.392**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***19.236.085.801.379***	***15.549.665.514.059***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21	1.164.418.691.785	1.375.567.204.302
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	1.162.646.322.497	573.475.550.855
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	141.431.926.306	231.637.979.126
314	4. Phải trả người lao động		36.628.218.362	23.631.975.111
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	582.048.037.308	471.873.767.633
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		681.400.701	142.189.068
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	4.143.946.708.150	1.984.156.300.529
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	11.925.181.412.584	10.875.196.155.097
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		80.661.588	80.661.588
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.18	79.022.422.098	13.903.730.750
330	***II. Nợ dài hạn***		***6.102.086.324.756***	***6.278.642.086.333***
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	5.223.173
337	2. Phải trả dài hạn khác	25	6.543.874.760	38.562.173.466
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26	4.937.569.238.066	6.037.814.229.487
339	4. Trái phiếu chuyển đổi	26	988.652.800.000	-
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	155.325.140.637	178.234.793.524
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	3.15	13.995.271.293	24.025.666.683

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**12.460.421.910.427**	**10.850.789.560.797**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	*27.1*	***12.460.421.910.427***	***10.850.789.560.797***
411	1. Vốn cổ phần		9.280.263.750.000	8.361.563.710.000
411a	*– Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*9.064.150.420.000*	*8.145.450.380.000*
411b	*– Cổ phiếu ưu đãi*		*216.113.330.000*	*216.113.330.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.770.104.566.476	6.770.104.566.476
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		(5.472.074.089.358)	(5.502.116.030.924)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		26.697.360.508	(55.586.851.363)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		67.054.931.893	67.054.931.893
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.133.684.992.666	1.046.883.789.037
421a	*– Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*350.010.817.654*	*423.958.718.513*
421b	*– Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm*		*783.674.175.012*	*622.925.070.524*
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		654.690.398.242	162.885.445.678
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**37.798.594.036.562**	**32.679.097.161.189**

Đoàn Thị Kiều
Người lập

Đặng Thị Diễm Trinh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	26.803.640.067.352	28.545.010.719.100
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(70.791.296.957)	(62.844.307.659)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	26.732.848.770.395	28.482.166.411.441
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(24.058.914.878.291)	(25.497.937.296.723)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.673.933.892.104	2.984.229.114.718
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	1.482.397.087.599	1.269.951.025.803
22	7. Chi phí tài chính	30	(2.070.007.447.209)	(1.818.693.067.987)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(1.552.708.494.743)*	*(1.521.852.944.972)*
24	8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	19.1	300.164.897.238	33.738.474.892
25	9. Chi phí bán hàng	31	(946.911.381.366)	(717.564.753.256)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(738.716.891.331)	(742.150.538.564)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		700.860.157.035	1.009.510.255.606
31	12. Thu nhập khác	33	234.520.058.426	92.314.053.379
32	13. Chi phí khác	33	(24.260.976.843)	(151.755.564.205)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	33	210.259.081.583	(59.441.510.826)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		911.119.238.618	950.068.744.780
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(84.559.902.641)	(116.006.705.531)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	19.875.672.878	425.569.875
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		846.435.008.855	834.487.609.124
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		842.078.063.233	812.495.221.190
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.356.945.622	21.992.387.934
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	811,26	717,07
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	811,26	717,07

Đoàn Thị Kiều
Người lập

Đặng Thị Diễm Trinh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế***		***911.119.238.618***	***950.068.744.780***
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	14, 15, 16, 17, 20	514.735.702.677	534.637.599.999
03	Hoàn nhập dự phòng		(106.679.190.954)	(48.805.607.990)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		15.705.379.556	2.959.971.917
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.278.789.169.526)	(306.923.319.130)
06	Chi phí lãi vay	30	1.552.708.494.743	1.521.852.944.972
08	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***1.608.800.455.114***	***2.653.790.334.548***
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.121.516.647.335)	77.980.938.206
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(593.536.191.250)	379.168.249.238
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.597.979.230.188	(1.715.136.814.406)
12	Tăng chi phí trả trước		(14.608.250.074)	(71.323.746.820)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(38.918.374)	34.051.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.449.016.750.828)	(1.699.255.034.131)
15	Thuế TNDN đã nộp		(112.140.112.823)	(125.651.363.699)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(50.445.441.292)	(139.512.731.104)
20	***Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh***		***(134.522.626.674)***	***(605.889.168.168)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định TSCĐ		(957.483.080.244)	(633.592.838.164)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		103.608.288.275	40.174.756.700
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(3.563.120.380.437)	(48.071.233.516)
24	Tiền thu hồi cho vay		186.990.054.797	566.519.494.686
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.177.933.040.533)	(3.597.525.187.640)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.421.083.593.874	1.867.187.767.039
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		792.148.884.357	377.634.442.024

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
30	***Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư***		***(3.194.705.679.911)***	***(1.427.672.798.871)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	27.1	1.056.675.510.000	497.100.000
33	Tiền thu từ đi vay	26	32.513.693.295.659	35.925.120.540.942
34	Tiền trả nợ gốc vay	26	(31.537.458.828.410)	(34.759.291.432.335)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	26	(80.446.780.739)	(78.005.586.507)
36	Cổ tức đã trả	27.2	(93.127.556.164)	(73.917.455.695)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***1.859.335.640.346***	***1.014.403.166.405***
50	***Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm***		***(1.469.892.666.239)***	***(1.019.158.800.634)***
60	***Tiền và tương đương tiền đầu năm***		***3.555.316.479.347***	***4.630.062.131.344***
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(82.284.211.871)	(55.586.851.363)
70	***Tiền và tương đương tiền cuối năm***	***5***	***2.003.139.601.237***	***3.555.316.479.347***

Đoàn Thị Kiều
Người lập

Đặng Thị Diễm Trinh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày **B09-DN/HN**

1. Thông tin về công ty

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất là lần thứ 22 được cấp ngày 23 tháng 9 năm 2026.
Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.
Hoạt động chính đăng ký trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.
Công ty có trụ sở đăng ký tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 63, Đường Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 3.233 người (ngày 30 tháng 6 năm 2025: 2.646 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 21 công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích (*)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (*)	
				Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
				(%)	(%)	(%)	(%)
I. Công ty con trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp AgriS	Việt Nam	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	100,00	100,00	100,00	100,00
2	Công ty Cổ phần Nông nghiệp AgriS Gia Lai	Việt Nam	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	100,00	100,00	100,00	100,00
3	AgriS Globe Pte., Ltd.	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	100,00	100,00	100,00	100,00
4	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa	Việt Nam	Sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật	100,00	100,00	100,00	100,00
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Sản Xuất AgriS	Việt Nam	Tư vấn quản lý trong ngành sản xuất mía đường	99,98	99,98	99,98	99,98
6	TSU Australia Pty Ltd.	Úc	Phát triển vùng nguyên liệu mía và cây trồng loại khác	100,00	100,00	100,00	100,00
7	Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Việt Nam	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	100,00	100,00	100,00	100,00
8	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ TTC An Hòa *(**)*	Việt Nam	Dịch vụ đóng gói; sản xuất đường; bán buôn thực phẩm; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh bất động sản	-	100,00	-	100,00

(*) Bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Nhóm Công ty

(**) Kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2025, Công ty không còn là Công ty con trực tiếp của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 4.1)

1. Thông tin về CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 21 công ty con gián tiếp như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích (*)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (*)	
				Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
				(%)	*(%)*	*(%)*	*(%)*
II. Công ty con gián tiếp							
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu AgriS Ninh Hòa	Việt Nam	Sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất điện; kinh doanh vật tư nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho	99,98	99,98	100,00	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Việt Nam	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	99,98	99,98	100,00	100,00
3	Công ty Cổ phần Điện AgriS Gia Lai	Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100,00	100,00	100,00	100,00
4	Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường và sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ và cồn thực phẩm; và kinh doanh xăng dầu và khí gas	95,77	95,77	95,79	95,79
5	Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	Việt Nam	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp	98,00	98,00	98,00	98,00
6	Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	CHDCND Lào	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường và sản phẩm phụ làm từ mía	100,00	100,00	100,00	100,00
7	Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	Việt Nam	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác	92,02	92,02	92,04	92,04
8	Công ty TNHH Hải Vi	Việt Nam	Trồng mía; dịch vụ trồng trọt và sau thu hoạch; chăm sóc cây giống; lắp đặt thiết bị, tư vấn chuyển giao kỹ thuật ngành mía đường; bán buôn phân bón, sản phẩm nông hóa, máy móc và phụ tùng máy nông nghiệp	100,00	100,00	100,00	100,00
9	Công ty Cổ phần Đường Nước Trong *(**)*	Việt Nam	Sản xuất đường, trồng cây mía, trồng cây lấy củ có chất bột, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp thực phẩm và bán buôn tổng hợp	-	87,57	-	87,58
10	Công ty TNHH Nghiên cứu, Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Việt Nam	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	100,00	100,00	100,00	100,00
11	Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Việt Nam	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường, sắn và cao su	95,10	78,73	99,89	78,73
12	Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC	Việt Nam	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	51,00	51,00	51,00	51,00
13	Công ty TNHH MTV Ý tưởng xanh Thành Công	Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100,00	100,00	100,00	100,00
14	Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Xanh Thành Công	Việt Nam	Sản xuất điện	100,00	100,00	100,00	100,00
15	Công ty TNHH MTV Thành Công Xanh	Việt Nam	Sản xuất điện	100,00	100,00	100,00	100,00
16	Công ty TNHH MTV Đầu tư Nông nghiệp Thành Công	Việt Nam	Sản xuất điện	100,00	100,00	100,00	100,00
17	Công ty TNHH MTV Năng lượng Sạch Ninh Hòa	Việt Nam	Sản xuất điện	100,00	100,00	100,00	100,00
18	Công ty TNHH MTV Năng lượng Xanh Niưnh Hòa	Việt Nam	Sản xuất điện	100,00	100,00	100,00	100,00
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Growfin	Việt Nam	Tư vấn quản lý	77,37	77,38	73,38	73,39

1. Thông tin về CÔNG TY (tiếp theo))

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 21 công ty con gián tiếp như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích (*)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (*)	
				Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
				(%)	(%)	(%)	(%)
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)							
20	Công ty TNHH MTV Nấm Trang Sinh	Việt Nam	Nuôi trồng, sản xuất và chế biến các sản phẩm từ nấm	100,00	100,00	100,00	100,00
21	Viện Nghiên Cứu Nông Nghiệp Thành Thành Công	Việt Nam	Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp	100,00	-	100,00	-
22	Công ty Cổ phần Global Mind Business	Việt Nam	Hoạt động tư vấn quản lý	99,80	-	99,80	-

(*) Bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Nhóm Công ty

(**) Kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty không còn là Công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 4.1

Ngoài ra, Công ty còn có 5 công ty liên kết như được trình bày tại *Thuyết minh số 19.1.*

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2027.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	8 - 15 năm
Tài sản khác	12 - 25 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí vụ chờ kết chuyển, chi phí phát triển vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với nông dân trong thời hạn 44 - 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là tạm thời.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được ghi nhận riêng biệt như một khoản phụ trội hợp nhất trong nguồn vốn chủ sở hữu và được trình bày tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 27.1).

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh; và
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán năm, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán năm, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất của cơ sở ở nước ngoài vào báo cáo tài chính của Nhóm Công ty, khi loại bỏ các số dư giữa các công ty con trong Nhóm Công ty, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong một khoản mục tiền tệ sẽ không thể loại trừ vào khoản tương ứng trong số dư khác trong Nhóm Công ty mà không dẫn đến kết quả của biến động tỷ giá được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất. Đó là bởi vì khoản mục tiền tệ này thể hiện một sự cam kết để chuyển đổi một ngoại tệ thành một ngoại tệ khác và đưa đến lãi hoặc lỗ cho đơn vị báo cáo đó do thay đổi tỷ giá hối đoái. Theo đó, trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán là thu nhập hoặc chi phí.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản dự phòng

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn/Nhóm công ty được trích theo mức bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp mất việc làm và mức trích lập tối thiểu ch o người lao động bằng hai tháng lương theo Luật Lao động và các hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp mất việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm trích trước này được chi trả cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 47 của Bộ luật Lao động.

3.16 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.17 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu Công ty không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập theo Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 nhằm phục vụ việc đầu tư khoa học và công nghệ tại Việt Nam của Nhóm Công ty.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.23 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên hoạt động bán các sản phẩm đường và phụ phẩm từ đường, theo đó Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của các công ty trong Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh trong phạm vi khác nhau về khu vực địa lý.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ TTC An Hòa ("An Hòa")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") vào ngày 20 tháng 9 năm 2025, HĐQT đã chấp thuận việc chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu tại An Hòa cho một nhà đầu tư khác với số tiền là 200.000.000.000 VND. Theo đó, vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ trên.

4.2 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Nước Trong")

Theo Nghị quyết HĐQT vào ngày 30 tháng 3 năm 2026, HĐQT đã chấp thuận việc chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu tại Nước Trong cho một nhà đầu tư khác với số tiền là 120.001.155.750 VND. Theo đó, vào ngày 30 tháng 3 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ trên.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Mua Công ty Cổ phần Global Mind Business ("GMBC"), công ty con mới

Theo Nghị quyết HĐQT của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp AgriS ("AgriC"), vào ngày 9 tháng 9 năm 2025, HĐQT AgriC đã chấp thuận việc nhận chuyển nhượng 3.800.000 cổ phần (tương đương 99,8% sở hữu) trong GMBC từ một nhà đầu tư khác. Theo đó, vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ trên với giá phí là 43.512.800.000 VND.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của GMBC tại ngày mua được trình bày dưới đây:

VND

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua
Tài sản	
Tài sản cố định hữu hình	34.440.879.012
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.637.078.377
Tài sản ngắn hạn khác	1.443.613.663
Hàng tồn kho	17.101.819.120
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.172.173.726
Tiền	11.132.767.248
	73.928.331.146
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.145.804.692
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	57.370.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	159.207.572
Chi phí phải trả ngắn hạn	741.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.576.025.991
Phải trả ngắn hạn khác	264.954.370
	35.944.362.625
Tổng tài sản thuần	**37.983.968.521**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát *(Thuyết minh ("TM") số 27.1)*	(75.967.937)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh *(TM số 20)*	5.604.799.416
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	**43.512.800.000**

VND

Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	11.132.767.248
Tiền chi để mua công ty con	(43.512.800.000)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	**(32.380.032.752)**

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.004.020.533	8.014.133.580
Tiền gửi ngân hàng	1.157.281.866.070	597.270.646.893
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	842.853.714.634	2.950.031.698.874
TỔNG CỘNG	**2.003.139.601.237**	**3.555.316.479.347**

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất áp dụng.

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh thể hiện các khoản đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("GEG"), và các cổ phiếu khác với chi tiết như sau:

	Số cuối năm		
	GEG (*)	Khác	Tổng cộng
Số lượng cổ phiếu	61.203.963	863.000	62.066.963
Giá gốc đầu tư (VND)	749.990.160.396	28.189.761.318	778.179.921.714
Dự phòng (VND)	-	(15.095.111.322)	(15.095.111.322)
Giá trị thuần (VND)	749.990.160.396	13.094.649.996	763.084.810.392
Giá trị hợp lý (VND)	946.288.790.350	13.094.649.996	959.383.440.346

	Số đầu năm		
	GEG (*)	Khác	Tổng cộng
Số lượng cổ phiếu	58.289.490	863.000	59.152.490
Giá gốc đầu tư (VND)	749.951.242.022	28.189.761.318	778.141.003.340
Dự phòng (VND)	-	(15.236.361.322)	(15.236.361.322)
Giá trị thuần (VND)	749.951.242.022	12.953.399.996	762.904.642.018
Giá trị hợp lý (VND)	941.375.263.500	12.953.399.996	954.328.663.496

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025, toàn bộ cổ phiếu GEG được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu dài hạn (TM số 26.4).

7. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn mười hai (12) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất áp dụng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, một phần các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 26.1)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	2.442.507.363.887	2.103.755.824.044
Trong đó:		
– *Global Mind Agriculture Pte. Ltd*	*186.085.612.458*	*88.463.158.677*
– *Các khách hàng khác*	*2.256.421.751.429*	*2.015.292.665.367*
Phải thu các bên liên quan *(TM số 35)*	60.388.040.018	95.101.441.359
TỔNG CỘNG	**2.502.895.403.905**	**2.198.857.265.403**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(24.577.382.249)	(34.453.969.283)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.478.318.021.656**	**2.164.403.296.120**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, một phần các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 26.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	34.453.969.283	38.507.320.469
Dự phòng trích lập trong năm	1.829.634.152	3.902.602.914
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.706.221.186)	(7.955.954.100)
Số cuối năm	24.577.382.249	34.453.969.283

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**6.459.001.064.755**	**5.567.944.913.065**
Trả trước cho các bên khác *(**)*	4.162.617.789.475	3.315.000.785.210
Trong đó:		
– *Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hàm Luông*	*1.105.005.943.922*	*252.655.203.500*
– *Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín*	*461.825.925.590*	-
– *Công ty Cổ phần AgriS Tây Ninh*	*400.369.496.000*	-
– *Global Mind Agriculture Pte. Ltd*	-	*1.544.109.726.174*
– *Các khoản trả trước khác*	*2.195.416.423.963*	*1.518.235.855.536*
Trả trước cho nông dân *(*)*	2.230.073.948.502	2.190.518.289.579
Trả trước cho các bên liên quan *(TM số 35)*	66.309.326.778	62.425.838.276
Dài hạn	**414.707.774.135**	**243.383.665.259**
Trả trước cho nông dân *(*)*	414.707.774.135	243.383.665.259
TỔNG CỘNG	**6.873.708.838.890**	**5.811.328.578.324**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(83.701.304.786)	(85.166.628.158)
Dự phòng trả trước cho người bán dài hạn khó đòi	(8.999.795.908)	(35.316.341.075)
GIÁ TRỊ THUẦN	**6.781.007.738.196**	**5.690.845.609.091**

(*) Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất áp dụng.

(**) Chủ yếu bao gồm các khoản trả trước cho các nhà cung cấp để mua đường theo các hợp đồng mua bán hàng hóa và hưởng lãi suất áp dụng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	120.482.969.233	114.004.723.027
Trích lập trong năm	10.307.149.812	21.361.081.836
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(38.089.018.351)	(14.882.835.630)
Số cuối năm	92.701.100.694	120.482.969.233

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**1.235.372.952.433**	**1.329.787.122.545**
Lãi phải thu từ tiền gửi, tiền cho vay, khoản ứng trước cho nông dân và nhà cung cấp	803.180.687.900	580.752.638.952
Ký quỹ	172.250.062.848	59.659.056.582
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	-	408.354.192.858
Khác	259.942.201.685	281.021.234.153
Dài hạn	**1.731.882.093.314**	**1.508.767.829.181**
Góp vốn Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh *(i)*	1.595.948.535.102	1.399.933.965.813
Đặt cọc thuê đất	134.296.519.209	101.145.918.038
Khác	1.637.039.003	7.687.945.330
TỔNG CỘNG	**2.967.255.045.747**	**2.838.554.951.726**
Dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(26.579.130.037)	(28.398.199.515)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.940.675.915.710**	**2.810.156.752.211**
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 35)	*14.381.045.039*	*34.279.680.584*
Phải thu từ các bên khác	*2.926.294.870.671*	*2.775.877.071.627*

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	28.398.199.515	21.827.467.345
Dự phòng trích lập trong năm	5.187.972.398	6.570.732.170
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.007.041.876)	-
Số cuối năm	26.579.130.037	28.398.199.515

(i) Đây bao gồm 4 khoản góp vốn vào Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận sau thuế và không thành lập pháp nhân mới như sau:

VND

Tên công ty	Nội dung và thời hạn của Dự án	Phân chia lợi nhuận	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Thành Thành Công ("TTC Food")	Phát triển vùng nguyên liệu mía quy mô lớn. Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 5 tháng 11 năm 2026.	Theo tỷ lệ phân chia cụ thể theo từng dự án	763.500.000.000	763.500.000.000
BVA Land Pty Ltd	Trồng và phát triển mía. Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 23 tháng 8 năm 2026. Các bên có thể gia hạn thời hạn hợp đồng thêm 6 năm.	50% tổng lợi nhuận sau thuế của dự án	535.850.773.807	437.125.346.250
Global Mind Australia Pte. Ltd ("GMA")	Trồng và phát triển mía. Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 1 tháng 1 năm 2028.	50% tổng lợi nhuận sau thuế của Dự án	244.597.761.295	147.308.619.563
Công ty Cổ phần Sản xuất Thực phẩm Bình Phước	Trồng các loại cây ăn trái chất lượng cao. Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 23 tháng 3 năm 2055.	20% tổng lợi nhuận sau thuế của dự án	52.000.000.000	52.000.000.000
TỔNG CỘNG			**1.595.948.535.102**	**1.399.933.965.813**

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất Thực phẩm **Bình Phước** *(*)*	140.690.000.000	140.690.000.000
Global Mind Australia Pte., Ltd	-	103.470.054.797
Công ty TNHH Global Mind Business	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	**140.690.000.000**	**248.160.054.797**

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay tín chấp đối với Công ty Cổ phần Sản xuất Thực phẩm Bình Phước, lãi suất 10,5%/năm và cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	1.575.675.277.332	(3.580.757.431)	1.788.489.394.167	(3.303.388.956)
Nguyên vật liệu	985.812.135.095	(22.776.977.027)	643.780.912.112	(25.462.838.409)
Hàng hóa	873.758.760.973	(961.228.530)	807.280.050.441	(340.260.765)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	494.624.909.082	-	260.629.976.297	-
Hàng gửi đi bán	133.852.527.509	-	1.403.026.945	-
Hàng đi đường	130.003.758.094	-	96.255.886.787	-
Công cụ dụng cụ	14.448.713.553	(1.496.777.244)	16.800.643.639	(2.331.459.193)
TỔNG CỘNG	**4.208.176.081.638**	**(28.815.740.232)**	**3.614.639.890.388**	**(31.437.947.323)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025, một phần hàng tồn kho được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 26.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	31.437.947.323	40.610.837.154
Dự phòng trích lập trong năm	8.394.455.279	8.670.876.877
Sử dụng dự phòng trong năm	(7.920.182.551)	(17.843.766.708)
Giảm do thoái vốn	(3.096.479.819)	-
Số cuối năm	28.815.740.232	31.437.947.323

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**46.033.615.504**	**22.603.791.789**
Chi phí thu xếp khoản vay	21.072.727.580	458.246.620
Phí bảo hiểm	3.896.112.747	2.510.517.906
Tiền thuê đất trả trước	988.205.874	6.998.022.550
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.076.569.303	12.637.004.713
Dài hạn	**1.189.935.073.082**	**1.208.483.969.554**
Chi phí đất và phát triển vùng nguyên liệu *(*)*	853.817.536.315	891.199.401.810
Tiền thuê đất trả trước *(**)*	129.097.060.939	132.579.396.634
Chi phí tư vấn	90.651.276.137	80.955.110.911
Công cụ, dụng cụ	18.959.416.362	18.344.321.502
Chi phí khác	97.409.783.329	85.405.738.697
TỔNG CỘNG	**1.235.968.688.586**	**1.231.087.761.343**

(*) Khoản này thể hiện các chi phí về đất và chi phí phát triển nông trường trồng mía của Nhóm Công ty tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, trong đó chủ yếu bao gồm (i) giá trị còn lại trị giá 655.894.628.870 VND của một nông trường mía được mua từ một công ty con với giá trị hợp lý tại ngày mua (theo Chứng thư Thẩm định giá số 177/017/CT/TĐGSG ngày 15 tháng 8 năm 2017) là 853.817.536.315 VND và được phân bổ trong suốt thời gian thuê 44 năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2017, và (ii) giá trị gốc các chi phí để phát triển nông trường mía khác trị giá 174.558.185.707 VND.

(**) Một phần của tiền thuê đất trả trước được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 26.1).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Tài sản khác	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	**1.811.714.005.848**	**6.604.092.022.925**	**97.113.703.544**	**62.096.522.472**	**374.317.720.532**	**8.949.333.975.321**
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.609.522.366	79.088.389.504	-	-	1.627.452.192	96.325.364.062
Mua mới	79.272.575.088	279.996.268.926	10.695.074.985	11.459.706.134	1.445.815.182	382.869.440.315
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	28.551.194.677	-	270.339.423	662.359.455	29.483.893.555
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	120.416.155.545	-	-	-	120.416.155.545
Thanh lý	(68.412.763.913)	(281.874.357.843)	(30.946.220)	(7.231.174.413)	(20.250.378.876)	(377.799.621.265)
Thoái vốn đầu tư vào công ty con	(38.504.550.385)	(39.746.112.658)	(7.854.517.782)	(2.335.798.104)	(3.273.575.850)	(91.714.554.779)
Xóa sổ	(1.879.983.795)	(1.798.467.296)	(52.185.000)	(98.644.776)	(1.733.531.832)	(5.562.812.699)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TM số 3.14)	4.287.788.873	11.625.676.615	158.674.960	43.135.935	2.197.557.057	18.312.833.440
Số cuối năm	**1.802.086.594.082**	**6.800.350.770.395**	**100.029.804.487**	**64.204.086.671**	**354.993.417.860**	**9.121.664.673.495**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*178.399.971.681*	*2.170.318.968.493*	*58.263.737.180*	*22.675.892.713*	*49.178.021.050*	*2.478.836.591.117*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	**1.168.013.170.284**	**4.870.563.518.078**	**74.733.990.670**	**48.438.851.892**	**225.671.810.047**	**6.387.421.340.971**
Khấu hao trong năm	71.568.391.703	303.316.786.402	3.295.741.703	4.944.782.524	21.148.372.262	404.274.074.594
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	788.222.264	-	41.777.689	41.715.421	871.715.374
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	53.785.578.971	-	-	-	53.785.578.971
Thanh lý	(53.060.469.526)	(179.525.115.392)	(69.105.214)	(6.875.950.636)	(17.211.372.853)	(256.742.013.621)
Thoái vốn đầu tư vào công ty con	(25.407.032.257)	(31.022.378.663)	(7.497.805.889)	(1.790.744.510)	(3.049.159.619)	(68.767.120.938)
Xóa sổ	(1.144.952.637)	(1.496.060.196)	(26.092.494)	(58.329.182)	(1.439.075.624)	(4.164.510.133)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TM số 3.14)	2.596.436.205	5.985.937.061	18.908.244	27.772.571	1.294.245.725	9.923.299.806
Số cuối năm	**1.162.565.543.772**	**5.022.396.488.525**	**70.455.637.020**	**44.728.160.348**	**226.456.535.359**	**6.526.602.365.024**
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	643.700.835.564	1.733.528.504.847	22.379.712.874	13.657.670.580	148.645.910.485	2.561.912.634.350
Số cuối năm	639.521.050.310	1.777.954.281.870	29.574.167.467	19.475.926.323	128.536.882.501	2.595.062.308.471
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 26)	*651.464.679.213*	*1.767.742.281.012*	*423.340.403*	*3.749.305.331*	*33.446.191.337*	*2.456.825.797.296*

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	444.608.711.595	-	444.608.711.595
Thuê mới trong năm	63.678.973.988	2.290.000.000	65.968.973.988
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(120.416.155.545)	-	(120.416.155.545)
Số cuối năm	387.871.530.038	2.290.000.000	390.161.530.038
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	73.116.055.992	-	73.116.055.992
Khấu hao trong năm	38.733.261.803	91.600.000	38.824.861.803
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(55.310.461.659)	-	(55.310.461.659)
Số cuối năm	56.538.856.136	91.600.000	56.630.456.136
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	371.492.655.603	-	371.492.655.603
Số cuối năm	331.332.673.902	2.198.400.000	333.531.073.902

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	981.621.508.014	175.974.246.534	4.950.830.677	1.162.546.585.225
Mua mới	1.235.274.480	10.010.599.474	-	11.245.873.954
Thanh lý	(10.185.973.278)	(530.735.800)	-	(10.716.709.078)
Thoái vốn đầu tư vào công ty con *(TM số 4.2 và 4.4)*	(204.168.831.500)	(1.700.090.000)	-	(205.868.921.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	26.648.310	-	26.648.310
Số cuối năm	768.501.977.716	183.780.668.518	4.950.830.677	957.233.476.911
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	*34.771.915.335*	*22.639.279.586*	*36.379.934*	*57.447.574.855*
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	294.178.754.240	79.215.037.461	2.719.342.713	376.113.134.414
Hao mòn trong năm	30.999.853.219	16.943.090.487	816.127.272	48.759.070.978
Thanh lý	(4.835.154.588)	(530.735.800)	-	(5.365.890.388)
Thoái vốn đầu tư vào công ty con *(TM số 4.2 và 4.4)*	(26.349.994.495)	(725.305.228)	-	(27.075.299.723)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.423.610	-	8.423.610
Số cuối năm	293.993.458.376	94.910.510.530	3.535.469.985	392.439.438.891
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	687.442.753.774	96.759.209.073	2.231.487.964	786.433.450.811
Số cuối năm	474.508.519.340	88.870.157.988	1.415.360.692	564.794.038.020
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 26)	*61.759.048.524*	-	-	*61.759.048.524*

17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	220.603.724.551	174.313.135.162	394.916.859.713
Thanh lý	-	(24.424.737.834)	(24.424.737.834)
Số cuối năm	220.603.724.551	149.888.397.328	370.492.121.879
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	9.464.402.073	53.393.149.149	62.857.551.222
Khấu hao trong năm	584.155.629	4.325.487.212	4.909.642.841
Thanh lý	-	(11.212.229.981)	(11.212.229.981)
Số cuối năm	10.048.557.702	46.506.406.380	56.554.964.082
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	211.139.322.478	120.919.986.013	332.059.308.491
Số cuối năm	210.555.166.849	103.381.990.948	313.937.157.797
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 26.1)	*142.439.601.636*	*138.695.318.266*	*281.134.919.902*

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2026. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê hiện tại và giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	20.337.508.053	50.852.498.739
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(17.155.028.133)	(33.870.964.722)

18. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống máy móc, thiết bị và phần mềm đang lắp đặt	312.399.864.459	235.214.789.259
Chi phí xây dựng nhà máy nước mía đóng lon	281.316.331.182	30.410.218.775
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	226.225.601.564	123.823.924.266
Hệ thống điện mặt trời	46.391.826.855	45.439.923.695
Khác	14.401.697.025	33.647.411.767
TỔNG CỘNG	**880.735.321.085**	**468.536.267.762**

19. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM số 19.1)*	5.741.650.130.772	4.651.352.356.089
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 19.2)*	81.076.271.275	336.613.897.241
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn *(TM số 19.3)*	223.000.000.000	178.000.000.000
TỔNG CỘNG	**6.045.726.402.047**	**5.165.966.253.330**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(734.416.445)	(55.142.229.867)
GIÁ TRỊ THUẦN	**6.044.991.985.602**	**5.110.824.023.463**

19. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

19.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		(Cổ phiếu)	*(VND)*	*(%)*	*(%)*	*(Cổ phiếu)*	*(VND)*	*(%)*	*(%)*
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân *(*)*	Kinh doanh vận tải biển	90.338.559	2.562.436.508.531	30.87	39.88	76.190.225	1.880.231.521.119	26.03	33.64
Công ty CP XNK Bến Tre – Betrimex	Chế biến và bảo quản rau quả	37.301.429	1.614.795.882.018	25.99	25.99	37.301.429	1.493.599.166.550	30.22	30.22
Global Mind Invesment Management Pte. Ltd – GMIM *(****)*	Đầu tư vào năng lượng tái tạo. cơ sở hạ tầng và nông nghiệp	-	-	-	-	13.728.424	1.147.877.066.130	29.50	29.50
Công ty Cổ phần Khoai Mì Tây Ninh	Sản xuất tinh bột. khoai mì và mạch nha	3.362.436	136.855.463.420	23.62	30.00	3.362.436	129.420.550.442	23.62	30.00
Công ty TNHH Tapioca Việt Nam	Sản xuất. kinh doanh tinh bột. khoai mì	-	-	23.62	30.00	-	224.051.848	23.62	30.00
Công ty Cổ phần AgriMind *(**)*	Lập trình máy tính	8.750.000	90.764.016.124	34.93	34.93	-	-	-	-
Coco Investment Pte. Ltd *(***)*	Mua bán dừa	13.642.069	1.336.798.260.679	20.06	20.06	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			**5.741.650.130.772**				**4.651.352.356.089**		

(*) Growfin đã hoàn tất việc mua thêm 4,84% tỷ lệ lợi ích trong Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân ("THV") theo Nghị quyết số 0406/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2025. Trước đó, Growfin đã sở hữu 26,03% tỷ lệ lợi ích trong THV. Theo đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tỷ lệ lợi ích của Nhóm công ty trong THV là 30,87%.

(**) Công ty Cổ phần Global Mind Business đã hoàn tất việc góp vốn thành lập với 35,00% tỷ lệ lợi ích trong Công ty Cổ phần AgriMind ("AgriMind") theo Nghị quyết số 0710/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 10 năm 2025. Theo đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tỷ lệ lợi ích của Nhóm công ty trong AgriMind là 34,93%.

(***) AgriS Globe Pte. LTD ("AGG") đã hoàn tất việc mua 20,06% tỷ lệ lợi ích trong Coco Investment Pte. Ltd theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 6 năm 2026. Theo đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tỷ lệ lợi ích của Nhóm công ty trong Coco Investment Pte. Ltd là 20.06%.

(****) AGG đã hoàn tất việc chuyển nhượng 29,5% tỷ lệ sở hữu trong GMIM cho nhà đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 5 năm 2026. Theo đó, Công ty GMIM không còn là công ty liên kết của Công ty.

Các công ty liên kết đều đang hoạt động.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

VND

	Giá trị
Giá gốc của khoản đầu tư:	
Số đầu năm	4.620.397.896.493
Tăng trong năm	2.073.234.563.346
Giảm trong năm	(1.149.102.500.000)
Số cuối năm	5.544.529.959.839
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	30.954.459.596
Phần lãi từ các công ty liên kết trong năm	300.164.897.238
Cổ tức được chia trong năm	(143.215.679.156)
Thoái vốn	9.216.493.255
Số cuối năm	197.120.170.933
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.651.352.356.089
Số cuối năm	5.741.650.130.772

19. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

19.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Hoạt động chính	Giá trị ghi sổ (VND)	% tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ (VND)	% tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh ("Công ty Đặng Huỳnh") (i)	Kinh doanh cho thuê, quản lý khu công nghiệp	80.341.854.830	2,29	266.154.514.119	7,39
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương ("Sơn Dương") (ii)	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường	-	-	36.456.277.500	13,84
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội (ii)	Kinh doanh bất động sản	-	-	15.330.856.343	12,89
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt ("Sorbitol") (ii)	Sản xuất tinh bột, đồ uống không cồn, sản phẩm hóa chất và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp	-	-	17.951.535.922	18,86
Đầu tư dài hạn khác		734.416.445		720.713.357	
TỔNG CỘNG		**81.076.271.275**		**336.613.897.241**	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(734.416.445)		(55.142.229.867)	
GIÁ TRỊ THUẦN		**80.341.854.830**		**281.471.667.374**	

(i) Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng một phần quyền sở hữu trong Công ty Đặng

(ii) Huỳnh cho nhà đầu tư khác vào ngày 3 tháng 6 năm 2026 với tổng giá phí chuyển nhượng là 166.226.662.096 VND.

(iii) Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 100% quyền sở trong Sơn Dương, Sorbitol và Tân Hội cho các nhà đầu tư khác với tổng giá phí chuyển nhượng tương ứng là 20.000.000.000 VND, 22.105.440.000 VND và 16.426.660.096 VND.

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

19.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản trái phiếu tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ ba (3) đến mười (10) năm và hưởng lãi suất áp dụng. Một phần của khoản trái phiếu trên được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (TM số 26).

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Giá trị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	206.534.238.006
Tăng do đầu tư *(TM số 4.3)*	5.604.799.416
Số cuối năm	212.139.037.422
Giá trị khấu trừ lũy kế:	
Số đầu năm	167.056.384.617
Phân bổ trong năm	17.968.052.461
Số cuối năm	185.024.437.078
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	39.477.853.389
Số cuối năm	27.114.600.344

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	1.036.874.797.932	1.239.776.804.572
Trong đó:		
– *Global Mind Agriculture Pte. Ltd*	*325.148.545.557*	*266.757.192.794*
– *Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Liên Khởi Tiến*	*54.260.576.000*	*82.449.000.000*
– *Khác*	*657.465.676.375*	*890.570.611.778*
Phải trả nông dân	91.846.817.717	122.139.680.158
Phải trả các bên liên quan *(TM số 35)*	35.697.076.136	13.650.719.572
TỔNG CỘNG	**1.164.418.691.785**	**1.375.567.204.302**

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	1.158.270.434.555	567.220.437.588
Trong đó:		
- *Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hàm Luông*	*559.635.621.600*	-
- *Công ty Cổ phần AgriS Tây Ninh*	*333.000.000.000*	*372.500.000.000*
– *Khác*	*265.634.812.955*	*194.720.437.588*
Các bên liên quan *(TM số 35)*	4.375.887.942	6.255.113.267
TỔNG CỘNG	**1.162.646.322.497**	**573.475.550.855**

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Giảm do thanh lý công ty con	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	116.195.438.410	1.359.842.978	2.115.151.140.237	(2.180.546.233.204)	52.160.188.421
Thuế TNDN	113.318.349.722	(2.856.495.493)	83.908.587.286	(114.670.854.560)	79.699.586.955
Thuế thu nhập cá nhân	406.688.672	522.975.903	49.879.426.935	(42.441.905.607)	8.367.185.903
Khác	1.717.502.322	-	225.551.698.731	(226.064.236.026)	1.204.965.027
TỔNG CỘNG	**231.637.979.126**	**(973.676.612)**	**2.474.490.853.189**	**(2.563.723.229.397)**	**141.431.926.306**
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	137.451.552.697	(22.737.015.328)	1.879.196.939.362	(1.815.864.199.770)	178.047.276.961
Thuế TNDN	1.372.905.792	-	1.416.990.731	(2.530.741.737)	259.154.786
Thuế thu nhập cá nhân	210.098.888	-	379.100.889	(390.161.861)	199.037.916
Khác	9.534.328.257	-	160.155.306	(22.970.433)	9.671.513.130
TỔNG CỘNG	**148.568.885.634**	**(22.737.015.328)**	**1.881.153.186.288**	**(1.818.808.073.801)**	**188.176.982.793**

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.800.218.595	140.409.513.745
Chi phí vận chuyển và dỡ hàng	120.436.046.760	60.088.007.935
Chi phí lãi vay	116.235.161.132	63.306.973.798
Chi phí khuyến nông	77.858.878.622	66.503.155.945
Chi phí thuê đất	40.645.987.721	25.175.424.536
Chi phí thưởng hỗ trợ kinh doanh cho đại lý	26.097.516.865	32.440.157.417
Chi phí thuế nhà thầu	15.217.552.023	11.035.586.309
Khác	9.756.675.590	72.914.947.948
TỔNG CỘNG	**582.048.037.308**	**471.873.767.633**

25. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**4.143.946.708.150**	**1.984.156.300.529**
Phải trả các ngân hàng thương mại cho các giao dịch miễn truy đòi bộ chứng từ	3.976.753.587.911	1.763.771.240.420
Lãi phải trả	137.248.385.517	58.912.895.203
Cổ tức	21.398.245.045	56.133.825.284
Khác	8.546.489.677	105.338.339.622
Dài hạn	**6.543.874.760**	**38.562.173.466**
Ký quỹ	6.543.874.760	8.300.642.030
Nhận tài trợ thực hiện dự án chưa quyết toán	-	30.261.531.436
TỔNG CỘNG	**4.150.490.582.910**	**2.022.718.473.995**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*4.149.527.344.910*	*2.021.001.765.768*
Phải trả các bên liên quan (TM số 35)	*963.238.000*	*1.716.708.227*

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	Thay đổi trong năm				Số cuối năm
		Tăng do thoái vốn	Tăng do giải ngân nợ	Giảm do thanh toán	Phân loại đến hạn trả	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái	
Vay ngắn hạn	**10.875.196.155.097**	**26.900.000.000**	**28.822.686.657.579**	**(31.379.846.438.158)**	**3.579.488.398.176**	**756.639.890**	**11.925.181.412.584**
Vay ngân hàng *(TM số 26.1)*	10.142.234.176.780	-	28.320.062.875.182	(30.364.177.960.026)	-	756.681.821	8.098.875.773.757
Vay bên khác	-	26.900.000.000	700.000.000	-	-	-	27.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng *(TM số 26.3)*	683.890.225.571	-	-	(935.956.911.981)	2.487.124.416.909	-	2.235.057.730.499
Vay dài hạn bên khác đến hạn trả *(TM số 26.2)*	4.817.663.072	-	-	(4.467.048.543)	10.018.482.041	(41.931)	10.369.054.639
Vay các bên liên quan *(TM số 35)*	400.000.000	-	-	(400.000.000)	-	-	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả *(TM số 26.4.2)*	(15.949.712.181)	-	-	-	1.000.000.000.000	-	984.050.287.819
Trái phiếu chuyển đổi *(TM số 26.4.1)*	-	-	501.923.782.397	(3.353.831.232)	-	-	498.569.951.165
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(TM số 26.5)*	59.803.801.855	-	-	(71.490.686.376)	82.345.499.226	-	70.658.614.705
Vay dài hạn	**6.037.814.229.487**	**-**	**3.691.006.638.080**	**(238.059.170.991)**	**(3.579.488.398.176)**	**14.948.739.666**	**5.926.222.038.066**
Vay ngân hàng *(TM số 26.3)*	3.440.533.945.865	-	2.536.825.000.000	-	(2.487.124.416.909)	14.741.301.370	3.504.975.830.326
Vay bên khác*(TM số 26.2)*	16.861.766.250	-	65.730.000.000	-	(10.018.482.041)	207.438.296	72.780.722.505
Trái phiếu dài hạn *(TM số 26.4.2)*	2.389.584.040.591	-	24.902.635.250	(220.650.576.628)	(1.000.000.000.000)	-	1.193.836.099.213
Trái phiếu chuyển đổi *(TM số 26.4.1)*	-	-	997.105.300.000	(8.452.500.000)	-	-	988.652.800.000
Nợ thuê tài chính dài hạn *(TM số 26.5)*	190.834.476.781	-	66.443.702.830	(8.956.094.363)	(82.345.499.226)	-	165.976.586.022
TỔNG CỘNG	**16.913.010.384.584**	**26.900.000.000**	**32.513.693.295.659**	**(31.617.905.609.149)**	**-**	**15.705.379.556**	**17.851.403.450.650**

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1 Vay ngắn hạn ngân hàng ("NH")

Ngân hàng ("NH")	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		*(TM số 7,8,12,13,14,16,17,19)*
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định	1.398.435.124.598	Từ tháng 7 *đến* tháng 12 năm 2026	Quyền sử dụng *đất* tại Huyện Bến Cầu, phần vốn góp, bất *động* sản, cổ phiếu, hợp *đồng* tiền gửi và khoản phải thu
NH First Commercial- CN Hồ Chí Minh	1.054.313.999.739	Tháng 7 năm 2026	Hợp *đồng* tiền gửi
NH TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	481.698.016.675	Từ tháng 7 *đến* tháng 9 năm 2026	Hợp *đồng* tiền gửi, cổ phiếu, quyền sử dụng *đất* tại Tỉnh *Tây Ninh* và bảo lãnh
NH TNHH MTV United Overseas Việt Nam	473.172.600.000	Từ tháng 9 *đến* tháng 11 năm 2026	Hợp *đồng* tiền gửi, hàng tồn kho và khoản phải thu
NH TMCP Quốc tế Việt Nam- CN Đồng Nai	421.624.995.022	Từ tháng 7 *đến* tháng 12 năm 2026	Hàng tồn kho, hợp *đồng* tiền gửi, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng thư bảo lãnh thanh toán và cam kết thanh toán do Công ty phát hành
NH Mizuho Bank. Ltd – CN Hà Nội	394.995.000.000	Tháng 7 năm 2026	Tín chấp
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	352.535.756.287	Từ tháng 7 *đến* tháng 12 năm 2026	Hợp *đồng* tiền gửi, trái phiếu và hàng tồn kho
NH Sinopac - CN Hồ Chí Minh	306.149.584.000	Tháng 10 năm 2026	Tín chấp
NH Hua Nan Commercial Bank. Ltd - CN Hồ Chí Minh	260.083.512.000	Tháng 12 năm 2026	Hợp *đồng* tiền gửi
NH Thương mại TNHH E.SUN - CN Đồng Nai	258.651.784.277	Từ tháng 7 *đến* tháng 10 năm 2026	Hợp *đồng* tiền gửi
NH China Construction Bank Corporation – CN TP. HCM	249.519.200.000	Tháng 10 năm 2026	Hợp *đồng* tiền gửi
NH Liên doanh Lào - Việt - CN Attapeu	200.641.947.000	Từ tháng 9 năm 2026 đến tháng 3 năm 2027	Quyền sử dụng đất tại Lào, bất động sản thuộc sở hữu bên thứ ba và máy móc, thiết bị
NH TM TaiPei Fubon - CN Hồ Chí Minh	199.323.052.000	Tháng 10 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	198.639.386.627	Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi và hàng tồn kho
NH TMCP Công thương VN - CN Tây Ninh	180.492.902.649	Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2026	Quyền sử dụng đất tại Tỉnh Tây Ninh, máy móc thiết bị và hợp đồng tiền gửi
NH Đại chúng TNHH Kasikornbank - CN Hồ Chí Minh	174.939.888.000	Tháng 10 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi và khoản phải thu
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	163.621.552.501	Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2026	Máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất tại Tỉnh Tây Ninh, cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu bên liên quan, hợp đồng tiền gửi và bảo lãnh
NH The Siam Commercial Bank Public Company Limited - CN Hồ Chí Minh	157.677.114.000	Từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi, hàng tồn kho và khoản phải thu

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1 Vay ngắn hạn ngân hàng ("NH") (tiếp theo)

Ngân hàng ("NH")	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		*(TM số 7,8,12,13,14,16,17,19)*
NH BNP Paris - CN Hồ Chí Minh	156.815.680.000	Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi và các khoản phải thu
NH TNHH MTV VN Hiện Đại – CN Khánh Hòa	134.343.262.011	Từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi và hàng tồn kho
NH TNHH Shinhan VN - CN Bắc Sài Gòn	132.060.707.288	Tháng 11 năm 2026	Tín chấp
NH TMCP Bản Việt – CN TP. HCM	123.043.650.000	Tháng 11 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN 1. TP. HCM	122.924.471.500	Từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2026	Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng tồn kho, hợp đồng tiền gửi, trái phiếu thuộc sở hữu của các công ty con và bên liên quan, máy móc thiết bị
NH TMCP Phương Đông - CN ĐăkLăk	106.584.532.822	Tháng 12 năm 2026	Hàng tồn kho, phần vốn góp vào một công ty con. Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thương mại, nhà máy phân vi sinh, cam kết bán mía, cổ phiếu và hợp đồng tiền gửi
NH Liên doanh Việt - Nga - CN Khánh Hòa	77.367.895.996	Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi và bảo lãnh
NH BPCE IOM - CN Hồ Chí Minh	56.198.998.000	Tháng 10 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi, hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn
NH TMCP Tiên Phong - CN Nha Trang	55.833.436.454	Tháng 11 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi và quyền phải thu hợp đồng mua bán
NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Champasack	44.844.599.118	Tháng 6 năm 2027	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Mẹ
NH TMCP Quân đội - CN Khánh Hòa	39.691.500.000	Tháng 10 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi và hàng tồn kho
NH TMCP Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	34.776.280.362	Từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2026	Hàng tồn kho, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, quyền sử dụng đất và vốn góp của Nhóm Công ty
NH TMCP Phương Đông - CN Đông Sài Gòn	34.311.874.138	Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi, các khoản phải thu, quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
NH TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh -CN Gia Lai	19.997.335.897	Tháng 9 năm 2026	Tín chấp
NH TMCP Phương Đông - CN Pleiku	19.382.396.656	Tháng 9 năm 2026	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và hợp đồng tiền gửi
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM	9.183.738.140	Tháng 11 năm 2026	Tài sản thuê tại VCBL
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hồ Chí Minh	5.000.000.000	Tháng 8 năm 2026	Hàng tồn kho và quyền đòi nợ từ các hợp đồng mua bán
TỔNG CỘNG	**8.098.875.773.757**		
Trong đó:			
Nguyên tệ			
VND	*5.896.199.378.526*		
Đô la Mỹ	*79.641.361*		
Kíp Lào	*85.347.215.927*		

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

26.2 Vay bên khác

Đối tượng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND	*USD*		*(%/năm)*		
Dole Asia Holding Pte., Ltd	83.149.777.144	3.142.353	Từ tháng 9 năm 2026 đến tháng 12 năm 2029	2,0 + lãi SOFR USD 3 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công Ty Cổ Phần Đường Nước Trong	26.900.000.000	-	Từ tháng 7 năm 2026 đến tháng 6 năm 2027	10	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khác	700.000.000	-	Tháng 2 năm 2027	9	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**110.749.777.144**	**3.142.353**				
Trong đó:						
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.369.054.639*					
Vay dài hạn	*72.780.722.505*					

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Vay dài hạn ngân hàng

Nhóm Công ty vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ dự án và bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng ("NH")	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		*(TM số 7,8,12,13,14,16,17,19)*
NH First Commercial Bank – CN Hồ Chí Minh	1.309.500.000.000	Từ tháng 8 năm 2026 đến tháng 2 năm 2029	Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, bảo lãnh
NH ING - CN ING - DIBA AG	1.058.400.000.000	Từ tháng 7 năm 2026 đến tháng 7 năm 2029	Hợp đồng tiền gửi và khoản phải thu
NH Thương mại TNHH E.SUN - CN Đồng Nai	1.038.360.000.000	Từ tháng 9 năm 2026 đến tháng 6 năm 2027	Hợp đồng tiền gửi, thư tín dụng LC, quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và máy móc thiết bị
Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft ("DEG")	648.950.000.000	Từ tháng 6 năm 2027 đến tháng 6 năm 2032	Hợp đồng tiền gửi và khoản phải thu, cổ phiếu, bảo lãnh
NH Mizuho Bank. Ltd – CN Hà Nội	492.518.000.000	Từ tháng 8 năm 2026 đến tháng 5 năm 2027	Hợp đồng tiền gửi
Responsability Investments AG	393.251.301.370	Tháng 1 năm 2028	Cổ phiếu
Ngân Hàng Đại Chúng Tnhh Kasikornbank - CN Hồ Chí Minh	374.900.000.000	Từ tháng 7 năm 2026 đến tháng 7 năm 2028	Hợp đồng tiền gửi
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	247.758.679.411	Từ tháng 12 năm 2026 đến tháng 12 năm 2028	Bất động sản, máy móc thiết bị, tiền gửi tiết kiệm, cổ phiếu
Responsability Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif	157.050.000.000	Tháng 6 năm 2028	Cổ phiếu
NH TMCP Phương Đông – CN Đắk Lăk	17.233.110.044	Từ tháng 8 năm 2026 đến tháng 2 năm 2031	Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và toàn bộ Hệ thống Điện mặt trời tại Tỉnh Tây Ninh
NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Nguyễn Văn Trỗi	2.112.470.000	Từ tháng 11 năm 2026 đến tháng 9 năm 2027	Tài sản hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	**5.740.033.560.825**		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	*2.235.057.730.499*		
Vay dài hạn	*3.504.975.830.326*		
Trong đó:			
Nguyên tệ			
VND	*642.004.259.455*		
USD	*197.800.000*		

Các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng của Nhóm Công ty chịu lãi suất thị trường.

26.4 Trái phiếu dài hạn

	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND		*(%/năm)*		
Phát hành theo mệnh giá					
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	700.000.000.000	Tháng 12 năm 2027	4,95 + lãi suất tham chiếu	Thanh toán nợ vay	Máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	500.000.000.000	Tháng 6 năm 2028	4,4 + lãi suất tham chiếu	Thanh toán nợ vay	Cổ phiếu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	500.000.000.000	Tháng 11 năm 2026	3,5 + lãi suất tham chiếu	Thực hiện dự án	Tín chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	500.000.000.000	Tháng 1 năm 2027	3,85 + Lãi suất tham chiếu	Mua nguyên vật liệu	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất và tài sản khác gắn liền với lô đất tại Tỉnh Tây Ninh.
Chi phí phát hành	(22.113.612.968)				
TỔNG CỘNG	**2.177.886.387.032**				
Trong đó:					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	*984.050.287.819*				
Trái phiếu dài hạn	*1.193.836.099.213*				

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.5 Trái phiếu chuyển đổi

26.5.1 Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 4.992.969 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông. Tổng số tiền thực tế thu được (thu ròng) từ đợt phát hành trái phiếu là 499.295.800.000 VND (tổng giá trị phát hành là 499.296.900.000 VND trừ phí chuyển tiền là 1.100.000 VND do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trích tự động khi chuyển tiền thu được khi phát hành trái phiếu vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức phát hành).

Các văn bản đã ban hành liên quan đến gói trái phiếu bao gồm: Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường niên độ 2024 - 2025 số 20/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 1 năm 2025, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 133/2025/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 3 năm 2025, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 7 năm 2025, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 230/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 7 năm 2025. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, Thông báo số 274/2025/CV/TTCBH ngày 9 tháng 7 năm 2025 về việc thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng, Báo cáo số 358/2025/BC-SBT ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng.

VND

	Thay đổi trong năm				
	Số đầu năm	Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu	Số cuối năm
Trái phiếu chuyển đổi	-	499.296.900.000	-	-	499.296.900.000
Chi phí phát hành		(726.948.835)	-	-	(726.948.835)
TỔNG CỘNG	**-**	**498.569.951.165**	**-**	**-**	**498.569.951.165**

Trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá phát hành là 499.296.900.000 VND:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 4.992.969;
- Trái chủ: Nhà đầu tư cá nhân và Nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền;
- Ngày phát hành: ngày 12 tháng 9 năm 2025;
- Kỳ hạn: 1 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ hạn lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Cơ cấu nợ cho Tổ Chức Phát Hành;

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi này chưa xác định được số lượng cổ phiếu sẽ chuyển đổi tại thời điểm chuyển đổi nên được phân loại toàn bộ là nợ phải trả.

26.5.2 Trái phiếu chuyển đổi dài hạn

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 9.971.053 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông. Tổng số tiền thực tế thu được (thu ròng) từ đợt phát hành trái phiếu là 997.104.200.000 VND (tổng giá trị phát hành là 997.105.300.000 VND trừ phí chuyển tiền là 1.100.000 VND do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trích tự động khi chuyển tiền thu được khi phát hành trái phiếu vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức phát hành).

Các văn bản đã ban hành liên quan đến gói trái phiếu bao gồm: Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường niên độ 2025 - 2026 số 64/2026/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 6 năm 2026. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 50/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 3 năm 2026.

VND

	Thay đổi trong năm				
	Số đầu năm	Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu	Số cuối năm
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	-	997.105.300.000	-	-	997.105.300.000
Chi phí phát hành	-	(8.452.500.000)	-	-	(8.452.500.000)
TỔNG CỘNG	**-**	**988.652.800.000**	**-**	**-**	**988.652.800.000**

Trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá phát hành là 997.105.300.000 VND:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 9.971.053;
- Trái chủ: Nhà đầu tư cá nhân và Nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền;
- Ngày phát hành: ngày 10 tháng 6 năm 2026;
- Kỳ hạn: 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ hạn lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Cơ cấu nợ cho Tổ Chức Phát Hành;

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi này chưa xác định được số lượng cổ phiếu sẽ chuyển đổi tại thời điểm chuyển đổi nên được phân loại toàn bộ là nợ phải trả.

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.6 Thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - chi nhánh Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Đến 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm				
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	84.686.585.884	188.948.599.431	3.699.435.921	277.334.621.236
Lãi thuê tài chính	14.027.971.179	26.548.168.514	123.280.816	40.699.420.509
Nợ gốc	70.658.614.705	162.400.430.917	3.576.155.105	236.635.200.727
Số đầu năm				
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	73.077.177.018	210.040.857.740	9.449.530.088	292.567.564.846
Lãi thuê tài chính	13.273.375.163	27.497.438.181	1.158.472.866	41.929.286.210
Nợ gốc	59.803.801.855	182.543.419.559	8.291.057.222	250.638.278.636

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần (i)	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TM số 3.14)	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	Cổ phiếu ưu đãi							
Năm trước									
Số đầu năm	**7.405.009.930.000**	**216.113.330.000**	**6.770.104.566.476**	**(5.502.116.030.924)**	**108.670.122.767**	**67.054.931.893**	**1.133.016.463.101**	**946.450.668.740**	**11.144.303.982.053**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	812.495.221.190	21.992.387.934	834.487.609.124
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	740.440.450.000	-	-	-	-	-	(740.440.450.000)	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	-	47.335.976.778	(224.543.134.024)	(177.207.157.246)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	39.980.781.300	-	-	(581.014.476.972)	(541.033.695.672)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(204.237.755.430)	-	-	-	(204.237.755.430)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(127.722.622.031)	-	(127.722.622.031)
Cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi		-	-	-	-	-	(77.800.800.001)	-	(77.800.800.001)
Số cuối năm	**8.145.450.380.000**	**216.113.330.000**	**6.770.104.566.476**	**(5.502.116.030.924)**	**(55.586.851.363)**	**67.054.931.893**	**1.046.883.789.037**	**162.885.445.678**	**10.850.789.560.797**

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

VND

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TM số 3.14)	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	Cổ phiếu ưu đãi							
Năm nay									
Số đầu năm	**8.145.450.380.000**	**216.113.330.000**	**6.770.104.566.476**	**(5.502.116.030.924)**	**(55.586.851.363)**	**67.054.931.893**	**1.046.883.789.037**	**162.885.445.678**	**10.850.789.560.797**
Tăng vốn trong năm *(TM số 27.2)*	405.675.510.000	-	-	-	-	-	-	-	405.675.510.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu *(TM số 27.2)*	513.024.530.000	-	-	-	-	-	(513.024.530.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	842.078.063.233	4.356.945.622	846.435.008.855
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	651.000.000.000	651.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	82.284.211.871	-	-	-	82.284.211.871
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	75.967.937	75.967.937
Thanh lý công ty con	-	-	-	30.041.941.566	-	-	(30.041.941.566)	(6.699.168.173)	(6.699.168.173)
Cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi *(TM số 27.2)*	-	-	-	-	-	-	(58.403.888.220)	-	(58.403.888.220)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(115.564.132.640)	-	(115.564.132.640)
Thanh đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con							(38.242.367.178)	(156.928.792.822)	(195.171.160.000)
Số cuối năm	**9.064.150.420.000**	**216.113.330.000**	**6.770.104.566.476**	**(5.472.074.089.358)**	**26.697.360.508**	**67.054.931.893**	**1.133.684.992.666**	**654.690.398.242**	**12.460.421.910.427**

(i) (i) Đây là phần phụ trội hợp nhất phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh các công ty dưới sự kiểm soát chung (TM số 3.11).

27.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	8.361.563.710.000	7.621.123.260.000
Tăng trong năm *(i)*	405.675.510.000	740.440.450.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu *(i)*	513.024.530.000	-
Số cuối năm	**9.280.263.750.000**	**8.361.563.710.000**
Cổ tức công bố	**58.403.888.220**	**77.800.800.001**
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	*58.403.888.220*	*77.800.800.001*
Cổ tức trả bằng tiền (ii)	**93.127.556.164**	**73.917.455.695**
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	*93.127.556.164*	*73.910.102.790*
Cổ tức của cổ phiếu phổ thông	-	*7.352.905*

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 22/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty với tỉ lệ phát hành là 4,87% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phương án phát hành được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. HĐQT đã thông qua kết quả phương án phát hành nêu trên với ngày hoàn thành đợt phát hành là 20 tháng 10 năm 2025.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên độ 2024 - 2025 số 10/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2024 – 2025 với tỉ lệ phát hành 6% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm Phương án phát hành được HĐQT thông qua. HĐQT đã thông qua kết quả phương án phát hành nêu trên với ngày hoàn thành đợt phát hành là 20 tháng 4 năm 2026.

(ii) Đây là phần cổ tức chi trả bằng tiền mặt cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi được tính dựa vào tỷ lệ 12% giá trị phát hành một năm .

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.3 Chủ sở hữu và cổ phiếu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu thường	Số lượng cổ phiếu ưu đãi (*)	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu thường	Số lượng cổ phiếu ưu đãi	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	137.738.968	-	14.84	183.228.072	-	21.91
Legendary Venture Fund 1	146.503.698	-	15.79	138.311.036	-	16.54
Các cổ đông khác	622.172.376	21.611.333	69.37	493.005.930	21.611.333	61.55
TỔNG CỘNG	**906.415.042**	**21.611.333**	**100.00**	**814.545.038**	**21.611.333**	**100.00**

(*) Đây là cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi vào bất cứ thời điểm nào sau ngày phát hành, một phần hoặc toàn bộ thành cổ phần phổ thông với giá chuyển đổi thỏa thuận với Công ty. Cổ phiếu này không có quyền biểu quyết, và được phân loại là vốn chủ sở hữu do Công ty không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	**928.026.375**	**836.156.371**
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*906.415.042*	*814.545.038*
Cổ phiếu ưu đãi	*21.611.333*	*21.611.333*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*906.415.042*	*814.545.038*
Cổ phiếu ưu đãi	*21.611.333*	*21.611.333*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 30 tháng 6 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

27.4 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)	Năm trước (Đã trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	842.078.063.233	812.495.221.190	812.495.221.190
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(58.945.464.426)	(115.564.132.639)	(56.874.665.483)
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi cổ tức và có kèm thêm điều kiện chuyển đổi *(TM số 27.2)*	(58.403.888.220)	(77.800.800.001)	(77.800.800.001)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, trước các điều chỉnh do yếu tố suy giảm	**724.728.710.587**	**619.130.288.550**	**677.819.755.706**
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, sau các điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**724.728.710.587**	**619.130.288.550**	**677.819.755.706**
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (*)	893.342.144	863.417.741	814.545.038
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**811,26**	**717,07**	**832,15**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**811,26**	**717,07**	**832,15**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được phê duyệt từ lợi nhuận giữ lại của năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 12 năm 2025.

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh ảnh hưởng của nghiệp vụ chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% đã thực hiện trong năm 2026 theo Nghị quyết HĐQT số 46/2026/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2026.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của kỳ này dự trên kế hoạch lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 12 năm 2025.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa được điều chỉnh để phản ánh tác động của việc chuyển đổi tiềm năng cổ phiếu ưu đãi cổ tức thành cổ phần phổ thông (TM số 27.3), do số lượng cổ phiếu phổ thông tiềm năng phát hành khi chuyển đổi chưa thể được xác định một cách đáng tin cậy tại thời điểm báo cáo.

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp:	**26.803.640.067.352**	**28.545.010.719.100**
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	*21.925.285.519.113*	*26.280.176.719.090*
Doanh thu bán nông sản	*2.817.093.445.783*	*404.549.210.998*
Doanh thu bán phân bón	*548.109.807.393*	*387.187.350.171*
Doanh thu bán mật đường	*517.925.381.150*	*516.490.730.381*
Doanh thu bán điện	*184.705.510.477*	*162.876.555.102*
Doanh thu dịch vụ cho thuê (TM số 17)	*20.337.508.053*	*50.852.498.739*
Doanh thu khác	*790.182.895.383*	*742.877.654.619*
Trừ:	**(70.791.296.957)**	**(62.844.307.659)**
Chiết khấu thương mại	*(59.361.166.394)*	*(53.834.013.144)*
Hàng bán trả lại	*(11.298.005.318)*	*(9.010.294.515)*
Giảm giá hàng bán	*(132.125.245)*	-
Doanh thu thuần	**26.732.848.770.395**	**28.482.166.411.441**
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	*21.868.169.316.995*	*26.231.412.741.680*
Doanh thu sản phẩm nông sản	*2.817.093.445.783*	*404.549.210.998*
Doanh thu bán phân bón	*548.091.484.557*	*381.980.232.970*
Doanh thu bán mật đường	*517.925.381.150*	*516.463.748.659*
Doanh thu từ bán điện	*184.705.510.477*	*162.876.555.102*
Doanh thu dịch vụ cho thuê (TM số 17)	*20.337.508.053*	*50.852.498.739*
Doanh thu khác	*776.526.123.380*	*734.031.423.293*
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*26.503.934.239.864*	*28.264.270.938.718*
Doanh thu đối với các bên liên quan	*228.914.530.531*	*217.895.472.723*

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay và lãi từ khoản ứng trước cho nhà cung cấp và nông dân	605.347.624.459	730.339.367.514
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	339.896.903.013	56.076.259.439
Lãi tiền gửi ngân hàng	230.689.401.240	219.931.013.357
Thu nhập cổ tức	143.467.479.156	2.657.173.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	123.559.324.185	235.314.580.797
Lãi trái phiếu	7.714.405.510	13.079.074.181
Khác	31.721.950.036	12.553.557.515
TỔNG CỘNG	**1.482.397.087.599**	**1.269.951.025.803**

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	19.580.346.337.158	23.586.921.228.850
Giá vốn bán nông sản	2.574.169.521.301	349.396.241.141
Giá vốn bán phân bón	514.588.046.242	308.558.791.411
Giá vốn bán mật đường	486.630.124.089	533.526.960.324
Giá vốn bán điện	150.450.303.071	129.237.801.026
Giá vốn dịch vụ cho thuê *(TM số 17)*	17.155.028.133	33.870.964.722
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	356.892.759	1.252.093.172
Giá vốn khác	735.218.625.538	555.173.216.077
TỔNG CỘNG	**24.058.914.878.291**	**25.497.937.296.723**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay và lãi ứng trước	1.552.708.494.743	1.521.852.944.972
Chi phí giao dịch miễn truy đòi bộ chứng từ	212.422.172.040	79.683.367.494
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	179.930.811.584	123.861.349.764
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư	16.746.924.448	(36.296.802.175)
Lỗ từ thanh lý các các khoản đầu tư	14.802.221.483	64.530.540.800
Khác	93.396.822.911	65.061.667.132
TỔNG CỘNG	**2.070.007.447.209**	**1.818.693.067.987**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	385.308.945.979	307.061.855.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.264.931.445	153.748.408.457
Chi phí nhân viên	117.869.712.481	108.917.076.141
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	81.192.459.672	91.596.695.479
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.844.811.965	16.855.013.264
Chi phí khác	81.430.519.824	39.385.703.930
	946.911.381.366	**717.564.753.256**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	345.985.744.448	284.178.417.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.182.554.041	274.772.626.995
Chi phí khấu hao và hao mòn	19.954.219.514	47.639.901.061
Lợi thế thương mại *(TM số 20)*	17.968.052.461	37.391.340.548
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(39.975.823.845)	11.060.270.164
Chi phí khác	102.602.144.712	87.107.982.658
TỔNG CỘNG	**738.716.891.331**	**742.150.538.564**

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu. vật liệu và hàng hóa	23.121.505.137.429	23.973.062.071.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.417.000.885.538	1.235.112.060.781
Chi phí nhân viên	677.329.681.706	944.763.773.981
Chi phí khấu hao và hao mòn	390.886.287.307	534.637.599.999
Chi phí khác	119.853.106.547	232.685.742.233
TỔNG CỘNG	**25.726.575.098.527**	**26.920.261.247.995**

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	**234.520.058.426**	**92.314.053.379**
Lãi thuần từ thanh lý tài sản	103.608.288.275	40.174.756.700
Thu nhập từ tài trợ dự án *(*)*	47.456.180.330	-
Nhận bồi thường	13.720.827.301	149.771.944
Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.064.886.137	9.512.267.998
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	1.533.548.178
Khác	68.669.876.383	40.943.708.559
Chi phí khác	**24.260.976.843**	**151.755.564.205**
Chi phí khấu hao của tài sản ngừng sử dụng	5.103.028.352	14.305.283.004
Lỗ thuần thanh lý tài sản	4.230.238.762	37.369.431.273
Các khoản phạt	2.996.703.283	30.693.104.799
Khác	11.931.006.446	69.387.745.129
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	**210.259.081.583**	**(59.441.510.826)**

(*) Đây là khoản tiền nhận từ Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH («DEG») cho Công ty theo thỏa thuận giữa DEG và Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ngày 10 tháng 11 năm 2021. Dự án nhằm cải thiện thu nhập của người nông dân vùng trồng trọt và cải thiện môi trường đất tại thông qua dự án xây dựng nhà máy phân organic. Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. dự án đã hoàn thành và được nghiệm thu. do đó Công ty đã đáp ứng các điều kiện để được hưởng khoản tài trợ này.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế, tuy nhiên, các công ty con này cũng đang trong giai đoạn được hưởng miễn giảm TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

34.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	83.279.028.950	106.448.046.365
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	1.280.873.691	9.558.659.166
	84.559.902.641	116.006.705.531
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(19.875.672.878)	(425.569.875)
TỔNG CỘNG	**64.684.229.763**	**115.581.135.656**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**911.119.238.618**	**950.068.744.780**
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng	192.975.171.487	262.827.333.383
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	15.082.641.781	8.652.788.261
Thay đổi của lãi chưa thực hiện loại trừ từ giao dịch nội bộ	(1.474.557.476)	16.673.816.885
Phân bổ lợi thế thương mại	3.593.610.492	7.478.268.110
Lãi từ các công ty liên kết	(60.032.979.448)	(5.164.690.978)
Lỗ chuyển sang các năm sau chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	(9.175.334.451)	12.447.796.087
Thuế TNDN được miễn	(75.456.359.407)	(174.626.654.520)
Cổ tức miễn thuế	(34.435.807.566)	(47.342.399.028)
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.280.873.691	9.558.659.166
Ảnh hưởng của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP	41.111.265.724	26.046.783.073
Khác	(8.784.295.064)	(970.564.783)
Chi phí thuế TNDN	**64.684.229.763**	**115.581.135.656**

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	**Năm nay**	*Năm trước*
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.423.094.875	16.155.709.209	(5.732.614.334)	(15.691.392.813)
Chi phí phải trả	11.986.905.798	7.716.577.951	4.270.327.847	2.302.004.638
Giảm giá trị hợp lý của khoản đầu tư	-	2.481.524.975	(2.481.524.975)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.085.278.464	1.027.650.236	57.628.228	(265.037.478)
Chênh lệch tỷ giá	611.617.448	(240.589.079)	852.206.527	(24.818.094)
TỔNG CỘNG	**24.106.896.585**	**27.140.873.292**		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Tăng giá trị hợp lý của tài sản khi hợp nhất kinh doanh	147.453.769.504	158.316.774.945	10.863.002.139	10.061.622.019
Dự phòng các khoản đầu tư	(208.917.290)	11.837.730.156	12.046.647.446	4.043.191.603
Tăng giá trị hợp lý của khoản đầu tư	8.080.288.423	8.080.288.423	-	-
TỔNG CỘNG	**155.325.140.637**	**178.234.793.524**		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại thuần			19.875.672.878	425.569.875

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu. phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 không cần bảo đảm. không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026. Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty (ngày 30 tháng 6 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan, bao gồm các công ty đồng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (gọi chung là "Tập đoàn"), có phát sinh số dư phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và các giao dịch trọng yếu cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty nhận đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Công ty nhận đầu tư (đến ngày 8 tháng 6 năm 2026)
Công ty Cổ phần Đầu tư Betrimex	Công ty nhận đầu tư
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khoai mì Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tapioca Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre ("Betrimex")	Công ty liên kết
Global Mind Investment Management Pte. Ltd	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng Thành Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần điện Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bán hàng hóa	188.796.496.200	152.200.500.000
	Thu nhập lãi	4.775.621.995	11.251.775.853
	Mua dịch vụ	-	16.800.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Mua hàng hóa	139.781.238.688	32.080.397.697
	Bán hàng hóa	1.355.284.535	6.427.836.643
Công ty Cổ phần Bao bì Xanh	Mua nguyên vật liệu	83.239.250.299	53.360.714.946
	Mua hàng hóa	13.842.108.778	33.542.304.872
Công ty Cổ phần Đầu tư Betrimex	Thanh lý bất động sản đầu tư	60.005.999.698	-
	Thu từ thanh lý bất động sản đầu tư	33.003.299.834	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bán thành phẩm	33.076.795.411	-
	Bán hàng hóa	1.220.000.000	46.282.563.092
	Cung cấp dịch vụ	416.666.668	473.981.481

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

VND

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (*)	
		Năm nay	Năm trước
Bà Đặng Huỳnh Ức My	Chủ tịch	4.620.000.000	4.360.000.000
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên	1.800.000.000	1.200.000.000
Ông Trần Tấn Việt	Thành viên	2.160.000.000	1.920.000.000
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập	3.000.000.000	2.000.000.000
Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập	2.940.000.000	2.560.000.000
Ông Đào Duy Thi	Thành viên (đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2024)	-	600.000.000
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên (đến hết ngày 18 tháng 8 năm 2024)	-	150.000.000
Bà Võ Thúy Anh	Thành viên độc lập (đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2024)	-	380.000.000
TỔNG CỘNG		**14.520.000.000**	**13.170.000.000**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

VND

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Ông Thái Văn Chuyện	Tổng Giám đốc	5.186.642.564	4.377.000.769
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc đến hết ngày 28 tháng 7 năm 2024	-	250.770.000
Các thành viên quản lý khác		22.841.264.357	7.123.969.376
TỔNG CỘNG		**28.027.906.921**	**11.751.740.145**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Betrimex	33.003.299.834	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	22.653.500.004	89.633.129.107
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	3.667.663.558	3.494.164.015
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	905.815.310	1.517.087.990
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	-	331.354.822
Các bên liên quan khác	157.761.312	125.705.425
TỔNG CỘNG	**60.388.040.018**	**95.101.441.359**
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua nguyên vật liệu và hàng hóa		
Công ty Cổ phần Bao Bì Xanh	25.000.000.000	25.978.679.276
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	25.175.000.000	25.175.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	14.190.569.000	8.926.047.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	943.757.778	1.346.112.000
TỔNG CỘNG	**66.309.326.778**	**62.425.838.276**

VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Lãi ứng trước tiền hàng	7.098.855.641	27.219.408.996
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	7.052.817.588	7.052.817.588
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Lãi cho vay phải thu	221.917.810	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bán hàng hóa	7.454.000	7.454.000
TỔNG CỘNG		**14.381.045.039**	**34.279.680.584**
Phải trả người bán ngắn hạn về mua nguyên vật liệu. hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần Bao Bì Xanh		13.429.814.450	6.445.732.155
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre		12.576.530.687	6.879.536.065
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh		9.376.719.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		304.264.999	304.421.652
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công		9.747.000	-
Các bên liên quan khác		-	21.029.700
TỔNG CỘNG		**35.697.076.136**	**13.650.719.572**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn về bán hàng hóa			
Công ty Cổ phần Năng Lượng Thành Thành Công		3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		1.375.887.942	3.255.113.267
TỔNG CỘNG		**4.375.887.942**	**6.255.113.267**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Betrimex	Thu hộ	623.238.000	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng Thành Thành Công	Lãi vay phải trả	340.000.000	1.716.708.227
TỔNG CỘNG		**963.238.000**	**1.716.708.227**
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Năng Lượng TTC	Đi vay	-	400.000.000

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, nhà kho, và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	261.234.925.276	225.591.656.867
Từ 1 - 5 năm	230.427.013.637	85.327.976.185
Trên 5 năm	433.374.960.821	494.904.287.276
TỔNG CỘNG	**925.036.899.734**	**805.823.920.328**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	25.907.676.576.869	825.172.193.526	-	26.732.848.770.395
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	9.251.093.856.914	378.813.553.417	(9.629.907.410.331)	-
Tổng doanh thu thuần	**35.158.770.433.783**	**1.203.985.746.943**	**(9.629.907.410.331)**	**26.732.848.770.395**
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Kết quả của bộ phận				2.673.933.892.104
Chi phí không phân bổ	(1.615.850.517.530)	(97.294.677.308)	27.516.922.141	(1.685.628.272.697)
Doanh thu hoạt động tài chính	2.241.366.100.066	134.303.951.145	(893.272.963.612)	1.482.397.087.599
Chi phí tài chính	(2.467.123.735.773)	(67.946.342.031)	465.062.630.595	(2.070.007.447.209)
Phần lãi trong công ty liên kết				300.164.897.238
Lỗ khác				210.259.081.583
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				911.119.238.618
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(84.559.902.641)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				19.875.672.878
Lợi nhuận sau thuế TNDN				**846.435.008.855**

VND

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026				
Tài sản của bộ phận				
Tiền và các khoản tương *đương* tiền	1.867.124.554.488	136.015.046.749	-	2.003.139.601.237
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.066.186.869.114	-	-	7.066.186.869.114
Các khoản phải thu ngắn hạn	19.572.335.283.691	599.676.530.141	(9.968.910.209.811)	10.203.101.604.021
Hàng tồn kho	3.943.753.357.814	390.779.516.772	(155.172.533.180)	4.179.360.341.406
Tài sản ngắn hạn khác	217.042.807.723	17.167.790.574	-	234.210.598.297
Các khoản phải thu dài hạn	4.102.060.233.114	829.710.066.908	(2.793.383.732.423)	2.138.386.567.599
Tài sản cố *định*	2.495.396.270.299	997.991.150.094	-	3.493.387.420.393
Bất *động* sản đầu tư	313.937.157.797	-	-	313.937.157.797
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	872.210.620.037	8.524.701.048	-	880.735.321.085
Đầu tư tài chính dài hạn	6.044.991.985.602	-	-	6.044.991.985.602
Tài sản dài hạn khác				1.241.156.570.011
Tổng tài sản				**37.798.594.036.562**
Nợ phải trả của bộ phận				
Phải trả người bán ngắn hạn	5.555.237.731.035	541.024.128.431	(4.931.843.167.681)	1.164.418.691.785
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.600.980.799.452	324.200.613.132	-	11.925.181.412.584
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	4.937.569.238.066	-	-	4.937.569.238.066
Nợ phải trả không phân bổ				7.311.002.783.700
Tổng nợ phải trả				**25.338.172.126.135**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

VND

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	24.425.360.301.278	4.056.806.110.163	-	28.482.166.411.441
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	9.344.918.777.460	3.042.154.646.927	(12.387.073.424.387)	-
Tổng doanh thu thuần	**33.770.279.078.738**	**7.098.960.757.090**	**(12.387.073.424.387)**	**28.482.166.411.441**
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Kết quả của bộ phận				2.984.244.347.595
Chi phí không phân bổ	(1.331.551.344.114)	(215.935.551.513)	87.771.603.807	(1.459.715.291.820)
Doanh thu hoạt động tài chính	2.091.171.409.139	751.773.973.941	(1.572.994.357.277)	1.269.951.025.803
Chi phí tài chính	(2.311.706.694.387)	(87.184.611.038)	580.198.237.438	(1.818.693.067.987)
Phần lãi trong công ty liên kết				33.738.474.892
Lỗ khác				(59.441.510.826)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				950.068.744.780
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(116.006.705.531)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				425.569.875
Lợi nhuận sau thuế TNDN				**834.487.609.124**

Thông tin về doanh thu. lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

VND

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Tài sản của bộ phận				
Tiền và các khoản tương *đương* tiền	3.469.437.700.834	85.878.778.513	-	3.555.316.479.347
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.547.886.320.303	-	-	3.547.886.320.303
Các khoản phải thu ngắn hạn	16.853.105.443.748	890.322.297.387	(8.546.697.182.281)	9.196.730.558.854
Hàng tồn kho	3.407.569.363.339	310.483.401.861	(134.850.822.135)	3.583.201.943.065
Tài sản ngắn hạn khác	157.631.404.956	13.541.272.467	-	171.172.677.423
Các khoản phải thu dài hạn	4.220.278.397.810	584.433.965.813	(3.086.284.218.141)	1.718.428.145.482
Tài sản cố *định*	2.643.334.840.426	1.076.503.900.338	-	3.719.838.740.764
Bất *động* sản đầu tư	332.059.308.491	-	-	332.059.308.491
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	449.967.435.833	18.568.831.929	-	468.536.267.762
Đầu tư tài chính dài hạn	5.110.824.023.463	-	-	5.110.824.023.463
Tài sản dài hạn khác				1.275.102.696.235
Tổng tài sản				**32.679.097.161.189**
Nợ phải trả của bộ phận				
Phải trả người bán ngắn hạn	3.781.276.634.193	602.452.117.792	(3.008.161.547.683)	1.375.567.204.302
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.558.460.813.097	316.735.342.000	-	10.875.196.155.097
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.037.814.229.487	-	-	6.037.814.229.487
Nợ phải trả không phân bổ				3.539.730.011.506
Tổng nợ phải trả				**21.828.307.600.392**

38. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hàng hóa nhận giữ hộ		
– *Thành phẩm đường (tấn)*	*13.780*	*8.243*
– *Mật rỉ (tấn)*	*6.751*	*6*
– *Đường hàng hóa (tấn)*	*-*	*106*
Ngoại tệ các loại		
– *LAK*	*191.898.545*	*172.862.877*
– *USD*	*4.580.143*	*4.377.193*
– *EUR*	*226*	*241*

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Đoàn Thị Kiều
Người lập

Đặng Thị Diễm Trinh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01-DN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**16.857.144.703.572**	**14.258.223.051.150**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***1.250.995.106.293***	***2.280.656.640.296***
111	1. Tiền		580.077.347.913	370.968.332.332
112	2. Các khoản tương đương tiền		670.917.758.380	1.909.688.307.964
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***4.674.563.213.436***	***2.267.275.452.286***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	616.970.294.369	487.232.869.165
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(15.095.111.322)	(15.236.361.322)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	4.072.688.030.389	1.795.278.944.443
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***9.270.917.168.668***	***8.518.694.235.595***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	3.010.061.215.193	2.227.670.878.738
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	4.389.876.455.664	4.717.679.261.067
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	11	482.590.000.000	301.510.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.435.513.455.747	1.340.092.347.265
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9	(47.123.957.936)	(68.258.251.475)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***1.617.418.782.336***	***1.165.499.324.149***
141	1. Hàng tồn kho		1.628.271.566.978	1.175.775.826.513
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.852.784.642)	(10.276.502.364)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***43.250.432.839***	***26.097.398.824***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	18	27.270.565.933	13.711.688.661
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	6.951.917.266	2.751.623.594
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	9.027.949.640	9.634.086.569
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**20.681.639.391.246**	**20.639.923.040.656**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***2.625.607.755.865***	***2.616.550.446.658***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7, 33	167.329.781.248	172.655.324.321
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	8	1.001.894.058.878	1.014.097.769.858
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	11	-	13.000.000.000
216	4. Phải thu dài hạn khác	9	1.456.383.915.739	1.416.797.352.479
220	***II. Tài sản cố định***		***577.741.391.316***	***498.134.891.671***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	447.199.390.789	361.766.107.988
222	Nguyên giá		2.446.477.525.856	2.314.440.035.235
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.999.278.135.067)	(1.952.673.927.247)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	14.937.124.761	14.322.004.423
225	Nguyên giá		15.473.944.396	20.025.323.577
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(536.819.635)	(5.703.319.154)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	115.604.875.766	122.046.779.260
228	Nguyên giá		236.011.508.239	227.204.665.624
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(120.406.632.473)	(105.157.886.364)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***15***	***120.752.777.713***	***124.971.246.781***
231	1. Nguyên giá		167.991.741.266	167.991.741.266
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(47.238.963.553)	(43.020.494.485)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***	***16***	***262.549.526.950***	***200.277.409.835***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		262.549.526.950	200.277.409.835
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***17***	***16.857.609.345.250***	***16.964.719.193.716***
251	1. Đầu tư vào công ty con	17.1	15.391.504.328.750	15.551.504.328.750
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	1.436.839.432.944	1.504.874.910.444
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17	(734.416.444)	(131.660.045.478)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17	30.000.000.000	40.000.000.000
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***237.378.594.152***	***235.269.851.995***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	229.977.475.688	227.926.361.759
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	7.401.118.464	7.343.490.236
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**37.538.784.094.818**	**34.898.146.091.806**
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**20.637.148.255.439**	**18.732.352.055.071**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***14.683.152.038.662***	***12.212.096.874.388***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	1.427.385.391.362	1.470.298.031.096
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	1.139.213.851.092	565.524.689.643
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	3.481.246.135	26.692.392.211
314	4. Phải trả người lao động		9.214.241.151	6.079.866.632
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	221.248.063.813	209.161.456.265
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		58.018.024	77.814.082
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	2.400.261.358.175	1.418.404.182.683
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	9.430.972.581.841	8.515.499.482.802
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.17	51.317.287.069	358.958.974
330	***II. Nợ dài hạn***		***5.953.996.216.777***	***6.520.255.180.683***
337	1. Phải trả dài hạn khác	3.17	4.262.924.760	6.193.342.030
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	4.956.843.529.767	6.509.824.876.403

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01-DN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	24	988.652.800.000	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		4.236.962.250	4.236.962.250
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**25**	**16.901.635.839.379**	**16.165.794.036.735**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***16.901.635.839.379***	***16.165.794.036.735***
411	1. Vốn cổ phần		9.280.263.750.000	8.361.563.710.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		9.064.150.420.000	*8.145.450.380.000*
411b	- *Cổ phiếu ưu đãi*		216.113.330.000	*216.113.330.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.770.104.566.476	6.770.104.566.476
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		46.130.752.499	46.130.752.499
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		805.136.770.404	987.995.007.760
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		403.556.345.121	*248.685.016.346*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		401.580.425.283	*739.309.991.414*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**37.538.784.094.818**	**34.898.146.091.806**

Nguyễn Thành Nam
Người lập

Đặng Thị Diễm Trinh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02-DN

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	Năm nay	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26.1**	**15.805.683.855.443**	**17.675.806.744.350**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**26.1**	**(5.759.322.458)**	**(4.074.219.325)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26.1**	**15.799.924.532.985**	**17.671.732.525.025**
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**27, 31**	**(14.650.091.631.104)**	**(16.326.635.254.738)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.149.832.901.881**	**1.345.097.270.287**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	**26.2**	**1.604.026.623.425**	**1.587.418.636.304**
22	7. Chi phí tài chính	**28**	**(1.698.219.934.714)**	**(1.483.617.794.295)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(1.371.521.660.258)*	*(1.325.226.008.053)*
25	8. Chi phí bán hàng	**29, 31**	**(271.630.806.605)**	**(235.639.241.011)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**29, 31**	**(379.582.511.864)**	**(372.781.567.295)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**404.426.272.123**	**840.477.303.990**
31	**11. Thu nhập khác**	**30**	**61.080.470.181**	**27.135.612.641**
32	**12. Chi phí khác**	**30**	**(2.071.444.485)**	**(37.058.214.371)**
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	**30**	**59.009.025.696**	**(9.922.601.730)**
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		**463.435.297.819**	**830.554.702.260**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**32.1**	**(3.508.612.544)**	**(13.154.055.273)**
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	**32.3**	**57.628.228**	**(289.855.572)**
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		**459.984.313.503**	**817.110.791.415**

Nguyễn Thành Nam
Người lập

Đặng Thị Diễm Trinh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		**463.435.297.819**	**830.554.702.260**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình	12, 13, 14, 15	77.324.471.008	76.294.917.030
03	Hoàn nhập dự phòng		(151.567.262.067)	(53.612.154.360)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.281.677.370	14.504.620.439
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.516.562.101.996)	(1.430.904.913.910)
06	Chi phí lãi vay	28	1.371.521.660.258	1.325.226.008.053
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		**290.433.742.392**	**762.063.179.512**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.974.300.005.623)	24.027.959.724
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(452.495.740.465)	416.929.708.879
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.283.078.435.787	(2.609.248.042.971)
12	Tăng chi phí trả trước		(957.731.168.461)	(27.299.860.466)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(129.737.425.204)	34.051.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.547.375.828.526)	(1.203.514.218.967)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(5.549.577.801)	(29.124.127.895)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.455.804.544)	(93.081.765.526)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		**(2.514.133.372.445)**	**(2.725.196.167.710)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(221.049.154.735)	(127.543.343.250)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		19.190.797.879	11.874.853.784
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng		(5.342.609.540.617)	(5.773.863.383.862)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		4.182.790.836.209	5.612.090.903.520
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.516.773.566.500)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		631.457.719.000	752.831.450.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.574.450.781.887	1.111.388.175.337
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		**844.231.439.623**	**(929.994.910.971)**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	25	405.675.510.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	24	24.988.329.412.555	29.887.914.808.124
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(24.655.361.191.815)	(26.748.817.119.809)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	24	(5.089.479.707)	(4.248.824.702)
36	Cổ tức đã trả	25.2	(93.139.468.459)	(73.917.455.695)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**640.414.782.574**	**3.060.931.407.918**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(1.029.487.150.248)**	**(594.259.670.763)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**2.280.656.640.296**	**2.874.916.311.059**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(174.383.755)	-
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**1.250.995.106.293**	**2.280.656.640.296**

Nguyễn Thành Nam
Người lập

Đặng Thị Diễm Trinh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

THÔNG TIN LIÊN HỆ

TRỤ SỞ CHÍNH

Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh

(0276) 375 32 50
info@ttcagris.com.vn

VĂN PHÒNG THƯƠNG MẠI

63 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ,
TP. Hồ Chí Minh

(028) 39 99 88 11
info@ttcagris.com.vn

**ĐƯỜNG DÂY NÓNG
VỀ QUY CHẾ ỨNG XỬ**

63 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ,
TP. Hồ Chí Minh

Thanh tra tuân thủ

19001750
info.rm@ttcagris.com.vn

**THÔNG TIN HỖ TRỢ
CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG
YẾU CỦA BÁO CÁO**

Phòng Quan hệ Nhà Đầu tư

63 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh

Bà Vũ Thị Lệ Giang - Giám đốc Quan hệ Nhà đầu tư

(028) 39 99 88 11
giangvtl@ttcagris.com.vn

AgriS

AgriS (HOSE: SBT)

Trụ sở chính

| Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
| (0276) 37 53 250

Văn phòng thương mại

| 63 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
| (028) 39 99 88 11
| info@ttcagris.com.vn
| https://www.facebook.com/ttcagris

| https://ttcagris.com.vn

Quét để xem
phiên bản trực tuyến